

Kinh Tiểu Phẩm Bát-Nhã Ba-La-Mật

Đại Chánh (Taisho) vol. 8, no. 227

Hán dịch: Cư Ma La Thập
Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiền
Việt dịch: Chùa Châu Lâm (2007)



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiến Huyền

Phiên Âm và Lược Dịch Sun Apr 30 19:22:53 2006

Bản dịch tiếng Việt của Chùa Châu Lâm (2007)

=====

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 227 小品般若波羅蜜經

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 227 Tiểu Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 227 Kinh Tiểu Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật

小品經序

Tiểu Phẩm Kinh Tự

Tựa Kinh Tiểu Phẩm

釋僧叡

Thích Tăng Duệ

Thích Tăng Duệ

般若波羅蜜經者。窮理盡性之格言。

Bát-nhã Ba-la-mật Kinh giả 。 cùng lý tận tính chi cách ngôn 。

Kinh Bát-nhã Ba-la-mật là những lời dạy cùng tột về lý tính,

菩薩成佛之弘軌也。

Bồ-tát thành Phật chi hoàng quỹ dã 。

là con đường rộng lớn để Bồ-tát thành Phật.

軌不弘則不足以寮群異指其歸。性不盡則物何以登道場成正覺。

quỹ bất hoàng tắc bất túc dĩ liêu quần dị chỉ kỳ quy 。

tính bất tận tắc vật hà dĩ
đăng đạo trường thành chính giác 。

Đường không rộng lớn thì không dung nạp đủ quần sinh dị biệt, không chỉ được lối về.
Tánh không cùng tận thì làm sao có thể bước lên đạo tràng để thành Chính giác.

正覺之所以成。群異之所以一。何莫由斯道也。

chính giác chi sở dĩ thành 。 quần dị chi sở dĩ nhất 。 hà mạc do tư đạo dã 。
Chính giác sở dĩ thành tựu, chúng sinh dị biệt sở dĩ quy nhất; tất cả đều từ con đường này.

是以異教慤勩。三撫以之頻發。功德疊校。

thị dĩ dị giáo ân cần 。 tam phủ dĩ chi tần phát 。 công đức điệp giáo 。
Vì thế mới để tâm đến những lời dạy khác nhau, nhiều lần vỗ về để sớm phát khởi. Công đức chồng chất,

九增以之屢至。如問相標玄而玄其玄。

cửu tăng dĩ chi lũ chí 。 như vấn tướng phiếu huyền nhi huyền kỳ huyền 。
gia tăng nhiều lần thì sẽ sớm đạt thành. Còn như tìm hiểu cái tướng, nêu ra lẽ huyền thì huyền vẫn là huyền.

幻品忘寄而忘其忘。道行坦其津。難問窮其源。

huyễn phẩm vong kí nhi vong kỳ vong 。 đạo hành坦 kỳ tân 。 nan vấn cùng kỳ nguyên 。

Vật huyền mà quên gửi đi thì quên vẫn là quên. Hành đạo là nhắm đến bến bờ, còn nguồn gốc thì khó mà hỏi hết.

隨喜忘趣以要終。照明不化以即玄。章雖三十。

tùy hỷ vong thú dĩ yếu chung 。 chiếu minh bất hóa dĩ tức huyền 。 chương tuy tam thập 。

Tùy hỷ vứt bỏ các ngõ ngách mà hãy nhắm đến cuối đường. Chiếu sáng mà không đổi chính là ý nghĩa của huyền. Dù có đến ba mươi chương,

貫之者道。言雖十萬。倍之者行。行凝然後無生。

quán chi giả đạo 。 ngôn tuy thập vạn 。 bội chi giả hành 。 hành ngưng nhiên hậu vô sinh 。

nhưng đường đi vẫn nhất quán. Dù có cả trăm ngàn lời, nhưng hành trì vẫn là chính. Hành trì chắc chắn thì về sau sẽ được Vô sinh;

道足然後補處及此而變一切智也。

đạo túc nhiên hậu bổ xử cập thử nhi biến nhất thiết trí dã 。

đạo đã đầy đủ thì về sau sẽ được Bồ xứ; đến được đây tức đạt thành Nhất thiết trí.

法華鏡本以凝照。般若冥末以解懸解懸理趣。菩薩道也。

Pháp hoa kính bản dĩ ngưng chiếu 。 Bát-nhã minh mạt dĩ giải huyền giải huyền lý thú 。

Cái gốc của kính Pháp hoa là lặng chiếu, cái ngọn thăm thăm của Bát-nhã là giải bày.

Giải bày lý thú chính là con đường của Bồ-tát.

凝照鏡本告其終也。終而不泯則歸途扶疎。

ngưng chiếu kính bản cáo kỳ chung dã 。

Cái gốc lặng chiếu của kính là chỉ cho cái rốt ráo. Rốt ráo nhưng không mất tức đường về có cái để nương tựa.

有三實之跡。權應不夷。則亂緒紛綸。

hữu tam thật chi tích 。

Có dấu vết của ba cái thực mà phương tiện không đầy đủ thì sẽ rối loạn trăm điều.

有感趣之異。是以法華般若。相待以期終。

hữu hoặc thú chi dị 。

Có khác biệt giữa những sự mê mờ nên mới có Pháp hoa, Bát-Nhã song hành cho đến khi rốt ráo.

方便實化。冥一以俟盡。論其窮理盡性夷明萬行。

phương tiện thật hóa 。 minh nhất dĩ sĩ tận 。 luận kỳ cùng lý tận tính di minh vạn hành 。

Dùng phương tiện mà thực sự chuyển hóa thì thiên sai vạn biệt có ngày cũng được quy về một mối. Luận đến chỗ tột cùng lý tính mới sáng tỏ vô số hành;

則實不如照。取其大明真化解本無三。

tắc thật bất như chiếu 。 thủ kỳ Đại minh chân hóa giải bốn vô tam 。

tức thực không bằng chiếu. Nắm bắt được cái sáng sửa để hóa giải đúng đắn thì gốc vốn không phải là ba;

則照不如實。是故歎深則般若之功重。

tắc chiếu bất như thật 。 thị cố thán thâm tắc Bát-nhã chi công trọng 。

tức chiếu không bằng thực. Vì thế nếu nói đến cái sâu thẳm thì đó chính là công lớn của Bát-nhã,

美實則法華之用微。此經之尊。三撫三囑。未足惑也。

mỹ thật tắc Pháp hoa chi dụng vi 。 thử Kinh chi tôn 。 tam phủ tam chúc 。 vị tức hoặc dã 。

tán dương cái chân thực thì đó phải là cái dụng vi diệu của Pháp hoa. Chỗ tối cao của kinh này, bao lần vỗ về, bao lần dặn bảo, mà vẫn chưa hết chỗ ngờ.

有秦太子者。寓跡儲宮。擬韻區外。翫味斯經。

hữu tần Thái-tử giả 。 ngụ tích 儲 cung 。 nghĩ vận khu ngoại 。 ngoạn vị tư Kinh 。

Có Thái tử nhà Tần, thân tàng cung cấm, chí tại viễn phương, thưởng ngoạn kinh này,

夢想增至。准悟大品。深知譯者之失。

mộng tưởng tăng chí 。 chuẩn ngộ Đại phẩm 。 thâm tri dịch giả chi thất 。

mong ước lớn mạnh, thâm ngộ Đại Phẩm, biết rõ lỗi lầm của dịch giả,

會聞究摩羅法師。神授其文。真本猶存。

Hội văn Cưu-ma-la pháp sư. Thần thọ kỳ văn. Chân bản do tồn.

nghe được Pháp sư Cưu-ma-la, truyền thọ kinh văn, chân bản vẫn còn.

以弘始十年二月六日。請令出之。至四月三十日。

dĩ hoàng thủy thập niên nhị nguyệt lục nhật 。 thỉnh lệnh xuất chi 。 chí tứ nguyệt tam thập nhật 。

Ngày mồng 6 tháng 2 năm Hoàng thủy thứ mười, xin thỉnh kinh văn; đến ngày 30 tháng 4

校正都訖。考之舊譯。真若荒田之稼芸。

giáo chính đô cật 。 khảo chi cựu dịch 。 chân nhược hoang điền chi giá vân 。 thì hiệu chính xong. Khảo cứu bản dịch cũ thì thật giống như đám mạ trên mảnh ruộng hoang,

過其半未詎多也。斯經正文。凡有四種。

quá kỳ bán vị cự đa dã 。 tư Kinh chính văn 。 phạm hữu tứ chủng 。 hơn phần nửa chưa là nhiều lắm. Chính văn của kinh này, có đến bốn loại.

是佛異時適化廣略之說也。其多者云。有十萬偈。少者六百偈。

thị Phật dị thời thích hóa quảng lược chi thuyết dã 。 kỳ đa giả vân 。 hữu thập vạn kệ 。 thiểu giả lục bách kệ 。

Là vì đức Phật, tùy thời cơ mà chuyển hóa, nên thuyết giáo có rộng hẹp khác nhau. Nếu nhiều thì có đến một trăm ngàn bài kệ; nếu ít thì có sáu trăm bài.

此之大品。乃是天竺之中品也。隨宜之言。

thử chi Đại phẩm 。 nãi thị Thiên trúc chi trung phẩm dã 。 tùy nghi chi ngôn 。 Đại phẩm này chính là Trung phẩm của bản Ấn độ. Ngôn ngữ tùy nghi;

復何必計其多少。議其煩簡耶。

phục hà tất kế kỳ đa thiểu 。 nghị kỳ phiền giản da 。 lại cần gì phải kể đến nhiều, ít hay phải bàn đến phức tạp, giản đơn.

梵文雅質案本譯之。於麗巧不足。樸正有餘矣。

phạm văn nhã chất án bốn dịch chi 。 ư lệ xảo bất túc 。 phác chính hữu dư hĩ 。
Tính chất tao nhã của Phạm văn, nếu theo nguyên bốn mà phiên dịch, thì vẫn chưa
chuyển tải hết chỗ tinh diệu, vẫn còn nhiều điểm khái lược chính văn.

幸冀文悟之賢。略其華而幾其實也。

hạnh kí văn ngộ chi hiền 。 lược kỳ hoa nhi kì thật dã 。

Nay mong các bậc hiền giả nương vào văn mà liễu ngộ, bỏ qua cái văn vẻ mà nắm cái
chất thực vậy.

摩訶般若波羅蜜經

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật Kinh

Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật

卷第一

quyển đệ nhất

Quyển I

(丹本摩訶上有小品二字)

(đơn bốn Ma-Ha thượng hữu tiểu phẩm nhị tự)

(Trong đơn bản Ma-ha có hai từ ‘Tiểu Phẩm’)

後秦龜茲國三藏鳩摩羅什譯

Hậu Tần Quy Tư quốc Tam tạng Cưu Ma La Thập dịch

Đời Hậu Tần, Tam tạng Cưu-ma-la-thập nước Quy Tư dịch

初品第一

sơ phẩm đệ nhất

Phẩm 1: Phần đầu

如是我聞。一時佛在王舍城耆闍崛山中。

như thị ngã văn 。 nhất thời Phật tại Vương xá thành Kì Xà Quật sơn trung 。

Tôi nghe như vậy, một thuở nọ đức Phật ở thành Vương xá trong núi Kỳ-xà-quật,

與大比丘僧千二百五十人俱皆是阿羅漢。

dữ Đại bĩ khâu tăng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu giai thị A-la-hán 。

cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỷ-khưu tăng, đều là những bậc A-la-hán,

諸漏已盡如調象王。所作已辦捨於重擔。

chư lậu dĩ tận như điều Tượng Vương 。

sở tác dĩ bần xả ư trọng đấm 。

các lậu đã hết, giống như người điều khiển voi chúa; những việc đáng làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng,

逮得己利盡諸有結。正智解脫心得自在。

đãi đắc kỷ lợi tận chư hữu kết 。

chính trí giải thoát tâm đắc tự-tại 。

đã được lợi ích, hết các trói buộc, chính trí, giải thoát, tâm được tự tại;

唯除阿難。爾時佛告須菩提。汝樂說者。

duy trừ A Nan 。

nhĩ thời Phật cáo Tu-bồ-đề 。

nhữ lạc thuyết giả 。

chỉ trừ An-nan. Lúc ấy, Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông hãy vui nói.

為諸菩薩說所應成就般若波羅蜜。舍利弗。即作是念。

vi chư Bồ-tát thuyết sở ứng thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật 。

Xá-lợi-phất 。

tức tác thị niệm 。

Vì hàng Bồ-tát, nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa đáng được thành tựu. Xá-lợi-phất nghĩ thế này:

須菩提。自以力說。為承佛神力。

Tu-bồ-đề 。

tự dĩ lực thuyết 。

vi thừa Phật Thần lực 。

Tu-bồ-đề dùng sức mình nói, hay nhờ thần lực Phật?

須菩提知舍利弗心所念。語舍利弗言。

Tu-bồ-đề tri Xá-lợi-phất tâm sở niệm 。

ngữ Xá-lợi-phất ngôn 。

Tu-bồ-đề biết tâm niệm Xá-lợi-phất, nói với Xá-lợi-phất:

佛諸弟子敢有所說皆是佛力。所以者何。佛所說法於中學者。

Phật chư đệ-tử cảm hữu sở thuyết giai thị Phật lực 。 sở dĩ giả hà 。 Phật sở thuyết Pháp ư trung học giả 。

Các đệ tử Phật đồng mãnh nói pháp đều nhờ lực Phật. Vì sao? Người học Pháp được Phật thuyết

能證諸法相。證已有所言說。

năng chứng chư Pháp tướng 。 chứng dĩ hữu sở ngôn thuyết 。

có thể chứng các pháp tướng; sau khi chứng, những điều nói ra

皆與法相不相違背。以法相力故。爾時須菩提白佛言。世尊。

giai dĩ Pháp tướng bất tướng vi bối 。 dĩ Pháp tướng lực cố 。 nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

đều không trái với pháp tướng vì nhờ lực của pháp tướng. Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

佛使我為諸菩薩說所應成就般若波羅蜜。

Phật sử ngã vi chư Bồ-tát thuyết sở ứng thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật 。

Ngài bảo con, vì các Bồ-tát, nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa đáng được thành tựu.

世尊。所言菩薩。菩薩者何等法義。

Thế tôn 。

sở ngôn Bồ-tát 。

Bồ-tát giả hà đẳng Pháp nghĩa 。

Thế tôn, Bồ-tát được nói đó, thế nào là pháp, nghĩa Bồ-tát?

是菩薩我不見有法名為菩薩。世尊。

thị Bồ-tát ngã bất kiến hữu Pháp danh vi Bồ-tát 。

Thế tôn 。

Bồ-tát đó, con không thấy có pháp gọi là Bồ-tát. Thế tôn,

我不見菩薩不得菩薩。亦不見不得般若波羅蜜。

ngã bất kiến Bồ-tát bất đắc Bồ-tát 。

diệc bất kiến bất đắc Bát-nhã Ba-la-mật 。

con không thấy Bồ-tát, không đắc được Bồ-tát, cũng không thấy, không đắc Bát-nhã Ba-la-mật-đa,

當教何等菩薩般若波羅蜜。若菩薩聞作是說。

đương giáo hà đẳng Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật 。 nhược Bồ-tát văn tác thị thuyết 。
thì sẽ dạy Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật như thế nào? Nếu Bồ-tát nghe nói như thế,

不驚不怖不沒不退。如所說行。是名教菩薩般若波羅蜜。

bất kinh bất phố bất một bất thoái 。 như sở thuyết hành 。 thị danh giáo Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật 。

không kinh, không sợ, không mất, không lui, hành như được nói, thì gọi là dạy Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật.

復次世尊。菩薩行般若波羅蜜時。

phục thứ Thế tôn 。 Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật thời 。

Lại nữa, Thế tôn. Lúc Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật,

應如是學不念是菩薩心。所以者何。是心非心。

ứng như thị học bất niệm thị Bồ-tát tâm 。 sở dĩ giả hà 。 thị tâm phi tâm 。
nên học như thế, không nghĩ đây là tâm Bồ-tát. Vì sao? Tâm này không phải tâm,

心相本淨故。爾時舍利弗語須菩提。有此非心心不。

tâm tướng bản tịnh cố 。 nhĩ thời Xá-lợi-phất ngữ Tu-bồ-đề 。 hữu thử phi tâm tâm bất 。

vì tướng của tâm vốn thanh tịnh. Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Có cái tâm không phải tâm này không?

須菩提語舍利弗。非心心可得若有若無不。

Tu-bồ-đề ngữ Xá-lợi-phất 。 phi tâm tâm khả đắc nhược hữu nhược vô bất 。

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Cái tâm không phải tâm có thể nói có hay nói không không?

舍利弗言不也。須菩提語舍利弗。

Xá-lợi-phất ngôn bất dã 。 Tu-bồ-đề ngữ Xá-lợi-phất 。

Xá-lợi-phất đáp: Không. Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

若非心心不可得有無者。應作是言。有心無心耶。

nhược phi tâm tâm bất khả đắc hữu vô giả 。 ứng tác thị ngôn 。 hữu tâm vô tâm da
。

Nếu cái tâm không phải tâm không thể có hoặc không, thì có nên nói rằng có tâm không có tâm không?

舍利弗言。何法為非心。須菩提言。不壞不分別。

Xá-lợi-phất ngôn 。 hà Pháp vi phi tâm 。 Tu-bồ-đề ngôn 。 bất hoại bất phân biệt 。

Xá-lợi-phất nói: Không phải tâm là pháp gì? Tu-bồ-đề nói: Không biến hoại, không phân biệt.

菩薩聞作是說。不驚不怖不沒不退。

Bồ-tát văn tác thị thuyết 。 bất kinh bất phố bất một bất thoái 。

Bồ-tát nghe nói như vậy mà không kinh, không sợ, không mất, không lui,

當知是菩薩不離般若波羅蜜行。

đương tri thị Bồ-tát bất ly Bát-nhã Ba-la-mật hành 。

nên biết Bồ-tát này không rời hạnh Bát-nhã Ba-la-mật.

若善男子善女人欲學聲聞地。

nhược Thiện nam tử Thiện nữ nhân dục học thanh văn địa 。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân muốn học địa Thanh văn,

當聞是般若波羅蜜受持讀誦如說修行。欲學辟支佛地。

đương văn thị Bát-nhã Ba-la-mật thọ trì độc tụng như thuyết tu hành 。 dục học tích chi Phật địa 。

nên nghe Bát-nhã Ba-la-mật này, thọ trì, đọc tụng, tu hành như được nói. Muốn học địa Phật Bích Chi,

當聞是般若波羅蜜受持讀誦如說修行。欲學菩薩地。

đương văn thị Bát-nhã Ba-la-mật thọ trì đọc tụng như thuyết tu hành 。 dục học Bồ-tát địa 。

nên nghe Bát-nhã Ba-la-mật này, thọ trì, đọc tụng, tu hành như được nói. Muốn học địa Bồ-tát,

亦當聞是般若波羅蜜受持讀誦如說修行。

diệc đương văn thị Bát-nhã Ba-la-mật thọ trì đọc tụng như thuyết tu hành 。

cũng nên nghe Bát-nhã Ba-la-mật này, thọ trì, đọc tụng, tu hành như được nói.

所以者何。般若波羅蜜中廣說菩薩所應學法。

sở dĩ giả hà 。

Bát-nhã Ba-la-mật trung quảng thuyết Bồ-tát sở ứng học Pháp 。

須菩提白佛言。世尊。我不得不見菩薩。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

當教何等菩薩般若波羅蜜。世尊。我不見菩薩法來去。

đương giáo hà đẳng Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật 。

thì nên dạy Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật gì? Thế tôn, con không thấy sự đến và đi của pháp Bồ-tát

而與菩薩作字言。是菩薩我則疑悔。世尊。

nhi dĩ Bồ-tát tác tự ngôn 。

mà nói đến chữ Bồ-tát thì con sẽ nghi hối Bồ-tát này. Thế tôn,

又菩薩字無決定無住處。所以者何。

hữu Bồ-tát tự vô quyết định vô trụ xử 。 sở dĩ giả hà 。

hơn nữa, chữ Bồ-tát không có tính quyết định, không có chỗ trụ. Vì sao?

是字無所有故。無所有亦無定無處。若菩薩聞是事。

thị tự vô sở hữu cố 。 vô sở hữu diệt vô định vô xử 。 nhược Bồ-tát văn thị sự 。

Vì chữ Bồ-tát này không có. Không có, cũng không xác định, không có chỗ. Nếu Bồ-tát nghe điều này,

不驚不怖不沒不退。

bất kinh bất phố bất một bất thoái 。

không kinh, không sợ, không mất, không lui,

當知是菩薩畢竟住不退轉地。住無所住。復次世尊。

đương tri thị Bồ-tát tất cánh trụ bất thoái chuyển địa 。

nên biết Bồ-tát này rốt ráo trụ nơi không thoái chuyển, trụ nơi không trụ. Lại nữa, Thế tôn.

菩薩行般若波羅蜜時。不應色中住。不應受想行識中住。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật thời 。

Khi Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ ở sắc, không nên trụ ở thọ, tưởng, hành, thức.

何以故。若住色中為作色行。若住受想行識中。

hà dĩ cố 。

Vì sao? Nếu trụ ở sắc tức hành sắc; nếu trụ ở thọ, tưởng, hành, thức

為作識行。若行作法。則不能受般若波羅蜜。

vi tác thức hành 。

tức hành thức. Nếu hành, tạo tác các pháp tức không thể nhận Bát-nhã Ba-la-mật,

不能習般若波羅蜜。不具足般若波羅蜜。

bất năng tập Bát-nhã Ba-la-mật 。 bất cụ túc Bát-nhã Ba-la-mật 。

không thể tu Bát-nhã Ba-la-mật. Không có đủ Bát-nhã Ba-la-mật,

則不能成就薩婆若。何以故。色無受想。

tắc bất năng thành tựu tát bà nhược 。 hà dĩ cố 。 sắc thị cố tướng 。

tức không thể thành tựu Nhất thiết trí. Vì sao? Vì sắc không có thọ, tưởng;

受想行識無受想。若色無受則非色。

thọ tưởng hành thức thị cố tướng 。 nhược sắc thị cố tắc phi sắc 。

thọ, tưởng, hành, thức không có thọ, tưởng. Nếu sắc không có thọ tức không phải sắc;

受想行識無受則非識。般若波羅蜜亦無受。

thọ tưởng hành thức thị cố tắc phi thức 。 Bát-nhã Ba-la-mật diệc thị cố 。

thọ, tưởng, hành, thức không có thọ tức không phải thức. Bát-nhã Ba-la-mật cũng không có thọ.

菩薩應如是學行般若波羅蜜。

Bồ-tát ứng như thị học hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bồ-tát nên học và hành Bát-nhã Ba-la-mật như vậy.

是名菩薩諸法無受三昧廣大無量無定。一切聲聞辟支佛所不能壞。

thị danh Bồ-tát chư Pháp thị cố tam muội quảng Đại vô lượng vô định 。 nhất thiết thanh văn Bích chi Phật sở bất năng hoại 。

Đó gọi là Tam-muội Chư pháp vô thọ của Bồ-tát, rộng lớn, vô lượng, vô định; tất cả Thanh văn, Phật Bích Chi không thể làm hư hoại.

何以故是三昧不可以相得。若是三昧可以相得。

hà dĩ cố thị tam muội bất khả dĩ tướng đắc 。 nhược thị tam muội khả dĩ tướng đắc 。

Vì sao? Không thể dùng tướng để được tam-muội này. Nếu có thể dùng tướng để được tam-muội này

先尼梵志。於薩婆若智不應生信。

tiên ni phạm chí 。 ư tát bà nhược trí bất ứng sinh tín 。
thì Phạm-chí Tiên-ni lẽ ra không khởi lòng tin nơi Nhất thiết trí.

先尼梵志以有量智入是法中。入已不受色。

tiên ni phạm chí dĩ hữu lượng trí nhập thị Pháp trung 。 nhập dĩ bất thọ sắc 。
Vì Phạm-chí Tiên-ni dùng trí hạn lượng để vào Pháp này. Sau khi vào thì không nhận sắc,

不受受想行識。是梵志不以得門見。是智不以內色見。

bất thọ thọ tướng hành thức 。 thị phạm chí bất dĩ đắc môn kiến 。 thị trí bất dĩ nội sắc kiến 。

không nhận thọ, tướng, hành, thức. Phạm-chí này không dùng sở đắc để thấy; trí này không dùng sắc bên trong để thấy;

是智不以外色見。是智不以內外色見。

thị trí bất dĩ ngoại sắc kiến 。 thị trí bất dĩ nội ngoại sắc kiến 。

trí này không dùng sắc bên ngoài để thấy; trí này không dùng sắc bên trong và bên ngoài để thấy.

是智亦不離內外色見。是智不以內受想行識見。

thị trí diệc bất ly nội ngoại sắc kiến 。 thị trí bất dĩ nội thọ tướng hành thức kiến 。

Trí này cũng không rời sắc bên trong và bên ngoài để thấy; trí này không dùng thọ, tướng, hành, thức bên trong để thấy;

是智不以外受想行識見。

thị trí bất dĩ ngoại thọ tướng hành thức kiến 。

trí này không dùng thọ, tướng, hành, thức bên ngoài để thấy;

是智不以內外受想行識見。是智亦不離內外受想行識見。

thị trí bất dĩ nội ngoại thọ tưởng hành thức kiến 。 thị trí diệc bất ly nội ngoại thọ tưởng hành thức kiến 。

trí này không dùng thọ, tưởng, hành, thức bên trong và bên ngoài để thấy; trí này cũng không rời thọ, tưởng, hành, thức bên trong và bên ngoài để thấy.

是智先尼梵志信解薩婆若智。

thị trí tiên ni phạm chí tín giải tát bà nhược trí 。

Trí này, Phạm-chí Tiên-ni tin hiểu Nhất thiết trí,

以得諸法實相故得解脫。得解脫已。於諸法中無取無捨。

dĩ đắc chư Pháp thật tướng cố đắc giải thoát 。

đắc giải thoát dĩ 。

ư chư Pháp trung vô thủ vô xả 。

chứng đắc thực tướng của các pháp, nên được giải thoát. Khi đã giải thoát thì không nắm, không bỏ đối với các pháp;

乃至涅槃亦無取無捨。世尊。

nãi chí Niết-Bàn diệc vô thủ vô xả 。

Thế tôn 。

cho đến Niết-bàn cũng không nắm không bỏ. Thế tôn,

是名菩薩般若波羅蜜。不受色不受受想行識。

thị danh Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật 。

bất thọ sắc bất thọ thọ tưởng hành thức 。

đó gọi là Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát, không nhận sắc, không nhận thọ, tưởng, hành, thức.

雖不受色不受受想行識。

tuy bất thọ sắc bất thọ thọ tưởng hành thức 。

Tuy không nhận sắc, không nhận thọ, tưởng, hành, thức,

未具足佛十力四無所畏十八不共法。終不中道而般涅槃。復次世尊。

vị cụ túc Phật thập lục tứ vô sở úy thập bát bất cộng Pháp 。 chung bất trung đạo nhi bát Niết-Bàn 。 phục thứ Thế tôn 。

nhưng chưa có đủ mười Lục, bốn Vô úy và mười tám Pháp bất cộng của Phật; rất ráo không thể nửa chừng mà nhập Niết-bàn. Lại nữa, Thế tôn.

菩薩行般若波羅蜜。應如是思惟。何等是般若波羅蜜。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 ứng như thị tư duy 。 hà đẳng thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên suy nghĩ thế này: Bát-nhã Ba-la-mật là gì?

是誰般若波羅蜜。若法不可得。

thị thùy Bát-nhã Ba-la-mật 。 nhược Pháp bất khả đắc 。

Cái gì là Bát-nhã Ba-la-mật? Nếu pháp không thể đắc,

是般若波羅蜜耶。若菩薩作是思惟。

thị Bát-nhã Ba-la-mật da 。 nhược Bồ-tát tác thị tư duy 。

thì có phải là Bát-nhã Ba-la-mật không? Nếu Bồ-tát suy nghĩ như thế,

觀時不驚不畏不怖不沒不退。

quán thời bất kinh bất úy bất phố bất một bất thoái 。

lúc quán chiếu mà không kinh, không khiếp, không sợ, không mất, không lui,

當知是菩薩不離般若波羅蜜行爾時舍利弗語須菩提。若色離色性。受想行。

đương tri thị Bồ-tát bất ly Bát-nhã Ba-la-mật hành nhĩ thời Xá-lợi-phất ngữ Tu-bồ-đề 。

nhược sắc ly sắc tính 。 thọ tưởng hành 。

nên biết Bồ-tát đó không rời hạnh Bát-nhã Ba-la-mật. Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Nếu sắc rời tính của sắc; thọ, tưởng, hành,

識離識性。般若波羅蜜離般若波羅蜜性者。

thức ly thức tính 。 Bát-nhã Ba-la-mật ly Bát-nhã Ba-la-mật tính giả 。

thức rời tính của thức; Bát-nhã Ba-la-mật rời tính của Bát-nhã Ba-la-mật;

何故說菩薩不離般若波羅蜜行。須菩提言。

hà cố thuyết Bồ-tát bất ly Bát-nhã Ba-la-mật hành 。 Tu-bồ-đề ngôn 。
tại sao nói Bồ-tát không rời hạnh Bát-nhã Ba-la-mật? Tu bồ đề nói:

如是舍利弗。色離色性。受想行識離識性。

như thị Xá-lợi-phất 。 sắc ly sắc tính 。 thọ tưởng hành thức ly thức tính 。
Đúng vậy, Xá-lợi-phất. Sắc rời tính của sắc; thọ, tưởng, hành, thức rời tính của thức;

般若波羅蜜離般若波羅蜜性。是法皆離自性。

Bát-nhã Ba-la-mật ly Bát-nhã Ba-la-mật tính 。 thị Pháp giai ly tự tính 。
Bát-nhã Ba-la-mật rời tính của Bát-nhã Ba-la-mật. Các Pháp này đều rời tự tính của
chúng,

性相亦離。舍利弗言。若菩薩於是中學。

tính tướng diệc ly 。 Xá-lợi-phất ngôn 。 nhược Bồ-tát ư thị trung học 。
tính tướng đều rời. Xá-lợi-phất nói: Nếu Bồ-tát học như thế,

能成就薩婆若耶。須菩提言如是。舍利弗。

năng thành tựu tát bà nhược da 。 Tu-bồ-đề ngôn như thị 。 Xá-lợi-phất 。
có thể thành tựu Nhất thiết trí không? Tu-bồ-đề nói thế này: Xá-lợi-phất,

菩薩如是學者。能成就薩婆若。所以者何。

Bồ-tát như thị học giả 。 năng thành tựu tát bà nhược 。 sở dĩ giả hà 。
Bồ-tát học như thế có thể thành tựu Nhất thiết trí. Vì sao?

一切法無生無成就故。若菩薩如是行者。

nhất thiết Pháp vô sinh vô thành tựu cố 。 nhược Bồ-tát như thị hành giả 。
Vì tất cả các Pháp không sinh, không thành tựu. Nếu Bồ-tát hành như vậy

則近薩婆若。

tắc cận tát bà nhược 。

thì gần được Nhất thiết trí.

爾時須菩提語舍利弗言。

nhĩ thời Tu-bồ-đề ngữ Xá-lợi-phất ngôn 。

Bấy giờ, Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất :

菩薩若行色行為行相。若生色行為行相。若滅色行為行相。

Bồ-tát nhược hành sắc hành vi hành tướng 。

nhược sinh sắc hành vi hành tướng 。

Bồ-tát nếu hành sắc hành thì đó là hành tướng; nếu khởi sắc hành thì đó là hành tướng;

nếu diệt sắc hành thì đó là hành tướng;

若壞色行為行相。若空色行為行相。

nhược hoại sắc hành vi hành tướng 。

nhược không sắc hành vi hành tướng 。

nếu hủy sắc hành thì đó là hành tướng; nếu làm trống rỗng sắc hành thì đó là hành tướng;

我行是行亦是行相。若行受想行識行為行相。

ngã hành thị hành diệc thị hành tướng 。

nhược hành thọ tưởng hành thức hành vi hành tướng 。

ta hành hành này cũng là hành tướng. Nếu hành các hành thuộc thọ, tưởng, hành, thức

thì đó là hành tướng;

若生識行為行相。若滅識行為行相。

nhược sinh thức hành vi hành tướng 。

nhược diệt thức hành vi hành tướng 。

nếu khởi thức hành thì đó là hành tướng; nếu diệt thức hành thì đó là hành tướng;

若壞識行為行相。若空識行為行相。我行是行亦是行相。

nhược hoại thức hành vi hành tướng 。

nhược không thức hành vi hành tướng 。

ngã hành thị hành diệc thị hành tướng 。

nếu hủy hoại thức hành thì đó là hành tướng; nếu làm trống rỗng thức hành thì đó là hành tướng; ta hành hành này cũng là hành tướng.

若作是念。能如是行者。是行般若波羅蜜。

nhược tác thị niệm 。 năng như thị hành giả 。 thị hành Bát-nhã Ba-la-mật 。
Nếu nghĩ như thế, có thể hành như thế, thì sự hành Bát-nhã Ba-la-mật này

亦是行相。當知是菩薩未善知方便。

diệc thị hành tướng 。 đương tri thị Bồ-tát vị thiện tri phương tiện 。
cũng là hành tướng. Nên biết Bồ-tát này chưa khéo biết phương tiện.

舍利弗語須菩提。今菩薩云何行。名為行般若波羅蜜。

Xá-lợi-phất ngữ Tu-bồ-đề 。 kim Bồ-tát vân hà hành 。 danh vi hành Bát-nhã Ba-la-mật
。

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Nay, Bồ-tát phải hành như thế nào mới gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật?

須菩提言。若菩薩不行色。

Tu-bồ-đề ngôn 。 nhược Bồ-tát bất hành sắc 。

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp: Nếu Bồ-tát không hành sắc,

不行色生不行色滅。不行色壞不行色空。不行受想行識。

bất hành sắc sinh bất hành sắc diệt 。

bất hành sắc hoại bất hành sắc không 。

不行識生不行識滅。不行識壞不行識空。

bất hành thức sinh bất hành thức diệt 。

bất hành thức hoại bất hành thức không 。

是名行般若波羅蜜。不念行般若波羅蜜。不念不行。

thị danh hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 bất niệm hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 bất niệm bất hành 。

thì gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Không khởi niệm hành Bát-nhã Ba-la-mật; không khởi niệm không hành,

不念行不行。亦不念非行非不行。

bất niệm hành bất hành 。 diệt bất niệm phi hành phi bất hành 。

không khởi niệm hành không hành, cũng không khởi niệm không phải hành không phải không hành,

是名行般若波羅蜜。所以者何。一切法無受故。

thị danh hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 sở dĩ giả hà 。 nhất thiết Pháp thị cố cố 。

thì gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì không nhận tất cả các pháp.

是名菩薩諸法無受三昧廣大無量無定。

thị danh Bồ-tát chư Pháp thị cố tam muội quảng Đại vô lượng vô định 。

Đó gọi là Tam-muội Chư pháp vô thọ của Bồ-tát, rộng lớn, vô lượng, vô định.

一切聲聞辟支佛所不能壞。菩薩行是三昧。

nhất thiết thanh văn Bích chi Phật sở bất năng hoại 。

Tất cả Thanh văn, Phật Bích Chi không thể làm hư hoại. Bồ-tát hành tam-muội này,

疾得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提承佛威神。

tật đắc a nậu đa la tam muội tam Bồ-Đề 。

sớm được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề nhờ oai thần Phật

而作是言。若菩薩行是三昧。不念不分別。

nhĩ tác thị ngôn 。

mà nói thế này: Nếu Bồ-tát hành tam-muội này, không niệm, không phân biệt

是三昧我當入是三昧。我今入我已入。無如是分別。

thị tam muội ngã đương nhập thị tam muội 。 ngã kim nhập ngã dĩ nhập 。 vô như thị phân biệt 。

đây là tam-muội, ta sẽ nhập tam-muội này, ta đang nhập, ta đã nhập. Không phân biệt như vậy,

當知是菩薩已從諸佛。

đương tri thị Bồ-tát dĩ tòng chư Phật 。

nên biết rằng Bồ-tát này đã từ chư Phật

得受阿耨多羅三藐三菩提記。舍利弗語須菩提。菩薩所行三昧。

đắc thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。

Xá-lợi-phất ngữ Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát sở hạnh tam muội 。

được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Bồ-tát hành tam-muội,

得從諸佛受阿耨多羅三藐三菩提記。

đắc tòng chư Phật thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。

được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác từ chư Phật,

是三昧可得示不。須菩提言。不也舍利弗。何以故。

thị tam muội khả đắc kì bất 。

Tu-bồ-đề ngôn 。

bất dã Xá-lợi-phất 。

hà dĩ cố 。

thì có thể hiển bày tam-muội này không? Tu-bồ-đề đáp: Không, Xá-lợi-phất. Vì sao?

善男子。不分別是三昧。所以者何。

thiện nam tử 。

bất phân biệt thị tam muội 。

sở dĩ giả hà 。

Thiện nam tử không phân biệt tam-muội này. Vì sao?

三昧性無所有故。佛讚須菩提言。善哉善哉。

tam muội tính vô sở hữu cố 。

Phật tán Tu-bồ-đề ngôn 。

Thiện tai Thiện tai 。

Vì tính của tam-muội không có. Phật khen Tu-bồ-đề : Lành thay! Lành thay!

我說汝於無諍三昧人中最為第一。如我所說。

ngã thuyết nữ ư vô tránh tam muội nhân trung tối vi đệ nhất 。 như ngã sở thuyết 。
Ta gọi ông là bậc đệ nhất trong những người nhập Tam-muội Vô tránh. Như Ta đã nói,

菩薩應如是學般若波羅蜜。若如是學者。

Bồ-tát ứng như thị học Bát-nhã Ba-la-mật 。 nhược như thị học giả 。
Bồ-tát nên học Bát-nhã Ba-la-mật như thế. Nếu học như thế,

是名學般若波羅蜜。舍利弗白佛言。世尊。

thị danh học Bát-nhã Ba-la-mật 。 Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。
thì gọi là học Bát-nhã Ba-la-mật. Xá-lợi-phất bạch Phật : Thế tôn,

菩薩如是學為學何法。佛告舍利弗。

Bồ-tát như thị học vi học hà Pháp 。 Phật cáo Xá-lợi-phất 。
Bồ-tát học như vậy là học pháp gì? Phật bảo Xá-lợi-phất:

菩薩如是學於法無所學。何以故。舍利弗。

Bồ-tát như thị học ư Pháp vô sở học 。 hà dĩ cố 。 Xá-lợi-phất 。
Bồ-tát học như vậy là không học pháp nào cả. Vì sao? Xá-lợi-phất,

是諸法不爾如凡夫所著。舍利弗白佛言。世尊。今云何有。佛言。

thị chư Pháp bất nhĩ như phàm phu sở trú 。 Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。 Thế tôn
。 kim vân hà hữu 。 Phật ngôn 。
các pháp này không giống như hàng phàm phu chấp trước. Xá-lợi-phất bạch Phật : Thế
tôn, nay làm thế nào để có? Phật nói:

如無所有如是有。如是諸法無所有故名無明。

như vô sở hữu như thị hữu 。 như thị chư Pháp vô sở hữu cố danh vô minh 。
Giống như không có gì cả thì có cũng như thế. Vì các pháp không có như thế nên gọi là
vô minh.

凡夫分別無明貪著無明。墮於二邊不知不見。

phàm phu phân biệt vô minh tham trước vô minh 。 đọa ư nhị biên bất tri bất kiến 。

Phàm phu phân biệt vô minh, tham trước vô minh, rơi vào hai bên, không biết, không thấy;

於無法中憶想分別貪著名色。因貪著故。

ư vô Pháp trung ức tưởng phân biệt tham trước danh sắc 。 nhân tham trước cố 。

đối với vô pháp lại nhớ tưởng, phân biệt, tham trước danh sắc. Vì tham trước

於無所有法不知不見。不出不信不住。

ư vô sở hữu Pháp bất tri bất kiến 。

nên đối với pháp không có đã không biết, không thấy, không thoát ra được, không tin,

không trụ;

是故墮在凡夫貪著數中。舍利弗白佛言。世尊。

thị cố đọa tại phàm phu tham trước số trung 。

Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

菩薩如是學亦不學薩婆若。佛告舍利弗。

Bồ-tát như thị học diệc bất học tát bà nhược 。

Phật cáo Xá-lợi-phất 。

Bồ-tát học như vậy cũng không học Nhất thiết trí. Phật bảo Xá-lợi-phất:

菩薩如是學亦不學薩婆若。如是學亦名學薩婆若。

Bồ-tát như thị học diệc bất học tát bà nhược 。

như thị học diệc danh học tát bà nhược 。

Bồ-tát học như thế cũng không học Nhất thiết trí. Học như vậy cũng gọi là học Nhất thiết

trí,

成就薩婆若。須菩提白佛言。世尊。

thành tựu tát bà nhược 。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

thành tựu Nhất thiết trí. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

若有問幻人學薩婆若當成就薩婆若不。世尊。

nhược hữu vấn huyễn nhân học tát bà nhược đương thành tựu tát bà nhược bất 。

Thế tôn 。

nếu có người hỏi rằng người huyễn học Nhất thiết trí có thành tựu Nhất thiết trí không?

Thế tôn,

我當云何答。須菩提。我還問汝隨意答。於意云何。

ngã đương vân hà đáp 。

Tu-bồ-đề 。

ngã hoàn vấn nhữ tùy ý đáp 。

ư ý vân hà 。

con sẽ trả lời như thế nào? Tu-bồ-đề, Ta hỏi lại ông, hãy theo ý mình trả lời. Ý ông thế

nào? Tu-bồ-đề, Ta hỏi lại ông, hãy theo ý mình trả lời. Ý ông thế

nào? Tu-bồ-đề, Ta hỏi lại ông, hãy theo ý mình trả lời. Ý ông thế

幻異色色異幻。幻異受想行識耶。

huyễn dị sắc sắc dị huyễn 。

huyễn dị thọ tưởng hành thức da 。

Huyễn có khác sắc, sắc có khác huyễn, huyễn có khác thọ, tưởng, hành, thức không?

須菩提言幻不異色色不異幻。幻即是色色即是幻。

Tu-bồ-đề ngôn huyễn bất dị sắc sắc bất dị huyễn 。

huyễn tức thị sắc sắc tức thị huyễn 。

Tu-bồ-đề trả lời: Huyền không khác sắc, sắc không khác huyễn. Huyền chính là sắc, sắc chính là huyễn.

幻不異受想行識。識不異幻。

huyễn bất dị thọ tưởng hành thức 。

thức bất dị huyễn 。

Huyễn không khác thọ, tưởng, hành, thức; thức không khác huyễn.

幻即是識識即是幻。須菩提。於意云何。五受陰名為菩薩不。

huyễn tức thị thức thức tức thị huyễn 。

Tu-bồ-đề 。

ư ý vân hà 。

ngũ thọ uẩn danh vi Bồ-tát bất 。

Huyễn chính là thức, thức chính là huyễn. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Năm thọ ấm có thể gọi là Bồ-tát không?

如是世尊。佛告須菩提。

như thị Thế tôn 。 Phật cáo Tu-bồ-đề 。

Đúng vậy, Thế tôn. Phật bảo Tu-bồ-đề:

菩薩學阿耨多羅三藐三菩提。當如幻人學。何以故。

Bồ-tát học a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

đương như huyễn nhân học 。

hà dĩ cố 。

Bồ-tát học Vô thượng Chính đẳng Chính giác thì nên học như người huyễn. Vì sao?

當知五陰即是幻人。所以者何。說色如幻。說受想行識如幻。

đương tri ngũ uẩn tức thị huyễn nhân 。

sở dĩ giả hà 。

thuyết sắc như huyễn 。

thuyết thọ tưởng hành thức như huyễn 。

Nên biết năm ấm chính là người huyễn. Vì sao? Nói sắc giống như huyễn; nói thọ, tưởng, hành, thức giống như huyễn.

識是六情五陰。世尊。

thức thị lục tình ngũ uẩn 。

Thế tôn 。

Thức là sáu căn, năm uẩn. Thế tôn,

新發意菩薩聞是說者將無驚怖退沒耶。佛告須菩提。

tân phát ý Bồ-tát văn thị thuyết giả tướng vô kinh phổ thoái một da 。

Phật cáo Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát mới phát tâm nghe được điều này có không kinh hãi, lui mất không? Phật bảo Tu-bồ-đề:

若新發意菩薩隨惡知識。則驚怖退沒。

nhược tân phát ý Bồ-tát tùy ác tri thức 。

tắc kinh phổ thoái một 。

Nếu bồ tát mới phát tâm nương theo ác tri thức, tức kinh hãi, lui mất.

若隨善知識聞是說者。則無驚怖沒退。須菩提言。世尊。

nhược tùy thiện tri thức văn thị thuyết giả 。 tặc vô kinh phố một thoái 。 Tu-bồ-đề ngôn 。 Thế tôn 。

Nếu nương theo thiện tri thức mà nghe lời nói này tức không kinh hãi, không lui mất. Tu-bồ-đề nói: Thế tôn,

何等是菩薩惡知識。佛言。教令遠離般若波羅蜜。

hà đẳng thị Bồ-tát ác tri thức 。 Phật ngôn 。 giáo lệnh viễn li Bát-nhã Ba-la-mật 。

Ác tri thức của Bồ-tát là gì? Phật nói: Là dạy xa rời Bát-nhã Ba-la-mật,

使不樂菩提。又教令學取相分別嚴飾文頌。

sử bất lạc bồ đề 。 hựu giáo lệnh học thủ tướng phân biệt nghiêm sức văn tụng 。

khiến cho không thích thú Bồ Đề. Lại dạy cách học nắm bắt các tướng, phân biệt, nghiêm sức, văn tụng.

又教學雜聲聞辟支佛經法。

hựu giáo học tạp thanh văn Bích chi Phật Kinh Pháp 。

Lại dạy học kinh pháp tạp loạn của Thanh văn, Phật Bích Chi.

又與作魔事因緣。是名菩薩惡知識。世尊。

hựu dữ tác Ma sự nhân duyên 。 thị danh Bồ-tát ác tri thức 。 Thế tôn 。

Lại tạo nhân duyên của việc Ma. Đó gọi là ác tri thức của Bồ-tát. Thế tôn,

何等為菩薩善知識。若教令學般若波羅蜜。

hà đẳng vi Bồ-tát thiện tri thức 。 nhược giáo lệnh học Bát-nhã Ba-la-mật 。

thiện tri thức của Bồ-tát là gì? Là dạy hãy học Bát-nhã Ba-la-mật,

為說魔事說魔過惡。令知魔事魔過惡已。教令遠離。須菩提。

vi thuyết Ma sự thuyết Ma quá ác 。 lệnh tri Ma sự Ma quá ác dĩ 。 giáo lệnh viễn li 。

Tu-bồ-đề 。

có nói về việc Ma thì nói về cái sai, cái ác của Ma, khiến cho sau khi biết được việc Ma, cái sai cái ác của Ma, thì dạy hãy xa rời. Tu-bồ-đề,

是名發大乘心大莊嚴菩薩摩訶薩善知識。

thị danh phát Đại thừa tâm Đại trang nghiêm Bồ-tát Ma-Ha tát thiện tri thức。
đó gọi là phát khởi tâm Đại thừa, Đại trang nghiêm Bồ-tát Ma-ha-tát thiện tri thức.

須菩提白佛言。世尊。所言菩薩。菩薩有何義。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 sở ngôn Bồ-tát 。 Bồ-tát hữu hà nghĩa 。

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn, Bồ-tát đã được nói đến, Bồ-tát đó có nghĩa gì?

佛告須菩提。為學一切法無障礙。

Phật cáo Tu-bồ-đề 。 vì học nhất thiết Pháp Vô chướng ngại 。

Phật bảo Tu-bồ-đề: Học tất cả các pháp không có chướng ngại,

亦如實知一切法。是名菩薩義。須菩提白佛言。世尊。

diệc như thật tri nhất thiết Pháp 。 thị danh Bồ-tát nghĩa 。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn
。 Thế tôn 。

lại biết chân thực tất cả các pháp; đó gọi là nghĩa của Bồ-tát. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế
tôn,

若知一切法名為菩薩義。復以何義。名為摩訶薩。

nhược tri nhất thiết Pháp danh vi Bồ-tát nghĩa 。

phục dĩ hà nghĩa 。

danh vi Ma-Ha tát

。

nếu biết tất cả các pháp gọi là nghĩa của Bồ-tát, thì dựa vào nghĩa gì để nói là Ma-ha-tát?

佛言。當為大眾作上首。名為摩訶薩義。

Phật ngôn 。 đương vi Đại chúng tác thượng thủ 。

danh vi Ma-Ha tát nghĩa 。

Phật nói: Vì đại chúng mà làm bậc thượng thủ gọi là nghĩa của Ma-ha-tát.

舍利弗白佛言。世尊。我亦樂說所以為摩訶薩義。

Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

ngã diệc lạc thuyết sở dĩ vi Ma-Ha tát nghĩa

。

Xá-lợi-phất bạch Phật : Thế tôn, con cũng muốn nói tại sao có nghĩa của Ma-ha-tát

佛言。樂說便說。舍利弗白佛言。世尊。

Phật ngôn 。 lạc thuyết tiện thuyết 。 Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Phật dạy: Muốn nói cứ nói. Xá-lợi-phất bạch Phật : Thế tôn,

菩薩為斷我見眾生見壽者見人見有見無見斷見常

Bồ-tát vì đoạn ngã kiến chúng sinh kiến thọ giả kiến nhân kiến hữu kiến vô kiến đoạn kiến thường

Bồ-tát vì đoạn trừ ngã kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, nhân kiến, hữu kiến, vô kiến, đoạn kiến, thường

見等而為說法。是名摩訶薩義。

kiến đẳng nhi vi thuyết Pháp 。 thị danh Ma-Ha tát nghĩa 。

kiến, vân vân, mà thuyết pháp; đó gọi là nghĩa của Ma-ha-tát.

於是中心無所著。亦名摩訶薩義。舍利弗問須菩提。

ư thị trung tâm vô sở trú 。

。

Trong đó tâm không chấp trước cũng gọi là nghĩa của Ma-ha-tát. Xá lợi phất hỏi Tu-bồ-đề:

何故於是中心無所著。須菩提言。

hà cố ư thị trung tâm vô sở trú 。

Vì sao trong đó tâm không chấp trước? Tu-bồ-đề nói:

無心故於是中心無所著。富樓那彌多羅尼子白佛言。世尊。

vô tâm cố ư thị trung tâm vô sở trú 。

vì không tâm nên trong đó tâm không chấp trước. Phú-lâu-na Di-đa-da-ni-tử bạch Phật:

Thế tôn,

菩薩發大莊嚴乘大乘故。是名摩訶薩義。

Bồ-tát phát Đại trang nghiêm thừa Đại thừa cố 。 thị danh Ma-Ha tát nghĩa 。
vì Bồ-tát phát Đại trang nghiêm thừa, Đại thừa nên gọi là nghĩa của Ma-ha-tát.

須菩提白佛言。世尊。所言菩薩發大莊嚴。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 sở ngôn Bồ-tát phát Đại trang nghiêm 。
Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn, nói Bồ-tát phát Đại trang nghiêm,

云何名為發大莊嚴。佛言。菩薩作是念。

vân hà danh vi phát Đại trang nghiêm 。 Phật ngôn 。 Bồ-tát tác thị niệm 。
vậy sao gọi là phát Đại trang nghiêm? Phật dạy: Bồ-tát khởi niệm thế này,

我應度無量阿僧祇眾生。度眾生已無有眾生滅度者。

ngã ứng độ vô lượng a tăng kì chúng sinh 。 độ chúng sinh dĩ vô hữu chúng sinh diệt độ
giả 。

ta nên độ vô lượng a-tăng-kì chúng sinh; sau khi độ chúng sinh, không có chúng sinh nào
diệt độ.

何以故。諸法相爾。

hà dĩ cố 。 chư Pháp tướng nhĩ 。

Vì sao? Vì tướng của các pháp vốn như vậy.

譬如工幻師於四衢道化作大眾悉斷化人頭。於意云何。

thí như công huyễn sư ư tứ cù đạo hóa tác Đại chúng tất đoạn hóa nhân đầu 。 ư ý
vân hà 。

Ví như nhà huyễn thuật ở ngã tư đường biến hóa ra đám đông, chặt đầu người được biến
hóa, thì ý ông thế nào?

寧有傷有死者不。須菩提言。不也世尊。佛言。菩薩亦如是。

ninh hữu thương hữu tử giả bất 。 Tu-bồ-đề ngôn 。 bất dã Thế tôn 。 Phật ngôn 。 Bồ-
tát diệt như thị 。

Có người bị thương, có người bị chết không? Tu-bồ-đề đáp: Không, Thế tôn. Phật dạy: Bồ-tát cũng như vậy.

度無量阿僧祇眾生已。無有眾生滅度者。

độ vô lượng a tăng kì chúng sinh dĩ 。 vô hữu chúng sinh diệt độ giả 。

Sau khi độ vô lượng a-tăng-kì chúng sinh, không có chúng sinh nào diệt độ cả.

若菩薩聞是事不驚不怖。

nhược Bồ-tát văn thị sự bất kinh bất phố 。

Nếu Bồ-tát nghe việc này mà không kinh, không sợ,

當知是菩薩發大莊嚴。須菩提言。如我解佛所說義。

đương tri thị Bồ-tát phát Đại trang nghiêm 。

Tu-bồ-đề ngôn 。

như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa 。

nên biết Bồ-tát này phát Đại trang nghiêm. Tu-bồ-đề nói: Theo chỗ con hiểu nghĩa của điều Phật nói,

當知是菩薩發大莊嚴而自莊嚴。何以故。

đương tri thị Bồ-tát phát Đại trang nghiêm nhi tự trang nghiêm 。

hà dĩ cố 。

nên biết Bồ-tát này phát Đại trang nghiêm mà tự trang nghiêm. Vì sao?

薩婆若是不作不起法。為眾生故發大莊嚴。

tát bà nhược thị bất tác bất khởi Pháp 。

vì chúng sinh cố phát Đại trang nghiêm 。

Vì Nhất thiết trí là pháp không tạo tác, không sinh khởi; vì chúng sinh nên phát Đại trang nghiêm.

是眾生亦是不作不起法。何以故。色無縛無解。

thị chúng sinh diệt thị bất tác bất khởi Pháp 。

hà dĩ cố 。

sắc vô phược vô giải 。

Chúng sinh này cũng là pháp không tạo tác, không sinh khởi. Vì sao? Vì sắc không buộc, không mở;

受想行識無縛無解故。富樓那語須菩提。色無縛無解。

thọ tưởng hành thức vô phược vô giải cố 。 phú lâu na ngữ Tu-bồ-đề 。 sắc vô phược vô giải 。

vì thọ, tưởng, hành, thức không buộc, không mở. Phú-lâu-na nói với Tu-bồ-đề: Sắc không buộc, không mở;

受想行識無縛無解耶。須菩提言。色無縛無解。

thọ tưởng hành thức vô phược vô giải da 。 Tu-bồ-đề ngôn 。 sắc vô phược vô giải 。

thọ, tưởng, hành, thức không buộc không mở sao? Tu-bồ-đề nói: Sắc không buộc, không mở;

受想行識無縛無解。富樓那言。

thọ tưởng hành thức vô phược vô giải 。 phú lâu na ngôn 。

thọ, tưởng, hành, thức không buộc không mở. Phú-lâu-na nói:

何等色無縛無解。何等受想行識無縛無解。須菩提言。

hà đẳng sắc vô phược vô giải 。 hà đẳng thọ tưởng hành thức vô phược vô giải 。 Tu-bồ-đề ngôn 。

Sắc không buộc không mở là gì? Thọ, tưởng, hành, thức không buộc không mở là gì? Tu-bồ-đề đáp:

幻人色是無縛無解。

huyễn nhân sắc thị vô phược vô giải 。

Sắc của người huyễn không buộc, không mở;

幻人受想行識是無縛無解。無所有故無縛無解。離故無縛無解。

huyễn nhân thọ tưởng hành thức thị vô phược vô giải 。 vô sở hữu cố vô phược vô giải 。

thọ, tưởng, hành, thức của người huyễn không buộc, không mở. Vì không có nên không buộc, không mở; vì rời xa nên không buộc, không mở;

無生故無縛無解。

vô sinh cố vô phược vô giải 。

vì không sinh nên không buộc, không mở.

是名菩薩摩訶薩發大莊嚴而自莊嚴。須菩提白佛言。世尊。云何為大乘。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát phát Đại trang nghiêm nhi tự trang nghiêm 。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

vân hà vi Đại thừa 。

Đó gọi là Bồ-tát Ma ha tát phát khởi Đại trang nghiêm để tự Trang Nghiêm. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn, thế nào là Đại thừa?

云何為菩薩發趣大乘。是乘住何處。

vân hà vi Bồ-tát phát thú Đại thừa 。

thị thừa trụ hà xử 。

Thế nào là Bồ-tát phát tâm hướng đến Đại thừa? Thừa đó trụ ở chỗ nào?

是乘從何處出。佛告須菩提。大乘者無有量無分數故。

thị thừa tòng hà xử xuất 。

Phật cáo Tu-bồ-đề 。

Đại thừa giả vô hữu lượng vô phân số cố 。

Thừa đó xuất phát từ chỗ nào? Phật bảo Tu-bồ-đề: Đại thừa là không có hạn lượng, không có phần số.

是乘從何處出。住何處者。

thị thừa tòng hà xử xuất 。

trụ hà xử giả 。

Thừa này xuất phát từ đâu, và trụ ở chỗ nào?

是乘從三界出住薩婆若。無乘是乘出者。何以故。

thị thừa tòng tam giới xuất trụ tát bà nhược 。

vô thừa thị thừa xuất giả 。

hà dĩ cố 。

Thừa này xuất phát từ ba cõi, trụ ở Nhất thiết trí. Không có thừa là thừa xuất phát. Vì sao?

出法出者俱無所有。何法當出。須菩提白佛言。世尊。

xuất Pháp xuất giả câu vô sở hữu 。

hà Pháp đương xuất 。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

Pháp xuất phát và cái được xuất phát đều không có thì pháp nào sẽ xuất phát? Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

所言摩訶衍。摩訶衍者。

sở ngôn Ma-ha-diễn 。 Ma-ha-diễn giả 。

Ma-ha-diễn được nói đến, Ma-ha-diễn đó

勝出一切世間天人阿修羅。世尊。摩訶衍與虛空等。

thắng xuất nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La 。

siêu việt tất cả thế gian, trời, người, a-tu-la. Thế tôn, Ma-ha-diễn ngang với hư không.

如虛空受無量阿僧祇眾生摩訶衍亦如是。

như hư không thọ vô lượng a tăng kì chúng sinh Ma-ha-diễn diệt như thị 。

Giống như hư không dung nạp vô lượng a-tăng-kì chúng sinh, Ma-ha-diễn cũng thế.

受無量阿僧祇眾生。是摩訶衍。

thọ vô lượng a tăng kì chúng sinh 。

Dung nạp vô lượng a-tăng-kì chúng sinh chính là Ma-ha-diễn.

如虛空無來處無去處無住處。摩訶衍亦如是。

như hư không vô lai xứ vô khứ xứ vô trụ xứ 。

Giống như hư không không từ đâu đến, không đi về đâu, không trụ ở đâu cả, Ma-ha-diễn cũng như vậy.

不得前際不得中際不得後際。是乘三世等。是故名為摩訶衍。

bất đắc tiền tế bất đắc trung tế bất đắc hậu tế 。

Không có tiền tế, không có trung tế, không có hậu tế. Thừa này bình đẳng trong ba đời; vì vậy gọi là Đại thừa.

佛讚須菩提言。善哉善哉。諸菩薩摩訶薩摩訶衍。

Phật tán Tu-bồ-đề ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。 chư Bồ-tát Ma-Ha tát Ma-ha-diễn 。

Phật khen Tu-bồ-đề: Lành thay! Lành thay! Ma-ha-diễn của các Bồ-tát Ma-ha-tát

應如汝所說。

ứng như nhữ sở thuyết 。

đúng như lời ông nói.

爾時富樓那彌多羅尼子白佛言。世尊。

nhĩ thời phú lâu na di đa-la ni tử bạch Phật ngôn 。

Bấy giờ, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử bạch Phật: Thế tôn,

佛使須菩提說般若波羅蜜乃說摩訶衍。須菩提白佛言。世尊。

Phật sử Tu-bồ-đề thuyết Bát-nhã Ba-la-mật nãi thuyết Ma-ha-diễn 。

xin Phật bảo Tu-bồ-đề hãy nói về Bát-nhã Ba-la-mật và nói về Ma-ha-diễn. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

我所說將無離般若波羅蜜耶。不也須菩提。

ngã sở thuyết tương vô ly Bát-nhã Ba-la-mật da 。

những điều con nói ra không rời Bát-nhã Ba-la-mật sao? Không, Tu-bồ-đề.

汝所說隨順般若波羅蜜。世尊。我不得過去世菩薩。

nhữ sở thuyết tùy thuận Bát-nhã Ba-la-mật 。

Lời ông nói thuận hợp Bát-nhã Ba-la-mật. Thế tôn, con không thấy có Bồ-tát thời quá khứ,

亦不得未來現在世菩薩。色無邊故。菩薩亦無邊。

diệc bất đắc vị lai hiện tại thế Bồ-tát 。

cũng không thấy Bồ-tát thời vị lai, hiện tại. Vì sắc là vô biên, Bồ-tát cũng vô biên;

受想行識無邊故。菩薩亦無邊。世尊。

thọ tưởng hành thức vô biên cố 。 Bồ-tát diệc vô biên 。 Thế tôn 。
vì thọ, tưởng, hành, thức là vô biên, Bồ-tát cũng vô biên. Thế tôn,

如是一切處一切時一切種。菩薩不可得。

như thị nhất thiết xứ nhất thiết thời nhất thiết chủng 。 Bồ-tát bất khả đắc 。
tất cả chỗ, tất cả thời, tất cả loại như thế, Bồ-tát đều không thể đắc;

當教何等菩薩般若波羅蜜。我不得不見菩薩。

đương giáo hà đẳng Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật 。 ngã bất đắc bất kiến Bồ-tát 。
thì con sẽ dạy Bát-nhã Ba-la-mật gì của Bồ-tát? Con không đắc, không thấy Bồ-tát,

當教何法入般若波羅蜜。世尊。所言菩薩。菩薩者但有名字。

đương giáo hà Pháp nhập Bát-nhã Ba-la-mật 。 Thế tôn 。 sở ngôn Bồ-tát 。 Bồ-tát giả
đãn hữu danh tự 。

thì con sẽ dạy pháp gì để nhập Bát-nhã Ba-la-mật? Thế tôn, Bồ-tát được nói đến, Bồ-tát
này chỉ có danh tự;

譬如所說我我法畢竟不生。世尊。

thí như sở thuyết ngã ngã Pháp tất cánh bất sinh 。 Thế tôn 。

giống như Ngã, Ngã Pháp được nói đến, rốt ráo không sinh khởi. Thế tôn,

一切法性亦如是。此中何等是色不著不生。

nhất thiết Pháp tính diệc như thị 。 thử trung hà đẳng thị sắc bất trú bất sinh 。

tính của tất cả các pháp cũng như thế. Trong đó cái gì là sắc không chấp trước, không
sinh khởi?

何等是受想行識不著不生。色是菩薩不可得。

hà đẳng thị thọ tưởng hành thức bất trú bất sinh 。

sắc thị Bồ-tát bất khả đắc 。

Cái gì là thọ, tưởng, hành, thức không chấp trước, không sinh khởi? Sắc là cái Bồ-tát
không thể đắc;

受想行識是菩薩不可得。不可得亦不可得。世尊。

thọ tưởng hành thức thị Bồ-tát bất khả đắc 。 bất khả đắc diệc bất khả đắc 。 Thế tôn 。
thọ, tưởng, hành, thức là cái Bồ-tát không thể đắc; cũng không thể đắc cái không thể đắc.
Thế tôn,

一切處一切時一切種。菩薩不可得。

nhất thiết xử nhất thiết thời nhất thiết chủng 。 Bồ-tát bất khả đắc 。
Bồ-tát không thể đắc tất cả các chỗ, tất cả các thời, tất cả các loại

當教何法入般若波羅蜜。世尊。菩薩但有名字。

đương giáo hà Pháp nhập Bát-nhã Ba-la-mật 。 Thế tôn 。 Bồ-tát đản hữu danh tự 。
thì con sẽ dạy pháp gì để nhập Bát-nhã Ba-la-mật? Thế tôn, Bồ-tát chỉ có danh tự.

如我畢竟不生。諸法性亦如是。

như ngã tất cánh bất sinh 。 chư Pháp tính diệc như thị 。
Giống như con rốt ráo không sinh, tính của các pháp cũng vậy.

此中何等是色不著不生。何等是受想行識不著不生。

thử trung hà đẳng thị sắc bất trú bất sinh 。 hà đẳng thị thọ tưởng hành thức bất trú
bất sinh 。

Trong đó, cái gì là sắc không chấp trước, không sinh? Cái gì là thọ, tưởng, hành, thức
không chấp trước, không sinh?

諸法性如是。是性亦不生。不生亦不生。世尊。

chư Pháp tính như thị 。 thị tính diệc bất sinh 。 bất sinh diệc bất sinh 。 Thế tôn 。
Tính của các pháp cũng vậy, tính này cũng không sinh; cái không sinh cũng không sinh.
Thế tôn,

我今當教不生法入般若波羅蜜耶。何以故。

ngã kim đương giáo bất sinh Pháp nhập Bát-nhã Ba-la-mật da 。 hà dĩ cố 。

Có phải nay con sẽ dạy pháp không sinh để nhập Bát-nhã Ba-la-mật? Vì sao?

離不生法不可得。菩薩行阿耨多羅三藐三菩提。

ly bất sinh Pháp bất khả đắc 。 Bồ-tát hành a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Rời pháp không sinh không thể đắc. Bồ-tát hành Vô thượng Chính đẳng Chính giác;

若菩薩聞作是說不驚不怖。

nhược Bồ-tát văn tác thị thuyết bất kinh bất phố 。

nếu Bồ-tát nghe nói như thế, không kinh, không sợ;

當知是菩薩行般若波羅蜜。世尊。菩薩隨行般若波羅蜜時。

đương tri thị Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Thế tôn 。

Bồ-tát tùy hành Bát-nhã Ba-la-mật thời 。

nên biết Bồ-tát này hành Bát-nhã Ba-la-mật. Thế tôn, Bồ-tát khi hành theo Bát-nhã Ba-la-mật, quán sát thế này:

作是觀。諸法即不受色。何以故。色無生即非色。

tác thị quán 。

chư Pháp tức bất thọ sắc 。

hà dĩ cố 。

sắc vô sinh tức phi sắc 。

các pháp không nhận sắc. Vì sao? Sắc không sinh tức không phải sắc;

色無滅即非色。無生無滅無二無別。

sắc vô diệt tức phi sắc 。

vô sinh vô diệt vô nhị vô biệt 。

sắc không diệt tức không phải sắc; không sinh không diệt, không hai, không khác.

若說是色即是無二法。菩薩行般若波羅蜜。

nhược thuyết thị sắc tức thị vô nhị Pháp 。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Nếu nói sắc chính là pháp không hai thì Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật,

時不受受想行識。何以故。識無生即非識。

thời bất thọ thọ tưởng hành thức 。

hà dĩ cố 。

thức vô sinh tức phi thức 。

không nhận thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Thức không sinh tức không phải thức;

識無滅即非識。無生無滅無二無別。若說識即是無二法。

thức vô diệt tức phi thức 。 vô sinh vô diệt vô nhị vô biệt 。 nhược thuyết thức tức thị vô nhị Pháp 。

thức không diệt tức không phải thức; không sinh, không diệt, không hai, không khác. Nếu nói thức thì đó là pháp không hai.

舍利弗問須菩提。如我解須菩提所說義。

Xá-lợi-phất vấn Tu-bồ-đề 。 như ngã giải Tu-bồ-đề sở thuyết nghĩa 。

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Như tôi hiểu nghĩa lời nói của Tu bồ đề,

菩薩即是無生。若菩薩無生。何以故。

Bồ-tát tức thị vô sinh 。 nhược Bồ-tát vô sinh 。 hà dĩ cố 。

Bồ-tát tức là không sinh. Nếu Bồ-tát không sinh, tại sao

有難行為眾生故受苦惱。須菩提言。

hữu nan hành vi chúng sinh cố thọ khổ não 。 Tu-bồ-đề ngôn 。

có sự hành gian khó, vì chúng sinh mà chịu khổ não. Tu-bồ-đề nói:

我不欲使菩薩有難行。何以故。生難行想苦行想。

ngã bất dục sử Bồ-tát hữu nan hành 。 hà dĩ cố 。

sinh nan hành tưởng khổ hành tưởng

Tôi không muốn làm cho Bồ-tát có sự hành gian khó. Vì sao? Sinh khởi ý tưởng hành gian khó, ý tưởng hành khổ não,

不能利益無量阿僧祇眾生。

bất năng lợi ích vô lượng a tăng kì chúng sinh 。

không thể làm lợi ích vô lượng a-tăng-kì chúng sinh.

於眾生易想樂想父母想子想我所想。則能利益無量阿僧祇眾生。

ư chúng sinh sinh dịch tướng lạc tướng phụ mẫu tướng tử tướng ngã sở tướng 。 tất năng lợi ích vô lượng a tăng kì chúng sinh 。

Đối với chúng sinh nếu khởi tướng dễ dàng, tướng vui vẻ, tướng cha mẹ, tướng con cái tức có thể làm lợi ích vô lượng a-tăng-kì chúng sinh.

如我法一切處一切時一切種不可得。

như ngã Pháp nhất thiết xử nhất thiết thời nhất thiết chủng bất khả đắc 。

Giống như Ngã, Pháp, ở tất cả các chỗ, tất cả các thời, tất cả các loại đều không thể đắc,

菩薩於內外法中。應生如是想。

Bồ-tát ư nội ngoại Pháp trung 。

thì Bồ-tát đối với pháp bên trong, bên ngoài cũng nên khởi tướng như thế.

若菩薩以如是心行亦名難行。如舍利弗所言。菩薩無生。

nhược Bồ-tát dĩ như thị tâm hành diệc danh nan hành 。

Bồ-tát vô sinh 。

Nếu Bồ-tát dùng tâm như vậy mà hành thì cũng gọi là hành gian khó. Giống như lời của Xá-lợi-phất, Bồ-tát là không sinh.

如是舍利弗。菩薩實無生。舍利弗言。

như thị Xá-lợi-phất 。

Đúng vậy, Xá-lợi-phất. Bồ-tát thực sự là không sinh. Xá-lợi-phất nói:

但菩薩無生薩婆若亦無生。須菩提言。薩婆若亦無生。

đãn Bồ-tát vô sinh tát bà nhược diệc vô sinh 。

Không chỉ Bồ-tát không sinh mà Nhất thiết trí cũng không sinh. Tu-bồ-đề nói: Nhất thiết trí cũng không sinh.

舍利弗言。薩婆若無生凡夫亦無生須菩提言。

Xá-lợi-phất ngôn 。

Xá-lợi-phất nói: Nhất thiết trí không sinh, phàm phu cũng không sinh. Tu-bồ-đề nói:

凡夫亦無生。舍利弗語須菩提。

phàm phu diệt vô sinh 。 Xá-lợi-phất ngữ Tu-bồ-đề 。

Phàm phu cũng không sinh. Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

若菩薩無生菩薩法亦無生。薩婆若無生。

nhược Bồ-tát vô sinh Bồ-tát Pháp diệt vô sinh 。 tát bà nhược vô sinh 。

Nếu Bồ-tát không sinh, thì pháp Bồ-tát cũng không sinh; Nhất thiết trí không sinh,

薩婆若法亦無生。凡夫無生凡夫法亦無生。

tát bà nhược Pháp diệt vô sinh 。 phàm phu vô sinh phàm phu Pháp diệt vô sinh 。

pháp Nhất thiết trí cũng không sinh; phàm phu không sinh, pháp phàm phu cũng không sinh.

今以無生得無生。菩薩應得薩婆若。須菩提言。

kim dĩ vô sinh đắc vô sinh 。 Bồ-tát ứng đắc tát bà nhược 。

Nay lấy không sinh để đắc không sinh thì Bồ-tát nên đắc Nhất thiết trí. Tu-bồ-đề nói:

我不欲令無生法有所得。何以故。無生法不可得故。

ngã bất dục lệnh vô sinh Pháp hữu sở đắc 。

Tôi không muốn làm cho pháp không sinh có thể đắc được. Vì sao? Vì không thể đắc pháp không sinh.

舍利弗言。生生無生生。

Xá-lợi-phất ngôn 。

Xá-lợi-phất nói: Sinh sinh, không sinh sinh;

汝所言樂說為生為無生。須菩提言。諸法無生。

nhữ sở ngôn lạc thuyết vi sinh vi vô sinh 。

ông muốn nói là sinh hay không sinh. Tu-bồ-đề đáp: Các pháp không sinh;

所言無生樂說亦無生。如是樂說。舍利弗言。善哉善哉。

sở ngôn vô sinh lạc thuyết diệc vô sinh 。 như thị lạc thuyết 。 Xá-lợi-phất ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。

cái không sinh mà tôi muốn nói cũng không sinh. Đó là điều muốn nói. Xá-lợi-phất nói:
Lành thay! Lành thay!

須菩提。汝於說法人中為最第一。何以故。

Tu-bồ-đề 。 nhữ ư thuyết Pháp nhân trung vi tối đệ nhất 。 hà dĩ cố 。

Tu-bồ-đề, ông là bậc đệ nhất trong những người thuyết pháp. Vì sao?

須菩提。隨所問皆能答故。須菩提言。

Tu-bồ-đề 。 tùy sở vấn giai năng đáp cố 。

Tu-bồ-đề, vì tùy theo câu hỏi mà đều có thể trả lời. Tu-bồ-đề nói:

法應爾。諸佛弟子於無依止法所問能答。

Pháp ứng nhĩ 。 chư Phật đệ tử ư vô y chỉ Pháp sở vấn năng đáp 。

Pháp vốn như thế. Các đệ tử Phật, đối với pháp không y chỉ, nếu hỏi tức có thể trả lời.

何以故。一切法無定故。舍利弗言。善哉善哉。

hà dĩ cố 。 nhất thiết Pháp vô định cố 。

Xá-lợi-phất ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。

Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không quyết định. Xá-lợi-phất nói: Lành thay! Lành thay!

是何波羅蜜力。須菩提言。

thị hà Ba-la-mật lực 。

Tu-bồ-đề ngôn 。

是般若波羅蜜力。舍利弗。若菩薩聞如是說如是論時。

thị Bát-nhã Ba-la-mật lực 。

Chính là lực Bát-nhã Ba-la-mật. Xá-lợi-phất, nếu Bồ-tát khi nghe nói như thế, luận bàn như thế,

不疑不悔不難。當知是菩薩行是行不離是念。

bất nghi bất hối bất nan 。 đương tri thị Bồ-tát hành thị hành bất ly thị niệm 。 không nghi, không hối, không cật vấn, nên biết Bồ-tát này hành hạnh này, không rời niệm này.

舍利弗言。

Xá-lợi-phất ngôn 。

Xá-lợi-phất nói:

若菩薩不離是行不離是念一切眾生亦不離是行不離是念。

nhược Bồ-tát bất ly thị hành bất ly thị niệm nhất thiết chúng sinh diệc bất ly thị hành bất ly thị niệm 。

Nếu Bồ-tát không rời hạnh này, không rời niệm này thì tất cả chúng sinh cũng không rời hạnh này, không rời niệm này.

一切眾生亦當是菩薩。何以故。一切眾生不離是念故。

nhất thiết chúng sinh diệc đương tri Bồ-tát 。 hà dĩ cố 。

Tất cả chúng sinh cũng sẽ là Bồ-tát. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh không rời niệm này.

須菩提言。善哉善哉舍利弗。

Tu-bồ-đề ngôn 。

Tu-bồ-đề nói: Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất,

汝欲離我而成我義。所以者何。眾生無性故當知念亦無性。

nhữ dục ly ngã nhi thành ngã nghĩa 。

ông muốn rời Ngã những lại lập thành nghĩa của Ngã. Vì sao? Vì chúng sinh không có tính, nên biết rằng niệm cũng không có tính.

眾生離故念亦離。

chúng sinh ly cố niệm diệt ly 。

Vì lìa chúng sinh nên niệm cũng lìa.

眾生不可得故念亦不可得。舍利弗。

chúng sinh bất khả đắc cố niệm diệt bất khả đắc 。

Vì chúng sinh không thể đắc nên niệm cũng không thể đắc. Xá-lợi-phất,

我欲令菩薩以是念行般若波羅蜜。

ngã dục lệnh Bồ-tát dĩ thị niệm hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

tôi muốn làm cho Bồ-tát dùng niệm này để hành Bát-nhã Ba-la-mật.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật

釋提桓因品第二

thích đề hoàn nhân phẩm đệ nhị

Phẩm II: Thích-đề-hoàn-nhân

爾時釋提桓因。與四萬天子俱在會中。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân 。

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân cùng với bốn vạn Thiên tử đều ở trong hội.

四天王與二萬天子俱在會中。

tứ Thiên vương dĩ nhị vạn Thiên tử câu tại hội trung 。

Bốn Thiên vương cùng với hai vạn Thiên tử đều ở trong hội.

娑婆世界主梵天王。與萬梵天俱在會中。

Sa Bà thế giới chủ Phạm Thiên Vương 。 dĩ vạn Phạm Thiên câu tại hội trung 。
Chủ thế giới Ta-bà Phạm thiên vương cùng với mười ngàn Phạm thiên đều ở trong hội,

乃至淨居天眾無數千種俱在會中。是諸天眾業報光明。

nãi chí tịnh cư Thiên chúng vô số thiên chúng câu tại hội trung 。 thị chư Thiên chúng
nghiệp báo quang-minh 。

cho đến vô số ngàn loại chúng sinh thuộc trời Tịnh cư đều ở trong hội. Các chúng trời này
nghiệp báo sáng tỏ,

以佛身神力光明故皆不復現。

dĩ Phật thân Thần lực quang-minh cố giai bất phục hiện 。

vì sự sáng tỏ của thần lực thân Phật nên đều không tái hiện.

爾時釋提桓因語須菩提言。是諸無數天眾皆共集會。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân ngữ Tu-bồ-đề ngôn 。 thị chư vô số Thiên chúng giai
cộng tập hội 。

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân nói với Tu-bồ-đề: Vô số chúng Thiên này đều cùng hợp lại,

欲聽須菩提說般若波羅蜜義。

dục thính Tu-bồ-đề thuyết Bát-nhã Ba-la-mật nghĩa 。

muốn nghe Tu-bồ-đề thuyết nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật

菩薩云何住般若波羅蜜。須菩提語釋提桓因及諸天眾。憍尸迦。

Bồ-tát vân hà trụ Bát-nhã Ba-la-mật 。

Tu-bồ-đề ngữ thích đề hoàn nhân cập chư
Thiên chúng 。

Kiêu-thi-ca 。

Bồ-tát làm thế nào trụ Bát-nhã Ba-la-mật? Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn-nhân và chúng
Thiên: Kiêu-thi-ca,

我今當承佛神力說般若波羅蜜。

ngã kim đương thừa Phật Thần lực thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

nay tôi sẽ nương thần lực của Phật để thuyết Bát-nhã Ba-la-mật.

若諸天子未發阿耨多羅三藐三菩提心者。今應當發。

nhược chư Thiên tử vị phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm giả 。 kim ứng đương phát 。

Nếu các Thiên tử chưa phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác thì nay nên phát.

若人已入正位。

nhược nhân dĩ nhập chính vị 。

Nếu người đã nhập Chính vị,

則不堪任發阿耨多羅三藐三菩提心。何以故。已於生死作障隔故。

tắc bất kham nhâm phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm 。

hà dĩ cố 。

dĩ ư sinh tử tác chướng cách cố 。

tức không phát nổi tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Vì đã tạo ngăn cách đối với sinh tử.

是人若發阿耨多羅三藐三菩提心。我亦隨喜。

thị nhân nhược phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm 。

ngã diệc tùy hỉ 。

Người này nếu phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác thì ta cũng lấy làm mừng.

終不斷其功德。所以者何。上人應求上法。

chung bất đoạn kỳ công đức 。

sở dĩ giả hà 。

thượng nhân ứng cầu thượng Pháp 。

Cuối cùng cũng không đoạn công đức của mình. Vì sao? Bậc thượng nhân nên cầu thượng pháp.

爾時佛讚須菩提言。善哉善哉。

nhĩ thời Phật tán Tu-bồ-đề ngôn 。

Thiện tai Thiện tai 。

Bấy giờ, Phật khen Tu-bồ-đề: Lành thay! Lành thay!

汝能如是勸樂諸菩薩。須菩提言。世尊。我當報佛恩。

nhữ năng như thị khuyến lạc chư Bồ-tát 。 Tu-bồ-đề ngôn 。 Thế tôn 。 ngã đương báo Phật ân 。

Ông có thể khuyến khích và làm vui vẻ Bồ-tát như thế. Tu-bồ-đề nói: Thế tôn, con sẽ báo đáp ơn Phật.

如過去諸佛及諸弟子。教如來住空法中。

như quá khứ chư Phật cập chư đệ-tử 。 giáo Như-Lai trụ không Pháp trung 。

Giống như chư Phật và chư đệ tử quá khứ dạy Như lai trụ ở pháp Không,

亦教學諸波羅蜜。如來學是法。得阿耨多羅三藐三菩提。

diệc giáo học chư Ba-la-mật 。 Như-Lai học thị Pháp 。 đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

và dạy hãy học các Ba-la-mật. Như-Lai học pháp này, đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

世尊。我今亦當如是護念諸菩薩。

Thế tôn 。 ngã kim diệc đương như thị hộ niệm chư Bồ-tát 。

Thế tôn, nay con cũng sẽ hộ niệm các Bồ-tát như thế.

以我護念因緣故。諸菩薩當疾得阿耨多羅三藐三菩提。

dĩ ngã hộ niệm nhân duyên cố 。 chư Bồ-tát đương tật đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Nhờ nhân duyên hộ niệm của con mà các Bồ-tát sẽ sớm chứng đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

須菩提語釋提桓因言。憍尸迦。

Tu-bồ-đề ngữ Thích đề hoàn nhân ngôn 。 Kiêu-thi-ca 。

Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn-nhân: Kiêu-thi-ca,

汝一心聽菩薩住般若波羅蜜。憍尸迦。菩薩發大莊嚴乘。

nhữ nhất tâm thính Bồ-tát trụ Bát-nhã Ba-la-mật 。 Kiêu-thi-ca 。 Bồ-tát phát Đại trang nghiêm thừa 。

ông hãy chú tâm nghe Bồ-tát trụ Bát-nhã Ba-la-mật. Kiêu-thi-ca, Bồ-tát phát Đại trang nghiêm thừa;

於大乘以空法住般若波羅蜜。不應住色。

ư Đại thừa dĩ không Pháp trụ Bát-nhã Ba-la-mật 。 bất ứng trụ sắc 。

đối với Đại thừa lấy pháp Không mà trụ Bát-nhã Ba-la-mật. Không nên trụ sắc,

不應住受想行識。不應住色若常若無常。

bất ứng trụ thọ tưởng hành thức 。

bất ứng trụ sắc nhược thường nhược vô thường 。

không nên trụ thọ, tưởng, hành, thức. Không nên trụ sắc, dù thường hay vô thường;

不應住受想行識若常若無常。

bất ứng trụ thọ tưởng hành thức nhược thường nhược vô thường 。

không nên trụ thọ, tưởng, hành, thức dù thường hay vô thường.

不應住色若苦若樂。不應住受想行識若苦若樂。

bất ứng trụ sắc nhược khổ nhược lạc 。

bất ứng trụ thọ tưởng hành thức nhược khổ nhược lạc 。

Không nên trụ sắc dù khổ hay vui; không nên trụ thọ, tưởng, hành, thức dù khổ hay vui.

不應住色若淨若不淨。不應住受想行識若淨若不淨。

bất ứng trụ sắc nhược tịnh nhược bất tịnh 。

bất ứng trụ thọ tưởng hành thức nhược tịnh nhược bất tịnh 。

Không nên trụ sắc dù trong sạch hay không trong sạch; không nên trụ thọ, tưởng, hành, thức dù trong sạch hay không trong sạch.

不應住色若我若無我。

bất ứng trụ sắc nhược ngã nhược vô ngã 。

Không nên trụ sắc dù ngã hay vô ngã;

不應住受想行識若我若無我。不應住色若空若不空。

bất ứng trụ thọ tưởng hành thức nhược ngã nhược vô ngã 。 bất ứng trụ sắc nhược không nhược bất không 。

không nên trụ thọ, tưởng, hành, thức dù ngã hay vô ngã. Không nên trụ sắc dù trống rỗng hay không trống rỗng;

不應住受想行識若空若不空。不應住須陀洹果。

bất ứng trụ thọ tưởng hành thức nhược không nhược bất không 。

bất ứng trụ Tu đà hoàn quả 。

không nên trụ thọ, tưởng, hành, thức dù trống rỗng hay không trống rỗng. Không nên trụ quả Tu-đà-hoàn;

不應住斯陀含果。不應住阿那含果。

bất ứng trụ Tư đà hàm quả 。

bất ứng trụ A na hàm quả 。

không nên trụ quả Tư-đà-hàm; không nên trụ quả A-na-hàm;

不應住阿羅漢果。不應住辟支佛道。不應住佛法。

bất ứng trụ A la hán quả 。

bất ứng trụ Bích chi Phật đạo 。

bất ứng trụ Phật Pháp 。

không nên trụ quả A-la-hán; không nên trụ đạo Phật Bích Chi; không nên trụ Phật pháp.

不應住須陀洹無為果。不應住須陀洹福田。

bất ứng trụ Tu đà hoàn vô vi quả 。

bất ứng trụ Tu đà hoàn phúc điền 。

Không nên trụ quả vô vi Tu-đà-hoàn; không nên trụ ruộng phước Tu-đà-hoàn;

不應住須陀洹乃至七往來生死。

bất ứng trụ Tu đà hoàn nãi chí thất vãng lai sinh tử 。

không nên trụ vào sự lui tới sinh tử đến bảy lần của Tu-đà-hoàn.

不應住斯陀含無為果。不應住斯陀含福田。

bất ứng trụ Tư đà hàm vô vi quả 。 bất ứng trụ Tư đà hàm phúc điền 。
Không nên trụ quả vô vi Tư-đà-hàm; không nên trụ ruộng phước Tư-đà-hàm;

不應住斯陀含一來此間當得盡苦。

bất ứng trụ Tư đà hàm Nhất lai thử gian đương đắc tận khổ 。
không nên trụ vào sự trở lại một lần cõi này rồi sẽ hết khổ của Tư-đà-hàm.

不應住阿那含無為果不應住阿那含福田不應住阿那含彼間滅度。

bất ứng trụ A na hàm vô vi quả bất ứng trụ A na hàm phúc điền bất ứng trụ A na hàm
bỉ gian diệt độ 。

Không nên trụ quả vô vi A-na-hàm, không nên trụ ruộng phước A-na-hàm; không nên trụ
vào sự diệt độ giữa cõi này của A-na-hàm.

不應住阿羅漢無為果。不應住阿羅漢福田。

bất ứng trụ A-la-hán vô vi quả 。 bất ứng trụ A-la-hán phúc điền 。

不應住阿羅漢今世入無餘涅槃。

bất ứng trụ A-la-hán kim thế nhập vô dư Niết bàn 。

不應住辟支佛道無為果。不應住辟支佛福田。

bất ứng trụ Bích chi Phật đạo vô vi quả 。 bất ứng trụ Bích chi Phật phúc điền 。

不應住辟支佛過聲聞地不及佛地而般涅槃。

bất ứng trụ Bích chi Phật quá thanh văn địa bất cập Phật địa nhi bát Niết-Bàn 。

不應住佛法。利益無量眾生。滅度無量眾生。

bất ứng trụ Phật Pháp 。 lợi ích vô lượng chúng sinh 。 diệt độ vô lượng chúng sinh 。
Không nên trụ Phật pháp mà làm lợi ích vô lượng chúng sinh, diệt độ vô lượng chúng sinh.

爾時舍利弗。作是念。菩薩當云何住。

nhĩ thời Xá-lợi-phất 。 tác thị niệm 。 Bồ-tát đương vân hà trụ 。

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nghĩ rằng Bồ-tát sẽ trụ như thế nào?

須菩提知舍利弗心所念。語舍利弗。

Tu-bồ-đề tri Xá-lợi-phất tâm sở niệm 。 ngữ Xá-lợi-phất 。

Tu-bồ-đề biết suy nghĩ của Xá-lợi-phất nên nói với Xá-lợi-phất:

於意云何如來為住何處。舍利弗言。如來無所住無住心名為如來。

ư ý vân hà Như-Lai vi trụ hà xứ 。

Xá-lợi-phất ngôn 。

Như-Lai vô sở trụ vô trụ tâm
danh vi Như-Lai 。

Ý ông thế nào? Như lai trụ chỗ nào? Xá-lợi-phất nói: Như lai không chỗ trụ, tâm không trụ
nên nói là Như lai.

如來不住有為性。亦不住無為性。舍利弗。

Như-Lai bất trụ hữu vi tính 。

diệc bất trụ vô vi tính 。

Xá-lợi-phất 。

Như lai không trụ tính hữu vi, cũng không trụ tính vô vi. Xá-lợi-phất,

菩薩摩訶薩亦應如是住。如如來住於一切法。

Bồ-tát Ma-Ha tát diệc ứng như thị trụ 。

như Như-Lai trụ ư nhất thiết Pháp 。

Bồ-tát Ma-ha-tát cũng nên trụ như vậy. Giống như Như lai trụ tất cả các pháp

非住非不住。爾時眾中有諸天子作是念。

phi trụ phi bất trụ 。

nhĩ thời chúng trung hữu chư Thiên tử tác thị niệm 。

mà không phải trụ không phải không trụ. Bấy giờ, trong hội chúng có các vị Thiên tử nghĩ :

諸夜叉眾語言章句尚可知義。

chư dạ xoa chúng ngữ ngôn chương cú thượng khả tri nghĩa 。

Có thể biết được nghĩa của chương cú, ngôn ngữ của chúng Dạ Xoa

須菩提所說所論難可得解。須菩提知諸天子心所念。

Tu-bồ-đề sở thuyết sở luận nan khả đắc giải 。 Tu-bồ-đề tri chư Thiên tử tâm sở niệm 。

nhưng lời nói, lời luận bàn của Tu-bồ-đề thì thật khó hiểu. Tu-bồ-đề biết được ý nghĩ của các Thiên tử

語諸天子言。是中無說無示無聽。諸天子作是念。

ngữ chư Thiên tử ngôn 。 thị trung vô thuyết vô kì vô thính 。 chư Thiên tử tác thị niệm 。 nên nói với các Thiên tử: Trong này không có nói, không có chỉ bày, không có lắng nghe. Các Thiên tử nghĩ:

須菩提欲令此義易解而轉深妙。

Tu-bồ-đề dục lệnh thử nghĩa dịch giải nhi chuyển thâm diệu 。

Tu-bồ-đề muốn làm cho nghĩa này dễ hiểu nên chuyển pháp thâm diệu.

須菩提知諸天子心所念。語諸天子言。

Tu-bồ-đề tri chư Thiên tử tâm sở niệm 。

Tu-bồ-đề biết được tâm niệm các Thiên tử nên nói với các Thiên tử:

若行者欲證須陀洹果。欲住須陀洹果不離是忍。

nhược hành giả dục chứng Tu đà hoàn quả 。

Nếu hành giả muốn chứng quả Tu-đà-hoàn, muốn trụ quả Tu-đà-hoàn thì đừng rời nhẫn này;

欲證斯陀含果阿那含果阿羅漢果。欲證辟支佛道。

dục chứng Tư đà hàm quả A na hàm quả A la hán quả 。

dục chứng Bích chi Phật đạo 。

muốn chứng quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, muốn chứng Phật Bích Chi đạo,

欲證佛法。亦不離是忍。爾時諸天子作是念。

đục chứng Phật Pháp 。 diệc bất ly thị nhẫn 。 nhĩ thời chư Thiên tử tác thị niệm 。
muốn chứng Phật pháp thì cũng đừng rời nhẫn này. Bấy giờ, các Thiên tử nghĩ:

何等人能隨順聽須菩提所說。

hà đẳng nhân năng tùy thuận thính Tu-bồ-đề sở thuyết 。
Những người nào có thể tùy thuận lắng nghe Tu-bồ-đề nói?

須菩提知諸天子心所念。語諸天子言。

Tu-bồ-đề tri chư Thiên tử tâm sở niệm 。 ngữ chư Thiên tử ngôn 。
Tu-bồ-đề biết tâm niệm các Thiên tử nên nói với các Thiên tử:

幻人能隨順聽我所說。而無聽無證。諸天子作是念。但聽者如幻。

huyễn nhân năng tùy thuận thính ngã sở thuyết 。 nhi vô thính vô chứng 。 chư Thiên tử tác thị niệm 。 đăn thính giả như huyễn 。
Người huyễn có thể tùy thuận lắng nghe ta nói mà không có nghe, không có chứng. Các Thiên tử nghĩ: Không chỉ người nghe giống như huyễn

眾生亦如幻。

chúng sinh diệc như huyễn 。
mà chúng sinh cũng như huyễn;

須陀洹果乃至辟支佛道亦如幻。須菩提。知諸天子心所念。語諸天子言。

Tu đà hoàn quả nãi chí Bích chi Phật đạo diệc như huyễn 。 Tu-bồ-đề 。 tri chư Thiên tử tâm sở niệm 。 ngữ chư Thiên tử ngôn 。
quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Phật Bích Chi cũng như huyễn. Tu-bồ-đề biết được tâm niệm các Thiên tử liền nói với họ:

我說眾生如幻如夢。須陀洹果亦如幻如夢。

ngã thuyết chúng sinh như huyễn như mộng 。 Tu đà hoàn quả diệc như huyễn như mộng 。

Ta nói chúng sinh giống như huyễn như mộng; quả Tu-đà-hoàn cũng như huyễn như mộng;

斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛道亦如幻

Tư đà hàm quả A na hàm quả A la hán quả Bích chi Phật đạo diệc như huyễn quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Phật Bích Chi cũng như huyễn

如夢。諸天子言。須菩提。亦說佛法如幻如夢。

như mộng 。 chư Thiên tử ngôn 。 Tu-bồ-đề 。 diệc thuyết Phật Pháp như huyễn như mộng 。

như mộng. Các Thiên tử nói: Tu-bồ-đề, cũng nói rằng Phật pháp như huyễn như mộng sao?

須菩提言。我說佛法亦如幻如夢。

Tu-bồ-đề ngôn 。 ngã thuyết Phật Pháp diệc như huyễn như mộng 。

Tu-bồ-đề đáp: Ta nói Phật pháp cũng như huyễn như mộng;

我說涅槃亦如幻如夢。諸天子言。大德須菩提。

ngã thuyết Niết-Bàn diệc như huyễn như mộng 。 chư Thiên tử ngôn 。 Đại Đức Tu-bồ-đề 。

ta nói Niết-bàn cũng như huyễn như mộng. Các Thiên tử nói: Đại đức Tu-bồ-đề,

亦說涅槃如幻如夢耶。須菩提言。

diệc thuyết Niết-Bàn như huyễn như mộng da 。 Tu-bồ-đề ngôn 。

cũng nói Niết-bàn như huyễn như mộng sao? Tu-bồ-đề đáp:

諸天子設復有法過於涅槃。我亦說如幻如夢。諸天子。

chư Thiên tử thiết phục hữu Pháp quá ư Niết-Bàn 。 ngã diệc thuyết như huyễn như mộng 。 chư Thiên tử 。

Này các Thiên tử, giả sử có pháp nào vượt quá Niết-bàn thì ta cũng nói như huyễn như mộng. Này các Thiên tử,

幻夢涅槃無二無別。爾時舍利弗。

huyễn mộng Niết-Bàn vô nhị vô biệt 。 nhĩ thời Xá-lợi-phất 。

huyễn mộng và Niết-bàn, không hai, không khác. Bấy giờ, Xá-lợi-phất,

富樓那彌多羅尼子。摩訶拘絺羅。摩訶迦梅延。問須菩提。

phú lâu na di đa-la ni tử 。

Phú-lâu-na Di-đa-da-ni-tử, Ma-ha Câu-hi-la, Ma-ha Ca-chiên-diên, hỏi Tu-bồ-đề:

如是說般若波羅蜜義。誰能受者。時阿難言。

như thị thuyết Bát-nhã Ba-la-mật nghĩa 。

Nghĩa được thuyết như thế của Bát-nhã Ba-la-mật thì ai có thể nhận? Lúc đó, A Nan nói:

如是說般若波羅蜜義。

như thị thuyết Bát-nhã Ba-la-mật nghĩa 。

Nghĩa được thuyết như thế của Bát-nhã Ba-la-mật

阿毘跋致菩薩具足正見者滿願阿羅漢。是等能受。須菩提言。

A ti bạt trí Bồ-tát cụ túc chính kiến giả mãn nguyện A-la-hán 。

thì Bồ-tát bất thoái, bậc có đủ chính kiến, A-la-hán đã tròn nguyện, những bậc này có thể nhận. Tu-bồ-đề nói:

如是說般若波羅蜜義無能受者。所以者何。

như thị thuyết Bát-nhã Ba-la-mật nghĩa vô năng thọ giả 。

Nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật được nói như thế không thể nhận. Vì sao?

此般若波羅蜜法中。無法可說無法可示。

thử Bát-nhã Ba-la-mật Pháp trung 。 vô Pháp khả thuyết vô Pháp khả kì 。

Trong pháp Bát-nhã Ba-la-mật này, không có pháp nào có thể thuyết, không có pháp nào có thể hiển bày.

以是義故無能受者。爾時釋提桓因作是念。

dĩ thị nghĩa cố vô năng thọ giả 。 nhĩ thời thích đề hoàn nhân tác thị niệm 。

Vì nghĩa này nên không có thể nhận. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân nghĩ:

長老須菩提為雨法雨。我寧可化作華散須菩提上。

Trưởng Lão Tu-bồ-đề vi vũ Pháp vũ 。 ngã ninh khả hóa tác hoa tán Tu-bồ-đề thượng 。

Trưởng lão Tu-bồ-đề làm mưa Pháp, tại sao ta không thể làm hoa để rải lên Tu-bồ-đề.

釋提桓因即化作華散須菩提上。須菩提作是念。

thích đề hoàn nhân tức hóa tác hoa tán Tu-bồ-đề thượng 。

Thích-đề-hoàn-nhân liền làm hoa rải lên Tu-bồ-đề. Tôn giả Tu-bồ-đề nghĩ :

釋提桓因今所散華。我於忉利天上所未曾見。

thích đề hoàn nhân kim sở tán hoa 。 ngã ư đao lợi Thiên thượng sở vị tăng kiến 。

Nay Thích-đề-hoàn-nhân rải hoa, ta ở trên trời Đao-lợi chưa từng thấy.

是華從心樹出不從樹生。

thị hoa tòng tâm thụ xuất bất tòng thụ sinh 。

Hoa này xuất phát từ cây tâm chứ không phải từ cây sinh ra.

釋提桓因知須菩提心所念。語須菩提言。是華非生華。

thích đề hoàn nhân tri Tu-bồ-đề tâm sở niệm 。

Thích-đề-hoàn-nhân biết được tâm niệm của Tu-bồ-đề nên nói với Tu-bồ-đề: Hoa này không phải hoa sinh ra,

亦非心樹生。須菩提語釋提桓因言。憍尸迦。

diệc phi tâm thụ sinh 。 Tu-bồ-đề ngữ thích đề hoàn nhân ngôn 。 Kiêu-thi-ca 。
cũng không phải cây tâm sinh ra. Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn-nhân: Kiêu-thi-ca,

汝言是華非生華。亦非心樹生。若非生法不名為華。

nhữ ngôn thị hoa phi sinh hoa 。 diệc phi tâm thụ sinh 。 nhược phi sinh Pháp bất
danh vi hoa 。

ông nói hoa này không phải hoa sinh ra, cũng không phải cây tâm sinh ra. Nếu không
phải sinh ra thì không thể gọi là hoa.

釋提桓因作是念。長老須菩提智慧甚深。

thích đề hoàn nhân tác thị niệm 。 Trưởng Lão Tu-bồ-đề trí tuệ thậm thâm 。

Thích-đề-hoàn-nhân nghĩ: Trí tuệ Trưởng lão Tu-bồ-đề sâu xa,

不壞假名而說實義。念已語須菩提言。

bất hoại giả danh nhi thuyết thật nghĩa 。 niệm dĩ ngữ Tu-bồ-đề ngôn 。

không bỏ giả danh mà vẫn thuyết được thực nghĩa. Nghĩ rồi liền nói với Tu-bồ-đề:

如是如是須菩提。如須菩提所說。菩薩應如是學。

như thị như thị Tu-bồ-đề 。 như Tu-bồ-đề sở thuyết 。 Bồ-tát ứng như thị học 。

Đúng vậy, đúng vậy, Tu-bồ-đề. Như Tu-bồ-đề nói: Bồ-tát nên học như thế.

菩薩如是學者。

Bồ-tát như thị học giả 。

Bồ-tát học như thế

不學須陀洹果斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛道。若不學是地。

bất học Tu đà hoàn quả Tư đà hàm quả A na hàm quả A la hán quả Bích chi Phật
đạo 。 nhược bất học thị địa 。

thì không học quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Phật Bích Chi. Nếu không học các địa này,

是名學佛法學薩婆若。若學佛法學薩婆若。

thì danh học Phật Pháp học tát bà nhược 。 nhược học Phật Pháp học tát bà nhược 。

đó gọi là học Phật pháp, học Nhất thiết trí. Nếu học Phật pháp, học Nhất thiết trí

則學無量無邊佛法。若學無量無邊佛法者。

tất học vô lượng vô biên Phật Pháp 。 nhược học vô lượng vô biên Phật Pháp giả 。

tức học vô lượng vô biên Phật pháp. Nếu học vô lượng vô biên Phật pháp,

不為增減色學。不為增減受想行識學。

bất vi tăng giảm sắc học 。 bất vi tăng giảm thọ tưởng hành thức học 。

tức không học sắc tăng giảm, không học thọ, tưởng, hành, thức tăng giảm,

不為受色學。不為受受想行識學。

bất vi thọ sắc học 。 bất vi thọ thọ tưởng hành thức học 。

không học nhận sắc, không học nhận thọ, tưởng, hành, thức.

是人於法無所取無所滅故學。舍利弗語須菩提。

thì nhân ư Pháp vô sở thủ vô sở diệt cố học 。 Xá-lợi-phất ngữ Tu-bồ-đề 。

Người này đối với Pháp, học mà không nắm bắt, không hủy diệt. Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

行者不為取薩婆若。不為滅薩婆若故學。須菩提言。

hành giả bất vi thủ tát bà nhược 。 bất vi diệt tát bà nhược cố học 。

Tu-bồ-đề ngôn 。

Hành giả học mà không nắm bắt Nhất thiết trí, không hủy diệt Nhất thiết trí. Tu-bồ-đề nói:

如是如是舍利弗菩薩乃至薩婆若。

như thị như thị Xá-lợi-phất Bồ-tát nãi chí tát bà nhược 。
Đúng vậy, đúng vậy, Xá-lợi-phất. Bồ-tát, dù đối với Nhất thiết trí,

不取不滅故學。如是觀時。能學薩婆若能成就薩婆若。

bất thủ bất diệt cố học 。 như thị quán thời 。 năng học tát bà nhược năng thành tựu
tát bà nhược 。

học mà không nắm bắt, không hủy diệt. Lúc quán sát như thế, có thể học Nhất thiết trí,
thành tựu Nhất thiết trí.

爾時釋提桓因語舍利弗。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân ngữ Xá-lợi-phất 。

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân nói với Xá-lợi-phất:

菩薩摩訶薩般若波羅蜜。當於何求。舍利弗言。

Bồ-tát Ma-Ha tát Bát-nhã Ba-la-mật 。

đương ư hà cầu 。

般若波羅蜜當於須菩提所轉中求。釋提桓因語須菩提。

Bát-nhã Ba-la-mật đương ư Tu-bồ-đề sở chuyển trung cầu 。

thích đề hoàn nhân ngữ Tu-bồ-đề 。

是誰神力。須菩提言。是佛神力。憍尸迦。

thị thùy Thần lực 。

Tu-bồ-đề ngôn 。

如所問般若波羅蜜當於何求。

thị Phật Thần lực 。

Kiêu-thi-ca 。

般若波羅蜜不應色中求。不應受想行識中求。亦不離色求。

Bát-nhã Ba-la-mật bất ứng sắc trung cầu 。 bất ứng thọ tưởng hành thức trung cầu 。
diệc bất ly sắc cầu 。

Không nên cầu Bát-nhã Ba-la-mật ở sắc, không nên cầu ở thọ, tưởng, hành, thức, nhưng
cũng không rời sắc để cầu,

亦不離受想行識求。何以故。色非般若波羅蜜。

diệc bất ly thọ tưởng hành thức cầu 。 hà dĩ cố 。 sắc phi Bát-nhã Ba-la-mật 。

cũng không rời thọ, tưởng, hành, thức để cầu. Vì sao? Sắc không phải là Bát-nhã Ba-la-
mật;

離色亦非般若波羅蜜。受想行識非般若波羅蜜。

ly sắc diệc phi Bát-nhã Ba-la-mật 。

thọ tưởng hành thức phi Bát-nhã Ba-la-mật 。

rời sắc cũng không phải Bát-nhã Ba-la-mật. Thọ, tưởng, hành, thức không phải Bát-nhã
Ba-la-mật;

離受想行識亦非般若波羅蜜。釋提桓因言。

ly thọ tưởng hành thức diệc phi Bát-nhã Ba-la-mật 。

thích đề hoàn nhân ngôn 。

rời thọ, tưởng, hành, thức cũng không phải Bát-nhã Ba-la-mật. Thích-đề-hoàn-nhân nói:

摩訶波羅蜜是般若波羅蜜。

Ma-Ha Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

Ma-ha Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

無量波羅蜜是般若波羅蜜。無邊波羅蜜是般若波羅蜜。

vô lượng Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

vô biên Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

。

Vô lượng Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật. Vô biên Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

須菩提言。如是如是憍尸迦。

Tu-bồ-đề ngôn 。

như thị như thị Kiêu-thi-ca 。

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, đúng vậy, Kiêu-thi-ca.

摩訶波羅蜜是般若波羅蜜。無量波羅蜜是般若波羅蜜。

Ma-Ha Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 vô lượng Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

Ma-ha Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật. Vô lượng Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

無邊波羅蜜是般若波羅蜜。憍尸迦。

vô biên Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 Kiêu-thi-ca 。

Vô biên Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật. Kiêu-thi-ca,

色無量故般若波羅蜜無量。

sắc vô lượng cố Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng 。

vì sắc vô lượng nên Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng.

受想行識無量故般若波羅蜜無量。緣無邊故般若波羅蜜無邊。

thọ tưởng hành thức vô lượng cố Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng 。

duyên vô biên cố Bát-nhã Ba-la-mật vô biên 。

Vì thọ, tưởng, hành, thức vô lượng nên Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng. Vì duyên vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên.

眾生無邊故般若波羅蜜無邊。憍尸迦。

chúng sinh vô biên cố Bát-nhã Ba-la-mật vô biên 。

Kiêu-thi-ca 。

Vì chúng sinh vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên. Kiêu-thi-ca,

云何緣無邊故般若波羅蜜無邊。諸法無前無中無後。

vân hà duyên vô biên cố Bát-nhã Ba-la-mật vô biên 。

chư Pháp vô tiền vô trung vô hậu 。

tại sao vì duyên vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên? Các pháp không có trước, không có giữa và không có sau.

是故緣無邊般若波羅蜜無邊。復次憍尸迦。

thị cố duyên vô biên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên 。 phục thứ Kiêu-thi-ca 。
Vi thể, duyên vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên. Lại nữa, Kiêu-thi-ca.

諸法無邊。前際不可得。中際後際不可得。

chư Pháp vô biên 。 tiền tế bất khả đắc 。 trung tế hậu tế bất khả đắc 。
Các pháp là vô biên nên tiền tế không thể đắc, trung tế, hậu tế không thể đắc.

是故緣無邊般若波羅蜜無邊。

thị cố duyên vô biên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên 。
Vi thể, duyên vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên.

釋提桓因言長老須菩提。云何眾生無邊般若波羅蜜無邊。

thích đề hoàn nhân ngôn Trưởng Lão Tu-bồ-đề 。 vân hà chúng sinh vô biên Bát-nhã
Ba-la-mật vô biên 。

Thích-đề-hoàn-nhân nói với Trưởng lão Tu-bồ-đề: Tại sao chúng sinh vô biên nên Bát-nhã
Ba-la-mật vô biên?

憍尸迦。

Kiêu-thi-ca 。

Kiêu-thi-ca,

眾生無量算數不可得是故眾生無邊般若波羅蜜無邊。釋提桓因言。

chúng sinh vô lượng toán số bất khả đắc thị cố chúng sinh vô biên Bát-nhã Ba-la-mật vô
biên 。

chúng sinh vô lượng không thể đếm được; vì thế, chúng sinh vô biên nên Bát-nhã Ba-la-
mật vô biên. Thích-đề-hoàn-nhân nói:

大德須菩提眾生有何義。須菩提言。

Đại Đức Tu-bồ-đề chúng sinh hữu hà nghĩa 。

Đại đức Tu-bồ-đề, chúng sinh có nghĩa gì? Tu-bồ-đề nói:

眾生義即是法義。於意云何。所言眾生。眾生有何義。

chúng sinh nghĩa tức thị Pháp nghĩa 。 ư ý vân hà 。 sở ngôn chúng sinh 。 chúng sinh hữu hà nghĩa 。

Nghĩa của chúng sinh chính là nghĩa của Pháp. Ý ông thế nào? Chúng sinh được nói đến, chúng sinh đó có nghĩa gì?

釋提桓因言。眾生非法義。亦非非法義。

thích đề hoàn nhân ngôn 。 chúng sinh phi Pháp nghĩa 。 diệc phi phi Pháp nghĩa 。

Thích-đề-hoàn-nhân nói: Chúng sinh không phải nghĩa của Pháp, cũng không phải nghĩa của Phi pháp,

但有假名。是名字無本無因。強為立名名為眾生。

đãn hữu giả danh 。 thị danh tự vô bản vô nhân 。 cường vi lập danh danh vi chúng sinh 。

mà chỉ có giả danh. Danh tự này không có gốc, không có nhân. Tạm thời đặt tên nên gọi là chúng sinh.

須菩提言。於意云何。

Tu-bồ-đề ngôn 。 ư ý vân hà 。

Tu-bồ-đề hỏi: Ý ông thế nào?

此中實有眾生可說可示不。不也。須菩提言。憍尸迦。

thử trung thật hữu chúng sinh khả thuyết khả kì bất 。 bất dã 。 Tu-bồ-đề ngôn 。 Kiêu-thi-ca 。

Ở đây thật có chúng sinh có thể nói đến, có thể chỉ ra không? Không. Tu-bồ-đề nói: Kiêu-thi-ca,

若眾生不可說不可示。

nhược chúng sinh bất khả thuyết bất khả kì 。

nếu chúng sinh không thể nói đến, không thể chỉ ra,

云何言眾生無邊般若波羅蜜無邊。憍尸迦。若如來住壽如恒河沙劫。

vân hà ngôn chúng sinh vô biên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên 。 Kiêu-thi-ca 。 nhược Như-Lai trụ thọ như hằng hà sa kiếp 。

làm sao nói chúng sinh vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên? Kiêu-thi-ca, nếu Như lai trụ ở thọ mạng nhiều kiếp như cát sông Hằng

說言眾生。眾生實有眾生生滅不。

thuyết ngôn chúng sinh 。 chúng sinh thật hữu chúng sinh sinh diệt bất 。

mà nói đến chúng sinh thì chúng sinh có thật có, chúng sinh có sinh diệt không?

釋提桓因言不也。何以故。眾生從本已來常清淨故。

thích đề hoàn nhân ngôn bất dã 。 hà dĩ cố 。

Thích-đề-hoàn-nhân nói: Không. Vì sao? Vì chúng sinh từ trước đến nay thường thanh tịnh.

憍尸迦。是故當知眾生無邊般若波羅蜜無邊。

Kiêu-thi-ca 。 thị cố đương tri chúng sinh vô biên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên 。

Kiêu-thi-ca, vì thế nên biết chúng sinh vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên.

小品般若波羅蜜經

tiểu phẩm Bát-nhã Ba-la-mật Kinh

Kinh Tiểu Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật

卷第二

quyển đệ nhị

Quyển II

塔品第三(丹本云寶答品)

tháp phẩm đệ tam (đơn bản vân bảo đáp phẩm)

Phẩm 3: Tháp (Đơn bản gọi là Phẩm Bảo Tháp)

爾時釋提桓因梵天王自在天王。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân Phạm Thiên Vương Tự Tại Thiên vương 。

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm thiên vương, Tự tại thiên vương

及眾生主諸天女等。皆大歡喜。同時三唱快哉快哉。

cập chúng sinh chủ chư Thiên nữ đẳng 。

giai Đại hoan hỉ 。

đồng thời tam xướng
khoái tai khoái tai 。

cùng với các Thiên nữ của Chúng sinh chủ, vân vân, đều rất hoan hỉ, cùng lúc xướng lên
ba lần: Vui thay, vui thay.

佛出世故。須菩提乃能演說是法。

Phật xuất thế cố 。

Tu-bồ-đề nãi năng diễn thuyết thị Pháp 。

Vì Phật xuất thế nên Tu-bồ-đề mới có thể diễn nói Pháp này.

爾時諸天大眾俱白佛言。世尊。

nhĩ thời chư Thiên Đại chúng câu bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

Bấy giờ, đại chúng chư Thiên đều bạch Phật: Thế tôn,

若菩薩能不離般若波羅蜜行。當視是人如佛。佛告諸天子。如是如是。

nhược Bồ-tát năng bất ly Bát-nhã Ba-la-mật hành 。

đương thị thị nhân như Phật 。

Phật cáo chư Thiên tử 。

như thị như thị 。

nếu Bồ-tát có thể hành mà không rời Bát-nhã Ba-la-mật thì nên xem người đó như Phật.

Phật dạy các Thiên tử: Đúng thế, đúng thế.

昔我於眾華城燃燈佛所不離般若波羅蜜行

tích ngã ư chúng hoa thành Nhiên Đăng Phật sở bất ly Bát-nhã Ba-la-mật hành

Xưa Ta ở nơi Thành hoa của Phật Nhiên đặng, hành mà không rời Bát-nhã Ba-la-mật.

時燃燈佛記我。於來世過阿僧祇劫。

thời Nhiên Đăng Phật kí ngã 。

ư lai thế quá a tăng kì kiếp 。

Lúc đó Phật Nhiên đăng thọ ký cho Ta, trải qua a-tăng-kỳ kiếp đến đời vị lai

當得作佛號釋迦牟尼如來應供正遍知明行足善逝

đương đắc tác Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni Như-Lai Ứng-Cúng Chính-biến-Tri Minh-hạnh-Túc thiện thệ

sẽ được thành Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như lai Ứng cúng Chính biến tri Minh hạnh túc Thiện thệ

世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

thế gian giải Vô-thượng-Sĩ điều ngự trượng phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế tôn 。

Thế gian giải Vô thượng sỹ Điều ngự Trượng phu Thiên nhơn sư Phật Thế tôn.

諸天子白佛言。希有世尊。

chư Thiên tử bạch Phật ngôn 。

Các Thiên tử bạch Phật: Hiếm có, Thế tôn.

諸菩薩摩訶薩般若波羅蜜。能攝取薩婆若。佛因釋提桓因。

chư Bồ-tát Ma-Ha tát Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bát-nhã Ba-la-mật của các Bồ-tát Ma-ha-tát có thể bao hàm Nhất thiết trí. Phật vì Thích-đề-hoàn-nhân

告欲色界諸天子及四眾比丘比丘尼優婆塞優婆

cáo dục sắc giới chư Thiên tử cập Tứ Chúng bĩ khâu bĩ khâu ni Ưu bà tắc ưu bà mà bảo các Thiên tử ở Dục giới, Sắc giới cùng với bốn chúng Tỷ-khưu, Tỷ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, vân vân:

夷等。憍尸迦。若有善男子善女人。

di đẳng 。

Kiên-thi-ca, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

能受持讀誦般若波羅蜜。如所說行。

năng thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。 như sở thuyết hành 。

có thể thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật, hành đúng như pháp đã nói

魔若魔天人若非人。不得其便終不橫死。善男子善女人。

Ma nhược Ma Thiên nhân nhược phi nhân 。 bất đắc kỳ tiện chung bất hoạnh tử 。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

受持讀誦般若波羅蜜故。

thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật cố 。

thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật.

切利諸天發阿耨多羅三藐三菩提心。

Đao-lợi chư Thiên phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm 。

Chư Thiên ở trời Đao-lợi phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

未受持讀誦般若波羅蜜者來至其所。復次憍尸迦。善男子善女人。

vị thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật giả lai chí kỳ sở 。

phục thứ Kiêu-thi-ca 。

受持讀誦般若波羅蜜時。

thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật thời 。

lúc thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật,

若在空舍若在道路若或失道無有恐怖。爾時四天王白佛言。世尊。

nhược tại không xá nhược tại đạo lộ nhược hoặc thất đạo vô hữu khủng phố 。

nếu ở trong nhà trống, hoặc ở trên đường đi, hoặc lạc đường thì cũng không sợ hãi. Bấy giờ, bốn Thiên vương bạch Phật: Thế tôn,

若善男子善女人。受持讀誦般若波羅蜜。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật,

如所說行。我等皆當護念。釋提桓因白佛言。世尊。

như sở thuyết hành 。 ngã đấng giai đương hộ niệm 。 thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

hành như pháp đã thuyết, chúng con đều sẽ hộ niệm. Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Thế tôn,

若善男子善女人。受持讀誦般若波羅蜜。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật

如所說行。我當護念。

như sở thuyết hành 。 ngã đương hộ niệm 。

và hành như pháp đã thuyết thì con sẽ hộ niệm.

梵天王及諸梵天俱白佛言。世尊。若善男子善女人。

Phạm Thiên Vương cập chư Phạm Thiên câu bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Phạm thiên vương cùng các Phạm thiên đều bạch Phật: Thế tôn, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

受持讀誦般若波羅蜜。如所說行。我等亦當護念。

thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。

như sở thuyết hành 。

ngã đấng diệc đương hộ niệm 。

thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật, hành như pháp đã thuyết thì chúng con cũng sẽ hộ niệm.

釋提桓因白佛言。希有世尊。善男子善女人。

thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。 hi hữu Thế tôn 。 thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Hiếm có, Thế tôn. Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

受持讀誦般若波羅蜜。得如是現世功德。世尊。

thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。 đắc như thị hiện thế công đức 。 Thế tôn 。

thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật, được công đức đời hiện tại như thế. Thế tôn,

若受持般若波羅蜜者。則為受持諸波羅蜜。

nhược thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật giả 。 tắc vi thọ trì chư Ba-la-mật 。

nếu thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật tức thọ trì tất cả các Ba-la-mật.

佛言如是如是。憍尸迦。受持般若波羅蜜者。

Phật ngôn như thị như thị 。 Kiêu-thi-ca 。

Phật nói: Đúng thế, đúng thế. Kiêu-thi-ca, thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật

則為受持諸波羅蜜。復次憍尸迦。善男子善女人。

tắc vi thọ trì chư Ba-la-mật 。

Lại nữa, Kiêu-thi-ca. Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

受持讀誦般若波羅蜜。所得功德。

thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。

thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật, công đức có được,

汝今善聽當為汝說。釋提桓因受教而聽。佛告憍尸迦。

nhữ kim thiện thính đương vi nhữ 。

Kiêu-thi-ca 。

nếu ông khéo lắng nghe Ta sẽ vì ông mà nói. Thích-đề-hoàn-nhân nghe dạy lắng nghe.
Phật bảo Kiêu-thi-ca:

若有欲毀亂違逆我此法者雖有是心漸漸自滅終

nhược hữu dục hủy loạn vi nghịch ngã thử Pháp giả tuy hữu thị tâm tiệm tiệm tự
diệt chung

Nếu có kẻ muốn hủy báng, làm rối loạn, trái nghịch với Pháp này của ta, tuy có tâm như
thế nhưng rồi dần dần cũng tiêu mất, cuối cùng

不從願。何以故。憍尸迦。若善男子善女人。

bất tòng nguyện 。 hà dĩ cố 。 Kiêu-thi-ca 。 nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。
không được như ý nguyện. Vì sao? Kiêu-thi-ca, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

受持讀誦般若波羅蜜。

thọ trì độc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。

thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật,

種種毀亂違逆事起法應皆滅。是故此人終不從願。憍尸迦。

chủng chủng hủy loạn vi nghịch sự khởi Pháp ứng giai diệt 。

nếu có người sinh khởi đủ loại hủy báng, làm rối loạn, đối nghịch thì những điều đó đều bị
diệt. Vì thế người này rốt cuộc cũng không như ý nguyện. Kiêu-thi-ca,

善男子善女人。受持讀誦般若波羅蜜。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật,

得如是現世功德。譬如有藥名為摩醯。有蛇飢行求食。

đắc như thị hiện thế công đức 。

được công đức đời hiện tại như thế. Giống như có loại thuốc tên là Ma-hê, có con rắn đói đi tìm thức ăn,

見有小虫而欲食之。虫赴藥所。

kiến hữu tiểu trùng nhi dục thực chi 。 trùng phó dược sở 。
thấy con trùng nhỏ liền muốn ăn thịt. Con trùng nhỏ chạy tới chỗ có thuốc;

蛇聞藥氣即迴還去。所以者何。藥力能消蛇毒故。僑尸迦。

xà văn dược khí tức hồi hoàn khứ 。 sở dĩ giả hà 。 dược lực năng tiêu xà độc cố 。
Kiêu-thi-ca 。

rắn ngửi thấy mùi thuốc liền bỏ đi. Vì sao? Vì lực của thuốc có thể làm tiêu độc rắn. Kiêu-thi-ca,

善男子善女人亦如是。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân diệc như thị 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân cũng vậy.

若受持讀誦般若波羅蜜。種種毀亂違逆事起。

nhược thọ trì độc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。 chủng chủng hủy loạn vi nghịch sự khởi 。

Nếu thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật, lúc các việc hủy báng, làm rối loạn sinh khởi

以般若波羅蜜力故即自消滅。復次僑尸迦。

dĩ át nhã Ba-la-mật lực cố tức tự tiêu diệt 。

phục thứ Kiêu-thi-ca 。

thì do lực của Bát-nhã Ba-la-mật mà tự tiêu diệt. Lại nữa, Kiêu-thi-ca.

若受持讀誦般若波羅蜜。護世四天王皆當護念。復次僑尸迦。

nhược thọ trì độc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。

hộ thế tứ Thiên vương giai đương hộ niệm 。

phục thứ Kiêu-thi-ca 。

Nếu thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật thì bốn Thiên vương hộ vệ thế gian đều sẽ hộ niệm. Lại nữa, Kiêu-thi-ca,

是人終不說無益之語。有所言說人所信受。

thị nhân chung bất thuyết vô ích chi ngữ 。 hữu sở ngôn thuyết nhân sở tín thọ 。
người này suốt đời không nói lời vô bổ. Nếu có nói ra điều gì, mọi người đều tin nhận;

少於瞋恚終不懷恨。不為我慢所覆。

thiểu ư sân khuể chung bất hoài hận 。 bất vi ngã mạn sở phúc 。
ít bị giận dữ, suốt đời không ôm hận, không bị ngã mạn che lấp,

不為瞋恚所使。善男子善女人若瞋恚時。能作是念。

bất vi sân khuể sở sử 。 thiện nam tử Thiện Nữ Nhân nhược sân khuể thời 。 năng
tác thị niệm 。

không bị giận dữ sai sử. Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, nếu lúc giận dữ mà có thể nghĩ:

若我瞋者則壞諸根顏色變異。

nhược ngã sân giả tắc hoại chư căn nhan sắc biến dị 。

nếu ta giận dữ tức hoại các căn, nhan sắc đổi khác;

我欲求阿耨多羅三藐三菩提。云何當隨瞋心。如是思惟。

ngã dục cầu a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

vân hà đương tùy sân tâm 。

như thị
tư duy 。

即得正念。憍尸迦。善男子善女人。

tức đắc chính niệm 。

Kiêu-thi-ca 。

受持讀誦般若波羅蜜。亦得是現世功德。

thọ trì độc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。

diệc đắc thị hiện thế công đức 。

thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật cũng có được công đức đời hiện tại như thế.

釋提桓因白佛言。希有世尊。

thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。 hi hữu Thế tôn 。

Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Hiếm có, Thế tôn.

般若波羅蜜為迴向故不為高心。佛告憍尸迦。善男子善女人。

Bát-nhã Ba-la-mật vi hồi hướng cố bất vi cao tâm 。

Phật cáo Kiêu-thi-ca 。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Vi Bát-nhã Ba-la-mật là hồi hướng, nên không khởi tâm cao ngạo. Phật bảo Kiêu-thi-ca:
Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

受持讀誦般若波羅蜜。若人軍陣誦般若波羅蜜。

thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。

nhược nhân quân trận tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。

。

thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu trong quân trận tụng Bát-nhã Ba-la-mật,

若住若出。若失壽命若被惱害。無有是處。

nhược trụ nhược xuất 。

nhược thất thọ mạng nhược bị não hại 。

vô hữu thị xử 。

dù ở hay ra, dù mất mạng hay bị não hại, thì đều không có những điều này;

若刀箭向者終不能傷。何以故。

nhược đao tiến hướng giả chung bất năng thương 。

hà dĩ cố 。

dù đao tên nhắm đến cuối cùng không thể làm tổn thương. Vì sao?

般若波羅蜜是大呪術無上呪術。善男子善女人學此呪術。

Bát-nhã Ba-la-mật thị Đại chú thuật vô thượng chú thuật 。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân học thử chú thuật 。

Bát-nhã Ba-la-mật là đại chú thuật, vô thượng chú thuật. Thiện nam tử, Thiện nữ nhân học chú thuật này

不自念惡不念他惡。不兩念惡學是呪術。

bất tự niệm ác bất niệm tha ác 。 bất lượng niệm ác học thị chú thuật 。
không tự nghĩ đến điều ác, không nghĩ đến điều ác của người; không nghĩ đến hai loại ác
mà học chú thuật này,

得阿耨多羅三藐三菩提。得薩婆若智。

đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 đắc tát bà nhược trí 。
tức được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, được Nhất thiết trí,

能觀一切眾生心。復次憍尸迦。

năng quán nhất thiết chúng sinh tâm 。 phục thứ Kiêu-thi-ca 。
có thể quán sát tâm tất cả chúng sinh. Lại nữa, Kiêu-thi-ca.

若般若波羅蜜經卷住處若讀誦處。

nhược Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển trụ xử nhược độc tụng xử 。
Nếu nơi nào có Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, nếu nơi nào có đọc tụng,

人若非人不得其便唯除業行必應受者。憍尸迦。

nhân nhược phi nhân bất đắc kỳ tiện duy trừ nghiệp hành tất ứng thọ giả 。 Kiêu-thi-
ca 。

thì người hoặc loài phi nhân không có cơ hội, ngoại trừ do nghiệp hành thì mới phải chịu.
Kiêu-thi-ca,

譬如道場四邊若人若畜生無能惱者。何以故。過去未來現在諸佛此中得道。

thí như đạo trường tứ biên nhược nhân nhược súc sinh vô năng nảo giả 。 hà dĩ cố
。 quá khứ vị lai hiện tại chư Phật thử trung đắc đạo
giống như bốn bên đạo tràng, dù người, dù súc sinh, đều không thể nảo hại. Vì sao? Chư
Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều thành đạo ở chỗ này,

已得今得當得。是處一切眾生。

dĩ đắc kim đắc đương đắc 。 thị xử nhất thiết chúng sinh 。

đã đắc, đang đắc, sẽ đắc. Ở chỗ như thế, tất cả chúng sinh

無恐無畏無能惱害。憍尸迦。以般若波羅蜜故。

vô khủng vô úy vô năng nã hại 。 Kiêu-thi-ca 。 dĩ át nhã Ba-la-mật cố 。
không khiếp, không sợ, không thể bị nã hại. Kiêu-thi-ca, vì có Bát-nhã Ba-la-mật,

是處則吉人所恭敬供養禮拜。釋提桓因白佛言。世尊。

thị xử tắc cát nhân sở cung kính cung dưỡng lễ bái 。 thích đề hoàn nhân bạch Phật
ngôn 。 Thế tôn 。

chỗ như thế được tốt lành, được người cung kính, cúng dường, lễ bái. Thích-đề-hoàn-
nhân bạch Phật: Thế tôn,

若善男子善女人書般若波羅蜜。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân thư Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân biên chép Bát-nhã Ba-la-mật,

受持經卷供養恭敬尊重讚歎。

thọ trì Kinh quyển cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán 。

thọ trì quyển kinh, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán,

以好花香瓔珞塗香燒香末香雜香繒蓋幢幡而以供養。

dĩ hảo hoa hương chuỗi ngọc đồ hương thiêu hương mật hương tạp hương tăng cái
tràng phiên nhi dĩ cung dưỡng 。

dùng hương hoa tốt, chuỗi ngọc, hương thoa, hương đốt, hương bột, hương tạp, cờ phướn,
lọng lùa để cúng dường;

若復有人以如來舍利。供養恭敬尊重讚歎。

nhược phục hữu nhân dĩ Như-Lai Xá-lợi 。

hoặc nếu có người cúng dường, cung kính, tôn trọng, xưng tán xá-lợi của Như lai,

以好花香瓔珞塗香燒香末香雜香繒蓋幢幡而以供養

dĩ hảo hoa hương chuỗi ngọc đồ hương thiêu hương mặt hương tạp hương tăng cái
tràng phiên nhi dĩ cung dưỡng
dùng hương hoa tốt, chuỗi ngọc, hương thoa, hương đốt, hương bột, hương tạp, lọng lụa,
cờ phướn mà cúng dường;

其福何所為多。憍尸迦。我還問汝。隨汝意答。

kỳ phúc hà sở vi đa 。 Kiêu-thi-ca 。 ngã hoàn vấn nhữ 。 tùy nhữ ý đáp 。
thì phước của họ, cái nào nhiều? Kiêu-thi-ca, ta lại hỏi ông, hãy tùy ý đáp.

於意云何。如來行何道。得薩婆若所依止身。

ư ý vân hà 。 Như-Lai hành hà đạo 。 đắc tát bà nhược sở y chỉ thân 。
Ý ông thế nào? Như lai hành đạo gì mà được thân y chỉ của Nhất thiết trí,

得阿耨多羅三藐三菩提。釋提桓因白佛言。

đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。
được Vô thượng Chính đẳng Chính giác? Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

世尊。如來學般若波羅蜜故。

Thế tôn 。 Như-Lai học Bát-nhã Ba-la-mật cố 。

Thế tôn, vì Như lai học Bát-nhã Ba-la-mật,

得是身得阿耨多羅三藐三菩提。憍尸迦。

đắc thị thân đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 Kiêu-thi-ca 。

nên được thân như thế, được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Kiêu-thi-ca,

佛不以身故名為如來。以得薩婆若故名為如來。憍尸迦。

Phật bất dĩ thân cố danh vi Như-Lai 。 dĩ đắc tát bà nhược cố danh vi Như-Lai 。

Kiêu-thi-ca 。

Phật không dùng thân nên gọi là Như lai, được Nhất thiết trí nên gọi là Như lai. Kiêu-thi-
ca,

諸佛薩婆若從般若波羅蜜生。

chư Phật tát bà nhược tông Bát-nhã Ba-la-mật sinh 。

Nhất thiết trí của chư Phật từ Bát-nhã Ba-la-mật mà có,

是身薩婆若智所依止故。如來因是身得薩婆若智。

thị thân tát bà nhược trí sở y chỉ cố 。

。

vì thân đó là nơi y chỉ của Nhất thiết trí. Như lai dựa vào thân đó mà được Nhất thiết trí,

成阿耨多羅三藐三菩提。是身薩婆若所依止故。

thành a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác, vì thân đó là nơi y chỉ của Nhất thiết trí.

我滅度後舍利得供養。憍尸迦。

ngã diệt độ hậu xá-lợi đắc cung dưỡng 。

Sau khi Ta diệt độ, xá-lợi mới được cúng dường. Kiêu-thi-ca,

若善男子善女人書般若波羅蜜。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân thư Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào biên chép Bát-nhã Ba-la-mật,

受持讀誦供養恭敬尊重讚歎。

thọ trì độc tụng cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán 。

thọ trì, đọc tụng, cúng dường, cung kính, tôn trọng, xưng tán,

以好花香瓔珞塗香燒香末香雜香繒蓋幢幡而以供養。

dĩ hảo hoa hương chuỗi ngọc đồ hương thiêu hương mật hương tạp hương tăng cái tràng phiên nhi dĩ cung dưỡng 。

dùng hương hoa, chuỗi ngọc, hương thoa, hương đốt, hương bột, các loại hương, lọng lùa, cờ phướn mà cúng dường

是善男子善女人即是供養薩婆若智。是故若人書寫般若波羅蜜。

thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân tức thị cung dưỡng tát bà nhược trí 。 thị cố nhược nhân thư tả Bát-nhã Ba-la-mật 。

thì Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đó chính là cúng dường Nhất thiết trí. Vì thế nếu biên chép Bát-nhã Ba-la-mật,

供養恭敬尊重讚歎。當知是人得大福德。

cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán 。 đưong tri thị nhân đắc Đại phúc đức 。

cúng dường, cung kính, tôn trọng, xưng tán thì nên biết người đó có được phước đức lớn.

何以故供養薩婆若智故。釋提桓因白佛言。世尊。

hà dĩ cố cung dưỡng tát bà nhược trí cố 。

thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

Vì sao? Vì cúng dường Nhất thiết trí. Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Thế tôn,

闍浮提人不供養恭敬尊重讚歎般若波羅蜜。

Diêm-phù-đề nhân bất cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán Bát-nhã Ba-la-mật 。

người ở Diêm-phù-đề không cúng dường, cung kính, tôn trọng, xưng tán Bát-nhã Ba-la-mật

為不知得如是大利益耶。佛言。憍尸迦。

vi bất tri đắc như thị Đại lợi ích da 。

Phật ngôn 。

Kiêu-thi-ca 。

thì không biết rằng có được lợi ích lớn như vậy sao? Phật dạy: Kiêu-thi-ca,

於意云何。闍浮提有幾所人於佛得不壞信。

ư ý vân hà 。

Diêm-phù-đề hữu ki sở nhân ư Phật đắc bất hoại tín 。

ý ông thế nào? Ở Diêm-phù-đề bao nhiêu người có niềm tin bất hoại đối với Phật?

幾所人於法於僧得不壞信。釋提桓因言。

ki sở nhân ư Pháp ư tăng đắc bất hoại tín 。

thích đề hoàn nhân ngôn 。

Bao nhiêu người có niềm tin bất hoại đối với Pháp, đối với Tăng? Thích-đề-hoàn-nhân
đáp:

少所人於佛得不壞信。於法於僧得不壞信。世尊。

thiểu sở nhân ư Phật đắc bất hoại tín 。 ư Pháp ư tăng đắc bất hoại tín 。 Thế tôn 。
Chỉ một ít người có niềm tin bất hoại đối với Phật, với Pháp, với Tăng. Thế tôn,

闍浮提少所人。

Diêm-phù-đề thiểu sở nhân 。

chỉ một ít người ở Diêm-phù-đề

得須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢。得辟支佛者轉復減少。

đắc Tu đà hoàn Tư đà hàm A na hàm A La Hán 。 đắc Bích chi Phật giả chuyển phục
giảm thiểu 。

đắc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán; đắc Phật Bích Chi lại ít hơn.

能行菩薩道者亦復轉少。如是如是憍尸迦。闍浮提少所人。

năng hành Bồ-tát đạo giả diệc phục chuyển thiểu 。

như thị như thị Kiêu-thi-ca 。

於佛得不壞信。

ư Phật đắc bất hoại tín 。

có niềm tin bất hoại đối với Phật,

乃至能發阿耨多羅三藐三菩提心。行菩薩道者亦復轉少。憍尸迦。

nãi chí năng phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm 。

hành Bồ-tát đạo giả diệc phục chuyển thiểu 。

無量無邊阿僧祇眾生。發阿耨多羅三藐三菩提心。

vô lượng vô biên a tăng kì chúng sinh 。 phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm 。
vô lượng, vô biên a-tăng-kì chúng sinh phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác;

於中若一若二住阿毘跋致地。

ư trung nhược nhất nhược nhị trụ A tì bạt trí địa 。
trong đó chỉ có một hoặc hai trụ đợc địa Bất thoái.

是故當知善男子善女人。發阿耨多羅三藐三菩提心。

thị cố đương tri thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề
tâm 。

Vì vậy nên biết Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính
giác,

乃至能受持讀誦供養恭敬尊重讚歎般若波羅

nãi chí năng thọ trì đợc tụng cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán Bát-nhã ba la
mới có thể thọ trì, đợc tụng, cúng dường, cung kính, tôn trọng, xưng tán Bát-nhã Ba-la-
mật.

蜜。何以故。是人作是念。

mật 。 hà dĩ cố 。 thị nhân tác thị niệm 。

Vì sao? Người đó nghĩ rằng,

過去諸佛行菩薩道時。從是中學。我等亦應於是中學。

quá khứ chư Phật hành Bồ-tát đạo thời 。 tòng thị trung học 。 ngã đẵng diệc ứng ư thị
trung học 。

chư Phật quá khứ lúc hành đạo Bồ-tát đã học từ trong đó; chúng ta cũng nên học từ trong
đó.

般若波羅蜜是我大師。憍尸迦。若我現在若我滅後。

Bát-nhã Ba-la-mật thị ngã Đại sư 。 Kiêu-thi-ca 。 nhược ngã hiện tại nhược ngã diệt hậu 。

Bát-nhã Ba-la-mật là Đại sư của Ta. Kiêu-thi-ca, nếu Ta ở hiện tại, hoặc sau khi Ta diệt độ,

菩薩常應依止般若波羅蜜。

Bồ-tát thường ứng y chỉ Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bồ-tát thường nên nương vào Bát-nhã Ba-la-mật.

若善男子善女人於我滅後。以供養如來故起七寶塔。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân ư ngã diệt hậu 。

dĩ cung dưỡng Như-Lai cố khởi bảy báu tháp 。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào sau khi Ta diệt độ, vì cúng dường Như lai mà khởi tháp bảy báu,

盡其形壽。以好花香塗香末香衣服幢幡。供養是塔。

tận kỳ hình thọ 。

dĩ hảo hoa hương đồ hương mạt hương y phục tràng phiến 。

cung dưỡng thị tháp 。

tự thân trọn đời dùng hương hoa, hương thoa, hương bột, áo quần, cờ phướn cúng dường tháp đó.

於意云何。是善男子善女人。以是因緣故。

ư ý vân hà 。

thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

dĩ thị nhân duyên cố 。

Ý ông thế nào? Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đó nhờ nhân duyên như thế

得福多不。釋提桓因言。甚多世尊。佛言憍尸迦。

đắc phúc đa bất 。

thích đề hoàn nhân ngôn 。

thậm đa Thế tôn 。

Phật ngôn Kiêu-thi-ca 。

mà được phước nhiều chăng? Thích-đề-hoàn-nhân đáp: Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy Kiêu-thi-ca:

若善男子善女人。供養般若波羅蜜經卷。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。
Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân cúng dường kinh Bát-nhã Ba-la-mật,

恭敬尊重讚歎。以好華香塗香末香衣服幢幡。

cung kính tôn trọng tán thán 。 dĩ hảo hoa hương đồ hương mặt hương y phục tràng
phiên 。

cung kính, tôn trọng, xưng tán, dùng hương hoa, hương thoa, hương bột, áo quần, cờ
phướn

而以供養。其福甚多。憍尸迦。置是一塔。

nhĩ dĩ cung dưỡng 。 kỳ phúc thậm đa 。 Kiêu-thi-ca 。 trí thị nhất tháp 。

mà cúng dường, thì phước đức của người ấy rất nhiều. Kiêu-thi-ca, ngoài một tháp như
thế,

若滿閻浮提七寶塔。善男子善女人盡其形壽。

nhược mãn Diêm-phù-đề bảy báu tháp 。 thiện nam tử Thiện Nữ Nhân tận kỳ hình thọ
。

nếu tháp bảy báu đầy cả cõi Diêm-phù-đề, có Thiện nam tử Thiện nữ nhân trọn đời

以好華香乃至伎樂。供養是塔於意云何。

dĩ hảo hoa hương nãi chí kỹ nhạc 。 cung dưỡng thị tháp ư ý vân hà 。

dùng hương hoa thơm cho đến kỹ nhạc để cúng dường tháp đó thì ý ông thế nào?

是人以是因緣故。得福多不。釋提桓因言。甚多世尊。

thị nhân dĩ thị nhân duyên cố 。 đắc phúc đa bất 。 thích đề hoàn nhân ngôn 。 thậm
đa Thế tôn 。

Với nhân duyên như thế người đó được nhiều phước chăng? Thích-đề-hoàn-nhân đáp:

Rất nhiều, Thế tôn.

佛告憍尸迦。若善男子善女人。

Phật cáo Kiêu-thi-ca 。 nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Phật bảo Kiêu-thi-ca: Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

供養般若波羅蜜經卷。恭敬尊重讚歎。

cúng dường kinh Bát-nhã Ba-la-mật, cung kính, tôn trọng, xưng tán,

以好華香塗香末香衣服幢幡。其福甚多。憍尸迦。

dĩ hảo hoa hương đồ hương mật hương y phục tràng phiên 。 kỳ phúc thậm đa 。

Kiêu-thi-ca 。

dùng hương hoa thơm, hương thoa, hương bột, áo quần, cờ phướn, thì phước đức người ấy rất nhiều. Kiêu-thi-ca,

置是滿閻浮提七寶塔。若滿四天下七寶塔。若人盡形壽。

trí thị mãn Diêm-phù-đề bảy báu tháp 。

nhược mãn tứ Thiên hạ bảy báu tháp 。

ngoài tháp bảy báu bày đầy cả Diêm-phù-đề như thế, nếu tháp bảy báu đầy cả bốn Đại châu, nếu có người trọn đời

以花香供養乃至伎樂。

dĩ hoa hương cung dưỡng nãi chí kỹ nhạc 。

dùng hương hoa, cho đến kỹ nhạc mà cúng dường;

若復有人供養般若波羅蜜。其福甚多。憍尸迦。

nhược phục hữu nhân cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật 。

kỳ phúc thậm đa 。

Kiêu-thi-ca 。

置是滿四天下七寶塔。若滿周梨迦小千世界七寶塔。

trí thị mãn tứ Thiên hạ bảy báu tháp 。

ngoài tháp bảy báu đầy cả bốn Đại châu như thế, nếu tháp bảy báu đầy cả chu-lê-ca Tiểu thiên thế giới,

若人盡形。以好華香供養乃至幢幡。

nhược nhân tận hình 。 dĩ hảo hoa hương cung dưỡng nãi chí tràng phiên 。
nếu có người tự thân trọn đời dùng hương hoa, cho đến cờ phướn mà cúng dường;

若復有人供養般若波羅蜜。其福甚多。僑尸迦。

nhược phục hữu nhân cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật 。 kỳ phúc thậm đa 。 Kiêu-thi-ca 。

nếu lại có người cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật thì phước đức người này rất nhiều. Kiêu-thi-ca,

置是周梨迦小千世界七寶塔。若滿二千中世界七寶塔。

trí thị châu lê ca tiểu thiên thế giới bảy báu tháp 。 nhược mãn nhị thiên trung thế giới bảy báu tháp 。

ngoài tháp bảy báu đầy khắp chu-lê-ca Tiểu thiên thế giới như thế, nếu tháp bảy báu đầy khắp cả Nhị thiên Trung thế giới,

若人盡形。以花香供養乃至幢幡。

nhược nhân tận hình 。 dĩ hoa hương cung dưỡng nãi chí tràng phiên 。

nếu có người trọn đời dùng hương hoa cho đến cờ phướn mà cúng dường;

若復有人供養般若波羅蜜。其福甚多。僑尸迦。

nhược phục hữu nhân cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật 。 kỳ phúc thậm đa 。 Kiêu-thi-ca 。

nếu lại có người cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật thì phước đức của người này rất nhiều. Kiêu-thi-ca,

置是二千中世界。若滿三千大千世界七寶塔。

trí thị nhị thiên trung thế giới 。 nhược mãn tam Thiên Đại Thiên thế giới bảy báu tháp
。

ngoài Nhị thiên Trung thế giới, nếu tháp bảy báu khắp cả Tam thiên Đại thiên thế giới,

若善男子善女人。盡其形壽。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 tận kỳ hình thọ 。

nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào trọn đời

以花香供養乃至幢幡。僑尸迦。於意云何。是人以是因緣故。

dĩ hoa hương cung dưỡng nãi chí tràng phiên 。 Kiêu-thi-ca 。 ư ý vân hà 。 thị nhân dĩ
thị nhân duyên cố 。

dùng hương hoa cho đến tràng phan mà cúng dường. Này, Kiêu-thi-ca. Ý ông thế nào?

Người đó nhờ nhân duyên như thế

得福多不。釋提桓因言。甚多世尊。佛告僑尸迦。

đắc phúc đa bất 。 thích đề hoàn nhân ngôn 。 thậm đa Thế tôn 。 Phật cáo Kiêu-thi-
ca 。

mà được nhiều phước đức chăng? Thích-đề-hoàn-nhân đáp: Rất nhiều, Thế tôn. Phật bảo
Kiêu-thi-ca:

若復有人供養般若波羅蜜經卷。

nhược phục hữu nhân cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。

Nếu lại có người cúng dường kinh Bát-nhã Ba-la-mật,

恭敬尊重讚歎花香乃至幢幡。其福甚多。僑尸迦。

cung kính tôn trọng tán thán hoa hương nãi chí tràng phiên 。 kỳ phúc thậm đa 。

Kiêu-thi-ca 。

cung kính, tôn trọng, xưng tán thì phước đức người này rất nhiều. Kiêu-thi-ca,

置是滿三千大千世界七寶塔。

trí thị mãn tam Thiên Đại Thiên thế giới bảy báu tháp 。

ngoài tháp bảy báu khắp cả Tam thiên Đại thiên thế giới,

假令三千大千世界所有眾生。一時皆得人身。

giả lệnh tam Thiên Đại Thiên thế giới sở hữu chúng sinh 。 nhất thời giai đắc nhân thân
。

giả như chúng sinh ở Tam thiên Đại thiên thế giới, cùng lúc đều được thân người;

是——人起七寶塔。盡其形壽。

thị nhất nhất nhân khởi bảy báu tháp 。 tận kỳ hình thọ 。

mỗi một người đều khởi tháp bảy báu, trọn đời

以一切好華名香幢幡伎樂歌舞。供養是塔。憍尸迦。於意云何。

dĩ nhất thiết hảo hoa danh hương tràng phien kĩ nhạc ca vũ 。

Kiêu-thi-ca 。

ư ý vân hà 。

dùng tất cả hoa tốt, hương tốt, cờ phướn, kỹ nhạc, ca múa mà cúng dường tháp đó. Kiêu-thi-ca, ý ông thế nào?

是人以是因緣故。得福多不。甚多世尊。佛告憍尸迦。

thị nhân dĩ thị nhân duyên cố 。

đắc phúc đa bất 。

thậm đa Thế tôn 。

Phật cáo Kiêu-thi-ca 。

Người đó nhờ nhân duyên cúng dường mà có được nhiều phước đức chăng? Rất nhiều,

Thế tôn. Phật bảo Kiêu-thi-ca:

若善男子善女人。供養般若波羅蜜經卷。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân cúng dường kinh Bát-nhã Ba-la-mật,

恭敬尊重讚歎。花香乃至幢幡其福甚多。

cung kính tôn trọng tán thán 。

hoa hương nãi chí tràng phien kỳ phúc thậm đa 。

cung kính, tôn trọng, xưng tán, dùng hương hoa cho đến cờ phướn cúng dường thì phước

đức người ấy rất nhiều.

釋提桓因言。如是如是世尊。

thích đề hoàn nhân ngôn 。 như thị như thị Thế tôn 。

Thích-đề-hoàn-nhân nói: Đúng thế, đúng thế, Thế tôn.

若人供養般若波羅蜜。

nhược nhân cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật 。

Nếu có người cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật

即是供養恭敬過去未來現在諸佛薩婆若。世尊。

tức thị cung dưỡng cung kính quá khứ vị lai hiện tại chư Phật tát bà nhược 。

。 Thế tôn

tức là cúng dường, cung kính Nhất thiết trí của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai. Thế tôn,

置是三千大千世界一一眾生所起七寶塔。若滿十方恒河沙等世界眾生。

trí thị tam Thiên Đại Thiên thế giới nhất nhất chúng sinh sở khởi bảy báu tháp 。

nhược mãn thập phương hằng hà sa đẵng thế giới chúng sinh 。

ngoài tháp bảy báu của tất cả chúng sinh ở Tam thiên Đại thiên thế giới, nếu chúng sinh

khắp hàng hà sa thế giới ở mười phương

皆得人身一一人起七寶塔。若於一劫若減一劫。

giai đắc nhân thân nhất nhất nhân khởi bảy báu tháp 。

nhược ư nhất kiếp nhược giảm nhất kiếp 。

đều được thân người, và mỗi một đều khởi tháp bảy báu; nếu trong một kiếp, hoặc ít hơn

một kiếp

以好華香乃至伎樂。供養是塔。

dĩ hảo hoa hương nãi chí kỹ nhạc 。

cung dưỡng thị tháp 。

mà dùng hoa thơm, hương thơm cho đến kỹ nhạc cúng dường tháp ấy;

若復有人供養般若波羅蜜經卷。恭敬尊重讚歎。

nhược phục hữu nhân cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。 cung kính tôn trọng tán thán 。

nếu lại có người cúng dường kinh Bát-nhã Ba-la-mật, cung kính, tôn trọng, xưng tán,

華香乃至伎樂。其福甚多。佛言。如是如是憍尸迦。

hoa hương nãi chí kỹ nhạc 。 kỳ phúc thậm đa 。 Phật ngôn 。 như thị như thị Kiêu-thi-ca 。

hương hoa cho đến kỹ nhạc, thì phước đức người đó rất nhiều. Phật dạy: Đúng thế, đúng thế, Kiêu-thi-ca.

是善男子善女人。

thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đó

以是供養般若波羅蜜經卷因緣故。其福甚多。

dĩ thị cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển nhân duyên cố 。

nhờ nhân duyên cúng dường kinh Bát-nhã Ba-la-mật nên phước đức rất lớn,

無量無邊不可得數不可思議。何以故。憍尸迦。一切諸佛薩婆若智。

vô lượng vô biên bất khả đắc số không thể nghĩ bàn 。

hà dĩ cố 。

皆從般若波羅蜜生。憍尸迦。以是因緣故。

giai tòng Bát-nhã Ba-la-mật sinh 。

đều sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật. Kiêu-thi-ca, nhờ nhân duyên ấy,

若善男子善女人。供養般若波羅蜜經卷。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

nếu Thiên nam tử, Thiên nữ nhân cúng dường kinh Bát-nhã Ba-la-mật,

恭敬尊重讚歎。華香乃至伎樂供養。於前功德。

cung kính tôn trọng tán thán 。 hoa hương nãi chí kỹ nhạc cung dưỡng 。 ư tiền công đức
。

cung kính, tôn trọng, xưng tán, hương hoa cho đến kỹ nhạc cúng dường,
so với công đức trước

百分不及一分。千分萬分百千萬億分不及一。

bách phân bất cập nhất phân 。 thiên phân vạn phân bách thiên vạn ức phân bất cập
nhất 。

thì một trăm phần không bằng một phần; ngàn phần, vạn phần, trăm ngàn vạn ức phần
không bằng một phần,

乃至算數譬喻所不能及。

nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập 。

cho đến tính đếm, thí dụ cũng không thể được.

摩訶般若波羅蜜明呪品第四

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật minh chú phẩm đệ tứ

Phẩm 4: Minh chú Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật

爾時釋提桓因。與四萬天子在會中者。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân 。 dữ tứ vạn Thiên tử tại hội trung giả 。

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân, cùng bốn vạn Thiên tử trong hội chúng

語釋提桓因言。憍尸迦。應受持讀誦般若波羅蜜。

ngữ thích đề hoàn nhân ngôn 。 Kiêu-thi-ca 。 ứng thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。

nói với Thích-đề-hoàn-nhân: Kiêu-thi-ca, nên thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật.

佛告釋提桓因。憍尸迦。

Phật cáo thích đề hoàn nhân 。 Kiêu-thi-ca 。

Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhân: Kiêu-thi-ca,

汝受持讀誦般若波羅蜜。若阿修羅生念。欲與忉利諸天共鬪。

nhữ thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。 nhược A-tu-La sinh niệm 。 dục dữ Đao-lợi
chư Thiên cộng đấu 。

ông nên thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu A-tu-la khởi niệm muốn đấu với chư
Thiên ở trời Đao-lợi,

爾時汝當誦念般若波羅蜜。以是因緣故。

nhĩ thời nhữ đương tụng niệm Bát-nhã Ba-la-mật 。 dĩ thị nhân duyên cố 。

thì lúc đó ông nên tụng niệm Bát-nhã Ba-la-mật. Nhờ nhân duyên này,

阿修羅惡心即滅。釋提桓因白佛言。世尊。

A-tu-La ác tâm tức diệt 。

thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。

般若波羅蜜是大明呪。般若波羅蜜是無上呪。

Bát-nhã Ba-la-mật thị Đại minh chú 。

Bát-nhã Ba-la-mật là đại minh chú, Bát-nhã Ba-la-mật là vô thượng chú,

般若波羅蜜是無等等呪。佛言。如是如是憍尸迦。

Bát-nhã Ba-la-mật thị vô đẳng đẳng chú 。

Phật ngôn 。

般若波羅蜜是大明呪。

Bát-nhã Ba-la-mật thị Đại minh chú 。

Bát-nhã Ba-la-mật là đại minh chú,

般若波羅蜜是無上呪。般若波羅蜜是無等等呪。何以故。憍尸迦。

Bát-nhã Ba-la-mật thị vô thượng chú 。 Bát-nhã Ba-la-mật thị vô đẳng đẳng chú 。 hà dĩ cố 。 Kiêu-thi-ca 。

Bát-nhã Ba-la-mật là vô thượng chú, Bát-nhã Ba-la-mật là vô đẳng đẳng chú. Vì sao?
Kiêu-thi-ca,

過去諸佛因是明呪。得阿耨多羅三藐三菩提。

quá khứ chư Phật nhân thị minh chú 。 đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

chư Phật quá khứ nhờ minh chú này mà được Vô thượng Chính đẳng Chính giác;

未來諸佛亦因是呪。

vị lai chư Phật diệc nhân thị chú 。

chư Phật vị lai cũng nhờ chú này

當得阿耨多羅三藐三菩提。今十方現在諸佛亦因是呪。

đương đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

kim thập phương hiện tại chư Phật diệc nhân thị chú 。

mà sẽ được Vô thượng Chính đẳng Chính giác; chư Phật hiện tại trong mười phương cũng nhờ chú này

得阿耨多羅三藐三菩提。憍尸迦。

đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Kiêu-thi-ca 。

mà được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Kiêu-thi-ca,

因是明呪十善道出現於世。

nhân thị minh chú Thập thiện đạo xuất hiện ư thế 。

nhờ minh chú này mà mười Thiện đạo có mặt trong đời,

四禪四無量心四無色定五神通出現於世。因菩薩故。十善道出現於世。

tứ Thiền tứ vô lượng tâm tứ vô sắc định ngũ Thần thông xuất hiện ư thế 。

nhân Bồ-tát cố 。

Thập thiện đạo xuất hiện ư thế 。

bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, năm Thần thông xuất hiện ở đời. Nhờ Bồ-tát, nên mười Thiện đạo xuất hiện ở đời,

四禪四無量心四無色定五神通出現於世。

tứ Thiền tứ vô lượng tâm tứ vô sắc định ngũ Thần thông xuất hiện ở thế .

bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, năm Thần thông xuất hiện ở đời.

若諸佛不出於世。但因菩薩故。

nhược chư Phật bất xuất ở thế . đãn nhân Bồ-tát cố .

Nếu chư Phật không thị hiện ở đời, thì nhờ Bồ-tát

十善道四禪四無量心四無色定五神通出現於世。

Thập thiện đạo tứ Thiền tứ vô lượng tâm tứ vô sắc định ngũ Thần thông xuất hiện ở thế .

mà mười Thiện đạo, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, năm Thần thông xuất hiện trong đời;

譬如月不出時星宿光明照於世間。如是憍尸迦。世無佛時。

thí như nguyệt bất xuất thời tinh tú quang-minh chiếu ở thế gian . như thị Kiêu-thi-ca . thế vô Phật thời .

ví như lúc trăng không xuất hiện thì có ánh sáng của sao chiếu soi thế gian. Đúng thế, Kiêu-thi-ca. Lúc thế gian không có Phật,

所有善行正行皆從菩薩出生。

sở hữu thiện hành chính hành giai tòng Bồ-tát xuất sinh .

các hạnh lành, hạnh chính có được đều từ Bồ-tát sinh ra.

菩薩方便力皆從般若波羅蜜生。復次憍尸迦。

Bồ-tát phương tiện lực giai tòng Bát-nhã Ba-la-mật sinh . phục thứ Kiêu-thi-ca .

Lực phương tiện của Bồ-tát đều sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật. Lại nữa, Kiêu-thi-ca.

若善男子善女人供養般若波羅蜜經卷。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân cúng dường kinh Bát-nhã Ba-la-mật,

恭敬尊重讚歎得是現世福德。釋提桓因。白佛言。世尊。

cung kính tôn trọng tán thán đặc thị hiện thế phước đức。thích đề hoàn nhân。bạch Phật ngôn。Thế tôn。

cung kính, tôn trọng, xưng tán thì có được phước đức trong đời này. Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Thế tôn,

得何等現世福德。憍尸迦。

đắc hà đẳng hiện thế phước đức。Kiêu-thi-ca。

được phước đức gì trong đời này? Kiêu-thi-ca,

是善男子善女人毒不能傷火不能燒。終不橫死。

thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân độc bất năng thương hỏa bất năng thiêu。chung bất hoạnh tử。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đó không bị độc làm thương tổn, không bị lửa đốt cháy, trọn đời không bị chết oan.

又善男子善女人若官事起。誦念般若波羅蜜。官事即滅。

hựu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân nhược quan sự khởi。 tụng niệm Bát-nhã Ba-la-mật。 quan sự tức diệt。

Lại nữa, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nếu gặp chuyện kiện cáo mà tụng niệm Bát-nhã Ba-la-mật thì việc kiện cáo tiêu diệt,

諸求短者皆不得便。何以故。

chư cầu đoản giả giai bất đắc tiện。 hà dĩ cố。

những kẻ cầu cho chết yếu đều không có cơ hội. Vì sao?

般若波羅蜜所護故。復次憍尸迦。

Bát-nhã Ba-la-mật sở hộ cố 。 phục thứ Kiêu-thi-ca 。
Vì được Bát-nhã Ba-la-mật che chở. Lại nữa, Kiêu-thi-ca.

善男子善女人誦念般若波羅蜜。若至國王若王子大臣所。
thiện nam tử Thiện Nữ Nhân tụng niệm Bát-nhã Ba-la-mật 。 nhược chí Quốc Vương
nhược Vương tử Đại Thần sở 。
Thiện nam tử, Thiện nữ nhân tụng niệm Bát-nhã Ba-la-mật, nếu đến chỗ Quốc vương,
Vương tử, Đại thần,

皆歡喜問訊與共語言。何以故。憍尸迦。
giai hoan hỉ vấn tẩn dữ cộng ngữ ngôn 。 hà dĩ cố 。 Kiêu-thi-ca 。
họ đều hoan hỷ hỏi thăm, cùng nói chuyện. Vì sao? Kiêu-thi-ca,

般若波羅蜜為慈悲一切眾生故出。是故憍尸迦。
Bát-nhã Ba-la-mật vì từ bi nhất thiết chúng sinh cố xuất 。 thị cố Kiêu-thi-ca 。
Bát-nhã Ba-la-mật vì thương xót tất cả chúng sinh nên mới xuất hiện. Vì thế, Kiêu-thi-ca,

諸求短者皆不得便。爾時外道出家百人。
chư cầu đoản giả giai bất đắc tiện 。 nhĩ thời ngoại đạo xuất gia bách nhân 。
những kẻ cầu chết yếu đều không có cơ hội. Bấy giờ, một trăm kẻ xuất gia ngoại đạo

欲求佛短來向佛所。釋提桓因作是念。是諸外道出家百人。
dục cầu Phật đoản lai hướng Phật sở 。 thích đề hoàn nhân tác thị niệm 。 thị chư
ngoại đạo xuất gia bách nhân 。
muốn cầu Phật chết sớm nên đến chỗ Phật. Thích-đề-hoàn-nhân nghĩ: Một trăm kẻ xuất
gia ngoại đạo đó

欲求佛短來向佛所。
dục cầu Phật đoản lai hướng Phật sở 。
muốn cầu Phật chết sớm mà đến chỗ Phật.

我從佛所受般若波羅蜜。今當誦念。是諸外道來至佛所。

ngã tòng Phật sở thọ Bát-nhã Ba-la-mật 。 kim đương tụng niệm 。 thị chư ngoại đạo lai chí Phật sở 。

Ta nhận được Bát-nhã Ba-la-mật từ Phật, nay nên tụng niệm. Các ngoại đạo này đến chỗ của Phật

或能斷說般若波羅蜜。如是思惟已。

hoặc năng đoạn thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。 như thị tư duy dĩ 。

để ngăn chặn việc thuyết Bát-nhã Ba-la-mật. Sau khi nghĩ như thế,

即誦念從佛所受般若波羅蜜。時諸外道遙遶佛復道而去。

tức tụng niệm tòng Phật sở thọ Bát-nhã Ba-la-mật 。 thời chư ngoại đạo dao nhiễu Phật phục đạo nhi khứ 。

liền tụng niệm Bát-nhã Ba-la-mật đã nhận từ Phật. Lúc đó, các ngoại đạo đi quanh Phật, rồi theo đường cũ mà bỏ đi.

舍利弗作是念。何因緣故是諸外道遶佛而去。

Xá-lợi-phất tác thị niệm 。 hà nhân duyên cố thị chư ngoại đạo nhiễu Phật nhi khứ 。

Xá-lợi-phất nghĩ: Vì nhân duyên gì các ngoại đạo đó đi quanh Phật rồi theo đường cũ mà bỏ đi?

佛知舍利弗心所念。告舍利弗。

Phật tri Xá-lợi-phất tâm sở niệm 。 cáo Xá-lợi-phất 。

Phật biết ý nghĩ của Xá-lợi-phất nên bảo Xá-lợi-phất:

是釋提桓因誦念般若波羅蜜。

thị thích đề hoàn nhân tụng niệm Bát-nhã Ba-la-mật 。

Đó là do Thích-đề-hoàn-nhân tụng niệm Bát-nhã Ba-la-mật.

如是外道乃無一人有善心者。皆持惡意來求佛短。

như thị ngoại đạo nãi vô nhất nhân hữu thiện tâm giả 。 giai trì ác ý lai cầu Phật đản
。

Các ngoại đạo này, không một người nào có thiện tâm, đều giữ ác ý, đến cầu cho Phật
diệt độ sớm;

是故外道各各復道而去。爾時惡魔作是念。

thị cố ngoại đạo các các phục đạo nhi khứ 。 nhĩ thời ác Ma tác thị niệm 。
vì thế ngoại đạo đều bỏ đi. Bấy giờ, Ác ma nghĩ:

今是四眾及欲色界諸天子在佛前坐。

kim thị Tứ Chúng cập dục sắc giới chư Thiên tử tại Phật tiền tọa 。
Nay, bốn chúng và các Thiên tử Dục giới và Sắc giới đang ngồi trước Phật.

其中必有菩薩受阿耨多羅三藐三菩提記者。我當壞亂。

kỳ trung tất hữu Bồ-tát thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí giả 。 ngã đương hoại
loạn 。

Trong đó tất có Bồ-tát được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác; ta sẽ phá hoại.

即化作四種兵向佛所。爾時釋提桓因作是念。

tức hóa tác tứ chủng binh hướng Phật sở 。 nhĩ thời thích đề hoàn nhân tác thị niệm
。

Liền hóa hiện bốn loại binh lính hướng đến chỗ Phật. Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân nghĩ:

魔嚴四兵來至佛所。四種兵相。

Ma nghiêm tứ binh lai chí Phật sở 。 tứ chủng binh tướng 。

Bốn đội quân hùng mạnh của Ma tới chỗ Phật. Bốn loại binh tướng này,

摩伽陀國頻婆娑羅王之所無有。憍薩羅國波斯匿王亦所無有。

Ma dà đà quốc Tần-bà sa la Vương chi sở vô hữu 。 kiêu tát la quốc Ba tư nặc Vương
diệc sở vô hữu 。

vua Tần-bà-sa-la nước Ma-dà-đà không có, vua Ba-tư-nặc nước Kiêu-tát-la không có,

諸釋子所無有。諸黎車所無有。

chư Thích tử sở vô hữu 。 chư lê xa sở vô hữu 。
các Thích tử không có, các Lê-xa không có.

今是兵相必是惡魔所作。是魔長夜欲求佛短惱亂眾生。

kim thị binh tướng tất thị ác Ma sở tác 。 thị Ma trường dạ dục cầu Phật đoản não
loạn chúng sinh 。

Nay binh tướng này tất do Ác ma làm ra. Ác ma này suốt đêm muốn cầu Phật sớm nhập
diệt, muốn não loạn chúng sinh.

我當誦念般若波羅蜜。

ngã đương tụng niệm Bát-nhã Ba-la-mật 。

Ta nên tụng niệm Bát-nhã Ba-la-mật.

釋提桓因即默誦般若波羅蜜。隨其所誦惡魔稍稍復道而去。

thích đề hoàn nhân tức mặc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。 tùy kỳ sở tụng ác Ma sảo
sảo phục đạo nhi khứ 。

Thích-đề-hoàn-nhân liền tụng thầm Bát-nhã Ba-la-mật. Tụng đến đâu Ác ma dần dần
theo đường cũ mà bỏ đi.

爾時忉利諸天。化作天華在於空中。散佛上作是念願。

nhĩ thời Đao-lợi chư Thiên 。 hóa tác Thiên hoa tại ư không trung 。 tán Phật thượng tác
thị niệm nguyện 。

Lúc đó, chư Thiên trời Đao-lợi hóa tác thiên hoa giữa trời, tung lên người Phật, ước
nguyện:

般若波羅蜜久住闍浮提。

Bát-nhã Ba-la-mật cửu trụ Diêm-phù-đề 。

Bát-nhã Ba-la-mật tồn tại lâu dài ở Diêm-phù-đề;

閻浮提人當得誦習。是時諸天復以天花散佛上作是言。世尊。

Diêm-phù-đề nhân đương đắc tụng tập 。 thị thời chư Thiên phục dĩ Thiên hoa tán Phật thượng tác thị ngôn 。 Thế tôn 。

Người ở Diêm-phù-đề sẽ được tụng đọc, tu tập. Lúc đó chư Thiên lại dùng thiên hoa tung lên người Phật, nói: Thế tôn,

若有眾生行般若波羅蜜。

nhược hữu chúng sinh hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu chúng sinh nào hành Bát-nhã Ba-la-mật,

修習般若波羅蜜魔若魔天不得其便。爾時釋提桓因白佛言。

tu tập Bát-nhã Ba-la-mật Ma nhược Ma Thiên bất đắc kỳ tiện 。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。

tu tập Bát-nhã Ba-la-mật thì Ma hoặc Ma trời không thể xâm hại. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

世尊。若人得聞般若波羅蜜者。

Thế tôn 。

nhược nhân đắc văn Bát-nhã Ba-la-mật giả 。

Thế tôn, nếu có người được nghe Bát-nhã Ba-la-mật,

已曾親近諸佛。不從小功德來。何況受持讀誦。

dĩ tăng thân cận chư Phật 。

bất tòng tiểu công đức lai 。

hà hưởng thọ trì độc tụng 。

thì người đó đã từng gần gũi chư Phật, không phải từ công đức nhỏ mà tới, hưởng là thọ trì, tụng đọc,

如所說學如所說行。何以故。

như sở thuyết học như sở thuyết hành 。

hà dĩ cố 。

học như đã được thuyết, hành như đã được thuyết. Vì sao?

世尊諸菩薩薩婆若當於般若波羅蜜中求。世尊。

Thế tôn chư Bồ-tát tát bà nhược đương ư Bát-nhã Ba-la-mật trung cầu 。

Thế tôn 。

Thế tôn, Nhất thiết trí của các Bồ-tát nên cầu ở Bát-nhã Ba-la-mật. Thế tôn,

譬如大寶當於大海中求。世尊。諸佛薩婆若大寶。

thí như Đại bảo đương ư Đại hải trung cầu 。 Thế tôn 。 chư Phật tát bà nhược Đại bảo 。

ví như báu lớn phải nên được cầu ở biển lớn. Thế tôn, Nhất thiết trí của chư Phật giống như báu lớn,

應於般若波羅蜜中求。佛言。如是如是。憍尸迦。

ứng ư Bát-nhã Ba-la-mật trung cầu 。 Phật ngôn 。 như thị như thị 。 Kiêu-thi-ca 。 nên được cầu ở Bát-nhã Ba-la-mật. Phật dạy: Đúng thế, đúng thế, Kiêu-thi-ca.

諸佛薩婆若皆於般若波羅蜜中生。爾時阿難白佛言。

chư Phật tát bà nhược giai ư Bát-nhã Ba-la-mật trung sinh 。 nhĩ thời A-nan bạch Phật ngôn 。

Nhất thiết trí của chư Phật đều sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật. Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

世尊。世尊不讚說檀波羅蜜名。

Thế tôn 。 Thế tôn bất tán thuyết đàn ba la mật danh 。

Thế tôn, Thế tôn không khen việc nói đến tên Bồ thí Ba-la-mật,

不讚說尸羅波羅蜜羼提波羅蜜毘梨耶波羅蜜禪波羅蜜名

bất tán thuyết Thi-La Ba-la-mật Sạn-Đề Ba-la-mật Bi-lê-Da Ba-la-mật Thiền Ba-la-mật danh

không khen việc nói đến tên Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật;

何以故。但讚說般若波羅蜜名。佛告阿難。

hà dĩ cố 。 đãn tán thuyết Bát-nhã Ba-la-mật danh 。 Phật cáo A-nan 。

vì sao chỉ khen việc nói đến tên Bát-nhã Ba-la-mật. Phật bảo A-nan:

般若波羅蜜導五波羅蜜。阿難於意云何。

Bát-nhã Ba-la-mật đạo ngũ Ba-la-mật 。 A-nan ư ý vân hà 。

Bát-nhã Ba-la-mật dẫn đầu năm Ba-la-mật. A-nan, ý ông thế nào?

若布施不迴向薩婆若。成檀波羅蜜不。阿難言。

nhược bố thí bất hồi hướng tát bà nhược 。 thành đàn ba la mật bất 。 A-nan ngôn 。

Nếu bố thí mà không hồi hướng Nhất thiết trí, thì có thành tựu Bồ thí Ba-la-mật không? A-nan đáp:

不也世尊。若持戒忍辱精進禪定智慧。

bất dã Thế tôn 。 nhược trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định trí tuệ 。

Không, Thế tôn. Nếu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ

不迴向薩婆若。成般若波羅蜜不。阿難言。

bất hồi hướng tát bà nhược 。 thành Bát-nhã Ba-la-mật bất 。 A-nan ngôn 。

mà không hồi hướng Nhất thiết trí thì có thành Bát-nhã Ba-la-mật không? A-nan đáp:

不也世尊。阿難。是故般若波羅蜜為五波羅蜜導。

bất dã Thế tôn 。 A-nan 。 thị cố Bát-nhã Ba-la-mật vi ngũ Ba-la-mật đạo 。

Không, Thế tôn. A-nan, vì thế Bát-nhã Ba-la-mật dẫn đầu năm Ba-la-mật.

阿難。譬如大地種散其中。因緣和合即得生長。

A-nan 。 thí như Đại địa chủng tán kỳ trung 。 nhân duyên hòa hợp tức đắc sinh trưởng 。

A-nan, ví như các hạt giống nằm rải rác trong đất, nhân duyên hòa hiệp tức được sinh trưởng;

不依此地終不得生。阿難。

bất y thử địa chung bất đắc sinh 。 A-nan 。

không nương vào đất thì không bao giờ có thể sinh. A-nan,

如是五波羅蜜住般若波羅蜜中而得增長。

như thị ngũ Ba-la-mật trụ Bát-nhã Ba-la-mật trung nhi đắc tăng trưởng 。
năm Ba-la-mật đó nương vào Bát-nhã Ba-la-mật mà được tăng trưởng,

為般若波羅蜜所護故。得向薩婆若。是故阿難。

vi át nhã Ba-la-mật sở hộ cố 。 đắc hướng tát bà nhược 。 thị cố A-nan 。
vì được Bát-nhã Ba-la-mật trợ giúp, được hướng đến Nhất thiết trí. Vì thế, A-nan.

般若波羅蜜為五波羅蜜作導。爾時釋提桓因白佛言。世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật vi ngũ Ba-la-mật tác đạo 。 nhĩ thời thích đề hoàn nhân bạch Phật
ngôn 。 Thế tôn 。

Bát-nhã Ba-la-mật dẫn đường cho năm Ba-la-mật. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân bạch
Phật: Thế tôn,

是善男子善女人受持讀誦般若波羅蜜。

thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật,

如所說行所得功德。如來說之猶亦未盡。

như sở thuyết hành sở đắc công đức 。 Như-Lai thuyết chi do diệc vị tận 。

hành như đã được thuyết, thì công đức đắc được Như lai có nói cũng không hết được.

佛告憍尸迦。

Phật cáo Kiêu-thi-ca 。

Phật bảo Kiêu-thi-ca:

我不但說是人受持讀誦般若波羅蜜如所說行功德。憍尸迦。

ngã bất đãn thuyết thị nhân thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật như sở thuyết hành
công đức 。

Kiêu-thi-ca 。

Ta không chỉ nói công đức hành như đã được thuyết của người thọ trì, đọc tụng Bát-nhã
Ba-la-mật. Kiêu-thi-ca,

若有善男子善女人供養般若波羅蜜經卷。恭敬尊重讚歎。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。
cung kính tôn trọng tán thán 。

nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân cúng dưỡng kinh Bát-nhã Ba-la-mật, cung kính, tôn
trọng, xưng tán,

以好華香乃至幢幡。我亦說其所得功德。

dĩ hảo hoa hương nãi chí tràng phiên 。

ngã diệc thuyết kỳ sở đắc công đức 。

dùng hương hoa tốt cho đến cờ phướn thì Ta cũng nói công đức đắc được của người đó.

釋提桓因白佛言。世尊。

thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。

Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Thế tôn,

我亦當護念是善男子善女人。供養般若波羅蜜經卷恭敬尊重讚歎。

ngã diệc đương hộ niệm thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển cung kính tôn trọng tán thán 。

con cũng sẽ hộ niệm Thiện nam tử, Thiện nữ nhân cúng dưỡng kinh Bát-nhã Ba-la-mật,
cung kính, tôn trọng, xưng tán,

以好華香乃至幢幡者。佛言。憍尸迦。

dĩ hảo hoa hương nãi chí tràng phiên giả 。

Phật ngôn 。

Kiêu-thi-ca 。

dùng hương hoa tốt cho đến cờ phướn. Phật dạy: Kiêu-thi-ca,

是善男子善女人。受持讀誦般若波羅蜜。

thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật;

若干百千諸天大眾。為聽法故來至其所。

nhược can bách thiên chư Thiên Đại chúng 。

vi tính Pháp cố lai chí kỳ sở 。

có bao nhiêu trăm ngàn đại chúng chư Thiên vì muốn nghe pháp mà đến chỗ đó.

是法師為諸天說法時。非人益其氣力。

thị Pháp sư vì chư Thiên thuyết Pháp thời 。 phi nhân ích kỳ khí lực 。

Lúc Pháp sư này vì chư Thiên mà nói pháp, thì chư Thiên đều tăng thêm khí lực.

若法師疲極不樂說法。諸天恭敬法故令其樂說。憍尸迦。

nhược Pháp sư bì cực bất lạc thuyết Pháp 。 chư Thiên cung kính Pháp cố lệnh kỳ lạc thuyết 。 Kiêu-thi-ca 。

Nếu Pháp sư quá mệt mỏi, không muốn nói pháp thì vì chư Thiên cung kính Pháp nên làm cho vị đó muốn nói. Kiêu-thi-ca,

是亦善男子善女人得是現世功德。復次憍尸迦。

thị diệc thiện nam tử Thiện Nữ Nhân đắc thị hiện thế công đức 。 phục thứ Kiêu-thi-ca 。

đó cũng là Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đắc được công đức đời hiện tại. Lại nữa, Kiêu-thi-ca.

是善男子善女人於四眾中說般若波羅蜜時。

thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân ư Tứ Chúng trung thuyết Bát-nhã Ba-la-mật thời 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này lúc thuyết Bát-nhã Ba-la-mật trong bốn chúng,

其心不畏有來難問及詰責者。何以故。

kỳ tâm bất úy hữu lai nan vấn cập cập trách giả 。 hà dĩ cố 。

tâm của vị ấy không sợ có người đến nạn vấn, chất vấn, quở trách. Vì sao?

是人為般若波羅蜜護念故。

thị nhân vì bát nhã Ba-la-mật hộ niệm cố 。

Vì người đó được Bát-nhã Ba-la-mật hộ niệm.

不見有人得般若波羅蜜短者。般若波羅蜜亦無短可得。

bất kiến hữu nhân đắc Bát-nhã Ba-la-mật đoản giả 。 Bát-nhã Ba-la-mật diệc vô đoản khả đắc 。

Không thấy có người đắc Bát-nhã Ba-la-mật mà bị chết yếu; cũng không có người bị chết yếu mà đắc Bát-nhã Ba-la-mật.

是人如是為般若波羅蜜護念故。

thị nhân như thị vi át nhã Ba-la-mật hộ niệm cố 。

Người này được Bát-nhã Ba-la-mật hộ niệm như thế,

無畏有來難問詰責者。憍尸迦。是亦善男子善女人現世功德。

vô úy hữu lai nan vấn cật trách giả 。 Kiêu-thi-ca 。 thị diệc thiện nam tử Thiện Nữ Nhân hiện thế công đức 。

không sợ có người đến nạn vấn, chất vấn, quở trách. Kiêu-thi-ca, đó cũng là công đức đời này của Thiện nam tử, Thiện nữ nhân.

復次憍尸迦。

phục thứ Kiêu-thi-ca 。

Lại nữa, Kiêu-thi-ca.

是善男子善女人讀誦般若波羅蜜故。為父母所愛。

thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật cố 。

vi phụ mẫu sở ái 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật nên được cha mẹ yêu mến,

為宗親知識沙門婆羅門所敬。衰惱鬪訟如法能度。憍尸迦。

vi tông thân tri thức Sa Môn Bà-la-môn sở kính 。

suy não đấu tụng như Pháp năng độ 。

Kiêu-thi-ca 。

được bà con thân thích, các bậc tri thức, Sa-môn, Bà-la-môn kính ngưỡng; có thể vượt qua đúng pháp các sự suy yếu, phiền não, tranh chấp, kiện tụng. Kiêu-thi-ca,

是亦善男子善女人現世功德。復次憍尸迦。

thị diệc thiện nam tử Thiện Nữ Nhân hiện thế công đức 。 phục thứ Kiêu-thi-ca 。
đó cũng là công đức đời này của Thiện nam tử, Thiện nữ nhân. Lại nữa, Kiêu-thi-ca.

般若波羅蜜經卷所住處。

Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển sở trụ xử 。

Nơi nào có kinh Bát-nhã Ba-la-mật,

四天王天上諸天發阿耨多羅三藐三菩提心者。

tứ Thiên vương Thiên thượng chư Thiên phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm giả
。

bốn Thiên vương, chư Thiên trên trời đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

皆來至般若波羅蜜所。受持讀誦供養作禮而去。

giai lai chí Bát-nhã Ba-la-mật sở 。 thọ trì đọc tụng cung dưỡng tác lễ nhi khứ 。

切利天夜摩天兜率陀天化樂天他化自在天上諸天。

đao lợi Thiên Dạ-Ma trời Đâu-Xuất-Đà Thiên hóa lạc Thiên Tha-Hoá Tự-Tại Thiên
thượng chư Thiên 。

Chư Thiên ở trời Đao-lợi, Dạ-Ma, Đâu-suất-đà, Hóa-lạc, Tha-hóa-tự-tại,

發阿耨多羅三藐三菩提心者。

phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm giả 。

phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

皆來至般若波羅蜜所。受持讀誦供養作禮而去。

giai lai chí Bát-nhã Ba-la-mật sở 。 thọ trì đọc tụng cung dưỡng tác lễ nhi khứ 。

đều đến chỗ Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, cúng dưỡng, đánh lễ mà đi.

梵天梵世天梵輔天梵眾天大梵天光天少光天無量光天

Phạm Thiên phạm thể Thiên phạm phụ Thiên phạm chúng Thiên Đại Phạm Thiên
quang Thiên thiếu quang Thiên Vô lượng quang Thiên
Chư Thiên ở Phạm thiên, Phạm thể thiên, Phạm phụ thiên, Phạm chúng thiên, Đại Phạm
thiên, Quang thiên, Thiếu quang thiên, Vô lượng quang thiên,

光音天淨天少淨天無量淨天遍淨天無陰行

Quang âm Thiên tịnh Thiên thiếu tịnh Thiên vô lượng tịnh Thiên Biến tịnh Thiên vô
uẩn hành

Quang âm thiên, Tịnh thiên, Thiếu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên, Vô ấm
hành

天福生天廣果天無廣天無熱天妙見天善

Thiên phúc sinh Thiên quảng quả Thiên vô quảng Thiên vô nhiệt Thiên diệu kiến
Thiên thiện

thiên, Phước sanh thiên, Quảng quả thiên, Vô quảng thiên, Vô nhiệt thiên, Diệu kiến thiên,
Thiện kiến thiên,

見天無小天上諸天。

kiến Thiên vô tiểu Thiên thượng chư Thiên 。

Kiến thiên, Vô tiểu thiên,

發阿耨多羅三藐三菩提心者。皆來至般若波羅蜜所。

phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm giả 。

phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, đều đến chỗ Bát-nhã Ba-la-mật,

受持讀誦供養作禮而去。僑尸迦。

thọ trì độc tụng cung dưỡng tác lễ nhi khứ 。

thọ trì, đọc tụng, cúng dưỡng, đánh lễ mà đi. Kiêu-thi-ca,

汝勿謂但有無小天為供養般若波羅蜜故來。

nhữ vật vị đãn hữu vô tiểu Thiên vi cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật cố lai 。

ông chó cho rằng chỉ có chư Thiên ở Vô tiểu thiên vì cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật mà đến.

三千大千世界中欲色界諸天。發阿耨多羅三藐三菩提心者。

tam Thiên Đại Thiên thế giới trung dục sắc giới chư Thiên 。 phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm giả 。

Chư Thiên ở Dục giới, Sắc giới trong Tam thiên đại thiên thế giới, phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

皆來至般若波羅蜜所。

giai lai chí Bát-nhã Ba-la-mật sở 。

đều đến chỗ Bát-nhã Ba-la-mật,

受持讀誦供養作禮而去。善男子善女人應作是念。

thọ trì đọc tụng cung dưỡng tác lễ nhi khứ 。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân ứng tác thị niệm 。

thọ trì, đọc tụng, cúng dường, đánh lễ mà đi. Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nên nghĩ rằng,

十方無量阿僧祇國土中。

thập phương vô lượng a tăng kì quốc thổ trung 。

trong vô lượng a-tăng-kỳ quốc độ ở mười phương

所有諸天龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人非人。

sở hữu chư Thiên long dạ xoa Càn thát bà A-tu-La ca lâu la khẩn na la Ma hầu la dà nhân phi nhân 。

có các Thiên Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, người, loài phi nhân;

是等來至般若波羅蜜所。受持讀誦供養作禮。

thị đẳng lai chí Bát-nhã Ba-la-mật sở 。

thọ trì đọc tụng cung dưỡng tác lễ 。

tất cả những vị đó đều đến chỗ Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, cúng dường, đánh lễ.

時我當以般若波羅蜜法施。

thời ngài đương dĩ át nhã Ba-la-mật Pháp thí。

Lúc đó Ta sẽ bố thí pháp Bát-nhã Ba-la-mật.

善男子善女人般若波羅蜜經卷所住處。若殿堂若房舍無能毀壞。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển sở trụ xứ。nhược điện đường nhược phòng xá vô năng hủy hoại。

Nơi có kinh Bát-nhã Ba-la-mật của Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, dù ở cung điện, nhà cửa, phòng ốc đều không thể bị hủy hoại;

除先行業必應受者。憍尸迦。

trừ tiên hành nghiệp tất ứng thọ giả。Kiêu-thi-ca。

ngoại trừ do hành nghiệp trước đây mới phải chịu. Kiêu-thi-ca,

亦是善男子善女人現世功德。釋提桓因白佛言。世尊。

diệc thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân hiện thế công đức。thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn。Thế tôn。

đó cũng là công đức đời này của Thiện nam tử, Thiện nữ nhân. Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Thế tôn,

是善男子善女人云何知諸天來受持讀誦供養禮

thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân vân hà tri chư Thiên lai thọ trì độc tụng cung dưỡng lễ Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này làm thế nào biết được lúc chư Thiên đến thọ trì, đọc tụng, cúng dường, lễ

敬般若波羅蜜時。佛言。憍尸迦。

kính Bát-nhã Ba-la-mật thời。Phật ngôn。Kiêu-thi-ca。

kính Bát-nhã Ba-la-mật? Phật nói: Kiêu-thi-ca,

若善男子善女人見大光明。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân kiến Đại quang-minh 。
nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân thấy ánh sáng lớn

必知天龍夜叉乾闥婆等來至其所。復次憍尸迦。

tất tri Thiên Long dạ xoa Càn thát bà đẵng lai chí kỳ sở 。 phục thứ Kiêu-thi-ca 。
tất biết Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, vân vân, đến chỗ mình. Lại nữa, Kiêu-thi-ca.

善男子善女人若聞殊異之香。必知諸天來至其所。復次憍尸迦。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân nhược văn thù dị chi hương 。 tất tri chư Thiên lai chí kỳ
sở 。 phục thứ Kiêu-thi-ca 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nếu ngửi thấy mùi thơm kỳ lạ tất biết chư Thiên đến chỗ của
mình. Lại nữa, Kiêu-thi-ca.

善男子善女人所住之處應令淨潔。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân sở trụ chi xứ ứng lệnh tịnh khiết 。

Chỗ ở của Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nên giữ gìn sạch sẽ.

以淨潔故非人皆大歡喜來到其所。是中先住小鬼。

dĩ tịnh khiết cố phi nhân giai Đại hoan hỷ lai đáo kỳ sở 。 thị trung tiên trụ tiểu quỷ
。

Vì sạch sẽ nên chư Thiên đều rất hoan hỷ để đến đó. Ở đó, loài quỷ nhỏ cư ngụ trước đây

不堪大力諸天威德故皆悉避去。

bất kham Đại lực chư Thiên uy đức cố giai tất tị khứ 。

không chịu được lực lớn của oai đức chư Thiên nên đều trốn mất.

隨大力諸天數數來故。其心轉樂大法。

tùy Đại lực chư Thiên số số lai cố 。 kỳ tâm chuyển lạc Đại Pháp 。

Nương theo lực lớn của chư Thiên thường hay đến nên tâm trở nên vui mừng đối với Pháp
lớn.

是故所住處四邊不應令有臭穢不淨。復次憍尸迦。

thị cố sở trụ xử tứ biên bất ứng lệnh hữu xú uế bất tịnh 。 phục thứ Kiêu-thi-ca 。

Vì vậy, bốn phía chỗ ở không nên để hôi hám bất tịnh. Lại nữa, Kiêu-thi-ca.

善男子善女人身不疲極。臥起安隱不見惡夢。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân thân bất bì cực 。 ngoạn khởi an ổn bất kiến ác mộng 。

Thân thể của Thiện nam tử, Thiện nữ nhân không bị mệt mỏi, nằm ngồi yên ổn, không thấy ác mộng.

若其夢時但見諸佛諸佛塔廟。

nhược kỳ mộng thời đãn kiến chư Phật chư Phật tháp miếu 。

Nếu có nằm mộng, chỉ thấy chư Phật, tháp miếu của chư Phật,

阿羅漢眾諸菩薩眾。修習六波羅蜜。學薩婆若淨佛世界。

A La Hán chúng chư Bồ-tát chúng 。 tu tập lục ba la mật 。 học tát bà nhược tịnh Phật thế giới 。

chúng A La Hán, chúng Bồ-tát tu tập sáu Ba-la-mật, học Nhất thiết trí, thanh tịnh cõi Phật.

又聞佛名某甲佛於某方某國與若干百千萬億

hộu văn Phật danh mỗ giáp Phật ư mỗ phương mỗ quốc dĩ nhược can bách thiên vạn ức

Lại nghe được danh hiệu Phật, Phật như thế, ở chỗ như thế, ở nước như thế, cùng với biết bao trăm ngàn vạn ức

眾恭敬圍遶而為說法。憍尸迦。

chúng cung kính vi nhiễu nhi vi thuyết Pháp 。

chúng, cung kính, vây quanh, vì họ mà nói pháp. Kiêu-thi-ca,

善男子善女人夢中所見如是。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân mộng trung sở kiến như thị 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân trong mộng thấy được như thế,

覺已安樂氣力充足身體輕便。是善男子善女人不貪飲食。

giác dĩ an lạc khí lực sung túc thân thể khinh tiện 。 thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân
bất tham ẩm thực 。

khi tỉnh dậy được an lạc, khí lực đầy đủ, thân thể nhẹ nhàng. Thiện nam tử, Thiện nữ
nhân này không ham ăn uống.

譬如坐禪比丘從三昧起。以學禪故不貪飲食。何以故。

thí như tọa Thiền bỉ khâu tòng tam-muội khởi 。 dĩ học Thiền cố bất tham ẩm thực
。 hà dĩ cố 。

Giống như Tỷ kheo tọa thiền từ tam-muội khởi; vì học thiền nên không ham ăn uống. Vì
sao?

僑尸迦。非人益其氣力故。

Kiêu-thi-ca 。 phi nhân ích kỳ khí lực cố 。

Kiêu-thi-ca, vì được chư Thiên tăng thêm khí lực.

善男子善女人欲得如是等現世功德。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dục đắc như thị đẳng hiện thế công đức 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân muốn được công đức đời hiện tại như thế,

當受持讀誦般若波羅蜜如所說行。僑尸迦。

đương thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật như sở thuyết hành 。

Thiện nam tử, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật, như pháp mà tu hành. Kiêu-thi-ca,

善男子善女人若不能受持讀誦般若波羅蜜如所說行。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân nhược bất năng thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật như sở
thuyết hành 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nếu không thể thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật, như pháp
mà tu hành

當書寫經卷供養恭敬尊重讚歎以好華香塗香末香燒

đương thư tả Kinh quyển cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán dĩ hảo hoa hương đồ hương mật hương thiêu

thì nên biên chép kinh, cúng dường, cung kính, tôn trọng, xưng tán, dùng hương hoa thơm, hương thoa, hương bột, hương

香雜香衣服幢幡伎樂。

hương tạp hương y phục tràng phiên kỹ nhạc。

đốt, các loại hương khác, áo quần, cờ phướn, kỹ nhạc.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma Ha Bát-nhã Ba-la-mật

舍利品第五

Xá-lợi phẩm đệ ngũ

Phẩm 5: Xá-lợi

爾時佛告釋提桓因言。憍尸迦。

nhĩ thời Phật cáo Thích-đề-hoàn-nhân ngôn。Kiêu-thi-ca。

Bấy giờ, Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhân: Kiêu-thi-ca,

滿闍浮提舍利以為一分。般若波羅蜜經卷以為一分。

mãn Diêm-phù-đề Xá-lợi dĩ vi nhất phân。Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển dĩ vi nhất phân。

lấy một phần xá-lợi trong khắp cõi Diêm-phù-đề; lấy một phần trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật;

二分之一為取何分。釋提桓因白佛言。世尊。

nhị phân chi trung vi thủ hà phân。thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật ngôn。Thế tôn。trong hai phần đó ông chọn phần nào? Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Thế tôn,

我取般若波羅蜜。何以故。世尊。

ngã thủ Bát-nhã Ba-la-mật 。 hà dĩ cố 。 Thế tôn 。
con chọn phần Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Thế tôn,

我於舍利非不恭敬。以舍利從般若波羅蜜生故。

ngã ư Xá-lợi phi bất cung kính 。 dĩ Xá-lợi tòng Bát-nhã Ba-la-mật sinh cố 。
đối với xá-lợi không phải con không cung kính vì xá-lợi sinh ra từ Bát-nhã Ba-la-mật,

般若波羅蜜所熏故得供養。世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật sở huân cố đắc cung dưỡng 。 Thế tôn 。
được huân ướp bởi Bát-nhã Ba-la-mật, cho nên đáng được cúng dưỡng. Thế tôn,

我於忉利天上善法堂中。我有坐處。忉利諸天子來供養我故。

ngã ư đao lợi Thiên thượng thiện Pháp đường trung 。 ngã hữu tọa xử 。 Đao-lợi chư
Thiên tử lai cung dưỡng ngã cố 。

con ở trong Thiên pháp đường trời Đao-lợi; con có chỗ ngồi vì các Thiên tử ở trời Đao-lợi
đến cúng dưỡng con.

若我不在座上諸天子為我坐處。

nhược ngã bất tại tọa thượng chư Thiên tử vi ngã tọa xử 。

Nếu con không ngồi chỗ đó thì các Thiên tử, đối với chỗ con ngồi,

作禮恭敬遶已而去。作是念。

tác lễ cung kính nhiểu dĩ nhi khứ 。

tác thị niệm 。

sau khi đánh lễ, cung kính, đi quanh rồi mới bỏ đi và nghĩ rằng,

釋提桓因於此處坐為忉利諸天說法。諸佛舍利亦如是。

thích đề hoàn nhân ư thử xử tọa vi Đao-lợi chư Thiên thuyết Pháp 。

chư Phật Xá-lợi diệc như thị 。

Thích-đề-hoàn-nhân ở tại chỗ ngồi này, vì chư Thiên trời Đao-lợi mà nói pháp. Xá-lợi chư Phật cũng như thế,

從般若波羅蜜生。薩婆若所依止故得供養。是故世尊。

tòng Bát-nhã Ba-la-mật sinh 。 tát bà nhược sở y chỉ cố đắc cung dưỡng 。 thị cố Thế tôn 。

được sinh ra từ Bát-nhã Ba-la-mật, là nơi y chỉ của Nhất thiết trí nên đáng được cúng dưỡng. Vì thế, Thế tôn,

我於二分之一中。取般若波羅蜜。世尊。

ngã ư nhị phân chi trung 。 thủ Bát-nhã Ba-la-mật 。 Thế tôn 。

trong hai phần đó con chọn Bát-nhã Ba-la-mật. Thế tôn,

置滿閻浮提舍利。若滿三千大千世界舍利以為一分。

trí mãn Diêm-phù-đề Xá-lợi 。 nhược mãn tam Thiên Đại Thiên thế giới Xá-lợi dĩ vi nhất phân 。

ngoài xá-lợi khắp cõi Diêm-phù-đề, nếu lấy một phần xá-lợi ở khắp Tam thiên Đại thiên thế giới,

般若波羅蜜經卷以為一分。

Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển dĩ vi nhất phân 。

lấy một phần kinh Bát-nhã Ba-la-mật.

二分之一中我取般若波羅蜜。何以故。諸佛舍利。

nhị phân chi trung ngã thủ Bát-nhã Ba-la-mật 。 hà dĩ cố 。 chư Phật Xá-lợi 。

Trong hai phần đó con lấy phần Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì xá-lợi chư Phật

因般若波羅蜜生故得供養。世尊。譬如負債人常畏債主。

nhân Bát-nhã Ba-la-mật sinh cố đắc cung dưỡng 。 Thế tôn 。 thí như phụ trái nhân thường úy trái chủ 。

do Bát-nhã Ba-la-mật sinh ra nên đáng được cúng dường. Thế tôn, ví như con nợ thường sợ chủ nợ,

以得親近奉事王故。債主反更恭敬怖畏。

dĩ đắc thân cận phụng sự Vương cố 。 trái chủ phản canh cung kính bố úy 。
nhưng vì nhờ gần gũi phụng sự nhà Vua, nên chủ nợ lại cung kính sợ hãi.

何以故。依恃國王其力大故。世尊。舍利亦如是。

hà dĩ cố 。 y thị Quốc Vương kỳ lực Đại cố 。 Thế tôn 。 Xá-lợi diệc như thị 。
Vì sao? Vì nương cậy vào lực lớn của nhà vua. Thế tôn, xá-lợi cũng như vậy.

依止般若波羅蜜故得供養。世尊。

y chỉ Bát-nhã Ba-la-mật cố đắc cung dưỡng 。 Thế tôn 。
Nhờ nương vào Bát-nhã Ba-la-mật nên được cúng dường. Thế tôn,

般若波羅蜜如王。舍利如親近王人。

Bát-nhã Ba-la-mật như Vương 。 Xá-lợi như thân cận Vương nhân 。
Bát-nhã Ba-la-mật giống như Vua; xá-lợi giống như người thân cận Vua.

如來舍利依止一切智慧故得供養。世尊。諸佛一切智慧。

Như-Lai Xá-lợi y chỉ nhất thiết trí tuệ cố đắc cung dưỡng 。 Thế tôn 。 chư Phật nhất
thiết trí tuệ 。

xá-lợi của Như lai nương vào Nhất thiết trí tuệ nên được cúng dường. Thế tôn, Nhất thiết
trí tuệ của chư Phật

亦從般若波羅蜜生是故我於二分之一中取般若波羅

diệc tòng Bát-nhã Ba-la-mật sinh thị cố ngã ư nhị phân chi trung thủ Bát-nhã ba la
cũng sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật, nên trong hai phần con chọn phần Bát-nhã Ba La

蜜。世尊。譬如無價寶珠有如是功德。

mật 。 Thế tôn 。 thí như vô giá bảo châu hữu như thị công đức 。

Mật. Thế tôn, giống như bảo châu vô giá có công đức như thế,

其所住處非人不能得其便。若男若女若大若小。

kỳ sở trụ xử phi nhân bất năng đắc kỳ tiện 。 nhược nam nhược nữ nhược Đại
nhược tiểu 。

chỗ kinh được tôn trí thì loài phi nhân không thể nhiễu hại. Nếu có người nam, hoặc nữ,
hoặc lớn, hoặc nhỏ,

為非人所持寶珠至其處非人則去。

vi phi nhân sở trì bảo châu chí kỳ xử phi nhân tắc khứ 。

vì loài phi nhân mà cầm bảo châu đi đến chỗ của chúng thì phi nhân liền bỏ đi.

若有熱病珠能除滅。若有風病以珠著身上風患即除。

nhược hữu nhiệt bệnh châu năng trừ diệt 。

Nếu mắc bệnh sốt thì bảo châu có thể trừ diệt; nếu bị bệnh phong mà đeo bảo châu vào
người thì bệnh phong liền hết;

若有冷病以珠著身上冷患亦除是珠住處夜

nhược hữu lãnh bệnh dĩ châu trú thân thượng lãnh hoạn diệt trừ thị châu trụ xử dạ
nếu bị cảm lạnh mà đeo bảo châu lên người thì cũng trừ được cảm lạnh. Chỗ có bảo
châu, lúc tối

時能為明。熱時能為涼。寒時能為溫。

thời năng vi minh 。

có thể thành sáng, lúc nóng có thể thành mát, lúc lạnh có thể làm ấm.

珠所住處蛇毒不入。若男若女若大若小。

châu sở trụ xử xà độc bất nhập 。

Chỗ có bảo châu, rắn độc không thể vào. Người nam, hoặc nữ, hoặc lớn, hoặc nhỏ

為毒虫所螫。

vi độc trùng sở thích 。

bị trùng độc cắn,

以珠示之毒即除滅若諸目患以珠著目上目患即除。世尊。

dĩ châu kì chi độc tức trừ diệt nhược chư mục hoạn dĩ châu trú mục thượng mục hoạn tức trừ 。

Thế tôn 。

nếu đưa bảo châu ra, chất độc liền tiêu; nếu bị đau mắt, áp bảo châu lên mắt, bệnh mắt liền tiêu. Thế tôn,

又是寶珠若著水中與水同色若以白繒裹著水中水色即白若以青黃

hựu thị bảo châu nhược trú thủy trung dĩ thủy đồng sắc nhược dĩ bạch tăng khoả trú thủy trung thủy sắc tức bạch nhược dĩ thanh hoàng

lại nữa, bảo châu đó nếu nhúng vào nước, nước sẽ cùng màu. Nếu lấy vải trắng bọc lại, nhúng vào nước, màu của nước sẽ trở thành trắng; nếu lấy vải xanh, vàng,

紫赤種種色繒。裹著水中。水即各隨其色。

tử xích chủng chủng sắc tăng 。

裹 khoả trú thủy trung 。

thủy tức các tùy kỳ sắc 。

tím, đỏ, đủ các loại màu, bọc bảo châu lại, đem nhúng vào nước, nước sẽ thành các màu như thế.

水濁即為清。是珠成就如是功德。

thủy trước tức vi thanh 。

thị châu thành tựu như thị công đức 。

Nước bẩn thành sạch. Bảo châu ấy có công đức như thế.

爾時阿難問釋提桓因。此是閻浮提寶為是天上寶。

nhĩ thời A-nan vấn thích đề hoàn nhân 。

thử thị Diêm-phù-đề bảo vi thị Thiên thượng bảo 。

Bấy giờ, A-nan hỏi Thích-đề-hoàn-nhân: Đó là vật báu của Diêm-phù-đề hay vật báu của cõi Thiên?

釋提桓因言。此是天上寶。閻浮提人亦有是寶。

thích đề hoàn nhân ngôn 。 thử thị Thiên thượng bảo 。 Diêm-phù-đề nhân diệc hữu thị bảo 。

Thích-đề-hoàn-nhân nói: Đó là vật báu của cõi Thiên. Người cõi Diêm-phù-đề cũng có vật báu như thế,

但功德少而重。天上寶珠功德多而輕。

đãn công đức thiếu nhi trọng 。 Thiên thượng bảo châu công đức đa nhi khinh 。

dù công đức ít nhưng nặng. Công đức bảo châu của cõi Thiên tuy nhiều mà nhẹ.

人寶比天寶。算數譬喻所不能及。世尊。

nhân bảo bỉ Thiên bảo 。

toán số thí dụ sở bất năng cập 。

Thế tôn 。

Bảo châu của người so với bảo châu cõi Thiên, tính đếm thí dụ cũng không thể bằng. Thế tôn,

若是珠在篋中雖舉珠去。以珠功德故其篋則貴。

nhược thị châu tại khiếp trung tuy cử châu khứ 。

dĩ châu công đức cố kỳ khiếp tác quý 。

nếu bảo châu đó ở trong hộp, mặc dầu đã lấy bảo châu ra rồi, nhưng vì công đức bảo châu nên chiếc hộp ấy vẫn rất quý.

世尊以般若波羅蜜薩婆若智功德故。

Thế tôn dĩ át nhã Ba-la-mật tát bà nhược trí công đức cố 。

Thế tôn, vì công đức Nhất thiết trí của Bát-nhã Ba-la-mật,

如來滅後舍利得供養。以如來舍利。

Như-Lai diệt hậu xá-lợi đắc cung dưỡng 。

dĩ Như-Lai Xá-lợi 。

sau khi Như lai diệt độ, xá-lợi vẫn được cúng dường. Vì xá-lợi của Như lai

是薩婆若智所住處故。我於二分之一中取般若波羅蜜。世尊。

thị tát bà nhược trí sở trụ xử cố 。 ngã ư nhị phân chi trung thủ Bát-nhã Ba-la-mật
。 Thế tôn 。

là chỗ trú của Nhất thiết trí nên trong hai phần con chọn Bát-nhã Ba-la-mật. Thế tôn,

置是滿三千大千世界舍利。

trí thị mãn tam Thiên Đại Thiên thế giới Xá-lợi 。

ngoài xá-lợi khắp cả Tam thiên Đại thiên thế giới này,

若滿如恒河沙等世界中舍利以為一分。

nhược mãn như hằng hà sa đẵng thế giới trung Xá-lợi dĩ vi nhất phân 。

nếu lấy ra một phần xá-lợi ở khắp hằng hà sa thế giới,

般若波羅蜜經卷以為一分。二分之一我取般若波羅蜜。何以故。

Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển dĩ vi nhất phân 。

nhị phân chi trung ngã thủ Bát-nhã Ba-la-mật 。

hà dĩ cố 。

và lấy một phần của kinh Bát-nhã Ba-la-mật thì trong hai phần đó, con lấy Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao?

諸佛如來薩婆若智。皆從般若波羅蜜生。

chư Phật như lai tát bà nhược trí 。

giai tòng Bát-nhã Ba-la-mật sinh 。

Vì Nhất thiết trí của chư Phật Như lai đều sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật,

薩婆若所熏故舍利得供養。復次世尊。

tát bà nhược sở huân cố Xá-lợi đắc cung dưỡng 。

phục thứ Thế tôn 。

vì đợc huân ướp bởi Nhất thiết trí nên xá-lợi đợc cúng dường. Lại nữa, Thế tôn.

若善男子善女人欲如實見十方無量阿僧祇諸佛者。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dục như thật kiến thập phương vô lượng a tăng kì
chư Phật giả 。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân muốn như thực thấy vô lượng a-tăng-kỳ chư Phật trong
mười phương,

當行般若波羅蜜。當修般若波羅蜜。佛言。

đương hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 đương tu Bát-nhã Ba-la-mật 。 Phật ngôn 。
nên hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên tu Bát-nhã Ba-la-mật. Phật dạy:

如是如是。憍尸迦。過去諸佛皆因般若波羅蜜。

như thị như thị 。 Kiêu-thi-ca 。 quá khứ chư Phật giai nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。
Đúng thế, đúng thế, Kiêu-thi-ca. Chư Phật quá khứ đều nhờ Bát-nhã Ba-la-mật

得阿耨多羅三藐三菩提。

đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。
mà được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

未來諸佛亦因般若波羅蜜。得阿耨多羅三藐三菩提。

vị lai chư Phật diệc nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。 đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。
Chư Phật vị lai cũng nhờ Bát-nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

現在十方無量阿僧祇世界諸佛亦因般若波羅蜜得

hiện tại thập phương vô lượng a tăng kì thế giới chư Phật diệc nhân Bát-nhã Ba-la-mật
đắc

Chư Phật hiện tại trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới ở mười phương cũng nhờ Bát-nhã Ba-
la-mật mà được

阿耨多羅三藐三菩提。釋提桓因白佛言。

a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。
Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

世尊。摩訶波羅蜜是般若波羅蜜。

Thế tôn 。 Ma-Ha Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

Thế tôn, Ma-ha Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

佛因是般若波羅蜜。皆知一切眾生心心所行。佛言。

Phật nhân thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 giai tri nhất thiết chúng sinh tâm tâm sở hạnh 。

Phật ngôn 。

Phật nhờ Bát-nhã Ba-la-mật này mà biết được hành của tâm, tâm sở của tất cả chúng sinh. Phật dạy:

憍尸迦。菩薩摩訶薩長夜行般若波羅蜜故。

Kiêu-thi-ca 。 Bồ-tát Ma-Ha tát trường dạ hành Bát-nhã Ba-la-mật cố 。

Kiêu-thi-ca, Bồ-tát Ma-ha-tát suốt dòng sinh tử hành Bát-nhã Ba-la-mật.

釋提桓因白佛言。世尊菩薩但行般若波羅蜜。

thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。

Thế tôn Bồ-tát đăn hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Thế tôn, Bồ-tát chỉ hành Bát-nhã Ba-la-mật

不行餘波羅蜜耶。佛言。憍尸迦。

bất hành dư Ba-la-mật da 。

Phật ngôn 。

Kiêu-thi-ca 。

菩薩皆行六波羅蜜。若布施時般若波羅蜜為上首。

Bồ-tát giai hành lục ba la mật 。

nhược bố thí thời Bát-nhã Ba-la-mật vi thượng thủ 。

Bồ-tát đều hành sáu Ba-la-mật. Nếu lúc bố thí thì Bát-nhã Ba-la-mật là trên hết.

若持戒若忍辱若精進若禪定若觀諸法時般若波羅

nhược trì giới nhược nhẫn nhục nhược tinh tấn nhược Thiền định nhược quán chú

Pháp thời Bát-nhã ba la

Nếu lúc trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, hay quán sát các pháp thì Bát-nhã Ba-la-

mật

蜜為上首。

mật vi thượng thủ 。

là trên hết.

譬如閻浮提種種樹種種形種種色種種葉種種華種種果其陰皆一無有差

thí như Diêm-phù-đề chủng chủng thụ chủng chủng hình chủng chủng sắc chủng

chủng diệp chủng chủng hoa chủng chủng quả kỳ uẩn giai nhất vô hữu sai

Ví như ở Diêm-phù-đề có đủ loại cây, đủ loại hình, đủ loại sắc, đủ loại lá, đủ loại hoa, đủ loại quả nhưng bóng râm của chúng đều đồng nhất, không có khác

別。五波羅蜜亦如是。

biệt 。 ngũ Ba-la-mật diệc như thị 。

nhau; năm Ba-la-mật cũng như thế.

入般若波羅蜜中無有差別。世尊。是般若波羅蜜有大功德。

nhập Bát-nhã Ba-la-mật trung vô hữu sai biệt 。

Thế tôn 。

thị Bát-nhã Ba-la-mật hữu Đại công đức 。

Khi nhập vào Bát-nhã Ba-la-mật thì không có sự khác nhau. Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật này có công đức lớn,

有無量無邊功德。有無等等功德。世尊。

hữu vô lượng vô biên công đức 。

hữu vô đẳng đẳng công đức 。

Thế tôn 。

có vô lượng vô biên công đức, có công đức không gì ngang bằng. Thế tôn,

若有人寫般若波羅蜜經卷。供養恭敬尊重讚歎。

nhược hữu nhân tả Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。

cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán 。

nếu có người biên chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, xưng tán,

以好華香乃至幢幡。

dĩ hảo hoa hương nãi chí tràng phiên 。

dùng hương hoa thơm cho đến kỹ nhạc;

若復有人寫般若波羅蜜經卷與他人。是二功德何所為多。佛言。

nhược phục hữu nhân tả Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển dữ tha nhân 。 thị nhị công đức hà sở vi đa 。 Phật ngôn 。

nếu lại có người biên chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật rồi đưa cho người khác thì hai công đức này cái nào nhiều? Phật dạy:

憍尸迦。我還問汝。隨意答我。於意云何。

Kiêu-thi-ca 。 ngã hoàn vấn nhữ 。 tùy ý đáp ngã 。 ư ý vân hà 。

Kiêu-thi-ca, Ta hỏi lại ông, tùy ý trả lời. Ý ông thế nào?

若有人得佛舍利但自供養。若復有人得佛舍利。

nhược hữu nhân đắc Phật Xá-lợi đản tự cung dưỡng 。 nhược phục hữu nhân đắc Phật Xá-lợi 。

Nếu có người có xá-lợi Phật mà chỉ tự mình cúng dường; nếu lại có người có xá-lợi Phật,

自供養亦與他人令供養。

tự cung dưỡng diệc dữ tha nhân lệnh cung dưỡng 。

tự mình cúng dường, đồng thời cũng khiến người khác cúng dường,

是二功德何所為多釋提桓因言。世尊。若人得佛舍利自供養。

thị nhị công đức hà sở vi đa thích đề hoàn nhân ngôn 。 Thế tôn 。 nhược nhân đắc Phật Xá-lợi tự cung dưỡng 。

thì hai công đức, cái nào nhiều? Thích-đề-hoàn-nhân nói: Thế tôn, nếu người có xá-lợi của Phật, tự mình cúng dường,

亦與他人令供養。其福甚多。佛言。如是如是。

diệc dữ tha nhân lệnh cung dưỡng 。 kỳ phúc thậm đa 。 Phật ngôn 。 như thị như thị 。

đồng thời cũng khiến người khác cúng dường thì phước của người này rất nhiều. Phật dạy: Đúng thế, đúng thế.

憍尸迦。若善男子善女人。寫般若波羅蜜經卷。

Kiêu-thi-ca 。 nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 tả Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển
。

Kiêu-thi-ca, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân biên chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật,

供養恭敬尊重讚歎。以好花香乃至幢幡。

cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán 。 dĩ hảo hoa hương nãi chí tràng phiên 。
cúng dường, cung kính, tôn trọng, xưng tán; dùng hương hoa thơm cho đến cờ phướn

不如善男子善女人寫般若波羅蜜經卷。

bất như thiện nam tử Thiện Nữ Nhân tả Bát-nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。

thì không bằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân biên chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật,

自供養亦與他人令供養其福甚多。佛言。憍尸迦。

tự cung dưỡng diệc dữ tha nhân lệnh cung dưỡng kỳ phúc thậm đa 。 Phật ngôn 。
Kiêu-thi-ca 。

tự mình cúng dường, đồng thời cũng khiến người khác cúng dường, công đức của họ rất
nhiều. Phật nói: Kiêu-thi-ca,

若善男子善女人在在處處。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân tại tại xứ xứ 。

nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân ở tại mọi nơi,

為人解說般若波羅蜜。其福甚多。

vi nhân giải thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。 kỳ phúc thậm đa 。

vì người mà nói rõ Bát-nhã Ba-la-mật, phước đức của họ rất lớn.

小品般若波羅蜜經

tiểu phẩm Bát-nhã Ba-la-mật Kinh

Kinh Tiểu Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật Đa

卷第三

quyển đệ tam

Quyển III

佐助品第六

tá trợ phẩm đệ lục

Phẩm 6: Giúp Đỡ

佛告釋提桓因言。憍尸迦。

Phật cáo Thích đề hoàn nhân ngôn 。 Kiêu-thi-ca 。

Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhân: Kiêu-thi-ca,

若有善男子善女人。教闍浮提人令行十善道。於意云何。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 giáo Diêm-phù-đề nhân lệnh hành Thập thiện đạo 。 ư ý vân hà 。

nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dạy người ở Diêm-phù-đề hành mười Thiện đạo thì ý ông thế nào?

是人以是因緣得福多不。釋提桓因言。

thị nhân dĩ thị nhân duyên đắc phúc đa bất 。 thích đề hoàn nhân ngôn 。

Người này nhờ nhân duyên này mà có được nhiều phúc đức không? Thích-đề-hoàn-nhân đáp:

甚多世尊。佛言。憍尸迦。

thậm đa Thế tôn 。 Phật ngôn 。 Kiêu-thi-ca 。

Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy: Kiêu-thi-ca,

不如善男子善女人以般若波羅蜜經卷與他人令得書寫讀誦其福甚多。

bất như thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển dữ tha nhân lệnh đắc thư tả độc tụng kỳ phúc thậm đa 。

không bằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dùng kinh Bát-nhã Ba-la-mật, khiến người khác biên chép, đọc tụng; phước người này rất nhiều.

憍尸迦。置是閻浮提眾生。

Kiêu-thi-ca 。 trí thị Diêm-phù-đề chúng sinh 。

Kiêu-thi-ca, ngoài chúng sinh ở Diêm-phù-đề này,

若復有人教四天下眾生令行十善道。置是四天下。

nhược phục hữu nhân giáo tứ Thiên hạ chúng sinh lệnh hành Thập thiện đạo 。

trí thị tứ Thiên hạ 。

nếu lại có người dạy chúng sinh ở bốn Đại châu hành mười Thiện đạo. Ngoài bốn Đại châu này,

若周梨迦小千世界。若二千中世界。

nhược châu lê ca tiểu thiên thế giới 。

nhược nhị thiên trung thế giới 。

nếu chúng sinh ở chu-lê-ca Tiểu thiên thế giới, ở Nhị thiên Trung thế giới,

若三千大千世界眾生。若教十方如恒河沙等世界眾生。

nhược tam Thiên Đại Thiên thế giới chúng sinh 。

nhược giáo thập phương như hằng hà sa đẳng thế giới chúng sinh 。

ở Tam thiên Đại thiên thế giới, nếu dạy chúng sinh ở hằng hà sa thế giới trong mười phương

令行十善道。於意云何。

lệnh hành Thập thiện đạo 。

ư ý vân hà 。

hành mười Thiện đạo thì ý ông thế nào?

是人以是因緣故得福多不。釋提桓因言。甚多世尊。佛言憍尸迦。

thị nhân dĩ thị nhân duyên cố đắc phúc đa bất 。

thích đề hoàn nhân ngôn 。

thậm đa Thế tôn 。

Phật ngôn Kiêu-thi-ca 。

Người này nhờ nhân duyên này nên được nhiều phước đức không? Thích-đề-hoàn-nhân
đáp: Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy: Kiêu-thi-ca,

不如善男子善女人以般若波羅蜜經卷與他人令

bất như thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển dữ tha nhân lệnh
không bằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dùng kinh Bát-nhã Ba-la-mật, khiến người khác

得書寫讀誦其福甚多。復次憍尸迦。

đắc thư tả độc tụng kỳ phúc thậm đa 。 phục thứ Kiêu-thi-ca 。

biên chép, đọc tụng; phước người này rất nhiều. Lại nữa, Kiêu-thi-ca.

若有善男子善女人。教闍浮提眾生。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 giáo Diêm-phù-đề chúng sinh 。

Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dạy chúng sinh ở Diêm-phù-đề

令行四禪四無量心四無色定五神通。

lệnh hành tứ Thiền tứ vô lượng tâm tứ vô sắc định ngũ Thần thông 。

hành bốn Thiền, bốn Vô lượng tâm, bốn Định vô sắc, năm Thần thông;

是人以是因緣得福多不。釋提桓因言。甚多世尊。佛言憍尸迦。

thị nhân dĩ thị nhân duyên đắc phúc đa bất 。 thích đề hoàn nhân ngôn 。 thậm đa

Thế tôn 。 Phật ngôn Kiêu-thi-ca 。

người này nhờ nhân duyên này, có được nhiều phước đức không? Thích-đề-hoàn-nhân

đáp: Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy: Kiêu-thi-ca,

不如善男子善女人以般若波羅蜜經卷與他人

bất như thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển dữ tha nhân

không bằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dùng kinh Bát-nhã Ba-la-mật, khiến người khác

令得書寫讀誦其福甚多。憍尸迦。

lệnh đắc thư tả độc tụng kỳ phúc thậm đa 。 Kiêu-thi-ca 。

biên chép, đọc tụng; phước người này rất nhiều. Kiêu-thi-ca,

置是閻浮提及三千大千世界眾生。

trí thị Diêm-phù-đề cập tam Thiên Đại Thiên thế giới chúng sinh 。
ngoài chúng sinh ở Diêm-phù-đề và Tam thiên đại thiên thế giới,

乃至教十方如恒河沙等世界眾生。

nãi chí giáo thập phương như hằng hà sa đẵng thế giới chúng sinh 。
cho đến dạy chúng sinh ở hằng hà sa thế giới trong mười phương,

令行四禪四無量心四無色定五神通。於意云何。

lệnh hành tứ Thiền tứ vô lượng tâm tứ vô sắc định ngũ Thần thông 。 ư ý vân hà 。
khiến hành bốn Thiền, bốn Vô lượng tâm, bốn Định vô sắc, năm Thần thông, thì ý ông
thế nào?

是人以是因緣得福多不。釋提桓因言。甚多世尊。佛言。憍尸迦。

thị nhân dĩ thị nhân duyên đắc phúc đa bất 。 thích đề hoàn nhân ngôn 。 thậm đa
Thế tôn 。 Phật ngôn 。 Kiêu-thi-ca 。

Người này nhờ nhân duyên này, có được nhiều phước đức không? Thích-đề-hoàn-nhân
đáp: Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy: Kiêu-thi-ca,

不如善男子善女人以般若波羅蜜經卷與他

bất như thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển dữ tha
không bằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dùng kinh Bát-nhã Ba-la-mật, khiến

人令得書寫讀誦其福甚多。復次憍尸迦。

nhân lệnh đắc thư tả đọc tụng kỳ phúc thậm đa 。 phục thứ Kiêu-thi-ca 。
người khác biên chép, đọc tụng; phước người này rất nhiều. Lại nữa, Kiêu-thi-ca,

若有善男子善女人。以般若波羅蜜經卷。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。

nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dùng kinh Bát-nhã Ba-la-mật,

與他人令得書寫讀誦。

dữ tha nhân lệnh đắc thư tả đọc tụng 。

khiến người khác biên chép, đọc tụng,

不如善男子善女人自為他人讀誦其福甚多。復次憍尸迦。

bất như thiện nam tử Thiện Nữ Nhân tự vi tha nhân đọc tụng kỳ phúc thậm đa 。

phục thứ Kiêu-thi-ca 。

không bằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân vì người khác mà đọc tụng; phước người này rất nhiều. Lại nữa, Kiêu-thi-ca,

若善男子善女人自為他人讀誦般若波羅蜜。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân tự vi tha nhân đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân vì người khác mà đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật,

不如善男子善女人自為他人解說其義其福甚多。

bất như thiện nam tử Thiện Nữ Nhân tự vi tha nhân giải thuyết kỳ nghĩa kỳ phúc thậm đa 。

thì không bằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân vì người khác nói rõ nghĩa đó; phước người này rất nhiều.

是時釋提桓因白佛言。世尊。

thị thời thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。

Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Thế tôn,

應為何等人解說般若波羅蜜義。佛言。憍尸迦。

ứng vi hà đẳng nhân giải thuyết Bát-nhã Ba-la-mật nghĩa 。

Phật ngôn 。

Kiêu-thi-ca 。

nên vì những người nào mà giải thuyết nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật? Phật dạy: Kiêu-thi-ca,

若有善男子善女人。不知般若波羅蜜義故。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 bất tri Bát-nhã Ba-la-mật nghĩa cố 。
nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân vì không biết nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật

應為解說其義。何以故。憍尸迦。

ứng vì giải thuyết kỳ nghĩa 。 hà dĩ cố 。 Kiêu-thi-ca 。

thì nên giải thuyết nghĩa này cho họ. Vì sao? Kiêu-thi-ca,

未來世當有相似般若波羅蜜。善男子善女人於是中。

vị lai thế đương hữu tương tự Bát-nhã Ba-la-mật 。 thiện nam tử Thiện Nữ Nhân ư thị
trung 。

đời vị lai sẽ có Bát-nhã Ba-la-mật tương tự. Lúc đó, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

欲得阿耨多羅三藐三菩提聞是相似般若波羅蜜則有違

dục đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề văn thị tương tự Bát-nhã Ba-la-mật tắc hữu
vi

muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác mà nghe Bát-nhã Ba-la-mật tương tự này
tức sẽ bị sai

錯。釋提桓因言。世尊。

thác 。 thích đề hoàn nhân ngôn 。 Thế tôn 。

trái. Thích-đề-hoàn-nhân hỏi: Thế tôn,

何等是相似般若波羅蜜。憍尸迦。

hà đẳng thị tương tự Bát-nhã Ba-la-mật 。 Kiêu-thi-ca 。

Bát-nhã Ba-la-mật tương tự là như thế nào? Kiêu-thi-ca,

當來世有比丘欲說般若波羅蜜。而說相似般若波羅蜜世尊。

đương lai thế hữu bỉ khâu dục thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。 nhi thuyết tương tự Bát-
nhã Ba-la-mật Thế tôn 。

ở đời vị lai có Tỷ-khưu muốn thuyết Bát-nhã Ba-la-mật nhưng lại thuyết Bát-nhã Ba-la-mật tương tự. Thế tôn,

云何諸比丘說相似般若波羅蜜。佛言。諸比丘說言。

vân hà chư bỉ khâu thuyết tương tự Bát-nhã Ba-la-mật 。 Phật ngôn 。 chư bỉ khâu thuyết ngôn 。

tại sao các Tỷ-khưu lại thuyết Bát-nhã Ba-la-mật tương tự. Phật dạy: Các Tỷ-khưu nói rằng

色是無常。若如是求是為行般若波羅蜜。

sắc thị vô thường 。 nhược như thị cầu thị vi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

sắc là vô thường, nếu cầu như thế tức là hành Bát-nhã Ba-la-mật;

受想行識是無常。若如是求是為行般若波羅蜜。

thọ tưởng hành thức thị vô thường 。 nhược như thị cầu thị vi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, nếu cầu như thế tức là hành Bát-nhã Ba-la-mật.

憍尸迦。是名說相似般若波羅蜜。憍尸迦。

Kiêu-thi-ca 。 thị danh thuyết tương tự Bát-nhã Ba-la-mật 。

Kiêu-thi-ca, đó gọi là Bát-nhã Ba-la-mật tương tự. Kiêu-thi-ca,

不壞色故觀色無常。不壞受想行識故觀識無常。

bất hoại sắc cố quán sắc vô thường 。 bất hoại thọ tưởng hành thức cố quán thức vô thường 。

vì không hoại sắc nên quán sắc vô thường; vì không hoại thọ, tưởng, hành, thức nên quán thức vô thường.

不作如是觀者。是名行相似般若波羅蜜。

bất tác như thị quán giả 。

Không khởi quán như thế thì gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật tương tự.

憍尸迦。以是因緣故。

Kiêu-thi-ca 。 dĩ thị nhân duyên cố 。

Kiêu-thi-ca, vì nhân duyên này

菩薩說般若波羅蜜義其福甚多。復次憍尸迦。若有善男子善女人。

Bồ-tát thuyết Bát-nhã Ba-la-mật nghĩa kỳ phúc thậm đa 。

phục thứ Kiêu-thi-ca 。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Bồ-tát nói về nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật được công đức rất lớn. Lại nữa, Kiêu-thi-ca, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

教闍浮提眾生。令得須陀洹果。於意云何。

giáo Diêm-phù-đề chúng sinh 。

lệnh đắc Tu đà hoàn quả 。

ư ý vân hà 。

dạy chúng sinh ở Diêm-phù-đề, khiến họ được quả Tu-đà-hoàn, ý ông thế nào?

是人以是因緣其福多不。釋提桓因言。甚多世尊。

thị nhân dĩ thị nhân duyên kỳ phúc đa bất 。

thích đề hoàn nhân ngôn 。

thế tôn 。

Người này nhờ nhân duyên này có phước đức nhiều không? Thích-đề-hoàn-nhân đáp: Rất nhiều, Thế tôn.

佛言。憍尸迦。

Phật ngôn 。

Kiêu-thi-ca 。

Phật dạy: Kiêu-thi-ca,

不如善男子善女人以般若波羅蜜經卷。與他人令得書寫讀誦作是言。

bất như thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dĩ bát nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。

dữ tha nhân lệnh đắc thư tả đọc tụng tác thị ngôn 。

không bằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dùng kinh Bát-nhã Ba-la-mật, khiến người khác biên chép, đọc tụng, và nói:

汝當得是應般若波羅蜜功德其福甚多。

nhữ đương đắc thị ứng Bát-nhã Ba-la-mật công đức kỳ phúc thậm đa 。
các ông sẽ được công đức Bát-nhã Ba-la-mật này, thì phước người này rất nhiều.

何以故。須陀洹果從般若波羅蜜出故。憍尸迦。

hà dĩ cố 。 Tu đà hoàn quả tòng Bát-nhã Ba-la-mật xuất cố 。 Kiêu-thi-ca 。
Vì sao? Vì quả Tu-đà-hoàn xuất phát từ Bát-nhã Ba-la-mật. Kiêu-thi-ca,

置是閻浮提及三千大千世界。

trí thị Diêm-phù-đề cập tam Thiên Đại Thiên thế giới 。
Ngoài Diêm-phù-đề và Tam thiên đại thiên thế giới này,

乃至教十方如恒河沙等世界眾生。令得須陀洹果。

nãi chí giáo thập phương như hằng hà sa đẳng thế giới chúng sinh 。 lệnh đắc Tu đà
hoàn quả 。

cho đến dạy chúng sinh ở hằng hà sa thế giới trong mười phương, khiến họ được quả Tu-
đà-hoàn,

於意云何。是人以是因緣其福多不。釋提桓因言。

ư ý vân hà 。 thị nhân dĩ thị nhân duyên kỳ phúc đa bất 。 thích đề hoàn nhân ngôn
。

ý ông thế nào? Người này nhờ nhân duyên này, được nhiều phước đức không? Thích-đề-
hoàn-nhân đáp:

甚多世尊。佛言。憍尸迦。

thậm đa Thế tôn 。 Phật ngôn 。 Kiêu-thi-ca 。

Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy: Kiêu-thi-ca,

不如善男子善女人以般若波羅蜜經卷。

bất như thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。

không bằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dùng kinh Bát-nhã Ba-la-mật,

與他人令得書寫讀誦作是言。

dữ tha nhân lệnh đắc thư tả độc tụng tác thị ngôn 。

khiến người khác biên chép, đọc tụng, và nói:

汝當得是應般若波羅蜜功德其福甚多。何以故。

nhữ đương đắc thị ứng Bát-nhã Ba-la-mật công đức kỳ phúc thậm đa 。

hà dĩ cố 。

須陀洹果從般若波羅蜜出故復次憍尸迦。若有善男子善女人。

Tu đà hoàn quả tòng Bát-nhã Ba-la-mật xuất cố phục thứ Kiêu-thi-ca 。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Vì quả Tu-đà-hoàn xuất phát từ Bát-nhã Ba-la-mật. Lại nữa, Kiêu-thi-ca, nếu Thiện nam

tử, Thiện nữ nhân

教闍浮提眾生。

giáo Diêm-phù-đề chúng sinh 。

dạy chúng sinh ở Diêm-phù-đề,

令得斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛道。於意云何。

lệnh đắc Tư đà hàm quả A na hàm quả A la hán quả Bích chi Phật đạo 。

ư ý vân hà 。

khiến họ được quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích Chi, ý ông thế nào?

是人以是因緣其福多不。釋提桓因言。甚多世尊。佛言。憍尸迦。

thị nhân dĩ thị nhân duyên kỳ phúc đa bất 。

thích đề hoàn nhân ngôn 。

thậm đa Thế tôn 。

Phật ngôn 。

Kiêu-thi-ca 。

不如善男子善女人以般若波羅蜜經卷。

bất như thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。
không bằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dùng kinh Bát-nhã Ba-la-mật,

與他人令得書寫讀誦作是言。

dữ tha nhân lệnh đắc thư tả độc tụng tác thị ngôn 。

khiến người khác biên chép, đọc tụng, và nói:

汝當得是應般若波羅蜜功德其福甚多。何以故。

nhữ đương đắc thị ứng Bát-nhã Ba-la-mật công đức kỳ phúc thậm đa 。

hà dĩ cố 。

các ông sẽ được công đức của Bát-nhã Ba-la-mật, thì phước người này rất nhiều. Vì sao?

汝隨學是法當得薩婆若法。隨得薩婆若法。

nhữ tùy học thị Pháp đương đắc tát bà nhược Pháp 。

tùy đắc tát bà nhược Pháp 。

Ông học theo pháp này sẽ được pháp Nhất thiết trí; được pháp Nhất thiết trí rồi

當隨得斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛道。憍尸迦。

đương tùy đắc Tư đà hàm quả A na hàm quả A la hán quả Bích chi Phật đạo 。

Kiên-thi-ca 。

sẽ được quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích Chi. Kiên-thi-ca,

置是閻浮提及三千大千世界眾生。

trí thị Diêm-phù-đề cập tam Thiên Đại Thiên thế giới chúng sinh 。

Ngoài chúng sinh ở Diêm-phù-đề và Tam thiên đại thiên thế giới này,

乃至教十方如恒河沙等世界眾生。

nãi chí giáo thập phương như hằng hà sa đẳng thế giới chúng sinh 。

cho đến dạy chúng sinh ở hằng hà sa thế giới trong mười phương,

令得斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛道。於意云何。

lệnh đặc Tư đà hàm quả A na hàm quả A la hán quả Bích chi Phật đạo 。 ư ý vân hà 。

khiến họ được quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích Chi, ý ông thế nào?

是人以是因緣其福多不。釋提桓因言。

thị nhân dĩ thị nhân duyên kỳ phúc đa bất 。 thích đề hoàn nhân ngôn 。

Người này nhờ nhân duyên này, được nhiều phước đức không? Thích-đề-hoàn-nhân đáp:

甚多世尊。佛言。憍尸迦。

thậm đa Thế tôn 。 Phật ngôn 。 Kiêu-thi-ca 。

Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy: Kiêu-thi-ca,

不如善男子善女人以般若波羅蜜經卷。

bất như thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。

không bằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dùng kinh Bát-nhã Ba-la-mật,

與他人令得書寫讀誦作是言。

dĩ tha nhân lệnh đặc thư tả độc tụng tác thị ngôn 。

khiến người khác biên chép, đọc tụng, và nói:

汝當得是應般若波羅蜜功德其福甚多。何以故。汝隨學是法當得薩婆若法。

nhữ đương đặc thị ứng Bát-nhã Ba-la-mật công đức kỳ phúc thậm đa 。 hà dĩ cố 。 nhữ tùy học thị Pháp đương đặc tát bà nhược Pháp 。

các ông sẽ có công đức Bát-nhã Ba-la-mật, thì phước người này rất nhiều. Vì sao? Ông học theo pháp này sẽ được pháp Nhất thiết trí;

隨得薩婆若法。

tùy đặc tát bà nhược Pháp 。

được pháp Nhất thiết trí rồi,

當隨得斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛道。復次憍尸迦。

đương tùy đắc Tư đà hàm quả A na hàm quả A la hán quả Bích chi Phật đạo 。
phục thứ Kiêu-thi-ca 。

sẽ được quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích Chi. Lại nữa, Kiêu-thi-ca,

若滿閻浮提眾生。皆發阿耨多羅三藐三菩提心。

nhược mãn Diêm-phù-đề chúng sinh 。 giai phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm
。

nếu chúng sinh khắp cõi Diêm-phù-đề đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác;

若有善男子善女人。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

以般若波羅蜜經卷與之令得書寫讀誦。是人以是因緣其福多不。

dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển dữ chi lệnh đắc thư tả độc tụng 。 thị nhân dĩ thị nhân
duyên kỳ phúc đa bất 。

dùng kinh Bát-nhã Ba-la-mật, khiến người khác biên chép, đọc tụng. Người này nhờ nhân
duyên này, được nhiều phước đức không?

釋提桓因言。甚多世尊。佛言。憍尸迦。

thích đề hoàn nhân ngôn 。 thậm đa Thế tôn 。 Phật ngôn 。 Kiêu-thi-ca 。

Thích-đề-hoàn-nhân đáp: Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy: Kiêu-thi-ca,

不如善男子善女人以般若波羅蜜經卷。

bất như thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。

không bằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đưa kinh Bát-nhã Ba-la-mật

與一阿毘跋致菩薩。作是念。是菩薩於是中學。

dữ nhất A ti bạt trí Bồ-tát 。 tác thị niệm 。 thị Bồ-tát ư thị trung học 。

cho một vị Bồ-tát Không thoái chuyển, và nghĩ rằng: Bồ-tát này, học trong đó,

當能修習般若波羅蜜。以是因緣般若波羅蜜增廣流布。

đương năng tu tập Bát-nhã Ba-la-mật 。 dĩ thị nhân duyên Bát-nhã Ba-la-mật tăng
quảng lưu bố 。

sẽ có thể tu tập Bát-nhã Ba-la-mật. Nhờ nhân duyên này, Bát-nhã Ba-la-mật càng được
lưu bố rộng rãi;

福多於彼。憍尸迦。

phúc đa ư bỉ 。 Kiêu-thi-ca 。

phước người này rất nhiều. Kiêu-thi-ca,

置是閻浮提及三千大千世界眾生。乃至十方如恒河沙等世界眾生。

trí thị Diêm-phù-đề cập tam Thiên Đại Thiên thế giới chúng sinh 。 nãi chí thập phương
như hằng hà sa đẳng thế giới chúng sinh 。

ngoài chúng sinh ở Diêm-phù-đề và Tam thiên đại thiên thế giới này, cho đến chúng sinh
ở hằng hà sa thế giới trong mười phương,

皆發阿耨多羅三藐三菩提心。

giai phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

若有善男子善女人。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

以般若波羅蜜經卷與之令得書寫讀誦。於意云何。是人以是因緣其福多不。

dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển dĩ chi lệnh đắc thư tả độc tụng 。 ư ý vân hà 。 thị nhân
dĩ thị nhân duyên kỳ phúc đa bất 。

dùng kinh Bát-nhã Ba-la-mật, khiến người khác biên chép, đọc tụng, ý ông thế nào?

Người này nhờ nhân duyên này, được nhiều phước đức không?

釋提桓因言。甚多世尊。佛言。

thích đề hoàn nhân ngôn 。 thậm đa Thế tôn 。 Phật ngôn 。

Thích-đề-hoàn-nhân đáp: Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy:

不如善男子善女人以般若波羅蜜經卷。

bất như thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。

không bằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đưa kinh Bát-nhã Ba-la-mật

與一阿毘跋致菩薩作是念。是菩薩於是中學。

dữ nhất A-tì-bạt-trí Bồ-tát tác thị niệm 。

thị Bồ-tát ư thị trung học 。

cho một vị Bồ-tát Không thoái chuyển, và nghĩ: Bồ-tát này, học trong này,

當能修習般若波羅蜜。以是因緣般若波羅蜜增廣流布。

đương năng tu tập Bát-nhã Ba-la-mật 。

dĩ thị nhân duyên Bát-nhã Ba-la-mật tăng

quảng lưu bố 。

sẽ có thể tu tập Bát-nhã Ba-la-mật. Nhờ nhân duyên này, Bát-nhã Ba-la-mật càng được

福多於彼。復次憍尸迦。閻浮提所有眾生。

phúc đa ư bỉ 。

phước thứ Kiêu-thi-ca 。

Diêm-phù-đề sở hữu chúng sinh 。

皆發阿耨多羅三藐三菩提心。若有善男子善女人。

giai phát a-nậu-đa-la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

以般若波羅蜜經卷。與之為解其義。於意云何。

dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。

dữ chi vi giải kỳ nghĩa 。

ư ý vân hà 。

dùng kinh Bát-nhã Ba-la-mật, vì họ giải rõ nghĩa của nó. Ý ông thế nào?

thị nhân dĩ thị nhân duyên kỳ phúc đa bất 。 thích đề hoàn nhân ngôn 。
Người này nhờ nhân duyên này, được nhiều phước đức không? Thích-đề-hoàn-nhân đáp:

甚多世尊。佛言。憍尸迦。

thậm đa Thế tôn 。 Phật ngôn 。 Kiêu-thi-ca 。

Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy: Kiêu-thi-ca,

不如善男子善女人以般若波羅蜜經卷。

bất như thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。

không bằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dùng kinh Bát-nhã Ba-la-mật,

與一阿毘跋致菩薩為解其義。福多於彼。憍尸迦。

dữ nhất A-tì-bạt-trí Bồ-tát vi giải kỳ nghĩa 。

phúc đa ư bỉ 。

Kiêu-thi-ca, vì một Bồ-tát Không thoái chuyển, giải thích nghĩa của nó. Kiêu-thi-ca,

置是閻浮提及三千大千世界眾生。

trí thị Diêm-phù-đề cập tam Thiên Đại Thiên thế giới chúng sinh 。

ngoài chúng sinh ở Diêm-phù-đề và Tam thiên đại thiên thế giới này,

乃至教十方如恒河沙等世界眾生。皆發阿耨多羅三藐三菩提心。

nãi chí giáo thập phương như hằng hà sa đẵng thế giới chúng sinh 。

giai phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

cho đến dạy chúng sinh ở hằng hà sa thế giới trong mười phương, đều phát tâm Vô thượng Chính đẵng Chính giác.

若有善男子善女人以般若波羅蜜經卷。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。

Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dùng kinh Bát-nhã Ba-la-mật,

與之為解其義。於意云何。

dữ chi vi giải kỳ nghĩa 。

vì họ giải thích nghĩa của nó. Ý ông thế nào?

是人以是因緣其福多不。釋提桓因言。甚多世尊。佛言。

thị nhân dĩ thị nhân duyên kỳ phúc đa bất 。 thích đề hoàn nhân ngôn 。 thậm đa
Thế tôn 。 Phật ngôn 。

Người này nhờ nhân duyên này, được nhiều phước đức không? Thích-đề-hoàn-nhân đáp:
Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy:

不如善男子善女人以般若波羅蜜經卷。

bất như thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dĩ át nhã Ba-la-mật Kinh quyển 。

Không bằng Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dùng kinh Bát-nhã Ba-la-mật,

與一阿毘跋致菩薩為解其義。福多於彼。復次憍尸迦。

dữ nhất A tì bạt trí Bồ-tát vi giải kỳ nghĩa 。 phúc đa ư bỉ 。 phục thứ Kiêu-thi-ca 。

vì một Bồ-tát Không thoái chuyển, giải thích nghĩa của nó. Lại nữa, Kiêu-thi-ca.

閻浮提所有眾生皆是阿毘跋致菩薩。

Diêm-phù-đề sở hữu chúng sinh giai thị A tì bạt trí Bồ-tát 。

Tất cả chúng sinh ở Diêm-phù-đề đều là Bồ-tát Không thoái chuyển.

若有善男子善女人以般若波羅蜜義教之。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dĩ át nhã Ba-la-mật nghĩa giáo chi 。

Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dùng nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật để dạy họ,

於意云何。是人以是因緣其福多不。釋提桓因言。

ư ý vân hà 。 thị nhân dĩ thị nhân duyên kỳ phúc đa bất 。 thích đề hoàn nhân ngôn

。

ý ông thế nào? Người này nhờ nhân duyên này, được nhiều phước đức không? Thích-đề-
hoàn-nhân đáp:

甚多世尊。佛言。憍尸迦。於是中有一菩薩。

thậm đa Thế tôn 。 Phật ngôn 。 Kiêu-thi-ca 。 ư thị trung hữu nhất Bồ-tát 。
Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy: Kiêu-thi-ca, ở đây có một Bồ-tát

疾得阿耨多羅三藐三菩提。

tật đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。
sớm đắc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

若有人以般若波羅蜜教之。福多於彼。憍尸迦。

nhược hữu nhân dĩ át nhã Ba-la-mật nghĩa giáo chi 。 phúc đa ư bỉ 。 Kiêu-thi-ca 。
Nếu có người dùng nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật để dạy thì phước đức nhiều hơn người
kia. Kiêu-thi-ca,

置是閻浮提及三千大千世界眾生。

trí thị Diêm-phù-đề cập tam Thiên Đại Thiên thế giới chúng sinh 。
ngoài chúng sinh ở Diêm-phù-đề và Tam thiên đại thiên thế giới này,

乃至十方如恒河沙等世界眾生。皆是阿毘跋致菩薩。

nãi chí thập phương như hằng hà sa đẳng thế giới chúng sinh 。 giai thị A tì bạt trí Bồ-tát
。 cho đến chúng sinh ở hằng hà sa thế giới trong mười phương đều là Bồ-tát Không thoái
chuyển.

若有善男子善女人以般若波羅蜜教之。於意云何。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dĩ át nhã Ba-la-mật nghĩa giáo chi 。 ư ý vân
hà 。

Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân dùng nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật để dạy họ, ý ông
thế nào?

是人以是因緣其福多不。釋提桓因言。

thị nhân dĩ thị nhân duyên kỳ phúc đa bất 。 thích đề hoàn nhân ngôn 。

Người này nhờ nhân duyên này, được nhiều phước đức không?

甚多世尊。佛言。憍尸迦。於是中有一菩薩。

thậm đa Thế tôn 。 Phật ngôn 。 Kiêu-thi-ca 。 ư thị trung hữu nhất Bồ-tát 。

Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy: Kiêu-thi-ca, ở đây có một Bồ-tát

疾得阿耨多羅三藐三菩提。

tật đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

sớm đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

若有人以般若波羅蜜義教之。福多於彼。爾時釋提桓因白佛言。

nhược hữu nhân dĩ át nhã Ba-la-mật nghĩa giáo chi 。 phúc đa ư bỉ 。 nhĩ thời thích đề
hoàn nhân bạch Phật ngôn 。

Nếu có người dùng nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật để dạy thì phước đức nhiều hơn người
đó. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật rằng:

如是如是。世尊。隨菩薩近阿耨多羅三藐三菩提。

như thị như thị 。 Thế tôn 。 tùy Bồ-tát cận a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Đúng vậy, Thế tôn. Đối với Bồ-tát gần gũi Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

轉應以般若波羅蜜義教之。

chuyển ứng dĩ át nhã Ba-la-mật nghĩa giáo chi 。

nếu chuyển thì nên dùng nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật để dạy,

亦轉應以衣服飲食臥具醫藥而供養之。其福甚多。何以故。

diệc chuyển ứng dĩ y phục ẩm thực ngọa cụ y dược nhi cung dưỡng chi 。 kỳ phúc
thậm đa 。 hà dĩ cố 。

cũng nên dùng áo quần, đồ nằm, thuốc men mà cúng dường thì phước đức rất nhiều. Vì
sao?

世尊。法應爾隨近阿耨多羅三藐三菩提。

Thế tôn 。 Pháp ứng nhĩ tùy cận a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。
Thế tôn, nên tùy cận Vô thượng Chính đẳng Chính giác như thế,

得福轉多。爾時須菩提讚釋提桓因言。

đắc phúc chuyển đa 。 nhĩ thời Tu Bồ-đề tán thích đề hoàn nhân ngôn 。
phước đức sẽ thành nhiều. Lúc đó, Tu-bồ-đề khen Thích-đề-hoàn-nhân:

善哉善哉。憍尸迦。汝是聖弟子。法應佐助諸菩薩。

Thiện tai Thiện tai 。 Kiêu-thi-ca 。 nhữ thị Thánh đệ-tử 。 Pháp ứng tá trợ chư Bồ-tát
。

Lành thay, lành thay, Kiêu-thi-ca. Ông là Thánh đệ tử. Nên giúp đỡ các Bồ-tát như thế,

以阿耨多羅三藐三菩提安慰護念。

dĩ a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề an úy hộ niệm 。
dùng Vô thượng Chính đẳng Chính giác mà an ủi, hộ niệm.

若佛初發阿耨多羅三藐三菩提心時。

nhược Phật sơ phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm thời 。
Nếu Phật lúc mới phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

過去諸佛及諸弟子。若不以六波羅蜜安慰佐助者。

quá khứ chư Phật cập chư đệ-tử 。 nhược bất dĩ lục ba la mật an úy tá trợ giả 。
chư Phật và các đệ tử quá khứ, nếu không dùng sáu Ba-la-mật để an ủi, giúp đỡ

不能得阿耨多羅三藐三菩提。憍尸迦。佛初發意時。

bất năng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 Kiêu-thi-ca 。 Phật sơ phát ý thời 。
thì không thể được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Kiêu-thi-ca, Phật lúc mới phát tâm,

過去諸佛及諸弟子。

quá khứ chư Phật cập chư đệ-tử 。
chư Phật và các đệ tử quá khứ

以六波羅蜜應安慰佐助故。得阿耨多羅三藐三菩提。

dĩ lục ba la mật ứng an úy tá trợ cố 。 đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。
vì lấy sáu Ba-la-mật để an ủi, giúp đỡ nên được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

迴向品第七

hồi hướng phẩm đệ thất

Phẩm 7: Hồi Hướng

爾時彌勒菩薩語須菩提。

nhĩ thời Di Lặc Bồ-tát ngữ Tu Bồ-đề 。

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc nói với Tu-bồ-đề:

菩薩摩訶薩隨喜福德。於餘眾生布施持戒修禪福德。

Bồ-tát Ma-Ha tát tùy hỉ phúc đức 。 ư dư chúng sinh bố thí trì giới tu Thiền phúc đức
。

Phước đức tùy hỷ của Bồ-tát Ma ha tát, so với phước đức bố thí, trì giới, tu thiền của
chúng sinh khác,

最大最勝最上最妙。爾時須菩提問彌勒菩薩。

tối Đại tối thắng tối thượng tối diệu 。 nhĩ thời Tu Bồ-đề vấn Di Lặc Bồ-tát 。

thì rất lớn, tối thắng, tối thượng, rất kỳ diệu. Bấy giờ, Tu-bồ-đề hỏi Bồ-tát Di-lặc:

若菩薩於十方無量阿僧祇世界。

nhược Bồ-tát ư thập phương vô lượng a tăng kì thế giới 。

Nếu Bồ-tát ở vô lượng a-tăng-kỳ thế giới trong mười phương,

過去無量滅度諸佛。是諸佛從初發心。

quá khứ vô lượng diệt độ chư Phật 。 thị chư Phật tòng sơ phát tâm 。

vô lượng chư Phật diệt độ trong quá khứ, chư Phật này từ lúc mới phát tâm

乃至得阿耨多羅三藐三菩提。入無餘涅槃乃至法欲滅時。

nãi chí đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 nhập vô dư Niết bàn nãi chí Pháp diệt thời 。

cho đến được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nhập Niết-bàn Vô dư cho đến lúc pháp muốn diệt.

於是中間所有應六波羅蜜善根福德。

ư thị trung gian sở hữu ứng lục ba la mật thiện căn phúc đức 。

Ở khoảng giữa này có phước đức thiện căn của sáu Ba-la-mật;

及諸聲聞弟子布施持戒修禪福德。

cập chư thanh văn đệ-tử bố thí trì giới tu Thiền phúc đức 。

và phước đức bố thí, trì giới, tu thiền của các đệ tử Thanh văn;

所有學無學無漏福德及諸佛戒品定品慧品解脫品解脫知見

sở hữu học vô học vô lậu phúc đức cập chư Phật giới phẩm định phẩm tuệ phẩm giải thoát phẩm giải thoát tri kiến

phước đức vô lậu của hàng Hữu học, Vô học và các phẩm Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến,

品。大慈大悲利安眾生。無量佛法及其所說。

phẩm 。

Đại từ Đại bi lợi an chúng sinh 。

從是法中眾生受學。是諸眾生所有福德。

tòng thị Pháp trung chúng sinh thọ học 。

từ nơi pháp này chúng sinh thọ học, phước đức của các chúng sinh này

及諸佛滅後眾生所種福德。

cập chư Phật diệt hậu chúng sinh sở chủng phúc đức 。

và phước đức gieo được của chúng sinh sau khi chư Phật diệt độ,

合集稱量是諸福德。以最大最勝最上最妙心隨喜。

hợp tập xưng lượng thị chư phước đức 。 dĩ tối Đại tối thắng tối thượng tối diệu tâm tùy hỷ 。

tập hợp, đo lường các phước đức, khởi tâm tối đại, tối thắng, tối thượng, tối diệu mà tùy hỷ.

隨喜已迴向阿耨多羅三藐三菩提作是觀。

tùy hỷ dĩ hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tác thị quán 。

Tùy hỷ rồi thì hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, quán thể này:

我此福德當得阿耨多羅三藐三菩提。若菩薩作是念。

ngã thử phước đức đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 nhược Bồ-tát tác thị niệm 。

phước đức này của ta sẽ được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nếu Bồ-tát nghĩ:

我以是心迴向阿耨多羅三藐三菩提。

ngã dĩ thị tâm hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

ta lấy tâm này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

如心所緣是諸緣諸事為可得。彌勒言。

như tâm sở duyên thị chư duyên chư sự vi khả đắc bất 。

Di Lạc ngôn 。

có thể được các duyên các sự được tâm đeo bám như thế không? Di-lặc nói:

是諸緣諸事不可得。如心取相。須菩提言。

thị chư duyên chư sự bất khả đắc 。

như tâm thủ tướng 。

Tu Bồ-đề ngôn 。

các duyên các sự này không thể đắc, giống như các tướng được tâm đeo bám. Tu-bồ-đề nói:

若是諸緣諸事不爾者。

nhược thị chư duyên chư sự bất nhĩ giả 。
Nếu các duyên các sự này không phải như thế,

是人將無想顛倒見顛倒心顛倒。無常謂常。苦謂樂。不淨謂淨。無我謂我。
thị nhân tướng vô tưởng điên đảo kiến điên đảo tâm điên đảo 。 vô thường vị thường
。 khổ vị lạc 。 bất tịnh vị tịnh 。 vô ngã vị ngã 。
người này sẽ không có tưởng điên đảo, kiến điên đảo, tâm điên đảo; vô thường cho là
thường, khổ cho là lạc, bất tịnh cho là tịnh, vô ngã cho là ngã;

生想顛倒見顛倒心顛倒。
sinh tưởng điên đảo kiến điên đảo tâm điên đảo 。
sinh tưởng điên đảo, kiến điên đảo, tâm điên đảo.

若諸緣諸事如實者。菩提亦如是。心亦如是。
nhược chư duyên chư sự như thật giả 。 bồ đề diệc như thị 。 tâm diệc như thị 。
Nếu các duyên các sự như thật, Bồ-đề cũng như vậy, tâm cũng như vậy.

若諸緣諸事菩提及心無異者。
nhược chư duyên chư sự bồ đề cập tâm vô dị giả 。
Nếu các duyên, các sự, Bồ-đề và tâm không khác nhau,

何等是隨喜心迴向阿耨多羅三藐三菩提。彌勒言。須菩提。
hà đẳng thị tùy hỷ tâm hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 Di Lạc ngôn 。 Tu
Bồ-đề 。
thì tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác này là gì? Di-lặc nói: Tu-bồ-
đề,

如是迴向法不應於新發意菩薩前說。所以者何。
như thị hồi hướng Pháp bất ứng ư tân phát ý Bồ-tát tiền thuyết 。 sở dĩ giả hà 。
Pháp hồi hướng như vậy không nên nói trước Bồ-tát mới phát tâm. Vì sao?

是人所有信樂恭敬淨心皆當滅失。須菩提。

thị nhân sở hữu tín lạc cung kính tịnh tâm giai đương diệt thất 。 Tu Bồ-đề 。
Tâm tín lạc, cung kính, thanh tịnh mà người này có được đều sẽ diệt mất. Tu-bồ-đề,

如是迴向法應於阿毘跋致菩薩前說。

như thị hồi hướng Pháp ứng ư A tì bạt trí Bồ-tát tiền thuyết 。
pháp hồi hướng như vậy nên nói trước Bồ-tát Không thoái chuyển.

若與善知識相隨者說。是人聞是不驚不怖不沒不退。

nhược dữ thiện tri thức tương tùy giả thuyết 。 thị nhân văn thị bất kinh bất phố bất
một bất thoái 。

Nếu là thiện tri thức thì tùy theo đó mà nói; người này nghe như vậy mà không kinh, không
sợ, không mất, không lui.

菩薩隨喜福德應如是迴向薩婆若。所用心迴向。

Bồ-tát tùy hỉ phúc đức ứng như thị hồi hướng tát bà nhược 。 sở dụng tâm hồi
hướng 。

Phước đức tùy hỷ của Bồ-tát nên như thế mà hồi hướng Nhất thiết trí. Tâm hồi hướng
được sử dụng,

是心即盡即滅。

thị tâm tức tận tức diệt 。

tâm này chính là tận, là diệt.

何等心是迴向阿耨多羅三藐三菩提。若用心心迴向。是二心不俱。

hà đẳng tâm thị hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 nhược dụng tâm tâm
hồi hướng 。

Tâm hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác là gì? Nếu dùng tâm khởi tâm hồi
hướng thì hai tâm này không cùng nhau.

又心性不可得迴向。爾時釋提桓因語須菩提。

hựu tâm tính bất khả đắc hồi hướng 。 nhĩ thời thích đề hoàn nhân ngữ Tu Bồ-đề 。
Lại nữa, tính của tâm không thể hồi hướng được. Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân nói với Tu-
bồ-đề:

新發意菩薩聞是事將無驚怖耶。

tân phát ý Bồ-tát văn thị sự tướng vô kinh phố da 。
Bồ-tát mới phát tâm nghe việc này sẽ không kinh sợ sao?

菩薩今云何以隨喜福德如實迴向。

Bồ-tát kim vân hà dĩ tùy hỷ phúc đức như thật hồi hướng 。
Nay làm thế nào để Bồ-tát dùng tùy hỷ phước đức mà hồi hướng như thật?

爾時須菩提因彌勒菩薩作是言。菩薩於過去諸佛。

nhĩ thời Tu Bồ-đề nhân Di Lạc Bồ-tát tác thị ngôn 。 Bồ-tát ư quá khứ chư Phật 。
Bấy giờ, Tu-bồ-đề vì Bồ-tát Di-lạc mà nói rằng: Bồ-tát, đối với chư Phật quá khứ,

道已斷行已滅戲論盡。滅 棘 刺除重擔。得已利盡有結。

đạo dĩ đoạn hành dĩ diệt hí luận tận 。 diệt 棘 thứ trừ trọng đấm 。 đắc kỷ lợi tận hữu
kết 。

đạo đã đoạn, hành đã diệt, hí luận đã hết, diệt gai góc, trừ gánh nặng, được lợi mình, hết
kết sử,

正智解脫心得自在。

chính trí giải thoát tâm đắc tự-tại 。

chính trí, giải thoát, tâm được tự tại.

無量阿僧祇世界中滅度諸佛。所有善根福德勢力。

vô lượng a tăng kì thế giới trung diệt độ chư Phật 。 sở hữu thiện căn phúc đức thế lực
。

Chư Phật trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, có được năng lực phước đức thiện căn,

及諸弟子於諸佛所。所種善根合集稱量。

cập chư đệ-tử ư chư Phật sở 。 sở chủng thiện căn hợp tập xưng lượng 。
và các đệ tử ở chỗ chư Phật, thiện căn gieo được; tập hợp, đo lường

是諸福德以最大最勝最上最妙心隨喜。

thị chư phúc đức dĩ tối Đại tối thắng tối thượng tối diệu tâm tùy hỷ 。
các phước đức này, lấy tâm tối đại, tối thắng, tối thượng, tối diệu mà tùy hỷ.

隨喜已迴向阿耨多羅三藐三菩提。

tùy hỷ dĩ hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。
Tùy hỷ rồi, hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

是菩薩今當云何不墮想顛倒見顛倒心顛倒。

thị Bồ-tát kim đương vân hà bất đọa tưởng điên đảo kiến điên đảo tâm điên đảo 。
Bồ-tát này nay tại sao không rơi vào tưởng điên đảo, kiến điên đảo, tâm điên đảo?

若是菩薩用是心迴向阿耨多羅三藐三菩提。於是心中不生心相。

nhược thị Bồ-tát dụng thị tâm hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 ư thị tâm
trung bất sinh tâm tướng 。

Nếu Bồ-tát này dùng tâm như thế hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, trong tâm
như thế không khởi tướng của tâm,

則是迴向阿耨多羅三藐三菩提。

tắc thị hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。
tức là hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

若是菩薩於是心中而生心相。

nhược thị Bồ-tát ư thị tâm trung nhi sinh tâm tướng 。

Nếu Bồ-tát này, trong tâm như thế, khởi tướng của tâm,

則墮想顛倒見顛倒心顛倒。若菩薩隨喜時。是心盡滅相。

tắc đọa tướng điên đảo kiến điên đảo tâm điên đảo 。 nhược Bồ-tát tùy hỷ thời 。 thị tâm tận diệt tướng 。

tức rơi vào tướng điên đảo, kiến điên đảo, tâm điên đảo. Nếu lúc Bồ-tát tùy hỷ, tâm như thế các tướng tận diệt,

如實知盡滅相。盡滅相法則不可迴向。

như thật tri tận diệt tướng 。

tận diệt tướng Pháp tắc bất khả hồi hướng 。

迴向心亦如是相。所迴向法亦如是相。若能如是迴向。

hồi hướng tâm diệt như thị tướng 。

Tâm hồi hướng cũng là tướng như thế, pháp được hồi hướng cũng là tướng như thế. Nếu có thể hồi hướng như thế,

是名正迴向。

thị danh chính hồi hướng 。

gọi là Chính hồi hướng.

菩薩摩訶薩應以隨喜福德如是迴向。若菩薩於過去諸佛所有福德。

Bồ-tát Ma-Ha tát ứng dĩ tùy hỷ phúc đức như thị hồi hướng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nên lấy tùy hỷ phước đức để hồi hướng như thế. Nếu Bồ-tát, đối với phước đức của chư Phật quá khứ,

并諸弟子及凡夫人乃至畜生聞法種善根。

trùng chư đệ-tử cập phàm phu nhân nãi chí súc sinh văn Pháp chủng thiện căn 。

cùng thiện căn gieo được nhờ nghe pháp của các đệ tử và người phàm phu cho tới súc sinh,

及諸天龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽

cập chư Thiên long dạ xoa Càn thát bà A-tu-La ca lâu la khẩn na la Ma hầu la dà và sự phát tâm cầu Nhất thiết trí nhờ nghe pháp của các Thiên long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà,

人非人等。聞法發應薩婆若心。

nhân phi nhân đẳng 。 văn Pháp phát ứng tát bà nhược tâm 。
người, loài phi nhân, vân vân;

合集稱量是諸福德。以最大最勝最上最妙心隨喜。

hợp tập xưng lượng thị chư phúc đức 。 dĩ tối Đại tối thắng tối thượng tối diệu tâm
tùy hỉ 。

tập hợp, đo lường các phước đức như thế, lấy tâm tối đại, tối thắng, tối thượng, tối diệu mà
tùy hỷ;

隨喜已迴向阿耨多羅三藐三菩提。

tùy hỉ dĩ hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

tùy hỷ rồi, hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

若菩薩如是念。是諸法皆盡滅。所迴向處亦盡滅。

nhược Bồ-tát như thị niệm 。 thị chư Pháp giai tận diệt 。 sở hồi hướng xử diệt tận
diệt 。

Nếu Bồ-tát nghĩ như thế, các pháp như thế đều tận diệt, chỗ được hồi hướng cũng tận
diệt.

是名隨喜福德正迴向阿耨多羅三藐三菩提。

thị danh tùy hỉ phúc đức chính hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Đó gọi là tùy hỷ phước đức chính hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

又菩薩如是知無有法能迴向法。

hựu Bồ-tát như thị tri vô hữu Pháp năng hồi hướng Pháp 。

Lại nữa, Bồ-tát biết như thế, không có Pháp nào là pháp có thể hồi hướng;

是名正迴向阿耨多羅三藐三菩提。若菩薩如是迴向。

thị danh chính hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 nhược Bồ-tát như thị hồi hướng 。

đó gọi là chính hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nếu Bồ-tát hồi hướng như vậy,

則不墮想顛倒見顛倒心顛倒。何以故。

tắc bất đọa tưởng điên đảo kiến điên đảo tâm điên đảo 。 hà dĩ cố 。

tức không rơi vào tưởng điên đảo, kiến điên đảo, tâm điên đảo. Vì sao?

是菩薩不貪著迴向故。是名無上迴向。

thị Bồ-tát bất tham trước hồi hướng cố 。

thị danh vô thượng hồi hướng 。

Vì Bồ-tát này không tham trước hồi hướng, nên gọi là Hồi hướng vô thượng.

若有菩薩於福德作起法。取相分別則不能以此福德迴向。

nhược hữu Bồ-tát ư phước đức tác khởi Pháp 。

thủ tướng phân biệt tắc bất năng dĩ thử phước đức hồi hướng 。

Nếu có Bồ-tát, đối với phước đức, cho đó là pháp sinh khởi, chấp tướng, phân biệt, thì không thể dùng phước đức này để hồi hướng.

何以故。是作起法皆是離相。

hà dĩ cố 。

thị tác khởi Pháp giai thị ly tướng 。

Vì sao? Pháp tác khởi như thế đều rời tướng.

隨喜福德亦是離相。若菩薩知所念作起法皆離相。

tùy hỷ phước đức diệc thị ly tướng 。

nhược Bồ-tát tri sở niệm tác khởi Pháp giai ly tướng 。

Phước đức tùy hỷ cũng rời tướng. Nếu Bồ-tát biết pháp tác khởi được nghĩ đến đều rời tướng,

當知是為行般若波羅蜜。

đương tri thị vi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

thì nên biết đó là hành Bát-nhã Ba-la-mật.

又諸過去滅度佛善根福德亦如是。迴向所用迴向法性相亦如是。

hựu chư quá khứ diệt độ Phật thiện căn phúc đức diệc như thị 。

hồi hướng sở dụng
hồi hướng Pháp tính tướng diệc như thị 。

Lại nữa, phúc đức thiện căn của chư Phật đã diệt độ trong quá khứ cũng như vậy; hồi hướng mà dùng pháp, tính, tướng hồi hướng cũng như vậy.

若能如是知。

nhược năng như thị tri 。

Nếu có thể biết như thế,

是名正迴向阿耨多羅三藐三菩提。何以故。諸佛不許取相迴向故。

thị danh chính hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

hà dĩ cố 。

chư Phật bất
hứa thủ tướng hồi hướng cố 。

gọi là chính hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Chư Phật không tán đồng sự hồi hướng chấp thủ tướng.

若法過去盡滅。是法無相。不可以相得。

nhược Pháp quá khứ tận diệt 。

thị Pháp vô tướng 。

bất khả dĩ tướng đắc 。

Nếu pháp quá khứ tận diệt, pháp như thế là vô tướng, không thể lấy tướng để đắc.

若如是亦分別。是名取相。若如是亦不分別。

nhược như thị diệc phân biệt 。

thị danh thủ tướng 。

nhược như thị diệc bất phân
biệt 。

Nếu như thế mà lại phân biệt, gọi là chấp thủ tướng. Nếu như thế mà không phân biệt,

是名正迴向。云何不取相分別而能迴向。

thị danh chính hồi hướng 。

vân hà bất thủ tướng phân biệt nhi năng hồi hướng 。

gọi là chính hồi hướng. Tại sao không phân biệt chấp thủ tướng mà có thể hồi hướng?

菩薩以是事故。應學般若波羅蜜方便。

Bồ-tát dĩ thị sự cố 。 ứng học Bát-nhã Ba-la-mật phương tiện 。

Vì Bồ-tát lấy việc như thế, phải học phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật.

若不聞不得般若波羅蜜方便。則不能入是事。

nhược bất văn bất đắc Bát-nhã Ba-la-mật phương tiện 。 tắc bất năng nhập thị sự 。

Nếu không nghe, không được phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật, tức không thể vào được việc như thế.

若不聞不得般若波羅蜜方便。能以諸福德正迴向者。

nhược bất văn bất đắc Bát-nhã Ba-la-mật phương tiện 。 năng dĩ chư phước đức chính hồi hướng giả 。

Nếu không nghe, không được phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật, mà lấy các phước đức để chính hồi hướng,

無有是處。何以故。

vô hữu thị xử 。 hà dĩ cố 。

thì không có việc như thế. Vì sao?

是人於過去諸佛身及諸福德皆已滅度。而取相分別得是福德。

thị nhân ư quá khứ chư Phật thân cập chư phước đức giai dĩ diệt độ 。 nhi thủ tướng phân biệt đắc thị phước đức 。

Người này đối với thân chư Phật quá khứ và các phước đức đều đã diệt độ, mà phân biệt chấp thủ tướng để được phước đức như thế,

欲以迴向。如是迴向諸佛不許亦不隨喜。何以故。

dục dĩ hồi hướng 。 như thị hồi hướng chư Phật bất hứa diệt bất tùy hỷ 。 hà dĩ cố 。

muốn dùng để hồi hướng. Hồi hướng như vậy, chư Phật không tán đồng, cũng không tùy hỷ. Vì sao?

是皆於法有所得故。

thị giai ư Pháp hữu sở đắc cố 。

Vì như thế là có sở đắc đối với pháp;

所謂於過去滅度諸佛取相分別。有所得而迴向即是大貪著。

sở vị ư quá khứ diệt độ chư Phật thủ tướng phân biệt 。

hữu sở đắc nhi hồi hướng tức thị Đại tham trước 。

có nghĩa là phân biệt chấp thủ tướng đối với chư Phật diệt độ ở quá khứ; có sở đắc mà hồi hướng tức là tham trước lớn.

以是有所得心迴向者。諸佛不說有大利益。何以故。

dĩ thị hữu sở đắc tâm hồi hướng giả 。

chư Phật bất thuyết hữu Đại lợi ích 。

hà dĩ cố 。

Lấy tâm có sở đắc như thế để hồi hướng, chư Phật không nói có lợi ích lớn. Vì sao?

是迴向名為雜毒衰惱。譬如美食其中有毒。

thị hồi hướng danh vi tạp độc suy não 。

thí như mỹ thực kỳ trung hữu độc 。

Hồi hướng như thế có tên là tạp độc suy não. Ví như thức ăn ngon mà ở trong có độc.

雖有好色香美。以有毒故不可食之。

tuy hữu hảo sắc hương mỹ 。

dĩ hữu độc cố bất khả thực chi 。

Tuy có màu sắc đẹp, hương thơm, nhưng vì có độc nên không thể ăn.

愚癡無智之人若食此食。初雖香美可意。

ngu si vô trí chi nhân nhược thực thử thực 。

sơ tuy hương mỹ khả ý 。

Người ngu si không trí, nếu ăn thức ăn này, lúc đầu tuy hương thơm vừa ý

食欲消時有大苦報。如是有人不正受讀誦不解其義。

thực dục tiêu thời hữu Đại khổ báo 。

như thị hữu nhân bất chính thọ độc tụng bất giải kỳ nghĩa 。

nhưng khi muốn tiêu thức ăn thì mới có kết quả rất khổ sở. Như vậy có người không phải chính thọ, tụng đọc, mà không hiểu nghĩa của nó

而教諸弟子迴向語言。善男子來。

nhị giáo chư đệ-tử hồi hướng ngữ ngôn 。 thiện nam tử lai 。

mà lại dạy các đệ tử hồi hướng, nói rằng: Hãy đến đây, các Thiện nam tử.

如過去未來現在諸佛。

như quá khứ vị lai hiện tại chư Phật 。

Như các phẩm Giới, Định, Tuệ, Giải thoát,

戒品定品慧品解脫品解脫知見品。并諸聲聞弟子及凡夫人所種善根。

giới phẩm định phẩm tuệ phẩm giải thoát phẩm giải thoát tri kiến phẩm 。 tinh chư thanh văn đệ-tử cập phàm phu nhân sở chủng thiện căn 。

Giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại; thiện căn gieo được của các đệ tử Thanh văn và người phàm phu,

及諸佛與眾生授辟支佛記。

cập chư Phật dữ chúng sinh thụ Bích chi Phật kí 。

và chư Phật thọ ký cho chúng sinh thành Phật Bích Chi,

是辟支佛所種善根。及與菩薩受阿耨多羅三藐三菩提記。

thị Bích chi Phật sở chủng thiện căn 。

thiện căn gieo được của Phật Bích Chi như thế, và các Bồ-tát được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

是諸菩薩所種善根合集稱量。是諸福德隨喜。

thị chư Bồ-tát sở chủng thiện căn hợp tập xưng lượng 。

thiện căn gieo được của Bồ-tát như thế; tập hợp đo lường các phước đức như thế mà tùy hỷ.

隨喜已迴向阿耨多羅三藐三菩提。

tùy hỷ dĩ hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Tùy hỷ rồi, hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

是人如是迴向。是迴向取相分別故。名為雜毒。

thị nhân như thị hồi hướng 。

thị hồi hướng thủ tướng phân biệt cố 。

danh vi tạp độc 。

Người này hồi hướng như thế. Sự hồi hướng như thế vì phân biệt chấp thủ tướng nên gọi tạp độc.

如雜毒食。有所得者無有迴向。何以故。

như tạp độc thực 。

hữu sở đắc giả vô hữu hồi hướng 。

hà dĩ cố 。

Giống như thức ăn tạp độc, người có sở đắc không có sự hồi hướng. Vì sao?

是有所得皆是雜毒故。以是故。

thị hữu sở đắc giai thị tạp độc cố 。

dĩ thị cố 。

Vì có sở đắc đều là tạp độc. Vì sao?

菩薩應如是思惟過去未來現在諸佛善根福德。

Bồ-tát ứng như thị tư duy quá khứ vị lai hiện tại chư Phật thiện căn phước đức 。

Bồ-tát nên suy nghĩ thế này về thiện căn phước đức của chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại:

應云何迴向名為正迴向至阿耨多羅三藐三菩提。

ứng vân hà hồi hướng danh vi chính hồi hướng chí a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Nên hồi hướng như thế nào để gọi là chính hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác?

若菩薩欲不謗諸佛應如是迴向。

nhược Bồ-tát dục bất báng chư Phật ứng như thị hồi hướng 。

Nếu Bồ-tát muốn không hủy báng chư Phật thì nên hồi hướng thế này:

如諸佛所知福德。何相何性何體何實。我亦如是隨喜。

như chư Phật sở tri phước đức 。 hà tướng hà tính hà thể hà thật 。 ngã diệc như thị tùy hỷ 。

Như phước đức được biết đến của chư Phật, có tướng gì, tính gì, thể gì, thực gì, ta cũng như thế mà tùy hỷ;

我以是隨喜。迴向阿耨多羅三藐三菩提。

ngã dĩ thị tùy hỷ 。

ta lấy sự tùy hỷ như thế mà hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

菩薩如是迴向則無有咎。

Bồ-tát như thị hồi hướng tắc vô hữu cữu 。

Bồ-tát hồi hướng như thế tức không có làm lỗi,

不謗諸佛如是迴向則不雜毒。亦名隨諸佛教。

bất báng chư Phật như thị hồi hướng tắc bất tạp độc 。

không hủy báng chư Phật; hồi hướng như thế tức không phải tạp độc, cũng gọi là theo chư Phật dạy.

復次菩薩應以隨喜福德如是迴向。

phục thứ Bồ-tát ứng dĩ tùy hỷ phước đức như thị hồi hướng 。

Lại nữa, Bồ-tát nên lấy tùy hỷ phước đức để hồi hướng thế này:

如戒品定品慧品解脫品解脫知見品。不繫欲界不繫色界不繫無色界。

như giới phẩm định phẩm tuệ phẩm giải thoát phẩm giải thoát tri kiến phẩm 。

Giống như phẩm Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến không hệ thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới;

非過去非未來非現在。以無繫故。

phi quá khứ phi vị lai phi hiện tại 。 dĩ vô hệ cố 。

không phải quá khứ, vị lai, hiện tại, vì không có hệ thuộc.

是福德迴向亦無繫。所迴向法亦無繫。迴向處亦無繫。

thị phúc đức hồi hướng diệc vô hệ 。

sở hồi hướng Pháp diệc vô hệ 。

hồi hướng xử diệc vô hệ 。

Phước đức hồi hướng như thế cũng không hệ thuộc; pháp được hồi hướng cũng không hệ thuộc, chỗ hồi hướng cũng không hệ thuộc.

若能如是迴向則不雜毒。若不如是迴向。

nhược năng như thị hồi hướng tắc bất tạp độc 。

nhược bất như thị hồi hướng 。

Nếu có thể hồi hướng như vậy thì không phải tạp độc. Nếu không hồi hướng như thế

名為邪迴向。菩薩迴向法如三世諸佛所知迴向。

danh vi tà hồi hướng 。

Bồ-tát hồi hướng Pháp như tam thế chư Phật sở tri hồi hướng 。

gọi là tà hồi hướng. Pháp hồi hướng của Bồ-tát giống như pháp hồi hướng được biết đến của chư Phật ở ba đời;

我亦如是迴向阿耨多羅三藐三菩提。

ngã diệc như thị hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

ta cũng hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác như thế.

是名正迴向。爾時佛讚須菩提言。善哉善哉。

thị danh chính hồi hướng 。

nhĩ thời Phật tán Tu Bồ-đề ngôn 。

Thiện tai Thiện tai 。

Đó gọi là Chính hồi hướng. Bấy giờ, Phật khen Tu-bồ-đề: Lành thay, lành thay!

須菩提。汝能為諸菩薩摩訶薩作佛事。須菩提。

Tu Bồ-đề 。

nhữ năng vi chư Bồ-tát Ma-Ha tát tác Phật sự 。

Tu Bồ-đề 。

Tu-bồ-đề, ông hãy làm Phật sự vì các Bồ-tát Ma-ha-tát. Tu-bồ-đề,

若有三千大千世界眾生。

nhược hữu tam Thiên Đại Thiên thế giới chúng sinh 。

nếu có chúng sinh ở Tam thiên đại thiên thế giới

皆行慈悲喜捨心四禪四無色定五神通。不如是菩薩迴向福德。

giai hành từ bi hỷ xả tâm tứ Thiền tứ vô sắc định ngũ Thần thông 。

bất như thị Bồ-tát
hồi hướng phúc đức 。

đều hành tâm từ bi hỷ xả, bốn Thiền, bốn Định vô sắc, năm Thần thông, cũng không bằng
phước đức hồi hướng của Bồ-tát này,

最大最勝最上最妙。復次須菩提。

tối Đại tối thắng tối thượng tối diệu 。

phục thứ Tu Bồ-đề 。

tối đại, tối thắng, tối thượng, tối diệu. Lại nữa, Tu-bồ-đề.

若有三千大千世界眾生。

nhược hữu tam Thiên Đại Thiên thế giới chúng sinh 。

Nếu có chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới

皆發阿耨多羅三藐三菩提心。是一一菩薩於恒河沙等劫。

giai phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

thị nhất nhất Bồ-tát ư hằng hà sa
đẳng kiếp 。

đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Mỗi một Bồ-tát như thế, trong hằng hà
sa kiếp,

以有所得心供養如恒河沙等世界眾生。

dĩ hữu sở đắc tâm cung dưỡng như hằng hà sa đẳng thế giới chúng sinh 。

dùng tâm sở đắc để cúng dường chúng sinh trong hằng hà sa thế giới,

衣服飲食臥具醫藥一切樂具。

y phục ẩm thực ngọa cụ y dược nhất thiết lạc cụ 。

áo quần, thức ăn, thuốc, đồ nằm, thuốc men, tất cả nhạc cụ.

如是一一菩薩皆於恒河沙等劫。

như thị nhất nhất Bồ-tát giai ư hằng hà sa đẳng kiếp 。

Mỗi một Bồ-tát như vậy, trong hằng hà sa kiếp, đều

以有所得心供養是諸眾生衣服飲食臥具醫藥一切樂具。於意云何。

dĩ hữu sở đắc tâm cung dưỡng thị chư chúng sinh y phục ẩm thực ngọa cụ y dược nhất thiết lạc cụ 。

ư ý vân hà 。

lấy tâm sở đắc cúng dường các chúng sinh này áo quần, thức ăn, đồ nằm, thuốc men, tất cả nhạc cụ, ý ông thế nào?

是諸菩薩以是因緣得福多不。須菩提言。甚多世尊。

thị chư Bồ-tát dĩ thị nhân duyên đắc phúc đa bất 。

Tu Bồ-đề ngôn 。

thậm đa Thế tôn 。

Các Bồ-tát này nhờ nhân duyên này, được phước nhiều không? Tu-bồ-đề nói: Rất nhiều, Thế tôn.

不可譬喻。若是福德有形。

bất khả thí dụ 。

nhược thị phúc đức hữu hình 。

Không thể thí dụ. Nếu phước đức này có hình tướng

恒河沙等世界所不能受。佛讚須菩提言。善哉善哉。須菩提。

hằng hà sa đẳng thế giới sở bất năng thọ 。

Phật tán Tu Bồ-đề ngôn 。

Thiện tai Thiện tai 。

Tu Bồ-đề 。

thì hằng hà sa thế giới không thể nhận. Phật khen Tu-bồ-đề: Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề,

若菩薩為般若波羅蜜所護故。能以是福德迴向。

nhược Bồ-tát vi át nhã Ba-la-mật sở hộ cố 。

năng dĩ thị phúc đức hồi hướng 。

nếu Bồ-tát, nhờ được Bát-nhã Ba-la-mật gia hộ, có thể dùng phước đức như thế để hồi hướng,

於前有所得心布施福德。百分不及一。

ư tiền hữu sở đắc tâm bố thí phúc đức 。 bách phân bất cập nhất 。
thì phước đức bố thí bằng tâm có sở đắc trước đây, trăm phần không bằng một phần,

千萬億分不及一。乃至算數譬喻所不能及。

thiên vạn ức phân bất cập nhất 。 nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập 。
ngàn vạn ức phần không bằng một phần, cho tới tính đếm thí dụ cũng không thể bằng.

爾時四天王天上二萬天子。合掌禮佛作是言。世尊。

nhĩ thời tứ Thiên Vương Thiên thượng nhị vạn Thiên tử 。 hợp chưởng lễ Phật tác thị
ngôn 。 Thế tôn 。

Bấy giờ, hai vạn Thiên tử ở trời Tứ thiên vương chấp tay lễ Phật, bạch rằng: Thế tôn,

是菩薩迴向名為大迴向。以方便故。

thị Bồ-tát hồi hướng danh vi Đại hồi hướng 。 dĩ phương tiện cố 。

sự hồi hướng của Bồ-tát như thế gọi là Đại hồi hướng. Vì phương tiện,

勝於有所得菩薩布施福德。何以故。

thắng ư hữu sở đắc Bồ-tát bố thí phúc đức 。 hà dĩ cố 。

nên hơn cả phước đức bố thí của Bồ-tát có sở đắc. Vì sao?

是菩薩迴向為般若波羅蜜所護故。

thị Bồ-tát hồi hướng vi át nhã Ba-la-mật sở hộ cố 。

Vì sự hồi hướng của Bồ-tát như thế được Bát-nhã Ba-la-mật gia hộ.

爾時忉利天上十萬天子。

nhĩ thời đao lợi Thiên thượng thập vạn Thiên tử 。

Bấy giờ, mười vạn Thiên tử ở trời Đao-lợi

以天花香塗香末香天衣幢幡天諸伎樂而供養佛。皆作是言。世尊。

dĩ Thiên hoa hương đồ hương mặt hương Thiên y tràng phiên Thiên chư kĩ nhạc
nhi cung dưỡng Phật 。 giai tác thị ngôn 。 Thế tôn 。
dùng hoa hương trời, hương thoa, hương bột, thiên y, cờ phướn, kĩ nhạc để cúng dường
Phật, đều nói thế này: Thế tôn,

是菩薩迴向名為大迴向。以方便故。

thị Bồ-tát hồi hướng danh vi Đại hồi hướng 。 dĩ phương tiện cố 。
sự hồi hướng của Bồ-tát như thế gọi là Đại hồi hướng. Vì phương tiện,

勝於有所得菩薩布施福德。何以故。

thắng ư hữu sở đắc Bồ-tát bố thí phúc đức 。 hà dĩ cố 。
nên hơn cả phước đức bố thí của Bồ-tát có sở đắc. Vì sao?

是菩薩迴向為般若波羅蜜所護故。夜摩天上十萬天子。

thị Bồ-tát hồi hướng vi át nhã Ba-la-mật sở hộ cố 。 Dạ-Ma trời thượng thập vạn
Thiên tử 。

Vì sự hồi hướng của Bồ-tát như thế được Bát-nhã Ba-la-mật gia hộ. Mười vạn Thiên tử ở
Dạ-Ma-thiên,

兜率陀天上十萬天子。化樂天上十萬天子。

Đâu-Xuất-Đà Thiên thượng thập vạn Thiên tử 。 hóa lạc Thiên thượng thập vạn
Thiên tử 。

mười vạn Thiên tử ở Đâu-suất-đà thiên, mười vạn Thiên tử ở Hóa-lạc thiên,

他化自在天上十萬天子。皆以天華天香乃至伎樂而供養佛。

Tha-Hoá Tự-Tại Thiên thượng thập vạn Thiên tử 。 giai dĩ Thiên hoa Thiên hương
nãi chí kĩ nhạc nhi cung dưỡng Phật 。

mười vạn Thiên tử ở Tha-hoá Tự-tại thiên đều dùng hoa hương trời, cho tới kĩ nhạc để
cúng dường Phật,

皆作是言。世尊。是菩薩迴向。名為大迴向。

giai tác thị ngôn 。 Thế tôn 。 thị Bồ-tát hồi hướng 。 danh vi Đại hồi hướng 。
đều nói thế này: Thế tôn, sự hồi hướng của Bồ-tát như thế gọi là Đại hồi hướng.

以方便故。勝於有所得菩薩布施福德。何以故。

dĩ phương tiện cố 。 thắng ư hữu sở đắc Bồ-tát bố thí phúc đức 。 hà dĩ cố 。
Vì phương tiện, nên hơn cả phước đức bố thí của Bồ-tát có sở đắc. Vì sao?

是菩薩迴向為般若波羅蜜所護故。

thị Bồ-tát hồi hướng vi át nhã Ba-la-mật sở hộ cố 。

Vì sự hồi hướng của Bồ-tát như thế được Bát-nhã Ba-la-mật gia hộ.

梵世諸天子大聲唱言。是菩薩迴向名為大迴向。

phạm thế chư Thiên tử Đại thanh xướng ngôn 。 thị Bồ-tát hồi hướng danh vi Đại hồi
hướng 。

Các Thiên tử ở Phạm Thế đều lớn tiếng nói rằng: Hồi hướng của Bồ-tát như thế là Đại hồi
hướng.

以方便故。勝於有所得菩薩布施福德。何以故。

dĩ phương tiện cố 。 thắng ư hữu sở đắc Bồ-tát bố thí phúc đức 。 hà dĩ cố 。

Vì phương tiện nên hơn cả phước đức bố thí của Bồ-tát có sở đắc. Vì sao?

是菩薩迴向為般若波羅蜜所護故。

thị Bồ-tát hồi hướng vi át nhã Ba-la-mật sở hộ cố 。

Hồi hướng của Bồ-tát như thế được Bát-nhã Ba-la-mật hộ niệm.

梵輔天梵眾天大梵天光天少光天無量光天光音天淨

phạm phụ Thiên phạm chúng Thiên Đại Phạm Thiên quang Thiên thiếu quang Thiên
Vô lượng quang Thiên Quang âm Thiên tịnh

Các Thiên tử ở Phạm phụ thiên, Phạm chúng thiên, Đại Phạm thiên, Quang thiên, Thiếu
quang thiên, Vô lượng quang thiên, Quang âm thiên, Tịnh thiên,

天少淨天無量淨天遍淨天無雲行天福生天

Thiên thiếu tịnh Thiên vô lượng tịnh Thiên Biến tịnh Thiên vô vân hành Thiên phúc sinh Thiên

Thiếu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên, Vô vân hành thiên, Phước sanh thiên,

廣果天無廣天無熱天妙見天善見天無小

quảng quả Thiên vô quảng Thiên vô nhiệt Thiên diệu kiến Thiên thiện kiến Thiên vô tiểu

Quảng quả thiên, Vô quảng thiên, Vô nhiệt thiên, Diệu kiến thiên, Thiện kiến thiên, Vô tiểu thiên,

天上諸天子。合掌禮佛皆作是言。世尊。

Thiên thượng chư Thiên tử 。 hợp chưởng lễ Phật giai tác thị ngôn 。 Thế tôn 。
đều chấp tay lễ Phật, nói thế này: Thế tôn,

是善男子善女人求佛道者甚為希有。

thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân cầu Phật đạo giả thậm vi hi hữu 。
Thiện nam tử, Thiện nữ nhân cầu Phật đạo như thế rất hiếm có,

為般若波羅蜜所護故。能勝有所得菩薩布施福德。

vi át nhã Ba-la-mật sở hộ cố 。 năng thắng hữu sở đắc Bồ-tát bố thí phúc đức 。
vì được Bát-nhã Ba-la-mật gia hộ, nên hơn cả phước đức bố thí của Bồ-tát có sở đắc.

何以故。是菩薩迴向為般若波羅蜜所護故。

hà dĩ cố 。 thị Bồ-tát hồi hướng vi át nhã Ba-la-mật sở hộ cố 。

Vì sao? Vì sự hồi hướng của Bồ-tát như thế được Bát-nhã Ba-la-mật gia hộ.

爾時佛告淨居諸天子。

nhĩ thời Phật cáo tịnh cư chư Thiên tử 。

Bấy giờ, Phật bảo các Thiên tử ở Tịnh cư thiên:

置是三千大千世界眾生。若十方恒河沙等世界眾生。

trí thị tam Thiên Đại Thiên thế giới chúng sinh 。 nhược thập phương hằng hà sa đẵng thế giới chúng sinh 。

Ngoài chúng sinh ở Tam thiên đại thiên thế giới này, nếu chúng sinh ở hằng hà sa thế giới trong mười phương

皆發阿耨多羅三藐三菩提心。

giai phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

đều phát tâm Bát-nhã Ba-la-mật.

是——菩薩於恒河沙等劫。

thị nhất nhất Bồ-tát ư hằng hà sa đẵng kiếp 。

Nếu mỗi một Bồ-tát như thế trong hằng hà sa kiếp,

以有所得心供養十方如恒河沙等世界眾生衣服飲食臥具醫藥一切樂具。

dĩ hữu sở đắc tâm cung dưỡng thập phương như hằng hà sa đẵng thế giới chúng sinh y phục ẩm thực ngọa cụ y dược nhất thiết lạc cụ 。

dùng tâm có sở đắc, cúng dường áo quần, thức ăn, đồ nằm, thuốc men, tất cả nhạc cụ, cho chúng sinh ở hằng hà sa thế giới trong mười phương.

如是——菩薩皆於恒河沙等劫。

như thị nhất nhất Bồ-tát giai ư hằng hà sa đẵng kiếp 。

Mỗi một Bồ-tát như vậy đều ở hằng hà sa kiếp,

以有所得心供養是諸眾生衣服飲食臥具醫藥一切樂具。

dĩ hữu sở đắc tâm cung dưỡng thị chư chúng sinh y phục ẩm thực ngọa cụ y dược nhất thiết lạc cụ 。

dùng tâm có sở đắc, cúng dường áo quần, thức ăn, đồ nằm, thuốc men, tất cả nhạc cụ, cho các chúng sinh này.

若有菩薩於過去未來現在諸佛。

nhược hữu Bồ-tát ư quá khứ vị lai hiện tại chư Phật。

Nếu có Bồ-tát, đối với các phẩm Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến

所有戒品定品慧品解脫品解脫知見品。并諸聲聞弟子。

sở hữu giới phẩm định phẩm tuệ phẩm giải thoát phẩm giải thoát tri kiến phẩm。
tinh chư thanh văn đệ-tử。

của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, và thiện căn gieo được của các đệ tử Thanh văn

及凡夫人所種善根。合集稱量是諸福德。

cập phàm phu nhân sở chủng thiện căn。hợp tập xưng lượng thị chư phúc đức。
và người phàm phu; tập hợp, đo lường các công đức như thế,

以最大最勝最上最妙心隨喜。

dĩ tối Đại tối thắng tối thượng tối diệu tâm tùy hỉ。

dùng tâm tối đại, tối thắng, tối thượng, tối diệu mà tùy hỷ.

隨喜已迴向阿耨多羅三藐三菩提其福甚多。

tùy hỉ dĩ hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề kỳ phúc thậm đa。

Tùy hỷ rồi, hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác thì phước đức vị đó rất nhiều.

爾時須菩提白佛言。世尊。如佛所說。是諸福德合集稱量。

nhĩ thời Tu Bồ-đề bạch Phật ngôn。Thế tôn。như Phật sở thuyết。thị chư phúc đức
hợp tập xưng lượng。

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn, như lời Phật dạy, tập hợp đo lường các phước đức
như thế,

以最大最勝最上最妙心隨喜。

dĩ tối Đại tối thắng tối thượng tối diệu tâm tùy hỉ。

dùng tâm tối đại, tối thắng, tối thượng, tối diệu mà tùy hỷ.

隨喜已迴向阿耨多羅三藐三菩提。世尊。

tùy hỷ dĩ hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 Thế tôn 。
Tùy hỷ rồi, hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thế tôn,

云何名為最大最勝最上最妙隨喜。佛告須菩提。

vân hà danh vi tối Đại tối thắng tối thượng tối diệu tùy hỷ 。 Phật cáo Tu Bồ-đề 。
thế nào là tùy hỷ tối đại, tối thắng, tối thượng, tối diệu? Phật bảo Tu-bồ-đề:

若菩薩於過去未來現在諸法。不取不捨不念不得。

nhược Bồ-tát ư quá khứ vị lai hiện tại chư Pháp 。 bất thủ bất xả bất niệm bất đắc 。
Nếu Bồ-tát, đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, mà không nắm, không bỏ, không niệm, không đắc;

於此中無有法若已生滅若今生滅若當生滅。

ư thử trung vô hữu Pháp nhược dĩ sinh diệt nhược kim sinh diệt nhược đương sinh
diệt 。

trong đó không có pháp, dù đã sinh diệt, dù đang sinh diệt, dù sẽ sinh diệt,

如諸法實相。

như chư Pháp thật tướng 。

như thực tướng của các Pháp.

隨喜迴向阿耨多羅三藐三菩提亦如是。須菩提。

tùy hỷ hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề diệc như thị 。

Tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác cũng như thế. Tu-bồ-đề,

是名菩薩最大最勝最上最妙隨喜迴向。復次須菩提。

thị danh Bồ-tát tối Đại tối thắng tối thượng tối diệu tùy hỷ hồi hướng 。

đó gọi là tùy hỷ hồi hướng tối đại, tối thắng, tối thượng, tối diệu của Bồ-tát. Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩若欲於過去未來現在諸佛布施持戒忍辱精進禪定智

Bồ-tát nhược dục ư quá khứ vị lai hiện tại chư Phật bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn

Thiền định trí

Bồ-tát, nếu muốn đối với bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ,

慧解脫解脫知見隨喜。應如是隨喜。

tuệ giải thoát giải thoát tri kiến tùy hỷ 。 ứng như thị tùy hỷ 。

giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai mà tùy hỷ, thì nên tùy hỷ như thế.

如解脫持戒亦如是。如解脫。

như giải thoát trì giới diệc như thị 。

Như trì giới giải thoát cũng thế. Như định tuệ giải thoát,

定慧解脫解脫知見亦如是。如解脫信解亦如是。

định huệ giải thoát giải thoát tri kiến diệc như thị 。

giải thoát, giải thoát tri kiến, cũng thế. Như tín giải giải thoát cũng thế.

如解脫隨喜亦如是。如解脫未來未生法亦如是。

như giải thoát tùy hỷ diệc như thị 。

Như tùy hỷ giải thoát cũng thế. Như Pháp giải thoát chưa sinh ở vị lai cũng thế.

如解脫過去無量阿僧祇世界諸佛及弟子亦如是。

như giải thoát quá khứ vô lượng a tăng kì thế giới chư Phật cập đệ-tử diệc như thị 。

Như chư Phật và đệ tử giải thoát trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới ở quá khứ cũng thế.

如解脫今現在十方無量阿僧祇世界諸佛及

như giải thoát kim hiện tại thập phương vô lượng a tăng kì thế giới chư Phật cập

Như chư Phật và đệ tử giải thoát trong mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới ở hiện tại

弟子亦如是。

đệ-tử diệt như thị 。

cũng thế.

如解脫未來無量阿僧祇世界諸佛及弟子亦如是。

như giải thoát vị lai vô lượng a tăng kì thế giới chư Phật cập đệ-tử diệt như thị 。

Như chư Phật và đệ tử giải thoát trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới ở vị lai cũng thế.

是諸法相不繫不縛不解不脫。

thị chư Pháp tướng bất hệ bất phược bất giải bất thoát 。

Các pháp tướng như thế không hệ thuộc, không trói buộc, không giải, không thoát;

以是迴向阿耨多羅三藐三菩提不生不滅故。須菩提。

dĩ thị hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề bất sinh bất diệt cố 。

vì hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác như thế không sinh, không diệt. Tu-bồ-đề,

是名菩薩最大最勝最上最妙隨喜迴向。

thị danh Bồ-tát tối Đại tối thắng tối thượng tối diệu tùy hỷ hồi hướng 。

đó gọi là tùy hỷ hồi hướng tối đại, tối thắng, tối thượng, tối diệu của Bồ-tát.

以是迴向勝於十方如恒河沙等世界諸菩薩。

dĩ thị hồi hướng thắng ư thập phương như hằng hà sa đẳng thế giới chư Bồ-tát 。

Hồi hướng như thế hơn cả các Bồ-tát ở hằng hà sa thế giới trong mười phương

以有所得心皆於恒河沙劫供養十方如恒河沙等世界眾生衣服飲食臥具醫藥一切樂具。

dĩ hữu sở đắc tâm giai ư hằng hà sa kiếp cung dưỡng thập phương như hằng hà sa

đẳng thế giới chúng sinh y phục ẩm thực ngọa cụ y dược nhất thiết lạc cụ 。

dùng tâm có sở đắc, trong hằng hà sa kiếp, cúng dường áo quần, thức ăn, thuốc men, tất

cả nhạc cụ, cho chúng sinh ở hằng hà sa thế giới trong mười phương;

以有所得心布施持戒忍辱精進禪定。於此隨喜迴向福德。

dĩ hữu sở đắc tâm bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định 。 ư thử tùy hỷ hồi hướng phúc đức 。

dùng tâm có sở đắc để bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Đối với phước đức tùy hỷ hồi hướng này,

百分不及一。百千萬億分不及一。

bách phân bất cập nhất 。 bách thiên vạn ức phân bất cập nhất 。

trăm phần không bằng một phần, trăm ngàn vạn ức phần không bằng một phần,

乃至算數譬喻所不能及。

nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập 。

cho tới tính đếm thí dụ cũng không thể bằng.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật.

泥犁品第八

nê lê phẩm đệ bát

Phẩm 8: Địa Ngục

爾時舍利弗白佛言世尊是般若波羅蜜。

nhi thời Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn Thế tôn thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật: Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật này,

佛言。是般若波羅蜜。世尊。

Phật ngôn 。 thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

Phật dạy, chính là Bát-nhã Ba-la-mật. Thế tôn,

般若波羅蜜能作照明。世尊。般若波羅蜜所應敬禮。世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật năng tác chiếu minh 。 Thế tôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật sở ứng kính lễ
。 Thế tôn 。

Bát-nhã Ba-la-mật có khả năng chiếu soi. Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật nên được kính lễ.
Thế tôn,

般若波羅蜜能與光明。世尊。般若波羅蜜除諸闇冥。

Bát-nhã Ba-la-mật năng dữ quang-minh 。 Thế tôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật trừ chư ám
minh 。

Bát-nhã Ba-la-mật có khả năng phóng ánh sáng. Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật trừ bỏ tối
tăm.

世尊。般若波羅蜜無所染污。世尊。

Thế tôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật vô sở nhiễm 汚。 Thế tôn 。

Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật không bị nhiễm ô. Thế tôn,

般若波羅蜜多所利益世尊。般若波羅蜜多所安隱。

Bát-nhã Ba-la-mật đa sở lợi ích Thế tôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật đa sở an ổn 。

Bát-nhã Ba-la-mật có nhiều lợi ích. Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật có nhiều an ổn.

世尊。般若波羅蜜能與盲者眼。世尊。

Thế tôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật năng dữ manh giả nhãn 。

Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật có khả năng cho người mù con mắt. Thế tôn,

般若波羅蜜能令邪行者入正道。世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật năng lệnh tà hành giả nhập chính đạo 。

Bát-nhã Ba-la-mật có khả năng khiến người hành tà đạo được vào chính đạo. Thế tôn,

般若波羅蜜即是薩婆若。世尊。般若波羅蜜是諸菩薩母。

Bát-nhã Ba-la-mật tức thị tát bà nhược 。

Bát-nhã Ba-la-mật tức là Nhất thiết trí. Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ các Bồ-tát.

世尊。般若波羅蜜非生法者非滅法者。世尊。

Thế tôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật phi sinh Pháp giả phi diệt Pháp giả 。 Thế tôn 。
Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật không phải là pháp sinh, không phải là pháp diệt. Thế tôn,

般若波羅蜜具足三轉十二相法輪。世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật cụ túc tam chuyển thập nhị tướng Pháp luân 。 Thế tôn 。
Bát-nhã Ba-la-mật có đủ mười hai tướng của ba lần chuyển Pháp luân. Thế tôn,

般若波羅蜜能為孤窮者作救護。世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật năng vi cô cùng giả tác cứu hộ 。 Thế tôn 。
Bát-nhã Ba-la-mật có khả năng cứu hộ người cô độc, bần cùng. Thế tôn,

般若波羅蜜能滅生死。世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật năng diệt sinh tử 。 Thế tôn 。
Bát-nhã Ba-la-mật có khả năng diệt trừ sinh tử. Thế tôn,

般若波羅蜜能示一切法性。世尊。應云何敬視般若波羅蜜。佛言。

Bát-nhã Ba-la-mật năng kì nhất thiết Pháp tính 。 Thế tôn 。 ứng vân hà kính thị Bát-
nhã Ba-la-mật 。 Phật ngôn 。

Bát-nhã Ba-la-mật có khả năng hiển bày tất cả pháp tính. Thế tôn, nên kính xem Bát-nhã
Ba-la-mật như thế nào? Phật dạy:

如敬視佛。敬禮般若波羅蜜如敬禮佛。

như kính thị Phật 。 kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật như kính lễ Phật 。
Như kính xem Phật. Kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật như kính lễ Phật.

爾時釋提桓因心念。舍利弗。何因緣作是問。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân tâm niệm 。 Xá-lợi-phất 。 hà nhân duyên tác thị vấn 。
Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân suy nghĩ: Vì nhân duyên gì Xá-lợi-phất hỏi như thế.

念已問舍利弗。何因緣作是問。舍利弗言。

niệm dĩ vấn Xá-lợi-phất 。 hà nhân duyên tác thị vấn 。 Xá-lợi-phất ngôn 。

Suy nghĩ xong liền hỏi Xá-lợi-phất: Vì nhân duyên gì mà hỏi như thế? Xá-lợi-phất nói:

菩薩摩訶薩以般若波羅蜜隨喜福德。迴向薩婆若故。

Bồ-tát Ma-Ha tát dĩ át nhã Ba-la-mật tùy hỷ phúc đức 。 hồi hướng tát bà nhược cố 。

Vì Bồ-tát Ma-ha-tát lấy tùy hỷ phước đức Bát-nhã Ba-la-mật mà hồi hướng Nhất thiết trí.

於上諸菩薩所有布施持戒忍辱精進禪定等其

ư thượng chư Bồ-tát sở hữu bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định đẳng kỳ

Đối với các Bồ-tát có bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, vân vân, ở trên, phước của vị này

福最勝。是故我作是問。憍尸迦。

phúc tối thắng 。 thị cố ngã tác thị vấn 。 Kiêu-thi-ca 。

là tối thắng. Vì vậy ta hỏi như thế. Kiêu-thi-ca,

譬如盲人雖有百千萬眾無有導者不能進趣城邑聚落。

thí như manh nhân tuy hữu bách thiên vạn chúng vô hữu đạo giả bất năng tiến thú thành ấp tụ lạc 。

ví như người mù, tuy có trăm ngàn vạn người, nhưng nếu không có người dẫn đường thì không thể đi đến thành, ấp, thôn, xóm.

憍尸迦。五波羅蜜離般若波羅蜜。

Kiêu-thi-ca 。 ngũ Ba-la-mật ly Bát-nhã Ba-la-mật 。

Kiêu-thi-ca, năm Ba-la-mật rời Bát-nhã Ba-la-mật

亦如盲人無導。不能修道至薩婆若。

diệc như manh nhân vô đạo 。 bất năng tu đạo chí tát bà nhược 。

thì cũng như người mù không có người dẫn đường, không thể tu đạo đến Nhất thiết trí.

若五波羅蜜為般若波羅蜜所護則為有目。般若波羅蜜力故。

nhược ngũ Ba-la-mật vi át nhĩ Ba-la-mật sở hộ tắc vi hữu mục 。 Bát-nhĩ Ba-la-mật lực cố 。

Nếu năm Ba-la-mật được Bát-nhĩ Ba-la-mật gia hộ tức là có mắt. Vì lực của Bát-nhĩ Ba-la-mật,

五波羅蜜得般若波羅蜜名。舍利弗白佛言。

ngũ Ba-la-mật đắc Bát-nhĩ Ba-la-mật danh 。 Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。
nên năm Ba-la-mật gọi là Bát-nhĩ Ba-la-mật. Xá-lợi-phất hỏi Phật:

世尊。云何生般若波羅蜜。佛言。

Thế tôn 。 vân hà sinh Bát-nhĩ Ba-la-mật 。 Phật ngôn 。

Thế tôn, làm thế nào sinh Bát-nhĩ Ba-la-mật? Phật dạy:

若菩薩不生色。則生般若波羅蜜。不生受想行識。

nhược Bồ-tát bất sinh sắc 。 tắc sinh Bát-nhĩ Ba-la-mật 。 bất sinh thọ tưởng hành thức 。

Nếu Bồ-tát không sinh sắc tức sinh Bát-nhĩ Ba-la-mật; không sinh thọ, tưởng, hành, thức

則生般若波羅蜜。如是生般若波羅蜜為成何法。

tắc sinh Bát-nhĩ Ba-la-mật 。 như thị sinh Bát-nhĩ Ba-la-mật vi thành hà Pháp 。

tức sinh Bát-nhĩ Ba-la-mật. Sinh Bát-nhĩ Ba-la-mật như vậy thì thành được pháp gì?

舍利弗。如是生般若波羅蜜於法無所成。

Xá-lợi-phất 。 như thị sinh Bát-nhĩ Ba-la-mật ư Pháp vô sở thành 。

Xá-lợi-phất, sinh Bát-nhĩ Ba-la-mật như vậy không thành được pháp gì cả.

若無所成則名般若波羅蜜。釋提桓因白佛言。

nhược vô sở thành tắc danh Bát-nhĩ Ba-la-mật 。 thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。

。

Nếu không có cái để thành tức gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

世尊。般若波羅蜜亦不成薩婆若耶。憍尸迦。

Thế tôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật diệc bất thành tát bà nhược da 。 Kiêu-thi-ca 。

Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không thành Nhất thiết trí sao? Kiêu-thi-ca,

般若波羅蜜成薩婆若。但不如名相作起法成。

Bát-nhã Ba-la-mật thành tát bà nhược 。 đăn bất như danh tướng tác khởi Pháp thành 。

Bát-nhã Ba-la-mật thành Nhất thiết trí, nhưng không khởi sự thành tựu pháp giống như danh tướng.

世尊。當云何成。佛言。如不成如是成。

Thế tôn 。 đương vân hà thành 。 Phật ngôn 。 như bất thành như thị thành 。

Thế tôn, thành là như thế nào? Phật dạy: Giống như không thành; thành là như thế.

釋提桓因白佛言。希有世尊。

thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。 hi hữu Thế tôn 。

Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Hiếm có, Thế tôn.

般若波羅蜜不為生不為滅故有。須菩提白佛言。世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật bất vi sinh bất vi diệt cố hữu 。 Tu Bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Vì Bát-nhã Ba-la-mật không phải là sinh, không phải là diệt, cho nên mới có. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

菩薩如是亦分別則失般若波羅蜜則遠離般若波羅蜜。

Bồ-tát như thị diệc phân biệt tắc thất Bát-nhã Ba-la-mật tắc viễn li Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bồ-tát cũng phân biệt như thế tức đánh mất Bát-nhã Ba-la-mật, xa rời Bát-nhã Ba-la-mật.

佛告須菩提。有是因緣。

Phật cáo Tu Bồ-đề 。 hữu thị nhân duyên 。

Phật bảo Tu-bồ-đề: Có nhân duyên như thế.

若菩薩謂般若波羅蜜空無所有。

nhược Bồ-tát vị Bát-nhã Ba-la-mật không vô sở hữu 。

Nếu Bồ-tát cho rằng Bát-nhã Ba-la-mật là không có gì cả,

則失般若波羅蜜則遠般若波羅蜜。須菩提。是名菩薩般若波羅蜜。世尊。

tắc thất Bát-nhã Ba-la-mật tắc viễn Bát-nhã Ba-la-mật 。

Tu Bồ-đề 。

thị danh Bồ-tát

Bát-nhã Ba-la-mật 。

Thế tôn 。

tức đánh mất Bát-nhã Ba-la-mật, xa rời Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề, đó gọi là Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát. Thế tôn,

說般若波羅蜜為示何法。須菩提。

thuyết Bát-nhã Ba-la-mật vi kì hà Pháp 。

Tu Bồ-đề 。

nói Bát-nhã Ba-la-mật là để chỉ cho pháp nào? Tu-bồ-đề,

說般若波羅蜜。不示色不示受想行識。

thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

bất kì sắc bất kì thọ tưởng hành thức 。

nói Bát-nhã Ba-la-mật không chỉ cho sắc, không chỉ cho thọ, tưởng, hành, thức,

不示須陀洹果斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛道。

bất kì Tu đà hoàn quả Tư đà hàm quả A na hàm quả A la hán quả Bích chi Phật đạo 。

không chỉ cho quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đạo Phật Bích Chi đạo,

不示佛法。須菩提言。世尊。

bất kì Phật Pháp 。

Tu Bồ-đề ngôn 。

Thế tôn 。

không chỉ cho Phật pháp. Tu-bồ-đề nói: Thế tôn,

摩訶波羅蜜是般若波羅蜜。佛言。須菩提。於意云何。以是因緣。

Ma-Ha Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 Phật ngôn 。 Tu Bồ-đề 。 ư ý vân hà 。 dĩ thị nhân duyên 。

Ma-ha Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật. Phật dạy: Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Có phải vì nhân duyên như thế mà

摩訶波羅蜜是般若波羅蜜。須菩提言。

Ma-Ha Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu Bồ-đề ngôn 。

Ma-ha Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật? Tu-bồ-đề nói:

般若波羅蜜於色不作大不作小。不作合不作散。

Bát-nhã Ba-la-mật ư sắc bất tác Đại bất tác tiểu 。 bất tác hợp bất tác tán 。

Bát-nhã Ba-la-mật, đối với sắc, không lớn, không nhỏ, không hợp, không tan;

於受想行識。不作大不作小。不作合不作散。

ư thọ tưởng hành thức 。 bất tác Đại bất tác tiểu 。 bất tác hợp bất tác tán 。

đối với thọ, tưởng, hành, thức, không lớn, không nhỏ, không hợp, không tan.

世尊。般若波羅蜜於佛十力。不作強不作弱。

Thế tôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật ư Phật thập lực 。 bất tác cường bất tác nhược 。

Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật, đối với mười Lực của Phật, không mạnh, không yếu;

四無所畏乃至薩婆若。不作合不作散。世尊。

tứ vô sở úy nãi chí tát bà nhược 。 bất tác hợp bất tác tán 。

Thế tôn, đối với bốn Vô úy cho tới Nhất thiết trí, không hợp, không tan. Thế tôn,

菩薩如是亦分別則不行般若波羅蜜。何以故。

Bồ-tát như thị diệc phân biệt tắc bất hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 hà dĩ cố 。

Bồ-tát cũng phân biệt như thế tức không hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao?

般若波羅蜜無如是相。我當度若干眾生。

Bát-nhã Ba-la-mật vô như thị tướng 。 ngã đương độ nhược can chúng sinh 。
Bát-nhã Ba-la-mật không có tướng thế này: Ta sẽ độ bao nhiêu chúng sinh,

即是菩薩計有所得。所以者何。

tức thị Bồ-tát kế hữu sở đắc 。 sở dĩ giả hà 。

tức Bồ-tát này kế có sở đắc. Vì sao?

眾生不生故般若波羅蜜不生。

chúng sinh bất sinh cố Bát-nhã Ba-la-mật bất sinh 。

Vì chúng sinh không sinh, nên Bát-nhã Ba-la-mật không sinh;

眾生無性故般若波羅蜜無性。眾生離相故般若波羅蜜離相。

chúng sinh Vô tính cố Bát-nhã Ba-la-mật Vô tính 。

chúng sinh ly tướng cố Bát-nhã Ba-la-mật ly tướng 。

vì chúng sinh không có tính nên Bát-nhã Ba-la-mật không có tính; vì chúng sinh rời tướng nên Bát-nhã Ba-la-mật rời tướng;

眾生不滅故般若波羅蜜不滅。

chúng sinh bất diệt cố Bát-nhã Ba-la-mật bất diệt 。

vì chúng sinh không diệt nên Bát-nhã Ba-la-mật không diệt;

眾生不可思議故般若波羅蜜不可思議。

chúng sinh không thể nghĩ bàn cố Bát-nhã Ba-la-mật không thể nghĩ bàn 。

vì chúng sinh không thể nghĩ bàn nên Bát-nhã Ba-la-mật không thể nghĩ bàn;

眾生不可知故般若波羅蜜不可知。眾生力集故如來力亦集。

chúng sinh bất khả tri cố Bát-nhã Ba-la-mật bất khả tri 。

chúng sinh lực tập cố Như-Lai lực diệc tập 。

vì chúng sinh không thể biết nên Bát-nhã Ba-la-mật không thể biết; vì lực của chúng sinh tập hợp nên lực Như lai cũng tập hợp.

舍利弗白佛言。世尊。菩薩若能信是深般若波羅蜜。

Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 Bồ-tát nhược năng tín thị thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

Xá-lợi-phất bạch Phật: Thế tôn, Bồ-tát nếu có thể tin Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa này,

不疑不悔不難隨順解義。

bất nghi bất hối bất nan tùy thuận giải nghĩa 。

không nghi, không hối tiếc, không thắc mắc, theo đó mà hiểu nghĩa,

是人從何處終來生此間。佛言舍利弗。

thị nhân tòng hà xử chung lai sinh thử gian 。 Phật ngôn xá-lợi-phất 。

thì người này mạng chung ở đâu mà đến sinh chỗ này? Phật bảo xá-lợi-phất:

是菩薩於他方佛土命終來生此間舍利弗。菩薩從他方佛土來者。

thị Bồ-tát ư tha phương Phật thổ mạng chung lai sinh thử gian xá-lợi-phất 。

Bồ-tát tòng tha phương Phật thổ lai giả 。

Bồ-tát này mạng chung nơi quốc độ của Phật ở phương khác mà đến sinh ở đây. xá-lợi-phất, Bồ-tát từ quốc độ của Phật ở phương khác đến đây

曾已親近供養諸佛問其中義。

tằng dĩ thân cận cung dưỡng chư Phật vấn kỳ trung nghĩa 。

đã từng gần gũi, cúng dường Phật, và hỏi nghĩa này.

今聞般若波羅蜜即生歡喜如從佛聞。

kim văn Bát-nhã Ba-la-mật tức sinh hoan hỷ như tòng Phật văn 。

Nay nghe Bát-nhã Ba-la-mật liền sinh hoan hỷ giống như nghe từ Phật vậy;

若見般若波羅蜜如見佛。須菩提白佛言。世尊。

nhược kiến Bát-nhã Ba-la-mật như kiến Phật 。

Tu Bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

nếu thấy Bát-nhã Ba-la-mật thì như thấy Phật vậy. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

般若波羅蜜可聞可見耶。佛言不也。世尊。是菩薩發心已來。

Bát-nhã Ba-la-mật khả văn khả kiến da 。 Phật ngôn bất dã 。 Thế tôn 。 thị Bồ-tát phát tâm dĩ lai 。

Có thể nghe, có thể thấy Bát-nhã Ba-la-mật sao? Phật dạy: Không. Thế tôn, Bồ-tát này từ khi phát tâm đến nay,

幾時能修習般若波羅蜜。須菩提。

ki thời năng tu tập Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu Bồ-đề 。

đã có thể tu tập Bát-nhã Ba-la-mật bao lâu rồi? Tu-bồ-đề,

是事應分別。有菩薩得值若干百千萬億佛。

thị sự ứng phân biệt 。 hữu Bồ-tát đắc trị nhược can bách thiên vạn ức Phật 。

việc này nên biết rõ. Có Bồ-tát gặp được bao nhiêu trăm ngàn vạn ức Phật,

於諸佛所修行梵行。有於大眾聞深般若波羅蜜。

ư chư Phật sở tu hành phạm hạnh 。 hữu ư Đại chúng văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

ở chỗ chư Phật, tu hành phạm hạnh, ở nơi đại chúng nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa,

無恭敬心即時捨去。須菩提。

vô cung kính tâm tức thời xả khứ 。

mà không có tâm cung kính, lập tức bỏ đi. Tu-bồ-đề,

當知是人本於過去諸佛。聞說般若波羅蜜捨去故。

đương tri thị nhân bản ư quá khứ chư Phật 。

。

nên biết người này, vốn ở nơi chư Phật quá khứ, vì nghe Bát-nhã Ba-la-mật mà bỏ đi,

於今聞深般若波羅蜜亦捨去。身心不和起無智業。

ư kim văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật diệt xả khứ 。

。

nay nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa cũng bỏ đi, thân tâm không hòa, khởi nghiệp vô trí.

積集無智業因緣故。誹謗拒逆般若波羅蜜。

tích tập vô trí nghiệp nhân duyên cố 。 phỉ báng cự nghịch Bát-nhã Ba-la-mật 。
Vì tích tập nhân duyên của nghiệp vô trí, nên phỉ báng, chống lại Bát-nhã Ba-la-mật.

須菩提。誹謗拒逆深般若波羅蜜者。

Tu Bồ-đề 。 phỉ báng cự nghịch thâm Bát-nhã Ba-la-mật giả 。
Tu-bồ-đề, người phỉ báng, chống lại Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa

即誹謗拒逆薩婆若。誹謗拒逆薩婆若者。

tức phỉ báng cự nghịch tát bà nhược 。 phỉ báng cự nghịch tát bà nhược giả 。
tức phỉ báng, chống lại Nhất thiết trí. Người phỉ báng, chống lại Nhất thiết trí

即誹謗拒逆三世諸佛。須菩提。是愚癡人。

tức phỉ báng cự nghịch tam thế chư Phật 。 Tu Bồ-đề 。 thị ngu si nhân
tức phỉ báng, chống lại chư Phật ba đời. Tu-bồ-đề, người ngu si này,

起如是破法重罪業故。若干百千萬劫受大地獄罪。

khởi như thị phá Pháp trọng tội nghiệp cố 。 nhược can bách thiên vạn kiếp thọ Đại
địa ngục tội 。
vì khởi nghiệp tội nặng phá hoại pháp như thế mà thọ tội Đại địa ngục trong biết bao nhiêu
trăm ngàn vạn kiếp,

從一大地獄至一大地獄。

tòng nhất Đại địa ngục chí nhất Đại địa ngục 。
từ Đại địa ngục này tới Đại địa ngục khác.

從一大地獄至一大地獄受罪時。若火劫起墮他方大地獄。

tòng nhất Đại địa ngục chí nhất Đại địa ngục thọ tội thời 。 nhược hỏa kiếp khởi
đọa tha phương Đại địa ngục 。

Lúc thọ tội từ Đại địa ngục này đến Đại địa ngục khác, nếu Hỏa kiếp khởi tức đọa vào Đại địa ngục ở nơi khác.

於彼亦從一大地獄至一大地獄。

ư bỉ diệc tông nhất Đại địa ngục chí nhất Đại địa ngục 。

Ở đó cũng từ Đại địa ngục này tới Đại địa ngục khác.

從一大地獄至一大地獄受罪時。若彼火劫起復墮他方大地獄。

tông nhất Đại địa ngục chí nhất Đại địa ngục thọ tội thời 。

nhược bỉ hỏa kiếp khởi phục đọa tha phương Đại địa ngục 。

Lúc thọ tội từ Đại địa ngục này tới Đại địa ngục khác, nếu Hỏa kiếp ở đó khởi, lại đọa vào Đại địa ngục ở nơi khác.

墮他方大地獄已。復從一大地獄至一大地獄。

đọa tha phương Đại địa ngục dĩ 。

phục tông nhất Đại địa ngục chí nhất Đại địa ngục 。

Đọa vào Đại địa ngục ở nơi khác rồi, lại từ Đại địa ngục này tới Đại địa ngục khác.

從一大地獄至一大地獄受罪時。

tông nhất Đại địa ngục chí nhất Đại địa ngục thọ tội thời 。

Lúc thọ tội từ Đại địa ngục này tới Đại địa ngục khác,

若彼火劫起。還來墮此大地獄中。

nhược bỉ hỏa kiếp khởi 。

hoàn lai đọa thử Đại địa ngục trung 。

nếu Hỏa kiếp ở đó khởi, lại đọa trở lại vào Đại địa ngục này.

是人於此復從一大地獄至一大地獄受諸劇苦。如是展轉。

thị nhân ư thử phục tông nhất Đại địa ngục chí nhất Đại địa ngục thọ chư kịch khổ 。

như thị triển chuyển 。

Người này ở đây lại chịu các thống khổ từ Đại địa ngục này tới Đại địa ngục khác. Cứ lần lượt như vậy

乃至火劫復起。受是無量苦惱業報。何以故。

nãi chí hỏa kiếp phục khởi 。 thọ thị vô lượng khổ não nghiệp báo 。 hà dĩ cố 。
cho tới Hỏa kiếp khởi lại thì thọ vô lượng nghiệp báo khổ não như thế. Vì sao?

起惡口業故。爾時舍利弗白佛言。世尊。

khởi ác khẩu nghiệp cố 。 nhĩ thời Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。
Vì khởi khẩu nghiệp ác. Bấy giờ, Xá lợi Phất bạch Phật: Thế tôn,

如是業似五逆罪。舍利弗。

như thị nghiệp tự ngũ nghịch tội 。 Xá-lợi-phất 。
nghiệp như thế có giống như năm tội nghịch không? Xá-lợi-phất,

汝勿謂此破法罪似五逆罪。何以故。是人聞說深般若波羅蜜。

nhữ vật vị thử phá Pháp tội tự ngũ nghịch tội 。 hà dĩ cố 。 thị nhân văn thuyết thâm
Bát-nhã Ba-la-mật 。

Ông đừng cho rằng tội phá hoại pháp này giống như năm tội nghịch. Vì sao? Vì người này
nghe thuyết Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa,

誹謗拒逆作是念。不應學是法。是法非佛所說。

phỉ báng cự nghịch tác thị niệm 。 bất ứng học thị Pháp 。 thị Pháp phi Phật sở thuyết
。

phỉ báng, chống lại, nghĩ rằng: không nên học pháp này; pháp này không phải Phật nói.

以是因緣。其罪轉增故。亦令他人離般若波羅蜜。

dĩ thị nhân duyên 。 kỳ tội chuyển tăng cố 。 diệc lệnh tha nhân ly Bát-nhã Ba-la-mật
。

Vì nhân duyên này nên tội càng lớn; đồng thời khiến cho người khác rời bỏ Bát-nhã Ba-la-
mật.

佛言。是人自壞身亦壞他人身。

Phật ngôn 。 thị nhân tự hoại thân diệc hoại tha nhân thân 。
Phật dạy: Người này tự hoại thân mình, còn hoại thân người khác;

自飲毒亦飲他人毒。自亡失亦亡失他人。
tự ẩm độc diệc ẩm tha nhân độc 。 tự vong thất diệc vong thất tha nhân 。
tự uống thuốc độc, còn uống thuốc độc người khác; tự đánh mất, còn đánh mất người khác;

自不知不解般若波羅蜜。亦教他人不知不解舍利弗。
tự bất tri bất giải Bát-nhã Ba-la-mật 。 diệc giáo tha nhân bất tri bất giải Xá-lợi-phất 。
tự mình không biết không hiểu Bát-nhã Ba-la-mật, còn dạy người khác không biết không hiểu. Xá lợi Phất,

我尚不聽是人出家。何況於我法中而受供養。
ngã thượng bất thính thị nhân xuất gia 。 hà huống ư ngã Pháp trung nhi thọ cung dưỡng 。
ta còn không chịu người này xuất gia, hưởng hồ nhận cúng dường trong Pháp của ta.

何以故。當知是人為污法者。
hà dĩ cố 。 đương tri thị nhân vi ô Pháp giả 。
Vì sao? Nên biết người này là kẻ làm ô uế pháp.

當知是人為是糟粕。其性濁黑。若有眾生信受其言者。
đương tri thị nhân vi thị tao phách 。 kỳ tính trước hắc 。 nhược hữu chúng sinh tín thọ kỳ ngôn giả 。
Nên biết người này là cặn bã, tính của nó đen nhớp. Nếu có chúng sinh nghe lời nó

亦當受是劇苦重罪。何以故。舍利弗。
diệc đương thọ thị kịch khổ trọng tội 。 hà dĩ cố 。 Xá-lợi-phất 。
thì cũng sẽ chịu tội nặng đau khổ vô cùng. Vì sao? Xá-lợi-phất,

若破般若波羅蜜。若污般若波羅蜜。當知是人破法污法者。

nhược phá Bát-nhã Ba-la-mật 。 nhược 汚 Bát-nhã Ba-la-mật 。 đương tri thị nhân phá Pháp 汚 Pháp giả 。

nếu phá Bát-nhã Ba-la-mật, nếu làm bẩn Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết người đó là kẻ phá Pháp, làm bẩn pháp.

舍利弗白佛言。世尊。不說是人受身大小。

Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 bất thuyết thị nhân thọ thân Đại tiểu 。

Xá-lợi-phất bạch Phật: Thế tôn không nói người này thọ thân lớn hay nhỏ?

佛告舍利弗。置是人身量大小不須說也。

Phật cáo Xá-lợi-phất 。 trí thị nhân thân lượng Đại tiểu bất tu thuyết dã 。

Phật bảo Xá-lợi-phất: Kích cỡ lớn nhỏ của thân người này không cần nói đến.

是人若聞說其身量。熱血當從口出。若死若近死。

thị nhân nhược văn thuyết kỳ thân lượng 。 nhiệt huyết đương tòng khẩu xuất 。 nhược tử nhược cận tử 。

Người này nếu nghe nói đến kích cỡ thân mình, thì máu nóng sẽ từ miệng chảy ra. Nếu chết, nếu gần chết,

若聞說其身量。

nhược văn thuyết kỳ thân lượng 。

mà nghe nói đến kích cỡ thân mình

自知此罪憂愁深入身體乾消。是故不須說其受身大小。舍利弗白佛言。

tự tri thử tội ưu sầu thâm nhập thân thể kiên tiêu 。 thị cố bất tu thuyết kỳ thọ thân Đại tiểu 。

thì tự biết tội này, ưu sầu thâm nhập, thân thể gầy khô. Vì thế, không cần phải nói đến người đó thọ thân lớn hay nhỏ. Xá-lợi-phất bạch Phật:

世尊。唯願佛說是人身量。

Thế tôn 。 duy nguyện Phật thuyết thị nhân thân lượng 。
Thế tôn, chỉ mong Phật nói kích cỡ thân hình của người này,

令後世人得為明戒。知以是罪業故受是大身佛告舍利弗。

lệnh hậu thế nhân đắc vi minh giới 。 tri dĩ thị tội nghiệp cố thọ thị Đại thân Phật
cáo Xá-lợi-phất 。

khiến người đời sau có được lời răn rõ ràng, biết được vì nghiệp tội này mà phải nhận lấy
thân hình to lớn này. Phật bảo Xá-lợi-phất:

是事足為後世眾生作大明戒。

thị sự túc vi hậu thế chúng sinh tác Đại minh giới 。

Việc này đủ làm lời răn dạy rõ ràng cho chúng sinh đời sau.

積集如是罪業因緣故。受如是無量無邊久劇苦惱。舍利弗。

tích tập như thị tội nghiệp nhân duyên cố 。

thọ như thị vô lượng vô biên cửu kịch khổ
nã 。

Xá-lợi-phất 。

Vì tích tập nhân duyên nghiệp tội như vậy, nên thọ nhận vô lượng vô biên khổ não lâu dài
như vậy. Xá-lợi-phất,

是事足為善人作大明戒。須菩提白佛言。

thị sự túc vi thiện nhân tác Đại minh giới 。

Tu Bồ-đề bạch Phật ngôn 。

việc này đủ làm lời răn rõ ràng cho người thiện. Tu-bồ-đề bạch Phật:

世尊。善男子善女人。應善守護身業口業意業。

Thế tôn 。 thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

ứng thiện thủ hộ thân nghiệp khẩu nghiệp ý
nghiệp 。

Thế tôn, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nên khéo giữ gìn thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý
nghiệp.

世尊。但以口業因緣故。得如是重罪耶。

Thế tôn 。

đãn dĩ khẩu nghiệp nhân duyên cố 。

đắc như thị trọng tội da 。

Thế tôn, chỉ vì nhân duyên của khẩu nghiệp mà bị tội nặng như vậy sao?

佛告須菩提。以口業因緣故。得如是重罪。須菩提。

Phật cáo Tu Bồ-đề 。 dĩ khẩu nghiệp nhân duyên cố 。 đắc như thị trọng tội 。 Tu Bồ-đề 。

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì nhân duyên của khẩu nghiệp nên bị tội nặng như vậy. Tu-bồ-đề,

我法中多有如是等癡人。

ngã Pháp trung đa hữu như thị đẳng si nhân 。

trong Pháp của Ta có nhiều người si như vậy,

誹謗拒逆深般若波羅蜜。須菩提。誹謗拒逆深般若波羅蜜者。

phỉ báng cự nghịch thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

phỉ báng, chống lại Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa. Tu-bồ-đề, người phỉ báng, chống lại Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa

即誹謗拒逆阿耨多羅三藐三菩提。

tức phỉ báng cự nghịch a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

tức phỉ báng, chống lại Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

誹謗拒逆阿耨多羅三藐三菩提者。

phỉ báng cự nghịch a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề giả 。

Người phỉ báng, chống lại Vô thượng Chính đẳng Chính giác

即誹謗拒逆過去未來現在諸佛薩婆若。

tức phỉ báng cự nghịch quá khứ vị lai hiện tại chư Phật tát bà nhược 。

tức phỉ báng, chống lại Nhất thiết trí của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại.

誹謗拒逆薩婆若者。即誹謗拒逆法寶。誹謗拒逆法寶者。

phỉ báng cự nghịch tát bà nhược giả 。 tức phỉ báng cự nghịch Pháp bảo 。 phỉ báng cự nghịch Pháp bảo giả 。

Người phỉ báng, chống lại Nhất thiết trí tức phỉ báng, chống lại Pháp bảo. Người phỉ báng, chống lại Pháp bảo

即誹謗拒逆僧寶。誹謗拒逆三寶故。

tức phỉ báng cự nghịch tăng bảo 。 phỉ báng cự nghịch Tam Bảo cố
tức phỉ báng, chống lại Tăng bảo. Vì phỉ báng, chống lại Tam bảo,

即起無量無邊重罪之業。須菩提白佛言。世尊。

tức khởi vô lượng vô biên trọng tội chi nghiệp 。 Tu Bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn
。

nên khởi vô lượng vô biên nghiệp tội nặng. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

若人誹謗拒逆深般若波羅蜜有幾因緣。須菩提。

nhược nhân phỉ báng cự nghịch thâm Bát-nhã Ba-la-mật hữu ki nhân duyên 。 Tu Bồ-đề 。

Nếu người phỉ báng chống lại Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa thì có bao nhiêu nhân duyên? Tu-bồ-đề,

是癡人一為魔所使。二於深妙法不信不解。

thị si nhân nhất vi Ma sở sử 。 nhị ư thâm diệu Pháp bất tín bất giải 。

Thứ nhất, người si này bị Ma sai sử. Thứ hai, đối với Pháp thâm diệu không tin không hiểu.

復次須菩提。是癡人得惡知識。

phục thứ Tu Bồ-đề 。 thị si nhân đắc ác tri thức 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Người si này có ác tri thức,

不樂不喜修習善法。又深貪著常求他過。

bất lạc bất hỷ tu tập thiện Pháp 。 hựu thâm tham trước thường cầu tha quá 。

không vui, không thích tu tập pháp thiện. Lại ham muốn nhiều, thường tìm lỗi người khác,

自高其身卑下他人。須菩提。以是因緣故。

tự cao kỳ thân ti hạ tha nhân 。 Tu Bồ-đề 。 dĩ thị nhân duyên cố 。
đề cao thân mình, coi thấp người khác. Tu-bồ-đề, vì nhân duyên này

誹謗拒逆深般若波羅蜜。須菩提白佛言。世尊。

phỉ báng cự nghịch thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu Bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。
mà phỉ báng chống lại Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

不精進者信解般若波羅蜜甚難。佛言。如是如是。須菩提。

bất tinh tấn giả tín giải Bát-nhã Ba-la-mật thậm nan 。 Phật ngôn 。 như thị như thị 。 Tu
Bồ-đề 。

người không tinh tấn rất khó tin hiểu Bát-nhã Ba-la-mật. Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy.
Tu-bồ-đề,

不精進者信解般若波羅蜜甚難。

bất tinh tấn giả tín giải Bát-nhã Ba-la-mật thậm nan 。
người không tinh tấn rất khó tin hiểu Bát-nhã Ba-la-mật.

世尊云何不精進者信解般若波羅蜜甚難。須菩提。

Thế tôn vân hà bất tinh tấn giả tín giải Bát-nhã Ba-la-mật thậm nan 。 Tu Bồ-đề 。

Thế tôn, tại sao người không tinh tấn rất khó tin hiểu Bát-nhã Ba-la-mật? Tu-bồ-đề,

色無縛無解。何以故。色真性是色。

sắc vô phược vô giải 。 hà dĩ cố 。 sắc chân tính thị sắc 。

sắc không trói không mở. Vì sao? Chân tính của sắc là sắc.

受想行識無縛無解。何以故。識真性是識。復次須菩提。

thọ tưởng hành thức vô phược vô giải 。 hà dĩ cố 。 thức chân tính thị thức 。

Tu Bồ-đề 。

Thọ, tưởng, hành, thức không trói không mở. Vì sao? Chân tính của thức là thức. Lại nữa, Tu-bồ-đề.

色前際無縛無解。何以故。色前際真性是色。

sắc tiền tế vô phược vô giải 。 hà dĩ cố 。 sắc tiền tế chân tính thị sắc 。
Sắc quá khứ không trói không mở. Vì sao? Chân tính của sắc quá khứ là sắc.

色後際無縛無解。何以故。色後際真性是色。

sắc hậu tế vô phược vô giải 。 hà dĩ cố 。 sắc hậu tế chân tính thị sắc 。
Sắc vị lai không trói không mở. Vì sao? Chân tính của sắc vị lai là sắc.

現在色無縛無解。何以故。現在色真性是色。

hiện tại sắc vô phược vô giải 。 hà dĩ cố 。 hiện tại sắc chân tính thị sắc 。
Sắc hiện tại không trói không mở. Vì sao? Chân tính của sắc hiện tại là sắc.

須菩提。受想行識前際無縛無解。何以故。

Tu Bồ-đề 。 thọ tưởng hành thức tiền tế vô phược vô giải 。 hà dĩ cố 。
Tu-bồ-đề, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ không trói không mở. Vì sao?

識前際真性是識。識後際無縛無解。何以故。

thức tiền tế chân tính thị thức 。 thức hậu tế vô phược vô giải 。 hà dĩ cố 。
Chân tính của thức quá khứ là thức. Thức vị lai không trói không mở. Vì sao?

識後際真性是識。現在識無縛無解。何以故。

thức hậu tế chân tính thị thức 。 hiện tại thức vô phược vô giải 。 hà dĩ cố 。
Chân tính của thức vị lai là thức. Thức hiện tại không trói không mở. Vì sao?

現在識真性是識。世尊。般若波羅蜜甚深。

hiện tại thức chân tính thị thức 。 Thế tôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm 。
Chân tính của thức hiện tại là thức. Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu xa;

不精進者信解甚難。佛言。如是如是。須菩提。

bất tinh tấn giả tín giải thậm nan 。 Phật ngôn 。 như thị như thị 。 Tu Bồ-đề 。
người không tinh tấn rất khó tin hiểu. Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy. Tu-bồ-đề,

深般若波羅蜜不精進者信解甚難。須菩提。

thâm Bát-nhã Ba-la-mật bất tinh tấn giả tín giải thậm nan 。 Tu Bồ-đề 。
Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, người không tinh tấn rất khó tin hiểu. Tu-bồ-đề,

色淨即是果淨。色淨故果亦淨。受想行識淨即是果淨。

sắc tịnh tức thị quả tịnh 。 sắc tịnh cố quả diệc tịnh 。 thọ tưởng hành thức tịnh tức
thị quả tịnh 。

sắc tịnh tức quả tịnh, vì sắc tịnh nên quả cũng tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh tức quả
tịnh,

受想行識淨故果亦淨。復次須菩提。

thọ tưởng hành thức tịnh cố quả diệc tịnh 。 phục thứ Tu Bồ-đề 。
vì thọ, tưởng, hành, thức tịnh nên quả cũng tịnh. Lại nữa, Tu-bồ-đề.

色淨即是薩婆若淨。薩婆若淨故色淨。須菩提。

sắc tịnh tức thị tát bà nhược tịnh 。 tát bà nhược tịnh cố sắc tịnh 。 Tu Bồ-đề 。
Sắc tịnh tức Nhất thiết trí tịnh, vì Nhất thiết trí tịnh nên sắc tịnh. Tu-bồ-đề,

色淨薩婆若淨。無二無別無異無壞。

sắc tịnh tát bà nhược tịnh 。 vô nhị vô biệt vô dị vô hoại 。

sắc tịnh, Nhất thiết trí tịnh, không hai, không khác, không đối, không hoại.

受想行識淨即是薩婆若淨。薩婆若淨故受想行識淨。

thọ tưởng hành thức tịnh tức thị tát bà nhược tịnh 。 tát bà nhược tịnh cố thọ tưởng
hành thức tịnh 。

Thọ, tưởng, hành, thức tịnh tức Nhất thiết trí tịnh, vì Nhất thiết trí tịnh nên thọ, tưởng,
hành, thức tịnh.

須菩提。薩婆若淨受想行識淨。

Tu Bồ-đề 。 tát bà nhược tịnh thọ tưởng hành thức tịnh 。

Tu-bồ-đề, Nhất thiết trí tịnh, thọ, tưởng, hành, thức tịnh,

無二無別無異無壞。

vô nhị vô biệt vô dị vô hoại 。

không hai, không khác, không đổi, không hoại.

小品般若波羅蜜經

tiểu phẩm Bát-nhã Ba-la-mật Kinh

Kinh Tiểu Phẩm Bát-Nhã Ba-la-mật

卷第四

quyển đệ tứ

Quyển IV

歎淨品第九

thán tịnh phẩm đệ cửu

Phẩm 9: Khen Ngợi Thanh Tịnh

爾時舍利弗白佛言。世尊。是淨甚深。

nhĩ thời Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 thị tịnh thậm thâm 。

Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật: Thế tôn, thanh tịnh này rất sâu,

佛言淨故。世尊是淨明。佛言淨故。世尊。

Phật ngôn tịnh cố 。 Thế tôn thị tịnh minh 。 Phật ngôn tịnh cố 。 Thế tôn 。

vì Phật nói là thanh tịnh. Thế tôn, thanh tịnh này sáng tỏ, vì Phật nói là thanh tịnh. Thế tôn,

是淨不生欲界不生色界不生無色界。佛言淨故。世尊。

thị tịnh bất sinh dục giới bất sinh sắc giới bất sinh vô sắc giới 。 Phật ngôn tịnh cố 。
Thế tôn 。

thanh tịnh này không sinh Dục giới, không sinh Sắc giới, không sinh Vô sắc giới, vì Phật
nói là thanh tịnh. Thế tôn,

是淨無垢無淨。佛言淨故。世尊。是淨無得無果。

thị tịnh vô cấu vô tịnh 。 Phật ngôn tịnh cố 。 Thế tôn 。 thị tịnh vô đắc vô quả 。
thanh tịnh này không cấu, không tịnh, vì Phật nói là thanh tịnh. Thế tôn, thanh tịnh này
không đắc, không quả,

佛言淨故。世尊。是淨不作不起。佛言淨故。

Phật ngôn tịnh cố 。 Thế tôn 。 thị tịnh bất tác bất khởi 。 Phật ngôn tịnh cố 。
vì Phật nói là thanh tịnh. Thế tôn, thanh tịnh này không tạo tác, không sinh khởi, vì Phật
nói là thanh tịnh.

世尊。是淨無知。佛言淨故。世尊。是淨不知色。

Thế tôn 。 thị tịnh vô tri 。 Phật ngôn tịnh cố 。 Thế tôn 。 thị tịnh bất tri sắc 。
Thế tôn, thanh tịnh này không nhận biết, vì Phật nói là thanh tịnh. Thế tôn, thanh tịnh này
không nhận biết sắc,

不知受想行識。佛言淨故。世尊。

bất tri thọ tưởng hành thức 。 Phật ngôn tịnh cố 。 Thế tôn 。
không nhận biết thọ, tưởng, hành, thức, vì Phật nói là thanh tịnh. Thế tôn,

般若波羅蜜於薩婆若不增不減。佛言淨故。世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật ư tát bà nhược bất tăng thêm bất giảm 。 Phật ngôn tịnh cố 。 Thế
tôn 。

Bát-nhã Ba-la-mật đối với Nhất thiết trí không tăng không giảm, vì Phật nói là thanh tịnh.
Thế tôn,

般若波羅蜜淨故。於法無所取。佛言淨故。

Bát-nhã Ba-la-mật tịnh cố 。 ư Pháp vô sở thủ 。 Phật ngôn tịnh cố 。
vì Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh; đối với pháp không chấp thủ, vì Phật nói là thanh tịnh.

爾時須菩提白佛言。世尊。我淨故色淨。佛言畢竟淨故。

nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 ngã tịnh cố sắc tịnh 。 Phật ngôn tất
cánh tịnh cố 。

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn, con thanh tịnh nên sắc thanh tịnh, vì Phật nói là tất
cánh thanh tịnh.

世尊。我淨故受想行識淨。佛言畢竟淨故。

Thế tôn 。 ngã tịnh cố thọ tưởng hành thức tịnh 。 Phật ngôn tất cánh tịnh cố 。

Thế tôn, con thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, vì Phật nói là tất cánh thanh
tịnh.

世尊。我淨故果淨。佛言畢竟淨故。世尊。

Thế tôn 。 ngã tịnh cố quả tịnh 。 Phật ngôn tất cánh tịnh cố 。

Thế tôn, con thanh tịnh nên quả thanh tịnh, vì Phật nói là tất cánh thanh tịnh. Thế tôn,

我淨故薩婆若淨。佛言畢竟淨故。世尊。

ngã tịnh cố tát bà nhược tịnh 。 Phật ngôn tất cánh tịnh cố 。

con thanh tịnh nên Nhất thiết trí thanh tịnh, vì Phật nói là tất cánh thanh tịnh. Thế tôn,

我淨故無得無果。佛言畢竟淨故。世尊我無邊故色無邊。

ngã tịnh cố vô đắc vô quả 。 Phật ngôn tất cánh tịnh cố 。

Thế tôn ngã vô biên cố sắc vô biên 。

con thanh tịnh nên không đắc, không quả, vì Phật nói là tất cánh thanh tịnh. Thế tôn, con
vô biên nên sắc vô biên,

佛言畢竟淨故。世尊。

Phật ngôn tất cánh tịnh cố 。

vì Phật nói là tất cánh thanh tịnh. Thế tôn,

我無邊故受想行識無邊。佛言畢竟淨故。世尊。

ngã vô biên cố thọ tưởng hành thức vô biên 。 Phật ngôn tất cánh tịnh cố 。 Thế tôn 。
con vô biên nên thọ, tưởng, hành, thức vô biên, vì Phật nói là tất cánh thanh tịnh. Thế tôn,

如是如是名菩薩般若波羅蜜耶。須菩提畢竟淨故。世尊。

như thị như thị danh Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật da 。 Tu-bồ-đề tất cánh tịnh cố 。 Thế
tôn 。

như vậy, như vậy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát chăng? Vì Tu-bồ-đề tất cánh thanh
tịnh. Thế tôn,

般若波羅蜜非此岸非彼岸非中流。

Bát-nhã Ba-la-mật phi thử ngạn phi bỉ ngạn phi trung lưu 。

Bát-nhã Ba-la-mật không ở bờ này, không ở bờ kia, không ở giữa dòng,

佛言畢竟淨故世尊。菩薩若如是。亦分別即失般若波羅蜜。

Phật ngôn tất cánh tịnh cố Thế tôn 。 Bồ-tát nhược như thị 。 diệc phân biệt tức thất
Bát-nhã Ba-la-mật 。

vì Phật nói là tất cánh thanh tịnh. Thế tôn, Bồ-tát nếu cũng phân biệt như vậy tức đánh
mất Bát-nhã Ba-la-mật,

即遠般若波羅蜜。佛言。善哉善哉。須菩提。

tức viễn Bát-nhã Ba-la-mật 。

Phật ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。

從名相故生著。希有世尊。

tòng danh tướng cố sinh trú 。

hi hữu Thế tôn 。

善說般若波羅蜜中著。爾時舍利弗語須菩提。何因緣故名為著。

thiện thuyết Bát-nhã Ba-la-mật trung trú 。 nhĩ thời Xá-lợi-phất ngữ Tu-bồ-đề 。 hà nhân duyên cố danh vi trú 。

khéo nói sự chấp trước trong Bát-nhã Ba-la-mật. Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Vì nhân duyên gì gọi là chấp trước?

舍利弗。若善男子善女人。分別色空。

Xá-lợi-phất 。 nhược thiện nam tử Thiện nữ nhân Nhân 。 phân biệt sắc không 。

Xá-lợi-phất, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân phân biệt sắc là Không

即名為著。分別受想行識空。

tức danh vi trú 。

tức gọi là chấp trước; phân biệt thọ, tưởng, hành, thức là Không,

即名為著分別過去法未來法現在法。即名為著。

tức danh vi trú phân biệt quá khứ Pháp vị lai Pháp hiện tại Pháp 。

tức gọi là chấp trước; phân biệt pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, tức gọi là chấp trước.

初發心菩薩得若干福德。即名為著。釋提桓因問須菩提言。

sơ phát tâm Bồ-tát đắc nhược can phúc đức 。

Bồ-tát mới phát tâm được bao nhiêu phước đức, tức gọi là chấp trước. Thích-đề-hoàn-nhân hỏi Tu-bồ-đề:

何因緣是事名為著。憍尸迦。

hà nhân duyên thị sự danh vi trú 。

Nhân duyên gì mà gọi việc này là chấp trước? Kiêu-thi-ca,

是人分別是心以是心迴向阿耨多羅三藐三菩提。憍尸迦。

thị nhân phân biệt thị tâm dĩ thị tâm hồi hướng a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Kiêu-thi-ca 。

người này phân biệt tâm này, dùng tâm này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.
Kiêu-thi-ca,

心性不可迴向。

tâm tính bất khả hồi hướng 。

tính của tâm không thể hồi hướng.

是故菩薩若欲教他化人阿耨多羅三藐三菩提。應如諸法實相示教利喜。

thị cố Bồ-tát nhược dục giáo tha hóa nhân a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

ứng như
chư Pháp thật tướng kì giáo lợi hỉ 。

Vì vậy, Bồ-tát nếu muốn giáo hóa người khác Vô thượng Chính đẳng Chính giác thì nên
như thật tướng của các pháp mà chỉ giáo cho họ được lợi ích, hoan hỷ.

如是則不自傷。是佛所許是佛所教。

như thị tắc bất tự thương 。

thị Phật sở hứa thị Phật sở giáo 。

Như vậy, tức không tổn thương mình; điều này được Phật tán đồng, được Phật chỉ giáo.

善男子善女人亦離諸著。爾時佛讚須菩提言。

thiện nam tử Thiện nữ nhân Nhân diệc ly chư trú 。

nhĩ thời Phật tán Tu-bồ-đề ngôn
。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân cũng lìa các chấp trước. Bấy giờ, Phật khen Tu-bồ-đề:

善哉善哉。汝能示諸菩薩著法。須菩提。

Thiện tai Thiện tai 。

nhữ năng kì chư Bồ-tát trú Pháp 。

Tu-bồ-đề 。

Lành thay, Lành thay! Ông có thể chỉ cho các Bồ-tát pháp chấp trước. Tu-bồ-đề,

我當更說微細著法。汝今善聽。須菩提言。唯然受教。

ngã đương canh thuyết vi tế trú Pháp 。

nhữ kim thiện thính 。

Tu-bồ-đề ngôn 。

duy
nhiên thọ giáo 。

Ta sẽ nói pháp chấp trước vi tế. Nay ông hãy lắng nghe kỹ. Tu-bồ-đề nói: Con xin thọ
giáo.

佛言。若善男子。善女人。取相念諸佛隨所取相。

Phật ngôn 。 nhược thiện nam tử 。 Thiện nữ nhân Nhân 。 thủ tướng niệm chư Phật tùy sở thủ tướng 。

Phật dạy: Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nắm bắt tướng để niệm chư Phật thì theo tướng được nắm bắt đó,

皆名為著。過去未來現在諸佛。

giai danh vi trú 。

đều gọi là chấp trước. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại

所有無漏法皆隨喜。隨喜已迴向阿耨多羅三藐三菩提。

sở hữu vô lậu Pháp giai tùy hỷ 。

có pháp vô lậu đều tùy hỷ; tùy hỷ rồi thì hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

即亦是著。何以故。須菩提。

tức diệc thị trú 。

tức cũng là chấp trước. Vì sao? Tu-bồ-đề,

諸法性非過去非未來非現在。不可取相不可緣。

chư Pháp tính phi quá khứ phi vị lai phi hiện tại 。

Tính của các pháp không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại; tướng không thể nắm bắt, không thể duyên theo,

不可見不可聞。不可覺不可知。不可迴向。

không thể thấy bất khả văn 。

không thể thấy, không thể nghe, không thể biết, không thể hiểu, không thể hồi hướng.

世尊是諸法性甚深。佛言。畢竟離故。世尊。

Thế tôn thị chư Pháp tính thậm thâm 。 Phật ngôn 。 tất cánh ly cố 。 Thế tôn 。
Thế tôn, tính này của các pháp rất sâu xa. Phật dạy: Vì rốt ráo xả ly. Thế tôn,

我敬禮般若波羅蜜。佛言。佛得是無作法故。世尊。

ngã kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật 。 Phật ngôn 。 Phật đắc thị vô tác Pháp cố 。 Thế tôn
。

con kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật. Phật dạy: Vì Phật chứng đắc Pháp vô tác này. Thế tôn,

佛得一切法。如是須菩提。如來得一切法。須菩提。

Phật đắc nhất thiết Pháp 。 như thị Tu-bồ-đề 。 Như-Lai đắc nhất thiết Pháp 。 Tu-bồ-
đề 。

Phật chứng đắc tất cả các pháp. Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Như lai chứng đắc tất cả các pháp.
Tu-bồ-đề,

法性唯一無二無三。是性亦非性非作。須菩提。

Pháp tính duy nhất vô nhị vô tam 。 thị tính diệc phi tính phi tác 。 Tu-bồ-đề 。

Pháp tính chỉ một, không hai, không ba. Tính này cũng không phải tính, không phải tạo
tác. Tu-bồ-đề,

菩薩能如是知則離諸著。世尊。

Bồ-tát năng như thị tri tác ly chư trú 。 Thế tôn 。

Bồ-tát có thể nhận biết như vậy tức lìa các chấp trước. Thế tôn,

般若波羅蜜甚為難知。須菩提。無有知者故。世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật thậm vi nan tri 。 Tu-bồ-đề 。 vô hữu tri giả cố 。 Thế tôn 。

Bát-nhã Ba-la-mật rất khó nhận biết. Tu-bồ-đề, vì không có người biết. Thế tôn,

般若波羅蜜不可思議。須菩提。

Bát-nhã Ba-la-mật không thể nghĩ bàn 。 Tu-bồ-đề 。

Bát-nhã Ba-la-mật không thể nghĩ bàn. Tu-bồ-đề,

般若波羅蜜不可以心知故。世尊。般若波羅蜜無所作。須菩提。

Bát-nhã Ba-la-mật bất khả dĩ tâm tri cố 。 Thế tôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật vô sở tác 。
Tu-bồ-đề 。

vì Bát-nhã Ba-la-mật không thể lấy tâm để biết. Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật không có tạo tác. Tu-bồ-đề,

作者不可得故。世尊。菩薩當云何行般若波羅蜜。

tác giả bất khả đắc cố 。 Thế tôn 。 Bồ-tát đương vân hà hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

vì chủ thể tạo tác là bất khả đắc. Thế tôn, Bồ-tát sẽ hành Bát-nhã Ba-la-mật như thế nào?

須菩提。若菩薩不行色即行般若波羅蜜。

Tu-bồ-đề 。 nhược Bồ-tát bất hành sắc tức hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát không hành sắc tức là hành Bát-nhã Ba-la-mật;

不行受想行識即行般若波羅蜜。

bất hành thọ tưởng hành thức tức hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

không hành thọ, tưởng, hành, thức, tức là hành Bát-nhã Ba-la-mật.

若不行色不滿足。即行般若波羅蜜。

nhược bất hành sắc bất mãn túc 。 tức hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Nếu không hành sắc không đầy đủ tức là hành Bát-nhã Ba-la-mật;

不行受想行識不滿足。即行般若波羅蜜。何以故。

bất hành thọ tưởng hành thức bất mãn túc 。 tức hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 hà dĩ cố 。

không hành thọ, tưởng, hành, thức không đầy đủ tức là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao?

色不滿足則非色。受想行識不滿足則非識。

sắc bất mãn túc tắc phi sắc 。 thọ tưởng hành thức bất mãn túc tắc phi thức 。

sắc không đầy đủ tức không phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức không đầy đủ tức không phải thức.

若能如是行不滿足相。即行般若波羅蜜。須菩提言。

nhược năng như thị hành bất mãn túc tướng 。 tức hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu-bồ-đề
ngôn 。

Nếu có thể hành tướng không đầy đủ như vậy tức là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề
nói:

希有世尊。於諸著中說無所著。須菩提。

hi hữu Thế tôn 。 ư chư trú trung thuyết vô sở trú 。 Tu-bồ-đề 。

Hiếm có, Thế tôn. Nơi các chấp trước nói không có cái được chấp trước. Tu-bồ-đề,

若菩薩不行色不著相。即行般若波羅蜜。

nhược Bồ-tát bất hành sắc bất trú tướng 。 tức hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu Bồ-tát không hành sắc, không chấp trước tướng, tức hành Bát-nhã Ba-la-mật;

不行受想行識不著相。即行般若波羅蜜。菩薩如是行。

bất hành thọ tưởng hành thức bất trú tướng 。 tức hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bồ-tát như thị hành 。

không hành thọ, tưởng, hành, thức, không chấp trước tướng, tức hành Bát-nhã Ba-la-mật.
Bồ-tát hành như vậy,

於色不生著。於受想行識不生著。

ư sắc bất sinh trú 。

ư thọ tưởng hành thức bất sinh trú 。

đối với sắc không sinh chấp trước, đối với thọ, tưởng, hành, thức không sinh chấp trước,

於須陀洹果斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛道不生

ư Tu đà hoàn quả Tư đà hàm quả A na hàm quả A la hán quả Bích chi Phật đạo
bất sinh

đối với quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Phật Bích Chi
không sinh chấp trước;

著。乃至薩婆若亦不生著。何以故。

trú 。 nãi chí tát bà nhược diệc bất sinh trú 。 hà dĩ cố 。
cho tới Nhất thiết trí, cũng không sinh chấp trước. Vì sao?

過諸著故名無礙薩婆若。須菩提。菩薩欲過諸著。

quá chư trú cố danh vô ngại tát bà nhược 。 Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát dục quá chư trú 。
Vì vượt quá các chấp trước nên gọi là Nhất thiết trí vô ngại. Tu-bồ-đề, Bồ-tát muốn vượt
quá các chấp trước,

應如是思惟般若波羅蜜。須菩提白佛言。

ứng như thị tư duy Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。
nên suy nghĩ Bát-nhã Ba-la-mật như vậy. Tu-bồ-đề bạch Phật:

希有世尊。是法甚深。若說不減不說亦不減。

hi hữu Thế tôn 。 thị Pháp thậm thâm 。 nhược thuyết bất giảm bất thuyết diệc bất
giảm 。

Hiếm có, Thế tôn. Pháp này rất sâu xa. Nếu thuyết, không giảm bớt; không thuyết, cũng
không giảm bớt.

若說不增不說亦不增。佛言。如是如是。須菩提。

nhược thuyết bất tăng thêm bất thuyết diệc bất tăng thêm 。 Phật ngôn 。 như thị như
thị 。 Tu-bồ-đề 。

Nếu thuyết, không tăng thêm; không thuyết, cũng không tăng thêm. Phật dạy: Đúng vậy,
đúng vậy, Tu-bồ-đề.

如佛盡壽稱讚虛空。虛空不減。不稱讚亦不減。

như Phật tận thọ xưng tán hư không 。 hư không bất giảm 。 bất xưng tán diệc bất
giảm 。

Như Phật suốt đời xưng tán hư không, hư không không giảm bớt; không xưng tán cũng
không giảm bớt;

稱讚不增不稱讚亦不增。須菩提。

xưng tán bất tăng thêm bất xưng tán diệt bất tăng thêm 。 Tu-bồ-đề 。
xưng tán, không tăng thêm; không xưng tán, cũng không tăng thêm. Tu-bồ-đề,

譬如稱讚幻所化人亦不喜不稱讚亦不瞋。須菩提。

thí như xưng tán huyễn sở hóa nhân diệt bất hỷ bất xưng tán diệt bất sân 。 Tu-bồ-đề 。

ví như người huyễn, xưng tán họ cũng không vui, không xưng tán họ cũng không giận. Tu-bồ-đề,

諸法性亦如是。若說亦不增不說亦不減。世尊。

chư Pháp tính diệt như thị 。 nhược thuyết diệt bất tăng thêm bất thuyết diệt bất giảm 。 Thế tôn 。

tính các pháp cũng như vậy. Nếu thuyết, cũng không tăng thêm; không thuyết, cũng không giảm bớt. Thế tôn,

菩薩所為甚難。修行般若波羅蜜時。

Bồ-tát sở vi thậm nan 。 tu hành Bát-nhã Ba-la-mật thời 。

điều Bồ-tát làm thật khó. Lúc tu hành Bát-nhã Ba-la-mật,

心無增減亦不退不轉。世尊。修習般若波羅蜜。

tâm vô tăng giảm diệt bất thoái bất chuyển 。

Thế tôn 。

tu tập Bát-nhã Ba-la-mật 。

如修習虛空。世尊。菩薩為度一切眾生故。

như tu tập hư không 。

Thế tôn 。

Bồ-tát vì độ tất cả chúng sinh,

發大莊嚴應當敬禮。世尊。菩薩為眾生故發大莊嚴。

phát Đại trang nghiêm ứng đương kính lễ 。

Thế tôn 。

Bồ-tát vì chúng sinh cố phát Đại trang nghiêm 。

phát Đại trang nghiêm, nên đáng kính lễ. Thế tôn, Bồ-tát vì chúng sinh mà phát Đại trang nghiêm,

如人與虛空共鬪。世尊。

như nhân dữ hư không cộng đấu 。 Thế tôn 。
giống như người chiến đấu với hư không. Thế tôn,

菩薩為眾生故發大莊嚴。如人與虛空諍訟。世尊。

Bồ-tát vì chúng sinh cố phát Đại trang nghiêm 。 như nhân dữ hư không tranh tụng
。 Thế tôn 。

Bồ-tát vì chúng sinh, phát Đại trang nghiêm, giống như người tranh cãi với hư không. Thế
tôn,

是菩薩名為發大莊嚴。世尊。菩薩為眾生故發大莊嚴。

thị Bồ-tát danh vì phát Đại trang nghiêm 。 Thế tôn 。 Bồ-tát vì chúng sinh cố phát Đại
trang nghiêm 。

Bồ-tát này được gọi là phát Đại trang nghiêm. Thế tôn, Bồ-tát vì chúng sinh phát Đại trang
nghiêm,

如人欲舉虛空。世尊。是菩薩名為度精進彼岸。

như nhân dục cử hư không 。 Thế tôn 。 thị Bồ-tát danh vì độ tinh tấn bỉ ngạn 。

giống như người muốn nâng hư không lên. Thế tôn, Bồ-tát này gọi là Độ tinh tấn bỉ ngạn,

名為勇健。名為同虛空諸法故。

danh vi dũng kiện 。

danh vi đồng hư không chư Pháp cố 。

gọi là Dũng kiện, gọi là Đồng hư không chư pháp,

發阿耨多羅三藐三菩提。爾時會中有一比丘作是念。

phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

nhĩ thời hội trung hữu nhất bỉ khâu tác thị niệm

。

phát Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Bấy giờ, trong chúng hội có Tỷ-khưu nghĩ:

我敬禮般若波羅蜜。般若波羅蜜中。

ngã kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật 。 Bát-nhã Ba-la-mật trung 。

Ta kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật. Trong Bát-nhã Ba-la-mật,

無有法生無有法滅。爾時釋提桓因語須菩提。

vô hữu Pháp sinh vô hữu Pháp diệt 。 nhĩ thời thích đề hoàn nhân ngữ Tu-bồ-đề 。

không có pháp sinh, không có pháp diệt. Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân nói với Tu-bồ-đề:

若菩薩修習深般若波羅蜜。為修習何法。憍尸迦。

nhược Bồ-tát tu tập thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 vi tu tập hà Pháp 。 Kiêu-thi-ca 。

Nếu Bồ-tát tu tập Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa thì tu tập pháp nào? Kiêu-thi-ca,

若菩薩修習深般若波羅蜜。即是修習虛空。

nhược Bồ-tát tu tập thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 tức thị tu tập hư không 。

nếu Bồ-tát tu tập Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa là tu tập với hư không.

釋提桓因白佛言。世尊。

thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Thế tôn,

若人能受持讀誦般若波羅蜜我當守護須菩提語釋提桓因汝見是法可

nhược nhân năng thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật ngã đương thủ hộ Tu-bồ-đề ngữ

thích đề hoàn nhân nhữ kiến thị Pháp khả

Nếu người nào có thể thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật thì con sẽ bảo vệ. Tu-bồ-đề nói

với Thích-đề-hoàn-nhân: Ông thấy Pháp này có thể

守護耶。釋提桓因言。不見也。憍尸迦。

thủ hộ da 。 thích đề hoàn nhân ngôn 。 bất kiến dã 。 Kiêu-thi-ca 。

bảo vệ sao? Thích-đề-hoàn-nhân nói: Không thấy. Kiêu-thi-ca,

若菩薩如般若波羅蜜所說行。即是守護。

nhược Bồ-tát như Bát-nhã Ba-la-mật sở thuyết hành 。 tức thị thủ hộ 。
nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật như đã thuyết tức là bảo vệ.

若菩薩或時遠離般若波羅蜜。人若非人則得其便。

nhược Bồ-tát hoặc thời viễn li Bát-nhã Ba-la-mật 。 nhân nhược phi nhân tắc đắc kỳ
tiện 。

Nếu Bồ-tát có khi lìa xa Bát-nhã Ba-la-mật thì người hoặc loài phi nhân sẽ lấy đi cơ hội.

憍尸迦。若人欲守護行般若波羅蜜者。

Kiêu-thi-ca 。 nhược nhân dục thủ hộ hành Bát-nhã Ba-la-mật giả 。

Kiêu-thi-ca, nếu có người muốn bảo vệ người hành Bát-nhã Ba-la-mật,

則為欲守護虛空。憍尸迦。於意云何。汝能守護響不。

tắc vi dục thủ hộ hư không 。 Kiêu-thi-ca 。 ư ý vân hà 。 nhữ năng thủ hộ hưởng bất
。

tức là muốn bảo vệ hư không. Kiêu-thi-ca, ý ông thế nào? Ông có thể bảo vệ tiếng vang
không?

釋提桓因言。不能也。憍尸迦。菩薩亦如是。

thích đề hoàn nhân ngôn 。 bất năng dã 。

Thích-đề-hoàn-nhân nói: Không thể. Kiêu-thi-ca, Bồ-tát cũng như vậy.

行般若波羅蜜。知一切法空。如響如是。

hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 tri nhất thiết Pháp không 。 như hưởng như thị 。

Hành Bát-nhã Ba-la-mật, biết tất cả các pháp là Không, giống như tiếng vang. Như vậy

亦不分別。當知是為行般若波羅蜜。爾時佛以神力。

diệc bất phân biệt 。

cũng không phân biệt, nên biết đó là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Bấy giờ, Phật dùng thần lực

令三千大千世界所有四天王天及諸釋提桓

欽 三 天 王 天 及 諸 釋 提 桓 因 諸 梵 天 王 等 。 以 佛 神 力 。 得 見 千 佛 如 是 相 。

因。娑婆世界主諸梵天王。皆來至佛所。

nhân 。 Sa Bà thế giới chủ chư Phạm Thiên Vương 。 giai lai chí Phật sở 。

các vị chủ thế giới Ta-bà Phạm thiên vương, đều đi đến chỗ Phật,

頭面禮佛足。却住一面。

đầu diện lễ Phật túc 。 khước trụ nhất diện 。

đầu mặt lễ chân Phật, lui đứng một bên.

四天王諸釋提桓因諸梵天王等。以佛神力。得見千佛如是相。

tứ Thiên vương chư thích đề hoàn nhân chư Phạm Thiên Vương đẳng 。 dĩ Phật Thần lực 。 đắc kiến thiên Phật như thị tướng 。

Bốn Thiên vương, các Thích-đề-hoàn-nhân, các Phạm thiên vương, vân vân, nhờ thần lực Phật, thấy được một ngàn Phật, tướng như thế,

如是名說般若波羅蜜品者。皆名須菩提難問者。

như thị danh thuyết Bát-nhã Ba-la-mật phẩm giả 。 giai danh Tu-bồ-đề nan vấn giả

。

tên như thế, thuyết phẩm Bát-nhã Ba-la-mật, đều gọi là người đặt vấn nạn với Tu-bồ-đề,

亦如釋提桓因彌勒菩薩。

diệc như thích đề hoàn nhân Di Lạc Bồ-tát 。

cũng như Thích-đề-hoàn-nhân, Bồ-tát Di-lặc,

當成阿耨多羅三藐三菩提。亦於此土說般若波羅蜜。

đương thành a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

。

sẽ thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cũng ở quốc độ này thuyết Bát-nhã Ba-la-mật.

爾時須菩提白佛言。世尊。

nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

彌勒菩薩成阿耨多羅三藐三菩提時。於是處云何說般若波羅蜜。

Di Lạc Bồ-tát thành a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。 ư thị xử vân hà thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

lúc Bồ-tát Di-lạc thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác, tại sao thuyết Bát-nhã Ba-la-mật ở nơi này?

須菩提。彌勒菩薩成阿耨多羅三藐三菩提時。

Tu-bồ-đề 。 Di Lạc Bồ-tát thành a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。

Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Di-lạc thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác

說般若波羅蜜。不說色空。不說受想行識空。

thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。 bất thuyết sắc không 。 bất thuyết thọ tưởng hành thức không 。

thuyết Bát-nhã Ba-la-mật, không thuyết sắc là Không, không thuyết thọ, tưởng, hành, thức là Không,

不說色縛不說色解。不說受想行識縛。

bất thuyết sắc phược bất thuyết sắc giải 。 bất thuyết thọ tưởng hành thức phược 。

không thuyết sắc là buộc, không thuyết sắc là cởi, không thuyết thọ, tưởng, hành, thức là buộc,

不說受想行識解。須菩提言。世尊。般若波羅蜜清淨。

bất thuyết thọ tưởng hành thức giải 。 Tu-bồ-đề ngôn 。 Thế tôn 。

Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh 。

không thuyết thọ, tưởng, hành, thức là cõi. Tu-bồ-đề nói: Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật là thanh tịnh.

佛言。色淨故般若波羅蜜清淨。

Phật ngôn 。 sắc tịnh cố Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh 。

Phật dạy: Vì sắc tịnh nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh,

受想行識淨故般若波羅蜜清淨。佛言。

thọ tưởng hành thức tịnh cố Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh 。

Phật ngôn 。

vì thọ, tưởng, hành, thức tịnh nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh. Phật dạy:

虛空淨故般若波羅蜜清淨。色無染故般若波羅蜜清淨。

hư không tịnh cố Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh 。

sắc vô nhiễm cố Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh 。

Vì hư không tịnh nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh; vì sắc không ô nhiễm nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh;

受想行識無染故般若波羅蜜清淨。須菩提。

thọ tưởng hành thức vô nhiễm cố Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh 。

Tu-bồ-đề 。

vì thọ, tưởng, hành, thức không ô nhiễm nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh. Tu-bồ-đề,

虛空無染故般若波羅蜜清淨。世尊。

hư không vô nhiễm cố Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh 。

Thế tôn 。

vì hư không không ô nhiễm nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh. Thế tôn,

若有善男子善女人。能受持讀誦般若波羅蜜者。

nhược hữu thiện nam tử Thiện nữ nhân Nhân 。

năng thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật giả 。

nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào có thể thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật

終不橫死。若干百千諸天皆共隨從。

chung bắt hoạch tử 。 nhược can bách thiên chư Thiên giai cộng tùy tông 。
thì trọn đời không chết oan; bao nhiêu trăm ngàn chư Thiên đều cùng đi theo;

若月八日十四日十五日二十三日二十九日三十日。

nhược nguyệt bát nhật thập tứ nhật thập ngũ nhật nhị thập tam nhật nhị thập cửu nhật
tam thập nhật 。

nếu vào những ngày mồng tám, mười bốn, rằm, hai mươi ba, hai mươi chín, ba mươi
trong tháng,

在在處處說般若波羅蜜。其福甚多。佛言。

tại tại xứ xứ thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

kỳ phúc thậm đa 。

Phật ngôn 。

mà thuyết Bát-nhã Ba-la-mật ở mọi nơi, thì phước đức của họ rất nhiều. Phật dạy:

如是如是。須菩提。是人說般若波羅蜜。得福甚多。

như thị như thị 。

Tu-bồ-đề 。

thị nhân thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

đắc phúc thậm đa 。

Đúng vậy, đúng vậy, Tu-bồ-đề. Người này thuyết Bát-nhã Ba-la-mật, được phước rất
nhiều.

須菩提。般若波羅蜜多有留難。何以故。

Tu-bồ-đề 。

Bát-nhã Ba-la-mật đa hữu lưu nan 。

hà dĩ cố 。

Tu-bồ-đề, Bát-nhã Ba-la-mật rất khó lưu giữ. Vì sao?

般若波羅蜜是大珍寶。於法無所著無所取。

Bát-nhã Ba-la-mật thị Đại trân bảo 。

ư Pháp vô sở trú vô sở thủ 。

Bát-nhã Ba-la-mật là đại trân bảo, đối với pháp không có chấp trước, không có nắm bắt.

所以者何。謂諸法無所有不可得故。須菩提。

sở dĩ giả hà 。

vị chư Pháp vô sở hữu bất khả đắc cố 。

Tu-bồ-đề 。

Vì sao? Vì các pháp vô sở hữu, bất khả đắc. Tu-bồ-đề,

般若波羅蜜無所得故。無能染污。何以故。

Bát-nhã Ba-la-mật vô sở đắc cố 。 vô năng nhiễm 汚。 hà dĩ cố 。

vì Bát-nhã Ba-la-mật vô sở đắc, nên không thể nhiễm ô. Vì sao?

般若波羅蜜以無法故。名為無染般若波羅蜜。

Bát-nhã Ba-la-mật dĩ vô Pháp cố 。 danh vi vô nhiễm Bát-nhã Ba-la-mật 。

Vì Bát-nhã Ba-la-mật dùng vô pháp, nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật vô nhiễm.

般若波羅蜜無污故。諸法亦無污。

Bát-nhã Ba-la-mật vô 汚 cố 。 chư Pháp diệc vô 汚。

Vì Bát-nhã Ba-la-mật là vô nhiễm, nên các pháp cũng vô nhiễm.

若如是亦不分別。名為行般若波羅蜜。須菩提。般若波羅蜜。

nhược như thị diệc bất phân biệt 。 danh vi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu-bồ-đề 。 Bát-nhã Ba-la-mật 。

Nếu như vậy cũng không phân biệt thì gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề, Bát-nhã Ba-la-mật

無有法若見若不見。

vô hữu Pháp nhược kiến nhược bất kiến 。

không có pháp để thấy hoặc không thấy,

無有法若取若捨是時若干百千諸天子踊躍歡喜。

vô hữu Pháp nhược thủ nhược xả thị thời nhược can bách thiên chư Thiên tử dũng dược hoan hỷ 。

không có pháp để nắm hoặc bỏ. Lúc đó, bao nhiêu trăm ngàn các Thiên tử vui mừng, hoan hỷ.

於虛空中同聲唱言。我於閻浮提。再見法輪轉。

ư hư không trung đồng thanh xưng ngôn 。 ngã ư Diêm-phù-đề 。 tái kiến Pháp luân chuyển 。

Ở trong hư không, đồng thanh xưng rằng: Chúng ta ở Diêm-phù-đề lại thấy Pháp luân chuyển.

須菩提語諸天子。非初轉非二轉。何以故。

Tu-bồ-đề ngữ chư Thiên tử 。 phi sơ chuyển phi nhị chuyển 。 hà dĩ cố 。

Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử: Không phải chuyển lần nhất, không phải lần hai. Vì sao?

般若波羅蜜法中無轉無還。佛告須菩提。

Bát-nhã Ba-la-mật Pháp trung vô chuyển vô hoàn 。 Phật cáo Tu-bồ-đề 。

Trong Bát-nhã Ba-la-mật không có chuyển, không có quay. Phật bảo Tu-bồ-đề:

摩訶波羅蜜是菩薩般若波羅蜜。所謂於一切法無轉無著。

Ma-Ha Ba-la-mật thị Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật 。 sở vị ư nhất thiết Pháp vô chuyển Vô trú 。

Đại Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát; nghĩa là ở nơi tất cả các pháp không có chuyển, không có dính mắc.

得阿耨多羅三藐三菩提。亦無所得。

đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Được Vô thượng Chính đẳng Chính giác cũng không có cái được.

轉法輪時亦無所轉。無法可還無法可示無法可見。

chuyển Pháp luân thời diệc vô sở chuyển 。 vô Pháp khả hoàn vô Pháp khả kì vô Pháp khả kiến 。

Lúc chuyển Pháp luân cũng không có pháp được chuyển, không có pháp có thể quay, không có pháp có thể chỉ bày; không có pháp có thể nhìn thấy,

是法不可得故。何以故。須菩提。空不轉不還。

thị Pháp bất khả đắc cố 。

vì Pháp này là bất khả đắc. Vì sao? Tu-bồ-đề, hư không không chuyển, không quay,

無相無作無起無生。無所有不轉不還。

vô tướng vô tác vô khởi vô sinh 。 vô sở hữu bất chuyển Bất hoàn 。
vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sinh, vô sở hữu, không chuyển, không quay.

如是說名為說般若波羅蜜。無聽者無受者無證者。

như thị thuyết danh vi thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。 vô thính giả thị cố giả vô chứng giả
。

Thuyết như vậy gọi là thuyết Bát-nhã Ba-la-mật. Không có người nghe, không có người
nhận, không có người chứng;

亦無以法作福田者。須菩提白佛言。世尊。

diệc vô dĩ Pháp tác phúc điền giả 。 Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。
cũng không có người lấy pháp để làm ruộng phước. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

無邊波羅蜜是般若波羅蜜。虛空無邊故。世尊。

vô biên Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 hư không vô biên cố 。 Thế tôn 。
Vô biên Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì hư không là vô biên. Thế tôn,

正波羅蜜是般若波羅蜜。諸法平等故。世尊。

chính Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư Pháp bình đẳng cố 。 Thế tôn 。
Chính Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các pháp bình đẳng. Thế tôn,

離波羅蜜是般若波羅蜜。諸法性離故。世尊。

ly Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư Pháp tính ly cố 。 Thế tôn 。
Ly Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì lìa tính các pháp. Thế tôn,

不可破波羅蜜是般若波羅蜜。諸法不可得故。

bất khả phá Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư Pháp bất khả đắc cố 。
Bất khả phá Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các pháp không thể đắc.

世尊。無處波羅蜜是般若波羅蜜。

Thế tôn 。 vô xứ Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

Thế tôn, Vô xứ Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật,

諸法無形無名故。世尊。無去波羅蜜是般若波羅蜜。

chư Pháp vô hình vô danh cố 。

Thế tôn 。 vô khứ Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

vì các pháp không hình, không tên. Thế tôn, Vô khứ Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật,

諸法無來故。世尊。無奪波羅蜜是般若波羅蜜。

chư Pháp vô lai cố 。

Thế tôn 。 vô đoạt Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

vì các pháp không đến. Thế tôn, Vô đoạt Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật,

諸法不可取故。世尊。

chư Pháp bất khả thủ cố 。

Thế tôn 。

vì các pháp không thể nắm bắt. Thế tôn,

盡波羅蜜是般若波羅蜜。諸法無盡故。世尊。

tận Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

chư Pháp vô tận cố 。

Thế tôn 。

Tận Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các pháp không cùng tận. Thế tôn,

無生波羅蜜是般若波羅蜜。諸法無生故。世尊。

vô sinh Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

chư Pháp vô sinh cố 。

Thế tôn 。

Vô sinh Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các pháp không sinh. Thế tôn,

無作波羅蜜是般若波羅蜜。作者不可得故。世尊。

vô tác Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

tác giả bất khả đắc cố 。

Thế tôn 。

Vô tác Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì tác giả là bất khả đắc. Thế tôn,

不出波羅蜜是般若波羅蜜。出者不可得故。世尊。

bất xuất Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

xuất giả bất khả đắc cố 。

Thế tôn 。

Bất xuất Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì xuất sinh là bất khả đắc. Thế tôn,

不至波羅蜜是般若波羅蜜。無退沒故。世尊。

bất chí Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 vô thoái một cố 。 Thế tôn 。

Bất chí Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì không lùi, mất. Thế tôn,

無垢波羅蜜是般若波羅蜜。諸煩惱清淨故。世尊。

vô cấu Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư phiền não thanh tịnh cố 。 Thế tôn 。

Vô cấu Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các phiền não là thanh tịnh. Thế tôn,

無汚波羅蜜是般若波羅蜜。處不汚故。世尊。

vô ô Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 xử bất ô cố 。 Thế tôn 。

Vô ô Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì chỗ không ô nhiễm. Thế tôn,

不滅波羅蜜是般若波羅蜜。諸法離前際故。世尊。

bất diệt Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư Pháp ly tiền tế cố 。 Thế tôn 。

Bất diệt Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các pháp lìa tiền tế. Thế tôn,

幻波羅蜜是般若波羅蜜。諸法不生故。世尊。

huyễn Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư Pháp bất sinh cố 。 Thế tôn 。

Huyễn Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các pháp không sinh. Thế tôn,

夢波羅蜜是般若波羅蜜。意識平等故。世尊。

mộng Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 ý thức bình đẳng cố 。 Thế tôn 。

Mộng Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì ý thức bình đẳng. Thế tôn,

不戲波羅蜜是般若波羅蜜。諸戲平等故。

bất hí Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư hí bình đẳng cố 。

Bất hí Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các hí luận bình đẳng.

世尊。不念波羅蜜是般若波羅蜜。諸念不生故。

Thế tôn 。

bất niệm Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư niệm bất sinh cố 。

Thế tôn, Bất niệm Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các niệm không sinh.

世尊。不動波羅蜜是般若波羅蜜。

Thế tôn 。 bất động Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

Thế tôn, Bất động Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật,

法性常住故。世尊離欲波羅蜜是般若波羅蜜。

Pháp tính thường trụ cố 。

Thế tôn ly dục Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

諸法不虛誑故。世尊。不起波羅蜜是般若波羅蜜。

chư Pháp bất hư cuống cố 。

Thế tôn 。 bất khởi Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

諸法無分別故。世尊。

chư Pháp vô phân biệt cố 。

Thế tôn 。

寂滅波羅蜜是般若波羅蜜。諸法相不可得故。世尊。無煩惱波羅蜜。

tịch diệt Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

chư Pháp tướng bất khả đắc cố 。

Thế tôn 。

是般若波羅蜜。諸法無過咎故。世尊。

thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

chư Pháp vô quá cữu cố 。

無眾生波羅蜜。是般若波羅蜜。眾生際不可得故。世尊。

vô chúng sinh Ba-la-mật 。

thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

chúng sinh tế bất khả đắc cố 。

Thế tôn 。

Vô chúng sinh Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì biên tế chúng sinh không thể đắc. Thế tôn,

不斷波羅蜜是般若波羅蜜。諸法不起故。

bất đoạn Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư Pháp bất khởi cố 。

Bất đoạn Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các pháp không khởi.

世尊。無二邊波羅蜜是般若波羅蜜。

Thế tôn 。 vô nhị biên Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

Thế tôn, Vô nhị biên Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật,

諸法無著故。世尊。不異波羅蜜是般若波羅蜜。

chư Pháp Vô trú cố 。

Thế tôn 。 bất dị Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

vì các pháp không dính mắc. Thế tôn, Bất dị Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật,

諸法不和合故。世尊。不著波羅蜜是般若波羅蜜。

chư Pháp bất hòa hợp cố 。

Thế tôn 。 bất trú Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

vì các pháp không hòa hợp. Thế tôn, Bất trú Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật,

不分別聲聞辟支佛地故。世尊。

bất phân biệt thanh văn tích chi Phật địa cố 。

Thế tôn 。

vì không phân biệt Thanh văn, địa Phật Bích Chi. Thế tôn,

不分別波羅蜜是般若波羅蜜。諸分別平等故。世尊。

bất phân biệt Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

chư phân biệt bình đẳng cố 。

Thế tôn 。

Bất phân biệt Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các phân biệt đều bình đẳng. Thế tôn,

無量波羅蜜是般若波羅蜜。量法不生故。世尊。

vô lượng Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

lượng Pháp bất sinh cố 。

Thế tôn 。

Vô lượng Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì pháp đo lường không sinh. Thế tôn,

虛空波羅蜜是般若波羅蜜。諸法無障礙故。世尊。

hư không Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư Pháp Vô chướng ngại cố 。 Thế tôn
。

Hư không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các pháp không chướng ngại. Thế tôn,

不生波羅蜜是般若波羅蜜。諸法不起故。

bất sinh Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư Pháp bất khởi cố 。

Bất sinh Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các pháp không khởi.

世尊。無常波羅蜜是般若波羅蜜。諸法不失故。

Thế tôn 。 vô thường Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư Pháp bất thất cố 。

Thế tôn, Vô thường Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các pháp không mất.

世尊。苦波羅蜜是般若波羅蜜。

Thế tôn 。 khổ Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

Thế tôn, Khổ Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật,

諸法無苦惱故。世尊。無我波羅蜜是般若波羅蜜。

chư Pháp vô khổ não cố 。

Thế tôn 。 vô ngã Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

vì các pháp không khổ não. Thế tôn, Vô ngã Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật,

諸法無所貪著故。世尊。空波羅蜜是般若波羅蜜。

chư Pháp vô sở tham trước cố 。

Thế tôn 。 không Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

vì các pháp không có tham trước. Thế tôn, Không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật,

諸法無所得故。世尊。

chư Pháp vô sở đắc cố 。

Thế tôn 。

vì các pháp vô sở đắc. Thế tôn,

無相波羅蜜是般若波羅蜜諸法相不可得故。世尊。

vô tướng Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật chư Pháp tướng bất khả đắc cố 。 Thế tôn
。

Vô tướng Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì tướng của các pháp không thể đắc. Thế tôn,

無作波羅蜜是般若波羅蜜。諸法無所成故。世尊。

vô tác Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư Pháp vô sở thành cố 。 Thế tôn 。

Vô tác Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các pháp không có thành. Thế tôn,

力波羅蜜是般若波羅蜜。諸法不可破故。世尊。

lực Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư Pháp bất khả phá cố 。 Thế tôn 。

Lực Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các pháp không thể phá. Thế tôn,

無量佛法波羅蜜是般若波羅蜜。過算數法故。世尊。

vô lượng Phật Pháp Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 quá toán số Pháp cố 。 Thế tôn

。

Vô lượng Phật pháp Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì pháp vượt sự tính đếm. Thế tôn,

無所畏波羅蜜是般若波羅蜜。心不沒故。世尊。

vô sở úy Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 tâm bất một cố 。 Thế tôn 。

Vô sở úy Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì tâm không khuất lấp. Thế tôn,

如波羅蜜是般若波羅蜜。諸法不異故。世尊。

như Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư Pháp bất dị cố 。 Thế tôn 。

Như Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các pháp không dị biệt. Thế tôn,

自然波羅蜜是般若波羅蜜。諸法無性故。

tự nhiên Ba-la-mật thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư Pháp Vô tính cố 。

Tự nhiên Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, vì các pháp vô tính.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật

不可思議品第十

không thể nghĩ bàn phẩm đệ thập

Phẩm 10: Không Thể Nghĩ Bàn

爾時釋提桓因作是念。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân tác thị niệm 。

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân nghĩ rằng:

若人得聞般若波羅蜜者。當知是人已曾供養諸佛。

nhược nhân đắc văn Bát-nhã Ba-la-mật giả 。

đương tri thị nhân dĩ tăng cung dưỡng
chư Phật 。

Nếu có người nghe được Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết người này đã từng cúng dường chư Phật,

何況受持讀誦。如所說學如所說行。

hà huống thọ trì đọc tụng 。

như sở thuyết học như sở thuyết hành 。

huống là thọ trì, đọc tụng, tu học như pháp, hành như pháp.

若人聞說深般若波羅蜜。受持讀誦如所說行。

nhược nhân văn thuyết thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

thọ trì đọc tụng như sở thuyết hành
。

Nếu có người nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, thọ trì, đọc tụng, như pháp tu hành,

當知是人已曾多供養佛廣問其義。於過去諸佛。

đương tri thị nhân dĩ tăng đa cung dưỡng Phật quảng vấn kỳ nghĩa 。

ư quá khứ chư
Phật 。

nên biết người này, đã từng cúng dường Phật, hỏi nhiều về nghĩa của nó;

聞深般若波羅蜜。不驚不怖。爾時舍利弗白佛言。世尊。

văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 bất kinh bất phố 。 nhĩ thời Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn
。 Thế tôn 。

nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa ở chư Phật quá khứ mà không kinh sợ. Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật: Thế tôn,

若菩薩摩訶薩。能信解深般若波羅蜜。

nhược Bồ-tát Ma-Ha tát 。 năng tín giải thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể tin hiểu Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa,

當知是菩薩如阿毘跋致。何以故。世尊。

đương tri thị Bồ-tát như A-tì-bạt-trí 。 hà dĩ cố 。

Thế tôn 。

nên biết Bồ-tát này như Không thoái chuyển. Vì sao? Thế tôn,

若人於過去世。不久行深般若波羅蜜。則不能信解。世尊。

nhược nhân ư quá khứ thế 。

bất cửu hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

tắc bất năng tín giải 。

Thế tôn 。

Nếu người ở đời quá khứ không từng hành Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa thì không thể tin hiểu. Thế tôn,

若有誹謗拒逆般若波羅蜜。

nhược hữu phỉ báng cự nghịch Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu có phỉ báng, chống lại Bát-nhã Ba-la-mật,

當知是人久已誹謗拒逆般若波羅蜜。何以故。

đương tri thị nhân cửu dĩ phỉ báng cự nghịch Bát-nhã Ba-la-mật 。

hà dĩ cố 。

nên biết người này đã từng phỉ báng, chống lại Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao?

是人於深般若波羅蜜。無有信心無清淨心。

thị nhân ư thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

vô hữu tín tâm vô thanh tịnh tâm 。

vì người này đối với Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa không có tín tâm, không có tâm thanh tịnh,

亦不問諸佛及諸佛弟子所疑。爾時釋提桓因語舍利弗。

diệc bất vấn chư Phật cập chư Phật đệ-tử sở nghi 。 nhĩ thời thích đề hoàn nhân ngữ Xá-lợi-phất 。

cũng không hỏi chư Phật và các đệ tử về chỗ nghi ngờ. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân nói với Xá-lợi-phất:

是般若波羅蜜甚深。

thị Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm 。

Bát-nhã Ba-la-mật này rất sâu xa.

若不久行菩薩道不能信解。有何可怪。若人敬禮般若波羅蜜。

nhược bất cửu hành Bồ-tát đạo bất năng tín giải 。 hữu hà khả quái 。 nhược nhân kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật 。

Nếu không từng hành đạo Bồ-tát thì không thể tin hiểu, điều này không có gì lạ. Nếu có người kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật,

即是敬禮薩婆若智。舍利弗言。如是如是。憍尸迦。

tức thị kính lễ tát bà nhược trí 。 Xá-lợi-phất ngôn 。 như thị như thị 。 Kiêu-thi-ca 。 tức kính lễ Nhất thiết trí. Xá-lợi-phất nói: Đúng vậy, đúng vậy, Kiêu-thi-ca.

若人敬禮般若波羅蜜。即是敬禮薩婆若智。

nhược nhân kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật 。 tức thị kính lễ tát bà nhược trí 。

Nếu người kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật, tức kính lễ Nhất thiết trí.

從般若波羅蜜生諸佛薩婆若智。

tòng Bát-nhã Ba-la-mật sinh chư Phật tát bà nhược trí 。

Bát-nhã Ba-la-mật sinh ra Nhất thiết trí của chư Phật;

從薩婆若智還生般若波羅蜜。

tòng tát bà nhược trí hoàn sinh Bát-nhã Ba-la-mật 。

từ Nhất thiết trí trí lại sinh ra Bát-nhã Ba-la-mật.

菩薩應如是住般若波羅蜜。應如是習般若波羅蜜。

Bồ-tát ứng như thị trụ Bát-nhã Ba-la-mật 。 ứng như thị tập Bát-nhã Ba-la-mật 。
Bồ-tát nên trụ Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, nên tu tập Bát-nhã Ba-la-mật như vậy.

釋提桓因白佛言。世尊。云何菩薩行般若波羅蜜。

thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 vân hà Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật
。

Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Thế tôn, tại sao Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật

名為住般若波羅蜜。名為習般若波羅蜜。

danh vi trụ Bát-nhã Ba-la-mật 。 danh vi tập Bát-nhã Ba-la-mật 。
gọi là trụ Bát-nhã Ba-la-mật, gọi là tập Bát-nhã Ba-la-mật?

佛告釋提桓因言。善哉善哉憍尸迦。汝能問佛是義。

Phật cáo thích đề hoàn nhân ngôn 。 Thiện tai Thiện tai Kiêu-thi-ca 。 nhữ năng vấn
Phật thị nghĩa 。

Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhân: Lành thay! lành thay! Kiêu-thi-ca, ông có thể hỏi Phật
nghĩa này,

汝所問者皆是佛力。憍尸迦。

nhữ sở vấn giả giai thị Phật lực 。 Kiêu-thi-ca 。
điều được ông hỏi đều là lực của Phật. Kiêu-thi-ca,

若菩薩行般若波羅蜜不住色。若不住色即是習色。

nhược Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật bất trụ sắc 。 nhược bất trụ sắc tức thị tập sắc
。

nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật mà không trụ sắc, nếu không trụ sắc tức là tu tập sắc,

不住受想行識。若不住識即是習識。復次憍尸迦。

bất trụ thọ tưởng hành thức 。 nhược bất trụ thức tức thị tập thức 。 phục thứ Kiêu-thi-ca 。

mà không trụ thọ, tưởng, hành, thức; nếu không trụ thức tức tu tập thức. Lại nữa, Kiêu-thi-ca,

若菩薩不習色。若不習色即不住色。不習受想行識。

nhược Bồ-tát bất tập sắc 。 nhược bất tập sắc tức bất trụ sắc 。 bất tập thọ tưởng hành thức 。

nếu Bồ-tát không tu tập sắc; nếu không tu tập sắc tức không trụ sắc. Không tu tập thọ, tưởng, hành, thức;

若不習識即不住識。如是憍尸迦。

nhược bất tập thức tức bất trụ thức 。 như thị Kiêu-thi-ca 。

nếu không tu tập thức tức không trụ thức. Như vậy, Kiêu-thi-ca.

是名菩薩習般若波羅蜜。住般若波羅蜜。

thị danh Bồ-tát tập Bát-nhã Ba-la-mật 。

Đó gọi là Bồ-tát tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, trụ Bát-nhã Ba-la-mật.

舍利弗白佛言。世尊。般若波羅蜜甚深無量無底。

Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。

Xá-lợi-phất bạch Phật: Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, vô lượng, vô cùng.

佛告舍利弗。若菩薩摩訶薩不住色甚深。

Phật cáo xá-lợi-phất 。

Phật bảo xá-lợi-phất: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát không trụ sắc sâu xa,

是為習色甚深。不住受想行識甚深。是為習識甚深。

thị vi tập sắc thậm thâm 。

tức tu tập sắc sâu xa; không trụ thọ, tưởng, hành, thức sâu xa tức tu tập thức sâu xa.

復次舍利弗。若菩薩摩訶薩不習色甚深。

phục thứ Xá-lợi-phất 。 nhược Bồ-tát Ma-Ha tát bất tập sắc thậm thâm 。

Lại nữa, Xá-lợi-phất. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát không tu tập sắc sâu xa,

是為不住色甚深。不習受想行識甚深。

thị vi bất trụ sắc thậm thâm 。

bất tập thọ tưởng hành thức thậm thâm 。

tức không trụ sắc sâu xa; không tu tập thọ, tưởng, hành, thức sâu xa,

是為不住識甚深。世尊。深般若波羅蜜。

thị vi bất trụ thức thậm thâm 。

Thế tôn 。

thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

tức không trụ thức sâu xa. Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa,

應於阿毘跋致菩薩前說。是人聞是不疑不悔。

ứng ư A-tì-bạt-trí Bồ-tát-tiền-thuyết 。

thị-nhân-văn-thị-bất-nghi-bất-hối 。

nên nói trước Bồ-tát Không thoái chuyển. Người này nghe mà không nghi, hối.

爾時釋提桓因語舍利弗若於未受記菩薩前說當有何

nhĩ-thời-thích-đề-hoàn-nhân-ngữ-Xá-lợi-phất-nhược-ư-vị-thọ-kí-Bồ-tát-tiền-thuyết-đương-hữu-hà

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân nói với Xá-lợi-phất: Nếu nói trước Bồ-tát chưa được thọ ký sẽ có lỗi gì?

咎。憍尸迦。若未受記菩薩。

cữu 。

Kiêu-thi-ca, nếu Bồ-tát chưa được thọ ký,

得聞深般若波羅蜜。當知是菩薩久發大乘心近於受記。

đắc-văn-thâm-Bát-nhã-Ba-la-mật 。

đương-tri-thị-Bồ-tát-cửu-phát-Đại-thừa-tâm-cận-ư-thọ-kí 。

nghe được Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, nên biết Bồ-tát này đã từng phát tâm Đại thừa, sắp được thọ ký;

不久必得受記。若過一佛二佛。

bất cừu tất đắc thọ kí 。 nhược quá nhất Phật nhị Phật 。

không lâu tất được thọ ký. Nếu trải qua một đức Phật, hoặc hai đức Phật,

當得受阿耨多羅三藐三菩提記。佛言。如是如是舍利弗。

đương đắc thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。 Phật ngôn 。 như thị như thị Xá-lợi-phất 。

sẽ được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy, Xá-lợi-phất.

若未受記菩薩。得聞深般若波羅蜜。

nhược vị thọ kí Bồ-tát 。

đắc văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

當知是菩薩久發大乘心。舍利弗白佛言。世尊。

đương tri thị Bồ-tát cừu phát Đại thừa tâm 。

我今當說譬喻。佛言。樂說便說。世尊。

ngã kim đương thuyết thí dụ 。

Phật ngôn 。

譬如求菩薩道者夢坐道場。

thí như cầu Bồ-tát đạo giả mộng tọa đạo trường 。

ví như người cầu đạo Bồ-tát mộng thấy ngồi ở đạo tràng,

知是菩薩當近阿耨多羅三藐三菩提。若求菩薩道者得聞深般若波羅蜜。

tri thị Bồ-tát đương cận a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 nhược cầu Bồ-tát đạo giả
đắc văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

thì biết Bồ-tát này sẽ gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nếu người cầu đạo Bồ-tát
nghe được Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa,

當知是菩薩久發大乘心。善根成就近於受記。

đương tri thị Bồ-tát cửu phát Đại thừa tâm 。 thiện căn thành tựu cận ư thọ kí 。

不久必得受記。佛言。善哉善哉。舍利弗。

bất cửu tất đắc thọ kí 。

汝承佛神力復更說之。世尊。譬如有人欲過險道。

nhữ thừa Phật Thần lực phục canh thuyết chi 。

ông nhờ thần lực Phật lại nói tiếp đi. Thế tôn, ví như có người muốn vượt qua con đường
nguy hiểm,

若百由旬。

nhược bách do-tuần 。

hoặc một trăm do-tuần

若二百若三百若四百若五百由旬。欲出難時先見諸相。若見放牛羊者。

nhược nhị bách nhược tam bách nhược tứ bách nhược ngũ bách do-tuần 。

hoặc hai trăm, hoặc ba trăm, hoặc bốn trăm, hoặc năm trăm do-tuần. Lúc muốn khỏi nạn,
trước hết phải thấy các tướng trạng: hoặc thấy thả trâu, dê;

若見疆界。若見園林。見如是相故。

nhược kiến cương giới 。

hoặc thấy cương giới; hoặc thấy vườn, rừng. Vì thấy các tướng trạng như vậy,

當知此中必有城邑聚落。見是相已作是念。如我所見之相。

đương tri thử trung tất hữu thành ấp tụ lạc 。 kiến thị tướng dĩ tác thị niệm 。 như ngã sở kiến chi tướng 。

nên biết được ở đây chắc chắn có thành ấp, xóm làng. Sau khi thấy được các tướng trạng này, liền nghĩ thế này: như các tướng trạng ta đã thấy,

城邑聚落去此不遠。

thành ấp tụ lạc khứ thử bất viễn 。

thành ấp, xóm làng, cách đây không xa.

其心安隱不復畏有怨家賊害。世尊。菩薩亦如是。

kỳ tâm an ổn bất phục úy hữu oán gia tặc hại 。

Tâm của người này được an ổn, không còn sợ giặc oan gia làm hại. Thế tôn, Bồ-tát cũng như vậy.

若得聞深般若波羅蜜。當知是菩薩近於受記。

nhược đắc văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

Nếu được nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, nên biết Bồ-tát này sắp được thọ ký,

不久必得受記。爾時不畏墮聲聞辟支佛地。何以故。

bất cửu tất đắc thọ ký 。

không lâu tất được thọ ký. Bấy giờ, không sợ rơi vào Thanh văn, địa Phật Bích Chi. Vì sao?

是菩薩得是本相。所謂得見深般若波羅蜜。

thị Bồ-tát đắc thị bản tướng 。

Vì Bồ-tát này được Bản tướng này; đó là, được thấy Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa,

得聞深般若波羅蜜。世尊。譬如有人欲見大海。

đắc văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 Thế tôn 。 thí như hữu nhân dục kiến Đại hải 。
được nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa. Thế tôn, ví như có người muốn thấy biển lớn,

稍稍前行若見樹若樹相。若見山若山相。

sảo xảo tiền hành nhược kiến thụ nhược thụ tướng 。 nhược kiến sơn nhược sơn
tướng 。

từ từ đi về phía trước, nếu thấy cây, hình ảnh của cây, thấy núi, hình ảnh của núi,

當知是中去海尚遠。若不見樹無樹相。

đương tri thị trung khứ hải thượng viễn 。 nhược bất kiến thụ vô thụ tướng 。

thì biết là từ đây biển còn cách xa. Nếu không thấy cây, không có hình ảnh của cây,

不見山無山相。當知大海去是不遠。

bất kiến sơn vô sơn tướng 。

đương tri Đại hải khứ thị bất viễn 。

không thấy núi, không có hình ảnh của núi, thì biết là biển lớn cách đây không xa.

大海深故無有山樹。是人雖不見海知必近之。世尊。

Đại hải thâm cố vô hữu sơn thụ 。

thị nhân tuy bất kiến hải tri tất cận chi 。

Thế tôn

Vì biển thì sâu nên không có núi, cây. Người này mặc dù không thấy biển nhưng biết chắc gần đến nơi. Thế tôn,

菩薩亦如是。得聞深般若波羅蜜。

Bồ-tát diệc như thị 。

đắc văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bồ-tát cũng như vậy. Nghe được Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa,

雖未於現在諸佛前受記。自知必近阿耨多羅三藐三菩提。

tuy vị ư hiện tại chư Phật tiền thọ kí 。

tự tri tất cận a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề

tuy chưa đến được trước chư Phật để được thọ ký, nhưng tự biết chắc chắn gần với Vô
thượng Chính đẳng Chính giác.

何以故。我得見聞供養深般若波羅蜜故。世尊。

hà dĩ cố 。 ngã đắ kiến văn cung dưỡng thâm Bát-nhã Ba-la-mật cố 。 Thế tôn 。
Vì sao? Vì con được thấy, được nghe, được cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa. Thế
tôn,

譬如春時樹葉零落。

thí như xuân thời thụ diệp linh lạc 。

ví như vào mùa xuân, lá cây rơi rụng,

當知此樹華葉果實將生不久。何以故。本相現故。闍浮提人見樹本相。

đương tri thử thụ hoa diệp quả thật tướng sinh bất cửu 。

thì biết không lâu nữa cây này thực sự sẽ ra hoa, lá, quả. Vì sao? Vì bản tướng hiển hiện.
Người cõi Diêm-phù-đề thấy bản tướng của cây,

皆悉歡喜作是念。是樹不久當生華葉果實。

giai tất hoan hỉ tác thị niệm 。

đều rất vui mừng, nghĩ thế này: không lâu nữa, cây này thực sự sẽ ra hoa, lá, quả.

世尊。菩薩亦如是。

Thế tôn 。

Thế tôn, Bồ-tát cũng như vậy.

若得見聞深般若波羅蜜當知是菩薩善根成就宿世善根因緣故。

nhược đắ kiến văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật đương tri thị Bồ-tát thiện căn thành tựu tú
thế thiện căn nhân duyên cố 。

Nếu được thấy, nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, nên biết thiện căn Bồ-tát này thành tựu,
vì nhờ nhân duyên thiện căn kiếp trước,

今得深般若波羅蜜。

kim đặc thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。
nay được nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa;

會中曾有見佛諸天皆大歡喜作是念。先諸菩薩亦有如是受記本相。

hội trung tăng hữu kiến Phật chư Thiên giai Đại hoan hỷ tác thị niệm 。 tiên chư Bồ-tát
diệc hữu như thị thọ kí bốn tướng 。

trong chúng hội từng đã thấy Phật, chư Thiên, đều rất hoan hỷ, nghĩ thế này: trước kia các
Bồ-tát cũng có bốn tướng thọ ký như vậy.

是菩薩不久當得受阿耨多羅三藐三菩提

thị Bồ-tát bất cửu đương đắc thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề

Không lâu nữa Bồ-tát này sẽ được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

記。世尊。譬如女人懷妊。

kí 。 Thế tôn 。 thí như nữ nhân hoài nhâm 。

Thế tôn, ví như người nữ đang mang thai,

轉轉不便身體疲極。不樂事務眠臥不安。食飲轉少苦惱在身。

chuyển chuyển bất tiện thân thể bì cực 。 bất lạc sự vụ miên ngoạ bất an 。 thực ẩm
chuyển thiếu khổ não tại thân 。

đi lại bất tiện, thân thể mệt mỏi, không thích làm việc, nằm ngồi không yên, ăn uống ít lại,
nơi thân khổ não,

不欲語言厭本所習。不復憶樂。本相現故。

bất dục ngữ ngôn厭 bản sở tập 。 bất phục ức lạc 。 bốn tướng hiện cố 。

không muốn nói năng, chán việc hằng ngày, lại không muốn cười. Vì bốn tướng hiện bày,

當知是女將產不久。菩薩善根成就亦復如是。

đương tri thị nữ tướng sản bất cửu 。 Bồ-tát thiện căn thành tựu diệc phục như thị 。

nên biết người nữ này không lâu nữa sẽ sinh. Bồ-tát thành tựu thiện căn cũng như vậy.

若得見聞思惟深般若波羅蜜。

nhược đắc kiến văn tư duy thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

Nếu được thấy, nghe, suy tư Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa,

當知是菩薩不久得受阿耨多羅三藐三菩提記。佛言。

đương tri thị Bồ-tát bất cửu đắc thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。

Phật ngôn 。

nên biết không lâu nữa Bồ-tát này sẽ được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Phật dạy:

善哉善哉舍利弗。汝所樂說者皆佛神力。

Thiện tai Thiện tai Xá-lợi-phất 。

nhĩ sở lạc thuyết giả giai Phật Thần lực 。

爾時須菩提白佛言。希有世尊。

nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。

hi hữu Thế tôn 。

如來善說諸菩薩事。須菩提。是諸菩薩摩訶薩長夜多所利益。

Như-Lai thiện thuyết chư Bồ-tát sự 。

Tu-bồ-đề 。

多所安隱多所安樂。憐愍世間。

đa sở an ổn đa sở an lạc 。

liên mãn thế gian 。

得阿耨多羅三藐三菩提。為諸天人演說法要。

đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

vi chư Thiên nhân diễn thuyết Pháp yếu 。

須菩提白佛言。世尊。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

菩薩摩訶薩云何得具足修習行般若波羅蜜。須菩提。

Bồ-tát Ma-Ha tát vân hà đắc cụ túc tu tập hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát làm thế nào có đủ sự tu tập, hành Bát-nhã Ba-la-mật? Tu-bồ-đề,

若菩薩摩訶薩行般若波羅蜜。不見色增是為行般若波羅蜜。

nhược Bồ-tát Ma-Ha tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

bất kiến sắc tăng thêm thị vi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy sắc tăng thì đó là hành Bát-nhã Ba-la-mật;

不見受想行識增。是為行般若波羅蜜。

bất kiến thọ tưởng hành thức tăng thêm 。

thị vi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

không thấy thọ, tưởng, hành, thức tăng thì đó là hành Bát-nhã Ba-la-mật;

不見色減是為行般若波羅蜜。不見受想行識減。

bất kiến sắc giảm thị vi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

bất kiến thọ tưởng hành thức giảm 。

không thấy sắc giảm thì đó là hành Bát-nhã Ba-la-mật; không thấy thọ, tưởng, hành, thức giảm

是為行般若波羅蜜。乃至不見法不見非法。

thị vi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

nãi chí bất kiến Pháp bất kiến phi Pháp 。

thì đó là hành Bát-nhã Ba-la-mật; cho tới không thấy pháp, không thấy phi pháp,

是為行般若波羅蜜。世尊。如佛所說不可思議。

thị vi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Thế tôn 。

như Phật sở thuyết không thể nghĩ bàn 。

thì đó là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Thế tôn, pháp được Phật thuyết là không thể nghĩ bàn.

須菩提。色不可思議。受想行識不可思議。

Tu-bồ-đề 。 sắc không thể nghĩ bàn 。 thọ tưởng hành thức không thể nghĩ bàn 。

Tu-bồ-đề, sắc là không thể nghĩ bàn; thọ, tưởng, hành, thức là không thể nghĩ bàn.

若菩薩不分別色不可思議。

nhược Bồ-tát bất phân biệt sắc không thể nghĩ bàn 。

Nếu Bồ-tát không phân biệt sắc không thể nghĩ bàn,

不分別受想行識不可思議。是為行般若波羅蜜。世尊。

bất phân biệt thọ tưởng hành thức không thể nghĩ bàn 。

thị vi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Thế tôn 。

không phân biệt thọ, tưởng, hành, thức không thể nghĩ bàn, thì đó là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Thế tôn,

般若波羅蜜如是誰能信解。須菩提。若久行菩薩道者。

Bát-nhã Ba-la-mật như thị thùy năng tín giải 。

Tu-bồ-đề 。

nhược cứu hành Bồ-tát đạo giả 。

ai có thể tin hiểu Bát-nhã Ba-la-mật như thế? Tu-bồ-đề, nếu là người đã hành đạo Bồ-tát từ lâu.

世尊。云何菩薩得名久行。須菩提。

Thế tôn 。

vân hà Bồ-tát đắc danh cứu hành 。

Tu-bồ-đề 。

Thế tôn, Bồ-tát được gọi là đã hành từ lâu là thế nào? Tu-bồ-đề,

若菩薩行般若波羅蜜。不分別佛十力四無所畏。

nhược Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

bất phân biệt Phật thập lực tứ vô sở úy 。

nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không phân biệt mười Lực, bốn Vô sở úy của Phật,

乃至不分別薩婆若。是名久行。何以故。

nãi chí bất phân biệt tát bà nhược 。 thị danh cứu hành 。 hà dĩ cố 。
cho đến không phân biệt Nhất thiết trí thì gọi là đã hành từ lâu. Vì sao?

佛十力不可思議。四無所畏十八不共法不可思議。

Phật thập lực không thể nghĩ bàn 。 tứ vô sở úy thập bát bất cộng Pháp không thể nghĩ bàn 。

Vì mười Lực của Phật là không thể nghĩ bàn, bốn Vô sở úy, mười tám Pháp bất cộng là không thể nghĩ bàn,

乃至薩婆若不可思議。色不可思議。

nãi chí tát bà nhược không thể nghĩ bàn 。 sắc không thể nghĩ bàn 。

cho đến Nhất thiết trí là không thể nghĩ bàn; sắc là không thể nghĩ bàn,

受想行識不可思議。一切法亦不可思議。

thọ tưởng hành thức không thể nghĩ bàn 。 nhất thiết Pháp diệc không thể nghĩ bàn 。

thọ, tưởng, hành, thức là không thể nghĩ bàn; tất cả các pháp cũng là không thể nghĩ bàn.

菩薩如是行者。是名無處所行而行般若波羅蜜。

Bồ-tát như thị hành giả 。 thị danh vô xử sở hạnh nhi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bồ-tát hành như vậy gọi là không có chỗ hành mà hành Bát-nhã Ba-la-mật.

是故名為久行。世尊般若波羅蜜甚深。

thị cố danh vi cứu hành 。 Thế tôn Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm 。

Vì vậy, gọi là đã hành từ lâu. Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật thật sâu xa,

般若波羅蜜是珍寶聚如虛空清淨。希有世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật thị trân bảo tụ như hư không thanh tịnh 。 hi hữu Thế tôn 。

Bát-nhã Ba-la-mật là nhóm trân bảo như hư không thanh tịnh. Hiếm có, Thế tôn.

般若波羅蜜多起留難。若欲書寫者。

Bát-nhã Ba-la-mật đa khởi lưu nan 。 nhược dục thư tả giả 。

Bát-nhã Ba-la-mật thật khó phát khởi, giữ gìn. Nếu muốn biên chép,

乃至一歲當疾書成。佛言。如是如是。須菩提。

nãi chí nhất tuế đương tậi thư thành 。 Phật ngôn 。 như thị như thị 。 Tu-bồ-đề 。
thì trong một năm mới sớm chép xong. Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy. Tu-bồ-đề,

若善男子善女人。

nhược thiện nam tử Thiện nữ nhân Nhân 。

nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

欲書寫讀誦如所說行般若波羅蜜乃至一歲當疾疾為之。須菩提。

dục thư tả độc tụng như sở thuyết hành Bát-nhã Ba-la-mật nãi chí nhất tuế đương tậi
tậi vi chi 。 Tu-bồ-đề 。

muốn biên chép, đọc tụng, như pháp hành Bát-nhã Ba-la-mật, thì hãy nhanh chóng mà
làm trong vòng một năm. Tu-bồ-đề,

珍寶法多有怨賊。世尊。般若波羅蜜。惡魔常欲伺求斷絕。

trân bảo Pháp đa hữu oán tặc 。 Thế tôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật 。 ác Ma thường dục
tý cầu đoạn tuyệt 。

Pháp trân bảo có nhiều oán tặc. Thế tôn, Ác ma thường muốn tìm cách đoạn tuyệt Bát-
nhã Ba-la-mật.

須菩提。惡魔雖欲伺求斷絕亦不能得。

Tu-bồ-đề 。 ác Ma tuy dục tý cầu đoạn tuyệt diệt bất năng đắc 。

Tu-bồ-đề, dù Ác ma muốn tìm cách đoạn tuyệt cũng không thể làm được.

舍利弗白佛言。世尊。誰神力故。

Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 thùi Thần lực cố 。

Xá-lợi-phất bạch Phật: Thế tôn, nhờ thần lực của ai mà

惡魔不能留難般若波羅蜜。舍利弗。佛神力故惡魔不能留難。

ác Ma bất năng lưu nan Bát-nhã Ba-la-mật 。 Xá-lợi-phất 。 Phật Thần lực cố ác Ma bất năng lưu nan 。

Ác ma không thể gây chướng nạn Bát-nhã Ba-la-mật? Xá-lợi-phất, nhờ thần lực Phật nên Ác ma không thể gây chướng nạn.

舍利弗。亦是十方無量世界現在諸佛神力故。

Xá-lợi-phất 。 diệc thị thập phương vô lượng thế giới hiện tại chư Phật Thần lực cố 。

Xá-lợi-phất, cũng nhờ thần lực chư Phật hiện tại trong mười phương vô lượng thế giới này,

惡魔不能留難。諸佛皆共護念是菩薩故。

ác Ma bất năng lưu nan 。

chư Phật giai cộng hộ niệm thị Bồ-tát cố 。

mà Ác ma không thể gây chướng nạn. Vì chư Phật đều cùng hộ niệm Bồ-tát này,

惡魔不能得便。何以故。舍利弗。

ác Ma bất năng đắc tiện 。

hà dĩ cố 。

Xá-lợi-phất 。

nên Ác ma không thể có cơ hội. Vì sao? Xá-lợi-phất,

菩薩為諸佛所護者。法應無有留難。何以故舍利弗。

Bồ-tát vi chư Phật sở hộ giả 。

Pháp ứng vô hữu lưu nan 。

hà dĩ cố Xá-lợi-phất 。

Bồ-tát được chư Phật bảo vệ, nên Pháp cũng không bị chướng nạn. Vì sao? Xá-lợi-phất,

若人書寫讀誦說般若波羅蜜。

nhược nhân thư tả độc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu người biên chép, đọc tụng và nói Bát-nhã Ba-la-mật,

十方無量阿僧祇現在諸佛法應護念。若有誦般若波羅蜜。

thập phương vô lượng a tăng thêm kì hiện tại chư Phật Pháp ứng hộ niệm 。

nhược hữu tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。

thì vô lượng a-tăng-kỳ chư Phật hiện tại trong mười phương đều hộ niệm Pháp. Nếu có tụng Bát-nhã Ba-la-mật,

當知是菩薩佛護念故能誦通利。世尊。

đương tri thị Bồ-tát Phật hộ niệm cố năng tụng thông lợi 。 Thế tôn 。
thì nên biết Bồ-tát này, vì được Phật hộ niệm nên có thể tụng lưu loát. Thế tôn,

善男子善女人能受持讀誦般若波羅蜜。

thiện nam tử Thiện nữ nhân Nhân năng thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。
Thiện nam tử, Thiện nữ nhân có thể thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật,

當知是人佛眼所見。舍利弗。若善男子善女人。

đương tri thị nhân Phật nhãn sở kiến 。 Xá-lợi-phất 。 nhược thiện nam tử Thiện nữ
nhân Nhân 。
nên biết người này được mắt Phật nhìn thấy. Xá-lợi-phất, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ
nhân

能受持讀誦般若波羅蜜乃至書寫。

năng thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật nãi chí thư tả 。
có thể thọ trì, đọc tụng cho đến biên chép Bát-nhã Ba-la-mật,

當知是人佛眼所見。舍利弗。若求佛道善男子善女人。

đương tri thị nhân Phật nhãn sở kiến 。 Xá-lợi-phất 。 nhược cầu Phật đạo thiện nam
tử Thiện nữ nhân Nhân 。
nên biết người này được mắt Phật nhìn thấy. Xá-lợi-phất, nếu vì cầu Phật đạo mà Thiện
nam tử, Thiện nữ nhân

受持讀誦般若波羅蜜。則近阿耨多羅三藐三菩提。

thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。 tắc cận a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。
thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật, tức đến gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

乃至自書若使人書。書已受持讀誦。

nãi chí tự thư nhược sử nhân thư 。 thư dĩ thọ trì đọc tụng 。

cho tới tự mình biên chép hoặc khuyến khích người khác biên chép; chép xong lại thọ trì, đọc tụng,

以是因緣其福甚多。舍利弗。

dĩ thị nhân duyên kỳ phúc thậm đa 。 Xá-lợi-phất 。
nhờ nhân duyên này mà phước đức họ rất nhiều. Xá-lợi-phất,

如來滅後般若波羅蜜。當流布南方。從南方流布西方。

Như-Lai diệt hậu Bát-nhã Ba-la-mật 。 đương lưu bố Nam phương 。 tòng Nam phương lưu bố Tây phương 。

sau khi Như lai diệt độ, Bát-nhã Ba-la-mật sẽ được lưu bố ở phương Nam; từ phương Nam lưu bố đến phương Tây;

從西方流布北方。舍利弗。我法盛時無有滅相。

tòng Tây phương lưu bố Bắc phương 。 Xá-lợi-phất 。 ngã Pháp thịnh thời vô hữu diệt tướng 。

từ phương Tây lưu bố đến phương Bắc. Xá-lợi-phất, lúc pháp của Ta thịnh hành thì không có tướng diệt.

北方若有乃至書寫受持供養般若波羅蜜者。

Bắc phương nhược hữu nãi chí thư tả thọ trì cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật giả 。

Ở phương Bắc, nếu có người biên chép, thọ trì, cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật,

是人亦為佛眼所見所知所念。舍利弗白佛言。

thị nhân diệc vi Phật nhãn sở kiến sở tri sở niệm 。

Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。

thì người này cũng được mắt Phật nhìn thấy, được biết đến, được nhớ đến. Xá-lợi-phất bạch Phật:

世尊。後五百歲時。

Thế tôn 。 hậu ngũ bách tuế thời 。

Thế tôn, năm trăm năm sau,

般若波羅蜜當廣流布北方耶。舍利弗。後五百歲當廣流布北方。

Bát-nhã Ba-la-mật đương quảng lưu bố Bắc phương da 。 Xá-lợi-phất 。 hậu ngũ bách tuế đương quảng lưu bố Bắc phương 。

Bát-nhã Ba-la-mật có được lưu bố rộng rãi ở phương Bắc không? Xá-lợi-phất, năm trăm năm sau sẽ được lưu bố rộng rãi ở phương Bắc.

其中善男子善女人。聞般若波羅蜜。受持讀誦修習。

kỳ trung thiện nam tử Thiện nữ nhân Nhân 。 văn Bát-nhã Ba-la-mật 。 thọ trì đọc tụng tu tập 。

Ở đó Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nghe được Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, tu tập,

當知久發阿耨多羅三藐三菩提心。世尊。

đương tri cửu phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm 。 Thế tôn 。

nên biết người này từ lâu đã phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thế tôn,

北方當有幾所菩薩能受持讀誦修習般若波羅

Bắc phương đương hữu ki sở Bồ-tát năng thọ trì đọc tụng tu tập Bát-nhã ba la ở phương Bắc sẽ có bao nhiêu Bồ-tát có thể thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát-nhã Ba-la-mật?

蜜。舍利弗。

mật 。 Xá-lợi-phất 。

Xá-lợi-phất,

北方雖多有菩薩能讀聽受般若波羅蜜。少能誦利修習行者。

Bắc phương tuy đa hữu Bồ-tát năng đọc thính thọ Bát-nhã Ba-la-mật 。 thiểu năng tụng lợi tu tập hành giả 。

dù ở phương Bắc có nhiều Bồ-tát có thể tụng, nghe, thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, nhưng ít người tụng đọc lưu loát, tu tập, hành.

是人得聞亦不驚不怖。是人曾已見佛諮請問難。

thị nhân đắc văn diệt bất kinh bất phố 。 thị nhân tăng dĩ kiến Phật ti thỉnh vấn nan
。

Người này nghe được cũng không kinh sợ. Người này đã từng thấy Phật, từng thưa hỏi,
thắc mắc;

當知是人為能具足行菩薩道。

đương tri thị nhân vi năng cụ túc hành Bồ-tát đạo 。

nên biết người này có thể hành đầy đủ đạo Bồ-tát,

為阿耨多羅三藐三菩提故。能利益無量眾生。何以故。舍利弗。

vi a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề cố 。

Xá-lợi-phất 。

vì Vô thượng Chính đẳng Chính giác mà có thể làm lợi ích vô lượng chúng sinh. Vì sao?

Xá-lợi-phất,

我為是善男子善女人。說應薩婆若法。是人轉身。

ngã vi thị thiện nam tử Thiện nữ nhân Nhân 。

Ta vì Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này, thuyết pháp Nhất thiết trí. Người này chuyển thân,

亦復樂說阿耨多羅三藐三菩提。一心和同。

diệc phục lạc thuyết a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

cũng lại muốn thuyết Vô thượng Chính đẳng Chính giác, hòa đồng một tâm,

乃至魔王不能壞其阿耨多羅三藐三菩提

nãi chí Ma Vương bất năng hoại kỳ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề

ngay cả Ma vương cũng không thể phá hoại tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác của
người này.

心。是人聞般若波羅蜜。心大歡喜心得清淨。

tâm 。

Người này nghe Bát-nhã Ba-la-mật, tâm rất hoan hỷ, tâm được thanh tịnh,

令多眾生種阿耨多羅三藐三菩提善根。

lệnh đa chúng sinh chủng a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thiện căn 。

khiến cho nhiều chúng sinh trồng được thiện căn Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

是善男子善女人。於我前作是言。

thị thiện nam tử Thiện nữ nhân Nhân 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này ở trước mặt Ta, nói thế này:

我等行菩薩道。常當以法示教利喜無量百千萬眾生。

ngã đẳng hành Bồ-tát đạo 。

Chúng con hành đạo Bồ-tát, thường lấy Pháp để chỉ bày, giáo hóa, làm lợi ích, hoan hỷ cho vô lượng trăm ngàn vạn chúng sinh,

令住阿耨多羅三藐三菩提。舍利弗。

lệnh trụ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

khiến trụ Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Xá-lợi-phất,

我觀其心則生隨喜。是人行菩薩道。

ngã quán kỳ tâm tắc sinh tùy hỷ 。

Ta thấy tâm họ liền sinh tùy hỷ. Người này hành đạo Bồ-tát,

當以法示教利喜無量百千萬眾生。

đương dĩ Pháp kì giáo lợi hỷ vô lượng bách thiên vạn chúng sinh 。

nên lấy Pháp để chỉ bày, giáo hóa, làm lợi ích, hoan hỷ cho vô lượng trăm ngàn vạn chúng sinh,

令住阿耨多羅三藐三菩提。如是善男子善女人。

lệnh trụ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 như thị thiện nam tử Thiện nữ nhân Nhân
。

khiến trụ Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thiện nam tử, Thiện nữ nhân như vậy,

心樂大乘願生他方現在佛前說法之處。

tâm lạc Đại thừa nguyện sinh tha phương hiện tại Phật tiền thuyết Pháp chi xử 。
tâm vui với Đại Thừa, nguyện sinh về phương kia, ở trước Phật, nơi có thuyết pháp.

於彼續復廣聞說般若波羅蜜。於彼佛土。

ư bỉ tục phục quảng văn thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。 ư bỉ Phật thổ 。

Ở đó lại tiếp tục nghe thuyết Bát-nhã Ba-la-mật. Ở nước Phật đó,

亦復以法示教利喜無量百千萬眾生。令住阿耨多羅三藐三菩提。

diệc phục dĩ Pháp kì giáo lợi hỷ vô lượng bách thiên vạn chúng sinh 。 lệnh trụ a nậu
đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

cũng lại lấy Pháp chỉ bày, giáo hóa, làm lợi ích, hoan hỷ cho vô lượng trăm ngàn vạn
chúng sinh, khiến trụ Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

舍利弗白佛言。希有世尊。

Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。 hi hữu Thế tôn 。

Xá-lợi-phất bạch Phật: Hiếm có, Thế tôn.

如來於過去未來現在諸法。無法不知無法不識。如來於未來世。

Như-Lai ư quá khứ vị lai hiện tại chư Pháp 。 vô Pháp bất tri vô Pháp bất thức 。 Như-
Lai ư vị lai thế 。

Như lai đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, không pháp nào chẳng biết, không pháp
nào chẳng hay. Như lai ở đời vị lai,

諸菩薩以多欲多精進。勤求般若波羅蜜。

chư Bồ-tát dĩ đa dục đa tinh tấn 。 tinh cần cầu Bát-nhã Ba-la-mật 。

có các Bồ-tát, nhờ nhiều mong muốn, nhiều tinh tấn, mà siêng năng cầu Bát-nhã Ba-la-mật;

是善男子善女人。有求而得有不求而得。

thị thiện nam tử Thiện nữ nhân Nhân 。 hữu cầu nhi đắc hữu bất cầu nhi đắc 。
Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này, có cầu mà được, không cầu mà được,

如來悉知。舍利弗。多有善男子善女人。

Như-Lai tất tri 。 Xá-lợi-phất 。 đa hữu thiện nam tử Thiện nữ nhân Nhân 。
Như lai đều biết. Xá-lợi-phất, có nhiều Thiện nam tử, Thiện nữ nhân,

精進不懈故。般若波羅蜜不求而得。世尊。

tinh tấn bất giải cố 。 Bát-nhã Ba-la-mật bất cầu nhi đắc 。 Thế tôn 。
vì siêng năng, không biếng nhác nên không cầu mà lại được Bát-nhã Ba-la-mật. Thế tôn,

是善男子善女人。餘經應六波羅蜜者。亦不求而得耶。

thị thiện nam tử Thiện nữ nhân Nhân 。 dư Kinh ứng lục ba la mật giả 。 diệc bất cầu
nhi đắc da 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này đối với sáu Ba-la-mật của các kinh khác cũng không
cầu mà được sao?

舍利弗。若有餘應諸波羅蜜深經。

Xá-lợi-phất 。 nhược hữu dư ứng chư Ba-la-mật thâm Kinh 。

Xá-lợi-phất, nếu có các kinh Ba-la-mật sâu xa khác,

是善男子善女人。亦不求而得。何以故。舍利弗。法應爾。

thị thiện nam tử Thiện nữ nhân Nhân 。 diệc bất cầu nhi đắc 。 hà dĩ cố 。 Xá-lợi-phất
。 Pháp ứng nhĩ 。

thì Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này cũng không cầu mà được. Vì sao? Xá-lợi-phất, Pháp
vốn như vậy.

若有菩薩為諸眾生。

nhược hữu Bồ-tát vi chư chúng sinh 。

Nếu có Bồ-tát, vì các chúng sinh,

示教利喜阿耨多羅三藐三菩提。亦自於中學。是人轉身。

kì giáo lợi hỉ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

diệc tự ư trung học 。

thị nhân chuyển thân 。

chỉ bày, giáo hóa, làm lợi ích, hoan hỷ Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cũng tự mình học trong đó, thì người này chuyển thân,

應諸波羅蜜深經亦不求而得。

ứng chư Ba-la-mật thâm Kinh diệc bất cầu nhi đắc 。

đối với các kinh Ba-la-mật sâu xa khác, cũng không cầu mà đắc.

小品般若波羅蜜經

tiểu phẩm Bát-nhã Ba-la-mật Kinh

Kinh Tiểu Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật

卷第五

quyển đệ ngũ

Quyển V

魔事品第十一

Ma sự phẩm đệ thập nhất

Phẩm 11: Việc Ma

爾時須菩提白佛言。世尊。

nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn

已說善男子善女人功德。云何起留難。須菩提。

dĩ thuyết thiện nam tử Thiện Nữ Nhân công đức 。 vân hà khởi lưu nan 。 Tu-bồ-đề 。
đã nói về công đức của Thiện nam tử, Thiện nữ nhân. Sự sinh khởi trì trệ, khó khăn là thế
nào? Tu-bồ-đề,

若說法者不即樂說。菩薩當知是為魔事。復次須菩提。

nhược thuyết Pháp giả bất tức lạc thuyết 。 Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。 phục thứ
Tu-bồ-đề 。

nếu người thuyết pháp không phải vì thích mà nói, Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Lại nữa,
Tu-bồ-đề,

說法者樂說不止。菩薩當知是為魔事。須菩提。

thuyết Pháp giả lạc thuyết bất chỉ 。 Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。 Tu-bồ-đề 。

người thuyết pháp thích nói không ngừng nghỉ, Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Tu-bồ-đề,

說法者說不究竟。菩薩當知是為魔事。須菩提。

thuyết Pháp giả thuyết bất cứu cánh 。 Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。 Tu-bồ-đề 。

người thuyết pháp nói không rốt ráo, Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Tu-bồ-đề,

書讀誦說般若波羅蜜時傲慢自大。

thư độc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật thời ngạo mạn tự Đại 。

lúc biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật mà ngạo mạn, tự cao,

菩薩當知是為魔事。須菩提。

Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。 Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Tu-bồ-đề,

書讀誦說般若波羅蜜時。互相嗤笑。菩薩當知是為魔事。

thư độc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật thời 。 hữ tương xuy tiếu 。 Bồ-tát đương tri thị vi
Ma sự 。

lúc biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật mà nói cười với nhau, Bồ-tát nên
biết đó là việc Ma.

須菩提書讀誦說般若波羅蜜時。互相輕蔑。

Tu-bồ-đề thư đọc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật thời 。 hễ tương khinh miệt 。
Tu-bồ-đề, lúc biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật mà cùng nhau khinh
chê,

菩薩當知是為魔事。須菩提。書讀誦說般若波羅蜜時。

Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。 Tu-bồ-đề 。 thư đọc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật thời
。

Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Tu-bồ-đề, lúc biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-
la-mật

其心散亂。菩薩當知是為魔事須菩提。

kỳ tâm tán loạn 。 Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự Tu-bồ-đề 。
mà tâm tán loạn, Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Tu-bồ-đề,

書讀誦說般若波羅蜜時。心不專一。

thư đọc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật thời 。 tâm bất chuyên nhất 。
lúc biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật mà tâm không chuyên nhất,

菩薩當知是為魔事。須菩提。行者作是念。

Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。 Tu-bồ-đề 。 hành giả tác thị niệm 。
Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Tu-bồ-đề, hành giả nghĩ rằng:

我於般若波羅蜜不得氣味。從座而去。菩薩當知是為魔事。

ngã ư Bát-nhã Ba-la-mật bất đắc khí vị 。 tòng tọa nhi khứ 。 Bồ-tát đương tri thị vi
Ma sự 。

ta không nếm được hương vị ở Bát-nhã Ba-la-mật, bèn từ chỗ ngồi bỏ đi, Bồ-tát nên biết
đó là việc Ma.

須菩提。行者作是念。

Tu-bồ-đề 。 hành giả tác thị niệm 。

Tu-bồ-đề, hành giả nghĩ rằng:

我於般若波羅蜜中無有受記。心不清淨從座而去。

ngã ư Bát-nhã Ba-la-mật trung vô hữu thọ ký 。 tâm bất thanh tịnh tòng tọa nhi khứ 。

ở nơi Bát-nhã Ba-la-mật ta không được thọ ký, tâm không thanh tịnh, bèn từ chỗ ngồi bỏ đi,

菩薩當知是為魔事。須菩提。行者作是念。

Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。

Tu-bồ-đề 。

hành giả tác thị niệm 。

Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Tu-bồ-đề, hành giả nghĩ rằng:

般若波羅蜜中不說我名心不清淨。菩薩當知是為魔事。須菩提。

Bát-nhã Ba-la-mật trung bất thuyết ngã danh tâm bất thanh tịnh 。

Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。

Tu-bồ-đề 。

trong Bát-nhã Ba-la-mật không nói đến tên Ngã, tâm không thanh tịnh, Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Tu-bồ-đề,

行者作是念。般若波羅蜜中不說我生處。

hành giả tác thị niệm 。

Bát-nhã Ba-la-mật trung bất thuyết ngã sinh xứ 。

hành giả nghĩ rằng: trong Bát-nhã Ba-la-mật không nói chỗ sinh ra Ngã,

若城邑聚落。以是因緣不樂聞說般若波羅蜜。

nhược thành ấp tụ lạc 。

dĩ thị nhân duyên bất lạc văn thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

như thành, ấp, xóm, làng; vì nhân duyên này nên không thích nghe thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật,

便棄捨去。隨所起念輒却若干劫數。

tiện khí xả khứ 。

tùy sở khởi niệm triếp khước nhược can kiếp số 。

liền bỏ đi. Theo niệm khởi mà bỏ đi, qua biết bao kiếp

乃復還得修菩薩道。菩薩當知是為魔事。

nãi phục hoàn đắc tu Bồ-tát đạo 。 Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。
mới lại được tu đạo Bồ-tát, Bồ-tát nên biết đó là việc Ma.

復次須菩提。諸經不能至薩婆若者。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 chư Kinh bất năng chí tát bà nhược giả 。
Lại nữa, Tu-bồ-đề, các kinh không thể đạt đến Nhất thiết trí.

菩薩捨般若波羅蜜而讀誦之。是菩薩則為捨本而取枝葉。

Bồ-tát xả Bát-nhã Ba-la-mật nhi đọc tụng chi 。 thị Bồ-tát tắc vi xả bản nhi thủ chi
diệp 。

Bồ-tát bỏ Bát-nhã Ba-la-mật mà tụng đọc các kinh này, thì Bồ-tát này bỏ gốc mà lấy cành
lá.

何以故。是菩薩因般若波羅蜜。

hà dĩ cố 。 thị Bồ-tát nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。

Vì sao? Bồ-tát này nhờ Bát-nhã Ba-la-mật,

能成就世間出世間法。學般若波羅蜜。能學世間出世間法。

năng thành tựu thế gian xuất thế gian Pháp 。 học Bát-nhã Ba-la-mật 。 năng học thế
gian xuất thế gian Pháp 。

có thể thành tựu pháp thế gian, xuất thế gian. Học Bát-nhã Ba-la-mật tức có thể học pháp
thế gian, xuất thế gian.

若捨般若波羅蜜。菩薩當知是為魔事。

nhược xả Bát-nhã Ba-la-mật 。 Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。

Nếu bỏ Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát nên biết đó là việc Ma,

須菩提。譬如有狗捨主所與食分反從作務者索。

Tu-bồ-đề 。 thí như hữu cẩu xả chủ sở dĩ thực phân phản tòng tác vụ giả tác 。

Tu-bồ-đề, ví như có con chó bỏ thức ăn người chủ cho mà chạy theo việc khác.

如是須菩提當來世或有菩薩。

như thị Tu-bồ-đề đương lai thế hoặc hữu Bồ-tát。

Như vậy, Tu-bồ-đề, đến đời vị lai hoặc có Bồ-tát

捨深般若波羅蜜反取餘聲聞辟支佛經。

xả thâm Bát-nhã Ba-la-mật phản thủ dư thanh văn Bích chi Phật Kinh。

bỏ Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa mà chấp lấy các kinh Thanh văn, Phật Bích Chi,

菩薩當知是為魔事。須菩提。譬如人得象不觀反尋其跡。

Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự。Tu-bồ-đề。thí như nhân đắc tượng bất quán phản tầm kỳ tích。

Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Tu-bồ-đề, ví như người có con voi mà không biết, lại đi tìm dấu chân.

於意云何。是人為智不。不也世尊。須菩提。

ư ý vân hà。thị nhân vi trí bất。bất dã Thế tôn。Tu-bồ-đề。

Ý ông thế nào? Người này có trí không? Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề,

菩薩亦如是。得深般若波羅蜜而棄捨之。

Bồ-tát diệc như thị。đắc thâm Bát-nhã Ba-la-mật nhi khí xả chi。

Bồ-tát cũng như vậy, được Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa mà bỏ,

反於聲聞辟支佛經求薩婆若。於意云何。

phản ư thanh văn Bích chi Phật Kinh cầu tát bà nhược。ư ý vân hà。

lại tìm Nhất thiết trí nơi kinh của Thanh văn, Phật Bích Chi. Ý ông thế nào?

是人為智不。不也世尊。菩薩當知是為魔事。須菩提。

thị nhân vi trí bất。bất dã Thế tôn。Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự。Tu-bồ-đề。

Người này có trí không? Không, Thế tôn. Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Tu-bồ-đề,

譬如人欲見大海。見已反求牛跡水作是言。

thí như nhân dục kiến Đại hải 。 kiến dĩ phản cầu ngư u tích thủy tác thị ngôn 。
ví như người muốn thấy biển lớn, đã thấy rồi lại tìm nước nơi dấu chân trâu, nói rằng:

大海水能多是耶。於意云何。是人為智不。

Đại hải thủy năng đa thị da 。 ư ý vân hà 。 thị nhân vi trí bất 。

nước trong biển lớn có nhiều hơn chỗ này không? Ý ông thế nào? Người này có trí không?

不也世尊。須菩提。當來世菩薩亦如是。

bất dã Thế tôn 。 Tu-bồ-đề 。 đương lai thế Bồ-tát diệc như thị 。

Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề, Bồ-tát ở đời vị lai cũng như vậy,

得深般若波羅蜜。而棄捨之。反讀誦聲聞辟支佛經。

đắc thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 nhi khí xả chi 。 phản độc tụng thanh văn Bích chi
Phật Kinh 。

được Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa mà bỏ, lại đọc tụng kinh của Thanh văn, Phật Bích Chi.

於意云何。是人為智不。不也世尊。

ư ý vân hà 。 thị nhân vi trí bất 。

Ý ông thế nào? Người này có trí không? Không, Thế tôn.

菩薩當知是為魔事須菩提。譬如工匠欲造如帝釋勝殿。

Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự Tu-bồ-đề 。 thí như công tượng dục tạo như đế thích
thắng điện 。

Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Tu-bồ-đề, ví như người thợ muốn xây dựng cung điện tốt
đẹp như cung điện Đế-thích,

而反揆度日月宮殿。於意云何。是人為智不。

nhi phản quĩ độ nhật nguyệt cung điện 。 ư ý vân hà 。 thị nhân vi trí bất 。

lại đo đạc cung điện Nhật nguyệt. Ý ông thế nào? Người này có trí không?

不也世尊。須菩提。當來世菩薩亦如是。

bất dã Thế tôn 。 Tu-bồ-đề 。 đương lai thế Bồ-tát diệc như thị 。

Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề, Bồ-tát ở đời vị lai cũng như vậy,

得深般若波羅蜜。而棄捨之。

đắc thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

được Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa nhưng bỏ,

反於聲聞辟支佛經中求薩婆若。於意云何。是人為智不。

phản ư thanh văn Bích chi Phật Kinh trung cầu tát bà nhược 。

ư ý vân hà 。

thị nhân vi trí bất 。

lại cầu Nhất thiết trí ở nơi kinh Thanh văn, Phật Bích Chi. Ý ông thế nào? Người này có trí không?

不也世尊。菩薩當知是為魔事。須菩提。

bất dã Thế tôn 。

Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。

Tu-bồ-đề 。

Không, Thế tôn. Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Tu-bồ-đề,

譬如人欲見轉輪王。見已不知作是念。

thí như nhân dục kiến chuyển luân Vương 。

kiến dĩ bất tri tác thị niệm 。

ví như có người muốn thấy Chuyển luân vương, thấy rồi nhưng không biết, nghĩ rằng:

轉輪王形貌威德云何。見諸小王取其形貌。作是言。

chuyển luân Vương hình mạo uy đức vân hà 。

kiến chư Tiểu Vương thủ kỳ hình mạo 。

tác thị ngôn 。

hình dáng, oai đức của Chuyển luân vương như thế nào? Gặp được các vị vua nước nhỏ, chấp lấy hình mạo của họ, nói rằng:

轉輪王形貌威德如是相耶。於意云何。是人為智不。

chuyển luân Vương hình mạo uy đức như thị tướng da 。

ư ý vân hà 。

thị nhân vi trí bất 。

hình mạo, oai đức của Chuyển luân vương có tướng như vậy sao? Ý ông thế nào? Người này có trí không?

不也世尊。須菩提。當來世菩薩亦如是。

bất dã Thế tôn 。 Tu-bồ-đề 。 đương lai thế Bồ-tát diệc như thị 。

Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề, Bồ-tát ở đời vị lai cũng như vậy,

得深般若波羅蜜。而棄捨之。

đắc thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 nhi khí xả chi 。

được Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa nhưng bỏ,

反於聲聞辟支佛經中求薩婆若於意云何。是人為智不。

phản ư thanh văn Bích chi Phật Kinh trung cầu tát bà nhược ư ý vân hà 。

thị nhân vi trí bất 。

trở lại cầu Nhất thiết trí ở nơi kinh Thanh văn, Phật Bích Chi. Ý ông thế nào? Người này có trí không?

不也世尊菩薩當知是為魔事。須菩提。

bất dã Thế tôn Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。

Tu-bồ-đề 。

Không, Thế tôn. Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Tu-bồ-đề,

譬如飢人捨百味食反食六十日飯。於意云何。是人為智不。

thí như cơ nhân xả bách vị thực phẩm thực lục thập nhật phạn 。

ư ý vân hà 。

thị nhân vi trí bất 。

ví như người bỏ thức ăn trăm vị, mà lại ăn cơm trong suốt sáu mươi ngày. Ý ông thế nào? Người này có trí không?

不也世尊。須菩提。菩薩亦如是。

bất dã Thế tôn 。

Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát diệc như thị 。

Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề, Bồ-tát cũng như vậy,

得深般若波羅蜜。而棄捨之。

đắc thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 nhi khí xả chi 。

được Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa nhưng bỏ,

反於聲聞辟支佛經中求薩婆若。於意云何。是人為智不。不也世尊。

phản ư thanh văn Bích chi Phật Kinh trung cầu tát bà nhược 。

ư ý vân hà 。

thị nhân vi trí bất 。

bất dã Thế tôn 。

trở lại cầu Nhất thiết trí ở nơi kinh Thanh văn, Phật Bích Chi. Ý ông thế nào? Người này có trí không? Không, Thế tôn.

菩薩當知是為魔事。須菩提。

Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。

Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Tu-bồ-đề,

譬如人得無價寶珠而比水精。於意云何。是人為智不。不也世尊。

thí như nhân đắc vô giá bảo châu nhi bỉ thủy tinh 。

ư ý vân hà 。

thị nhân vi trí bất 。

bất dã Thế tôn 。

ví như người có bảo châu vô giá lại đem so sánh với thủy tinh. Ý ông thế nào? Người này có trí không? Không, Thế tôn.

須菩提。當來世菩薩亦如是。

Tu-bồ-đề 。

đương lai thế Bồ-tát diệc như thị 。

Tu-bồ-đề, Bồ-tát ở đời vị lai cũng như vậy,

得深般若波羅蜜。而比聲聞辟支佛經。於中求薩婆若。

đắc thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

nhi bỉ thanh văn Bích chi Phật Kinh 。

ư trung cầu tát bà nhược 。

được Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa nhưng so sánh với kinh Thanh văn, Phật Bích Chi, ở trong đó cầu Nhất thiết trí.

於意云何是人為智不。不也世尊。

ư ý vân hà thị nhân vi trí bất 。 bất dã Thế tôn 。

Ý ông thế nào? Người này có trí không? Không, Thế tôn.

菩薩當知是為魔事。復次須菩提。書讀誦說般若波羅蜜時。

Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。

phục thứ Tu-bồ-đề 。

thư đọc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật thời 。

Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề, lúc biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật,

若多說餘事妨廢般若波羅蜜。

nhược đa thuyết dư sự phương phế Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu nói nhiều về việc khác là làm hại, phế bỏ Bát-nhã Ba-la-mật.

菩薩當知是為魔事。須菩提白佛言。世尊。

Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

般若波羅蜜可得書讀誦說耶。不也須菩提。

Bát-nhã Ba-la-mật khả đắc thư đọc tụng thuyết da 。

bất dã Tu-bồ-đề 。

Bát-nhã Ba-la-mật có thể được biên chép, đọc tụng, giảng thuyết không? Không, Tu-bồ-đề.

若善男子善女人書寫文字。而作是念。我書般若波羅蜜。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân thư tả văn tự 。

nhĩ tác thị niệm 。

ngã thư Bát-nhã Ba-la-mật 。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân biên chép văn tự mà nghĩ rằng ta đang biên chép Bát-nhã Ba-la-mật,

即是魔事。須菩提。爾時應教是善男子善女人。

tức thị Ma sự 。

Tu-bồ-đề 。

nhĩ thời ứng giáo thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

thì đó là việc Ma. Tu-bồ-đề, lúc đó nên giáo hóa Thiện nam tử, Thiện nữ nhân:

汝等勿謂。但以書寫文字。便作是念言。

nhữ đẳng vật vị 。 đăn dĩ thư tả văn tự 。 tiện tác thị niệm ngôn 。
Các người đừng cho rằng chỉ biên chép văn tự mà lại nghĩ và nói rằng

我書般若波羅蜜。諸善男子。以是文字。

ngã thư Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư thiện nam tử 。 dĩ thị văn tự 。
ta biên chép Bát-nhã Ba-la-mật, các Thiện nam tử dùng văn tự này

示般若波羅蜜義。是故汝等勿著文字。若著文字。

kì Bát-nhã Ba-la-mật nghĩa 。 thị cố nhữ đẳng vật trừ văn tự 。 nhược trừ văn tự 。
để chỉ cho nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật. Vì vậy, các người đừng chấp trước văn tự. Nếu
chấp trước văn tự,

菩薩當知是為魔事。若不貪著即捨魔事。

Bồ-tát đương tri thị vi Ma sự 。 nhược bất tham trước tức xả Ma sự 。
Bồ-tát nên biết đó là việc Ma. Nếu không tham trước tức bỏ được việc Ma.

復次須菩提。書讀誦說般若波羅蜜時。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 thư độc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật thời 。
Lại nữa, Tu-bồ-đề, lúc biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật,

憶念諸方國土城邑聚落國王怨賊戰鬥之事憶念父母兄

ức niệm chư phương quốc thổ thành ấp tụ lạc Quốc Vương oán tặc chiến đấu chi
sự ỨC NIỆM PHỤ MẪU HUYNH

mà nhớ đến các việc như quốc độ, thành ấp, xóm làng, quốc vương, kẻ thù, giặc cướp,
chiến tranh ở khắp nơi, nhớ đến cha mẹ, anh

弟姊妹。惡魔令生如是等念。

đệ tỉ muội 。 ác Ma lệnh sinh như thị đẳng niệm 。
em, chị em, thì những ý nghĩ như vậy đều do Ác ma làm sinh khởi

妨廢般若波羅蜜。菩薩皆應覺之。須菩提。

phương phế Bát-nhã Ba-la-mật 。 Bồ-tát giai ứng giác chi 。 Tu-bồ-đề 。
để làm hại, phế bỏ Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát đều phải biết những điều đó. Tu-bồ-đề,

如是當知亦是魔事。復次須菩提。書讀誦說般若波羅蜜時。

như thị đương tri diệc thị Ma sự 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。 thư độc tụng thuyết Bát-nhã
Ba-la-mật thời 。

nên biết như vậy cũng là việc Ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề, lúc biên chép, đọc tụng, thuyết
giảng Bát-nhã Ba-la-mật,

供養事起。衣服飲食臥具醫藥資生之物。

cung dưỡng sự khởi 。 y phục ẩm thực ngọa cụ y dược tư sinh chi vật 。

mà khởi việc cúng dường các thứ áo quần, thức ăn, đồ nằm, thuốc men, đồ dùng,

妨廢般若波羅蜜。菩薩皆應覺之。須菩提。

phương phế Bát-nhã Ba-la-mật 。 Bồ-tát giai ứng giác chi 。 Tu-bồ-đề 。

là xâm hại, phế bỏ Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát đều phải biết các điều này. Tu-bồ-đề,

如是當知亦為魔事。復次須菩提。惡魔作因緣。

như thị đương tri diệc vi Ma sự 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。 ác Ma tác nhân duyên 。

nên biết như vậy cũng là việc Ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

令菩薩得諸深經有方便菩薩於此深經不生貪著

lệnh Bồ-tát đắc chư thâm Kinh hữu phương tiện Bồ-tát ư thủ thâm Kinh bất sinh
tham trước

khiến cho Bồ-tát đắc được các kinh sâu xa, nếu Bồ-tát có phương tiện tức không tham
trước các kinh sâu xa này,

無方便菩薩捨般若波羅蜜。取是深經。

vô phương tiện Bồ-tát xả Bát-nhã Ba-la-mật 。

nhưng Bồ-tát không có phương tiện lại bỏ Bát-nhã Ba-la-mật để nắm các kinh sâu xa này.

須菩提。我於般若波羅蜜中。廣說方便應於中求。

Tu-bồ-đề 。 ngã ư Bát-nhã Ba-la-mật trung 。 quảng thuyết phương tiện ứng ư trung cầu 。

Tu-bồ-đề, trong Bát-nhã Ba-la-mật, Ta nói nhiều về phương tiện, lẽ ra nên tìm cầu trong đó,

而反於餘深經聲聞辟支佛法中。

nhì phản ư dư thâm Kinh thanh văn Bích chi Phật Pháp trung 。

nhưng lại đi tìm cầu phương tiện trong các kinh sâu xa khác, trong Pháp của Thanh văn, Phật Bích Chi.

求索方便於意云何。是人為智不。不也世尊。

cầu tác phương tiện ư ý vân hà 。 thị nhân vi trí bất 。 bất dã Thế tôn 。

Ý ông thế nào? Người này có trí không? Không, Thế tôn.

須菩提如是當知亦為魔事。復次須菩提。

Tu-bồ-đề như thị đương tri diệc vi Ma sự 。

Tu-bồ-đề, như vậy nên biết đó là việc Ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

聽法者欲聞般若波羅蜜。說法者疲懈不樂為說。須菩提。

thính Pháp giả dục văn Bát-nhã Ba-la-mật 。

người nghe pháp muốn nghe Bát-nhã Ba-la-mật nhưng người thuyết pháp mệt mỏi lười biếng không thích nói. Tu-bồ-đề,

如是不和合亦為魔事。復次須菩提。

như thị bất hòa hợp diệc vi Ma sự 。

không hòa hiệp như vậy cũng là việc Ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

說法者身不疲極。樂說般若波羅蜜。

thuyết Pháp giả thân bất bì cực 。 lạc thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

người thuyết pháp thân không mệt mỏi, thích thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật;

聽法者欲至餘國。不得書讀誦說般若波羅蜜。

thính Pháp giả dục chí dư quốc 。 bất đắc thư độc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

nhưng người nghe pháp lại muốn đến các nước khác nên không có việc biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật.

如是不和合亦為魔事。復次須菩提。聽法者有念力智力。

như thị bất hòa hợp diệc vi Ma sự 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。 thính Pháp giả hữu niệm lực trí lực 。

Không hòa hiệp như vậy cũng là việc Ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề, người nghe pháp có niệm lực, có trí lực,

樂欲聽受讀誦般若波羅蜜說法者欲至餘

lạc dục thính thọ độc tụng Bát-nhã Ba-la-mật thuyết Pháp giả dục chí dư

muốn nghe, thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật; nhưng người thuyết pháp lại muốn đi tới

國。不得書讀誦說般若波羅蜜。

quốc 。 bất đắc thư độc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

nước khác nên không có các việc biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật.

如是不和合亦為魔事。復次須菩提。

như thị bất hòa hợp diệc vi Ma sự 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。

Không hòa hiệp như vậy cũng là việc Ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

說法者貴於財物衣服飲食。聽法者惜不與之。

thuyết Pháp giả quý ư tài vật y phục ẩm thực 。 thính Pháp giả tích bất dữ chi 。

người thuyết pháp coi trọng tiền của, áo quần, thức ăn; nhưng người nghe pháp lại tham tiếc không cho,

不得書讀誦說般若波羅蜜。如是不和合亦為魔事。

bất đắc thư' đọc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。 như thị bất hòa hợp diệc vi Ma sự
。

nên không có các việc biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật. Không hòa
hiệp như vậy cũng là việc Ma.

復次須菩提。聽法者有信樂心。欲供養說法者。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 thính Pháp giả hữu tín lạc tâm 。 dục cung dưỡng thuyết Pháp
giả 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề, người nghe pháp có tâm tín lạc, muốn cúng dường người thuyết pháp;

而說法者誦習不利。聽法者不樂聽受。

nhi thuyết Pháp giả tụng tập bất lợi 。 thính Pháp giả bất lạc thính thọ 。

nhưng người thuyết pháp lại tụng tập không thông suốt nên người nghe pháp không thích
nghe, thọ trì;

不得書讀誦說般若波羅蜜如是不和合亦為魔事。

bất đắc thư' đọc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật như thị bất hòa hợp diệc vi Ma sự 。

không có các việc biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật. Không hoà hiệp
như vậy cũng là việc Ma.

復次須菩提。說法者心樂為說。聽法者不樂聽受。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 thuyết Pháp giả tâm lạc vi thuyết 。 thính Pháp giả bất lạc thính
thọ 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề, người thuyết pháp có tâm muốn nói, nhưng người nghe không thích
nghe, thọ trì,

不得書讀誦說般若波羅蜜。

bất đắc thư' đọc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

nên không có các việc biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật.

如是不和合亦為魔事。復次須菩提。說法者身重疲極。

như thị bất hòa hợp diệc vi Ma sự 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。 thuyết Pháp giả thân trọng
bì cực 。

Không hòa hiệp như vậy cũng là việc Ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề, thân của người thuyết pháp
rất mệt mỏi,

睡眠所覆不樂言說。聽法者樂欲聽受讀誦。

thụy miên sở phúc bất lạc ngôn thuyết 。 thính Pháp giả lạc dục thính thọ độc tụng 。

buồn ngủ, không thích nói năng; người nghe pháp muốn nghe, thọ trì, đọc tụng.

如是不和合亦為魔事。復次須菩提。

như thị bất hòa hợp diệc vi Ma sự 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。

Không hòa hiệp như vậy cũng là việc Ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

若書讀誦說般若波羅蜜時。有人來說三惡道苦。

nhược thư độc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật thời 。 hữu nhân lai thuyết tam ác đạo khổ
。

nếu lúc biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật, có người đến nói về khổ
trong ba đường ác.

地獄中有如是苦。畜生餓鬼中有如是苦。

Địa-ngục trung hữu như thị khổ 。

súc sinh ngạ quỷ trung hữu như thị khổ 。

Trong địa ngục có khổ như vậy; trong súc sinh, ngạ quỷ có khổ như vậy;

不如於是身盡苦取涅槃。何用更生受是諸苦。如是須菩提。

bất như ư thị thân tận tận khổ thủ Niết-Bàn 。

hà dụng canh sinh thọ thị chư khổ 。

như thị Tu-bồ-đề 。

chẳng bằng ở nơi tận thân tận diệt khổ để chứng đắc Niết-bàn, cần gì phải tái sinh để chịu
các khổ này. Tu-bồ-đề,

菩薩當知亦為魔事。復次須菩提。

Bồ-tát đương tri diệc vi Ma sự 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát nên biết như vậy cũng là việc Ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

若書讀誦說般若波羅蜜時。若有人來讚歎天上快樂。

nhược thư đọc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật thời 。 nhược hữu nhân lai tán thán Thiên thượng khoái lạc 。

hoặc lúc biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật, nếu có người đến ca ngợi sự khoái lạc ở cõi trời,

欲界中有極妙五欲快樂。

dục giới trung hữu cực diệu ngũ dục khoái lạc 。

khoái lạc của năm dục ở Dục giới,

色界中有禪定快樂。無色界中有寂滅定樂。是三界樂。

sắc giới trung hữu Thiền định khoái lạc 。 vô sắc giới trung hữu tịch diệt định lạc 。 thị tam giới lạc 。

khoái lạc của Thiền định ở Sắc giới, khoái lạc của Tịch diệt định ở Vô sắc giới; khoái lạc trong ba cõi này

皆無常苦空壞敗之相。汝於是身。

giai vô thường khổ không hoại bại chi tướng 。 nữ ư thị thân 。

đều là tướng của Vô thường, Khổ, Không, Hoại bại. Ngay trong thân này, ông

可取須陀洹果斯陀含果阿那含果阿羅漢果。不須更受後身。

khả thủ Tu đà hoàn quả Tư đà hàm quả A na hàm quả A la hán quả 。

có thể chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán mà không phải thọ lại thân đời sau.

菩薩當知亦為魔事。復次須菩提。

Bồ-tát đương tri diệc vi Ma sự 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。
Bồ-tát nên biết cũng là việc Ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

說法者愛樂徒眾。作是言。若能隨我當與般若波羅蜜。
thuyết Pháp giả ái lạc đồ chúng 。 tác thị ngôn 。 nhược năng tùy ngã đương dĩ Bát-
nhã Ba-la-mật 。
người thuyết pháp thương yêu đồ chúng, nói rằng nếu có thể theo ta, ta sẽ trao truyền
Bát-nhã Ba-la-mật;

若不隨我則不與汝。以此因緣。多人隨從時。
nhược bất tùy ngã tắc bất dĩ nhữ 。 dĩ thử nhân duyên 。 đa nhân tùy tùng thời 。
nếu không theo thì ta không trao truyền cho các người. Vì nhân duyên này, lúc có nhiều
người theo,

說法者欲經嶮難危命之處。語諸人言。
thuyết Pháp giả dục Kinh hiểm nan nguy mạng chi xử 。 ngữ chư nhân ngôn 。
người thuyết pháp muốn vượt qua chỗ hiểm nạn, nguy hại đến tính mạng nên nói với
những người này:

善男子。汝等知不。何用隨我經此險難。
thiện nam tử 。 nhữ đẳng tri bất 。 hà dụng tùy ngã Kinh thử hiểm nan 。
Thiện nam tử, các người biết vì mục đích gì mà theo ta vượt qua chỗ hiểm nạn này
không?

善自籌量無得後悔。而作是言。
thiện tự trù lượng vô đắc hậu hối 。 nhi tác thị ngôn 。
Hãy tự mình suy nghĩ kỹ, về sau không được hối hận, mà nói rằng

何故至此飢餓怨賊之中。說法者以此細微因緣捨離諸人。
hà cố chí thử cơ nạn oán tặc chi trung 。 thuyết Pháp giả dĩ thử tế vi nhân duyên
xả ly chư nhân 。

vì sao giữa cảnh oán tặc, đói khát mà người thuyết pháp lại lấy lý do vi tế này để lừa bỏ mọi người.

聽法者作是念。是捨離相。非與般若波羅蜜相。

thính Pháp giả tác thị niệm 。 thị xả ly tướng 。 phi dĩ Bát-nhã Ba-la-mật tướng 。
Người nghe pháp nghĩ rằng tướng lừa bỏ này không phải là tướng trao truyền Bát-nhã Ba-la-mật,

不得書讀誦說般若波羅蜜。如是不和合。

bất đắc thư đọc tụng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。 như thị bất hòa hợp 。
cho nên không có các việc biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật. Không hòa hiệp như vậy,

菩薩當知亦為魔事。復次須菩提。

Bồ-tát đương tri diệc vi Ma sự 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát nên biết, cũng là việc Ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

說法者欲經惡獸虎狼師子怨賊毒害無水之處。

thuyết Pháp giả dục Kinh ác thú hổ lang Sư-tử oán tặc độc hại vô thủy chi xứ 。

người thuyết pháp muốn vượt qua chỗ có thú dữ, cọp, sói, sư tử, kẻ thù, giặc cướp, độc hại, không có nước.

說法者語諸人言。汝等知不。我所至處。

thuyết Pháp giả ngữ chư nhân ngôn 。 nhữ đẳng tri bất 。

ngã sở chí xứ 。

Người thuyết pháp nói với mọi người: các người có biết chỗ ta đến

經過惡獸怨賊毒害無水之處。汝等豈能受如是苦。

Kinh quá ác thú oán tặc độc hại vô thủy chi xứ 。

nhữ đẳng khởi năng thọ như thị khổ 。

phải đi qua chỗ của thú dữ, kẻ thù, giặc cướp, độc hại, không có nước không? Các người há có thể chịu nỗi khổ như vậy sao?

說法者以此細微因緣而捨離之。諸人不復隨從。

thuyết Pháp giả dĩ thử tế vi nhân duyên nhi xả ly chi 。 chư nhân bất phục tùy tùng
。

Người thuyết pháp dùng lý do vi tế này để rời bỏ mọi người. Mọi người không đi theo nữa,

作是念。是捨離相。非與般若波羅蜜相。即便退還。

tác thị niệm 。 thị xả ly tướng 。 phi dĩ Bát-nhã Ba-la-mật tướng 。 tức tiện thối hoàn
。

nghĩ rằng tướng lìa bỏ này không phải là tướng trao truyền Bát-nhã Ba-la-mật, lập tức trở
lui.

須菩提。如是諸難。菩薩當知亦為魔事。

Tu-bồ-đề 。 như thị chư nan 。 Bồ-tát đương tri diệc vi Ma sự 。

Tu-bồ-đề, các chương nạn như vậy, Bồ-tát nên biết, cũng là việc Ma.

復次須菩提。說法者重於檀越。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 thuyết Pháp giả trọng ư đàn việt 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề, người thuyết pháp coi trọng đàn-việt;

以此因緣常數往返以是事故語聽法者。諸善男子。

dĩ thử nhân duyên thường số vãng phản dĩ thị sự cố ngữ thính Pháp giả 。 chư
thiện nam tử 。

vì nhân duyên này vẫn thường lui tới. Vì điều này nên nói với người nghe pháp: Các Thiện
nam tử,

我有檀越應往問訊。諸人念言。

ngã hữu đàn việt ứng vãng vấn tẩn 。 chư nhân niệm ngôn 。

ta có đàn-việt, muốn đến hỏi han. Mọi người nghĩ rằng

是為不與我般若波羅蜜相。即時捨離。不得學習書讀誦說。

thị vi bất dữ ngã Bát-nhã Ba-la-mật tướng 。 tức thời xả ly 。 bất đắc học tập thư
độc tụng thuyết 。

đây không phải là tướng trao truyền Bát-nhã Ba-la-mật cho mình, liền lìa bỏ, nên không có
các việc học tập, biên chép, đọc tụng, thuyết giảng.

如是不和合。菩薩當知亦為魔事。復次須菩提。

như thị bất hòa hợp 。 Bồ-tát đương tri diệc vi Ma sự 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。

Không hòa hiệp như vậy, Bồ-tát nên biết, cũng là việc Ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

惡魔勤作方便欲令無人讀誦修習般若波羅蜜。

ác Ma tinh cần tác phương tiện dục lệnh vô nhân độc tụng tu tập Bát-nhã Ba-la-mật

。

Ác ma luôn tạo phương tiện muốn không có ai đọc tụng, tu tập Bát-nhã Ba-la-mật.

須菩提白佛言。世尊。惡魔云何勤作方便。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 ác Ma vân hà tinh cần tác phương tiện 。

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn, tại sao Ác ma luôn tạo phương tiện

令人不得讀誦修習般若波羅蜜。須菩提。

lệnh nhân bất đắc độc tụng tu tập Bát-nhã Ba-la-mật 。

khiến người không được đọc tụng, tu tập Bát-nhã Ba-la-mật? Tu-bồ-đề,

惡魔詭誑諸人。作是言。此非真般若波羅蜜。

ác Ma quỷ cuống chư nhân 。 tác thị ngôn 。 thử phi chân Bát-nhã Ba-la-mật 。

Ác ma lừa gạt mọi người, nói rằng đây không phải Bát-nhã Ba-la-mật chân thực;

我所有經是真般若波羅蜜。須菩提。

ngã sở hữu Kinh thị chân Bát-nhã Ba-la-mật 。

kinh ta có mới là Bát-nhã Ba-la-mật chân thực. Tu-bồ-đề,

惡魔如是詭誑眾人。未受記者。當於般若波羅蜜中生疑。

ác Ma như thị quý cốong chúng nhân 。 vị thọ kí giả 。 đương ư Bát-nhã Ba-la-mật
trung sinh nghi 。

Ác ma lừa gạt mọi người như vậy, người chưa được thọ ký sẽ sinh nghi ở nơi Bát-nhã Ba-
la-mật.

疑因緣故。不得讀誦修習般若波羅蜜。

nghi nhân duyên cố 。 bất đắc độc tụng tu tập Bát-nhã Ba-la-mật 。

Do nghi ngờ nên không được đọc tụng, tu tập Bát-nhã Ba-la-mật.

如是須菩提。菩薩當知亦為魔事。復次須菩提。

như thị Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát đương tri diệc vi Ma sự 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。

Tu-bồ-đề, Bồ-tát nên biết như vậy cũng là việc Ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề.

復有魔事。若菩薩行般若波羅蜜。

phục hữu Ma sự 。 nhược Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Lại có việc Ma, nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật,

即證實際取聲聞果。如是須菩提。菩薩當知亦為魔事。

tức chứng thật tế thủ thanh văn quả 。 như thị Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát đương tri diệc vi
Ma sự 。

tức chứng Thực tế, nắm quả Thanh văn. Tu-bồ-đề, Bồ-tát nên biết như vậy cũng là việc
Ma.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật

小如品第十二

tiểu như phẩm đệ thập nhị

Phẩm 12: Tiểu Như

佛告須菩提。般若波羅蜜。

Phật cáo Tu-bồ-đề 。 Bát-nhã Ba-la-mật 。

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bát-nhã Ba-la-mật

多有如是諸留難事。須菩提白佛言。如是如是。世尊。

đa hữu như thị chư lưu nan sự 。 Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 như thị như thị 。 Thế tôn 。

có nhiều sự trì trệ, khó khăn như vậy. Tu-bồ-đề bạch Phật: Đúng vậy, đúng vậy, Thế tôn.

般若波羅蜜多有留難。譬如珍寶多有怨賊。

Bát-nhã Ba-la-mật đa hữu lưu nan 。 thí như trân bảo đa hữu oán tặc 。

Bát-nhã Ba-la-mật gặp nhiều trì trệ, khó khăn. Ví như bảo châu có nhiều oán tặc,

般若波羅蜜亦如是。

Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。

Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

若人不受持讀誦修習般若波羅蜜。當知是人新發道意。少智少信不樂大法。

nhược nhân bất thọ trì đọc tụng tu tập Bát-nhã Ba-la-mật 。 đương tri thị nhân tân phát đạo ý 。 thiếu trí thiếu tín bất lạc Đại Pháp 。

Nếu người không thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết người này mới phát đạo tâm, ít có trí, ít niềm tin, không thích Pháp lớn,

為魔所攝。如是如是。須菩提。

vi Ma sở nhiếp 。 như thị như thị 。 Tu-bồ-đề 。

bị Ma thâm nhiếp. Đúng vậy, đúng vậy, Tu-bồ-đề.

若人不受持讀誦修習般若波羅蜜。當知是人新發道意。

nhược nhân bất thọ trì đọc tụng tu tập Bát-nhã Ba-la-mật 。 đương tri thị nhân tân phát đạo ý 。

Nếu người không thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết người này mới phát đạo tâm,

少智少信不樂大法。為魔所攝。須菩提。

thiểu trí thiểu tín bất lạc Đại Pháp 。 vi Ma sở nhiếp 。 Tu-bồ-đề 。
ít có trí, ít niềm tin, không thích Pháp lớn, bị Ma thâm nhiếp. Tu-bồ-đề,

般若波羅蜜。雖多有如是魔事及諸留難。

Bát-nhã Ba-la-mật 。 tuy đa hữu như thị Ma sự cập chư lưu nan 。
Bát-nhã Ba-la-mật, tuy gặp nhiều việc Ma, trì trệ và khó khăn như vậy,

若善男子善女人有能受持書讀誦說。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân hữu năng thọ trì thư đọc tụng thuyết 。
nhưng nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân có thể thọ trì, biên chép, đọc tụng, thuyết giảng,

當知是等皆是佛力。何以故。

đương tri thị đẳng giai thị Phật lực 。 hà dĩ cố 。
thì nên biết những điều này đều là lực của Phật. Vì sao?

惡魔雖復勤作方便欲滅般若波羅蜜。諸佛亦復勤作方便而守護之。

ác Ma tuy phục tinh cần tác phương tiện dục diệt Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư Phật diệt
phục tinh cần tác phương tiện nhi thủ hộ chi 。

Mặc dù Ác ma luôn tạo phương tiện muốn hủy diệt Bát-nhã Ba-la-mật, nhưng chư Phật
cũng lại luôn tạo phương tiện để giữ gìn.

須菩提譬如母人多有諸子。若十若百乃至十萬。

Tu-bồ-đề thí như mẫu nhân đa hữu chư tử 。 nhược thập nhược bách nãi chí thập
vạn 。

Tu-bồ-đề, ví như người mẹ có nhiều con, hoặc mười, hoặc một trăm cho tới mười vạn.

其母有疾諸子各各勤求救療。皆作是願。

kỳ mẫu hữu tật chư tử các các tinh cần cầu cứu liệu 。 giai tác thị nguyện
Khi mẹ của họ bị bệnh, mỗi người con đều cố tìm cách cứu chữa, đều nguyện:

我等要當令母久壽身體安隱無諸苦患風雨

ngã đặng yếu đương lệnh mẫu cửu thọ thân thể an ổn vô chư khổ hoạn phong vũ
chúng con cần phải giữ cho mẹ được sống lâu, thân thể an ổn, không bị các khổ nạn gió,
mưa,

寒熱蚊虻毒螫。當以諸藥因緣令母安隱。

hàn nhiệt văn 虻 độc thích 。 đương dĩ chư dược nhân duyên lệnh mẫu an ổn 。
lạnh, nóng, ruồi, muỗi, độc trùng; cần dùng các nguồn dược liệu để cho mẹ được an ổn.

何以故。生育我等賜與壽命。

hà dĩ cố 。 sinh dục ngã đặng tứ dĩ thọ mạng 。

Vì sao? Vì sinh dưỡng chúng ta, cho chúng ta đời sống;

示悟世間其恩甚重。須菩提。今十方現在諸佛。

kì ngô thế gian kỳ ân thậm trọng 。 Tu-bồ-đề 。 kim thập phương hiện tại chư Phật 。

nên chỉ cho thế gian thấy ân đức của mẹ rất lớn. Tu-bồ-đề, nay chư Phật hiện tại trong
mười phương

常念般若波羅蜜。皆作是言。般若波羅蜜。能生諸佛。

thường niệm Bát-nhã Ba-la-mật 。 giai tác thị ngôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật 。 năng sinh
chư Phật 。

thường nghĩ đến Bát-nhã Ba-la-mật, đều nói thế này: Bát-nhã Ba-la-mật có thể sinh ra chư
Phật,

能示薩婆若。何以故。諸佛薩婆若。

năng kì tát bà nhược 。 hà dĩ cố 。 chư Phật tát bà nhược 。

có thể hiển bày Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Nhất thiết trí của chư Phật

皆從般若波羅蜜生故。須菩提。諸佛得阿耨多羅三藐三菩提。

giai tòng Bát-nhã Ba-la-mật sinh cố 。 Tu-bồ-đề 。 chư Phật đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

đều sinh ra từ Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề, chư Phật chứng đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

若已今得若當得。皆因般若波羅蜜。

nhược dĩ kim đắc nhược đương đắc 。 giai nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。

dù đã, đang hay sẽ chứng đắc, đều nhờ vào Bát-nhã Ba-la-mật.

須菩提。般若波羅蜜如是示十方諸佛薩婆若。

Tu-bồ-đề 。 Bát-nhã Ba-la-mật như thị kì thập phương chư Phật tát bà nhược 。

Tu-bồ-đề, Bát-nhã Ba-la-mật hiển bày Nhất thiết trí của chư Phật trong mười phương như vậy,

亦示世間。須菩提白佛言。世尊。

diệc kì thế gian 。 Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

cũng là hiển bày thế gian. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

如佛所說般若波羅蜜。示諸佛世間。世尊。云何為世間。

như Phật sở thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。 kì chư Phật thế gian 。 Thế tôn 。 vân hà vi thế gian 。

Bát-nhã Ba-la-mật như được Phật nói là để hiển thị chư Phật và thế gian. Thế tôn, thế nào là thế gian?

佛言五陰是世間。世尊。云何般若波羅蜜示五陰。

Phật ngôn ngũ uẩn thị thế gian 。 Thế tôn 。 vân hà Bát-nhã Ba-la-mật kì ngũ uẩn 。

Phật dạy: Năm ấm là thế gian. Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật hiển thị năm ấm như thế nào?

佛言。般若波羅蜜示五陰不壞相。何以故。

Phật ngôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật kì ngũ uẩn bất hoại tướng 。 hà dĩ cố 。

Phật dạy: Bát-nhã Ba-la-mật hiển thị tướng bất hoại của năm ấm. Vì sao?

須菩提。空是不壞相。無相無作是不壞相。

Tu-bồ-đề 。 không thị bất hoại tướng 。 vô tướng vô tác thị bất hoại tướng 。

Tu-bồ-đề, Không là tướng bất hoại; Vô tướng, Vô tác là tướng bất hoại.

般若波羅蜜如是示世間。復次須菩提。

Bát-nhã Ba-la-mật như thị kì thế gian 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。

Bát-nhã Ba-la-mật hiển thị thế gian như thế. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

佛隨無量無邊眾生性故。如實知其心。如是須菩提。

Phật tùy vô lượng vô biên chúng sinh tính cố 。 như thật tri kỳ tâm 。 như thị Tu-bồ-đề

。

vì Phật tùy theo tính của vô lượng vô biên chúng sinh mà biết tâm như thực của họ. Tu-bồ-đề,

般若波羅蜜示諸佛世間。復次須菩提。

Bát-nhã Ba-la-mật kì chư Phật thế gian 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。

Bát-nhã Ba-la-mật hiển thị chư Phật, thế gian như thế. Lại nữa, Tu-bồ-đề.

眾生亂心攝心。是亂心攝心。佛如實知。須菩提。

chúng sinh loạn tâm nhiếp tâm 。 thị loạn tâm nhiếp tâm 。 Phật như thật tri 。 Tu-bồ-đề 。

Chúng sinh có loạn tâm hay nhiếp tâm, thì loạn tâm, nhiếp tâm này đều được Phật biết như thực. Tu-bồ-đề,

云何如來。知諸眾生亂心攝心。以法相故知。

vân hà Như-Lai 。 tri chư chúng sinh loạn tâm nhiếp tâm 。 dĩ Pháp tướng cố tri 。

làm sao Phật biết chúng sinh loạn tâm hay nhiếp tâm? Là vì nhờ pháp tướng nên biết.

須菩提。法相故知心非亂。如是知亂心。

Tu-bồ-đề 。 Pháp tướng cố tri tâm phi loạn 。 như thị tri loạn tâm 。
Tu-bồ-đề, nhờ pháp tướng nên biết tâm không loạn, biết tâm loạn đúng như vậy.

云何如來知攝心。須菩提。如來知心盡相。
vân hà Như-Lai tri nhiếp tâm 。 Tu-bồ-đề 。 Như-Lai tri tâm tận tướng 。
Làm sao Như lai biết nhiếp tâm? Tu-bồ-đề, vì Phật biết tất cả các tướng của tâm,

如實知盡相。如是知攝心。復次須菩提。
như thật tri tận tướng 。 như thị tri nhiếp tâm 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。
biết như thực tất cả các tướng, biết được nhiếp tâm như thế. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

眾生染心如來如實知染心。恚心癡心如實知恚心癡心。
chúng sinh nhiễm tâm Như-Lai như thật tri nhiễm tâm 。 khuể tâm si tâm như thật
tri khuể tâm si tâm 。
chúng sinh có tâm nhiễm, Như lai biết như thực tâm nhiễm; tâm sân, tâm si, Như lai biết
như thực tâm sân, tâm si.

云何如來。如實知染心。如實知恚心。
vân hà Như-Lai 。 như thật tri nhiễm tâm 。 như thật tri khuể tâm 。
Làm sao Như lai biết như thực tâm nhiễm, biết như thực tâm sân,

如實知癡心。須菩提。染心如實相即非染心。
như thật tri si tâm 。 Tu-bồ-đề 。 nhiễm tâm như thật tướng tức phi nhiễm tâm 。
biết như thực tâm si? Tu-bồ-đề, tướng như thật của tâm nhiễm không phải là tâm nhiễm,

恚心癡心如實相。即非恚心癡心。如是須菩提。
khuể tâm si tâm như thật tướng 。 tức phi khuể tâm si tâm 。 như thị Tu-bồ-đề 。
tướng như thật của tâm sân, tâm si không phải là tâm sân, tâm si. Như vậy, Tu-bồ-đề,

諸佛從般若波羅蜜生薩婆若智。云何如來。
chư Phật tòng Bát-nhã Ba-la-mật sinh tất bà nhược trí 。 vân hà Như-Lai 。

chư Phật nhờ Bát-nhã Ba-la-mật mà sinh Nhất thiết trí trí. Làm thế nào,

離染心如實知離染心。離恚心。如實知離恚心。

ly nhiễm tâm như thật tri ly nhiễm tâm 。 ly khuể tâm 。 như thật tri ly khuể tâm
。
tâm ly nhiễm, Như lai biết như thực là tâm ly nhiễm; tâm ly sân, biết như thực là tâm ly
sân;

離癡心如實知離癡心。須菩提。

ly si tâm như thật tri ly si tâm 。 Tu-bồ-đề 。
tâm ly si, biết như thực là tâm ly si? Tu-bồ-đề,

離染心中無離染心相。離恚心中。無離恚心相。

ly nhiễm tâm trung vô ly nhiễm tâm tướng 。 ly khuể tâm trung 。 vô ly khuể tâm
tướng 。
trong tâm ly nhiễm không có tướng tâm ly nhiễm; trong tâm ly sân không có tướng tâm ly
sân;

離癡心中無離癡心相。如是須菩提。

ly si tâm trung vô ly si tâm tướng 。 như thị Tu-bồ-đề 。
trong tâm ly si, không có tướng tâm ly si. Như vậy, Tu-bồ-đề,

般若波羅蜜示諸佛世間。復次須菩提。如來因般若波羅蜜。

Bát-nhã Ba-la-mật kì chư Phật thế gian 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。 Như-Lai nhân Bát-nhã
Ba-la-mật 。

Bát-nhã Ba-la-mật hiển thị chư Phật, thế gian. Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nhờ Bát-nhã Ba-la-mật

眾生廣心如實知廣心。

chúng sinh quảng tâm như thật tri quảng tâm 。
mà tâm chúng sinh rộng Như lai biết như thực là tâm rộng.

云何如來眾生廣心如實知廣心。須菩提。是眾生心不增不廣。

vân hà Như-Lai chúng sinh quảng tâm như thật tri quảng tâm 。 Tu-bồ-đề 。 thị chúng sinh tâm bất tăng bất quảng 。

Làm thế nào tâm chúng sinh rộng mà Như lai biết như thực là tâm rộng? Tu-bồ-đề, tâm của chúng sinh này không thêm, không rộng;

不離離相故。如是須菩提。如來因般若波羅蜜。

bất ly ly tướng cố 。 như thị Tu-bồ-đề 。 Như-Lai nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。

vì không lìa ly tướng. Như vậy, Tu-bồ-đề. Nhờ Bát-nhã Ba-la-mật

眾生廣心如實知廣心。復次須菩提。

chúng sinh quảng tâm như thật tri quảng tâm 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。

mà tâm chúng sinh rộng Như lai biết như thực là tâm rộng. Lại nữa, Tu-bồ-đề.

如來因般若波羅蜜。眾生大心如實知大心。

Như-Lai nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。

chúng sinh Đại tâm như thật tri Đại tâm 。

Nhờ Bát-nhã Ba-la-mật mà tâm chúng sinh lớn Như lai biết như thực là tâm lớn.

云何如來眾生大心如實知大心。須菩提。

vân hà Như-Lai chúng sinh Đại tâm như thật tri Đại tâm 。

Tu-bồ-đề 。

Làm thế nào tâm chúng sinh lớn mà Như lai biết như thực là tâm lớn? Tu-bồ-đề,

如來知是心無來無去無住。如是須菩提。如來因般若波羅蜜。

Như-Lai tri thị tâm vô lai vô khứ vô trụ 。

nư thị Tu-bồ-đề 。

Như-Lai nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。

Như lai biết tâm này không đến, không đi, không trụ. Như vậy, Tu-bồ-đề. Nhờ Bát-nhã Ba-la-mật,

眾生大心如實知大心。復次須菩提。

chúng sinh Đại tâm như thật tri Đại tâm 。

phục thứ Tu-bồ-đề 。

tâm chúng sinh lớn Như lai biết như thực là tâm lớn. Lại nữa, Tu-bồ-đề.

如來因般若波羅蜜。眾生無量心如實知無量心。

Như-Lai nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。 chúng sinh vô lượng tâm như thật tri vô lượng tâm
。

Nhờ Bát-nhã Ba-la-mật mà tâm chúng sinh vô lượng Như lai biết như thực là tâm vô
lượng.

云何如來。眾生無量心如實知無量心。須菩提。

vân hà Như-Lai 。 chúng sinh vô lượng tâm như thật tri vô lượng tâm 。 Tu-bồ-đề 。
Làm thế nào tâm chúng sinh vô lượng mà Như lai biết như thực là tâm vô lượng? Tu-bồ-
đề,

如來知是心不住。住於寂滅無所依止。

Như-Lai tri thị tâm bất trụ 。 trụ ư tịch diệt vô sở y chỉ 。

Như lai biết tâm này không trụ, trụ ở tịch diệt, không nơi y chỉ,

如虛空無量知心相亦爾。如是須菩提。

như hư không vô lượng tri tâm tướng diệt nhĩ 。 như thị Tu-bồ-đề 。

giống như hư không vô lượng, biết tướng của tâm cũng như thế. Như vậy, Tu-bồ-đề.

如來因般若波羅蜜。眾生無量心如實知無量心。

Như-Lai nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。 chúng sinh vô lượng tâm như thật tri vô lượng tâm
。

Nhờ Bát-nhã Ba-la-mật mà tâm chúng sinh vô lượng Như lai biết như thực là tâm vô
lượng.

復次須菩提。如來因般若波羅蜜。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 Như-Lai nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề, nhờ Bát-nhã Ba-la-mật

眾生不可見心如實知不可見心。云何如來。

chúng sinh không thể thấy tâm như thật tri không thể thấy tâm 。 vân hà Như-Lai 。
mà tâm không thể thấy của chúng sinh Như lai biết như thực là tâm không thể thấy. Làm
thế nào

眾生不可見心如實知不可見心。如來以無相義故。

chúng sinh không thể thấy tâm như thật tri không thể thấy tâm 。 Như-Lai dĩ vô tướng
nghĩa cố 。

tâm không thể thấy của chúng sinh Như lai biết như thực là tâm không thể thấy? Vì Như
lai lấy nghĩa vô tướng

如實知不可見心。如是須菩提。如來因般若波羅蜜。

như thật tri không thể thấy tâm 。 như thị Tu-bồ-đề 。 Như-Lai nhân Bát-nhã Ba-la-mật
。

mà biết như thực tâm không thể thấy. Như vậy, Tu-bồ-đề, nhờ Bát-nhã Ba-la-mật

眾生不可見心如實知不可見心。

chúng sinh không thể thấy tâm như thật tri không thể thấy tâm 。

mà tâm không thể thấy của chúng sinh Như lai biết như thực là tâm không thể thấy.

復次須菩提。如來因般若波羅蜜。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 Như-Lai nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề, nhờ Bát-nhã Ba-la-mật

眾生不現心如實知不現心。云何如來。

chúng sinh không hiện tâm như thật tri không hiện tâm 。 vân hà Như-Lai 。

mà tâm không hiện của chúng sinh Như lai biết như thực là tâm không hiện. Làm thế nào

眾生不現心如實知不現心。是心五眼所不見。如是須菩提。

chúng sinh không hiện tâm như thật tri không hiện tâm 。

thị tâm ngũ nhãn sở bất
kiến 。

như thị Tu-bồ-đề 。

tâm không hiện của chúng sinh mà Như lai biết như thực là tâm không hiện? Vì tâm này không thể nhìn thấy bằng năm Mắt. Như vậy, Tu-bồ-đề,

如來因般若波羅蜜。眾生不現心。如實知不現心。

Như-Lai nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。 chúng sinh không hiện tâm 。 như thật tri không hiện tâm 。

nhờ Bát-nhã Ba-la-mật mà tâm không hiện của chúng sinh Như lai biết như thực là tâm không hiện.

復次須菩提。如來因般若波羅蜜。知眾生諸出沒。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 Như-Lai nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。 tri chúng sinh chư xuất một 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề, nhờ Bát-nhã Ba-la-mật mà Như lai biết chúng sinh xuất hiện, và biến mất.

云何知出沒。眾生所起出沒皆依色生。

vân hà tri xuất một 。 chúng sinh sở khởi xuất một giai y sắc sinh 。

Làm thế nào biết là xuất hiện và biến mất? Vì chúng sinh xuất hiện hay biến mất đều nương vào sắc mà có,

依受想行識生。何等是諸出沒。

y thọ tưởng hành thức sinh 。

hà đẳng thị chư xuất một 。

所謂我及世間常。是見依色。依受想行識。我及世間無常。

sở vị ngã cập thế gian thường 。

thị kiến y sắc 。

Tức cho rằng Ngã và thế gian là thường; cái thấy như thế dựa vào sắc, dựa vào thọ, tưởng, hành, thức. Ngã và thế gian vô thường,

thường vô thường phi thường phi vô thường 。 thị kiến y sắc 。 y thọ tưởng hành thức 。

vừa thường vừa vô thường, không phải thường không phải vô thường. Những cái thấy như thế dựa vào sắc, dựa vào thọ, tưởng, hành, thức.

世間有邊。世間無邊。有邊無邊。

thế gian hữu biên 。 thế gian vô biên 。 hữu biên vô biên 。

Thế gian có giới hạn, thế gian không có giới hạn, vừa có giới hạn vừa không giới hạn,

非有邊非無邊。是見依色。依受想行識。死後如去。

phi hữu biên phi vô biên 。 thị kiến y sắc 。 y thọ tưởng hành thức 。 tử hậu như khứ 。

không phải có giới hạn, không phải không giới hạn. Những cái thấy này dựa vào sắc, dựa vào thọ, tưởng, hành, thức. Sau khi chết, đi như thế;

死後不如去。死後如去不如去。

tử hậu bất như khứ 。 tử hậu như khứ bất như khứ 。

sau khi chết, không đi như thế; sau khi chết, vừa đi như thế vừa không đi như thế;

死後非如去非不如去。是見依色。依受想行識。身即是神。

tử hậu phi như khứ phi bất như khứ 。 thị kiến y sắc 。 y thọ tưởng hành thức 。 thân tức thị Thần 。

sau khi chết, không phải đi như thế không phải không đi như thế. Những cái thấy như thế dựa vào sắc, dựa vào thọ, tưởng, hành, thức. Thân chính là thần;

是見依色。依受想行識。身異神異。是見依色。

thị kiến y sắc 。 y thọ tưởng hành thức 。 thân dị Thần dị 。

cái thấy như thế dựa vào sắc, dựa vào thọ, tưởng, hành, thức. Thân khác, thần khác; cái thấy như thế dựa vào sắc,

依受想行識。如是須菩提。如來因般若波羅蜜。

y thọ tướng hành thức 。 như thị Tu-bồ-đề 。 Như-Lai nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。
dựa vào thọ, tướng, hành, thức. Như vậy, Tu-bồ-đề, nhờ Bát-nhã Ba-la-mật

知眾生諸出沒。復次須菩提。

tri chúng sinh chư xuất một 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。

mà Như lai biết mọi sự xuất hiện, biến mất của chúng sinh. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

如來因般若波羅蜜。知色相。云何知色相。知如如。須菩提。

Như-Lai nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。 tri sắc tướng 。 vân hà tri sắc tướng 。 tri như như
。 Tu-bồ-đề 。

nhờ Bát-nhã Ba-la-mật mà Như lai biết tướng của sắc. Làm thế nào biết tướng của sắc?

Vì biết Như như. Tu Bồ Đề,

如來知受想。行識相。云何知識相。知如如。

Như-Lai tri thọ tướng 。 hành thức tướng 。 vân hà tri thức tướng 。 tri như như 。

Như lai biết tướng của thọ, tướng, hành, thức. Làm sao biết tướng của thức? Vì biết Như
như.

須菩提。五陰如即是如來所說出沒。

Tu-bồ-đề 。 ngũ uẩn như tức thị Như-Lai sở thuyết xuất một 。

Tu-bồ-đề, năm ấm là Như tức là sự xuất hiện và biến mất mà Như lai nói.

如五陰如即是世間如。五陰如即是一切法如。

như ngũ uẩn như tức thị thế gian như 。 ngũ uẩn như tức thị nhất thiết Pháp như 。

Giống như năm ấm là Như, thế gian cũng là Như. Năm ấm là Như, tức tất cả các pháp
đều là Như.

一切法如即是須陀洹果如。

nhất thiết Pháp như tức thị Tu đà hoàn quả như 。

Tất cả các pháp là Như, tức quả Tu-đà-hoàn cũng là Như,

斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛道如。辟支佛道如即是如來如。

Tư đà hàm quả A na hàm quả A la hán quả Bích chi Phật đạo như 。 Bích chi Phật đạo như tức thị Như-Lai như 。

quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Phật Bích Chi, cũng là Như. Phật Bích Chi là Như, tức Như lai cũng là Như.

是諸如皆是一如。無二無別無盡無量。

thị chư như giai thị nhất như 。 vô nhị vô biệt vô tận vô lượng 。

Các Như như thế đều chỉ là một Như; không hai, không khác, vô tận, vô lượng.

如是須菩提。如來因般若波羅蜜。得是如相。

như thị Tu-bồ-đề 。 Như-Lai nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。

Như vậy, Tu-bồ-đề, nhờ Bát-nhã Ba-la-mật mà Như lai đắc được Như tướng như thế.

如是須菩提。般若波羅蜜。示諸佛世間。能生諸佛。

như thị Tu-bồ-đề 。

Bát-nhã Ba-la-mật 。

諸佛知世間如。如實得是如故。名為如來。

chư Phật tri thế gian như 。

chư Phật biết thế gian là Như, vì đắc được như thực cái Như như thế, nên gọi là Như lai.

須菩提白佛言。世尊。是如甚深。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn, Như này sâu xa.

諸佛阿耨多羅三藐三菩提從是如生。世尊。

chư Phật a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tòng thị như sinh 。

Vô thượng Chính đẳng Chính giác của chư Phật từ Như này sinh ra. Thế tôn,

如來得是深法能為眾生說是如相。如是如相誰能信者。

Như-Lai đắc thị thâm Pháp năng vi chúng sinh thuyết thị như tướng 。 như thị như tướng thù năng tín giả 。

Như lai đắc được Pháp sâu xa này, có thể vì chúng sinh thuyết Như tướng này. Ai có thể tin tướng Như như thế?

唯有阿毘跋致菩薩及具足正見者滿願阿羅漢。

duy hữu A-tì-bạt-trí Bồ-tát cập cụ túc chính kiến giả mãn nguyện A-La-Hán 。

Chỉ có Bồ-tát Không thoái chuyển, bậc đầy đủ Chính kiến, A-la-hán viên mãn thế nguyện,

乃能信之。須菩提。是如無盡。佛如實說無盡。

nãi năng tín chi 。 Tu-bồ-đề 。 thị như vô tận 。 Phật như thật thuyết vô tận 。

mới có thể tin. Tu-bồ-đề, Như này vô tận, Phật như thực thuyết là vô tận.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma Ha Bát-nhã Ba-la-mật

相無相品第十三

tướng vô tướng phẩm đệ thập tam

Phẩm 13: Tướng, Vô Tướng

爾時釋提桓因。及欲界萬天子。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân 。 cập dục giới vạn Thiên tử 。

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân cùng với một vạn Thiên tử Dục giới,

梵世二萬天子。俱詣佛所。頭面禮佛足却住一面。

phạm thế nhị vạn Thiên tử 。 câu nghê Phật sở 。 đầu diện lễ Phật túc khước trụ nhất diện 。

hai vạn Thiên tử Phạm Thế, cùng đến chỗ Phật, đầu mặt lễ dưới chân Phật, rồi lui đứng một bên,

各白佛言。世尊。是法甚深。於此法中云何作相。

các bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 thị Pháp thậm thâm 。 ư thử Pháp trung vân hà tác tướng 。

cùng bạch Phật: Thế tôn, Pháp này sâu xa, trong Pháp này lấy cái gì làm tướng?

佛告諸天子。諸法以空為相。

Phật cáo chư Thiên tử 。 chư Pháp dĩ không vi tướng 。

Phật bảo các Thiên tử: Các pháp lấy Không làm tướng,

以無相無作無起無生無滅無依為相。諸天子言。

dĩ vô tướng vô tác vô khởi vô sinh vô diệt vô y vi tướng 。

chư Thiên tử ngôn 。

如來說是諸相如空無所依。如是諸相。

Như-Lai thuyết thị chư tướng như không vô sở y 。

như thị chư tướng 。

一切世間天人阿修羅所不能壞。何以故。

nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La sở bất năng hoại 。

hà dĩ cố 。

一切世間天人阿修羅。即是其相故。世尊。是諸相非可作。

nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La 。

tức thị kỳ tướng cố 。

是諸相不在色數。不在受想行識數。

thị chư tướng bất tại sắc số 。

bất tại thọ tướng hành thức số 。

是諸相非人非非人所作。佛告欲色界諸天子。若人問言。

thị chư tướng phi nhân phi phi nhân sở tác 。 Phật cáo dục sắc giới chư Thiên tử 。
nhược nhân vấn ngôn 。

các tướng này không phải do người, không phải do phi nhân tạo tác. Phật bảo các Thiên tử Dục giới, Sắc giới: Nếu có người hỏi rằng

虛空誰之所作。是人為正問不。不也世尊。

hư không thù chi sở tác 。 thị nhân vi chính vấn bất 。 bất dã Thế tôn 。

hư không do ai tạo tác, thì người này hỏi có đúng không? Không, Thế tôn.

虛空無有作者。何以故。虛空無為故。諸天子。

hư không vô hữu tác giả 。 hà dĩ cố 。 hư không vô vi cố 。 chư Thiên tử 。

Không ai tạo ra hư không. Vì sao? Vì hư không là vô vi. Các Thiên tử,

此諸相亦如是。有佛無佛常住不異。諸相常住故。

thử chư tướng diệc như thị 。 hữu Phật vô Phật thường trụ bất dị 。 chư tướng thường
trụ cố 。

các tướng này cũng vậy, có Phật hay không có Phật, vẫn thường trụ, không khác. Vì các tướng thường trụ,

如來得是諸相已名為如來。諸天子言。

Như-Lai đắc thị chư tướng dĩ danh vi Như-Lai 。 chư Thiên tử ngôn 。

sau khi Như lai được các tướng này mới gọi là Như lai. Các Thiên tử nói:

如來所說諸相甚深。諸佛智慧無礙故。能示是如。

Như-Lai sở thuyết chư tướng thậm thâm 。 chư Phật trí tuệ vô ngại cố 。 năng kì thị
như 。

Các tướng được Như lai thuyết rất sâu xa. Vì trí tuệ của chư Phật không ngăn ngại, có thể
hiển bày Như này,

亦能說般若波羅蜜行相。世尊。

diệc năng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật hành tướng 。 Thế tôn 。
cũng có thể thuyết về hành tướng của Bát-nhã Ba-la-mật. Thế tôn,

般若波羅蜜是諸佛行處。亦如是示諸佛世間。

Bát-nhã Ba-la-mật thị chư Phật hành xứ 。 diệc như thị kì chư Phật thế gian 。
Bát-nhã Ba-la-mật là chỗ hành của chư Phật, cũng hiển thị chư Phật, thế gian như vậy.

復次須菩提。諸佛依止於法。供養恭敬尊重讚歎於法。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 chư Phật y chỉ ư Pháp 。 cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán
ư Pháp 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề, chư Phật y chỉ vào Pháp, cúng dường, cung kính, tôn trọng, xưng tán ở
nơi Pháp.

法者則是般若波羅蜜。

Pháp giả tắc thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

Pháp ấy là Bát-nhã Ba-la-mật.

諸佛供養恭敬尊重讚歎般若波羅蜜。何以故。

chư Phật cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán Bát-nhã Ba-la-mật 。 hà dĩ cố 。

Chư Phật cúng dường, cung kính, tôn trọng, xưng tán Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao?

般若波羅蜜出生諸佛故。須菩提。如來知恩知報恩者。

Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh chư Phật cố 。

Tu-bồ-đề 。

Như-Lai tri ân tri báo ân giả 。

Vì Bát-nhã Ba-la-mật sinh ra chư Phật. Tu-bồ-đề, Như lai là người biết ơn và biết trả ơn.

若人正問何等是知恩知報恩者。當答。

nhược nhân chính vấn hà đẳng thị tri ân tri báo ân giả 。

đương đáp 。

Nếu có người hỏi thế nào là người biết ơn và biết trả ơn, thì nên đáp rằng

佛是知恩知報恩者。須菩提。云何佛是知恩知報恩者。

Phật thị tri ân tri báo ân giả 。 Tu-bồ-đề 。 vân hà Phật thị tri ân tri báo ân giả 。
Phật là người biết ơn và biết trả ơn. Tu-bồ-đề, tại sao Phật là người biết ơn và biết trả ơn?

如來所行道所行法。得阿耨多羅三藐三菩提。

Như-Lai sở hạnh đạo sở hạnh Pháp 。 đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Vì Phật hành đạo, hành pháp mà được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

即護念是道是法。以是事故。

tức hộ niệm thị đạo thị Pháp 。 dĩ thị sự cố 。

nên hộ niệm đạo này, pháp này. Vì việc này

當知佛是知恩知報恩者。復次須菩提如來知一切法無作。

đương tri Phật thị tri ân tri báo ân giả 。 phục thứ Tu-bồ-đề Như-Lai tri nhất thiết Pháp
vô tác 。

nên biết rằng Phật là người biết ơn và biết trả ơn. Lại nữa, Tu-bồ-đề, Như lai biết tất cả
các pháp là vô tác,

亦是如來知作恩者。須菩提。

diệc thị Như-Lai tri tác ân giả 。 Tu-bồ-đề 。

và Như lai cũng là người biết tác ân. Tu-bồ-đề,

如來因般若波羅蜜知一切法無作相。得如是智慧。以是因緣故。

Như-Lai nhân Bát-nhã Ba-la-mật tri nhất thiết Pháp vô tác tướng 。 đắc như thị trí tuệ
。 dĩ thị nhân duyên cố 。

nhờ Bát-nhã Ba-la-mật mà Như lai biết tất cả các pháp là tướng vô tác, được trí tuệ như
thế. Nhờ nhân duyên này,

般若波羅蜜亦如是示諸佛世間。世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị kì chư Phật thế gian 。 Thế tôn 。

Bát-nhã Ba-la-mật cũng hiển thị chư Phật, thế gian như thế. Thế tôn,

若一切法無知者無見者。

nhược nhất thiết Pháp vô tri giả vô kiến giả 。

nếu tất cả các pháp không có người biết, không có người thấy,

云何般若波羅蜜示諸佛世間。須菩提。如是如是。

vân hà Bát-nhã Ba-la-mật kì chư Phật thế gian 。

Tu-bồ-đề 。

như thị như thị 。

一切法無知者無見者。須菩提。云何一切法無知者。一切法空故。

nhất thiết Pháp vô tri giả vô kiến giả 。

Tu-bồ-đề 。

vân hà nhất thiết Pháp vô tri giả 。

nhất thiết Pháp không cố 。

Tất cả các pháp đều không có người biết, không có người thấy. Tu-bồ-đề, tại sao tất cả

các pháp không có người biết? Vì tất cả các pháp là Không.

云何一切法無見者。一切法無所依故。

vân hà nhất thiết Pháp vô kiến giả 。

nhất thiết Pháp vô sở y cố 。

Tại sao tất cả các pháp đều không có người thấy? Vì tất cả các pháp không có chỗ

nương.

是故一切法無知者無見者。須菩提。

thị cố nhất thiết Pháp vô tri giả vô kiến giả 。

Tu-bồ-đề 。

Vì thế tất cả các pháp không có người biết, không có người thấy. Tu bồ Đề,

如來因般若波羅蜜得如是法。

Như-Lai nhân Bát-nhã Ba-la-mật đắc như thị Pháp 。

nhờ Bát-nhã Ba-la-mật mà Như lai được Pháp như thế.

是故般若波羅蜜亦如是示諸佛世間。不見色故示世間。

thị cố Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị kì chư Phật thế gian 。

bất kiến sắc cố kì thế gian 。

。

Vì vậy, Bát-nhã Ba-la-mật cũng hiển thị chư Phật, thế gian như thế. Vì không thấy sắc nên hiển thị thế gian;

不見受想行識故示世間。般若波羅蜜如是示諸佛世間。世尊。

bất kiến thọ tưởng hành thức cố kì thế gian 。 Bát-nhã Ba-la-mật như thị kì chư Phật thế gian 。 Thế tôn 。

không thấy thọ, tưởng, hành, thức nên hiển thị thế gian. Bát-nhã Ba-la-mật hiển thị chư Phật, thế gian như thế. Thế tôn,

云何名不見色故示世間。

vân hà danh bất kiến sắc cố kì thế gian 。

Không thấy sắc nên hiển thị thế gian là thế nào?

云何名不見受想行識故示世間。須菩提。若不緣色生色。

vân hà danh bất kiến thọ tưởng hành thức cố kì thế gian 。

Tu-bồ-đề 。

nhược bất duyên sắc sinh sắc 。

Không thấy thọ, tưởng, hành, thức nên hiển thị thế gian là thế nào? Tu-bồ-đề, nếu không duyên sắc, sinh sắc,

是名不見色。若不緣受想行識生識。是名不見識。

thị danh bất kiến sắc 。

nhược bất duyên thọ tưởng hành thức sinh thức 。

thị danh bất kiến thức 。

gọi là không thấy sắc. Nếu không duyên thọ, tưởng, hành, thức, sinh thức, gọi là không thấy thức.

若如是不見世間。是名真見世間。復次須菩提。

nhược như thị bất kiến thế gian 。

thị danh chân kiến thế gian 。

phục thứ Tu-bồ-đề 。

Nếu không thấy thế gian như thế, gọi là thấy đúng thế gian. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

世間空。般若波羅蜜如實示世間空。

thế gian không 。

Bát-nhã Ba-la-mật như thật kì thế gian không 。

thế gian là Không. Bát-nhã Ba-la-mật hiển thị như thực thế gian là Không.

世間離相。般若波羅蜜如實示世間離相。

thế gian ly tướng 。 Bát-nhã Ba-la-mật như thật kì thế gian ly tướng 。

Ly tướng của thế gian, Bát-nhã Ba-la-mật hiển thị như thực ly tướng của thế gian.

世間淨相般若波羅蜜如實示世間淨。世間寂滅。

thế gian tịnh tướng Bát-nhã Ba-la-mật như thật kì thế gian tịnh 。 thế gian tịch diệt 。

Tịnh tướng của thế gian, Bát-nhã Ba-la-mật hiển thị như thực tịnh tướng của thế gian. Thế gian tịch diệt,

般若波羅蜜如實示世間寂滅。須菩提。

Bát-nhã Ba-la-mật như thật kì thế gian tịch diệt 。

Bát-nhã Ba-la-mật hiển thị như thực thế gian tịch diệt. Tu-bồ-đề,

般若波羅蜜亦如是示諸佛世間。須菩提白佛言。世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị kì chư Phật thế gian 。

Bát-nhã Ba-la-mật cũng hiển thị chư Phật, thế gian như thế. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

般若波羅蜜為大事故出。

Bát-nhã Ba-la-mật vì Đại sự cố xuất 。

Bát-nhã Ba-la-mật vì đại sự mà xuất hiện.

般若波羅蜜為不可思議事不可稱事不可量事無等等事故出。

Bát-nhã Ba-la-mật vì ất khả tư nghị sự bất khả xưng sự bất khả lượng sự vô đẳng đẳng sự cố xuất 。

Bát-nhã Ba-la-mật vì bất khả tư nghị sự, bất khả xưng sự, bất khả lượng sự, vô đẳng đẳng sự, mà xuất hiện.

佛言。如是如是。須菩提。

Phật ngôn 。 như thị như thị 。 Tu-bồ-đề 。
Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy. Tu-bồ-đề,

般若波羅蜜為大事故出。

Bát-nhã Ba-la-mật vì Đại sự cố xuất 。
Bát-nhã Ba-la-mật vì đại sự mà xuất hiện,

為不可思議事不可稱事不可量事無等等事故出。須菩提。

vì ất khả tư nghị sự bất khả xưng sự bất khả lượng sự vô đẳng đẳng sự cố xuất 。 Tu-bồ-đề 。

vì bất khả tư nghị sự, bất khả xưng sự, bất khả lượng sự, vô đẳng đẳng sự, mà xuất hiện.
Tu-bồ-đề,

云何般若波羅蜜為大事故出。為不可思議事不可稱事。

vân hà Bát-nhã Ba-la-mật vì Đại sự cố xuất 。 vì ất khả tư nghị sự bất khả xưng sự 。

不可量事無等等事故出。須菩提。如來法佛法自然法。

bất khả lượng sự vô đẳng đẳng sự cố xuất 。 Tu-bồ-đề 。

Như-Lai Pháp Phật Pháp tự nhiên Pháp 。

bất khả lượng sự, vô đẳng đẳng sự, mà xuất hiện là thế nào? Tu-bồ-đề, Pháp của Như lai, pháp của Phật, Pháp tự nhiên,

一切智人法。廣大不可思議不可籌量。

nhất thiết trí nhân Pháp 。

quảng Đại không thể nghĩ bàn bất khả trừ lượng 。

pháp của bậc Nhất thiết trí thì rộng lớn, không thể nghĩ bàn, không thể suy lường.

是故須菩提。

thị cố Tu-bồ-đề 。

Vì vậy, Tu-bồ-đề,

般若波羅蜜為大事不可思議事故出。

Bát-nhã Ba-la-mật vì Đại sự không thể nghĩ bàn sự cố xuất 。

Bát-nhã Ba-la-mật vì đại sự, bất khả tư nghị sự mà xuất hiện.

云何般若波羅蜜為不可稱事不可量事故出。須菩提。

vân hà Bát-nhã Ba-la-mật vì ất khả xưng sự bất khả lượng sự cố xuất 。

Bát-nhã Ba-la-mật vì bất khả xưng sự, bất khả lượng sự mà xuất hiện là thế nào? Tu-bồ-đề,

如來法佛法自然法一切智人法不可稱不可量。是故須菩提。

Như-Lai Pháp Phật Pháp tự nhiên Pháp nhất thiết trí nhân Pháp bất khả xưng bất khả lượng 。

Pháp của Như lai, Pháp của Phật, Pháp tự nhiên, Pháp của bậc Nhất thiết trí thì không thể gọi tên, không thể suy lường. Vì vậy, Tu-bồ-đề,

般若波羅蜜為不可稱不可量事故出。

Bát-nhã Ba-la-mật vì ất khả xưng bất khả lượng sự cố xuất 。

Bát-nhã Ba-la-mật vì bất khả xưng sự, bất khả lượng sự mà xuất hiện.

云何般若波羅蜜為無等等事故出。須菩提。

vân hà Bát-nhã Ba-la-mật vì vô đẳng đẳng sự cố xuất 。

Bát-nhã Ba-la-mật vì vô đẳng đẳng sự mà xuất hiện là thế nào. Tu-bồ-đề,

一切無與如來等者。何況有勝。是故須菩提。

nhất thiết vô dữ Như-Lai đẳng giả 。

tất cả đều không ngang bằng với Như lai, huống là hơn? Vì thế, Tu-bồ-đề,

般若波羅蜜為無等等事故出。世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật vì vô đẳng đẳng sự cố xuất 。

Bát-nhã Ba-la-mật vì vô đẳng đẳng sự mà xuất hiện. Thế tôn,

但如來法佛法自然法一切智人法不可思議不可稱不可量。

đãn Như-Lai Pháp Phật Pháp tự nhiên Pháp nhất thiết trí nhân Pháp không thể nghĩ bàn bất khả xưng bất khả lượng 。

chỉ có Pháp của Như lai, Pháp của Phật, Pháp tự nhiên, Pháp của bậc Nhất thiết trí là không thể nghĩ bàn, không thể gọi tên, không thể suy lường;

色亦不可思議不可稱不可量。

sắc diệc không thể nghĩ bàn bất khả xưng bất khả lượng 。

sắc cũng không thể nghĩ bàn, không thể gọi tên, không thể suy lường,

受想行識亦不可思議不可稱不可量。須菩提。

thọ tưởng hành thức diệc không thể nghĩ bàn bất khả xưng bất khả lượng 。

。

thọ tưởng hành thức cũng không thể nghĩ bàn, không thể gọi tên, không thể suy lường?
Tu-bồ-đề,

色亦不可思議不可稱不可量。

sắc diệc không thể nghĩ bàn bất khả xưng bất khả lượng 。

sắc cũng không thể nghĩ bàn, không thể gọi tên, không thể suy lường;

受想行識亦不可思議不可稱不可量。一切法亦不可思議不可稱不可量。

thọ tưởng hành thức diệc không thể nghĩ bàn bất khả xưng bất khả lượng 。

thọ, tưởng, hành, thức cũng không thể nghĩ bàn, không thể gọi tên, không thể suy lường.

Tất cả các pháp cũng không thể nghĩ bàn, không thể gọi tên, không thể suy lường.

何以故。須菩提。諸法實相中。無心無心數法。

hà dĩ cố 。

Vì sao? Tu-bồ-đề, trong thực tướng của các pháp không có tâm pháp, không tâm sở pháp.

須菩提。色不可稱。受想行識亦不可稱。

Tu-bồ-đề 。 sắc bất khả xưng 。 thọ tưởng hành thức diệc bất khả xưng 。

Tu-bồ-đề, sắc không thể gọi tên; thọ, tưởng, hành, thức cũng không thể gọi tên;

一切法亦不可稱。此中無有分別故。須菩提。

nhất thiết Pháp diệc bất khả xưng 。 thử trung vô hữu phân biệt cố 。

Tu-bồ-đề 。

tất cả các pháp cũng không thể gọi tên, vì trong đó không có phân biệt. Tu-bồ-đề,

色不可量。受想行識亦不可量。

sắc bất khả lượng 。

thọ tưởng hành thức diệc bất khả lượng 。

sắc không thể suy lường; thọ, tưởng, hành, thức không thể suy lường;

一切法亦不可量。須菩提。何以故。色不可量。

nhất thiết Pháp diệc bất khả lượng 。

Tu-bồ-đề 。

hà dĩ cố 。

sắc bất khả lượng 。

tất cả pháp cũng không thể suy lường. Tu-bồ-đề, Vì sao sắc không thể suy lường,

受想行識不可量。一切法不可量。須菩提。

thọ tưởng hành thức bất khả lượng 。

nhất thiết Pháp bất khả lượng 。

Tu-bồ-đề 。

thọ, tưởng, hành, thức không thể suy lường, tất cả pháp không thể suy lường? Tu-bồ-đề,

色量無所有不可得。受想行識量無所有不可得。

sắc lượng vô sở hữu bất khả đắc 。

thọ tưởng hành thức lượng vô sở hữu bất khả đắc 。

lượng của sắc không có, không thể đắc; lượng của thọ, tưởng, hành, thức không có,

không thể đắc;

一切法量無所有不可得。須菩提。何以故。

nhất thiết Pháp lượng vô sở hữu bất khả đắc 。

Tu-bồ-đề 。

hà dĩ cố 。

lượng của tất cả pháp không có, không thể đắc. Tu-bồ-đề, Vì sao

色量無所有不可得。受想行識量無所有不可得。

sắc lượng vô sở hữu bất khả đắc 。 thọ tưởng hành thức lượng vô sở hữu bất khả đắc
。

lượng của sắc không có, không thể đắc; lượng của thọ, tưởng, hành, thức không có,
không thể đắc;

一切法量無所有不可得。須菩提。色無所有故。

nhất thiết Pháp lượng vô sở hữu bất khả đắc 。 Tu-bồ-đề 。 sắc vô sở hữu cố 。
lượng của tất cả các pháp không có, không thể đắc? Tu-bồ-đề, vì sắc không có;

受想行識無所有故。一切法無所有故。量不可得。

thọ tưởng hành thức vô sở hữu cố 。 nhất thiết Pháp vô sở hữu cố 。 lượng bất khả
đắc 。

thọ, tưởng, hành, thức không có; tất cả các pháp không có, nên lượng không thể đắc.

須菩提。於意云何。虛空有心心數法不。

Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。 hư không hữu tâm tâm số Pháp bất 。

Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Hư không có tâm pháp, tâm số pháp không?

不也世尊。須菩提。以是因緣一切法不可思議。

bất dã Thế tôn 。 Tu-bồ-đề 。 dĩ thị nhân duyên nhất thiết Pháp không thể nghĩ bàn 。

Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề, vì nhân duyên này nên tất cả pháp không thể nghĩ bàn;

滅諸籌量故名不可思議。滅諸稱故名不可稱。

diệt chư trú lượng cố danh không thể nghĩ bàn 。 diệt chư xưng cố danh bất khả
xưng 。

vì diệt mọi sự suy lường nên gọi là bất khả tư nghị; vì diệt mọi sự gọi tên nên gọi là bất
khả xưng.

須菩提。稱者即是識業。須菩提。

Tu-bồ-đề 。 xưng giả tức thị thức nghiệp 。 Tu-bồ-đề 。

Tu-bồ-đề, gọi tên là nghiệp của thức. Tu-bồ-đề,

無量者過諸量故。須菩提。如虛空不可思議不可稱不可量。

vô lượng giả quá chư lượng cố 。 Tu-bồ-đề 。 như hư không không thể nghĩ bàn bất khả xưng bất khả lượng 。

vì vô lượng vượt qua mọi sự suy lường. Tu-bồ-đề, như Hư không là bất khả tư nghị, bất khả xưng, bất khả lượng;

諸如來法佛法自然法一切智人法。

chư Như-Lai Pháp Phật Pháp tự nhiên Pháp nhất thiết trí nhân Pháp 。

Pháp của chư Như lai, Pháp của Phật, Pháp tự nhiên, Pháp của bậc Nhất thiết trí

亦如是不可思議不可稱不可量。

diệc như thị không thể nghĩ bàn bất khả xưng bất khả lượng 。

cũng bất khả tư nghị, bất khả xưng, bất khả lượng như thế.

說是不可思議無等等法時。五百比丘二十比丘尼。

thuyết thị không thể nghĩ bàn vô đẳng đẳng Pháp thời 。 ngũ bách bĩ khâu nhị thập bĩ khâu ni 。

Lúc thuyết về pháp bất khả tư nghị, vô đẳng đẳng này, có năm trăm Tỷ-khưu, hai mươi Tỷ-khưu-ni,

不受一切法故。漏盡心得解脫。

bất thọ nhất thiết Pháp cố 。 lậu tận tâm đắc giải thoát 。

vì không thọ nhận tất cả các pháp, nên các lậu tận diệt, tâm được giải thoát;

六萬優婆塞三萬優婆夷。於諸法中得法眼淨。

lục vạn Ưu bà tặc tam vạn Ưu bà di 。 ư chư Pháp trung đắc Pháp nhãn tịnh 。

sáu vạn Ưu-bà-tặc, ba vạn Ưu-bà-di ở nơi các pháp được mắt Pháp tịnh;

二十菩薩得無生法忍。於此賢劫皆當成佛。爾時須菩提白佛言。

nhị thập Bồ-tát đắc vô sinh Pháp nhẫn 。 ư thử hiền kiếp giai đương thành Phật 。 nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。

hai mươi Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn, ở hiền kiếp này đều sẽ thành Phật. Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

世尊。是深般若波羅蜜為大事故出。

Thế tôn 。 thị thâm Bát-nhã Ba-la-mật vi Đại sự cố xuất 。

Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa này vì đại sự mà xuất hiện,

乃至為無等等事故出。佛言。如是如是。須菩提。

nãi chí vi vô đẳng đẳng sự cố xuất 。 Phật ngôn 。 như thị như thị 。 Tu-bồ-đề 。 cho tới vì vô đẳng đẳng sự mà xuất hiện. Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy. Tu-bồ-đề,

是深般若波羅蜜為大事故出。

thị thâm Bát-nhã Ba-la-mật vi Đại sự cố xuất 。

Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa này vì đại sự mà xuất hiện,

乃至為無等等事故出。諸佛薩婆若。皆在般若波羅蜜中。

nãi chí vi vô đẳng đẳng sự cố xuất 。 chư Phật tát bà nhược 。 giai tại Bát-nhã Ba-la-mật trung 。

cho tới vì vô đẳng đẳng sự mà xuất hiện. Nhất thiết trí của chư Phật đều ở trong Bát-nhã Ba-la-mật;

一切聲聞辟支佛地。皆在般若波羅蜜中。須菩提。

nhất thiết thanh văn tích chi Phật địa 。 giai tại Bát-nhã Ba-la-mật trung 。 Tu-bồ-đề 。 tất cả các địa Thanh văn, Phật Bích Chi đều ở trong Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề,

譬如灌頂剎帝利王。若諸城事諸聚落事。

thí như quán đỉnh Sát đế lợi Vương 。 nhược chư thành sự chư tụ lạc sự 。

ví như việc quán đảnh cho vua Sát-đế-lợi, nếu các việc ở trong thành, các việc ở xóm làng

皆付大臣王無所憂。如是須菩提。

giai phó Đại Thần Vương vô sở ưu 。 như thị Tu-bồ-đề 。

đều giao phó Đại thần thì vua không còn lo lắng. Như vậy, Tu-bồ-đề,

諸如來亦如是。所有聲聞事辟支佛事佛事。

chư Như-Lai diệc như thị 。 sở hữu thanh văn sự tích chi Phật sự Phật sự 。

chư Như lai cũng như vậy. Các việc của Thanh văn, việc của Phật Bích Chi, việc của Phật

皆在般若波羅蜜中。般若波羅蜜能成辦其事。

giai tại Bát-nhã Ba-la-mật trung 。 Bát-nhã Ba-la-mật năng thành辦 kỳ sự 。

đều ở trong Bát-nhã Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-mật có thể hoàn thành các việc đó.

是故須菩提。當知般若波羅蜜為大事故出。

thị cố Tu-bồ-đề 。

Vì vậy, Tu-bồ-đề, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật vì đại sự mà xuất hiện,

乃至為無等等事故出。須菩提。般若波羅蜜。

nãi chí vi vô đẳng đẳng sự cố xuất 。

cho tới vì vô đẳng đẳng sự mà xuất hiện. Tu-bồ-đề, vì Bát-nhã Ba-la-mật

不受不著色故出。不受不著受想行識故出。

bất thọ bất trú sắc cố xuất 。

không lãnh nhận, không dính mắc sắc nên xuất hiện; không lãnh nhận, không dính mắc

thọ, tưởng, hành, thức nên xuất hiện;

不受不著須陀洹果斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支

bất thọ bất trú Tu đà hoàn quả Tư đà hàm quả A na hàm quả A la hán quả tích chi

không lãnh nhận, không dính mắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả

A-la-hán, đạo Phật Bích Chi

佛道故出。乃至薩婆若。亦不受不著故出。

Phật đạo cố xuất 。 nãi chí tát bà nhược 。 diệc bất thọ bất trú cố xuất 。
nên xuất hiện; cho tới Nhất thiết trí cũng không lãnh nhận, không dính mắc nên xuất hiện.

須菩提白佛言。世尊。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

云何般若波羅蜜不受薩婆若。不著薩婆若。須菩提。於意云何。

vân hà Bát-nhã Ba-la-mật bất thọ tát bà nhược 。 bất trú tát bà nhược 。 Tu-bồ-đề
。 ư ý vân hà 。

Bát-nhã Ba-la-mật không lãnh nhận Nhất thiết trí, không dính mắc Nhất thiết trí là thế
nào? Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?

汝見阿羅漢法可受可著不。不也世尊。

nhữ kiến A La Hán Pháp khả thọ khả trú bất 。 bất dã Thế tôn 。

Ông thấy pháp A-la-hán có thể lãnh nhận, có thể dính mắc không? Không, Thế tôn.

我不見是法可生著者。佛言。善哉善哉。須菩提。

ngã bất kiến thị Pháp khả sinh trú giả 。 Phật ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。 Tu-bồ-đề 。

Con không thấy Pháp này có thể sinh ra sự dính mắc. Phật dạy: Lành thay! Lành thay!

Tu-bồ-đề,

我亦不見如來法。以不見故不受不著。是故須菩提。

ngã diệc bất kiến Như-Lai Pháp 。 dĩ bất kiến cố bất thọ bất trú 。 thị cố Tu-bồ-đề 。

Ta cũng không thấy pháp Như lai; vì không thấy nên không lãnh nhận, không dính mắc.

Vì vậy, Tu-bồ-đề,

薩婆若不可受不可著。

tát bà nhược bất khả thọ bất khả trú 。

Nhất thiết trí không thể lãnh nhận, không thể dính mắc.

爾時欲色界諸天子白佛言。世尊。是深般若波羅蜜難解難得。

nhĩ thời dục sắc giới chư Thiên tử bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 thị thâm Bát-nhã Ba-la-mật nan giải nan đắc 。

Bấy giờ, các Thiên tử Dục giới, Vô sắc giới bạch Phật: Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa này khó hiểu, khó đắc.

若能信解深般若波羅蜜者。

nhược năng tín giải thâm Bát-nhã Ba-la-mật giả 。

Nếu có người có thể tin hiểu Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa,

當知是人已於先世供養諸佛。世尊。

đương tri thị nhân dĩ ư tiên thế cung dưỡng chư Phật 。 Thế tôn 。

nên biết người này, ở kiếp trước đã cúng dường chư Phật. Thế tôn,

若三千大千世界眾生皆作信行。於信行地中修行。

nhược tam Thiên Đại Thiên thế giới chúng sinh giai tác tín hành 。

nếu các chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới đều có tín hành, ở trong tín hành đó mà tu hành,

若一劫若減一劫。若人一日行深般若波羅蜜。

nhược nhất kiếp nhược giảm nhất kiếp 。

trong một kiếp hoặc chưa tới một kiếp; và nếu có người hành Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa trong một ngày,

籌量思惟觀忍通利。是福為勝。佛告諸天子。

trù lượng tư duy quán nhẫn thông lợi 。

suy lường, tư duy, quán chiếu, hiểu thông suốt thì phước lớn hơn. Phật bảo các Thiên tử:

若善男子善女人。聞是深般若波羅蜜疾得涅槃。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 văn thị thâm Bát-nhã Ba-la-mật tặc đắ Niết-Bàn 。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa này mau chóng chứng đắ Niết-bàn;

是人於信行地中修行。若一劫若減一劫。

thị nhân ư tín hành địa trung tu hành 。 nhược nhất kiếp nhược giảm nhất kiếp 。

và người ở trong tín hành mà tu hành trong một kiếp hoặc chưa tới một kiếp

所不能及。爾時欲色界諸天子。

sở bất năng cập 。 nhĩ thời dục sắc giới chư Thiên tử 。

thì phước không bằng người kia. Bấy giờ, các Thiên tử Dục giới, Sắc giới

頭面禮佛足繞佛而出去此不遠忽然不現。

đầu diện lễ Phật túc nhiễu Phật nhi xuất khứ thử bất viễn hốt nhiên không hiện 。

đầu mặt lễ chân Phật, đi quanh Phật, rời ra khỏi chỗ này chưa xa thì bỗng nhiên biến mất.

欲界諸天子還至欲天。色界諸天子還至色天。

dục giới chư Thiên tử hoàn chí dục Thiên 。

sắc giới chư Thiên tử hoàn chí sắc Thiên 。

Các Thiên tử Dục giới trở về Dục giới, các Thiên tử Sắc giới trở về Sắc giới.

爾時須菩提白佛言。世尊。若菩薩能信解深般若波羅蜜。

nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

nhược Bồ-tát năng tín giải thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn, nếu Bồ-tát có thể tin hiểu Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa,

是人於何命終來生此間。佛告須菩提。

thị nhân ư hà mạng chung lai sinh thử gian 。

Phật cáo Tu-bồ-đề 。

người này mạng chung ở nơi nào tái sinh đến cõi này? Phật bảo Tu-bồ-đề,

若菩薩聞是深般若波羅蜜。即時信解不疑不悔不難。

nhược Bồ-tát văn thị thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 tức thời tín giải bất nghi bất hối bất nan 。

nếu Bồ-tát nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa này, lập tức tin hiểu, không nghi ngờ, không hối hận, không hỏi lại,

樂見樂聞常行。是念不離說般若波羅蜜者。

lạc kiến lạc văn thường hành 。 thị niệm bất ly thuyết Bát-nhã Ba-la-mật giả 。

thích nhìn, thích nghe, thường hành, ý nghĩ này không rời người thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật.

須菩提。譬如新產犢子不離其母。

Tu-bồ-đề 。 thí như tân sản độc tử bất ly kỳ mẫu 。

Tu-bồ-đề, ví như con trâu nghé vừa mới sinh không rời mẹ.

菩薩亦如是。聞深般若波羅蜜。不離說法者。

Bồ-tát diệc như thị 。 văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 bất ly thuyết Pháp giả 。

Bồ-tát cũng thế, nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, không rời người thuyết pháp,

乃至得讀誦書寫般若波羅蜜。須菩提當知。

nãi chí đắc độc tụng thư tả Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu-bồ-đề đương tri 。

cho tới đọc tụng, biên chép Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề nên biết

是菩薩人中命終還生人中。世尊頗有菩薩成就。

thị Bồ-tát nhân trung mạng chung hoàn sinh nhân trung 。 Thế tôn pha hữu Bồ-tát thành tựu 。

Bồ-tát này mạng chung ở cõi người và sinh trở lại ở cõi người. Thế tôn, lại có Bồ-tát thành tựu

如是功德因緣。於他方世界供養諸佛。

như thị công đức nhân duyên 。 ư tha phương thế giới cung dưỡng chư Phật 。
nhân duyên công đức như vậy, ở thế giới cõi khác cúng dường chư Phật,

於彼命終來生此間不。須菩提。有菩薩成就如是功德。

ư bỉ mạng chung lai sinh thử gian bất 。 Tu-bồ-đề 。 hữu Bồ-tát thành tựu như thị công
đức 。

và mạng chung ở đó thì có sinh trở lại cõi này không? Tu-bồ-đề, có Bồ-tát thành tựu công
đức như vậy,

於他方世界供養諸佛。於彼命終來生此間。

ư tha phương thế giới cung dưỡng chư Phật 。 ư bỉ mạng chung lai sinh thử gian 。

ở thế giới phương khác cúng dường chư Phật, mạng chung ở đó rồi sinh trở lại cõi này.

復次須菩提。有菩薩成就如是功德。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 hữu Bồ-tát thành tựu như thị công đức 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề, có Bồ-tát thành tựu công đức như vậy,

於兜率天上。聞彌勒菩薩說般若波羅蜜。問其中事。

ư Đâu-suất Thiên thượng 。 văn Di Lặc Bồ-tát thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。 vấn kỳ trung
sự 。

ở trên trời Đâu-suất nghe Bồ-tát Di-lặc thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật, hỏi các việc trong
đó,

於彼命終來生此間。復次須菩提。

ư bỉ mạng chung lai sinh thử gian 。

phục thứ Tu-bồ-đề 。

mạng chung ở đó, sinh trở lại cõi này. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

若人先世聞是深般若波羅蜜。不問其義。

nhược nhân tiên thế văn thị thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

bất vấn kỳ nghĩa 。

nếu có người ở kiếp trước nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa này, không hỏi nghĩa lý trong
đó,

是人若生人中。心續疑悔難決。

thị nhân nhược sinh nhân trung 。 tâm tục nghi hối nan quyết 。
người này nếu sinh vào cõi người, tâm vẫn tiếp tục nghi, hối hận, khó quyết định.

須菩提當知是人於前世不問所致。何以故。於是般若波羅蜜中。

Tu-bồ-đề đương tri thị nhân ư tiền thế bất vấn sở trí 。 hà dĩ cố 。 ư thị Bát-nhã Ba-la-mật trung 。

Tu-bồ-đề, nên biết người này ở kiếp trước không hỏi rõ ràng. Vì sao? Ở trong Bát-nhã Ba-la-mật này,

心疑悔難決故。復次須菩提。

tâm nghi hối nan quyết cố 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。
tâm vẫn còn nghi, hối hận và khó quyết định. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

若人先世若一日若二日三日四日五日。聞是深般若波羅蜜。

nhược nhân tiên thế nhược nhất nhật nhược nhị nhật tam nhật tứ nhật ngũ nhật
。 văn thị thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu người ở kiếp trước nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa này trong một, hai, ba, bốn hay
năm ngày,

問其中事。而不隨所說行。

vấn kỳ trung sự 。 nhi bất tùy sở thuyết hành 。

是人轉身續得聞深般若波羅蜜。問其中事信心無礙。

thị nhân chuyển thân tục đắc văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

Người này khi chuyển thân, tiếp tục được nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, hỏi các việc
trong đó, tín tâm không ngăn ngại.

若離法師不復問難。還為因緣所牽。

nhược ly Pháp sư bất phục vấn nan 。 hoàn vi nhân duyên sở khiên 。
Nếu rời bỏ Pháp sư, không hỏi, không thắc mắc, lại bị nhân duyên đưa đẩy,

失深般若波羅蜜。何以故。須菩提。法應爾。

thất thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 hà dĩ cố 。 Tu-bồ-đề 。 Pháp ứng nhĩ 。
đánh mất Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa. Vì sao? Tu-bồ-đề, pháp vốn như vậy.

若人雖能問難是深般若波羅蜜。不能隨所說行。

nhược nhân tuy năng vấn nan thị thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 bất năng tùy sở thuyết
hành 。

Nếu có người dù có thể hỏi Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa này, nhưng không thể theo pháp tu
hành.

或時樂聞深般若波羅蜜。或時不樂。其心輕躁如少[疊*毛]毳。

hoặc thời lạc văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 hoặc thời bất lạc 。 kỳ tâm khinh táo như
thiểu [điệp *mao]thuế 。

Hoặc có lúc thích nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, có lúc không thích, tâm của người kia
hời hợt, dao động như lông tơ thú vật,

當知是菩薩新發大乘。是菩薩信心清淨。

đương tri thị Bồ-tát tân phát Đại thừa 。 thị Bồ-tát tín tâm thanh tịnh 。

nên biết Bồ-tát này mới phát tâm Đại Thừa. Bồ-tát này có tín tâm thanh tịnh,

若不為般若波羅蜜所護。於二地中當墮一處。

nhược bất vi bát nhã Ba-la-mật sở hộ 。

ư nhị địa trung đương đọa nhất xử 。

nếu không được Bát-nhã Ba-la-mật hộ niệm, ở trong hai địa sẽ bị đọa vào một chỗ,

若聲聞地若辟支佛地。

nhược thanh văn địa nhược tích chi Phật địa 。

hoặc địa Thanh văn, hoặc địa Phật Bích Chi.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma Ha Bát-nhã Ba-la-mật

船喻品第十四

thuyền dụ phẩm đệ thập tứ

Phẩm 14: Ví Dụ Thuyền

爾時佛告須菩提譬如大海中船卒破其中人

nhĩ thời Phật cáo Tu-bồ-đề thí như Đại hải trung thuyền tốt phá kỳ trung nhân

Bấy giờ, Phật bảo Tu-bồ-đề: Ví như chiếc thuyền trong biển lớn đột nhiên bị vỡ thì người trong đó

若不取木若板若浮囊若死屍。

nhược bất thủ mộc nhược bản nhược phù nang nhược tử thi 。

nếu không bám vào cây, ván, phao nổi hoặc thân chết,

當知是人不到彼岸沒水而死。須菩提。

đương tri thị nhân bất đáo bỉ ngạn một thủy nhi tử 。

Tu-bồ-đề 。

nên biết người này không tới được bờ bên kia, chết chìm trong nước. Tu-bồ-đề,

其中人若取木板浮囊死屍。當知是人沒水死。

kỳ trung nhân nhược thủ mộc bản phù nang tử thi 。

đương tri thị nhân bất một thủy tử 。

người ở trong thuyền nếu bám vào cây, ván, phao nổi, thân chết, nên biết người này không bị chết chìm trong nước,

安隱無惱得至彼岸。須菩提。菩薩亦如是。

an ổn vô não đắc chí bỉ ngạn 。

Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát diệc như thị 。

được an ổn, không phiền não, đến được bờ bên kia. Tu-bồ-đề, Bồ-tát cũng như vậy,

於阿耨多羅三藐三菩提。有信有忍有樂。有淨心有深心。

ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 hữu tín hữu nhẫn hữu lạc 。 hữu tịnh tâm hữu thâm tâm 。

ở nơi Vô thượng Chính đẳng Chính giác có tín tâm, hiểu, thích thú, có tâm thanh tịnh, tâm sâu xa,

有欲有解有捨有精進。不取般若波羅蜜。

hữu dục hữu giải hữu xả hữu tinh tấn 。 bất thủ Bát-nhã Ba-la-mật 。

có ước muốn, có hiểu biết, có buông bỏ, có tinh tấn, mà không bám vào Bát-nhã Ba-la-mật,

當知是人中道退沒。墮聲聞辟支佛地。須菩提。

đương tri thị nhân trung đạo thoái một 。 đọa thanh văn tích chi Phật địa 。 Tu-bồ-đề 。 nên biết người này sẽ lui giữa đường, rơi vào địa Thanh văn, địa Phật Bích Chi. Tu-bồ-đề,

若菩薩於阿耨多羅三藐三菩提。

nhược Bồ-tát ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

nếu Bồ-tát ở nơi Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

有信有忍有樂。有淨心有深心。有欲有解有捨有精進。

hữu tín hữu nhẫn hữu lạc 。 hữu tịnh tâm hữu thâm tâm 。

hữu dục hữu giải hữu xả hữu tinh tấn 。

có tín tâm, hiểu, thích thú, có tâm thanh tịnh, tâm sâu xa, có ước muốn, có hiểu biết, có buông bỏ, có tinh tấn,

取般若波羅蜜。為般若波羅蜜所守護故。

thủ Bát-nhã Ba-la-mật 。

vi át nhã Ba-la-mật sở thủ hộ cố 。

mà bám vào Bát-nhã Ba-la-mật; vì được Bát-nhã Ba-la-mật bảo hộ nên

中道不退。過聲聞辟支佛地。

trung đạo bất thối 。 quá thanh văn tích chi Phật địa 。
không lui giữa đường, vượt qua địa Thanh văn, địa Phật Bích Chi,

當住阿耨多羅三藐三菩提。須菩提。
đương trụ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 Tu-bồ-đề 。
sẽ trụ Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề,

譬如有人持坏瓶詣河井池泉取水。當知是瓶爛壞不久還歸於地。
thí như hữu nhân trì khôi 瓶 nghệ hà tinh trì tuyên thủ thủy 。 đương tri thị 瓶 lạn
hoại bất cữu hoàn quy ư địa 。
ví dụ có người cầm bình gốm chưa nung đến bên sông, giếng, ao, suối lấy nước, nên biết
bình gốm này sẽ vỡ nát, chẳng lâu sau sẽ về lại với đất.

何以故。瓶未熟故。須菩提。菩薩亦如是。
hà dĩ cố 。 瓶 vị thực cố 。 Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát diệc như thị 。
Vì sao? Vì bình chưa được nung. Tu-bồ-đề, Bồ-tát cũng như vậy,

於阿耨多羅三藐三菩提。有信有忍有樂。
ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 hữu tín hữu nhẫn hữu lạc 。
ở nơi Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có tin, có nhận, có vui,

有淨心有深心。有欲有解有捨有精進。
hữu tịnh tâm hữu thâm tâm 。 hữu dục hữu giải hữu xả hữu tinh tấn 。
có tâm thanh tịnh, tâm sâu xa, có ước muốn, có hiểu biết, có buông bỏ, có tinh tấn,

不為般若波羅蜜方便所護故。當知是人未得薩婆若中道。
bất vi Bát-nhã Ba-la-mật phương tiện sở hộ cố 。 đương tri thị nhân vị đắc tát bà
nhược trung đạo 。
mà không được phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật bảo hộ, nên biết người này chưa được
Nhất thiết trí, giữa đường đã lui.

退轉。須菩提。云何為菩薩中道退轉。

thối chuyển 。 Tu-bồ-đề 。 vân hà vi Bồ-tát trung đạo thoái chuyển 。

Tu-bồ-đề, tại sao Bồ-tát giữa đường lại lui?

所謂若墮聲聞地。若墮辟支佛地。須菩提。

sở vị nhược đọa thanh văn địa 。 nhược đọa tích chi Phật địa 。 Tu-bồ-đề 。

Tức là rơi vào địa Thanh văn, hoặc rơi vào địa Phật Bích Chi. Tu-bồ-đề,

譬如有人持熟瓶詣河井池泉取水。

thí như hữu nhân trì thực bình nghê hà tinh trì tuyền thủ thủy 。

ví như có người cầm bình gốm đã nung đến lấy nước ở sông, giếng, ao, suối,

當知是瓶堅固不壞持水而歸。何以故。是瓶熟故。須菩提。

đương tri thị bình kiên cố bất hoại trì thủy nhi quy 。

。

hà dĩ cố 。

thị bình thực cố 。

。

Tu-bồ-đề,

應知是瓶堅固不壞持水而歸。何以故。是瓶熟故。須菩提。

Bồ-tát diệc như thị 。

ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Bồ-tát cũng như vậy, ở nơi Vô thượng Chính đẳng Chính giác

有信有忍有樂。有淨心有深心。有欲有解有捨有精進。

hữu tín hữu nhẫn hữu lạc 。

hữu tịnh tâm hữu thâm tâm 。

hữu dục hữu giải hữu xả

hữu tinh tấn 。

có tin, có nhẫn, có vui, có tâm thanh tịnh, có tâm sâu xa, có ước muốn, có hiểu biết, có

buông bỏ, có tinh tấn;

為般若波羅蜜方便所護故。

vi át nhã Ba-la-mật phương tiện sở hộ cố 。

vì có được phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật bảo hộ,

當知是菩薩不中道退轉。安隱得到薩婆若。須菩提。

đương tri thị Bồ-tát bất trung đạo thối chuyển 。 an ổn đắc đáo tát bà nhược 。 Tu-bồ-đề 。

nên biết Bồ-tát này không lui giữa đường, an ổn, đến được Nhất thiết trí. Tu-bồ-đề,

譬如大海中船未被莊治。推著水邊載諸財物。

thí như Đại hải trung thuyền vị bị trang trì 。 thôi trứ thủy biên tải chư tài vật 。

ví như trong biển lớn có chiếc thuyền chưa được trang bị, sửa chữa, chở các tiền của.

當知是船中道漏沒散失財物。

đương tri thị thuyền trung đạo lậu một tán thất tài vật 。

Nên biết chiếc thuyền này, ở giữa đường, sẽ bị rò rỉ, chìm, làm mất tiền của,

以是賈客無方便故。多失財物自致憂惱。須菩提。菩薩亦如是。

dĩ thị cổ khách vô phương tiện cố 。 đa thất tài vật tự trí ưu não 。 Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát diệc như thị 。

vì nhà buôn này không có phương tiện nên mất nhiều tiền của, tự mình chuốc lấy ưu não. Tu-bồ-đề, Bồ-tát cũng như vậy.

於阿耨多羅三藐三菩提。有信乃至進。

ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Ở nơi Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có tín tâm cho tới có tinh tấn

不為般若波羅蜜方便所護故。未到薩婆若。

bất vi át nhã Ba-la-mật phương tiện sở hộ cố 。

nhưng vì không được phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật bảo hộ, nên chưa đến được Nhất thiết trí,

中道而退失於大寶。而自憂惱失大珍寶。

trung đạo nhi thối thất ư Đại bảo 。

giữa đường bị lui, đánh mất của báu lớn, tự chuốc lấy ưu não.

中道沒者。墮聲聞辟支佛地。失大珍寶者。

trung đạo một giả 。 đọa thanh văn tích chi Phật địa 。 thất Đại trân bảo giả 。

Người lui giữa đường, tức rơi vào địa Thanh văn, địa Phật Bích Chi. Người đánh mất của báu lớn,

失薩婆若寶。須菩提。

thất tát bà nhược bảo 。 Tu-bồ-đề 。

tức đánh mất của báu Nhất thiết trí. Tu-bồ-đề,

譬如大海邊船莊治堅牢推著水中載諸財物。當知是船不中道沒。

thí như Đại hải biên thuyền trang trì kiên lao thôi trữ thủy trung tải chư tài vật 。

đương trì thị thuyền bất trung đạo một 。

ví như chiếc thuyền được trang bị, sửa chữa chắc chắn, chạy trên biển lớn chở các tiền của, nên biết thuyền này sẽ không chìm giữa đường,

隨所至處必能得到。須菩提。菩薩亦如是。

tùy sở chí xử tất năng đắc đáo 。 Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát diệc như thị 。

tùy theo nơi đến tức có thể đến đợc. Tu-bồ-đề, Bồ-tát cũng như vậy.

於阿耨多羅三藐三菩提。有信乃至進。

ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 hữu tín nãi chí tiến 。

Ở nơi Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có tín tâm cho tới có tinh tấn;

為般若波羅蜜方便所護故。當知是菩薩。

vi át nhã Ba-la-mật phương tiện sở hộ cố 。

vì đợc phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật bảo hộ, nên biết Bồ-tát này,

不中道退轉於阿耨多羅三藐三菩提。何以故。須菩提。法應爾。

bất trung đạo thối chuyển ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 hà dĩ cố 。 Tu-bồ-đề 。
Pháp ứng nhĩ 。

ở nơi Vô thượng Chính đẳng Chính giác không lui giữa đường. Vì sao? Tu-bồ-đề, pháp
vốn như vậy.

若菩薩於阿耨多羅三藐三菩提。有信乃至進。

nhược Bồ-tát ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 hữu tín nãi chí tiến 。

Nếu Bồ-tát ở nơi Vô thượng Chính đẳng Chính giác có tín tâm cho tới có tinh tấn,

為般若波羅蜜方便所護故。

vi át nhã Ba-la-mật phương tiện sở hộ cố 。

vì đợc phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật bảo hộ,

不墮聲聞辟支佛地。但以是諸功德。

bất đọa thanh văn tịch chi Phật địa 。 đăn dĩ thị chư công đức 。

nên không rơi vào địa Thanh văn, địa Phật Bích Chi mà lấy các công đức này

向阿耨多羅三藐三菩提。須菩提。

hướng a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 Tu-bồ-đề 。

hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề,

譬如老人年百二十而有雜病風寒冷熱。須菩提。於意云何。是人能從床起不。

thí như lão nhân niên bách nhị thập nhi hữu tạp bệnh phong hàn lãnh nhiệt 。

Tu-bồ-đề 。

ư ý vân hà 。

thị nhân năng tòng sàng khởi bất 。

ví như người già một trăm hai mươi tuổi có các bệnh phong, hàn, lạnh, nóng. Tu-bồ-đề, ý
ông thế nào? Người này có thể đứng dậy ra khỏi giường không?

不也世尊。須菩提。是人或時能起。世尊。

bất dã Thế tôn 。

Tu-bồ-đề 。

thị nhân hoặc thời năng khởi 。

Thế tôn 。

Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề, người này có lúc có thể đứng dậy đợc. Thế tôn,

假令能起不能遠行若十里二十里。何以故。

giả lệnh năng khởi bất năng viễn hành nhược thập lý nhị thập lý 。 hà dĩ cố 。

giả sử có thể đứng dậy được nhưng không thể đi xa mười dặm, hoặc hai mươi dặm. Vì sao?

是人已為老病所侵。雖復能起不能遠行。須菩提。

thị nhân dĩ vi lão bệnh sở xâm 。 tuy phục năng khởi bất năng viễn hành 。 Tu-bồ-đề 。

Vì người này bị già, bệnh xâm lấn. Tuy có thể đứng dậy nhưng không thể đi xa. Tu-bồ-đề,

菩薩亦如是。

Bồ-tát diệc như thị 。

Bồ-tát cũng như vậy.

雖發阿耨多羅三藐三菩提心乃至有精進。

tuy phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm nãi chí hữu tinh tấn 。

Tuy phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cho tới có tinh tấn;

於阿耨多羅三藐三菩提有信乃至有進。不為般若波羅蜜方便所護故。

ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề hữu tín nãi chí hữu tiến 。

bất vi át nhã Ba-la-mật phương tiện sở hộ cố 。

ở nơi Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có tín tâm cho tới có tinh tấn. Nhưng vì không được phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật bảo hộ,

未得薩婆若。中道退轉。墮聲聞辟支佛地。

vị đắc tát bà nhược 。

trung đạo thối chuyển 。

đọa thanh văn tích chi Phật địa 。

nên chưa được Nhất thiết trí, lui ở giữa đường, rơi vào địa Thanh văn, địa Phật Bích Chi.

須菩提。是百二十歲老人。

Tu-bồ-đề 。

thị bách nhị thập tuế lão nhân 。

Tu-bồ-đề, người già một trăm hai mươi tuổi này

若有風寒冷熱之病欲從床起。有二健人各扶一腋。安慰之言。

nhược hữu phong hàn lãnh nhiệt chi bệnh dục tòng sàng khởi 。 hữu nhị kiện nhân nhân các phù nhất dịch 。 an úy chi ngôn 。

bị bệnh phong hàn, lạnh nóng, nếu muốn đứng dậy khỏi giường phải có hai người mạnh khỏe đỡ hai bên nách, nói lời an ủi:

隨意所至。我等好相扶持。勿懼中道有所墜落。

tùy ý sở chí 。 ngã đẳng hảo tương phù trì 。 vật cụ trung đạo hữu sở trụ lạc 。

ông muốn đi đâu, chúng con dìu đi, đừng sợ té giữa đường.

須菩提。菩薩亦如是。於阿耨多羅三藐三菩提。

Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát diệc như thị 。

ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Tu-bồ-đề, Bồ-tát cũng như vậy. Ở nơi Vô thượng Chính đẳng Chính giác

有信乃至進。為般若波羅蜜方便所護故。

hữu tín nãi chí tiến 。

vi át nhã Ba-la-mật phương tiện sở hộ cố 。

có tín tâm cho tới có tinh tấn, vì được phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật bảo hộ,

當知是菩薩不中道退轉。

đương tri thị Bồ-tát bất trung đạo thoái chuyển 。

nên biết Bồ-tát này không lui giữa đường,

能至阿耨多羅三藐三菩提。

năng chí a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

có thể đến được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

小品般若波羅蜜經

tiểu phẩm Bát-nhã Ba-la-mật Kinh

Kinh Tiểu Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật

卷第六

quyển đệ lục

Quyển VI

大如品第十五

Đại như phẩm đệ thập ngũ

Phẩm 15: Đại Như

爾時須菩提白佛言。世尊。新發意菩薩。

nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 tân phát ý Bồ-tát 。

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn, Bồ-tát mới phát tâm

云何應學般若波羅蜜。佛告須菩提。

vân hà ứng học Bát-nhã Ba-la-mật 。 Phật cáo Tu-bồ-đề 。

vì sao nên học Bát-nhã Ba-la-mật? Phật bảo Tu-bồ-đề:

新發意菩薩若欲學般若波羅蜜。

tân phát ý Bồ-tát nhược dục học Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bồ-tát mới phát tâm, nếu muốn học Bát-nhã Ba-la-mật,

先當親近善知識能說般若波羅蜜者。是人如是教。善男子來。

tiên đương thân cận thiện tri thức năng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật giả 。

thị nhân như thị giáo 。

thiện nam tử lai 。

trước tiên phải thân cận bậc thiện tri thức có khả năng thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật.

Người này dạy thế này: Hãy đến đây Thiện nam tử,

汝所有布施。皆應迴向阿耨多羅三藐三菩提。

nhữ sở hữu bố thí 。

giai ứng hồi hướng a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

ông có sự bố thí thì đều nên hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

汝善男子。亦莫貪著阿耨多羅三藐三菩提。

nhữ thiện nam tử 。 diệc mạc tham trước a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。
Ông là Thiện nam tử, cũng đừng tham trước Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

若色是。若受想行識是。何以故。

nhược sắc thị 。 nhược thọ tưởng hành thức thị 。 hà dĩ cố 。
nếu sắc cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Vì sao?

是薩婆若非可著者。善男子。

thị tát bà nhược phi khả trú giả 。 thiện nam tử 。
Nhất thiết trí này không thể chấp trước. Thiện nam tử,

汝所有持戒忍辱精進禪定智慧。皆應迴向阿耨多羅三藐三菩提。

nhữ sở hữu trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định trí tuệ 。 giai ứng hồi hướng a nậu
đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

ông có trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đều nên hồi hướng Vô thượng Chính
đẳng Chính giác,

勿生貪著。若色是。若受想行識是。何以故。

vật sinh tham trước 。 nhược sắc thị 。 nhược thọ tưởng hành thức thị 。 hà dĩ cố 。
đừng sinh tham trước, nếu sắc cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Vì sao?

善男子。是薩婆若非可著者。汝善男子。

thiện nam tử 。 thị tát bà nhược phi khả trú giả 。 nhữ thiện nam tử 。
Thiện nam tử, Nhất thiết trí này không thể chấp trước. Ông là Thiện nam tử,

亦勿貪著聲聞辟支佛道。須菩提。如是新發意菩薩。

diệc vật tham trước thanh văn Bích chi Phật đạo 。 Tu-bồ-đề 。 như thị tâm phát ý
Bồ-tát 。

cũng đừng tham trước đạo Thanh văn, đạo Phật Bích Chi. Tu-bồ-đề, Bồ-tát mới phát tâm
như vậy

應漸教令入深般若波羅蜜。世尊。

ứng tiệm giáo lệnh nhập thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 Thế tôn 。
nên giáo hóa từ từ khiến cho họ vào được Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa. Thế tôn,

諸菩薩發阿耨多羅三藐三菩提心。

chư Bồ-tát phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm 。
các Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác

欲得阿耨多羅三藐三菩提。所為甚難。如是如是。須菩提。

dục đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 sở vi thậm nan 。 như thị như thị 。 Tu-
bồ-đề 。
muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, việc ấy rất khó. Đúng vậy, đúng vậy, Tu-
bồ-đề.

如諸菩薩發阿耨多羅三藐三菩提心。

như chư Bồ-tát phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm 。
Như Bồ-tát mới phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

欲得阿耨多羅三藐三菩提。所為甚難。

dục đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 sở vi thậm nan 。
muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, việc ấy rất khó.

是人為安隱世間故發心。為安樂世間故發心。

thị nhân vi an ổn thế gian cố phát tâm 。 vi an lạc thế gian cố phát tâm 。
Người này vì an ổn thế gian nên phát tâm, vì an lạc thế gian nên phát tâm:

我當得阿耨多羅三藐三菩提。為世間作救。為世間作歸。

ngã đương đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 vi thế gian tác cứu 。 vi thế gian tác
quy 。

Ta sẽ chứng đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác, vì thế gian mà làm việc cứu giúp, vì
thế gian mà làm chỗ nương tựa,

為世間作舍。為世間作究竟道。為世間作洲。

vi thế gian tác xá 。 vi thế gian tác cứu cánh đạo 。 vi thế gian tác châu 。

vì thế gian mà tạo nhà cửa, vì thế gian mà tạo ra đạo cứu cánh, vì thế gian mà tạo đất liền,

為世間作導師。為世間作趣。須菩提。

vi thế gian tác Đạo sư 。 vi thế gian tác thú 。

vì thế gian mà làm đạo sư, vì thế gian mà tạo ra hướng đi. Tu-bồ-đề,

云何菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時。為世間作救。

vân hà Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。

vì sao Bồ-tát lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác lại vì thế gian mà cứu giúp?

菩薩為斷生死中諸苦惱故。

Bồ-tát vì đoạn sinh tử trung chư khổ não cố 。

Vì Bồ-tát muốn đoạn các khổ não trong sinh tử,

說法救眾生於苦惱。須菩提。

thuyết Pháp cứu chúng sinh ư khổ não 。

nên thuyết pháp cứu giúp chúng sinh ra khỏi khổ não. Tu-bồ-đề,

是名菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時為世間作救。

thị danh Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời vi thế gian tác cứu 。

đó gọi là Bồ-tát lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác lại vì thế gian mà cứu giúp.

云何菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時。

vân hà Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。

Vì sao lúc Bồ-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác

為世間作歸眾生法老病死法。憂悲苦惱法。

vi thế gian tác quy chúng sinh sinh Pháp lão bệnh tử Pháp 。 ưu bi khổ não Pháp
。

lại vì thế gian làm chỗ nương tựa? Pháp sinh, pháp già bệnh chết, pháp ưu bi khổ não của
chúng sinh,

是菩薩能度眾生於此生法老病死法憂悲苦惱法。須菩提。

thị Bồ-tát năng độ chúng sinh ư tử sinh Pháp lão bệnh tử Pháp ưu bi khổ não Pháp
。 Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát này có thể độ thoát chúng sinh ra khỏi pháp sinh, pháp già bệnh chết, pháp ưu bi
khổ não. Tu-bồ-đề,

是名菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時為世間作歸。

thị danh Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời vì thế gian tác quy 。

đó gọi là Bồ-tát lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác lại vì thế gian làm chỗ nương
tựa.

云何菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時。

vân hà Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。

Vì sao lúc Bồ-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

為世間作舍。須菩提。菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時。

vi thế gian tác xá 。

Tu-bồ-đề 。

為不著故說法。世尊。云何名不著。須菩提。

vi bất trú cố thuyết Pháp 。

Thế tôn 。

若色不縛不解不生不滅。是名色不著。

nhược sắc bất phược bất giải bất sinh bất diệt 。

thị danh sắc bất trú 。

nếu sắc không buộc, không cởi, không sinh, không diệt thì gọi là sắc không chấp trước;

若受想行識不縛不解不生不滅。是名識不著。

nhược thọ tưởng hành thức bất phược bất giải bất sinh bất diệt 。 thị danh thức bất trú
。

nếu thọ, tưởng, hành, thức không buộc, không cởi, không sinh, không diệt thì gọi là thức không chấp trước.

如是須菩提。一切法不縛不解故不著。

như thị Tu-bồ-đề 。 nhất thiết Pháp bất phược bất giải cố bất trú 。

Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Tất cả các pháp không buộc, không cởi nên không chấp trước.

菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時。能為眾生說如是法。

Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。 năng vi chúng sinh thuyết như thị
Pháp 。

Bồ-tát lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác có thể vì chúng sinh mà nói pháp như
vậy,

是名菩薩為世間作舍。

thị danh Bồ-tát vi thế gian tác xá 。

gọi là Bồ-tát vì thế gian mà tạo nhà cửa.

云何菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時。為世間作究竟道。須菩提。

vân hà Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。 vi thế gian tác cứu cánh đạo
。 Tu-bồ-đề 。

Vì sao Bồ-tát lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác lại vì thế gian mà tạo ra đạo cứu
cánh? Tu-bồ-đề,

色究竟不名色。受想行識究竟不名識。

sắc cứu cánh bất danh sắc 。 thọ tưởng hành thức cứu cánh bất danh thức 。

sắc cứu cánh không gọi là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cứu cánh không gọi là thức.

如究竟相。一切法亦如是。世尊。

như cứu cánh tướng 。 nhất thiết Pháp diệc như thị 。 Thế tôn 。

Như tướng cứu cánh, tất cả các pháp cũng như vậy. Thế tôn,

若究竟相一切法亦爾者。

nhược cứu cánh tướng nhất thiết Pháp diệc nhĩ giả 。

nếu tướng cứu cánh thì tất cả các pháp cũng như vậy.

菩薩皆應得阿耨多羅三藐三菩提。何以故。是中無有分別故。如是如是。

Bồ-tát giai ứng đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

hà dĩ cố 。

thị trung vô hữu phân biệt cố 。

như thị như thị 。

Các Bồ-tát đều nên chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Vì trong đó không có sự phân biệt. Đúng vậy, đúng vậy,

須菩提。是中無有分別。諸菩薩如是觀如是知。

Tu-bồ-đề 。

thị trung vô hữu phân biệt 。

chư Bồ-tát như thị quán như thị tri 。

Tu-bồ-đề. Trong đó không có sự phân biệt. Các Bồ-tát quán chiếu như vậy, biết như vậy,

其心不沒。作是念。

kỳ tâm bất một 。

tác thị niệm 。

thì tâm sẽ không thoái chuyển, nghĩ rằng:

我得阿耨多羅三藐三菩提時。應為眾生說如是法。須菩提。

ngã đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。

ứng vi chúng sinh thuyết như thị Pháp 。

Tu-bồ-đề 。

lúc ta được Vô thượng Chính đẳng Chính giác hãy vì chúng sinh mà nói pháp như vậy.

Tu-bồ-đề,

是名菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時為世間作究竟道

thị danh Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời vi thế gian tác cứu cánh đạo

đó gọi là Bồ-tát lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác vì thế gian mà tạo ra đạo cứu cánh.

云何菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時。

vân hà Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。

Vì sao lúc Bồ-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác

為世間作洲。譬如水中陸地斷流之處名之為洲。

vi thế gian tác châu 。

thí như thủy trung lục địa đoạn lưu chi xử danh chi vi châu 。

lại vì thế gian tạo ra đất liền? Ví như ở trong nước, chỗ nào có đất đai ngăn không cho nước chảy thì gọi là đất liền.

如是須菩提。色前際後際斷。

như thị Tu-bồ-đề 。

sắc tiền tế hậu tế đoạn 。

Đúng vậy Tu-bồ-đề. Sắc đoạn ở tiền tế, hậu tế;

受想行識前際後際斷。以前際後際斷故。一切法都斷。

thọ tưởng hành thức tiền tế hậu tế đoạn 。

dĩ tiền tế hậu tế đoạn cố 。

nhất thiết Pháp đô đoạn 。

thọ, tưởng, hành, thức đoạn ở tiền tế, hậu tế. Vì tiền tế, hậu tế đoạn nên tất cả các pháp đều đoạn.

若一切法都斷。是名寂滅微妙如實不顛倒涅槃。

nhược nhất thiết Pháp đô đoạn 。

thị danh tịch diệt vi diệu như thật bất điên đảo Niết-Bàn 。

Nếu tất cả các pháp đều đoạn thì gọi là Niết-bàn tịch diệt, vi diệu, như thật, không điên đảo.

須菩提。

Tu-bồ-đề 。

Tu-bồ-đề,

是名菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時為世間作洲。

thị danh Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời vì thế gian tác châu 。
đó gọi là Bồ-tát lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác vì thế gian tạo ra đất liền.

云何菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時。為世間作導師。須菩提。

vân hà Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。 vì thế gian tác Đạo sư 。 Tu-
bồ-đề 。

Vì sao lúc Bồ-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác lại vì thế gian mà làm đạo sư?
Tu-bồ-đề,

菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時。不為色生滅故說法。

Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。 bất vì sắc sinh diệt cố thuyết Pháp
。

Bồ-tát lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không vì sự sinh diệt của sắc mà nói
pháp,

但為實相故說法。不為受想行識生滅故說法。

đãn vì thật tướng cố thuyết Pháp 。 bất vì thọ tưởng hành thức sinh diệt cố thuyết
Pháp 。

chỉ vì thật tướng mà nói pháp; không vì sự sinh diệt của thọ, tưởng, hành, thức mà nói
pháp,

但為實相故說法。

đãn vì thật tướng cố thuyết Pháp 。

chỉ vì thật tướng mà nói pháp.

不為須陀洹果斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛道薩婆若生滅故

bất vì Tu đà hoàn quả Tư đà hàm quả A na hàm quả A la hán quả Bích chi Phật
đạo tát bà nhược sinh diệt cố

Không vì sự sinh diệt của quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Phật Bích Chi, Nhất thiết trí,

說法。但為實相故說法。須菩提是。

thuyết Pháp 。 dẫn vì thật tướng cố thuyết Pháp 。 Tu-bồ-đề thị 。
mà nói pháp, chỉ vì thật tướng mà nói pháp. Tu-bồ-đề,

名菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時為世間作導師。

danh Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời vì thế gian tác Đạo sư 。
đó gọi là Bồ-tát lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác vì thế gian làm bậc đạo sư.

云何菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時。

vân hà Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。
Vì sao lúc Bồ-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác

為世間作趣。須菩提。

vì thế gian tác thú 。 Tu-bồ-đề 。
vì thế gian mà tạo ra hướng đi? Tu-bồ-đề,

菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時。為眾生說色趣空。說受想行識趣空。

Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。 vì chúng sinh thuyết sắc thú không
。 thuyết thọ tưởng hành thức thú không 。

Bồ-tát lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, vì chúng sinh nói sắc hướng đến
Không; thọ, tưởng, hành, thức hướng đến Không,

一切法皆趣空不來不去。何以故。

nhất thiết Pháp giai thú không Bất-lai bất khứ 。 hà dĩ cố 。

色空不來不去。受想行識空不來不去。

sắc không Bất-lai bất khứ 。 thọ tưởng hành thức không Bất-lai bất khứ 。

Vì sắc là Không, không đến, không đi; thọ, tưởng, hành, thức là Không, không đến, không đi;

乃至一切法空不來不去故。一切法趣空不過是趣。一切法趣。

nãi chí nhất thiết Pháp không Bất-lai bất khứ cố 。 nhất thiết Pháp thú không bất quá thị thú 。 nhất thiết Pháp thú 。

cho tới tất cả các pháp là Không, không đến, không đi. Tất cả các pháp hướng đến Không, không ngoài con đường này. Con đường của tất cả các pháp là

無相趣無作趣。無起趣無生趣。

vô tướng thú vô tác thú 。 vô khởi thú vô sinh thú 。

con đường vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sinh,

無所有趣夢趣。無量趣無邊趣。無我寂滅趣。涅槃趣。

vô sở hữu thú mộng thú 。 vô lượng thú vô biên thú 。 vô ngã tịch diệt thú 。 Niết-Bàn thú 。

con đường trống trơn, con đường của mộng, con đường vô lượng, vô biên, con đường tịch diệt vô ngã, con đường Niết-bàn,

不還趣不趣。一切法不過是趣。世尊。如是法者。

Bất hoàn thú bất thú 。 nhất thiết Pháp bất quá thị thú 。 Thế tôn 。 như thị Pháp giả 。

con đường không quay về, không hướng đến, tất cả các pháp không nằm ngoài hướng đi này. Thế tôn, pháp như vậy,

誰能信解。須菩提。

thùy năng tín giải 。 Tu-bồ-đề 。

ai có thể tin, hiểu? Tu-bồ-đề,

若菩薩於先佛所久修道行。成就善根乃能信解。世尊。

nhược Bồ-tát ư tiên Phật sở cửu tu đạo hành 。 thành tựu thiện căn nãi năng tín giải 。

Thế tôn 。

nếu Bồ-tát đối với Phật quá khứ đã từng tu đạo hành, thành tựu thiện căn và có khả năng tin hiểu. Thế tôn,

能信解者何相。須菩提。離滅欲恚癡性。是信解相。

năng tín giải giả hà tướng 。 Tu-bồ-đề 。 ly diệt dục khuể si tính 。 thị tín giải tướng 。
tướng của người có khả năng tin hiểu là gì? Tu-bồ-đề, rời bỏ, trừ diệt tham, sân, si là tướng của sự tin hiểu.

如是人能知深般若波羅蜜。世尊。

như thị nhân năng tri thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 Thế tôn 。

Người như thế có thể biết được Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa. Thế tôn,

是菩薩能解深般若波羅蜜。亦如是趣得是趣相。

thị Bồ-tát năng giải thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 diệt như thị thú đắc thị thú tướng 。

Bồ-tát này có thể hiểu Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, hướng đi như thế, đắc được tướng của hướng đi này,

能為無量眾生作趣。如是如是。須菩提是菩薩如是趣。

năng vi vô lượng chúng sinh tác thú 。 như thị như thị 。

Tu-bồ-đề thị Bồ-tát như thị thú 。

có thể vì vô lượng chúng sinh mà làm đường hướng. Đúng vậy, đúng vậy, Tu-bồ-đề. Bồ-tát này có đường hướng,

能為無量眾生作趣。須菩提。

năng vi vô lượng chúng sinh tác thú 。

Tu-bồ-đề 。

có thể vì vô lượng chúng sinh mà làm đường hướng. Tu-bồ-đề,

是名菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時能為無量眾生作趣。

thị danh Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời năng vi vô lượng chúng sinh tác thú 。

đó gọi là Bồ-tát lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác có thể vì vô lượng chúng sinh mà tạo ra hướng đi.

世尊。是菩薩所為甚難。能作如是大莊嚴。

Thế tôn 。 thị Bồ-tát sở vi thậm nan 。 năng tác như thị Đại trang nghiêm 。

Thế tôn, việc làm của Bồ-tát này rất khó. Có thể làm Đại Trang nghiêm như vậy,

為滅度無量無邊眾生。而眾生不可得。如是如是。

vi diệt độ vô lượng vô biên chúng sinh 。 nhi chúng sinh bất khả đắc 。 như thị như thị 。

vì diệt độ vô lượng vô biên chúng sinh mà chúng sinh không thể đắc. Đúng vậy, đúng vậy,

須菩提。菩薩所為甚難。

Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát sở vi thậm nan 。

Tu-bồ-đề. Việc làm của Bồ-tát rất khó.

為滅度無量無邊眾生故發大莊嚴。而眾生不可得。須菩提。

vi diệt độ vô lượng vô biên chúng sinh cố phát Đại trang nghiêm 。 nhi chúng sinh bất khả đắc 。 Tu-bồ-đề 。

Vì diệt độ vô lượng vô biên chúng sinh mà phát Đại Trang nghiêm nhưng chúng sinh không thể đắc. Tu-bồ-đề,

是為菩薩大莊嚴。不為色。不為受想行識。

thị vi Bồ-tát Đại trang nghiêm 。 bất vi sắc 。 bất vi thọ tưởng hành thức 。

đó gọi là Bồ-tát Đại Trang nghiêm không vì sắc, không vì thọ, tưởng, hành, thức,

不為聲聞辟支佛地。不為薩婆若故。發大莊嚴。

bất vi thanh văn tích chi Phật địa 。 bất vi tát bà nhược cố 。

không vì địa Thanh văn, địa Phật Bích Chi, không vì Nhất thiết trí, mà phát Đại Trang nghiêm.

不為莊嚴一切法故。是菩薩發大莊嚴。世尊。

bất vi trang nghiêm nhất thiết Pháp cố 。 thị Bồ-tát phát Đại trang nghiêm 。 Thế tôn 。
Không vì trang nghiêm tất cả các pháp nên Bồ-tát này phát Đại Trang nghiêm. Thế tôn,

菩薩能如是行深般若波羅蜜。則不墮二地。

Bồ-tát năng như thị hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 tắc bất đọa nhị địa 。
Bồ-tát có thể hành Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa như vậy thì không rơi vào hai địa

若聲聞地辟支佛地。須菩提。

nhược thanh văn địa tích chi Phật địa 。 Tu-bồ-đề 。
Thanh văn, hoặc Phật Bích Chi. Tu-bồ-đề,

汝見何義說如是事。若菩薩如是行深般若波羅蜜。

nhữ kiến hà nghĩa thuyết như thị sự 。 nhược Bồ-tát như thị hành thâm Bát-nhã Ba-
la-mật 。

ông thấy được nghĩa gì mà nói là nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa như vậy

則不墮二地。若聲聞辟支佛地。世尊。

tắc bất đọa nhị địa 。 nhược thanh văn tích chi Phật địa 。 Thế tôn 。
thì không rơi vào hai địa Thanh văn hoặc Phật Bích Chi? Thế tôn,

是般若波羅蜜甚深。此中無修法無所修無修者。何以故。

thị Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm 。 thử trung vô tu Pháp vô sở tu vô tu giả 。 hà dĩ
cố 。

Bát-nhã Ba-la-mật này rất sâu xa. Trong đó không có pháp tu, không có pháp được tu,
không có người tu. Vì sao?

世尊。是深般若波羅蜜中無決定法。

Thế tôn 。 thị thâm Bát-nhã Ba-la-mật trung vô quyết định Pháp 。

Thế tôn, trong Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa này không có pháp quyết định.

修虛空是修般若波羅蜜。世尊。

tu hư không thị tu Bát-nhã Ba-la-mật 。 Thế tôn 。

Tu hư không là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Thế tôn,

不修一切法是修般若波羅蜜。修無邊是修般若波羅蜜。

bất tu nhất thiết Pháp thị tu Bát-nhã Ba-la-mật 。 tu vô biên thị tu Bát-nhã Ba-la-mật

。

không tu tất cả các pháp là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu vô biên là tu Bát-nhã Ba-la-mật;

修無著是修般若波羅蜜。須菩提。

tu Vô trú thị tu Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu-bồ-đề 。

tu không chấp trước là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề,

應以深般若波羅蜜試阿惟越致菩薩。若不貪著般若波羅蜜。

ứng dĩ thâm Bát-nhã Ba-la-mật thí A-duy-việt-trí Bồ-tát 。 nhược bất tham trước Bát-nhã Ba-la-mật 。

nên lấy Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa để thử thách Bồ-tát Bất thoái. Nếu không tham trước Bát-nhã Ba-la-mật,

不隨他言論有所悵望。

bất tùy tha ngôn luận hữu sở hi vọng 。

không theo lời luận bàn của người khác mà hy vọng,

若聞說深般若波羅蜜時。不驚不怖不沒不退。其心喜樂。

nhược văn thuyết thâm Bát-nhã Ba-la-mật thời 。 bất kinh bất phố bất một bất thoái 。

kỳ tâm thiện lạc 。

nếu lúc nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa mà không kinh, không sợ, không mất, không lui, tâm vui thích,

當知是阿惟越致菩薩。先世已曾聞深般若波羅蜜。

đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。 tiên thế dĩ tăng văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。
thì nên biết Bồ-tát Bất thoái này ở đời trước đã từng nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa.

何以故。聞說深般若波羅蜜。

há dĩ cố 。 văn thuyết thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

Vì sao? Nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa mà

不驚不怖不沒不退。當知是阿惟越致菩薩。世尊。

bất kinh bất phố bất một bất thoái 。 đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。 Thế tôn 。
không kinh, không sợ, không mất, không lui thì nên biết đó là Bồ-tát Bất thoái. Thế tôn,

若菩薩聞說深般若波羅蜜。不驚不怖不沒不退。

nhược Bồ-tát văn thuyết thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 bất kinh bất phố bất một bất thoái
。

nếu Bồ-tát nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa mà không kinh, không sợ, không mất,
không lui thì

應云何觀。須菩提。

ứng vân hà quán 。 Tu-bồ-đề 。

nên quán chiếu như thế nào? Tu-bồ-đề,

是菩薩應隨薩婆若心觀般若波羅蜜。世尊。云何名為隨薩婆若心觀。

thị Bồ-tát ứng tùy tát bà nhược tâm quán Bát-nhã Ba-la-mật 。 Thế tôn 。 vân hà danh
vi tùy tát bà nhược tâm quán 。

Bồ-tát này nên nương theo tâm Nhất thiết trí để quán Bát-nhã Ba-la-mật. Thế tôn, vì sao
gọi là nương theo tâm Nhất thiết trí để quán?

須菩提。隨虛空觀。

Tu-bồ-đề 。 tùy hư không quán 。

Tu-bồ-đề, nương theo hư không mà quán

名為隨薩婆若心觀般若波羅蜜。須菩提。隨薩婆若心觀。即非觀。何以故。

danh vi tùy tát bà nhược tâm quán Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu-bồ-đề 。 tùy tát bà nhược tâm quán 。 tức phi quán 。 hà dĩ cố 。

gọi là nương theo tâm Nhất thiết trí để quán Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề, nương theo tâm Nhất thiết trí để quán tức không phải quán. Vì sao?

無量是薩婆若。無量即無色無受想行識。

vô lượng thị tát bà nhược 。 vô lượng tức vô sắc thị cố tướng hành thức 。

Vô lượng là Nhất thiết trí, vô lượng chính là không sắc, không thọ, tướng, hành, thức,

無智無慧無道。無得無果無生無滅。

vô trí vô tuệ vô đạo 。 vô đắc vô quả vô sinh vô diệt 。

không trí, không tuệ, không đạo, không đắc, không quả, không sinh, không diệt,

無作無作者。無方無趣無住無量。即墮無量數。須菩提。

vô tác vô tác giả 。 vô phương vô thú vô trụ vô lượng 。 tức đọa vô lượng số 。 Tu-bồ-đề 。

không tạo tác, không người tạo tác, không phương sở, không hướng đi, không trụ, vô lượng, tức nằm trong số vô lượng. Tu-bồ-đề,

如虛空無量。薩婆若亦無量。

như hư không vô lượng 。 tát bà nhược diệt vô lượng 。

như hư không vô lượng, Nhất thiết trí cũng vô lượng.

無法可得亦無得者。不可以色得。不可以受想行識得。

vô Pháp khả đắc diệt vô đắc giả 。 bất khả dĩ sắc đắc 。 bất khả dĩ thọ tướng hành thức đắc 。

Không có pháp có thể đắc, cũng không có người được đắc, không thể lấy sắc để đắc, không thể lấy thọ tướng hành thức để đắc,

不可以檀波羅蜜得。

bất khả dĩ đàn ba la mật đắc 。
không thể lấy Thí Ba-la-mật để đắc,

不可以尸波羅蜜得羸提波羅蜜毘梨耶波羅蜜禪那波羅蜜般若波羅蜜

bất khả dĩ thi Ba-la-mật đắc Sạn-Đề Ba-la-mật Bi-lê-Da Ba-la-mật Thiên-na Ba-la-mật
Bát-nhã Ba-la-mật

không thể lấy Giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-
mật, Bát-nhã Ba-la-mật để đắc.

得。何以故。色即是薩婆若。

đắc 。 hà dĩ cố 。 sắc tức thị tát bà nhược 。

Vì sao? Vì sắc chính là Nhất thiết trí,

受想行識即是薩婆若。檀波羅蜜即是薩婆若。

thọ tưởng hành thức tức thị tát bà nhược 。

thọ, tưởng, hành, thức chính là Nhất thiết trí. Thí Ba-la-mật chính là Nhất thiết trí.

尸羅波羅蜜羸提波羅蜜毘梨耶波羅蜜禪波羅蜜般若波羅

Thi-La Ba-la-mật Sạn-Đề Ba-la-mật Bi-lê-Da Ba-la-mật Thiên Ba-la-mật Bát-nhã ba la
Giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật, Bát-nhã
Ba-la-mật

蜜。即是薩婆若。爾時欲色界諸天子白佛言。

mật 。

tức thị tát bà nhược 。

nhĩ thời dục sắc giới chư Thiên tử bạch Phật ngôn 。

chính là Nhất thiết trí. Bấy giờ, các Thiên tử Dục giới, Sắc giới bạch Phật:

世尊。般若波羅蜜甚深難解難知。佛言。如是。

Thế tôn 。

Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm nan giải nan tri 。

Phật ngôn 。

như thị 。

Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu, khó hiểu, khó biết. Phật dạy: Đúng vậy,

như là. 諸天子。般若波羅蜜甚深難解難知。

như thị 。 chư Thiên tử 。 Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm nan giải nan tri 。
đúng vậy. Các Thiên tử, Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu, khó hiểu, khó biết.

以是義故。我欲默然而不說法。作是念。

dĩ thị nghĩa cố 。 ngã dục mặc nhiên nhi bất thuyết Pháp 。 tác thị niệm 。
Vì nghĩa này mà Ta muốn lặng yên, không nói pháp, nghĩ rằng

我所得法。是法中無有得者。無法可得。

ngã sở đắc Pháp 。 thị Pháp trung vô hữu đắc giả 。 vô Pháp khả đắc 。
pháp Ta chứng đắc, trong đó không có người đắc, không có pháp có thể đắc,

無所用法可得。諸法相如是甚深。

vô sở dụng Pháp khả đắc 。 chư Pháp tướng như thị thậm thâm 。
không có pháp được dùng có thể đắc. Tướng của các pháp sâu xa như vậy,

如虛空甚深故是法甚深。我甚深故一切法甚深。

như hư không thậm thâm cố thị Pháp thậm thâm 。 ngã thậm thâm cố nhất thiết
Pháp thậm thâm 。

giống như hư không sâu xa, nên pháp này sâu xa. Vì Ta sâu xa nên tất cả các pháp sâu
xa.

不來不去甚深故一切法甚深欲色界諸天子白佛言。

Bất-lai bất khứ thậm thâm cố nhất thiết Pháp thậm thâm dục sắc giới chư Thiên tử
bạch Phật ngôn 。

Vì không đến, không đi sâu xa nên tất cả các pháp sâu xa. Các Thiên tử Dục giới, Sắc
giới bạch Phật:

希有世尊。是所說法。一切世間難可得信。

hi hữu Thế tôn 。 thị sở thuyết Pháp 。 nhất thiết thế gian nan khả đắc tín 。

Hiếm có, Thế tôn. Pháp được nói này, hết thảy thế gian khó có thể tin.

世間行貪著。是法為無貪著故說。爾時須菩提白佛言。

thế gian hành tham trước 。 thị Pháp vi vô tham trú cố thuyết 。 nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。

Thế gian hành tham trước; pháp này vì không tham trước nên được tuyên thuyết. Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

世尊。是法隨順一切法。何以故。世尊。

Thế tôn 。 thị Pháp tùy thuận nhất thiết Pháp 。 hà dĩ cố 。 Thế tôn 。

Thế tôn, pháp này thuận theo tất cả các pháp. Vì sao? Thế tôn,

是法無障礙處無障礙相如虛空。世尊。是法無生。

thị Pháp Vô chướng ngại xử Vô chướng ngại tướng như hư không 。 Thế tôn 。 thị Pháp vô sinh 。

pháp này không có chỗ chướng ngại, không có tướng chướng ngại, giống như hư không. Thế tôn, pháp này không sinh,

一切法不可得故。世尊。是法無處。

nhất thiết Pháp bất khả đắc cố 。 Thế tôn 。 thị Pháp vô xử 。

vì tất cả các pháp không thể đắc. Thế tôn, pháp này không xử sở,

一切處不可得故。爾時欲色界諸天子白佛言。世尊。

nhất thiết xử bất khả đắc cố 。 nhĩ thời dục sắc giới chư Thiên tử bạch Phật ngôn 。

vì tất cả xử không thể đắc. Bấy giờ, các Thiên tử Dục giới, Sắc giới bạch Phật: Thế tôn,

是長老須菩提。為隨佛生。

thị Trưởng Lão Tu-bồ-đề 。 vi tùy Phật sinh 。

Trưởng lão Tu-bồ-đề này nương theo Phật mà sinh,

有所說法皆為空故。須菩提。語欲色界諸天子言。

hữu sở thuyết Pháp giai vi không cố 。 Tu-bồ-đề 。 ngữ dục sắc giới chư Thiên tử ngôn 。

vì các pháp được ông nói đều là Không. Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử Dục giới, Sắc giới:

汝等所說長老須菩提為隨佛生。

nhữ đẳng sở thuyết Trưởng Lão Tu-bồ-đề vi tùy Phật sinh 。

các ông nói Trưởng lão Tu-bồ-đề theo Phật mà sinh ra,

隨何法生故名隨佛生。諸天子。隨如行故。須菩提隨如來生。

tùy hà Pháp sinh cố danh tùy Phật sinh 。

chư Thiên tử 。

tùy như hành cố 。

Tu-bồ-đề tùy Như-Lai sinh 。

vậy nương theo pháp nào để sinh mà gọi là nương theo Phật sinh? Các Thiên tử: Vì nương theo Như để hành. Tu-bồ-đề nương theo Như mà sinh ra,

如如來如不來不去須菩提隨如從本已來。

như Như-Lai như Bất-lai bất khứ Tu-bồ-đề tùy như tòng bản dĩ lai 。

giống như Như của Như lai, không đến, không đi. Tu-bồ-đề nương theo Như ấy từ xưa cho tới nay

亦不來不去。是故須菩提隨如來生。

diệc Bất-lai bất khứ 。

thị cố Tu-bồ-đề tùy Như-Lai sinh 。

cũng không đến không đi. Vì thế, Tu-bồ-đề nương theo Như mà sinh ra.

又如來如即是一切法如。一切法如即是如來如。

hựu Như-Lai như tức thị nhất thiết Pháp như 。

nhất thiết Pháp như tức thị Như-Lai như 。

Lại nữa, Như của Như lai chính là Như của tất cả các pháp, Như của tất cả các pháp chính là Như của Như lai.

如來如者即非如。是故須菩提隨如來生。

Như-Lai như giả tức phi như 。

thị cố Tu-bồ-đề tùy Như-Lai sinh 。

Như của Như lai tức chẳng phải Như. Vì thế, Tu-bồ-đề nương theo Như mà sinh ra;

如如來如。一切處一切處常不壞不分別。

như Như-Lai như 。 nhất thiết xử nhất thiết xử thường bất hoại bất phân biệt 。
giống như Như của Như lai, tất cả xứ, tất cả các xứ thường hằng không hoại, không phân biệt.

是故須菩提隨如來生如如來如非住非不住。

thị cố Tu-bồ-đề tùy Như-Lai sinh như Như-Lai như phi trụ phi bất trụ 。

Vì thế, Tu-bồ-đề nương theo Như mà sinh ra. Giống như Như của Như lai, chẳng phải trụ, chẳng phải không trụ;

須菩提如亦如是。是故須菩提隨如來生。

Tu-bồ-đề như diệc như thị 。 thị cố Tu-bồ-đề tùy Như-Lai sinh 。

Như của Tu-bồ-đề cũng vậy. Vì thế, Tu-bồ-đề nương theo Như mà sinh ra.

如如來如無障礙處。一切法如亦無障礙處。

như Như-Lai như Vô chướng ngại xử 。 nhất thiết Pháp như diệc Vô chướng ngại xử 。

Giống như Như của Như lai không chướng ngại nơi chốn, Như của tất cả các pháp cũng không chướng ngại nơi chốn.

是故須菩提隨如來生。又如來如一切法如。

thị cố Tu-bồ-đề tùy Như-Lai sinh 。

Vì thế, Tu-bồ-đề nương theo Như mà sinh ra. Lại nữa, Như của Như lai, Như của tất cả các pháp,

皆是一如無二無別。是如無作無非如者。

giai thị nhất như vô nhị vô biệt 。

đều là một Như, không hai không khác. Như này không tạo tác, không phải không Như.

若是如無非如者。是故是如無二無別。

nhược thị như vô phi như giả 。 thị cố thị như vô nhị vô biệt 。

Nếu Như này không phải không Như, tức Như này không hai, không khác.

是故須菩提隨如來生。又如來如一切處不壞不分別。

thị cố Tu-bồ-đề tùy Như-Lai sinh 。 hựu Như-Lai như nhất thiết xử bất hoại bất phân biệt 。

Cho nên Tu-bồ-đề nương theo Như mà sinh ra. Lại nữa, Như của Như lai, tất cả mọi nơi đều không hoại, không phân biệt.

一切法如亦不壞不分別。

nhất thiết Pháp như diệt bất hoại bất phân biệt 。

Như của tất cả các pháp cũng không hoại, không phân biệt.

如是如來如不可分別故無壞無別。是故須菩提隨如來生。

như thị Như-Lai như bất khả phân biệt cố vô hoại vô biệt 。

Vì Như của Như lai không thể phân biệt như thế nên không hoại, không khác. Vì thế, Tu-bồ-đề nương theo Như mà sinh ra.

如如來如不離諸法。如是如不異諸法。

như Như-Lai như bất ly chư Pháp 。

Giống Như của Như lai không rời các pháp, Như như thế không khác các pháp.

是如無非如時常是如。如是如是。

thị như vô phi như thời thường thị như 。

Như này không phải không Như mà lúc nào cũng là Như. Đúng thế, đúng thế,

須菩提如不異是如故。如實隨如行亦無所行。

Tu-bồ-đề như bất dị thị như cố 。

Tu-bồ-đề. Vì Như không khác Như này, nên như thực nương theo Như để hành; cũng không có cái được hành.

是故須菩提隨如來生。如如來如非過去非未來非現在。

thị cố Tu-bồ-đề tùy Như-Lai sinh 。 như Như-Lai như phi quá khứ phi vị lai phi hiện tại 。

Vì thế Tu-bồ-đề nương theo Như mà sinh ra. Giống như Như của Như lai không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại;

一切法如亦如是。非過去非未來非現在。

nhất thiết Pháp như diệc như thị 。

Như của tất cả các pháp cũng vậy, không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại.

是故須菩提隨如行生故名為隨如來生。

thị cố Tu-bồ-đề tùy như hành sinh cố danh vi tùy Như-Lai sinh 。

Vì thế, Tu-bồ-đề nương theo hành Như để sinh nên gọi là sinh từ Như.

又如來即是如來如。如來如即是過去如。

hựu Như-Lai tức thị Như-Lai như 。

Lại nữa, Như lai chính là Như của Như lai. Như của Như lai chính là Như của quá khứ,

過去如即是如來如。如來如即是未來如。

quá khứ như tức thị Như-Lai như 。

Như của quá khứ chính là Như của Như lai. Như của Như lai chính là Như của vị lai.

未來如即是如來如。如來如即是現在如。

vị lai như tức thị Như-Lai như 。

Như của vị lai chính là Như của Như lai. Như của Như lai chính là Như của hiện tại.

現在如即是如來如。

hiện tại như tức thị Như-Lai như 。

Như của hiện tại chính là Như của Như lai.

過去未來現在如如來如無二無別。一切法如須菩提如亦無二無別。

quá khứ vị lai hiện tại như Như-Lai như vô nhị vô biệt 。

nhất thiết Pháp như Tu-bồ-
đề như diệc vô nhị vô biệt 。

Như của quá khứ, vị lai, hiện tại, Như của Như lai, không hai không khác.

是故須菩提隨如來生。

thị cố Tu-bồ-đề tùy Như-Lai sinh 。

Vì thế, Tu-bồ-đề nương theo Như mà sinh ra.

菩薩如即是得阿耨多羅三藐三菩提時如。

Bồ-tát như tức thị đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời như 。

Như của Bồ-tát chính là Như vào lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

菩薩以是如得阿耨多羅三藐三菩提。名為如來。佛說是如時。

Bồ-tát dĩ thị như đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

danh vi Như-Lai 。

Phật thuyết
thị như thời 。

Bồ-tát dùng Như này, được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, gọi là Như lai. Lúc Phật nói Như này,

地六種震動。以是如故。須菩提隨如來生。

địa lục chủng chấn động 。

dĩ thị như cố 。

Tu-bồ-đề tùy Như-Lai sinh 。

đất có sáu loại chấn động. Vì Như này nên Tu-bồ-đề nương theo Như mà sinh ra.

又須菩提不隨色生。不隨受想行識生。

hựu Tu-bồ-đề bất tùy sắc sinh 。

bất tùy thọ tưởng hành thức sinh 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề không nương sắc mà sinh, không nương thọ, tưởng, hành, thức mà sinh,

不隨須陀洹果生。不隨斯陀含果生。

bất tùy Tu đà hoàn quả sinh 。 bất tùy Tư đà hàm quả sinh 。

không nương quả Tu-đà-hoàn mà sinh, không nương quả Tư-đà-hàm mà sinh,

不隨阿那含果生。不隨阿羅漢果生。不隨辟支佛道生。

bất tùy A na hàm quả sinh 。

bất tùy A la hán quả sinh 。

bất tùy Bích chi Phật Đạo sinh 。

không nương quả A-na-hàm mà sinh, không nương quả A-la-hán mà sinh, không nương đạo Phật Bích Chi mà sinh.

是故須菩提隨如來生。爾時舍利弗白佛言。

thị cố Tu-bồ-đề tùy Như-Lai sinh 。

nhĩ thời Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。

Vì thế, Tu-bồ-đề tùy Như mà sinh ra. Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật:

世尊。是如甚深。佛言。如是如是。舍利弗。

Thế tôn 。

thị như thậm thâm 。

Phật ngôn 。

như thị như thị 。

Xá-lợi-phất 。

Thế tôn, Như này sâu thẳm. Phật dạy: Đúng thế, đúng thế, Xá-lợi-phất.

是如甚深。今說是如。三千比丘不受諸法故。

thị như thậm thâm 。

kim thuyết thị như 。

tam thiên bĩ khâu bất thọ chư Pháp cố 。

Như này sâu thẳm. Nay Ta nói Như này, ba ngàn Tỷ-khưu, vì không thọ các pháp,

漏盡心得解脫。舍利弗。

lậu tận tâm đắc giải thoát 。

Xá-lợi-phất 。

các lậu đã hết, tâm được giải thoát. Xá-lợi-phất,

五百比丘尼於諸法中。遠塵離垢得法眼淨。

ngũ bách bĩ khâu ni ư chư Pháp trung 。

viễn trần ly cấu đắc Pháp nhãn tịnh 。

năm trăm Tỷ-khưu-ni, ở trong các Pháp, xa rời các trần cấu, được mắt Pháp thanh tịnh.

五千天人得無生法忍。六千菩薩不受諸法漏盡心得解脫。

ngũ thiên Thiên Nhơn đắc vô sinh Pháp nhẫn 。 lục thiên Bồ-tát bất thọ chư Pháp lậu tận tâm đắc giải thoát 。

Năm ngàn Trời, người được Vô sinh pháp nhẫn, sáu ngàn Bồ-tát không thọ các pháp, các lậu đã hết, tâm được giải thoát.

舍利弗。是六千菩薩已曾供養親近五百諸佛。

Xá-lợi-phất 。 thị lục thiên Bồ-tát dĩ tăng cung dưỡng thân cận ngũ bách chư Phật 。

Xá-lợi-phất, sáu ngàn Bồ-tát này đã từng cúng dường, thân cận năm trăm đức Phật;

於諸佛所。布施持戒忍辱精進禪定。

ư chư Phật sở 。 bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định 。

ở chỗ của chư Phật mà bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định.

不為般若波羅蜜方便所護故。

bất vi át nhã Ba-la-mật phương tiện sở hộ cố 。

Vì không được phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật bảo hộ,

今不受諸法漏盡心得解脫。舍利弗。菩薩雖行空無相無作道。

kim bất thọ chư Pháp lậu tận tâm đắc giải thoát 。

Xá-lợi-phất 。 Bồ-tát tuy hành không vô tướng vô tác đạo 。

nay không thọ các pháp, các lậu đã hết, tâm được giải thoát. Xá-lợi-phất, tuy Bồ-tát hành đạo Không, Vô tướng, Vô tác,

不為般若波羅蜜方便所護故。

bất vi át nhã Ba-la-mật phương tiện sở hộ cố 。

nhưng không được phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật bảo hộ,

證於實際作聲聞乘。舍利弗。譬如有鳥。

chứng ư thật tế tác thanh văn thừa 。

Xá-lợi-phất 。 thí như hữu điều 。

đã chứng Thực tế, theo Thanh văn thừa. Xá-lợi-phất, ví như có con chim,

身長百由旬若二三四五百由旬。

thân trường bách do-tuần nhược nhị tam tứ ngũ bách do-tuần 。

thân dài một trăm hoặc hai, ba, bốn, năm trăm do-tuần,

翅未成就欲從忉利天上來至閻浮提。便自投來下。舍利弗。於意云何。

sí vị thành tựu dục tòng đao lợi Thiên thượng lai chí Diêm-phù-đề 。

tiện tự đầu lai hạ 。

Xá-lợi-phất 。

ư ý vân hà 。

nhưng cánh chưa mọc, muốn bay từ trên trời Đao-lợi xuống Diêm-phù-đề liền tự bay xuống. Xá-lợi-phất, ý ông thế nào?

是鳥中道作是念。我欲還忉利天上。

thị điểu trung đạo tác thị niệm 。

ngã dục hoàn đao lợi Thiên thượng 。

Con chim này, ở giữa đường, nghĩ rằng: ta muốn trở lại trời Đao-lợi;

寧得還不。不也世尊。舍利弗。是鳥復作是願。

ninh đắc hoàn bất 。

bất dã Thế tôn 。

Xá-lợi-phất 。

thị điểu phục tác thị nguyện 。

thì nó có trở lại được không? Không, Thế tôn. Xá-lợi-phất, con chim này lại có ước muốn:

至閻浮提身不傷損。得如願不。不也世尊。

chí Diêm-phù-đề thân bất thương tổn 。

đắc như nguyện bất 。

bất dã Thế tôn 。

nếu đến Diêm-phù-đề thì thân đừng thương tổn; ước như vậy có được không? Không, Thế tôn.

是鳥至閻浮提身必傷損。若死若近死苦。何以故。世尊。

thị điểu chí Diêm-phù-đề thân tất thương tổn 。

nhược tử nhược cận tử khổ 。

hà dĩ cố 。

Thế tôn 。

Con chim đến Diêm-phù-đề, thân thể chắc chắn bị thương tổn, hoặc sẽ chết, hoặc chịu khổ sắp chết. Vì sao? Thế tôn,

法應爾。其身既大翅未成就故。舍利弗。

Pháp ứng nhĩ 。 kỳ thân ký Đại sí vị thành tựu cố 。 Xá-lợi-phất 。
Pháp vốn như vậy. Vì thân nó to lớn mà cánh thì chưa mọc. Xá-lợi-phất,

菩薩亦如是。

Bồ-tát diệc như thị 。

Bồ-tát cũng vậy.

雖於恒河沙劫布施持戒忍辱精進禪定。發大心大願受無量事。

tuy ư hằng hà sa kiếp bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định 。

phát Đại tâm Đại nguyện thọ vô lượng sự 。

Dù trong hằng hà sa kiếp đã bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, phát tâm lớn, nguyện lớn, thọ nhận vô lượng việc,

欲得阿耨多羅三藐三菩提。

dục đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

而不為般若波羅蜜方便所護故。則墮聲聞辟支佛地。舍利弗。

nhi bất vi át nhã Ba-la-mật phương tiện sở hộ cố 。

tắc đọa thanh văn tích chi Phật địa 。

Xá-lợi-phất 。

nhưng vì không được phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật bảo hộ, tức phải rơi vào các địa Thanh văn, Phật Bích Chi. Xá-lợi-phất,

菩薩雖念於過去未來現在諸佛所行戒品定品慧品解脫

Bồ-tát tuy niệm ư quá khứ vị lai hiện tại chư Phật sở hạnh giới phẩm định phẩm tuệ phẩm giải thoát

dù Bồ-tát nghĩ đến việc hành các phẩm Giới, phẩm Định, phẩm Tuệ, phẩm Giải thoát, phẩm Giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại,

品解脫知見品。而心取相。是菩薩取相念故。

phẩm giải thoát tri kiến phẩm 。

nhi tâm thủ tướng 。

thị Bồ-tát thủ tướng niệm cố 。

nhưng tâm lại nắm bắt tướng. Vì Bồ-tát này khởi niệm nắm bắt tướng

不知諸佛戒品定品慧品解脫品解脫知見

bất tri chư Phật giới phẩm định phẩm tuệ phẩm giải thoát phẩm giải thoát tri kiến
nên không biết được các phẩm Giới, phẩm Định, phẩm Tuệ, phẩm Giải thoát, phẩm Giải
thoát tri kiến của chư Phật.

品。不知不見故。聞諸法空名字。取是音聲相。

phẩm 。 bất tri bất kiến cố 。 văn chư Pháp không danh tự 。 thủ thị âm thanh tướng
。

Vì không biết, không thấy nên nghe danh tự Không của các pháp, liền nắm bắt tướng âm
thanh,

迴向阿耨多羅三藐三菩提。

hồi hướng a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

當知是菩薩墮於聲聞辟支佛地。何以故。舍利弗。

đương tri thị Bồ-tát đọa ư thanh văn tích chi Phật địa 。 hà dĩ cố 。 Xá-lợi-phất 。

Nên biết Bồ-tát này rơi vào các địa Thanh văn, Phật Bích Chi. Vì sao? Xá-lợi-phất,

菩薩離般若波羅蜜故法應當爾。世尊。

Bồ-tát ly Bát-nhã Ba-la-mật cố Pháp ứng đương nhĩ 。

vì Bồ-tát rời Bát-nhã Ba-la-mật nên mới như thế. Thế tôn,

如我解佛所說義。若菩薩離般若波羅蜜。

như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa 。

như con hiểu nghĩa lời Phật nói, nếu Bồ-tát rời Bát-nhã Ba-la-mật

則於阿耨多羅三藐三菩提。狐疑未了。

tắc ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

thì đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác vẫn còn hồ nghi chưa hiểu rõ.

是故菩薩摩訶薩欲得阿耨多羅三藐三菩提。

thị cố Bồ-tát Ma-Ha tát dục đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Vì thế, Bồ-tát Ma-ha-tát muốn đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

當善行般若波羅蜜方便。爾時欲色界諸天子白佛言。世尊。

đương thiện hành Bát-nhã Ba-la-mật phương tiện 。

nhĩ thời dục sắc giới chư Thiên tử
bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

nên khéo hành phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật. Bấy giờ, các Thiên tử Dục giới, Sắc giới
bạch Phật: Thế tôn,

般若波羅蜜甚深。阿耨多羅三藐三菩提難得。

Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm 。

a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề nan đắc 。

Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu xa, Vô thượng Chính đẳng Chính giác khó đắc.

佛言。如是如是。諸天子。般若波羅蜜甚深。

Phật ngôn 。

như thị như thị 。

chư Thiên tử 。

Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm 。

Phật dạy: Đúng thế, đúng thế. Các Thiên tử, Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu xa,

阿耨多羅三藐三菩提難得。須菩提白佛言。世尊。

a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề nan đắc 。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

Vô thượng Chính đẳng Chính giác khó đắc. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

如佛所說。般若波羅蜜甚深。

như Phật sở thuyết 。

Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm 。

theo như Phật nói, Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu xa,

阿耨多羅三藐三菩提難得。如我解佛所說義。

a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề nan đắc 。

như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa 。

Vô thượng Chính đẳng Chính giác khó đắc. Như con hiểu nghĩa lời Phật nói,

阿耨多羅三藐三菩提易得。何以故。無法可得。

a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề dịch đắc 。 hà dĩ cố 。 vô Pháp khả đắc 。
thì Vô thượng Chính đẳng Chính giác dễ đắc. Vì sao? Vì không có pháp có thể đắc.

諸法空中無有得阿耨多羅三藐三菩提者。無法可得。

chư Pháp không trung vô hữu đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề giả 。 vô Pháp khả
đắc 。

Trong các pháp Không, không có người đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không có
pháp có thể đắc,

無所用法可得。一切法皆空故。

vô sở dụng Pháp khả đắc 。 nhất thiết Pháp giai không cố 。

không có pháp được dùng có thể đắc, vì tất cả các pháp đều Không.

諸所說法為有所斷。是法亦空。世尊。

chư sở thuyết Pháp vi hữu sở đoạn 。 thị Pháp diệt không 。 Thế tôn 。

Các pháp được thuyết đều có đoạn, pháp này cũng Không. Thế tôn,

阿耨多羅三藐三菩提法。得者所用法。得知者所用法。

a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề Pháp 。 đắc giả sở dụng Pháp 。 đắc tri giả sở dụng
Pháp 。

pháp Vô thượng Chính đẳng Chính giác, pháp được sử dụng bởi người chứng đắc, pháp
được sử dụng bởi người chứng tri;

如是法皆空。世尊。以是因緣故。阿耨多羅三藐三菩提。

như thị Pháp giai không 。 Thế tôn 。

dĩ thị nhân duyên cố 。

a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

pháp như thế đều là Không. Thế tôn, vì nhân duyên này nên Vô thượng Chính đẳng
Chính giác

則為易得。諸可得者皆同虛空。

tắc vi dịch đắc 。 chư khả đắc giả giai đồng hư không 。
để đắc. Những người có thể đắc đều giống như hư không.

舍利弗語須菩提。若阿耨多羅三藐三菩提易得者。

Xá-lợi-phất ngữ Tu-bồ-đề 。 nhược a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề dịch đắc giả 。
Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Nếu Vô thượng Chính đẳng Chính giác dễ đắc,

恒河沙等諸菩薩不應退轉。以是因緣故。

hằng hà sa đẳng chư Bồ-tát bất ứng thoái chuyển 。 dĩ thị nhân duyên cố 。
hằng hà sa các Bồ-tát lẽ ra không thoái chuyển. Vì nhân duyên này

當知阿耨多羅三藐三菩提難得。舍利弗。於意云何。

đương tri a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề nan đắc 。 xá-lợi-phất 。 ư ý vân hà 。
nên biết Vô thượng Chính đẳng Chính giác khó đắc. xá-lợi-phất,

色於阿耨多羅三藐三菩提退轉不。

sắc ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thoái chuyển bất 。
sắc đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác có thoái chuyển không?

不也須菩提。舍利弗。

bất dã Tu-bồ-đề 。 xá-lợi-phất 。
Không, Tu-bồ-đề. xá-lợi-phất,

受想行識於阿耨多羅三藐三菩提退轉不。不也須菩提。舍利弗。

thọ tưởng hành thức ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thoái chuyển bất 。 bất dã Tu-
bồ-đề 。 xá-lợi-phất 。

thọ, tưởng, hành, thức đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác có thoái chuyển không?
Không, Tu-bồ-đề. xá-lợi-phất,

離色有法可得於阿耨多羅三藐三菩提退轉不。

ly sắc hữu Pháp khả đắc ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thoái chuyển bất 。 ngoài sắc, có pháp nào có thể đắc đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác mà thoái chuyển không?

不也須菩提。舍利弗。

bất dã Tu-bồ-đề 。 Xá-lợi-phất 。

Không, Tu-bồ-đề. Xá-lợi-phất,

離受想行識有法可得於阿耨多羅三藐三菩提退轉不。不也須菩提。

ly thọ tưởng hành thức hữu Pháp khả đắc ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thoái chuyển bất 。 bất dã Tu-bồ-đề 。

ngoài thọ, tưởng, hành, thức, có pháp nào có thể đắc đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác mà thoái chuyển không? Không, Tu-bồ-đề.

舍利弗。色如於阿耨多羅三藐三菩提退轉不。

Xá-lợi-phất 。

sắc như ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thoái chuyển bất 。

Xá-lợi-phất, Như của sắc đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác có thoái chuyển không?

不也須菩提。舍利弗。

bất dã Tu-bồ-đề 。

Xá-lợi-phất 。

Không, Tu-bồ-đề. Xá-lợi-phất,

受想行識如於阿耨多羅三藐三菩提退轉不。不也須菩提。舍利弗。

thọ tưởng hành thức như ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thoái chuyển bất 。

bất dã Tu-bồ-đề 。

Xá-lợi-phất 。

Như của thọ, tưởng, hành, thức đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác có thoái chuyển không? Không, Tu-bồ-đề. Xá-lợi-phất,

離色如有法可得於阿耨多羅三藐三菩提退

ly sắc như hữu Pháp khả đắc ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thoái

ngoài Như của sắc, có pháp nào có thể đắc đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác mà thoái chuyển không?

轉不。不也須菩提。舍利弗。

chuyển bất 。 bất dã Tu-bồ-đề 。 Xá-lợi-phất 。

Không, Tu-bồ-đề. Xá-lợi-phất,

離受想行識如有法可得於阿耨多羅三藐三菩提退轉不。

ly thọ tưởng hành thức như hữu Pháp khả đắc ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thoái chuyển bất 。

ngoài Như của thọ, tưởng, hành, thức, có pháp nào có thể đắc đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác mà thoái chuyển không?

不也須菩提。舍利弗。

bất dã Tu-bồ-đề 。

Không, Tu-bồ-đề. Xá-lợi-phất,

離諸法如有法可得於阿耨多羅三藐三菩提退轉不。不也須菩提。

ly chư Pháp như hữu Pháp khả đắc ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thoái chuyển bất 。

ngoài Như của các pháp, có pháp nào có thể đắc đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác mà thoái chuyển không? Không, Tu-bồ-đề.

舍利弗。如是實求不可得。

Xá-lợi-phất 。

Xá-lợi-phất, Thực cầu như thế không thể đắc;

為何等法於阿耨多羅三藐三菩提退轉者。舍利弗。

vi hà đẳng Pháp ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thoái chuyển giả 。

pháp nào thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác? Xá-lợi-phất,

無法於阿耨多羅三藐三菩提退轉。舍利弗言。

vô Pháp ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thoái chuyển 。 Xá-lợi-phất ngôn 。
không có pháp nào thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Xá-lợi-phất
nói:

如須菩提所說義。則為無有菩薩退轉。若爾者。

như Tu-bồ-đề sở thuyết nghĩa 。 tắc vi vô hữu Bồ-tát thoái chuyển 。 nhược nhĩ giả 。
Như nghĩa của lời Tu-bồ-đề nói, không có Bồ-tát thoái chuyển. Nếu vậy,

佛說三乘人則無差別。

Phật thuyết tam thừa nhân tắc vô sai biệt 。

Phật nói người trong ba Thừa không có khác nhau.

爾時富樓那彌多羅尼子語舍利弗。應問須菩提。汝欲令有一菩薩乘不。

nhĩ thời phú lâu na di đa-la ni tử ngữ Xá-lợi-phất 。 ứng vấn Tu-bồ-đề 。 nhữ dục lệnh
hữu nhất Bồ-tát thừa bất 。

Bấy giờ, Phú-lâu-na di-đa-la-ni tử nói với Xá-lợi-phất: Nên hỏi Tu-bồ-đề là ông muốn có
một thừa Bồ-tát thôi phải không.

舍利弗即問須菩提。汝欲令有一菩薩乘耶。

Xá-lợi-phất tức vấn Tu-bồ-đề 。 nhữ dục lệnh hữu nhất Bồ-tát thừa da 。

Xá-lợi-phất liền hỏi Tu-bồ-đề: Ông muốn có một thừa Bồ-tát thôi phải không?

須菩提言。如中可有三乘人不。

Tu-bồ-đề ngôn 。 như trung khả hữu tam thừa nhân bất 。

Tu-bồ-đề nói: Trong Như có thể có người của ba Thừa,

若聲聞辟支佛佛乘。須菩提。如中無有三相差別。舍利弗。

nhược thanh văn Bích chi Phật Phật thừa 。 Tu-bồ-đề 。 như trung vô hữu tam tướng
sai biệt 。 Xá-lợi-phất 。

như Thanh văn thừa, Phật Bích Chi thừa, Phật thừa, không? Tu-bồ-đề nói: Trong Như không có ba tướng sai biệt. Xá-lợi-phất,

如有一相不。不也須菩提。舍利弗。

như hữu nhất tướng bất 。 bất dã Tu-bồ-đề 。 Xá-lợi-phất 。

Như có nhất tướng không? Không, Tu-bồ-đề. Xá-lợi-phất,

如中乃至見有一乘人不。不也須菩提。舍利弗。

như trung nãi chí kiến hữu nhất thừa nhân bất 。 bất dã Tu-bồ-đề 。 Xá-lợi-phất 。

trong Như có thấy người Nhất thừa không? Không, Tu-bồ-đề. Xá-lợi-phất,

如是實求是法不可得。汝云何作是念。

như thị thật cầu thị Pháp bất khả đắc 。 nhữ vân hà tác thị niệm 。

Thật cầu pháp này như thế thì không thể đắc. Vì sao ông nghĩ

是聲聞乘是辟支佛乘是佛乘者。如是三乘如中無差別。

thị thanh văn thừa thị Bích chi Phật thừa thị Phật thừa giả 。 như thị tam thừa như trung vô sai biệt 。

đó là Thanh văn thừa, là Phật Bích Chi thừa, là Phật thừa? Ba thừa như thế, ở trong Chân như không có sự khác nhau.

若菩薩聞是事。不驚不怖不沒不退。

nhược Bồ-tát văn thị sự 。 bất kinh bất phố bất một bất thoái 。

Nếu Bồ-tát nghe việc này mà không kinh, không sợ, không mất, không lui,

當知是菩薩則能成就菩提。爾時佛讚須菩提言。

đương tri thị Bồ-tát tác năng thành tựu bồ đề 。 nhĩ thời Phật tán Tu-bồ-đề ngôn 。

nên biết Bồ-tát này có thể thành tựu Bồ-đề. Bấy giờ, Phật khen Tu-bồ-đề:

善哉善哉。須菩提。汝所樂說皆是佛力。

Thiện tai Thiện tai 。 Tu-bồ-đề 。 nhữ sở lạc thuyết giai thị Phật lực 。

Lành thay! Lành thay! Tu-bồ-đề, lời ông muốn nói đều là Phật lực.

所謂如中求三乘人無有差別。若菩薩聞是事。

sở vị như trung cầu tam thừa nhân vô hữu sai biệt 。 nhược Bồ-tát văn thị sự 。

Nghĩa là, trong Chân như người cầu ba Thừa không có sự khác nhau. Nếu Bồ-tát nghe việc này

不驚不怖不沒不退。當知是菩薩能成就菩提。

bất kinh bất phố bất một bất thoái 。 đương tri thị Bồ-tát năng thành tựu bồ đề 。

mà không kinh, không sợ, không mất, không lui, nên biết Bồ-tát này có thể thành tựu Bồ-đề.

爾時舍利弗白佛言。世尊。是菩薩成就何等菩提。

nhĩ thời Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 thị Bồ-tát thành tựu hà đẳng bồ đề 。

Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật: Thế tôn, Bồ-tát này thành tựu Bồ-đề gì?

舍利弗。是菩薩成就無上菩提。

Xá-lợi-phất 。 thị Bồ-tát thành tựu vô thượng bồ đề 。

Xá-lợi-phất, Bồ-tát này thành tựu Bồ-đề Vô thượng.

舍利弗白佛言。世尊。

Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Xá-lợi-phất bạch Phật: Thế tôn,

若菩薩欲成就阿耨多羅三藐三菩提。應云何行。佛言。於一切眾生。

nhược Bồ-tát dục thành tựu a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

ứng vân hà hành 。

Phật ngôn 。

ư nhất thiết chúng sinh 。

nếu Bồ-tát muốn thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác thì nên hành như thế nào?

Phật dạy: Đối với tất cả chúng sinh,

應行等心慈心不異心謙下心安隱心不瞋心不惱心不戲

ứng hành đẳng tâm từ tâm bất dị tâm khiêm hạ tâm an ổn tâm bất sân tâm bất não
tâm bất hí

nên hành tâm bình đẳng, tâm từ, tâm không phân biệt, tâm khiêm hạ, tâm an ổn, tâm
không giận dữ, tâm không não hại, tâm không đùa giỡn,

弄心父母心兄弟心與共語言。舍利弗。

lộng tâm phụ mẫu tâm huynh đệ tâm dữ cộng ngữ ngôn 。 Xá-lợi-phất 。
tâm cha mẹ, tâm anh em mà nói với nhau. Xá-lợi-phất,

若菩薩欲成就阿耨多羅三藐三菩提。應如是學。

nhược Bồ-tát dục thành tựu a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 ứng như thị học 。
nếu Bồ-tát muốn thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác thì nên học như thế,

應如是行。

ứng như thị hành 。
nên hành như thế.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật

阿惟越致相品第十六

A-duy-việt-trí tướng phẩm đệ thập lục

Phẩm 16: Tướng Không Thoái Chuyển

爾時須菩提白佛言。世尊。

nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。
Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

何等是阿惟越致菩薩相貌。我當云何知是阿惟越致菩薩。

hà đẳng thị A-duy-việt-trí Bồ-tát tướng mạo 。 ngã đương vân hà tri thị A-duy-việt-trí
Bồ-tát 。

tướng mạo của Bồ-tát Bất thoái là gì? Làm thế nào con biết được Bồ-tát Bất thoái?

佛告須菩提。所有凡夫地聲聞地辟支佛地。

Phật cáo Tu-bồ-đề 。 sở hữu phàm phu địa thanh văn địa tích chi Phật địa 。

Phật bảo Tu-bồ-đề: Có địa của phàm phu, địa của Thanh văn, địa của Phật Bích Chi,

如來地。是諸地於如中不壞不二不別。

Như-Lai địa 。 thị chư địa ư như trung bất hoại bất nhị bất biệt 。

địa của Như lai. Ở trong Chân như, các địa này không hoại, không hai, không khác.

菩薩以是如入諸法實相。亦不分別。是如此是如相。

Bồ-tát dĩ thị như nhập chư Pháp thật tướng 。 diệc bất phân biệt 。 thị như thủ thị như tướng 。

Bồ-tát dùng Chân như này mà nhập vào thật tướng các pháp, cũng không phân biệt là Chân như, đây là tướng Chân như.

隨是如入諸法實相。出是如已更聞餘法。

tùy thị như nhập chư Pháp thật tướng 。 xuất thị như dĩ canh văn dư Pháp 。

Nương theo Chân như này mà nhập vào thật tướng của các pháp, ra khỏi Chân như này mới nghe các pháp khác,

不疑不悔不言是非。見一切法皆入於如。

bất nghi bất hối bất ngôn thị phi 。 kiến nhất thiết Pháp giai nhập ư như 。

không nghi, không hối, không nói phải trái, thấy tất cả các pháp đều nhập vào Chân như.

是菩薩凡有所說。終不說無益事。言必有益。

thị Bồ-tát phàm hữu sở thuyết 。 chung bất thuyết vô ích sự 。 ngôn tất hữu ích 。

Bồ-tát này hễ có nói ra thì chẳng bao giờ nói điều vô ích. Đã nói tức có ích;

不觀他人長短。須菩提。

bất quán tha nhân trường đoản 。

không xét sở trường, sở đoản của người. Tu-bồ-đề,

以是相貌當知是阿惟越致菩薩。復次須菩提。阿惟越致菩薩。

dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。 A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

lấy tướng mạo này để biết đó là Bồ-tát Bất thoái. Lại nữa, Tu-bồ-đề, Bồ-tát Bất thoái

不觀外道沙門婆羅門言說。實知實見。

bất quán ngoại đạo Sa-môn Bà-la-môn ngôn thuyết 。 thật tri thật kiến 。

không quán xét lời lẽ của Sa-môn, Bà-la-môn, ngoại đạo là thật tri, thật kiến.

又阿惟越致菩薩不禮事餘天。不用華香供養。須菩提。

hựu A-duy-việt-trí Bồ-tát bất lễ sự dư Thiên 。 bất dụng hoa hương cung dưỡng 。 Tu-bồ-đề 。

Lại nữa, Bồ-tát Bất thoái không lễ bái, phụng sự chúng Thiên, không lấy hương hoa để cúng dường. Tu-bồ-đề,

以是相貌當知是阿惟越致菩薩。復次須菩提。

dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。

lấy tướng mạo này nên biết đó là Bồ-tát Bất thoái. Lại nữa, Tu-bồ-đề.

阿惟越致菩薩終不墮三惡道。不受女人身。

A-duy-việt-trí Bồ-tát chung bất đọa tam ác đạo 。 bất thọ nữ nhân thân 。

Bồ-tát Bất thoái không bao giờ bị rơi vào ba đường ác, không thọ thân người nữ.

須菩提以是相貌當知是阿惟越致菩薩。

Tu-bồ-đề dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

Tu-bồ-đề, lấy tướng mạo này nên biết đó là Bồ-tát Bất thoái.

復次須菩提。阿惟越致菩薩自不殺生。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 A-duy-việt-trí Bồ-tát tự bất sát sinh 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Bất thoái tự mình không sát sinh,

亦不教他殺生。自不偷劫。

diệc bất giáo tha sát sinh 。 tự bất thâu kiếp 。

cũng không dạy người khác sát sinh, tự mình không trộm cắp,

不邪婬不妄語不兩舌不惡口不無益語。不貪嫉不瞋惱不邪見。

bất tà dâm bất vọng ngữ bất lượng thiệt bất ác khẩu bất vô ích ngữ 。

bất tham tật bất sân não bất tà kiến 。

không tà dâm, không nói dối, không nói lời hai lưỡi, không ác khẩu, không nói lời vô ích, không tham lam, ganh ghét, không giận dữ, não hại, không tà kiến,

亦不教他令行邪見。是十善道身常自行。

diệc bất giáo tha lệnh hành tà kiến 。

thị Thập thiện đạo thân thường tự hành 。

cũng không dạy người khác hành tà kiến; mười thiện đạo này, tự mình thường hành,

亦教他行。是菩薩乃至夢中不行十不善道。

diệc giáo tha hành 。

thị Bồ-tát nãi chí mộng trung bất hành thập bất thiện đạo 。

còn dạy người khác hành. Bồ-tát này, cho đến trong mộng cũng không hành mười Bất thiện đạo;

乃至夢中亦常行十善道。須菩提。阿惟越致菩薩。

nãi chí mộng trung diệc thường hành Thập thiện đạo 。

Tu-bồ-đề 。

A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

cho đến trong mộng cũng thường hành mười Thiện đạo. Tu-bồ-đề, đối với Bồ-tát Bất thoái,

以是相貌當知是阿惟越致菩薩。

dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

hãy lấy tướng mạo này để biết đó là Bồ-tát Bất thoái.

復次須菩提。所可誦讀經典。作如是念。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 sở khả tụng đọc Kinh điển 。 tác như thị niệm 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Có tụng đọc kinh điển thì suy nghĩ thế này:

我欲令眾生得安樂故。當為說法。以是法施如法滿願。

ngã dục lệnh chúng sinh đắc an lạc cố 。 đương vi thuyết Pháp 。 dĩ thị Pháp thí như Pháp mãn nguyện 。

Vì ta muốn làm cho chúng sinh được an ổn nên thuyết pháp, dùng pháp này để bố thí, làm cho nguyện viên mãn như pháp,

以是法施與一切眾生共之。須菩提。

dĩ thị Pháp thí dĩ nhất thiết chúng sinh cộng chi 。

Tu-bồ-đề 。

dùng pháp này để bố thí chung cho tất cả chúng sinh. Tu-bồ-đề,

以是相貌當知是阿惟越致菩薩。復次須菩提。

dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

phục thứ Tu-bồ-đề 。

lấy tướng mạo này để biết đó là Bồ-tát Bất thoái. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

阿惟越致菩薩。聞深法時心無疑悔。節言軟語。

A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

văn thâm Pháp thời tâm vô nghi hối 。

tiết ngôn nhuyễn ngữ 。

Bồ-tát Bất thoái lúc nghe pháp sâu xa này, tâm không nghi ngờ hối hận, ngôn ngữ điềm

đạm, mềm mỏng,

少於眠臥。若來若去心常不亂。

thiểu ư miên ngoạ 。

nhược lai nhược khứ tâm thường bất loạn 。

ít ngủ nghỉ; dù đến dù đi, tâm thường không loạn,

行不卒疾常一其心。安詳徐步視地而行。須菩提。

hành bất tất tật thường nhất kỳ tâm 。

an tường từ bộ thị địa nhi hành 。

Tu-bồ-đề 。

đi không vội vã, tâm thường chuyên nhất, bước đi thông thả, nhìn xuống đất mà đi. Tu-bồ-đề,

如是相貌當知是阿惟越致菩薩。

như thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát。

tướng mạo như thế nên biết đó là Bồ-tát Bất thoái.

復次須菩提阿惟越致菩薩衣服臥具無有垢穢。

phục thứ Tu-bồ-đề A-duy-việt-trí Bồ-tát y phục ngọa cụ vô hữu cấu uế。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Bất thoái, áo quần, đồ nằm không bị nhơ nhớp,

常樂清淨威儀具足。身常安隱少於疾病。須菩提。

thường lạc thanh tịnh uy nghi cụ túc。 thân thường an ổn thiếu ư tật bệnh。 Tu-bồ-đề

。

thường vui, thanh tịnh, oai nghi đầy đủ; thân thường an ổn, ít bị tật bệnh. Tu-bồ-đề,

凡夫身中八萬戶虫。

phàm phu thân trung bát vạn hộ trùng。

trong thân phàm phu có tám vạn vi trùng,

是阿惟越致菩薩身中無有如是諸虫。何以故。須菩提。

thị A-duy-việt-trí Bồ-tát thân trung vô hữu như thị chư trùng。 hà dĩ cố。 Tu-bồ-đề。

nhưng trong thân Bồ-tát Bất thoái này không có các vi trùng như thế. Vì sao? Tu-bồ-đề,

是菩薩善根超出世間。隨善根增長故。得心清淨身清淨。

thị Bồ-tát thiện căn siêu xuất thế gian。 tùy thiện căn tăng trưởng cố。 đắc tâm thanh tịnh thân thanh tịnh。

vì thiện căn của Bồ-tát này siêu việt thế gian; vì nhờ thiện căn tăng trưởng nên thân tâm thanh tịnh.

須菩提白佛言。世尊。何等為菩薩心清淨。須菩提。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 hà đẳng vi Bồ-tát tâm thanh tịnh 。 Tu-bồ-đề 。
Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn, điều gì làm cho tâm của Bồ-tát thanh tịnh? Tu-bồ-đề,

隨菩薩善根增長。諂曲欺誑漸漸自滅。

tùy Bồ-tát thiện căn tăng trưởng 。 siểm khúc khi cưỡng tiệm tiệm tự diệt 。
nhờ thiện căn của Bồ-tát tăng trưởng nên lời nói nịnh bợ, không ngay thẳng, dối trá dần
dần tự tiêu diệt;

以滅故心清淨。以心清淨故能過聲聞辟支佛地。

dĩ diệt cố tâm thanh tịnh 。 dĩ tâm thanh tịnh cố năng quá thanh văn tích chi Phật địa
。
vì diệt nên tâm thanh tịnh; vì tâm thanh tịnh nên có thể vượt qua các địa Thanh văn, Phật
Bích Chi.

是名菩薩心清淨。須菩提。

thị danh Bồ-tát tâm thanh tịnh 。 Tu-bồ-đề 。
Đó gọi là tâm thanh tịnh của Bồ-tát. Tu-bồ-đề,

以是相貌當知是阿惟越致菩薩。復次須菩提。

dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。
lấy tướng mạo này để biết đó là Bồ-tát Bất thoái. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

阿惟越致菩薩不貪利養少於慳嫉。聞深法時其心不沒。

A-duy-việt-trí Bồ-tát bất tham lợi dưỡng thiểu ư khan tật 。 văn thâm Pháp thời kỳ tâm
bất một 。

Bồ-tát Bất thoái không tham lợi dưỡng, ít keo kiệt, ganh ghét; lúc nghe pháp sâu xa, tâm
không thoái chuyển.

智慧深故一心聽法。所可聞法。

trí tuệ thâm cố nhất tâm thính Pháp 。 sở khả văn Pháp 。

Vì trí tuệ sâu sắc nên nhất tâm nghe pháp; pháp có thể nghe được đó

皆應般若波羅蜜。是菩薩因般若波羅蜜。

giai ứng Bát-nhã Ba-la-mật 。 thị Bồ-tát nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。
đều hợp với Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát này nhờ Bát-nhã Ba-la-mật

世間諸事皆同實相。不見資生之事不應般若波羅蜜者。

thế gian chư sự giai đồng thật tướng 。 bất kiến tư sinh chi sự bất ứng Bát-nhã Ba-la-mật giả 。

nên các việc thế gian đều đồng thật tướng, không thấy việc nuôi thân không hợp với Bát-nhã Ba-la-mật.

須菩提。以是相貌當知是阿惟越致菩薩。

Tu-bồ-đề 。 dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

Tu-bồ-đề, lấy tướng mạo này để biết đó là Bồ-tát Bất thoái.

復次須菩提。若惡魔至菩薩所。化作八大地獄。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 nhược ác Ma chí Bồ-tát sở 。 hóa tác bát Đại địa ngục 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Ác ma đến chỗ của Bồ-tát hóa hiện tám địa ngục lớn,

一一地獄化作若干百千萬菩薩。作是言。

nhất nhất Địa-ngục hóa tác nhược can bách thiên vạn Bồ-tát 。

mỗi một địa ngục biến ra hàng trăm ngàn vạn Bồ-tát, mà nói rằng

是諸菩薩。佛皆與授阿惟越致記。

thị chư Bồ-tát 。

các Bồ-tát này đều được Phật thọ ký Không thoái chuyển

而今墮此大地獄中。汝若受阿惟越致記者。即受地獄記。

nhị kim đọa thử Đại địa ngục trung 。

nhữ nhược thọ A-duy-việt-trí kí giả 。

tức thọ Địa-ngục kí 。

nhưng nay đọa vào địa ngục lớn này. Nếu ông được thọ ký Không thoái chuyển tức cũng chịu thọ ký địa ngục.

汝今若能悔是心者。不墮地獄當生天上。

nhữ kim nhược năng hối thị tâm giả 。 bất đọa Địa-ngục đương sinh Thiên thượng 。
Nay nếu ông có thể hối tâm thì không đọa vào địa ngục mà sẽ sinh lên cõi Thiên.

是菩薩若聞是語心不動慧。而作是念。

thị Bồ-tát nhược văn thị ngữ tâm bất động huệ 。 nhi tác thị niệm 。
Bồ-tát này nếu nghe lời đó, tâm không dao động, giận dữ, nghĩ rằng

阿惟越致菩薩。若墮惡道無有是處。須菩提。

A-duy-việt-trí Bồ-tát 。 nhược đọa ác đạo vô hữu thị xứ 。 Tu-bồ-đề 。
không có việc Bồ-tát Bất thoái lại đọa vào đường dữ. Tu-bồ-đề,

以是相貌當知是阿惟越致菩薩。

dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。
lấy tướng mạo này mà biết đó là Bồ-tát Bất thoái.

復次須菩提。若惡魔化作沙門。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 nhược ác Ma hóa tác Sa-môn 。
Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Ác ma hóa ra sa-môn,

至菩薩所作是言汝先所聞讀誦。宜應悔捨汝。

chí Bồ-tát sở tác thị ngôn nhữ tiên sở văn đọc tụng 。 nghi ứng hối xả nhữ 。
đến chỗ Bồ-tát, nói rằng: điều ông được nghe, đọc tụng trước kia hãy nên hối hận, rời bỏ.

若捨離不復聽受我。當常至汝所。汝所聞者非佛所說。

nhược xả ly bất phục thính thọ ngã 。 đương thường chí nhữ sở 。 nhữ sở văn giả
phi Phật sở thuyết 。

Nếu ông rời bỏ, không nghe nhận lại thì ta sẽ thường đến chỗ của ông. Những điều ông được nghe không phải Phật nói,

皆是文飾莊校之辭。我所說經真是佛語。

giai thị văn sức trang giáo chi từ 。 ngã sở thuyết Kinh chân thị Phật ngữ 。
đều là những lời lẽ văn hoa trau chuốt. Kinh được ta nói đích thực là lời của Phật.

若聞是事心有動恚。

nhược văn thị sự tâm hữu động khuể 。
Nếu nghe việc này mà tâm dao động, giận dữ,

當知是菩薩未從諸佛受記。非是必定菩薩。

đương tri thị Bồ-tát vị tòng chư Phật thọ kí 。 phi thị tất định Bồ-tát 。
nên biết Bồ-tát này chưa được Phật thọ ký, không phải là Bồ-tát kiên định,

未住阿惟越致菩薩性中。須菩提。聞是事心不動恚。

vị trụ A-duy-việt-trí Bồ-tát tính trung 。 Tu-bồ-đề 。 văn thị sự tâm bất động khuể 。
chưa trụ vào tính của Bồ-tát Bất thoái. Tu-bồ-đề, nghe việc này mà tâm không dao động,
giận dữ,

但依諸法相無生無作無起。不隨他語。

đãn y chư Pháp tướng vô sinh vô tác vô khởi 。 bất tùy tha ngữ 。
chỉ nương vào tướng của các pháp, không sinh, không làm, không khởi, không nghe theo
lời nói của người khác,

如漏盡阿羅漢現前證諸法相。不生不起法故。

như lậu tận A-la-hán hiện tiền chứng chư Pháp tướng 。 bất sinh bất khởi Pháp cố 。
như bậc A-la-hán các lậu đã hết, hiện tại chứng tướng của các pháp. Vì pháp không sinh,
không khởi,

不為惡魔所制。須菩提。菩薩亦如是。

bất vi ác Ma sở chế 。 Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát diệc như thị 。
nên không bị Ác ma chế ngự. Tu-bồ-đề, Bồ-tát cũng thế,

求聲聞辟支佛者所不能破。不復退轉必至薩婆若。

cầu thanh văn Bích chi Phật giả sở bất năng phá 。 bất phục thoái chuyển tất chí tát
bà nhược 。

không thể bị ngăn phá bởi người cầu Thanh văn, Phật Bích Chi. Lại không bị thoái
chuyển, chắc chắn đến được Nhất thiết trí,

住阿惟越致性中不隨他語。

trụ A-duy-việt-trí tính trung bất tùy tha ngữ 。

trụ vào tính Bất thoái, không nghe theo lời người khác.

須菩提。以是相貌當知是阿惟越致菩薩。

Tu-bồ-đề 。 dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

Tu-bồ-đề, lấy tướng mạo này mà biết đó là Bồ-tát Bất thoái.

復次須菩提。若惡魔至菩薩所作是言。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 nhược ác Ma chí Bồ-tát sở tác thị ngôn 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề, nếu Ác ma đến chỗ của Bồ-tát, nói rằng:

汝所行者是生死行。非薩婆若行。

nhữ sở hành giả thị sinh tử hành 。

phi tát bà nhược hành 。

những điều được ông hành là hành pháp sinh tử, không phải hành Nhất thiết trí.

汝今可於此身盡苦取涅槃。若能如是則不復受生死諸苦。

nhữ kim khả ư thử thân tận khổ thủ Niết-Bàn 。

nhược năng như thị tắc bất phục thọ
sinh tử chư khổ 。

Nay, ông có thể ở ngay thân này mà đoạn tận khổ, nắm Niết-bàn. Nếu được như vậy thì không còn chịu các khổ của sinh tử.

是身生尚不可得。何況欲受後身。

thị thân sinh thượng bất khả đắc 。 hà hưởng dục thọ hậu thân 。

Thân tồn tại đây còn không thể đắc, hưởng là muốn thọ thân sau.

是菩薩若聞是事心不動恚。惡魔復作是言。

thị Bồ-tát nhược văn thị sự tâm bất động khuể 。 ác Ma phục tác thị ngôn 。

Bồ-tát này nếu nghe việc này mà tâm không dao động, giận dữ thì Ác ma lại nói rằng:

汝今欲見諸菩薩供養恒河沙等諸佛衣服飲食臥具醫

nhữ kim dục kiến chư Bồ-tát cung dưỡng hằng hà sa đẳng chư Phật y phục ẩm thực
ngọa cụ y

nay, ông muốn thấy các Bồ-tát cúng dường hằng hà sa chư Phật bằng áo quần, thức ăn,
đồ nằm, thuốc men,

藥。皆於恒河沙等諸佛所。

dược 。 giai ư hằng hà sa đẳng chư Phật sở 。

đều ở tại chỗ hằng hà sa chư Phật

修行梵行親近諮請。為菩薩乘故多所問難。菩薩云何應住。

tu hành phạm hành thân cận ti thỉnh 。 vì Bồ Tát thừa cố đa sở vấn nan 。 Bồ-tát vân hà
ứng trụ 。

tu hành phạm hạnh, gần gũi, thưa hỏi. Vì Bồ-tát thừa nên có nhiều chỗ vấn nạn: Bồ-tát
nên trụ thế nào?

云何應行。是諸菩薩於諸佛所。

vân hà ứng hành 。 thị chư Bồ-tát ư chư Phật sở 。

Nên hành thế nào? Các Bồ-tát này ở chỗ chư Phật,

隨所聞事皆能修行。如是教如是學如是行。

tùy sở văn sự giai năng tu hành 。 như thị giáo như thị học như thị hành 。

tùy theo việc được nghe đều có thể tu hành; dạy như vậy, học như vậy, hành như vậy;

猶尚不能得阿耨多羅三藐三菩提。不住薩婆若。

do thượng bất năng đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 bất trụ tát bà nhược 。
còn không thể đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không trụ được Nhất thiết trí,

何況汝當得阿耨多羅三藐三菩提。

hà huống nhữ đương đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。
huống là ông mà đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác sao?

是菩薩若聞是事心不動恚。惡魔即時復化作諸比丘作是言。

thị Bồ-tát nhược văn thị sự tâm bất động khuể 。 ác Ma tức thời phục hóa tác chư
bì khâu tác thị ngôn 。

Bồ-tát này nếu nghe việc này mà tâm không dao động, giận dữ, thì Ác ma lại liền biến ra
các Tỷ-khưu, nói rằng:

是諸比丘皆漏盡阿羅漢。

thị chư bì khâu giai lậu tận A-la-hán 。

các Tỷ-khưu này đều là các A-la-hán các lậu đã sạch;

先皆發心欲求佛道。而今皆住阿羅漢地。

tiên giai phát tâm dục cầu Phật đạo 。 nhi kim giai trụ A-la-hán địa 。

trước kia đều phát tâm muốn cầu Phật đạo nhưng nay đều trụ vào địa A-la-hán.

何況於汝當得阿耨多羅三藐三菩提。菩薩若作是念。

hà huống ư nhữ đương đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 Bồ-tát nhược tác thị
niệm 。

Huống là ông mà đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác sao? Bồ-tát nếu nghĩ rằng:

我從他聞為無所失。若心不轉不生異念。如是魔事。

ngã tòng tha văn vi vô sở thất 。 nhược tâm bất chuyển bất sinh dị niệm 。 như thị
Ma sự 。

ta nghe theo người khác thì không bị mắc lỗi, nếu tâm không lay chuyển, không sinh ý nghĩ khác, như vậy là việc Ma.

若菩薩如是行諸波羅蜜如是學諸波羅蜜不

nhược Bồ-tát như thị hành chư Ba-la-mật như thị học chư Ba-la-mật bất

Nếu Bồ-tát hành các Ba-la-mật như thế, học các Ba-la-mật như thế

得薩婆若。無有是處。須菩提。

đắc tát bà nhược 。 vô hữu thị xử 。 Tu-bồ-đề 。

mà không đắc Nhất thiết trí thì không có chuyện đó. Tu-bồ-đề,

若菩薩如諸佛說隨所聞學。隨所聞行不離是道。

nhược Bồ-tát như chư Phật thuyết tùy sở văn học 。 tùy sở văn hành bất ly thị đạo 。

nếu Bồ-tát được nghe và học theo như những lời chư Phật dạy, theo điều được nghe mà hành, không rời đạo này,

不離薩婆若念。不得薩婆若。無有是處。須菩提。

bất ly tát bà nhược niệm 。 bất đắc tát bà nhược 。 vô hữu thị xử 。 Tu-bồ-đề 。

không rời niệm Nhất thiết trí mà không được Nhất thiết trí thì không có chuyện đó. Tu-bồ-đề,

以是相貌當知是阿惟越致菩薩。復次須菩提。

dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

lấy tướng mạo này mà biết đó là Bồ-tát Bất thoái. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

阿惟越致菩薩若惡魔來作是言。

A-duy-việt-trí Bồ-tát nhược ác Ma lai tác thị ngôn 。

đối với Bồ-tát Bất thoái, nếu Ác ma đến nói rằng:

薩婆若同於虛空。是法無所有。無人用是法得道者。

tát bà nhược đồng ư hư không 。 thị Pháp vô sở hữu 。 vô nhân dụng thị Pháp đặc
đạo giả 。

Nhất thiết trí đồng với hư không, pháp này không có. Không có ai dùng pháp này để
chứng đạo.

何以故。若得道者。得道法所用得法皆如虛空。

hà dĩ cố 。 nhược đặc đạo giả 。 đặc đạo Pháp sở dụng đặc Pháp giai như hư
không 。

Vì sao? Nếu người chứng đắc, thì pháp đặc đạo và pháp được dùng để đắc đều như hư
không.

知者知法所用法無所有皆同虛空。

tri giả tri Pháp sở dụng Pháp vô sở hữu giai đồng hư không 。

Người trí biết pháp, pháp được sử dụng đều không có, đều đồng với hư không.

汝唐受苦惱。若言得阿耨多羅三藐三菩提。

nhữ đường thọ khổ não 。 nhược ngôn đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Ông chịu khổ não một cách vô ích. Nếu nói được Vô thượng Chính đẳng Chính giác

即是魔事非佛所說。菩薩於此應如是念。

tức thị Ma sự phi Phật sở thuyết 。 Bồ-tát ư thử ứng như thị niệm 。

thì đó là việc của Ma, không phải Phật nói. Bồ-tát đối với việc này nên nghĩ thế này:

若訶我令離薩婆若爾者是為魔事。於是事中。

nhược ha ngã lệnh ly tát bà nhược nhĩ giả thị vi Ma sự 。 ư thị sự trung 。

nếu trách mắng ta khiến phải rời bỏ Nhất thiết trí thì đó là việc của Ma. Đối với việc này

應生堅固心不動心不轉心。須菩提。

ứng sinh kiên cố tâm bất động tâm bất chuyển tâm 。

Đề 。

nên sinh tâm kiên cố, tâm không dao động, tâm không lay chuyển. Tu-bồ-đề,

以是相貌當知是阿惟越致菩薩。

dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

lấy tướng mạo này mà biết đó là Bồ-tát Bất thoái.

復次須菩提阿惟越致菩薩若欲入初禪第二第三第四禪。

phục thứ Tu-bồ-đề A-duy-việt-trí Bồ-tát nhược dục nhập sơ Thiền đệ nhị đệ tam đệ tứ Thiền 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề, Bồ-tát Bất thoái nếu muốn vào Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền,

心轉調習。是菩薩雖入諸禪。還取欲界法不隨禪生。

tâm chuyển điều tập 。

thị Bồ-tát tuy nhập chư Thiền 。

hoàn thủ dục giới Pháp bất tùy Thiền sinh 。

tâm thành thuần thực, thì Bồ-tát này tuy vào các thiền nhưng vẫn nắm pháp Dục giới chứ không nương theo Thiền mà sinh.

須菩提。以是相貌當知是阿惟越致菩薩。

Tu-bồ-đề 。

dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

Tu-bồ-đề, lấy tướng mạo này mà biết đó là Bồ-tát Bất thoái.

復次須菩提。阿惟越致菩薩。

phục thứ Tu-bồ-đề 。

A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề, Bồ-tát Bất thoái,

心不貪好名聞稱讚。於諸眾生心無恚礙。常生安隱利益之心。

tâm bất tham hảo Danh-Văn xưng tán 。

ư chư chúng sinh tâm vô khuể ngại 。

thường sinh an ổn lợi ích chi tâm 。

tâm không ham tiếng tốt, khen ngợi; đối với chúng sinh, tâm không giận dữ, ngăn ngại;
thường sinh tâm an ổn, lợi ích;

進止來去心不散亂。常一其心不失威儀。

tiến chỉ lai khứ tâm bất tán loạn 。 thường nhất kỳ tâm bất thất uy nghi 。
đi đứng, tới lui, tâm không tán loạn; tâm thường chuyên nhất, không mất oai nghi.

須菩提。是菩薩若在居家不染著諸欲。

Tu-bồ-đề 。 thị Bồ-tát nhược tại cư gia bất nhiễm trú chư dục 。

Tu-bồ-đề, Bồ-tát này nếu sống ở nhà, không bị nhiễm các dục,

所受諸欲心生厭離常懷怖畏。譬如險道多諸賊難。

sở thọ chư dục tâm sinh yếm ly thường hoài bố úy 。

thí như hiểm đạo đa chư tặc nan 。

các dục được thọ, tâm sinh nhàm chán, thường lo sợ. Ví như con đường nguy hiểm có nhiều nạn giặc cướp.

雖有所食厭離怖畏心不自安。

tuy hữu sở thực yếm Li Bồ Úy úy tâm bất tự an 。

Dù có lương thực, nhưng nhàm chán, lo sợ, tâm không an ổn,

但念何時過此險道。阿惟越致菩薩。

đãn niệm hà thời quá thử hiểm đạo 。

A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

chỉ nghĩ lúc nào mới vượt qua con đường nguy hiểm này. Bồ-tát Bất thoái,

雖在家居所受諸欲。皆見過惡心不貪惜。不以邪命非法自活。

tuy tại gia cư sở thọ chư dục 。

giai kiến quá ác tâm bất tham tích 。

bất dĩ tà mạng phi Pháp tự hoạt 。

dù sống tại nhà, các dục được thọ đều thấy tội lỗi, tâm không ham tiếc, không lấy nghề nghiệp bất chính, phi pháp mà nuôi sống mình;

寧失身命不侵於人。何以故。

ninh thất thân mạng bất xâm ư nhân 。

hà dĩ cố 。

thà mất thân mạng chứ không xâm phạm đến người. Vì sao?

菩薩在家應安樂眾生。雖復在家而能成就如是功德。

Bồ-tát tại gia ứng an lạc chúng sinh 。 tuy phục tại gia nhi năng thành tựu như thị công đức 。

Bồ-tát tại gia nên làm chúng sinh an lạc. Dù là tại gia nhưng có thể thành tựu công đức như thế.

何以故。得般若波羅蜜力故。須菩提。

hà dĩ cố 。

đắc Bát-nhã Ba-la-mật lực cố 。

Tu-bồ-đề 。

Vì sao? Vì được lực Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề,

以是相貌當知是阿惟越致菩薩。復次須菩提。

dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

phục thứ Tu-bồ-đề 。

lấy tướng mạo này mà biết đó là Bồ-tát Bất thoái. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

阿惟越致菩薩執金剛神常隨侍衛。不令非人近之。

A duy việt trí Bồ-tát chấp Kim cương Thần thường tùy thị vệ 。

bất lệnh phi nhân cận chi 。

Bồ-tát Bất thoái thường được thần Chấp Kim cương theo hộ vệ, khiến loài phi nhân không đến gần được.

是菩薩心無狂亂。諸根具足無所缺減。

thị Bồ-tát tâm vô cuồng loạn 。

chư căn cụ túc vô sở khuyết giảm 。

Tâm của Bồ-tát này không bị cuồng loạn, các căn đầy đủ, không bị thiếu giảm,

修賢善行非不賢善。不以呪術藥草引接女人。

tu hiền thiện hành phi bất hiền thiện 。

bất dĩ chú thuật dược thảo dẫn tiếp nữ nhân

。

tu hạnh hiền thiện, không hạnh nào không hiền thiện; không dùng chú thuật, dược thảo dụ dỗ người nữ;

身不自為亦不教他。是菩薩常修淨命。

thân bất tự vi diệc bất giáo tha 。 thị Bồ-tát thường tu tịnh mạng 。
tự thân không làm, cũng không dạy người khác. Bồ-tát này thường tu tịnh mạng,

不占吉凶亦不相人生男生女。如是等事皆不為之。

bất chiêm cát hung diệc bất tướng nhân sinh nam sinh nữ 。 như thị đẳng sự giai bất
vi chi 。

không xem việc tốt xấu, cũng không xem cho người là sinh con trai hay con gái. Các việc
như thế đều không làm.

須菩提。以是相貌當知是阿惟越致菩薩。

Tu-bồ-đề 。 dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-đuy-việt-trí Bồ-tát 。

Tu-bồ-đề, lấy tướng mạo này mà biết đó là Bồ-tát Bất thoái.

復次須菩提。阿惟越致菩薩復有相貌。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 A-đuy-việt-trí Bồ-tát phục hữu tướng mạo 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Bất thoái lại có tướng mạo,

今當說之。須菩提。阿惟越致菩薩。

kim đương thuyết chi 。 Tu-bồ-đề 。 A-đuy-việt-trí Bồ-tát 。

nay Ta sẽ nói. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Bất thoái

不樂說世間雜事官事戰鬥事寇賊事城邑聚落事象馬車乘衣

bất lạc thuyết thế gian tạp sự quan sự chiến đấu sự khấu tặc sự thành ấp tụ lạc
sự tượng mã xa thừa y

không thích nói đến các việc thế gian, việc quan, việc tranh đấu, việc trộm cướp, việc
thành ấp xóm làng, việc đi xe voi, xe ngựa,

服飲食臥具事。不樂說華香女人姪女事。

phục ẩm thực ngọa cụ sự 。 bất lạc thuyết hoa hương nữ nhân dâm nữ sự 。

áo quần, ăn uống, đồ nằm; không thích nói đến các việc hương hoa, người nữ, dâm nữ;

不樂說神龜事。不樂說大海事。不樂說惱他事。

bất lạc thuyết Thần quy sự 。 bất lạc thuyết Đại hải sự 。 bất lạc thuyết não tha sự 。
không thích nói việc Rùa thần; không thích nói việc biển lớn; không thích nói việc não hại
người;

不樂說種種事。但樂說般若波羅蜜。

bất lạc thuyết chủng chủng sự 。 đăn lạc thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。
không thích nói đủ thứ việc, chỉ thích nói Bát-nhã Ba-la-mật,

常不離應薩婆若心。不樂鬪訟。

thường bất ly ứng tát bà nhược tâm 。 bất lạc đấu tụng 。
thường không rời tâm tương ưng Nhất thiết trí; không thích kiện cáo,

心常樂於法不樂非法。樂善知識不樂冤家。樂和諍訟不樂讒謗。

tâm thường lạc ư Pháp bất lạc phi Pháp 。 lạc thiện tri thức bất tâm thường vui với
pháp, không thích phi pháp; thích Thiện tri thức, không thích kẻ oán đối; thích hóa giải
tranh tụng, không thích chê bai, gièm pha;

樂佛法中而得出家。

lạc Phật Pháp trung nhi đắc xuất gia 。
thích ở trong Phật pháp mà xuất gia;

常樂欲生他方清淨佛國。隨意自在。其所生處常得供養諸佛。

thường lạc dục sinh tha phương thanh tịnh Phật quốc 。 tùy ý tự-tại 。 kỳ sở sinh xử
thường đắc cung dưỡng chư Phật 。
thường thích sinh về nước Phật thanh tịnh ở phương kia; tùy ý tự tại, nơi mình sinh ra
thường được cúng dường chư Phật.

須菩提。阿惟越致菩薩多於欲界色界命終。

Tu-bồ-đề 。 A-duy-việt-trí Bồ-tát đa ư dục giới sắc giới mạng chung 。
Tu-bồ-đề, Bồ-tát Bất thoái đã nhiều lần mạng chung ở Dục giới, Sắc giới,

來生中國。善於伎藝。明解經書呪術占相。

lai sinh Trung Quốc 。 thiện ư kỹ nghệ 。 minh giải Kinh thư chú thuật chiêm tướng 。
sinh đến trung tâm đất nước, giỏi về kỹ nghệ, hiểu rõ kinh sách, chú thuật, xem tướng,

悉能了知。少生邊地。若生邊地必在大國。

tất năng liễu tri 。 thiểu sinh biên địa 。 nhược sinh biên địa tất tại Đại quốc 。
đều có thể biết rõ; ít sinh ở vùng biên giới. Nếu sinh ở vùng biên giới, cũng ở tại đất nước
rộng lớn.

有如是功德相貌。當知是阿惟越致菩薩。

hữu như thị công đức tướng mạo 。 đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。
Có tướng mạo công đức như thế nên biết đó là Bồ-tát Bất thoái.

復次須菩提。阿惟越致菩薩不作是念。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 A-duy-việt-trí Bồ-tát bất tác thị niệm 。
Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Bất thoái không nghĩ thế này:

我是阿惟越致非阿惟越致。不生是疑。須菩提。

ngã thị A-duy-việt-trí phi A-duy-việt-trí 。 bất sinh thị nghi 。 Tu-bồ-đề 。
Ta là Bất thoái hay không phải Bất thoái. Không sinh sự nghi ngờ này. Tu-bồ-đề,

自證阿惟越致地者終不復疑。

tự chứng A-duy-việt-trí địa giả chung bất phục nghi 。
người tự chứng được địa Bất thoái thì không bao giờ hoài nghi.

譬如須陀洹所證法中心無所疑。種種魔事皆能覺之。覺已不隨。

thí như Tu-đà-hoàn sở chứng Pháp trung tâm vô sở nghi 。 chủng chủng Ma sự giai
năng giác chi 。 giác dĩ bất tùy 。

Ví như Tu-đà-hoàn, ở trong pháp chứng được, tâm không chỗ nghi; mọi việc của Ma đều
có thể biết; đã biết tức không theo.

菩薩亦如是。於阿惟越致地中。心無所疑。

Bồ-tát diệc như thị 。 ư A-duy-việt-trí địa trung 。 tâm vô sở nghi 。

Bồ-tát cũng thế. Ở vào địa Bất thoái thì tâm không có nghi ngờ,

種種魔事皆能覺之。覺已不隨。須菩提。

chủng chủng Ma sự giai năng giác chi 。 giác dĩ bất tùy 。

mọi việc của Ma đều có thể biết; đã biết thì không theo. Tu-bồ-đề,

譬如人有逆罪心常悔懼至死不捨不能遠離。

thí như nhân hữu nghịch tội tâm thường hối cụ chí tử bất xả bất năng viễn li 。

ví như người có tội nghịch, tâm thường hối hận, sợ hãi tới lúc chết vẫn không hết, không thể rời xa.

如是罪心常隨是心乃至命終。須菩提。

như thị tội tâm thường tùy thị tâm nãi chí mạng chung 。

Tâm tội lỗi như vậy, thường nương theo tâm này cho tới lúc chết. Tu-bồ-đề,

阿惟越致菩薩亦復如是。阿惟越致菩薩。

A-duy-việt-trí Bồ-tát diệc phục như thị 。

A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

心常安住阿惟越致地中。不可動轉。

tâm thường an trú A-duy-việt-trí địa trung 。

bất khả động chuyển 。

一切世間天人阿修羅所壞種種魔事能覺之。覺已不隨。

nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La sở hoại chủng chủng Ma sự năng giác chi 。

giác dĩ bất tùy 。

những sự phá hoại của tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la, đủ loại việc Ma, đều có thể biết; đã biết thì không theo.

所證法中其心決定無所疑惑。

sở chứng Pháp trung kỳ tâm quyết định vô sở nghi hoặc 。

Trong pháp chứng được, tâm đã quyết định, không có sự nghi ngờ;

乃至轉身不生聲聞辟支佛心。轉身亦復不疑。

nãi chí chuyển thân bất sinh thanh văn tích chi Phật tâm 。

chuyển thân diệc phục bất nghi 。

cho tới lúc chuyển thân, không sinh tâm Thanh văn, Phật Bích Chi. Lúc chuyển thân cũng không hoài nghi

我不得阿耨多羅三藐三菩提。自證所得法中不隨他人。

ngã bất đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

tự chứng sở đắc Pháp trung bất tùy tha nhân 。

ta không được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Trong pháp tự chứng đắc, không nương theo người khác;

自住證地無能破壞。何以故。成就不可壞智慧故。

tự trụ chứng địa vô năng phá hoại 。

hà dĩ cố 。

thành tựu bất khả hoại trí tuệ cố 。

tự mình trụ vào địa đã chứng, không gì có thể phá hoại. Vì sao? Vì thành tựu trí tuệ không thể hư hoại,

安住阿惟越致性。須菩提。若惡魔化作佛身。

an trú A-duy-việt-trí tính 。

Tu-bồ-đề 。

nhược ác Ma hóa tác Phật thân 。

an trú tính Bất thoái. Tu-bồ-đề, nếu Ác ma hóa ra thân Phật,

至阿惟越致菩薩所作是言。善男子。

chí A-duy-việt-trí Bồ-tát sở tác thị ngôn 。

thiện nam tử 。

đến chỗ của Bồ-tát Bất thoái, nói thế này: Thiện nam tử,

汝於此身可證阿羅漢。

nhữ ư thử thân khả chứng A-la-hán 。
ở nơi thân này, ông có thể chứng A-la-hán,

何用阿耨多羅三藐三菩提為。何以故。

hà dụng a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề vi 。 hà dĩ cố 。
dùng đến Vô thượng Chính đẳng Chính giác để làm gì? Vì sao?

菩薩成就得阿耨多羅三藐三菩提相貌。汝無是相。須菩提。

Bồ-tát thành tựu đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tướng mạo 。 nhữ vô thị tướng 。
Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát thành tựu thì được tướng mạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác; nhưng ông không
có tướng này. Tu-bồ-đề,

菩薩聞是語心不動異。即作是念。若是惡魔若魔所使。

Bồ-tát văn thị ngữ tâm bất động dị 。 tức tác thị niệm 。 nhược thị ác Ma nhược Ma
sở sử 。

Bồ-tát nghe lời này, tâm không dao động, đổi khác, liền nghĩ rằng nếu đó là Ác ma hay
được Ma sai sử

非佛所說。若佛所說不應有異。若菩薩能如是念。

phi Phật sở thuyết 。 nhược Phật sở thuyết bất ứng hữu dị 。 nhược Bồ-tát năng như
thị niệm 。

thì không phải Phật nói. Nếu được Phật nói thì lẽ ra không có khác biệt. Nếu Bồ-tát có thể
nghĩ thế này:

是魔變身作佛。欲令我遠離般若波羅蜜。

thị Ma biến thân tác Phật 。 dục lệnh ngã viễn li Bát-nhã Ba-la-mật 。

thân này do Ma biến ra làm Phật, muốn làm cho ta rời xa Bát-nhã Ba-la-mật.

魔若還隱沒。

Ma nhược hoàn ẩn mật 。

Nếu Ma lại biến mất,

當知是菩薩已於先佛得受阿耨多羅三藐三菩提記。安住阿惟越致地中。

đương tri thị Bồ-tát dĩ ư tiên Phật đắc thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。 an trú A-duy-việt-trí địa trung 。

nên biết Bồ-tát này đã được Phật trước đây thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

何以故。是人阿惟越致相貌。須菩提。

hà dĩ cố 。 thị nhân hữu A-duy-việt-trí tướng mạo 。 Tu-bồ-đề 。

Vì sao? Vì người này có tướng mạo Bất thoái. Tu-bồ-đề,

以是相貌當知是阿惟越致菩薩。復次須菩提。

dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。

lấy tướng mạo này mà biết đó là Bồ-tát Bất thoái. Lại nữa, Tu-bồ-đề,

阿惟越致菩薩為護法不惜身命。

A-duy-việt-trí Bồ-tát vi hộ Pháp bất tích thân mạng 。

Bồ-tát Bất thoái vì hộ trì pháp, không tiếc thân mạng;

為正法故行精進。作是念。我不但護過去現在諸佛正法。

vi chính Pháp cố hành tinh tấn 。 tác thị niệm 。 ngã bất đăn hộ quá khứ hiện tại chư Phật chính Pháp 。

vì chính pháp nên hành tinh tấn, nghĩ rằng: Ta không chỉ hộ trì chính pháp của chư Phật quá khứ, hiện tại

亦復當護未來世中諸佛正法。

diệc phục đương hộ vị lai thế trung chư Phật chính Pháp 。

mà còn sẽ hộ trì chính pháp của chư Phật ở đời vị lai.

我亦當在未來數中而得受記。我則自守護法。

ngã diệc đương tại vị lai số trung nhi đắc thọ kí 。 ngã tác tự thủ hộ Pháp 。

Ta cũng sẽ ở trong số vị lai mà được thọ ký. Ta sẽ tự mình hộ trì pháp.

是菩薩見是利故守護正法。乃至不惜身命。

thị Bồ-tát kiến thị lợi cố thủ hộ chính Pháp 。 nãi chí bất tích thân mạng 。

Bồ-tát này vì thấy lợi ích này mà hộ trì chính pháp, cho tới không tiếc thân mạng;

其心不沒不悔。須菩提。以是相貌當知是阿惟越致菩薩。

kỳ tâm bất mạt bất hối 。

。

Tu-bồ-đề 。 dĩ thị tướng mạo đương tri thị A-duy-việt-trí Bồ-tát
tâm mình không mất, không hối hận. Tu-bồ-đề, lấy tướng mạo này mà biết đó là Bồ-tát
Bất thoái.

復次須菩提。阿惟越致菩薩。

phục thứ Tu-bồ-đề 。

A-duy-việt-trí Bồ-tát 。

若從如來聞說法時。心無所疑。須菩提白佛言。世尊。

nhược tòng Như-Lai văn thuyết Pháp thời 。

tâm vô sở nghi 。

是菩薩但聞如來說法時。心無所疑。

thị Bồ-tát đãn văn Như-Lai thuyết Pháp thời 。

tâm vô sở nghi 。

聞聲聞人說法時。亦無所疑耶。須菩提。

văn thanh văn nhân thuyết Pháp thời 。

diệc vô sở nghi da 。

是菩薩從聲聞人聞法時。亦無所疑。何以故。

thị Bồ-tát tòng thanh văn nhân văn Pháp thời 。

Bồ-tát này lúc nghe pháp từ người Thanh văn cũng không nghi ngờ. Vì sao?

是菩薩於諸法中得無生忍故。須菩提。菩薩成就如是功德相貌。

thị Bồ-tát ư chư Pháp trung đắc vô sinh nhẫn cố 。 Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát thành tựu như thị công đức tướng mạo 。

Vì Bồ-tát này ở trong các pháp đắc Vô sinh nhẫn. Tu-bồ-đề, Bồ-tát thành tựu tướng mạo công đức như thế,

當知是阿惟越致菩薩。

đương tri thị A-đuy-việt-trí Bồ-tát 。

nên biết đó là Bồ-tát Bất thoái.

小品般若波羅蜜經

tiểu phẩm Bát-nhã Ba-la-mật Kinh

Kinh Tiểu Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật

卷第七

quyển đệ thất

Quyển 7

深功德品第十七

thâm công đức phẩm đệ thập thất

Phẩm 17: Công Đức Sâu Dày

爾時須菩提白佛言。希有世尊。

nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 hi hữu Thế tôn 。

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Hiếm có, Thế tôn.

是阿毘跋致菩薩。成就大功德。世尊。

thị A-tì bạt trí Bồ-tát 。

Bồ-tát Bất thoái này thành tựu công đức lớn. Thế tôn,

能說阿毘跋致菩薩恒河沙等相貌。說是相貌。

năng thuyết A ti bạt trí Bồ-tát hằng hà sa đẵng tướng mạo 。 thuyết thị tướng mạo 。
có thể nói hằng hà sa tướng mạo của Bồ-tát Bất thoái. Nói tướng mạo này

則是說深般若波羅蜜相。佛言。善哉善哉。須菩提。

tắc thị thuyết thâm Bát-nhã Ba-la-mật tướng 。 Phật ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。 Tu-bồ-
đề 。

chính là nói tướng của Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa. Phật dạy: Lành thay! Lành thay! Tu-bồ-
đề,

汝能示諸菩薩甚深之相。須菩提。甚深相者即是空義。

nhữ năng kì chư Bồ-tát thậm thâm chi tướng 。 Tu-bồ-đề 。

ông có thể chỉ ra tướng sâu xa của các Bồ-tát. Tu-bồ-đề, tướng sâu xa chính là nghĩa của
Không,

即是無相無作無起。無生無滅無所有。

tức thị vô tướng vô tác vô khởi 。

tức là không tướng, không làm, không khởi, không sinh, không diệt, không có,

無染寂滅遠離涅槃義。世尊。但是空義。乃至涅槃義。

vô nhiễm tịch diệt viễn li Niết-Bàn nghĩa 。

không nhiễm, tịch diệt, xa rời, nghĩa của Niết-bàn. Thế tôn, chỉ là nghĩa của Không, cho tới
nghĩa của Niết-bàn,

非一切法義耶。須菩提。一切法亦是甚深義。

phi nhất thiết Pháp nghĩa da 。

mà không phải nghĩa của tất cả các pháp sao? Tu-bồ-đề, tất cả các pháp cũng là nghĩa sâu xa.

何以故。須菩提。色甚深。受想行識甚深。

hà dĩ cố 。 Tu-bồ-đề 。 sắc thậm thâm 。 thọ tưởng hành thức thậm thâm 。

Vì sao? Tu-bồ-đề, sắc sâu xa, thọ, tưởng, hành, thức sâu xa.

云何色甚深。如如甚深。云何受想行識甚深。

vân hà sắc thậm thâm 。 như như thậm thâm 。 vân hà thọ tưởng hành thức thậm thâm 。

Thế nào là sắc sâu xa? Như Như sâu xa. Thế nào là thọ, tưởng, hành, thức sâu xa?

如如甚深。須菩提。無色是色甚深。

như như thậm thâm 。 Tu-bồ-đề 。 vô sắc thị sắc thậm thâm 。

Như Như sâu xa. Tu-bồ-đề, không có sắc là sắc sâu xa;

無受想行識是識甚深。須菩提言。希有世尊。以微妙方便。

thị cố tưởng hành thức thị thức thậm thâm 。 Tu-bồ-đề ngôn 。 hi hữu Thế tôn 。 dĩ vi diệu phương tiện 。

không có thọ, tưởng, hành, thức là thức sâu xa. Tu-bồ-đề nói: Hiếm có, Thế tôn. Dùng phương tiện vi diệu

障色示涅槃。障受想行識示涅槃。佛告須菩提。

chướng sắc kì Niết-Bàn 。 chướng thọ tưởng hành thức kì Niết-Bàn 。 Phật cáo Tu-bồ-đề 。

ngăn sắc để chỉ Niết-bàn, ngăn thọ, tưởng, hành, thức để chỉ Niết-bàn. Phật bảo Tu-bồ-đề:

菩薩若能於是深般若波羅蜜。思惟觀察。

Bồ-tát nhược năng ư thị thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 tư duy quan sát 。

Bồ-tát nếu có thể suy tư, quán sát ở nơi Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa này;

如般若波羅蜜教我應如是學。

như Bát-nhã Ba-la-mật giáo ngã ứng như thị học 。

như Bát-nhã Ba-la-mật dạy, ta nên học như thế;

如般若波羅蜜說我應如是行。是菩薩如是思惟修習。

như Bát-nhã Ba-la-mật thuyết ngã ứng như thị hành 。

。 thị Bồ-tát như thị tư duy tu tập

như Bát-nhã Ba-la-mật nói, ta nên hành như thế. Bồ-tát này suy tư, tu tập như thế,

乃至一日所作功德無有限量。須菩提。

nãi chí nhất nhật sở tác công đức vô hữu hạn lượng 。

Tu-bồ-đề 。

công đức tạo được dù chỉ một ngày cũng không có hạn lượng. Tu-bồ-đề,

譬如多欲之人欲覺亦多。與他端正女人共期。

thí như đa dục chi nhân dục giác diệc đa 。

dữ tha đoan chính nữ nhân cộng kỳ 。

ví như người nhiều ham muốn, ham muốn hiểu biết cũng nhiều, cùng hẹn hò với người nữ đoan chính kia.

此女監礙失期不至。須菩提。於意云何。

thử nữ giám ngại thất kỳ bất chí 。

Tu-bồ-đề 。

ư ý vân hà 。

Người nữ này bị ngăn ngại, lỡ hẹn không đến. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?

是多欲人欲覺。為與何法相應。世尊。是多欲人。

thị đa dục nhân dục giác 。

。

vi dữ hà Pháp tướng ứng 。

Thế tôn 。

thị đa dục nhân ham muốn này tương ứng với pháp nào? Thế tôn, người nhiều ham muốn này

但起欲覺相應念憶想此女。當至不久。

đãn khởi dục giác tương ứng niệm ức tưởng thử nữ 。

đương chí bất cửu 。

chỉ khởi sự muốn biết tương ứng với sự nhớ tưởng người nữ này không lâu nữa sẽ đến;

我當與之坐臥戲笑。須菩提。於意云何。

ngã đương dữ chi tọa ngoạn hí tiểu 。 Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。

ta sẽ cùng ngồi, nằm, cười đùa. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?

是人一日一夜起幾欲念。世尊。是人一日一夜起念甚多。須菩提。

thị nhân nhất nhật nhất dạ khởi ki dục niệm 。 Thế tôn 。 thị nhân nhất nhật nhất
dạ khởi niệm thậm đa 。 Tu-bồ-đề 。

Người này, trong một ngày một đêm, khởi bao nhiêu niệm ham muốn? Thế tôn, người này,
trong một ngày một đêm, khởi rất nhiều niệm. Tu-bồ-đề,

若菩薩如深般若波羅蜜教。

nhược Bồ-tát như thâm Bát-nhã Ba-la-mật giáo 。

nếu Bồ-tát, như Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa dạy,

思惟學習則離退轉過惡。捨若干劫數生死之難。

tư duy học tập tắc ly thoái chuyển quá ác 。 xả nhược can kiếp số sinh tử chi nan
。

tư duy, học tập tức rời thoái chuyển, điều lỗi, điều ác, bỏ được nạn sinh tử trong nhiều số
kiếp.

是菩薩一日之中。應深般若波羅蜜所作功德。

thị Bồ-tát nhất nhật chi trung 。 ứng thâm Bát-nhã Ba-la-mật sở tác công đức 。

Bồ-tát này, trong một ngày, công đức tạo được tương ứng với Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa,

勝於菩薩遠離深般若波羅蜜於恒河沙劫布施功

thắng ư Bồ-tát viễn li thâm Bát-nhã Ba-la-mật ư hằng hà sa kiếp bố thí công

hơn công đức của Bồ-tát rời xa Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa mà bố thí trong hằng hà sa kiếp.

德。復次須菩提。若菩薩離般若波羅蜜。

đức 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。 nhược Bồ-tát ly Bát-nhã Ba-la-mật 。
Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát rời Bát-nhã Ba-la-mật,

於恒河沙劫供養須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢辟
ư hằng hà sa kiếp cung dưỡng Tu đà hoàn Tư đà hàm A na hàm A-la-hán tích
trong hằng hà sa kiếp cúng dường Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật
Bích Chi,

支佛諸佛。於意云何。其福多不。須菩提言。
chi Phật chư Phật 。 ư ý vân hà 。 kỳ phúc đa bất 。 Tu-bồ-đề ngôn 。
chư Phật. Ý ông thế nào? Phước ấy nhiều không? Tu-bồ-đề nói:

甚多世尊。無量無邊不可稱數。佛言。
thậm đa Thế tôn 。 vô lượng vô biên bất khả xưng số 。 Phật ngôn 。
Rất nhiều, Thế tôn. Vô lượng vô biên, không thể cân đếm. Phật dạy:

不如菩薩於深般若波羅蜜如說修行。
bất như Bồ-tát ư thâm Bát-nhã Ba-la-mật như thuyết tu hành 。
Không bằng Bồ-tát, ở nơi Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, tu hành như được nói,

乃至一日其福甚多。何以故。菩薩行般若波羅蜜。
nãi chí nhất nhật kỳ phúc thậm đa 。 hà dĩ cố 。 Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。
dù chỉ một ngày, phước người này rất nhiều. Vì sao? Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật,

能過聲聞辟支佛地入菩薩位。
năng quá thanh văn tích chi Phật địa nhập Bồ-tát vị 。
có thể vượt các địa Thanh văn, Phật Bích Chi, nhập vào địa vị Bồ-tát,

得阿耨多羅三藐三菩提。復次須菩提。若菩薩於恒河沙劫。
được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。 nhược Bồ-tát ư hằng hà
sa kiếp 。

được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát, ở hằng hà sa kiếp,

離般若波羅蜜。布施持戒忍辱精進禪定智慧。

ly Bát-nhã Ba-la-mật 。 bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định trí tuệ 。
rời Bát-nhã Ba-la-mật mà bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ.

於意云何。其福多不。須菩提言。甚多世尊。佛言。

ư ý vân hà 。 kỳ phúc đa bất 。 Tu-bồ-đề ngôn 。 thậm đa Thế tôn 。 Phật ngôn 。
Ý ông thế nào? Phước ấy nhiều không? Tu-bồ-đề nói: Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy:

不如菩薩於深般若波羅蜜如說修行。

bất như Bồ-tát ư thâm Bát-nhã Ba-la-mật như thuyết tu hành 。

Không bằng Bồ-tát, ở nơi Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, tu hành như được nói,

乃至一日布施持戒忍辱精進禪定智慧其福甚多。

nãi chí nhất nhật bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định trí tuệ kỳ phúc thậm đa
。

dù chỉ một ngày, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, thì phước ấy rất
nhiều.

復次須菩提。若菩薩於恒河沙劫。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 nhược Bồ-tát ư hằng hà sa kiếp 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát, ở vô lượng kiếp,

離般若波羅蜜法施眾生。於意云何。其福多不。

ly Bát-nhã Ba-la-mật Pháp thí chúng sinh 。 ư ý vân hà 。 kỳ phúc đa bất 。

rời Bát-nhã Ba-la-mật, bố thí pháp cho chúng sinh. Ý ông thế nào? Phước ấy nhiều
không?

須菩提言。甚多世尊。佛言。

Tu-bồ-đề ngôn 。 thậm đa Thế tôn 。 Phật ngôn 。

Tu-bồ-đề nói: Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy:

不如菩薩於深般若波羅蜜如說修行。乃至一日法施眾生其福甚多。

bất như Bồ-tát ư thâm Bát-nhã Ba-la-mật như thuyết tu hành 。 nãi chí nhất nhật Pháp thí chúng sinh kỳ phúc thậm đa 。

Không bằng Bồ-tát, ở nơi Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, tu hành như được nói, dù chỉ một ngày, bố thí pháp cho chúng sinh, thì phước ấy rất nhiều.

何以故。若菩薩不離般若波羅蜜。

hà dĩ cố 。 nhược Bồ-tát bất ly Bát-nhã Ba-la-mật 。

Vì sao? Nếu Bồ-tát không rời Bát-nhã Ba-la-mật

即是不離薩婆若。復次須菩提。

tức thị bất ly tát bà nhược 。

tức là không rời Nhất thiết trí. Lại nữa, Tu-bồ-đề.

若菩薩於恒河沙劫離般若波羅蜜。修行三十七品。於意云何。

nhược Bồ-tát ư hằng hà sa kiếp ly Bát-nhã Ba-la-mật 。

Nếu Bồ-tát, ở hằng hà sa kiếp, rời Bát-nhã Ba-la-mật, tu hành ba mươi bảy phẩm. Ý ông thế nào?

其福多不。須菩提言。甚多世尊。佛言。

kỳ phúc đa bất 。

Phước ấy nhiều không? Tu-bồ-đề nói: Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy:

不如菩薩如般若波羅蜜教住。

bất như Bồ-tát như Bát-nhã Ba-la-mật giáo trụ 。

Không bằng Bồ-tát trụ như Bát-nhã Ba-la-mật dạy,

乃至一日修行三十七品其福甚多。何以故。

nãi chí nhất nhật tu hành tam thập thất phẩm kỳ phúc thậm đa 。 hà dĩ cố 。
dù chỉ một ngày, tu hành ba mươi bảy phẩm, thì phước rất nhiều. Vì sao?

若菩薩不離般若波羅蜜退失薩婆若。無有是處。復次須菩提。

nhược Bồ-tát bất ly Bát-nhã Ba-la-mật thoái thất tát bà nhược 。 vô hữu thị xử 。 phục
thứ Tu-bồ-đề 。

Nếu Bồ-tát không rời Bát-nhã Ba-la-mật mà lui mất Nhất thiết trí thì không có điều đó. Lại
nữa, Tu-bồ-đề.

若菩薩於恒河沙劫。離般若波羅蜜。

nhược Bồ-tát ư hằng hà sa kiếp 。 ly Bát-nhã Ba-la-mật 。

Nếu Bồ-tát, ở hằng hà sa kiếp, rời Bát-nhã Ba-la-mật,

以是財施法施禪定功德。迴向阿耨多羅三藐三菩提。

dĩ thị tài thí Pháp thí Thiền định công đức 。 hồi hướng a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề
。

lấy công đức bố thí tiền của, bố thí pháp, thiền định, hồi hướng Vô thượng Chính đẳng
Chính giác.

於意云何。其福多不。須菩提言。甚多世尊。佛言。

ư ý vân hà 。 kỳ phúc đa bất 。 Tu-bồ-đề ngôn 。 thậm đa Thế tôn 。 Phật ngôn 。

Ý ông thế nào? Phước ấy nhiều không? Tu-bồ-đề nói: Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy:

不如菩薩於深般若波羅蜜如說修行。

bất như Bồ-tát ư thâm Bát-nhã Ba-la-mật như thuyết tu hành 。

Không bằng Bồ-tát, ở nơi Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, tu hành như được nói,

乃至一日財施法施禪定功德。

nãi chí nhất nhật tài thí Pháp thí Thiền định công đức 。

dù chỉ một ngày, công đức bố thí tiền của, bố thí pháp, thiền định,

迴向阿耨多羅三藐三菩提其福甚多。何以故。是第一迴向。

hồi hướng a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kỳ phúc thậm đa 。 hà dĩ cố 。 thị đệ nhất hồi hướng 。

hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thì phước ấy rất nhiều.

所謂不離深般若波羅蜜。須菩提白佛言。世尊。

sở vị bất ly thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Đó là không rời Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

如佛所說。一切作起法皆是憶想分別。

như Phật sở thuyết 。 nhất thiết tác khởi Pháp giai thị ức tưởng phân biệt 。

như Phật có nói, tất cả các pháp tạo khởi đều là sự nhớ tưởng, phân biệt.

云何說菩薩得福甚多。須菩提。

vân hà thuyết Bồ-tát được phúc thậm đa 。 Tu-bồ-đề 。

Tại sao nói Bồ-tát được phước rất nhiều? Tu-bồ-đề,

菩薩行般若波羅蜜時。亦能觀察是作起功德空無所有。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật thời 。 diệc năng quan sát thị tác khởi công đức không vô sở hữu 。

khi Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, cũng có thể quán sát công đức tạo khởi này là Không, không có gì cả,

虛誑不實無堅牢相。若菩薩隨所能觀。

hư cuống bất thật vô kiên lao tướng 。 nhược Bồ-tát tùy sở năng quán 。

giả dối, không thật, không có tướng bền chắc. Nếu Bồ-tát theo sự quán sát như thế

則不離深般若波羅蜜。隨不離深般若波羅蜜。

tắc bất ly thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 tùy bất ly thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

thì không rời Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa. Theo sự không rời Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa

即得無量阿僧祇福德。世尊。

tức được vô lượng a tăng kì phúc đức 。 Thế tôn 。

tức được vô lượng a-tăng-kỳ phước đức. Thế tôn,

無量阿僧祇有何差別。須菩提。阿僧祇者。不可數盡。

vô lượng a tăng kì hữu hà sai biệt 。 Tu-bồ-đề 。 a tăng kì giả 。 bất khả số tận 。

vô lượng a-tăng-kỳ có gì khác nhau? Tu-bồ-đề, a-tăng-kỳ là không thể đếm hết;

無量者過諸量數。世尊。

vô lượng giả quá chư lượng số 。

vô lượng là vượt các số lượng. Thế tôn,

頗有因緣色亦無量受想行識亦無量。佛言有須菩提。色亦無量。

pha hữu nhân duyên sắc diệc vô lượng thọ tưởng hành thức diệc vô lượng 。

có nhân duyên nào sắc cũng vô lượng, thọ, tưởng, hành, thức cũng vô lượng không? Phật dạy: Có, Tu-bồ-đề. Sắc cũng vô lượng,

受想行識亦無量。世尊。無量者是何義。須菩提。

thọ tưởng hành thức diệc vô lượng 。

。 Thế tôn 。

vô lượng giả thị hà nghĩa 。

無量者即是空義。即是無相無作義。世尊。

vô lượng giả tức thị không nghĩa 。

tức thị vô tướng vô tác nghĩa 。

無量但是空義。非餘義耶。須菩提。於意云何。

vô lượng dẫn thị không nghĩa 。

phi dư nghĩa da 。

我不說一切法空耶。世尊說耳。須菩提。若空即是無盡。

ngã bất thuyết nhất thiết Pháp không da 。 Thế tôn thuyết nhĩ 。 Tu-bồ-đề 。 nhược không tức thị vô tận 。

Chẳng phải Ta nói tất cả các pháp đều Không sao? Thế tôn có nói. Tu-bồ-đề, nếu Không, tức là vô tận;

若空即是無量。是故此法義中無有差別。

nhược không tức thị vô lượng 。 thị cố thử Pháp nghĩa trung vô hữu sai biệt 。 nếu Không, tức là vô lượng. Vì thế, trong nghĩa của pháp này không có sự khác nhau.

須菩提。如來所說無盡無量。空無相無作無起。

Tu-bồ-đề 。 Như-Lai sở thuyết vô tận vô lượng 。 không vô tướng vô tác vô khởi 。 Tu-bồ-đề, điều được Như lai nói là không cùng tận, không hạn lượng, Không, không tướng, không làm, không khởi,

無生無滅。無所有無染涅槃。

vô sinh vô diệt 。 vô sở hữu vô nhiễm Niết-Bàn 。 không sinh, không diệt, không có, không nhiễm, Niết-bàn;

但以名字方便故說。須菩提言。希有世尊。諸法實相不可得說。

đãn dĩ danh tự phương tiện cố thuyết 。 Tu-bồ-đề ngôn 。 hi hữu Thế tôn 。 chư Pháp thật tướng bất khả được thuyết 。

chỉ dùng phương tiện, danh tự mà nói. Tu-bồ-đề nói: Hiếm có, Thế tôn. Tướng thật của các pháp không thể nói được,

而今說之。世尊。如我解佛所說義。

nhi kim thuyết chi 。 Thế tôn 。 như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa 。 nhưng nay được nói. Thế tôn, như con hiểu nghĩa được Phật nói,

一切法皆不可說。如是如是。須菩提。一切法皆不可說。

nhất thiết Pháp giai bất khả thuyết 。 như thị như thị 。 Tu-bồ-đề 。 nhất thiết Pháp giai bất khả thuyết 。

tất cả các pháp đều không thể nói. Đúng vậy, đúng vậy, Tu-bồ-đề. Tất cả các pháp đều không thể nói.

須菩提。一切法空相不可得說。世尊。

Tu-bồ-đề 。 nhất thiết Pháp không tướng bất khả được thuyết 。 Thế tôn 。

Tu-bồ-đề, tất cả các pháp không tướng, không thể nói được. Thế tôn,

是不可說義無增無減。

thị bất khả thuyết nghĩa vô tăng vô giảm 。

nghĩa không thể nói này không thêm, không bớt.

若爾者檀波羅蜜亦應無增無減。

nhược nhĩ giả đàn ba la mật diệc ứng vô thêm vô giảm 。

Nếu vậy, Bồ thí Ba-la-mật cũng nên không thêm không bớt,

尸羅波羅蜜羼提波羅蜜毘梨耶波羅蜜禪波羅蜜亦應無增無減。

Thi-La Ba-la-mật Sạn-Đề Ba-la-mật Bi-lê-Da Ba-la-mật Thiền Ba-la-mật diệc ứng vô thêm vô giảm 。

Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật, cũng nên không thêm, không bớt.

若是諸波羅蜜無增無減。菩薩云何以是無增無減波羅蜜。

nhược thị chư Ba-la-mật vô thêm vô giảm 。

Bồ-tát vân hà dĩ thị vô thêm vô giảm Ba-la-mật 。

Nếu các Ba-la-mật này không thêm, không bớt, làm thế nào Bồ-tát dùng Ba-la-mật không thêm không bớt này

得阿耨多羅三藐三菩提。

được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

để được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

近阿耨多羅三藐三菩提。世尊。若菩薩增減諸波羅蜜。

cận a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 Thế tôn 。 nhược Bồ-tát thêm giảm chư Ba-la-mật 。

gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác? Thế tôn, nếu Bồ-tát thêm bớt các Ba-la-mật,

則不能近阿耨多羅三藐三菩提。如是如是。須菩提。

tắc bất năng cận a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 như thị như thị 。 Tu-bồ-đề 。
tức không thể gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Đúng vậy, đúng vậy, Tu-bồ-đề.

不可說義無增無減。

bất khả thuyết nghĩa vô thêm vô giảm 。

Nghĩa không thể nói, không thêm không bớt.

善知方便菩薩行般若波羅蜜修般若波羅蜜時。不作是念。

thiện tri phương tiện Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật tu Bát-nhã Ba-la-mật thời 。 bất
tác thị niệm 。

Bồ-tát khéo biết phương tiện khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, tu Bát-nhã Ba-la-mật, không
nghĩ

檀波羅蜜若增若減。作是念。是檀波羅蜜但有名字。

đàn ba la mật nhược thêm nhược giảm 。

Bố thí Ba-la-mật có thêm hoặc bớt, mà nghĩ Bố thí Ba-la-mật này chỉ có danh tự.

是菩薩布施時是念是心及諸善根。

thị Bồ-tát bố thí thời thị niệm thị tâm cập chư căn lành 。

Bồ-tát này lúc hành bố thí, niệm này, tâm này và các căn lành

皆如阿耨多羅三藐三菩提相迴向。須菩提。

giai như a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tướng hồi hướng 。 Tu-bồ-đề 。
đều như tướng của Vô thượng Chính đẳng Chính giác mà hồi hướng. Tu-bồ-đề,

善知方便菩薩行般若波羅蜜修般若波羅蜜時。

thiền tri phương tiện Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật tu Bát-nhã Ba-la-mật thời 。
Bồ-tát khéo biết phương tiện lúc hành Bát-nhã Ba-la-mật, tu Bát-nhã Ba-la-mật,

不作是念。尸羅波羅蜜若增若減。

bất tác thị niệm 。 Thi-La Ba-la-mật nhược thêm nhược giảm 。
không nghĩ Trì giới Ba-la-mật có thêm hay bớt,

羼提波羅蜜毘梨耶波羅蜜禪波羅蜜若增若減。須菩提。

Sạn-Đề Ba-la-mật Bi-lê-Da Ba-la-mật Thiền Ba-la-mật nhược thêm nhược giảm 。 Tu-
bồ-đề 。

Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật có thêm hay bớt. Tu-bồ-
đề,

善知方便菩薩行般若波羅蜜修般若波羅蜜

thiền tri phương tiện Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật tu Bát-nhã Ba-la-mật
Bồ-tát khéo biết phương tiện lúc hành Bát-nhã Ba-la-mật, tu Bát-nhã Ba-la-mật

時。不作是念。般若波羅蜜若增若減。作是念。

thời 。 bất tác thị niệm 。 Bát-nhã Ba-la-mật nhược thêm nhược giảm 。 tác thị niệm 。
không nghĩ Bát-nhã Ba-la-mật có thêm hay bớt, mà nghĩ

般若波羅蜜但有名字。

Bát-nhã Ba-la-mật đăn hữu danh tự 。

Bát-nhã Ba-la-mật chỉ có danh tự.

修智慧時是念是心是善根。如阿耨多羅三藐三菩提相迴向。

tu trí tuệ thời thị niệm thị tâm thị căn lành 。 như a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề
tướng hồi hướng 。

Lúc tu Trí tuệ, niệm này, tâm này, căn lành này, như tướng của Vô thượng Chính đẳng
Chính giác mà hồi hướng.

須菩提白佛言。世尊。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

何等是阿耨多羅三藐三菩提。須菩提。阿耨多羅三藐三菩提者。

hà đẳng thị a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Tu-bồ-đề 。

a nậu đa la tam miệu tam
Bồ-Đề giả 。

Vô thượng Chính đẳng Chính giác là gì? Tu-bồ-đề, Vô thượng Chính đẳng Chính giác

即是如如無增減。若菩薩常行應如念。

tức thị như như vô thêm giảm 。

nhược Bồ-tát thường hành ứng như niệm 。

tức là Như Như, không thêm bớt. Nếu Bồ-tát thường hành niệm tương ứng với Như

即近阿耨多羅三藐三菩提。如是須菩提。

tức cận a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

như thị Tu-bồ-đề 。

tức gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Đúng thế, Tu-bồ-đề.

不可說義雖無增減。而不退諸念不退諸波羅蜜。

bất khả thuyết nghĩa tuy vô thêm giảm 。

nhĩ bất thoái chư niệm bất thoái chư Ba-la-
mật 。

Nghĩa không thể nói, tuy không thêm bớt, nhưng không bỏ các niệm, không bỏ các Ba-la-
mật.

菩薩以是行則近阿耨多羅三藐三菩提。

Bồ-tát dĩ thị hành tắc cận a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Bồ-tát hành như thế tức gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

而亦不退菩薩之行。作是念者。

nhi diệc bất thoái Bồ-tát chi hành 。 tác thị niệm giả 。
mà cũng không bỏ hành của Bồ-tát. Người nghĩ như thế

得近阿耨多羅三藐三菩提。世尊。

được cận a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 Thế tôn 。
được gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thế tôn,

菩薩前心近阿耨多羅三藐三菩提。後心近阿耨多羅三藐三菩提。世尊。

Bồ-tát tiền tâm cận a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 hậu tâm cận a nậu đa la tam
miệu tam Bồ-Đề 。 Thế tôn 。

tâm trước của Bồ-tát gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác, tâm sau gần Vô thượng
Chính đẳng Chính giác. Thế tôn,

前心後心各各不俱。後心前心亦各不俱。世尊。

tiền tâm hậu tâm các các bất câu 。 hậu tâm tiền tâm diệc các bất câu 。 Thế tôn
。

tâm trước, tâm sau không cùng khởi; tâm sau, tâm trước cũng không cùng khởi. Thế tôn,

若前心後心不俱者。

nhược tiền tâm hậu tâm bất câu giả 。
nếu tâm trước tâm sau không cùng khởi,

菩薩諸善根云何得增長。須菩提。於意云何。如然燈時。

Bồ-tát chư căn lành vân hà được thêm trường 。 Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。 như Nhiên-
Đăng thời 。

các căn lành của Bồ-tát làm thế nào lớn thêm được? Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Như khi
đèn đang cháy

為初焰燒炷為後焰燒。世尊。非初焰燒亦不離初焰。

vi sơ diệt thiêu chú vi hậu diệt thiêu 。 Thế tôn 。 phi sơ diệt thiêu diệt bất ly sơ diệt 。

thì ngọn lửa đầu đốt tim đèn hay ngọn lửa sau? Thế tôn, không phải ngọn lửa đầu, cũng không rời ngọn lửa trước;

非後焰燒亦不離後焰。須菩提。於意云何。

phi hậu diệt thiêu diệt bất ly hậu diệt 。 Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。

không phải ngọn lửa sau cũng không rời ngọn lửa sau. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?

是炷燃不。世尊。是炷實燃。須菩提。菩薩亦如是。

thị chú nhiên bất 。 Thế tôn 。 thị chú thật nhiên 。 Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát diệt như thị 。

Tim đèn này có cháy không? Thế tôn, tim đèn có cháy. Tu-bồ-đề, Bồ-tát cũng thế.

非初心得阿耨多羅三藐三菩提亦不離初心。

phi sơ tâm được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề diệt bất ly sơ tâm 。

Không phải tâm đầu được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cũng không rời tâm đầu;

非後心得阿耨多羅三藐三菩提亦不離後心得。世尊。是因緣法甚深。

phi hậu tâm được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề diệt bất ly hậu tâm được 。

Thế tôn 。 thị nhân duyên Pháp thậm thâm 。

không phải tâm sau được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cũng không rời tâm sau. Thế tôn, pháp nhân duyên này rất sâu.

菩薩非初心得阿耨多羅三藐三菩提。亦不離初心得。

Bồ-tát phi sơ tâm được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

diệt bất ly sơ tâm được 。

Không phải tâm đầu của Bồ-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cũng không rời tâm đầu mà được;

非後心得阿耨多羅三藐三菩提。

phi hậu tâm được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

không phải tâm sau được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

亦不離後心而得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提。於意云何。

diệc bất ly hậu tâm nhi được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。

cũng không rời tâm sau mà được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?

若心已滅是心更生不。不也世尊。須菩提。

nhược tâm dĩ diệt thị tâm canh sinh bất 。 bất dã Thế tôn 。 Tu-bồ-đề 。

Nếu tâm đã diệt, tâm này có sinh lại không? Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề,

於意云何。若心生是滅相不。世尊。是滅相。

ư ý vân hà 。 nhược tâm sinh thị diệt tướng bất 。 Thế tôn 。 thị diệt tướng 。

ý ông thế nào? Nếu tâm sinh có phải là tướng diệt không? Thế tôn, là tướng diệt.

須菩提。於意云何。是滅相法當滅不。不也世尊。

Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。 thị diệt tướng Pháp đương diệt bất 。 bất dã Thế tôn 。

Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Pháp của tướng diệt này sẽ diệt không? Không, Thế tôn.

須菩提。於意云何。亦如是住如住不。世尊。

Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。 diệc như thị trụ như như trụ bất 。 Thế tôn 。

Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Trụ như thế cũng là trụ Như Như không? Thế tôn,

亦如是住如住。須菩提。

diệc như thị trụ như như trụ 。 Tu-bồ-đề 。

trụ như thế cũng là trụ Như Như. Tu-bồ-đề,

若如是住如住者。即是常耶。不也世尊。須菩提。於意云何。

nhược như thị trụ như như trụ giả 。 tức thị thường da 。 bất dã Thế tôn 。 Tu-bồ-đề

。 ư ý vân hà 。

nếu trụ như thế là trụ Như Như, tức là thường sao? Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?

是如甚深不。世尊。是如甚深。須菩提。

thị như thậm thâm bất 。 Thế tôn 。 thị như thậm thâm 。 Tu-bồ-đề 。
Như này rất sâu phải không? Thế tôn, Như này rất sâu. Tu-bồ-đề,

於意云何。是如即是心不。不也世尊。須菩提。

ư ý vân hà 。 thị như tức thị tâm bất 。 bất dã Thế tôn 。 Tu-bồ-đề 。
ý ông thế nào? Như này là tâm phải không? Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề,

離如是心不。不也世尊。須菩提。汝見如不。

ly như thị tâm bất 。 bất dã Thế tôn 。 Tu-bồ-đề 。 như kiến như bất 。
rời Như là tâm sao? Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề, ông thấy Như không?

不也世尊。須菩提。於意云何。

bất dã Thế tôn 。 Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。
Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?

若人如是行者是甚深行不。世尊。若人如是行者。是為無處所行。

nhược nhân như thị hành giả thị thậm thâm hành bất 。 Thế tôn 。 nhược nhân như
thị hành giả 。 thị vi vô xử sở hạnh 。

Nếu người hành như thế là hành rất sâu sao? Thế tôn, nếu người hành như thế là không
có chỗ được hành.

何以故。是人不行一切諸行。須菩提。

hà dĩ cố 。 thị nhân bất hành nhất thiết chư hành 。 Tu-bồ-đề 。

Vì sao? Người này không hành tất cả các hành. Tu-bồ-đề,

若菩薩行般若波羅蜜。於何處行。世尊。於第一義中行。

nhược Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 ư hà xử hành 。 Thế tôn 。 ư đệ nhất nghĩa trung hành 。

nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật thì hành ở chỗ nào? Thế tôn, hành trong Đệ nhất nghĩa.

須菩提。於意云何。

Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。

Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?

若菩薩於第一義中行是人相行不。不也世尊。須菩提。於意云何。

nhược Bồ-tát ư đệ nhất nghĩa trung hành thị nhân tướng hành bất 。 bất dã Thế tôn 。

Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。

Nếu Bồ-tát hành trong Đệ nhất nghĩa, người này có tướng hành không? Không, Thế tôn.

Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?

是菩薩壞諸相不。不也世尊。須菩提。於意云何。

thị Bồ-tát hoại chư tướng bất 。 bất dã Thế tôn 。

Bồ-tát này có hoại các tướng không? Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?

菩薩云何為壞諸相。世尊。是菩薩不如是學。

Bồ-tát vân hà vi hoại chư tướng 。 Thế tôn 。

Bồ-tát làm thế nào hoại các tướng? Thế tôn, Bồ-tát này không học thế này:

我行菩薩道於是身斷諸相。

ngã hành Bồ-tát đạo ư thị thân đoạn chư tướng 。

ta hành đạo Bồ-tát, ở nơi thân này, đoạn các tướng.

若斷是諸相未具足佛道。當作聲聞。世尊。是菩薩大方便力。

nhược đoạn thị chư tướng vị cụ túc Phật đạo 。

Bồ-tát Đại phương tiện lực 。

Nếu đoạn các tướng này thì chưa đầy đủ Phật đạo, sẽ làm Thanh văn. Thế tôn, Lục phương tiện lớn của Bồ-tát

知是諸相過而不取無相。

tri thị chư tướng quá nhi bất thủ vô tướng 。

biết lỗi các tướng này, nhưng không nắm Vô tướng.

爾時舍利弗語須菩提。若菩薩夢中修三解脫門空無相無作。

nhĩ thời Xá-lợi-phất ngữ Tu-bồ-đề 。

nhược Bồ-tát mộng trung tu tam giải thoát môn không vô tướng vô tác 。

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát, trong mộng, tu ba cửa giải thoát, Không, Vô tướng, Vô tác,

增益般若波羅蜜不。

thêm ích Bát-nhã Ba-la-mật bất 。

có làm đầy thêm Bát-nhã Ba-la-mật không?

若晝日增益夢中亦應增益。何以故。佛說晝夜夢中等無異故。

nhược trú nhật thêm ích mộng trung diệc ứng thêm ích 。

hà dĩ cố 。

Phật thuyết trú dạ mộng trung đẳng vô dị cố 。

Nếu ban ngày làm đầy thêm, thì trong mộng cũng làm đầy thêm. Vì sao? Vì Phật nói ngày, đêm, trong mộng, vân vân, không khác.

舍利弗。若菩薩修般若波羅蜜。即有般若波羅蜜。

Xá-lợi-phất 。

nhược Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật 。

tức hữu Bát-nhã Ba-la-mật 。

Xá-lợi-phất, nếu Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, tức có Bát-nhã Ba-la-mật.

是故夢中亦應增益般若波羅蜜。舍利弗。

thị cố mộng trung diệc ứng thêm ích Bát-nhã Ba-la-mật 。

Xá-lợi-phất 。

Vì vậy, trong mộng cũng nên làm đầy thêm Bát-nhã Ba-la-mật. Xá-lợi-phất,

若人夢中起業。是業有果報不。

nhược nhân mộng trung khởi nghiệp 。 thị nghiệp hữu quả báo bất 。

nếu người trong mộng khởi nghiệp, nghiệp này có quả báo không?

佛說一切法如夢。不應有果報。若覺分別應有果報。舍利弗。

Phật thuyết nhất thiết Pháp như mộng 。 bất ứng hữu quả báo 。 nhược giác phân biệt ứng hữu quả báo 。 Xá-lợi-phất 。

Phật dạy tất cả các pháp như mộng, không nên có quả báo. Nếu lúc tỉnh phân biệt thì có quả báo. Xá-lợi-phất,

若人夢中殺生覺已分別。我殺是快。

nhược nhân mộng trung sát sinh giác dĩ phân biệt 。 ngã sát thị khoái 。

nếu người trong mộng giết người, tỉnh dậy phân biệt ta giết thật thích.

是業云何。須菩提無緣則無業。無緣思不生。

thị nghiệp vân hà 。 Tu-bồ-đề vô duyên tắc vô nghiệp 。 vô duyên tư bất sinh 。

Nghiệp này thế nào? Tu-bồ-đề, không duyên thì không nghiệp; không duyên, tư không sinh.

如是舍利弗。無緣則無業。無緣思不生。有緣則有業。

như thị Xá-lợi-phất 。 vô duyên tắc vô nghiệp 。 vô duyên tư bất sinh 。 hữu duyên tắc hữu nghiệp 。

Đúng vậy, Xá-lợi-phất, không duyên thì không nghiệp; không duyên, tư không sinh; có duyên thì có nghiệp,

有緣則思生。若心行於見聞覺知法中。

hữu duyên tắc tư sinh 。 nhược tâm hành ư kiến văn giác tri Pháp trung 。

có duyên thì tư sinh. Nếu tâm hành trong pháp thấy, nghe, biết,

有心受垢有心受淨。是故舍利弗。

hữu tâm thọ cấu hữu tâm thọ tịnh 。 thị cố Xá-lợi-phất 。

thì có tâm bị bẩn, có tâm được sạch. Vì thế, Xá-lợi-phất,

有因緣起業非無因緣。有因緣思生非無因緣。

hữu nhân duyên khởi nghiệp phi vô nhân duyên 。 hữu nhân duyên tư sinh phi vô nhân duyên 。

có nhân duyên khởi nghiệp, không phải không có nhân duyên; có nhân duyên thì tư sinh, không phải không có nhân duyên.

舍利弗問須菩提言。若菩薩夢中布施。

Xá-lợi-phất vấn Tu-bồ-đề ngôn 。 nhược Bồ-tát mộng trung bố thí 。

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát, trong mộng, bố thí,

迴向阿耨多羅三藐三菩提。是布施名為迴向不。舍利弗。

hồi hướng a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 thị bố thí danh vi hồi hướng bất 。

hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Bố thí này gọi là hồi hướng không?

彌勒菩薩今現在座。

Di Lặc Bồ-tát kim hiện tại tọa 。

Bồ-tát Di-lặc đang ngồi ở đây,

佛授阿耨多羅三藐三菩提記。可以問之。彌勒當答。

Phật thụ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。 khả dĩ vấn chi 。

舍利弗即問彌勒菩薩。須菩提言。是事彌勒當答。

Xá-lợi-phất tức vấn Di Lặc Bồ-tát 。 Tu-bồ-đề ngôn 。 thị sự Di Lặc đương đáp 。

Xá-lợi-phất liền hỏi Bồ-tát Di-lặc: Tu-bồ-đề nói việc này Di-lặc sẽ trả lời.

彌勒菩薩語舍利弗。所言彌勒當答者。舍利弗。

Di Lặc Bồ-tát ngữ Xá-lợi-phất 。 sở ngôn Di Lặc đương đáp giả 。

Bồ-tát Di-lặc nói với Xá-lợi-phất: Lời đó Di-lặc sẽ trả lời. Xá-lợi-phất,

今以彌勒名字答。若以色答耶。受想行識答耶。

kim dĩ Di Lặc danh tự đáp 。 nhược dĩ sắc đáp da 。 thọ tưởng hành thức đáp da
。

nay dùng danh tự Di-lặc trả lời, hay dùng sắc trả lời, thọ, tưởng, hành, thức trả lời?

若以色空答耶。受想行識空答耶。是色空不能答。

nhược dĩ sắc không đáp da 。 thọ tưởng hành thức không đáp da 。 thị sắc không
bất năng đáp 。

Hay dùng Không của sắc trả lời? Không của thọ, tưởng, hành, thức trả lời? Không của sắc
này không thể trả lời.

受想行識空不能答。舍利弗。

thọ tưởng hành thức không bất năng đáp 。 Xá-lợi-phất 。

Không của thọ, tưởng, hành, thức không thể trả lời. Xá-lợi-phất,

我都不見是法能有所答。

ngã đô bất kiến thị Pháp năng hữu sở đáp 。

ta hoàn toàn không thấy pháp này có thể được trả lời,

亦不見答者及所答人所用答法所可答法。

diệc bất kiến đáp giả cập sở đáp nhân sở dụng đáp Pháp sở khả đáp Pháp 。

cũng không thấy người trả lời, và người được trả lời, pháp được dùng để trả lời, pháp có
thể được trả lời.

我亦不見是法得受阿耨多羅三藐三菩提記。舍利弗語彌勒菩薩。

ngã diệc bất kiến thị Pháp được thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。

Xá-lợi-phất
ngữ Di Lặc Bồ-tát 。

Ta cũng không thấy pháp này được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Xá-lợi-phất
nói với Bồ-tát Di-lặc:

如所說法證此法不。彌勒言。我不隨所說法證得。

như sở thuyết Pháp chứng thử Pháp bất 。 Di Lặc ngôn 。 ngã bất tùy sở thuyết Pháp được 。

Như pháp được nói, có chứng pháp này không? Di-lặc nói: Ta không theo pháp được nói mà chứng được.

舍利弗作是念。彌勒菩薩智惠甚深。

Xá-lợi-phất tác thị niệm 。

Xá-lợi-phất nghĩ thế này: Trí tuệ Bồ-tát Di-lặc rất sâu,

長夜行般若波羅蜜故。爾時佛知舍利弗心所念。

trường dạ hành Bát-nhã Ba-la-mật cố 。

nhĩ thời Phật tri xá-lợi-phất tâm sở niệm 。

vì suốt dòng sinh tử hành Bát-nhã Ba-la-mật. Bấy giờ, Phật biết tâm niệm của Xá-lợi-phất,

語舍利弗言。於意云何。汝見是法。以是法得阿羅漢不。

ngữ xá-lợi-phất ngôn 。

ư ý vân hà 。

nhữ kiến thị Pháp 。

dĩ thị Pháp được A-la-hán bất 。

nói với Xá-lợi-phất: Ý ông thế nào? Ông thấy pháp này, dùng pháp này để được A-la-hán không?

不也世尊。舍利弗。菩薩亦如是。

bất dã Thế tôn 。

Xá-lợi-phất 。

Bồ-tát diệc như thị 。

Không, Thế tôn. Xá-lợi-phất, Bồ-tát cũng thế.

行般若波羅蜜。有方便故不作是念。

hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

hữu phương tiện cố bất tác thị niệm 。

Hành Bát-nhã Ba-la-mật, vì có phương tiện nên không nghĩ

thị Pháp thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。 dĩ thọ kí kim thọ kí đương thọ kí
。

pháp này thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác, đã thọ ký, đang thọ ký, sẽ thọ ký.

若菩薩如是行。即是行般若波羅蜜。

nhược Bồ-tát như thị hành 。 tức thị hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Nếu Bồ-tát hành như thế, tức là hành Bát-nhã Ba-la-mật,

不畏不得阿耨多羅三藐三菩提。我勤行精進。

bất úy bất được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 ngã tinh cần hành tinh tấn 。

không sợ không được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Ta siêng hành tinh tấn

必當得阿耨多羅三藐三菩提。舍利弗。

tất được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 Xá-lợi-phất 。

chắc chắn sẽ được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Xá-lợi-phất,

菩薩應常不驚不怖。若在惡獸之中不應驚怖。何以故。

Bồ-tát ứng thường bất kinh bất phố 。 nhược tại ác thú chi trung bất ứng kinh phố 。

hà dĩ cố 。

Bồ-tát nên thường không khiếp, không sợ. Nếu ở trong thú dữ cũng không khiếp, không

sợ. Vì sao?

菩薩應作是念。我今若為惡獸所噉我當施與。

Bồ-tát ứng tác thị niệm 。 ngã kim nhược vi ác thú sở đạm ngã đương thí dĩ 。

Bồ-tát nên nghĩ: Ta nay nếu bị thú dữ ăn, ta sẽ bố thí cho.

願以具足檀波羅蜜。當近阿耨多羅三藐三菩提。

nguyện dĩ cụ túc đàn ba la mật 。 đương cận a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Nguyện dùng Bố thí Ba-la-mật đầy đủ để gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

我當如是勤行精進得阿耨多羅三藐三菩提

ngã đương như thị tinh cần hành tinh tấn được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề
Ta siêng hành tinh tấn như thế, khi được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

時。世界之中無一切畜生道。

thời 。 thế giới chi trung vô nhất thiết súc sinh đạo 。
trong thế giới không có con đường của tất cả súc sinh.

若菩薩在怨賊中不應驚怖。何以故。菩薩法不應惜身命。

nhược Bồ-tát tại oán tặc trung bất ứng kinh phố 。 hà dĩ cố 。 Bồ-tát Pháp bất ứng tích
thân mạng 。

Nếu Bồ-tát ở trong oán tặc, thì không nên khiếp sợ. Vì sao? Vì pháp Bồ-tát không nên tiếc
thân mạng,

作是念。若有奪我命者。是中不應生瞋恚。

tác thị niệm 。 nhược hữu đoạt ngã mạng giả 。 thị trung bất ứng sinh sân khuể 。

願以具足羸提波羅蜜。

nguyện dĩ cụ túc Sạn-Đề Ba-la-mật 。

當近阿耨多羅三藐三菩提。

đương cận a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

我應如是勤行精進得阿耨多羅三藐三菩提時。世界之中無有怨賊及諸寇惡。

ngã ứng như thị tinh cần hành tinh tấn được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。 thế
giới chi trung vô hữu oán tặc cập chư khẩu ác 。

Ta nên siêng hành tinh tấn như thế, khi được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, trong thế
giới không có oán tặc và giặc cướp ác.

若菩薩在無水處不應驚怖。作是念。

nhược Bồ-tát tại vô thủy xử bất ứng kinh phố 。 tác thị niệm 。

Nếu Bồ-tát ở chỗ không có nước thì không nên khiếp sợ, nghĩ thế này:

我應為一切眾生說法除渴。若我渴乏命終。應作是念。

ngã ứng vi nhất thiết chúng sinh thuyết Pháp trừ khát 。

nhược ngã khát phạp mạng chung 。

ứng tác thị niệm 。

Ta nên vì tất cả chúng sinh nói pháp trừ khát. Nếu ta thiếu khát mà chết thì nên nghĩ rằng

是眾生無福德故。在此無水之處。

thị chúng sinh vô phúc đức cố 。

tại thử vô thủy chi xử 。

vì chúng sinh này không có phước đức, ở chỗ không có nước này,

我應如是勤行精進得阿耨多羅三藐三菩提時。

ngã ứng như thị tinh cần hành tinh tấn được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。

ta nên siêng hành tinh tấn. Khi được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

世界之中無水之處。亦令眾生勤行精進修諸福德。

thế giới chi trung vô thủy chi xử 。

diệc lệnh chúng sinh tinh cần hành tinh tấn tu chư phúc đức 。

trong thế giới, chỗ không có nước, cũng khiến chúng sinh siêng hành tinh tấn, tu các phước đức,

世界之中自然而有八功德水。復次舍利弗。

thế giới chi trung tự nhiên nhi hữu bát công đức thủy 。

phục thứ Xá-lợi-phất 。

thì trong thế giới tự nhiên có nước tám công đức. Lại nữa, Xá-lợi-phất,

若菩薩在飢饉之中不應驚怖。作是念。

nhược Bồ-tát tại cơ cận chi trung bất ứng kinh phố 。

tác thị niệm 。

nếu Bồ-tát ở trong đói rách, không nên khiếp sợ, nghĩ rằng:

我應如是勤行精進得阿耨多羅三藐三菩提時。

ngã ứng như thị tinh cần hành tinh tấn được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời。

Ta nên siêng hành tinh tấn, khi được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

世界之中無有如是飢饉之患。

thế giới chi trung vô hữu như thị cơ cận chi hoạn。

trong thế giới không có nạn đói rách như thế,

具足快樂隨意所須應念即至。如忉利天上所念皆得。

cụ túc khoái lạc tùy ý sở tu ứng niệm tức chí。 như đao lợi Thiên thượng sở niệm giai được。

đầy đủ khoái lạc, nhu cầu tùy ý, chỉ nghĩ liền đến, giống như trên trời Đao-lợi, nghĩ đến tức được.

若菩薩如是不驚不怖。

nhược Bồ-tát như thị bất kinh bất phố。

Nếu Bồ-tát không khiếp, không sợ như thế,

當知是菩薩能得阿耨多羅三藐三菩提。復次舍利弗。

đương tri thị Bồ-tát năng được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề。 phục thứ Xá-lợi-phất。

nên biết Bồ-tát này có thể được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Lại nữa, Xá-lợi-phất.

若菩薩在疾疫處不應驚怖。何以故。是中無法可病故。

nhược Bồ-tát tại tật dịch xử bất ứng kinh phố。 hà dĩ cố。 thị trung vô Pháp khả bệnh cố。

Nếu Bồ-tát ở chỗ bệnh dịch, không nên khiếp sợ. Vì sao? Vì trong đó không có pháp có thể bị bệnh.

我應如是勤行精進得阿耨多羅三藐三菩提

ngã ứng như thị tinh cần hành tinh tấn được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề

Ta nên siêng hành tinh tấn như thế, khi được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

時。世界之中一切眾生無有三病。

Thời. thế giới chi trung nhất thiết chúng sinh vô hữu tam bệnh
tất cả chúng sinh trong thế giới không có ba bệnh.

我當勤行精進。隨諸佛所行。復次舍利弗。

ngã đương tinh cần hành tinh tấn 。 tùy chư Phật sở hạnh 。 phục thứ Xá-lợi-phất 。
Ta nên siêng hành tinh tấn, theo hành của chư Phật. Lại nữa, Xá-lợi-phất.

菩薩若念阿耨多羅三藐三菩提久乃可得。不應驚怖。

Bồ-tát nhược niệm a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề cửu nãi khả được 。 bất ứng kinh
phố 。

Nếu Bồ-tát nghĩ Vô thượng Chính đẳng Chính giác phải lâu mới có thể được,
không nên khiếp sợ.

何以故。世界前際已來如一念頃。

hà dĩ cố 。 thế giới tiền tế dĩ lai như nhất niệm khoảnh 。

Vì sao? Quá khứ thế giới cho đến nay như khoảng một sát-na,

不應生久遠想。不應念前際是久遠。前際雖為久遠。

bất ứng sinh cửu viễn tưởng 。 bất ứng niệm tiền tế thị cửu viễn 。 tiền tế tuy vi cửu
viễn 。

không nên sinh tưởng lâu xa, không nên nghĩ quá khứ là lâu xa. Quá khứ tuy là lâu xa,

而與一念相應。如是舍利弗。

nhi dĩ nhất niệm tương ứng 。 như thị Xá-lợi-phất 。

nhưng lại tương ứng với một sát-na. Đúng vậy, Xá-lợi-phất.

若菩薩久乃得阿耨多羅三藐三菩提。不應驚怖退沒。

nhược Bồ-tát cửu nãi được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 bất ứng kinh phổ thoái một 。

Nếu Bồ-tát phải lâu mới được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không nên khiếp sợ, lui mất.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật

恒伽提婆品第十八

hằng dà đề bà phẩm đệ thập bát

Phẩm 18: Hằng-dà-đề-bà

爾時會中有一女人字恒伽提婆。

nhĩ thời hội trung hữu nhất nữ nhân tự hằng dà đề bà 。

Bấy giờ, trong hội có người nữ tên Hằng-dà-đề-bà,

從座而起偏袒右肩。右膝著地合掌向佛。白佛言。世尊。

tùng tọa nhi khởi Thiên đản hữu kiên 。

hữu tất trú địa hợp chưởng hướng Phật 。

bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối phải sát đất, chắp tay hướng về Phật, bạch Phật: Thế tôn,

我於是事不驚不怖。

ngã ư thị sự bất kinh bất phố 。

đối với việc này con không khiếp, không sợ.

我於來世亦為眾生演說斯要。即持金華散佛。當佛頂上虛空中住。

ngã ư lai thế diệc vi chúng sinh diễn thuyết tư yếu 。

tức trì kim hoa tán Phật 。

đương Phật đỉnh thượng hư không trung trụ 。

Ở đời vị lai con cũng vì chúng sinh diễn nói điều cần thiết này. Rồi đem hoa vàng rải lên Phật, trụ giữa hư không, trên đỉnh đầu Phật.

時佛微笑。阿難從座起偏袒右肩。

thời Phật vi tiếu 。 A-nan tòng tọa khởi Thiên đản hữu kiên 。

Lúc đó Phật mỉm cười. A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải,

右膝著地合掌向佛。白佛言。世尊。

hữu tất trú địa hợp chưởng hướng Phật 。 bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

gối phải sát đất, chắp tay hướng về Phật, bạch Phật: Thế tôn,

何因何緣而發微笑。諸佛常法不以無因緣而笑。佛告阿難。

hà nhân hà duyên nhi phát vi tiếu 。 chư Phật thường Pháp bất dĩ vô nhân duyên

nhi tiếu 。 Phật cáo A-nan 。

nhân gì, duyên gì mà mỉm cười? Thường pháp chư Phật không vì không có nhân duyên

mà cười. Phật bảo A-nan:

是恒伽提婆女人。

thị hằng dà đề bà nữ nhân 。

Người nữ Hằng-dà-đề-bà này,

當於來世星宿劫中而得成佛。號曰金花。

đương ư lai thế tinh tú kiếp trung nhi được thành Phật 。 hiệu viết kim hoa 。

ở đời vị lai, trong kiếp Tinh tú, sẽ thành Phật, hiệu là Kim hoa.

今轉女身得為男子生阿閼佛土。於彼佛所常修梵行。

kim chuyển nữ thân được vi nam tử sinh A súc Phật độ 。 ư bỉ Phật sở thường tu phạm hành 。

Nay chuyển thân nữ, được làm người nam, sinh ở nước Phật A-súc. Ở chỗ Phật đó, thường tu phạm hạnh.

命終之後從一佛土至一佛土。

mạng chung chi hậu tòng nhất Phật thổ chí nhất Phật thổ 。

Sau khi mạng chung, từ nước Phật này đến nước Phật khác,

常修梵行乃至得阿耨多羅三藐三菩提不離諸佛。

thường tu phạm hành nãi chí được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề bất ly chư Phật 。
thường tu phạm hạnh cho tới được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không rời chư Phật.

譬如轉輪聖王從一觀至一觀從生至終足不蹈地。阿難。此女亦如是。

thí như Chuyển luân Thánh Vương tòng nhất quán chí nhất quán tòng sinh chí chung
túc bất đạo địa 。 A-nan 。 thử nữ diệc như thị 。

Ví như Chuyển luân Thánh vương, từ quán chiếu này đến quán chiếu khác, từ sinh đến
chết, chân không chạm đất. A-nan, người nữ này cũng thế,

從一佛土至一佛土。

tòng nhất Phật thổ chí nhất Phật thổ 。

từ nước Phật này đến nước Phật khác,

常修梵行乃至得阿耨多羅三藐三菩提常不離佛。阿難作是念。

thường tu phạm hành nãi chí được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thường bất ly
Phật 。 A-nan tác thị niệm 。

thường tu phạm hạnh cho tới được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thường không rời
Phật. A-nan nghĩ:

爾時菩薩眾會如諸佛會。佛即知阿難心所念。

nhĩ thời Bồ-tát chúng hội như chư Phật hội 。 Phật tức tri A-nan tâm sở niệm 。

Chúng hội Bồ-tát lúc đó giống như hội chư Phật. Phật tức biết tâm niệm A-nan,

告阿難言。如是如是。

cáo A-nan ngôn 。 như thị như thị 。

báo A-nan: Đúng vậy, đúng vậy.

當知爾時菩薩眾會如諸佛會。阿難。

đương tri nhĩ thời Bồ-tát chúng hội như chư Phật hội 。 A-nan 。
Nên biết lúc đó chúng hội Bồ-tát giống như hội chư Phật. A-nan,

是金花佛聲聞入涅槃者無量無邊不可計數。

thị kim hoa Phật thanh văn nhập Niết-Bàn giả vô lượng vô biên bất khả kể số 。
đệ tử Phật Kim Hoa này nhập Niết-bàn, vô lượng vô biên không thể kể đếm.

其世界中無諸惡獸怨賊之難。亦無飢饉疾病之患。阿難。

kỳ thế giới trung vô chư ác thú oán tặc chi nan 。 diệc vô cơ cật tật bệnh chi hoạn
。 A-nan 。

Trong thế giới đó không có nạn các thú dữ, oán tặc, cũng không có nạn đói khát, tật bệnh.
A-nan,

是金花佛得阿耨多羅三藐三菩提時。無如是等怖畏之難。

thị kim hoa Phật được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。 vô như thị đẳng bố úy
chi nan 。

Khi Phật Kim Hoa này được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không có các nạn khiếp
sợ như thế.

阿難白佛言。世尊。

A-nan bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

A-nan bạch Phật: Thế tôn,

是女人於何處初種阿耨多羅三藐三菩提善根。阿難。

thị nữ nhân ư hà xứ sơ chủng a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề căn lành 。 A-nan 。

người nữ này lúc đầu gieo căn lành Vô thượng Chính đẳng Chính giác ở chỗ nào? A-nan,

是女人於燃燈佛所初種善根。

thị nữ nhân ư Nhiên Đăng Phật sở sơ chủng căn lành 。

người nữ này lúc đầu gieo căn lành ở chỗ Phật Nhiên Đăng;

以是善根迴向阿耨多羅三藐三菩提。亦持金華散燃燈佛。

dĩ thị căn lành hồi hướng a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 diệc trì kim hoa tán
Nhiên Đăng Phật 。

lấy căn lành này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cũng dùng hoa vàng rải
lên Phật Nhiên Đăng,

求阿耨多羅三藐三菩提。阿難。

cầu a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 A-nan 。

cầu Vô thượng Chính đẳng Chính giác. A-nan,

爾時我以五莖華散燃燈佛。求阿耨多羅三藐三菩提。

nhĩ thời ngã dĩ ngũ hành hoa tán Nhiên Đăng Phật 。

cầu a nậu đa la tam miệu tam
Bồ-Đề 。

lúc bấy giờ, Ta dùng năm nhành hoa rải lên Phật Nhiên Đăng để cầu Vô thượng Chính
đẳng Chính giác.

燃燈佛知我善根淳淑。即授我阿耨多羅三藐三菩提記。

Nhiên Đăng Phật tri ngã căn lành thuần thực 。

tức thụ ngã a nậu đa la tam miệu
tam Bồ-Đề kí 。

Phật Nhiên Đăng biết căn lành của Ta thuần thực, liền thọ ký cho Ta Vô thượng Chính
đẳng Chính giác.

時此女人聞我受記。即發願言。我亦如是。

thời thử nữ nhân văn ngã thọ kí 。

tức phát nguyện ngôn 。

ngã diệc như thị 。

Lúc ấy, người nữ này nghe Ta được thọ ký liền phát nguyện: Con cũng như thế,

於未來世當得受記。

ư vị lai thế đương được thọ kí 。

ở đời vị lai sẽ được thọ ký.

如今是人得受阿耨多羅三藐三菩提記。阿難。

như kim thị nhân được thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。 A-nan 。
Như nay, người này được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác. A-nan,

是人於燃燈佛所初種善根。發阿耨多羅三藐三菩提心。阿難白佛言。

thị nhân ư Nhiên Đăng Phật sở sơ chủng căn lành 。 phát a nậu đa la tam miệu tam
Bồ-Đề tâm 。 A-nan bạch Phật ngôn 。

người này lúc đầu gieo căn lành ở chỗ Phật Nhiên Đăng, phát tâm Vô thượng Chính đẳng
Chính giác. A-nan bạch Phật:

世尊。

Thế tôn 。

Thế tôn,

是人則為久習阿耨多羅三藐三菩提行。佛言。如是阿難。

thị nhân tắc vi cửu tập a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề hành 。 Phật ngôn 。

A-nan 。

tức người này tu hành Vô thượng Chính đẳng Chính giác đã lâu. Phật dạy: Đúng vậy, A-
nan.

是人久習阿耨多羅三藐三菩提行。爾時須菩提白佛言。世尊。

thị nhân cửu tập a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề hành 。 nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật
ngôn 。

Thế tôn 。

Người này tu hành Vô thượng Chính đẳng Chính giác đã lâu. Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch
Phật: Thế tôn,

若菩薩欲行般若波羅蜜。云何應習空。

nhược Bồ-tát dục hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

vân hà ứng tập không 。

nếu Bồ-tát muốn hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên tu tập Không như thế nào?

云何應入空三昧。佛告須菩提。菩薩行般若波羅蜜。

vân hà ứng nhập không tam-muội 。 Phật cáo Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật
。

Nên nhập tam-muội Không như thế nào? Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật,

應觀色空。應觀受想行識空。應以不散心觀。

ứng quán sắc không 。 ứng quán thọ tưởng hành thức không 。 ứng dĩ bất tán tâm quán 。

nên quán sắc là Không, nên quán thọ, tưởng, hành, thức là Không, nên dùng tâm không tán loạn để quán.

法無所見亦無所證。須菩提言。世尊。

Pháp vô sở kiến diệc vô sở chứng 。 Tu-bồ-đề ngôn 。 Thế tôn 。

Pháp không được thấy, cũng không được chứng. Tu-bồ-đề nói: Thế tôn,

如佛所說菩薩不應證空。云何菩薩入空三昧而不證空。

như Phật sở thuyết Bồ-tát bất ứng chứng không 。 vân hà Bồ-tát nhập không tam-muội nhi bất chứng không 。

như Phật nói, Bồ-tát không nên chứng Không. Tại sao Bồ-tát nhập tam-muội Không mà không chứng Không?

須菩提。若菩薩具足觀空本已生心。

Tu-bồ-đề 。 nhược Bồ-tát cụ túc quán không bản dĩ sinh tâm 。

Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát đầy đủ quán Không, vốn đã sinh tâm

但觀空而不證空。我當學空今是學時非是證時。

đãn quán không nhi bất chứng không 。 ngã đương học không kim thị học thời phi thị chứng thời 。

chỉ quán Không mà không chứng Không. Ta đang học Không, nay là lúc học, không phải lúc chứng,

不深攝心繫於緣中。爾時菩薩。

bất thâm nhiếp tâm hệ ư duyên trung 。 nhĩ thời Bồ-tát 。

không nhiếp tâm sâu, ràng buộc trong duyên. Bấy giờ, Bồ-tát

不退助道法亦不盡漏。何以故。是菩薩有大智慧深善根故。

bất thoái trợ đạo Pháp diệc bất tận lậu 。 hà dĩ cố 。 thị Bồ-tát hữu Đại trí tuệ thâm căn lành cố 。

không bỏ pháp trợ đạo cũng không diệt hết các lậu. Vì sao? Vì bồ tát này có trí tuệ lớn, căn lành sâu,

能作是念。今是學時非是證時。

năng tác thị niệm 。 kim thị học thời phi thị chứng thời 。

có thể nghĩ rằng nay là lúc học, không phải lúc chứng;

我為得般若波羅蜜故。須菩提。

ngã vi được Bát-nhã Ba-la-mật cố 。 Tu-bồ-đề 。

vì để ta được Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề,

譬如人勇健多力難可傾動。容儀端正人所愛敬。善解兵法器仗精銳。

thí như nhân dũng kiện đa lực nan khả khuynh động 。 dung nghi đoan chính nhân sở ái kính 。

ví như người khỏe mạnh, nhiều lực, khó có thể nghiêng động; tướng mạo cử chỉ ngay thẳng, được người kính mến; biết rõ binh pháp, thông thạo binh khí,

六十四能皆悉具足。於餘技術無不鍊解。

lục thập tứ năng giai tất cụ túc 。 ư dư kỹ thuật vô bất luyện giải 。

sáu mươi bốn kỹ năng đều có đủ; đối với các kỹ thuật khác, không có gì không thuần thục;

為人愛念。凡有所作皆得成辦。

vi nhân ái niệm 。

được người yêu nhớ, hễ làm việc gì cũng đều thành tựu.

以是利故多所饒益。眾咸宗敬倍復歡喜。是人有小因緣。

dĩ thị lợi cố đa sở nhiêu ích 。 chúng hàm tông kính bội phục hoan hỉ 。 thị nhân hữu tiểu nhân duyên 。

Vì thuận lợi này nên rất có ích. Mọi người tôn kính, vui mừng gấp bội. Người này có chút nhân duyên,

扶侍父母携將妻子。經過險道艱難之處。

phù thị phụ mẫu huề tướng thê tử 。 Kinh quá hiểm đạo gian nan chi xử 。

đỡ đần cha mẹ, dắt theo theo vợ con, vượt qua đường hiểm, chỗ khó khăn,

安隱勸喻父母妻子令無恐怖。作是言。

an ổn khuyến dụ phụ mẫu thê tử lệnh vô khủng phố 。 tác thị ngôn 。

an ủi khuyên lơn cha mẹ, vợ con khiến không khiếp sợ, nói thế này:

此路雖險多有怨賊。必得安隱無他躓頓。其人智力。

thử lộ tuy hiểm đa hữu oán tặc 。 tất được an ổn vô tha chí đốn 。 kỳ nhân trí lực 。

Đường này tuy nguy hiểm, có nhiều giặc cướp nhưng thầy đều yên ổn, không ai vấp ngã, dừng lại. Trí lực của người này,

成就前無敵故。能令父母妻子免此眾難。

thành tựu tiền vô địch cố 。 năng lệnh phụ mẫu thê tử miễn thử chúng nan 。

vì trước đó không có kẻ thù nên có thể làm cho cha mẹ, vợ con không bị các nạn này,

得到城邑聚落村舍。無所傷失心大歡喜。

được đáo thành ấp tụ lạc thôn xá 。 vô sở thương thất tâm Đại hoan hỉ 。

đến được thành ấp, xóm làng, nhà cửa, không bị thương tổn, mất mát, tâm rất vui vẻ.

於諸怨賊不生惡心。何以故。

ư chư oán tặc bất sinh ác tâm 。 hà dĩ cố 。

Đối với oán tặc không khởi tâm ác. Vì sao?

是人一切技術無不鍊解。於險道中。化作人眾多於怨賊。

thị nhân nhất thiết kỹ thuật vô bất luyện giải 。 ư hiểm đạo trung 。 hóa tác nhân chúng đa ư oán tặc 。

Người này, đối với các kỹ thuật, không gì không thành thực. Ở trên đường hiểm, hóa làm nhiều người, đông hơn oán tặc;

又所執持器仗精銳。彼諸怨賊皆自退散。

hựu sở chấp trì khí trượng tinh nhuệ 。 bỉ chư oán tặc giai tự thoái tán 。

lại sử dụng binh khí thành thạo, khiến các oán tặc kia đều tự rút lui.

是故此人敢能自必安隱無患。如是如是須菩提。

thị cố thử nhân cảm năng tự tất an ổn vô hoạn 。 như thị như thị Tu-bồ-đề 。

Vì thế, tự thân người này mới có thể yên ổn, không lo. Đúng vậy, đúng vậy, Tu-bồ-đề.

菩薩緣一切眾生。繫心慈三昧。

Bồ-tát duyên nhất thiết chúng sinh 。 hệ tâm từ tam-muội 。

Bồ-tát duyên tất cả chúng sinh, chuyên tâm ở tam-muội Từ,

過諸結使及助結使法。過諸魔及助魔者。過聲聞辟支佛地。

quá chư kết sử cập trợ kết sử Pháp 。 quá chư Ma cập trợ Ma giả 。 quá thanh văn tích chi Phật địa 。

vượt các phiền não và trợ phiền não, vượt các Ma và tùy tùng của Ma, vượt các địa Thanh văn, Phật Bích Chi,

住空三昧而不盡漏。須菩提。

trụ không tam-muội nhi bất tận lậu 。

trụ tam-muội Không mà không hết các lậu. Tu-bồ-đề,

爾時菩薩行空解脫門而不證無相。亦不墮有相。

nhĩ thời Bồ-tát hành không giải thoát môn nhi bất chứng vô tướng 。 diệc bất đọa hữu tướng 。

lúc bấy giờ Bồ-tát hành cửa giải thoát Không mà không chứng Vô tướng, cũng không rơi vào Hữu tướng.

譬如鳥飛虛空而不墮落行於虛空而不住空。須菩提。

thí như điều phi hư không nhi bất đọa lạc hành ư hư không nhi bất trụ không 。

Tu-bồ-đề 。

Ví như chim bay giữa hư không mà không rơi rớt, đi giữa hư không mà không trụ hư không. Tu-bồ-đề,

菩薩亦如是。若行空學空。行無相學無相。

Bồ-tát diệc như thị 。

nhược hành không học không 。

hành vô tướng học vô tướng 。

Bồ-tát cũng thế. Nếu hành Không, học Không, hành Vô tướng, học Vô tướng,

行無作學無作。未具足諸佛法。

hành vô tác học vô tác 。

vị cụ túc chư Phật Pháp 。

hành Vô tác, học Vô tác, chưa đầy đủ các Phật pháp,

而不墮空無相無作。

nhĩ bất đọa không vô tướng vô tác 。

mà rơi vào Không, Vô tướng, Vô tác.

譬如工射之人善於射法仰射虛空箭箭相拄。隨意久近能令不墮。如是須菩提。

thí như công xạ chi nhân thiện ư xạ Pháp ngưỡng xạ Hư không tiến tiến tướng trụ 。

tùy ý cửu cận năng lệnh bất đọa 。

như thị Tu-bồ-đề 。

Ví như người thợ bắn, giỏi phép bắn, bắn lên hư không những mũi tên mắc vào nhau, có thể tùy ý làm cho chúng gần nhau rất lâu mà không rơi. Như thế, Tu-bồ-đề,

菩薩行般若波羅蜜。方便所護故。不證第一實際。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 phương tiện sở hộ cố 。 bất chứng đệ nhất thật tế
。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, vì có phương tiện hỗ trợ nên không chứng Thật tế đệ nhất,

為欲成就阿耨多羅三藐三菩提善根故。

vi dục thành tựu a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề căn lành cố 。

vì muốn thành tựu căn lành Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

成就阿耨多羅三藐三菩提時。乃證第一實際。

thành tựu a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。 nãi chứng đệ nhất thật tế 。

Khi thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, mới chứng Thật tế đệ nhất.

是故須菩提。菩薩行般若波羅蜜。

thị cố Tu-bồ-đề 。

Vì thế, Tu-bồ-đề. Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật

應如是思惟諸法實相而不取證。須菩提白佛言。世尊。

ứng như thị tư duy chư Pháp thật tướng nhi bất thủ chứng 。

nên tư duy thật tướng các pháp như thế mà không nắm, chứng. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

菩薩所為甚難。最為希有。

Bồ-tát sở vi thậm nan 。

việc làm của Bồ-tát thật khó, thật là hiếm có;

能如是學亦不取證。佛告須菩提。是菩薩不捨一切眾生故。

năng như thị học diệc bất thủ chứng 。

có thể học như thế mà cũng không nắm, chứng. Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì Bồ-tát này không bỏ tất cả chúng sinh

發如是大願。須菩提。若菩薩生如是心。

phát như thị Đại nguyện 。 Tu-bồ-đề 。 nhược Bồ-tát sinh như thị tâm 。
mà phát nguyện lớn như thế. Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát sinh tâm thế này:

我不應捨一切眾生。

ngã bất ứng xả nhất thiết chúng sinh 。

Ta không nên bỏ tất cả chúng sinh,

應當度之即入空三昧解脫門無相無作三昧解脫門。

ứng đương độ chi tức nhập không tam-muội giải thoát môn vô tướng vô tác tam-muội
giải thoát môn 。

mà nên độ họ, tức nhập cửa giải thoát tam-muội Không, cửa giải thoát tam-muội Vô tướng
Vô tác.

是時菩薩不中道證實際。何以故。是菩薩為方便所護故。

thị thời Bồ-tát bất trung đạo chứng thật tế 。 hà dĩ cố 。 thị Bồ-tát vi phương tiện sở
hộ cố 。

Lúc đó Bồ-tát không nửa chừng chứng Thật tế. Vì sao? Vì Bồ-tát này được phương tiện
hỗ trợ.

復次須菩提。菩薩若欲入如是深定。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát nhược dục nhập như thị thâm định 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát nếu muốn nhập định sâu như thế,

所謂空三昧解脫門。無相無作三昧解脫門。

sở vị không tam-muội giải thoát môn 。 vô tướng vô tác tam-muội giải thoát môn 。

tức cửa giải thoát tam-muội Không, cửa giải thoát tam-muội Vô tướng Vô tác,

是菩薩先應作是念。眾生長夜著眾生相。著有所得。

thị Bồ-tát tiên ứng tác thị niệm 。 chúng sinh trường dạ trú chúng sinh tướng 。 trú hữu sở được 。

thị Bồ-tát này, trước hết, nên nghĩ thế này: Chúng sinh suốt dòng sinh tử dính mắc tướng chúng sinh, dính mắc cái có được.

我得阿耨多羅三藐三菩提。當斷是諸見而為說法。

ngã được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 đương đoạn thị chư kiến nhi vi thuyết Pháp 。

Ta được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, sẽ cắt đứt các cái thấy này, nói pháp cho họ

即入空三昧解脫門。

tức nhập không tam-muội giải thoát môn 。

để vào cửa giải thoát tam-muội Không.

是菩薩以是心及先方便力故。不中道證實際。

thị Bồ-tát dĩ thị tâm cập tiên phương tiện lực cố 。

Bồ-tát này, vì dùng tâm này và lực phương tiện trước đây, nên không nửa đường chứng Thật tế,

亦不失慈悲喜捨三昧。何以故。是菩薩成就方便力故。

diệc bất thất từ bi hỷ xả tam-muội 。

hà dĩ cố 。

thị Bồ-tát thành tựu phương tiện lực cố 。

cũng không mất tam-muội Từ, Bi, Hỷ, Xả. Vì sao? Vì Bồ-tát này thành tựu lực Phương tiện,

倍復增長善法諸根通利亦得增益菩薩諸力諸覺。

bội phục thêm trường thiện Pháp chư căn thông lợi diệc được thêm ích Bồ-tát chư lực chư giác 。

tăng trường gấp đôi thiện pháp, các căn thông lợi, cũng được thêm đầy các lực, các hiểu biết của Bồ-tát.

復次須菩提。菩薩作是念。眾生長夜行於我相。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát tác thị niệm 。 chúng sinh trường dạ hành ư ngã tướng 。
Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát nghĩ thế này: Chúng sinh suốt dòng sinh tử hành ở tướng Ngã.

我得阿耨多羅三藐三菩提。

ngã được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Ta được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

當斷是相而為說法。即入無相三昧解脫門。

đương đoạn thị tướng nhi vi thuyết Pháp 。 tức nhập vô tướng tam-muội giải thoát môn

。

sẽ cắt đứt tướng này mà nói pháp cho họ để vào cửa giải thoát tam-muội Vô tướng.

是菩薩以是心及先方便力故。不中道證實際。

thị Bồ-tát dĩ thị tâm cập tiên phương tiện lực cố 。 bất trung đạo chứng thật tế 。

Vì Bồ-tát này dùng tâm này và lực phương tiện trước đây nên không nửa đường chứng
Thật tế,

亦不失慈悲喜捨三昧。何以故。是菩薩成就方便力故。

diệc bất thất từ bi hỷ xả tam-muội 。 hà dĩ cố 。 thị Bồ-tát thành tựu phương tiện lực cố

。

cũng không mất tam-muội Từ, Bi, Hỷ, Xả. Vì sao? Vì Bồ-tát này thành tựu lực phương
tiện,

倍復增長諸善法善根通利。

bội phục thêm trường chư thiện Pháp căn lành thông lợi 。

tăng trường gấp đôi các thiện pháp, căn lành thông lợi,

亦得增益菩薩諸力諸覺。復次須菩提。菩薩作是念。

diệc được thêm ích Bồ-tát chư lực chư giác 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát tác thị
niệm 。

cũng được thêm đầy các lực, các hiểu biết của Bồ-tát. Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát nghĩ thế này:

眾生長夜行常想樂想淨想我想。以是想有所作。

chúng sinh trường dạ hành thường tưởng lạc tưởng tịnh tưởng ngã tưởng 。 dĩ thị tưởng hữu sở tác 。

Chúng sinh suốt dòng sinh tử hành các tưởng thường, tưởng lạc, tưởng tịnh, tưởng ngã; vì tưởng này mà có tạo tác.

我得阿耨多羅三藐三菩提。

ngã được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Ta được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

斷是常想樂想淨想我想。而為說法。是法無常非是常。是苦非樂。

đoạn thị thường tưởng lạc tưởng tịnh tưởng ngã tưởng 。 nhi vi thuyết Pháp 。 thị Pháp vô thường phi thị thường 。

thị khổ phi lạc 。

sẽ cắt đứt tưởng thường, tưởng lạc, tưởng tịnh, tưởng ngã mà vì họ nói pháp. Pháp này không thường, không phải thường, là khổ, không phải lạc,

不淨非淨。無我非我。以是心及先方便力。

bất tịnh phi tịnh 。

vô ngã phi ngã 。

dĩ thị tâm cập tiên phương tiện lực 。

không tịnh, không phải tịnh, không ngã, không phải ngã. Dùng tâm này và lực phương tiện trước kia,

雖未得佛三昧未具足佛法未證阿耨多羅三

tuy vị được Phật tam-muội vị cụ túc Phật Pháp vị chứng a nậu đa-la tam

tuy chưa được tam-muội của Phật, chưa đầy đủ Phật Pháp, chưa chứng

藐三菩提。而能入無作三昧解脫門。

miếu tam bồ đề 。

nhi năng nhập vô tác tam-muội giải thoát môn 。

Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nhưng có thể vào cửa giải thoát tam-muội Vô tác,

不中道證實際。復次須菩提。菩薩作如是念。

bất trung đạo chứng thật tế 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát tác như thị niệm 。
không nửa đường chứng Thực tế. Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát nghĩ thế này:

眾生長夜行有所得。今亦行有所得。

chúng sinh trường dạ hành hữu sở được 。 kim diệc hành hữu sở được 。
Chúng sinh trong dòng sinh tử hành có sở đắc, nay cũng hành có sở đắc;

先行有相今亦行有相。先行顛倒今亦行顛倒。

tiên hành hữu tướng kim diệc hành hữu tướng 。 tiên hành điên đảo kim diệc hành điên đảo 。

trước kia hành tướng hữu, nay cũng hành tướng hữu; trước kia hành điên đảo, nay cũng hành điên đảo;

先行和合相今亦行和合相。先行虛妄相今亦行虛妄相。

tiên hành hòa hợp tướng kim diệc hành hòa hợp tướng 。 tiên hành hư vọng tướng kim diệc hành hư vọng tướng 。

trước kia hành tướng hòa hiệp, nay cũng hành tướng hòa hiệp; trước kia hành tướng hư vọng, nay cũng hành tướng hư vọng;

先行邪見今亦行邪見。

tiên hành tà kiến kim diệc hành tà kiến 。

trước kia hành tà kiến, nay cũng hành tà kiến.

我當勤行精進得阿耨多羅三藐三菩提。為斷眾生如是諸相。

ngã đương tinh cần hành tinh tấn được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 vì đoạn chúng sinh như thị chư tướng 。

Ta sẽ cần hành tinh tấn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, để cắt đứt các tướng như thế của chúng sinh;

而為說法除此諸過。須菩提。

nhi vi thuyết Pháp trừ thử chư quá 。 Tu-bồ-đề 。
vì họ nói pháp để đoạn trừ các sai lầm này. Tu-bồ-đề,

菩薩如是念一切眾生。是以心及先方便力故觀深法相。

Bồ-tát như thị niệm nhất thiết chúng sinh 。 thị dĩ tâm cập tiên phương tiện lực cố
quán thâm Pháp tướng 。

Bồ-tát nghĩ đến tất cả chúng sinh như thế, dùng tâm và lực phương tiện trước kia mà quán
sâu tướng các pháp,

若空若無相無作無起。無生無所有。須菩提。

nhược không nhược vô tướng vô tác vô khởi 。 vô sinh vô sở hữu 。 Tu-bồ-đề 。
hoặc Không, hoặc Vô tướng, Vô tác, Vô khởi, Vô sinh, Vô sở hữu. Tu-bồ-đề,

菩薩成就如是智慧。若住三界若墮作起法者。

Bồ-tát thành tựu như thị trí tuệ 。 nhược trụ tam giới nhược đọa tác khởi Pháp giả 。

Bồ-tát thành tựu trí tuệ như thế; nếu trú ở ba cõi, hoặc rơi vào pháp khởi tác,

無有是處。復次須菩提。

vô hữu thị xử 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。

thì không có điều này. Lại nữa, Tu-bồ-đề.

菩薩欲得阿耨多羅三藐三菩提。應問餘菩薩。

Bồ-tát dục được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Bồ-tát muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên hỏi các Bồ-tát khác:

於是諸法應云何學。云何生心。入空不證空。

ư thị chư Pháp ứng vân hà học 。

vân hà sinh tâm 。

nhập không bất chứng không 。

Ở nơi các pháp này nên học như thế nào? Làm thế nào sinh tâm nhập Không mà không
chứng Không,

入無相無作無起無生無所有。

nhập vô tướng vô tác vô khởi vô sinh vô sở hữu 。

nhập Vô tướng, Vô tác, Vô khởi, Vô sinh, Vô sở hữu,

不證無所有而能修習般若波羅蜜。菩薩若如是答。

bất chứng vô sở hữu nhi năng tu tập Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bồ-tát nhược như thị đáp 。

không chứng Vô sở hữu, mà có thể tu tập Bát-nhã Ba-la-mật? Bồ-tát nếu trả lời rằng

但應念空念無相無作無起無生無所有。不教先心不說先心。

đãn ứng niệm không niệm vô tướng vô tác vô khởi vô sinh vô sở hữu 。

bất giáo tiên tâm bất thuyết tiên tâm 。

chỉ nên nghĩ đến Không, nghĩ đến Vô tướng, Vô tác, Vô khởi, Vô sinh, Vô sở hữu; không dạy tâm trước kia, không nói tâm trước kia,

當知是菩薩於過去佛。

đương tri thị Bồ-tát ư quá khứ Phật 。

thì nên biết Bồ-tát này ở nơi Phật quá khứ

未得受阿耨多羅三藐三菩提記。未住阿毘跋致地。何以故。

vị được thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。

vị trụ A tì bạt trí địa 。

hà dĩ cố 。

chưa được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác, chưa trụ địa Không thoái chuyển. Vì sao?

是菩薩不能說阿毘跋致菩薩不共相。不能正示正答。

thị Bồ-tát bất năng thuyết A tì bạt trí Bồ-tát bất-cộng tướng 。

bất năng chính kì chính đáp 。

Bồ-tát này không thể nói tướng Bất cộng của Bồ-tát Bất thoái, không thể chỉ đúng, trả lời đúng;

當知是菩薩未到阿毘跋致地。

đương tri thị Bồ-tát vị đáo A tì bạt trí địa 。

nên biết Bồ-tát này chưa tới địa Không thoái chuyển.

世尊云何知是阿毘跋致。須菩提。若菩薩若聞若不聞。

Thế tôn vân hà tri thị A tì bạt trí 。 Tu-bồ-đề 。 nhược Bồ-tát nhược văn nhược bất văn
。

Thế tôn, làm thế nào biết là Không thoái chuyển? Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát có nghe hoặc không nghe

能如是正答。當知是為阿毘跋致。世尊。

năng như thị chính đáp 。 đương tri thị vi A tì bạt trí 。 Thế tôn 。

mà có thể trả lời đúng như thế, thì nên biết đó là Không thoái chuyển. Thế tôn,

以是因緣故。眾生多行菩提。少能如是正答者。

dĩ thị nhân duyên cố 。 chúng sinh đa hành bồ đề 。 thiếu năng như thị chính đáp giả
。

vì nhân duyên này, nhiều chúng sinh hành Bồ-đề, nhưng ít người có thể trả lời đúng như thế.

須菩提。少有菩薩能得阿毘跋致記者。

Tu-bồ-đề 。 thiếu hữu Bồ-tát năng được A tì bạt trí kí giả 。

Tu-bồ-đề, ít có Bồ-tát có thể được nhận là Không thoái chuyển.

若得受記則能如是正答。當知是菩薩善根明淨。

nhược được thọ kí tắc năng như thị chính đáp 。 đương tri thị Bồ-tát căn lành minh
tịnh 。

Nếu được thừa nhận tức có thể trả lời đúng như thế, nên biết căn lành của Bồ-tát này rõ ràng, thanh tịnh;

當知是菩薩一切世間天人阿修羅所不能及。

đương tri thị Bồ-tát nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La sở bất năng cập 。

nên biết Bồ-tát này, tất cả thế gian, Trời, người, A-tu-la không thể sánh kịp.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật

阿毘跋致覺魔品第十九

A ti bạt trí giác Ma phẩm đệ thập cửu

Phẩm 19: A-tỳ-bạt-trí Biết Ma

佛告須菩提。若菩薩摩訶薩乃至夢中。

Phật cáo Tu-bồ-đề 。 nhược Bồ-tát Ma-Ha tát nãi chí mộng trung 。

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát cho đến trong mộng

不貪著三界及聲聞辟支佛地。

bất tham trước tam giới cập thanh văn tích chi Phật địa 。

cũng không tham trước ba cõi và địa Thanh văn, Phật Bích Chi,

觀一切法如夢而不取證。須菩提當知。是阿毘跋致菩薩相。

quán nhất thiết Pháp như mộng nhi bất thủ chứng 。

Tu-bồ-đề đương tri 。

thị A ti bạt trí Bồ-tát tướng 。

quán tất cả các pháp như mộng mà không thủ chứng. Tu-bồ-đề nên biết đó là tướng Bồ-tát Bất thoái.

復次須菩提。

phục thứ Tu-bồ-đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề.

若菩薩夢中見佛處在大眾高座上坐。

nhược Bồ-tát mộng trung kiến Phật xử tại Đại chúng cao tọa thượng tọa 。

Nếu Bồ-tát trong mộng thấy Phật ngồi trên tòa cao trong đại chúng,

無數百千萬比丘及無數百千萬億大眾。恭敬圍遶而為說法。須菩提當知。

vô số bách thiên vạn bĩ khâu cập vô số bách thiên vạn ức Đại chúng 。 cung kính vi
nhiều nhi vi thuyết Pháp 。 Tu-bồ-đề đương tri 。

vô số trăm ngàn vạn Tỷ-khưu và vô số trăm ngàn vạn ức đại chúng cung kính nhiều
quanh, vì họ mà nói pháp. Tu-bồ-đề nên biết đó

是阿毘跋致菩薩相。復次須菩提。菩薩夢中。

thị A tì bạt trí Bồ-tát tướng 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát mộng trung 。

là tướng Bồ-tát Bất thoái. Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát trong mộng

自見其身在於虛空為大眾說法。見身大光。

tự kiến kỳ thân tại ư hư không vi Đại chúng thuyết Pháp 。 kiến thân Đại quang 。

tự thấy thân mình ở giữa hư không vì đại chúng mà thuyết pháp, thấy thân phát ánh sáng
lớn.

覺已作是念。我知三界如夢。

giác dĩ tác thị niệm 。 ngã tri tam giới như mộng 。

Sau khi tỉnh, nghĩ rằng mình biết ba cõi như mộng,

必當應得阿耨多羅三藐三菩提。而為眾生說如是法。須菩提當知。

tất đương ứng được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 nhi vi chúng sinh thuyết như thị
Pháp 。 Tu-bồ-đề đương tri 。

hẳn sẽ được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, vì chúng sinh mà nói pháp như thế. Tu-
bồ-đề nên biết

是阿毘跋致菩薩相。復次須菩提。云何當知。

thị A tì bạt trí Bồ-tát tướng 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。 vân hà đương tri 。

đó là tướng Bồ-tát Bất thoái. Lại nữa, Tu-bồ-đề. Làm sao biết được?

菩薩得阿耨多羅三藐三菩提時。

Bồ-tát được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。

Khi Bồ-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

其世界中一切皆無三惡道名。須菩提。

kỳ thế giới trung nhất thiết giai vô tam ác đạo danh 。 Tu-bồ-đề 。
thì trong thế giới ấy hoàn toàn không có tên của ba đường ác. Tu-bồ-đề,

若菩薩夢中見畜生作是願。

nhược Bồ-tát mộng trung kiến súc sinh tác thị nguyện 。
nếu Bồ-tát trong mộng thấy súc sinh, nguyện thế này:

我當勤行精進得阿耨多羅三藐三菩提時。其世界中一切皆無三惡道名。

ngã đương tinh cần hành tinh tấn được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。 kỳ thế
giới trung nhất thiết giai vô tam ác đạo danh 。

Ta nên siêng hành tinh tấn để lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác thì trong thế
giới này hoàn toàn không có tên của ba đường ác.

須菩提。當知是阿毘跋致菩薩相。

Tu-bồ-đề 。 đương tri thị A ti bạt trí Bồ-tát tướng 。

Tu-bồ-đề, nên biết đó là tướng Bồ-tát Bất thoái.

復次須菩提。菩薩若見城郭火起。即作是念。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát nhược kiến thành quách hỏa khởi 。 tức tác thị niệm 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát nếu thấy thành quách lửa cháy, liền nghĩ thế này:

如我夢中所見相貌。菩薩成就如是相貌。

như ngã mộng trung sở kiến tướng mạo 。

Bồ-tát thành tựu như thị tướng mạo 。

Giống như tướng mạo ta nhìn thấy trong mộng, Bồ-tát thành tựu tướng mạo như thế,

當知是阿毘跋致菩薩。

đương tri thị A ti bạt trí Bồ-tát 。

nên biết đó là Bồ-tát Bất thoái.

若我有是相貌作阿毘跋致者以此實語力故。此城郭火今當滅盡。若火滅盡。

nhược ngã hữu thị tướng mạo tác A tì bạt trí giả dĩ thử thật ngữ lực cố 。 thử thành
quách hỏa kim đương diệt tận 。 nhược hỏa diệt tận 。

Nếu ta có tướng mạo này để làm bậc Bất thoái, vì dùng lực của thật ngữ này nên lửa ở
thành quách nay sẽ tắt hết. Nếu lửa tắt hết

當知是菩薩已於先佛。

đương tri thị Bồ-tát dĩ ư tiên Phật 。

thì nên biết Bồ-tát này đã ở nơi Phật trước kia

得受阿耨多羅三藐三菩提記。若火不滅。當知是菩薩未得受記。

được thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。 nhược hỏa bất diệt 。

đương tri thị Bồ-tát vị được thọ kí 。

được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nếu lửa không tắt, nên biết Bồ-tát này
chưa được thọ ký.

若是火燒一家置一家燒。一里置一里。

nhược thị hỏa thiêu nhất gia trí nhất gia thiêu 。

nhất lý trí nhất lý 。

Nếu lửa này đốt cháy một nhà lại một nhà, một làng lại một làng,

須菩提當知。是眾生有破法重罪。

Tu-bồ-đề đương tri 。

thị chúng sinh hữu phá Pháp trọng tội 。

thì Tu-bồ-đề nên biết chúng sinh này bị tội nặng phá pháp.

是破法餘殃今世現受。須菩提。以是因緣。

thị phá Pháp dư ương kim thể hiện thọ 。

Tu-bồ-đề 。

dĩ thị nhân duyên 。

Tai ương còn lại của sự phá pháp này đến đời nay phải nhận lấy. Tu-bồ-đề, vì nhân duyên
này,

當知是阿毘跋致菩薩相。復次須菩提。

đương tri thị A tì bạt trí Bồ-tát tướng 。

phục thứ Tu-bồ-đề 。

nên biết đó là tướng Bồ-tát Bất thoái. Lại nữa, Tu-bồ-đề.

今當更說阿毘跋致菩薩相貌。須菩提。若男若女為鬼所著。

kim đương canh thuyết A ti bạt trí Bồ-tát tướng mạo 。 Tu-bồ-đề 。 nhược nam nhược nữ vi quỷ sở trú 。

Nay lại nói về tướng mạo Bồ-tát Bất thoái. Tu-bồ-đề, nếu nam hoặc nữ bị quỷ đeo bám,

菩薩於此應作是念。若我已於先佛。

Bồ-tát ư thử ینگ tác thị niệm 。

Bồ-tát đối với người này nên nghĩ thế này: Nếu ta đã ở nơi Phật trước kia

得受阿耨多羅三藐三菩提記。

được thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。

được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

深心欲得阿耨多羅三藐三菩提。若我所行清淨離聲聞辟支佛心。

thâm tâm dục được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

thâm tâm muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nếu hành của ta thanh tịnh, lia tâm Thanh văn, Phật Bích Chi,

必當應得阿耨多羅三藐三菩提。非不應得。

tất đương ینگ được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

hẳn sẽ được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không phải không đáng được.

於今現在十方無量阿僧祇佛。

ư kim hiện tại thập phương vô lượng a thêm kì Phật 。

Nay ở nơi vô lượng a-tăng-kỳ Phật hiện tại khắp mười phương,

是諸佛無所不知無所不見。無所不得無所不證。

thị chư Phật vô sở bất tri vô sở bất kiến 。

chư Phật này không gì không biết, không gì không thấy, không gì không được, không gì không chứng.

若諸佛知我深心者。必當得阿耨多羅三藐三菩提。

nhược chư Phật tri ngã thâm tâm giả 。 tất đương được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Nếu chư Phật biết thâm tâm của ta, hẳn sẽ được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

以此實語力故。今是男女為非人所持者。

dĩ thử thật ngữ lực cố 。 kim thị nam nữ vi phi nhân sở trì giả 。

Nhờ lực của thật ngữ này, nay người nam, người nữ này bị phi nhân nắm giữ,

非人當疾去。若是菩薩說是語時。非人不去者。

phi nhân đương tật khứ 。

thì phi nhân sẽ sớm bỏ đi. Nếu Bồ-tát này lúc nói lời này mà phi nhân không bỏ đi,

當知是菩薩先佛未與授阿耨多羅三藐三菩提

đương tri thị Bồ-tát tiên Phật vị dĩ thụ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề

nên biết Bồ-tát này chưa được Phật trước kia thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

記。須菩提。若菩薩說是語時。非人去者。

kí 。

Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát lúc nói lời này mà phi nhân bỏ đi,

當知是菩薩已於先佛。

đương tri thị Bồ-tát dĩ ư tiên Phật 。

nên biết Bồ-tát này đã ở nơi Phật trước kia

得受阿耨多羅三藐三菩提記。復次須菩提。有菩薩未得受記。

được thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。 hữu Bồ-tát vị
được thọ kí 。

được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Lại nữa, Tu-bồ-đề. Có Bồ-tát chưa được
thọ ký

而作誓願。若我已於先佛得受記者。

nhi tác thệ nguyện 。 nhược ngã dĩ ư tiên Phật được thọ ký giả 。
mà phát thệ nguyện thế này: Nếu ta đã được thọ ký ở Phật trước kia,

非人今當捨是人去。惡魔即便來至其所。令非人去。何以故。

phi nhân kim đương xả thị nhân khứ 。 ác Ma tức tiện lai chí kỳ sở 。 lệnh phi nhân
khứ 。 hà dĩ cố 。

thì phi nhân nay sẽ bỏ người này mà đi. Ác ma lập tức đến chỗ này khiến phi nhân bỏ đi.

Vì sao?

惡魔威力勝非人故。非人即去。

ác Ma uy lực thắng phi nhân cố 。 phi nhân tức khứ 。

Vì oai lực Ác ma hơn phi nhân, nên phi nhân liền bỏ đi.

菩薩於此便自念言。是我力故非人遠去。

Bồ-tát ư thử tiện tự niệm ngôn 。 thị ngã lực cố phi nhân viễn khứ 。

Bồ-tát, đối với điều này, liền tự nghĩ rằng vì là lực của mình nên phi nhân bỏ đi

而不能知惡魔之力。以是事故。輕蔑惡賤諸餘菩薩。

nhi bất năng tri ác Ma chi lực 。 dĩ thị sự cố 。 khinh miệt ác tiện chư dư Bồ-tát 。

mà không thể biết đó là lực của Ác ma. Vì việc này mà coi thường ghét bỏ các Bồ-tát
khác.

我於先佛已得受記。是諸人等於先佛所。

ngã ư tiên Phật dĩ được thọ ký 。

Ta đã được thọ ký ở nơi Phật trước kia; những người này ở chỗ Phật trước kia

未受阿耨多羅三藐三菩提記。以是因緣增長憍慢。

vị thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。 dĩ thị nhân duyên thêm trường kiêu mạn

。

chưa được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì nhân duyên này mà thêm lớn kiêu mạn.

以憍慢因緣故。遠離薩婆若佛無上智慧。

dĩ kiêu mạn nhân duyên cố 。 viễn li tát bà nhược Phật vô thượng trí tuệ 。

Vì nhân duyên kiêu mạn nên xa rời Nhất thiết trí, Trí tuệ vô thượng của Phật.

是菩薩以少因緣生於憍慢。當知是為無有方便。

thị Bồ-tát dĩ thiểu nhân duyên sinh ư kiêu mạn 。 đương tri thị vi vô hữu phương tiện

。

Bồ-tát này vì chút nhân duyên mà sinh kiêu mạn, nên biết đó là vì không có Phương tiện,

必墮二地。若聲聞地若辟支佛地。如是須菩提。

tất đọa nhị địa 。 nhược thanh văn địa nhược tích chi Phật địa 。 như thị Tu-bồ-đề

。

chắc chắn rơi vào hai địa, hoặc địa Thanh văn hoặc địa Phật Bích Chi. Đúng vậy, Tu-bồ-đề.

以是誓願因緣起於魔事。菩薩於此。

dĩ thị thệ nguyện nhân duyên khởi ư Ma sự 。 Bồ-tát ư thử 。

Do nhân duyên thệ nguyện này mà khởi lên việc Ma. Bồ-tát đối với việc này,

若不親近善知識者。為魔所縛轉更牢固。須菩提。

nhược bất thân cận thiện tri thức giả 。 vi Ma sở phược chuyển canh lao cố 。 Tu-bồ-đề 。

nếu không gần gũi thiện tri thức, càng bị Ma trói buộc chắc chắn hơn. Tu-bồ-đề,

當知是為菩薩魔事。復次須菩提。

đương tri thị vi Bồ-tát Ma sự 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。
nên biết đó là việc Ma của Bồ-tát. Lại nữa, Tu-bồ-đề.

惡魔欲以名字因緣壞亂菩薩。

ác Ma dục dĩ danh tự nhân duyên hoại loạn Bồ-tát 。

Ác ma muốn dùng nhân duyên danh tự để phá hoại, nhiễu loạn Bồ-tát,

作種種形至菩薩所而作是言。汝善男子。

tác chủng chủng hình chí Bồ-tát sở nhi tác thị ngôn 。 nữ thiện nam tử 。

biến hóa đủ loại hình hài, đến chỗ Bồ-tát, nói: Này, Thiện nam tử.

諸佛已與汝受阿耨多羅三藐三菩提記。汝今字是父母字。

chư Phật dĩ dữ nữ thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。

Chư Phật đã thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác cho ông. Nay tên của ông là tên của cha mẹ,

是兄弟姊妹知識字。是乃至七世父母皆說其名字。

thị huynh đệ tỉ muội tri thức tự 。

anh em, chị em đều biết tên đó, cho tới cha mẹ trong bảy đời đều gọi tên đó.

汝生某國某城某聚落某家。若是人性行柔和。

nhữ sinh mỗ quốc mỗ thành mỗ tụ lạc mỗ gia 。

Ông sinh ở nước đó, thành đó, xóm làng đó, nhà đó. Nếu tính hạnh người này mềm mỏng,

便說其先世性行柔和。若其性急。

tiện thuyết kỳ tiên thế tính hành nhu hòa 。

liền nói tính hạnh đời trước mềm mỏng. Nếu tính nóng nảy,

亦復說其先世性急。若是人受阿練若法。若乞食。若著納衣。

diệc phục thuyết kỳ tiên thế tính cấp 。 nhược thị nhân thọ a-luyện-nhã Pháp 。
nhược khát thực 。 nhược trú nạp y 。

cũng lại nói đời trước tính nóng nảy. Nếu người này nhận được pháp tịch tĩnh, hoặc khát thực, hoặc mặc áo mạng vá,

若食後不飲漿。若一坐食。若節量食。

nhược thực hậu bất ẩm tương 。 nhược nhất tọa thực 。 nhược tiết lượng thực 。
hoặc sau khi ăn không uống nước, hoặc ăn một chỗ, hoặc ăn điều độ,

若住死屍間。若坐空地。若坐樹下。若常坐不臥。

nhược trụ tử thi gian 。 nhược tọa không địa 。 nhược tọa thụ hạ 。 nhược thường
tọa bất ngọa 。

hoặc sống giữa tử thi, hoặc ngồi trên đất trống, hoặc ngồi gốc cây, hoặc thường ngồi
không nằm,

若隨敷坐。若少欲知足遠離。若不受塗腳油。

nhược tùy phu tọa 。 nhược thiểu dục tri túc viễn li 。 nhược bất thọ đồ cước du 。
hoặc theo đó mà ngồi, hoặc ít muốn, biết đủ, xa lìa, hoặc không nhận dầu xoa chân,

若樂少語少論。惡魔亦說。其先世受阿練若法。

nhược lạc thiểu ngữ thiểu luận 。 ác Ma diệc thuyết 。 kỳ tiên thế thọ a-luyện-nhã Pháp
。

hoặc thích ít nói, ít bàn, thì Ác ma cũng nói đời trước thọ pháp tịch tĩnh;

乃至樂少語少論。汝今世有頭陀功德。

nãi chí lạc thiểu ngữ thiểu luận 。 nử kim thế hữu Đầu-đà công đức
cho đến thích ít nói, ít bàn. Đời này ông có công đức đầu-đà,

先世亦有頭陀功德。

tiên thế diệc hữu Đầu-đà công đức 。
đời trước cũng có công đức đầu-đà.

是菩薩聞說如上名字及說頭陀功德。以是因緣故憍慢心生。

thị Bồ-tát văn thuyết như thượng danh tự cập thuyết Đầu-đà công đức 。 dĩ thị nhân
duyên cố kiêu mạn tâm sinh 。

Bồ-tát này nghe nói danh tự như trên và nghe công đức đầu-đà, vì nhân duyên này nên
tâm sinh kiêu mạn.

即時惡魔復作是言。

tức thời ác Ma phục tác thị ngôn 。

Lúc đó Ác ma lại nói:

汝於過去已受阿耨多羅三藐三菩提記。何以故。阿毘跋致功德相貌汝今有之。

nhữ ư quá khứ dĩ thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。

hà dĩ cố 。

A ti bạt trí công đức tướng mạo như kim hữu chi 。

Trong qua khứ ông đã được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Vì nay ông
có tướng mạo, công đức Không thoái chuyển.

須菩提。我所說阿毘跋致菩薩真實相貌。

Tu-bồ-đề 。

ngã sở thuyết A ti bạt trí Bồ-tát chân thật tướng mạo 。

Tu-bồ-đề, tướng mạo chân thật của Bồ-tát Bất thoái được Ta nói,

是人無有。須菩提當知是菩薩為魔所著。何以故。

thị nhân vô hữu 。

Tu-bồ-đề đương tri thị Bồ-tát vi Ma sở trú 。

hà dĩ cố 。

người này không có. Tu-bồ-đề nên biết Bồ-tát này bị Ma đeo bám. Vì sao?

阿毘跋致菩薩相貌。是人無有。

A ti bạt trí Bồ-tát tướng mạo 。

thị nhân vô hữu 。

Người này không có tướng mạo của Bồ-tát Bất thoái,

但聞惡魔所說名字。則便輕賤諸餘菩薩。須菩提。

đần vắn ác Ma sở thuyết danh tự 。 tác tiện khinh tiện chư dư Bồ-tát 。 Tu-bồ-đề 。
chỉ nghe danh tự do Ác ma nói, liền khinh chê các Bồ-tát khác. Tu-bồ-đề,

當知是菩薩因名字故起於魔事。復次須菩提。

đương tri thị Bồ-tát nhân danh tự cố khởi ư Ma sự 。 phục thứ Tu-bồ-đề 。
nên biết Bồ-tát này, vì do danh tự mà khởi việc Ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề.

復有菩薩因名字故起於魔事。

phục hữu Bồ-tát nhân danh tự cố khởi ư Ma sự 。
Lại có Bồ-tát, vì do danh tự mà khởi lên việc Ma.

所謂魔至其所作是言。汝於先佛。

sở vị Ma chí kỳ sở tác thị ngôn 。 nử ư tiên Phật 。
Đó là, Ma đến chỗ người đó, nói thế này: Ông ở nơi Phật trước đây

得受阿耨多羅三藐三菩提記。汝作佛時。名號如是。

được thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。 nử tác Phật thời 。 danh hiệu như thị
。
được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Lúc ông làm Phật thì danh hiệu thế này.

是菩薩本所願名號同魔所說。無智無方便故。便作是念。

thị Bồ-tát bản sở nguyện danh hiệu đồng Ma sở thuyết 。 vô trí vô phương tiện cố
。 tiện tác thị niệm 。

Danh hiệu Bồ-tát này vốn mong muốn lại giống với những gì Ma nói. Vì không có trí,
không có phương tiện, liền nghĩ:

我得阿耨多羅三藐三菩提時。所願名號。

ngã được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。 sở nguyện danh hiệu 。

Lúc ta được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, danh hiệu mong muốn

是比丘所說同我本願。便隨惡魔所著。比丘信受其語。

thị bỉ khâu sở thuyết đồng ngã Bản Nguyện 。 tiện tùy ác Ma sở trú 。 bỉ khâu tín thọ kỳ ngữ 。

được Tỳ-khưu này nói giống nguyện xưa của ta, liền bị Ác ma đeo ám. Tỳ-khưu tin nhận lời đó;

但以名字因緣故。則便輕賤諸餘菩薩。

dĩ danh tự nhân duyên cố 。 tắc tiện khinh tiện chư dư Bồ-tát 。

chỉ vì do nhân duyên danh tự liền khinh chê các Bồ-tát khác.

須菩提。我所說真實阿毘跋致菩薩相貌。

Tu-bồ-đề 。 ngã sở thuyết chân thật A bì bạt trí Bồ-tát tướng mạo 。

Tu-bồ-đề, tướng mạo của Bồ-tát Bất thoái chân thật mà Ta nói,

是人無有。以輕慢因緣故。遠離薩婆若佛無上智慧。

thị nhân vô hữu 。 dĩ khinh mạn nhân duyên cố 。 viễn li tát bà nhược Phật vô thượng trí tuệ 。

người này không có. Vì do nhân duyên khinh mạn mà xa rời Nhất thiết trí, Trí tuệ vô thượng của Phật.

是菩薩若離方便及善知識。

thị Bồ-tát nhược ly phương tiện cập thiện tri thức 。

Bồ-tát này nếu rời Phương tiện và Thiện tri thức,

遇惡知識當墮二地。若聲聞地若辟支佛地。須菩提。

ngộ ác tri thức đương đọa nhị địa 。 nhược thanh văn địa nhược tích chi Phật địa 。

Tu-bồ-đề 。

gặp ác tri thức sẽ rơi vào hai địa, hoặc địa Thanh văn, hoặc địa Phật Bích Chi. Tu-bồ-đề,

若是菩薩即於此身。悔先諸心遠離聲聞辟支佛地。

nhược thị Bồ-tát tức ư tử thân 。 hồi tiên chư tâm viễn li thanh văn tích chi Phật địa
。

nếu Bồ-tát này, chính nơi thân này, hồi hận các tâm trước kia, xa rời các địa Thanh văn,
Phật Bích Chi,

當久在生死乃復還因般若波羅蜜。

đương cửu tại sinh tử nãi phục hoàn nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。

sẽ phải ở lâu trong sinh tử cho đến khi nhờ vào Bát-nhã Ba-la-mật

得阿耨多羅三藐三菩提。何以故。是諸心罪重故。

được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

hà dĩ cố 。

thị chư tâm tội trọng cố 。

mới được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Vì tội các tâm này rất nặng.

譬如比丘犯四重禁若一若二。

thí như bỉ khâu phạm tứ trọng cấm nhược nhất nhược nhị 。

Ví như Tỷ-khưu phạm bốn trọng cấm, hoặc một hoặc hai,

則非沙門非釋種子。是菩薩以名字。輕餘菩薩故。

tắc phi Sa-môn phi thích chủng tử 。

thị Bồ-tát dĩ danh tự 。

khinh dư Bồ-tát cố 。

tức không phải Sa-môn, không phải con của dòng họ Thích. Vì Bồ-tát này lấy danh tự mà
khinh chê Bồ-tát khác,

其所獲罪重於四禁。須菩提。置是四禁。

kỳ sở hoạch tội trọng ư tứ cấm 。

Tu-bồ-đề 。

trí thị tứ cấm 。

nên tội phạm phải nặng bằng bốn giới cấm. Tu-bồ-đề, ngoài bốn giới cấm này,

如是之罪重於五逆。所謂以名字故。生憍慢心。須菩提。

như thị chi tội trọng ư ngũ nghịch 。

sở vị dĩ danh tự cố 。

sinh kiêu mạn tâm 。

Tu-bồ-đề 。

tội như thế nặng bằng năm nghịch; tức là, vì do danh tự mà sinh tâm kiêu mạn. Tu-bồ-đề,

以是名字因緣。

dĩ thị danh tự nhân duyên 。

do nhân duyên danh tự như thế

起此微細魔事菩薩應當覺之覺已遠離。

khởi thử vi tế Ma sự Bồ-tát ứng đương giác chi giác dĩ viễn li 。

mà khởi việc Ma vi tế này, thì Bồ-tát nên biết rõ; biết rồi hãy rời xa.

復次須菩提。惡魔見菩薩有遠離行。

phục thứ Tu-bồ-đề 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Ác ma thấy Bồ-tát có hạnh rời xa,

便至其所。作是言。善男子遠離行者。如來常所稱讚。

tiện chí kỳ sở 。

liền đến chỗ Bồ-tát, nói thế này: Thiện nam tử, người có hạnh rời xa thường được Như lai khen ngợi.

須菩提。

Tu-bồ-đề 。

Tu-bồ-đề,

我不說菩薩遠離在於阿練若處空閑處山間樹下曠絕之處。世尊。

ngã bất thuyết Bồ-tát viễn li tại ư a-luyện-nhã xử không nhân xử sơn gian thụ hạ khoáng tuyệt chi xử 。

Ta không nói Bồ-tát rời xa chỗ tịch tĩnh, chỗ không tịch, chỗ giữa núi, dưới cây, trống trải. Thế tôn,

若阿練若處空閑處山間樹下曠絕之處。不名遠離者。

nhược a-luyện-nhã xử không nhân xử sơn gian thụ hạ khoáng tuyệt chi xử 。

nếu chỗ tịch tĩnh, chỗ không tịch, chỗ giữa núi, dưới cây, trống trải, mà không gọi là rời xa,

更有何等遠離。須菩提。

canh hữu hà đẳng viễn li 。 Tu-bồ-đề 。

thì có gì để rời xa? Tu-bồ-đề,

若菩薩遠離聲聞辟支佛心。如是遠離。若近聚落亦名遠離。

nhược Bồ-tát viễn li thanh văn tích chi Phật tâm 。 như thị viễn li 。 nhược cận tụ lạc
diệc danh viễn li 。

nếu Bồ-tát rời xa tâm Thanh văn, Phật Bích Chi. Rời xa như thế, nếu gần xóm làng cũng
gọi là rời xa;

若在阿練若處空閑處山間樹下曠絕之處。

nhược tại a-luyện-nhã xử không nhàn xử sơn gian thụ hạ khoáng tuyệt chi xử 。

nếu ở chỗ tịch tĩnh, chỗ không tịch, chỗ giữa núi, dưới cây, trống trải,

亦名遠離。須菩提。如是遠離我所聽許。

diệc danh viễn li 。 Tu-bồ-đề 。

như thị viễn li ngã sở thính hứa 。

cũng gọi là rời xa. Tu-bồ-đề, rời xa như vậy là nghe theo Ta.

若菩薩晝夜修行如是遠離。若近聚落亦名遠離。

nhược Bồ-tát trú dạ tu hành như thị viễn li 。 nhược cận tụ lạc diệc danh viễn li 。

Nếu Bồ-tát ngày đêm tu hành sự rời xa như thế, nếu gần xóm làng cũng gọi là rời xa;

若在阿練若處空閑處山間樹下曠絕之處。

nhược tại a-luyện-nhã xử không nhàn xử sơn gian thụ hạ khoáng tuyệt chi xử 。

nếu ở chỗ tịch tĩnh, chỗ không tịch, chỗ giữa núi, dưới cây, trống trải,

亦名遠離。須菩提。若惡魔所稱讚遠離。

diệc danh viễn li 。 Tu-bồ-đề 。

nhược ác Ma sở xưng tán viễn li 。

cũng gọi là rời xa. Tu-bồ-đề, nếu Ác ma có ngợi khen sự rời xa

阿練若處空閑處山間樹下曠絕之處。

a-luyện-nhã xử không nhàn xử sơn gian thụ hạ khoáng tuyệt chi xử 。
chỗ tịch tĩnh, chỗ không tịch, chỗ giữa núi, dưới cây, trống trải,

是菩薩雖有如是遠離。而不遠離聲聞辟支佛心。

thị Bồ-tát tuy hữu như thị viễn li 。 nhi bất viễn li thanh văn tích chi Phật tâm 。
thì Bồ-tát này tuy có rời xa như thế mà không rời xa tâm Thanh văn, Phật Bích Chi,

不修般若波羅蜜。不為具足一切智慧。

bất tu Bát-nhã Ba-la-mật 。 bất vi cụ túc nhất thiết trí tuệ 。
thì không tu Bát-nhã Ba-la-mật, không vì đầy đủ tất cả trí tuệ;

是則名為雜糅行者。是菩薩行是遠離則不清淨。

thị tặc danh vi tạp nhữu hành giả 。 thị Bồ-tát hành thị viễn li tặc bất thanh tịnh 。
tức gọi là hành giả nhàm lẫn. Bồ-tát này hành sự rời xa này tức không thanh tịnh,

輕餘菩薩近聚落住心清淨者。遠離聲聞辟支佛心者。

khinh dư Bồ-tát cận tụ lạc trụ tâm thanh tịnh giả 。 viễn li thanh văn tích chi Phật tâm
giả 。

khinh thường các Bồ-tát khác, các vị gần xóm làng mà trú tâm thanh tịnh, các vị rời xa tâm
Thanh văn, Phật Bích Chi,

不雜惡不善法。得諸禪定背捨三昧諸神通力。

bất tạp ác bất thiện Pháp 。 được chư Thiền định bối xả tam-muội chư Thần thông
lực 。

các vị không lẫn lộn pháp ác, bất thiện, được các thiền định, tam-muội Bối xả, các lực
thần thông,

通達般若波羅蜜者。

thông đạt Bát-nhã Ba-la-mật giả 。

thông đạt Bát-nhã Ba-la-mật.

是無方便菩薩雖在百由旬空曠之處。

thị vô phương tiện Bồ-tát tuy tại bách do-tuần không khoáng chi xử 。

Bồ-tát không có phương tiện này, tuy ở chỗ trống trải một trăm do-tuần,

但有鳥獸寇賊惡鬼所行處住。若百千萬億歲若過是數。

đãn hữu điều thú khấu tặc ác quỷ sở hạnh xử trụ 。

nhược bách thiên vạn ức tuế
nhược quá thị số 。

nhưng chỉ trú chỗ có chim, thú, giặc cướp, Ác ma đi lại. Dù trăm ngàn vạn ức tuổi, dù quá
con số này,

而不能知真遠離相。遠於真遠離。

nhi bất năng tri chân viễn li tướng 。

viễn ư chân viễn li 。

mà không thể biết tướng rời xa chân chính, cách xa sự rời xa chân chính,

不知深心發阿耨多羅三藐三菩提心。如是菩薩。亦名憒闍行者。

bất tri thâm tâm phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm 。

như thị Bồ-tát 。

diệc
danh hội náo hành giả 。

không biết thâm tâm phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thì Bồ-tát như thế cũng
gọi là hành giả huyền thuyên.

若貪著依止如是遠離。是則不能令我心喜。何以故。

nhược tham trước y chỉ như thị viễn li 。

thị tắc bất năng lệnh ngã tâm hỷ 。

hà dĩ cố 。

Nếu ham dính, nương tựa sự rời xa như thế, tức không thể làm cho lòng Ta hoan hỷ. Vì
sao?

我所聽許遠離行中。不見是人。

ngã sở thỉnh hứa viễn li hành trung 。

bất kiến thị nhân 。

Trong hạnh rời xa mà Ta thừa nhận không thấy có người này.

是人無有如是遠離。須菩提。

thị nhân vô hữu như thị viễn li 。 Tu-bồ-đề 。

Người này không có sự rời xa như thế. Tu-bồ-đề,

復有惡魔到菩薩所住虛空中作是言。善哉善哉。

phục hữu ác Ma đáo Bồ-tát sở trụ hư không trung tác thị ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。

lại có Ác ma đến chỗ của Bồ-tát, trụ giữa hư không, nói thế này: Lành thay! Lành thay!

汝所行者是真遠離佛所稱讚。以是遠離。

nhữ sở hành giả thị chân viễn li Phật sở xưng tán 。 dĩ thị viễn li 。

Hành của ông là sự rời xa chân chính, được Phật khen ngợi. Nhờ sự rời xa này,

汝當疾得阿耨多羅三藐三菩提。是菩薩從遠離所來至聚落。

nhữ đương tật được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

thị Bồ-tát tòng viễn li sở lai chí tụ lạc 。

ông sẽ nhanh chóng được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Bồ-tát này từ chỗ rời xa, đi đến xóm làng,

見餘比丘求佛道者心性和柔。便生輕慢。

kiến dư bỉ khâu cầu Phật đạo giả tâm tính hòa nhu 。

tiện sinh khinh mạn 。

thấy các Tỷ-khưu khác cầu Phật đạo, tâm tính mềm mỏng, liền sinh khinh mạn:

汝是憍闍行者。須菩提。是菩薩以憍闍為真遠離。

nhữ thị hội náo hành giả 。

Tu-bồ-đề 。

thị Bồ-tát dĩ hội náo vi chân viễn li 。

các ông là hành giả huyên thuyên. Tu-bồ-đề, Bồ-tát này cho sự huyên thuyên là sự rời xa chân chính,

以真遠離為憍闍。如是說其過惡。不生恭敬心。

dĩ chân viễn li vi hội náo 。

nhữ thị thuyết kỳ quá ác 。

bất sinh cung kính tâm 。

cho sự rời xa chân chính là sự huyền thuyên. Nói những điều sai ác như thế, không sinh tâm cung kính;

應恭敬而反輕慢。應輕慢而反恭敬。作是念。

ứng cung kính nhi phản khinh mạn 。 ứng khinh mạn nhi phản cung kính 。 tác thị niệm 。

đáng cung kính lại khinh mạn, đáng khinh mạn lại cung kính, nghĩ thế này:

我見非人念我而來助我而來。

ngã kiến phi nhân niệm ngã nhi lai trợ ngã nhi lai 。

Ta thấy phi nhân nhớ ta mà đến, giúp ta mà đến.

佛所聽許真遠離行。我則行之。汝近聚落。

Phật sở thính hứa chân viễn li hành 。 ngã tắc hành chi 。 nhữ cận tụ lạc 。

Hạnh rời xa chân chính được Phật thừa nhận, ta tức hành theo. Ông ở gần xóm làng,

誰當念汝誰當助汝。作是念已。輕餘菩薩清淨行者。

thùy đương niệm nhữ thùy đương trợ nhữ 。 tác thị niệm dĩ 。 khinh dư Bồ-tát thanh tịnh hành giả 。

thì ai sẽ nhớ ông, ai sẽ giúp ông. Nghĩ như vậy rồi, khinh thường các Bồ-tát, các hành giả thanh tịnh khác.

須菩提當知。是人是菩薩施陀羅。

Tu-bồ-đề đương tri 。 thị nhân thị Bồ-tát chiên đà la 。

Tu-bồ-đề nên biết người này là Bồ-tát chiên-đà-la;

當知是人污餘菩薩臭穢不淨。當知是人似像菩薩。

đương tri thị nhân 汚 dư Bồ-tát xú uế bất tịnh 。 đương tri thị nhân thị tự tượng Bồ-tát 。

nên biết người này làm bẩn Bồ-tát khác, hôi nhớp, không trong sạch; nên biết người này là Bồ-tát tương tự;

當知是人一切世間天人之大賊沙門形賊。須菩提。

đương tri thị nhân nhất thiết thế gian Thiên Nhơn chi Đại tặc Sa-môn hình tặc 。 Tu-bồ-đề 。

nên biết người này là giặc lớn của tất cả thế gian, Trời, người, là giặc đội lốt Sa-môn. Tu-bồ-đề,

求佛道者不應親近如是之人。何以故。

cầu Phật đạo giả bất ứng thân cận như thị chi nhân 。

người cầu Phật đạo không nên gần gũi người như thế. Vì sao?

如是人等名為增上慢者。須菩提。

như thị nhân đẳng danh vi thêm thượng mạn giả 。

Những người như thế gọi là người tăng thượng mạn. Tu-bồ-đề,

若菩薩愛惜薩婆若。愛惜阿耨多羅三藐三菩提。

nhược Bồ-tát ái tích tát bà nhược 。

nếu Bồ-tát thương tiếc Nhất thiết trí, thương tiếc Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

深心欲得阿耨多羅三藐三菩提。欲得利益一切眾生。

thâm tâm dục được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

dục được lợi ích nhất thiết chúng sinh 。

不應親近如是等人。求佛道者常求己利。

bất ứng thân cận như thị đẳng nhân 。

cầu Phật đạo giả thường cầu kỷ lợi 。

常應厭離怖畏三界。於此人中。

thường ứng yếm Li Bồ Úy úy tam giới 。 ư thử nhân trung 。
thường chán xa, sợ hãi ba cõi. Đối với hạng người này,

當生慈悲喜捨之心。我當如是勲行精進。

đương sinh từ bi hỷ xả chi tâm 。 ngã đương như thị cần hành tinh tấn 。
nên sinh tâm từ, bi, hỷ, xả. Ta nên siêng hành tinh tấn như thế,

得阿耨多羅三藐三菩提時無如是惡。若其起者當疾除滅。

được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời vô như thị ác 。 nhược kỳ khởi giả đương tậ
trừ diệt 。

khi được Vô thượng Chính đẳng Chính giác thì không có các điều ác như vậy. Nếu chúng
có khởi thì sẽ sớm trừ diệt.

須菩提。如是行者是為菩薩智慧之力。

Tu-bồ-đề 。 như thị hành giả thị vi Bồ-tát trí tuệ chi lực 。

Tu-bồ-đề, hành như thế chính là lực của trí tuệ Bồ-tát.

小品般若波羅蜜經

tiểu phẩm Bát-nhã Ba-la-mật Kinh

Kinh Tiểu Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật

卷第八

quyển đệ bát

Quyển VIII

深心求菩提品第二十

thâm tâm cầu bồ đề phẩm đệ nhị thập

Phẩm 20: Thâm Tâm Cầu Bồ-đề

佛告須菩提。

Phật cáo Tu-bồ-đề 。

Phật bảo Tu-bồ-đề:

若菩薩欲得阿耨多羅三藐三菩提。應當親近善知識。須菩提白佛言。世尊。
nhược Bồ-tát dục được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 ứng đương thân cận thiện tri
thức 。 Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。
Nếu Bồ-tát muốn được Vô thượng Chính đấng Chính giác, nên gần gũi thiện tri thức. Tu-
bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

何等是菩薩善知識。佛告須菩提。

hà đấng thị Bồ-tát thiện tri thức 。 Phật cáo Tu-bồ-đề 。
thế nào là thiện tri thức của Bồ-tát? Phật bảo Tu-bồ-đề:

諸佛世尊是菩薩善知識。何以故。能教菩薩。

chư Phật Thế tôn thị Bồ-tát thiện tri thức 。 hà dĩ cố 。 năng giáo Bồ-tát 。
Chư Phật Thế tôn là thiện tri thức của Bồ-tát. Vì sao? Vì có thể dạy Bồ-tát,

令入般若波羅蜜故。須菩提。是名菩薩善知識。

lệnh nhập Bát-nhã Ba-la-mật cố 。 Tu-bồ-đề 。 thị danh Bồ-tát thiện tri thức 。
khiến vào Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề, đó gọi là thiện tri thức của Bồ-tát.

復次須菩提。六波羅蜜是菩薩善知識。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 lục ba la mật thị Bồ-tát thiện tri thức 。
Lại nữa, Tu-bồ-đề. Sáu Ba-la-mật là thiện tri thức của Bồ-tát;

六波羅蜜是菩薩大師。六波羅蜜是菩薩道。

lục ba la mật thị Bồ-tát Đại sư 。 lục ba la mật thị Bồ-tát đạo 。
sáu Ba-la-mật là Đại sư của Bồ-tát; sáu Ba-la-mật là đạo của Bồ-tát;

六波羅蜜是菩薩光明。六波羅蜜是菩薩炬。須菩提。

lục ba la mật thị Bồ-tát quang-minh 。 lục ba la mật thị Bồ-tát cự 。 Tu-bồ-đề 。
sáu Ba-la-mật là ánh sáng của Bồ-tát; sáu Ba-la-mật là ngọn đuốc của Bồ-tát. Tu-bồ-đề,

過去諸佛皆從六波羅蜜生。

quá khứ chư Phật giai tông lục ba la mật sinh 。
chư Phật quá khứ đều từ sáu Ba-la-mật sinh ra;

未來諸佛皆從六波羅蜜生。現在十方無量阿僧祇世界諸佛。

vị lai chư Phật giai tông lục ba la mật sinh 。 hiện tại thập phương vô lượng a tăng kì thế
giới chư Phật 。

chư Phật vị lai đều từ sáu Ba-la-mật sinh ra; chư Phật hiện tại trong vô lượng a-tăng-kỳ
thế giới mười phương

皆從六波羅蜜生。又三世諸佛薩婆若。

giai tông lục ba la mật sinh 。 hữu tam thế chư Phật tát bà nhược 。
đều từ sáu Ba-la-mật sinh ra. Lại nữa, Nhất thiết trí của chư Phật trong ba đời

皆從六波羅蜜生。何以故。諸佛行六波羅蜜。

giai tông lục ba la mật sinh 。 hà dĩ cố 。 chư Phật hành lục ba la mật 。
đều từ sáu Ba-la-mật sinh ra. Vì sao? Chư Phật hành sáu Ba-la-mật

以四攝法攝取眾生。所謂布施愛語利益同事。

dĩ tứ nhiếp Pháp nhiếp thủ chúng sinh 。 sở vị bố thí ái ngữ lợi ích đồng sự 。
đều lấy bốn Nhiếp pháp bao gồm chúng sinh; đó là, bố thí, ái ngữ, lợi ích, đồng sự,

得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提。是故當知。

được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 Tu-bồ-đề 。 thị cố đương tri 。
mà được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề, vì thế nên biết

六波羅蜜是大師。是父是母是舍是歸。

lục ba la mật thị Đại sư 。 thị phụ thị mẫu thị xá thị quy 。
sáu Ba-la-mật là Đại sư, là cha, là mẹ, là nhà, là chỗ quay về,

是洲是救是究竟道。六波羅蜜利益一切眾生。

thị châu thị cứu thị cứu cánh đạo 。 lục ba la mật lợi ích nhất thiết chúng sinh 。
là đất liền, là sự cứu giúp, là đạo cứu cánh; sáu Ba-la-mật làm lợi ích tất cả chúng sinh.

是故菩薩欲自深智明了。不隨他語不信他法。

thị cố Bồ-tát dục tự thâm trí minh liễu 。 bất tùy tha ngữ bất tín tha Pháp 。
Vì thế Bồ-tát muốn tự biết sâu, hiểu rõ thì không nên theo lời của người khác, không tin pháp của người khác.

若欲斷一切眾生疑。應當學是般若波羅蜜。

nhược dục đoạn nhất thiết chúng sinh nghi 。 ứng đương học thị Bát-nhã Ba-la-mật 。
Nếu muốn chặt đứt nghi của tất cả chúng sinh thì nên học Bát-nhã Ba-la-mật này.

世尊。又何等相是般若波羅蜜。須菩提。

Thế tôn 。 hựu hà đẳng tướng thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu-bồ-đề 。
Thế tôn, lại nữa, tướng nào là Bát-nhã Ba-la-mật? Tu-bồ-đề,

無礙相是般若波羅蜜。世尊。頗有因緣。

vô ngại tướng thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 Thế tôn 。 pha hữu nhân duyên 。
tướng không ngại là Bát-nhã Ba-la-mật. Thế tôn, có lý do để cho

如般若波羅蜜無礙相。一切法亦無礙相耶。

như Bát-nhã Ba-la-mật vô ngại tướng 。 nhất thiết Pháp diệc vô ngại tướng da 。
tất cả pháp cũng có thể là tướng không ngại, giống như tướng không ngại của Bát-nhã Ba-la-mật, không?

有須菩提。如般若波羅蜜無礙相。一切法亦無礙相。

hữu Tu-bồ-đề 。 như Bát-nhã Ba-la-mật vô ngại tướng 。 nhất thiết Pháp diệc vô ngại tướng 。

Có, Tu-bồ-đề. Giống như tướng không ngại của Bát-nhã Ba-la-mật, tất cả pháp cũng là tướng không ngại.

何以故。須菩提。一切法離相。一切法空相。

hà dĩ cố 。 Tu-bồ-đề 。 nhất thiết Pháp ly tướng 。 nhất thiết Pháp không tướng 。

Vì sao? Tu-bồ-đề, tất cả pháp là tướng rời, tất cả pháp là tướng Không.

是故須菩提。當知般若波羅蜜亦離相空相。

thị cố Tu-bồ-đề 。 đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc ly tướng không tướng 。

Vì thế, Tu-bồ-đề. Nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng là tướng rời, tướng Không;

一切法亦離相空相。世尊。若一切法離相空相。

nhất thiết Pháp diệc ly tướng không tướng 。

Thế tôn 。

nhược nhất thiết Pháp ly tướng không tướng 。

tất cả pháp cũng là tướng rời, tướng Không. Thế tôn, nếu tất cả pháp là tướng rời, tướng Không,

云何眾生有垢有淨。何以故。

vân hà chúng sinh hữu cấu hữu tịnh 。

hà dĩ cố 。

tại sao chúng sinh có nhớp, có sạch? Vì sao?

離相法無垢無淨。空相法無垢無淨。離相法空相法。

ly tướng Pháp vô cấu vô tịnh 。

không tướng Pháp vô cấu vô tịnh 。

ly tướng Pháp không tướng Pháp 。

Pháp có tướng rời không nhớp, không sạch; pháp có tướng Không không bẩn, không sạch. Pháp có tướng rời, pháp có tướng Không

不能得阿耨多羅三藐三菩提。離離相離空相。

bất năng được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

ly ly tướng ly không tướng 。

thì không thể được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Rời tướng rời, rời tướng Không

更無有法能得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。

canh vô hữu Pháp năng được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Thế tôn 。

lại không có pháp nào có thể được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thế tôn,

我今云何當知是義。須菩提。我還問汝。

ngã kim vân hà đương tri thị nghĩa 。 Tu-bồ-đề 。 ngã hoàn vấn nhữ 。
nay làm thế nào con biết được nghĩa này? Tu-bồ-đề, Ta hỏi lại ông,

隨意答我。須菩提。於意云何。眾生長夜著我我所不。

tùy ý đáp ngã 。 Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。 chúng sinh trường dạ trú ngã ngã sở bất 。
tùy ý trả lời Ta. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Chúng sinh trong dòng sinh tử có dính mắc ngã, ngã sở không?

如是如是。世尊。眾生長夜著我我所。

như thị như thị 。 Thế tôn 。 chúng sinh trường dạ trú ngã ngã sở 。
Đúng vậy, đúng vậy, Thế tôn. Chúng sinh trong dòng sinh tử dính mắc ngã, ngã sở.

須菩提於意云何。我我所空不。世尊。我我所空。

Tu-bồ-đề ư ý vân hà 。 ngã ngã sở không bất 。 Thế tôn 。 ngã ngã sở không 。
Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Ngã, ngã sở có phải là Không không? Thế tôn, ngã, ngã sở là Không.

須菩提。於意云何。眾生以我我所往來生死不。

Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。 chúng sinh dĩ ngã ngã sở vãng lai sinh tử bất 。
Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Chúng sinh có lấy ngã, ngã sở mà đi lại trong sinh tử không?

如是如是。世尊。眾生以我我所故往來生死。

như thị như thị 。 Thế tôn 。 chúng sinh dĩ ngã ngã sở cố vãng lai sinh tử 。
Đúng vậy, đúng vậy, Thế tôn. Chúng sinh lấy ngã, ngã sở mà đi lại trong sinh tử.

須菩提。如是眾生名為有垢。

Tu-bồ-đề 。 như thị chúng sinh danh vi hữu cấu 。
Tu-bồ-đề, chúng sinh như thế gọi là có bẩn,

隨眾生所受所著故。是中實無有垢亦無受垢者。須菩提。

tùy chúng sinh sở thọ sở trú cố 。 thị trung thật vô hữu cấu diệc thị cố cấu giả 。 Tu-bồ-đề 。

vì dựa theo cái được chúng sinh thọ nhận và dính mắc. Thật ra, trong đó không có bản, cũng không có người bị bản. Tu-bồ-đề,

若不受一切法。則無我無我所。是名為淨。

nhược bất thọ nhất thiết Pháp 。 tắc vô ngã vô ngã sở 。 thị danh vi tịnh nếu không nhận tất cả các pháp thì không có ngã, ngã sở; đó gọi là sạch.

是中實無有淨。亦無有受淨者。菩薩如是行。

thị trung thật vô hữu tịnh 。 diệc vô hữu thọ tịnh giả 。 Bồ-tát như thị hành 。

Trong đó thật ra không có sạch, cũng không có người được sạch. Bồ-tát hành như thế

名為行般若波羅蜜。世尊。

danh vi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 Thế tôn 。

gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Thế tôn,

若菩薩如是行則不行色。不行受想行識若菩薩如是行者。

nhược Bồ-tát như thị hành tắc bất hành sắc 。 bất hành thọ tưởng hành thức nhược Bồ-tát như thị hành giả 。

nếu Bồ-tát hành như thế tức không hành sắc, không hành thọ, tưởng, hành, thức. Nếu Bồ-tát hành như thế,

一切世間天人阿修羅不能降伏。世尊。

nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La bất năng hàng phục 。 Thế tôn 。

tất cả thế gian, Trời, người, A-tu-la không thể hàng phục. Thế tôn,

菩薩如是行者。勝一切聲聞辟支佛所行。住無勝處。

Bồ-tát như thị hành giả 。 thắng nhất thiết thanh văn Bích chi Phật sở hạnh 。 trụ Vô thắng xứ 。

Bồ-tát hành như thế thì hơn hành của tất cả Thanh văn, Phật Bích Chi, trụ chỗ không có gì hơn được.

世尊。無勝菩薩晝夜行是應般若波羅蜜念。

Thế tôn 。 Vô thắng Bồ-tát trú dạ hành thị ứng Bát-nhã Ba-la-mật niệm 。

Thế tôn, Bồ-tát không có gì hơn được này ngày đêm hành niệm tương ứng với Bát-nhã Ba-la-mật này,

近於阿耨多羅三藐三菩提。

cận ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

thì gần được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

疾得阿耨多羅三藐三菩提。佛告須菩提。於意云何。

tật được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Phật cáo Tu-bồ-đề 。

ư ý vân hà 。

假令閻浮提所有眾生一時皆得人身。

giả lệnh Diêm-phù-đề sở hữu chúng sinh nhất thời giai được nhân thân 。

Giả sử khiến chúng sinh ở Diêm-phù-đề cùng lúc đều được thân người,

發阿耨多羅三藐三菩提心。發心已盡形布施。

phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm 。

phát tâm dĩ tận hình bố thí 。

phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, phát tâm rồi, ra sức bố thí,

以是布施。迴向阿耨多羅三藐三菩提。須菩提。

dĩ thị bố thí 。

hồi hướng a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Tu-bồ-đề 。

dùng sự bố thí này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề,

於意云何。是人以是因緣得福多不。須菩提言。

ư ý vân hà 。 thị nhân dĩ thị nhân duyên được phúc đa bất 。 Tu-bồ-đề ngôn 。
Ý ông thế nào? Người này nhờ nhân duyên này có được nhiều phước không? Tu-bồ-đề
nói:

甚多世尊。佛言。

thậm đa Thế tôn 。 Phật ngôn 。

Rất nhiều, Thế tôn. Phật dạy:

若菩薩乃至一日行應般若波羅蜜念。其福勝彼。隨喜菩薩行。

nhược Bồ-tát nãi chí nhất nhật hành ứng Bát-nhã Ba-la-mật niệm 。

kỳ phúc thắng bỉ 。

tùy hỷ Bồ-tát hành 。

Nếu Bồ-tát, dù chỉ một ngày, hành niệm tương ứng với Bát-nhã Ba-la-mật, thì phước
người này hơn người kia. Bồ-tát tùy hỷ hành

應般若波羅蜜念。能為一切眾生而作福田。

ứng Bát-nhã Ba-la-mật niệm 。

năng vi nhất thiết chúng sinh nhi tác phúc điền 。

niệm tương ứng với Bát-nhã Ba-la-mật, có thể vì tất cả chúng sinh mà làm ruộng phước.

何以故。唯除諸佛。其餘眾生無如是深慈心。

hà dĩ cố 。

duy trừ chư Phật 。

kỳ dư chúng sinh vô như thị thâm từ tâm 。

Vì sao? Chỉ ngoài chư Phật ra, những chúng sinh khác không có tâm Từ sâu xa như thế.

如菩薩摩訶薩。諸菩薩因般若波羅蜜。

như Bồ-tát Ma-Ha tát 。

chư Bồ-tát nhân Bát-nhã Ba-la-mật 。

Giống như Bồ-tát Ma-ha-tát, các Bồ-tát nhờ Bát-nhã Ba-la-mật

能生如是慧。以是慧見一切眾生受諸苦惱。

năng sinh như thị tuệ 。

dĩ thị tuệ kiến nhất thiết chúng sinh thọ chư khổ não 。

có thể sinh tuệ như thế; dùng tuệ này thấy tất cả chúng sinh chịu các khổ não,

如被刑戮。菩薩即得大悲之心。得大悲已。

như bị hình lục 。 Bồ-tát tức được Đại bi chi tâm 。 được Đại bi dĩ 。
như bị tử hình, Bồ-tát tức được tâm đại bi. Được tâm đại bi rồi,

以天眼觀諸眾生。見無量眾生有無間罪墮於諸難。

dĩ Thiên nhãn quán chư chúng sinh 。 kiến vô lượng chúng sinh hữu vô gián tội đọa ư
chư nan 。

dùng mắt trời quán xét các chúng sinh, thấy vô lượng chúng sinh có tội vô gián, rơi vào
các nạn,

即生憐愍之心。不住是相亦不住餘相。

tức sinh liên mẫn chi tâm 。 bất trụ thị tướng diệc bất trụ dư tướng 。

liền sinh tâm thương xót, không trụ ở tướng này, cũng không trụ ở tướng khác.

須菩提。

Tu-bồ-đề 。

Tu-bồ-đề,

是名諸菩薩大智光明行是道者則為一切眾生福田。

thị danh chư Bồ-tát Đại trí quang-minh hành thị đạo giả tắc vi nhất thiết chúng sinh
phúc điền 。

đó gọi là ánh sáng đại trí của các Bồ-tát, hành đạo này tức vì chúng sinh mà làm ruộng
phước,

而不退轉阿耨多羅三藐三菩提。所受供養衣服飲食臥具醫藥所須之物。

nhi bất thoái chuyển a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

sở thọ cung dưỡng y phục ẩm thực ngọa cụ y dược sở tu chi vật 。

nhưng không thoái chuyển Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Các vật được cúng dường
như áo quần, đồ ăn uống, đồ nằm, các vật cần dùng,

一心修習般若波羅蜜故。能淨報施恩。

nhất tâm tu tập Bát-nhã Ba-la-mật cố 。

năng tịnh báo thí ân 。

vì một lòng tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, nên có thể thanh tịnh báo đáp ơn bố thí,

亦近薩婆若。是故菩薩若欲不空食國中施。

diệc cận tát bà nhược 。 thị cố Bồ-tát nhược dục bất không thực quốc trung thí 。
cũng gần đợc Nhất thiết trí. Vì thế, Bồ-tát nếu muốn đừng ăn không của bố thí trong
nước,

若欲利益一切眾生。

nhược dục lợi ích nhất thiết chúng sinh 。
nếu muốn làm lợi ích tất cả chúng sinh,

若欲示一切眾生正道若欲解一切眾生牢獄繫縛。

nhược dục kì nhất thiết chúng sinh chính đạo nhược dục giải nhất thiết chúng sinh lao
ngục hệ phọc 。
hoặc muốn chỉ chính đạo cho tất cả chúng sinh, nếu muốn cởi trói tất cả chúng sinh ra
khỏi lao ngục,

若欲與一切眾生慧眼。常應修行應般若波羅蜜念。

nhược dục dĩ nhất thiết chúng sinh tuệ nhãn 。 thường ứng tu hành ứng Bát-nhã Ba-la-
mật niệm 。
nếu muốn cho tất cả chúng sinh mắt tuệ, thì nên thường tu niệm tương ứng với Bát-nhã
Ba-la-mật.

若行應般若波羅蜜念。是菩薩有所言說。

nhược hành ứng Bát-nhã Ba-la-mật niệm 。 thị Bồ-tát hữu sở ngôn thuyết 。
Nếu hành niệm tương ứng với Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát này có nói ra điều gì

亦與般若波羅蜜相應。何以故。是菩薩有所言說。

diệc dĩ Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng 。 hà dĩ cố 。 thị Bồ-tát hữu sở ngôn thuyết 。
cũng tương xứng với Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Những điều đợc Bồ-tát này nói

皆隨順般若波羅蜜念。有所念亦隨順言說。

giai tùy thuận Bát-nhã Ba-la-mật niệm 。 hữu sở niệm diệc tùy thuận ngôn thuyết 。
đều thuận theo niệm Bát-nhã Ba-la-mật, cái được niệm cũng hợp với lời nói.

菩薩常應如是晝夜念。般若波羅蜜。須菩提。

Bồ-tát thường ứng như thị trú dạ niệm 。 Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu-bồ-đề 。
Bồ-tát thường nên ngày đêm niệm Bát-nhã Ba-la-mật như thế. Tu-bồ-đề,

譬如人得未曾有寶。得已大喜而復還失。

thí như nhân được vị tăng hữu bảo 。 được dĩ Đại hỷ nhi phục hoàn thất 。
ví như người được vật báu chưa từng có, được rồi rất vui, nhưng rồi lại mất.

以是因緣憂愁苦惱。其心常念。

dĩ thị nhân duyên ưu sầu khổ não 。 kỳ tâm thường niệm 。

Vì nhân duyên này mà buồn bã khổ não. Tâm người ấy thường nghĩ

我今如何失此大寶。須菩提。菩薩亦如是。大寶者。

ngã kim như hà thất thử Đại bảo 。 Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát diệc như thị 。 Đại bảo giả 。

làm sao nay ta lại làm mất vật báu lớn này. Tu-bồ-đề, Bồ-tát cũng như thế, vật báu lớn

是般若波羅蜜。菩薩得是已。

thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 Bồ-tát được thị dĩ 。

là Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát được nó rồi,

常應以應薩婆若心念般若波羅蜜。須菩提白佛言。世尊。

thường ứng dĩ ứng tát bà nhược tâm niệm Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu-bồ-đề bạch Phật
ngôn 。 Thế tôn 。

thường nên dùng tâm Nhất thiết trí để niệm Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế
tôn,

若一切念。從本已來性常離者。

nhược nhất thiết niệm 。 tòng bốn dĩ lai tính thường ly giả 。
nếu tất cả các niệm, từ xưa đến nay, tính thường rời bỏ,

云何說言不應離是應般若波羅蜜念。須菩提。

vân hà thuyết ngôn bất ứng ly thị ứng Bát-nhã Ba-la-mật niệm 。 Tu-bồ-đề 。
tại sao lời nói không nên rời niệm tương ứng với Bát-nhã Ba-la-mật này? Tu-bồ-đề,

若菩薩能如是知。即不離般若波羅蜜。何以故。

nhược Bồ-tát năng như thị tri 。 tức bất ly Bát-nhã Ba-la-mật 。 hà dĩ cố 。
nếu Bồ-tát có thể biết như thế, tức không rời Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao?

般若波羅蜜空。是中無有退失。世尊。若般若波羅蜜空。

Bát-nhã Ba-la-mật không 。 thị trung vô hữu thoái thất 。 Thế tôn 。 nhược Bát-nhã Ba-
la-mật không 。

Bát-nhã Ba-la-mật là Không, trong đó không có lui mất. Thế tôn, nếu Bát-nhã Ba-la-mật là
Không,

菩薩云何以般若波羅蜜而得增長。

Bồ-tát vân hà dĩ át nhã Ba-la-mật nhi được tăng trưởng 。

tại sao Bồ-tát dùng Bát-nhã Ba-la-mật mà được tăng trưởng?

云何亦得近於阿耨多羅三藐三菩提。須菩提。

vân hà diệc được cận ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Tại sao cũng được gần với Vô thượng Chính đẳng Chính giác? Tu-bồ-đề,

菩薩行般若波羅蜜。亦無增無減。須菩提。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

diệc vô tăng vô giảm 。

Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật cũng không thêm không bớt. Tu-bồ-đề,

若菩薩聞是說。不驚不怖不沒不退。

nhược Bồ-tát văn thị thuyết 。

bất kinh bất phố bất một bất thoái 。

nếu Bồ-tát nghe nói điều này mà không khiếp, không sợ, không mất, không lui,

當知是菩薩行般若波羅蜜。世尊。般若波羅蜜空相。

đương tri thị Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 Thế tôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật không tướng
。

nên biết đó là Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật. Thế tôn, tướng Không của Bát-nhã Ba-la-
mật

是行般若波羅蜜不。不也須菩提。世尊。

thị hành Bát-nhã Ba-la-mật bất 。 bất dã Tu-bồ-đề 。 Thế tôn 。
có phải là hành Bát-nhã Ba-la-mật? Không, Tu-bồ-đề. Thế tôn,

離般若波羅蜜。更有法行般若波羅蜜不。不也須菩提。

ly Bát-nhã Ba-la-mật 。 canh hữu Pháp hành Bát-nhã Ba-la-mật bất 。 bất dã Tu-bồ-đề
。

có phải rời Bát-nhã Ba-la-mật lại có pháp hành Bát-nhã Ba-la-mật? Không, Tu-bồ-đề.

世尊。空可行空不。不也須菩提。世尊。

Thế tôn 。 không khả hành không bất 。 bất dã Tu-bồ-đề 。 Thế tôn 。

Thế tôn, có phải Không có thể hành Không? Không, Tu-bồ-đề. Thế tôn,

離空可行空不。不也須菩提。世尊。

ly không khả hành không bất 。 bất dã Tu-bồ-đề 。 Thế tôn 。

có phải rời Không có thể hành Không? Không, Tu-bồ-đề. Thế tôn,

行色是行般若波羅蜜不。不也須菩提。世尊。

hành sắc thị hành Bát-nhã Ba-la-mật bất 。 bất dã Tu-bồ-đề 。 Thế tôn 。

có phải hành sắc là hành Bát-nhã Ba-la-mật? Không, Tu-bồ-đề. Thế tôn,

行受想行識是行般若波羅蜜不。不也須菩提。世尊。

hành thọ tướng hành thức thị hành Bát-nhã Ba-la-mật bất 。 bất dã Tu-bồ-đề 。 Thế tôn
。

có phải hành thọ, tướng, hành, thức, là hành Bát-nhã Ba-la-mật? Không, Tu-bồ-đề. Thế
tôn,

離色有法可行般若波羅蜜不。不也須菩提。世尊。

ly sắc hữu Pháp khả hành Bát-nhã Ba-la-mật bất 。 bất dã Tu-bồ-đề 。 Thế tôn 。
có phải rời sắc có pháp có thể hành Bát-nhã Ba-la-mật? Không, Tu-bồ-đề. Thế tôn,

離受想行識有法可行般若波羅蜜不。

ly thọ tướng hành thức hữu Pháp khả hành Bát-nhã Ba-la-mật bất 。
có phải rời thọ, tướng, hành, thức, có pháp có thể hành Bát-nhã Ba-la-mật?

不也須菩提。世尊。菩薩云何行名為行般若波羅蜜。

bất dã Tu-bồ-đề 。 Thế tôn 。 Bồ-tát vân hà hành danh vi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。
Không, Tu-bồ-đề. Thế tôn, Bồ-tát hành như thế nào gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật?

須菩提。於意云何。汝見有法行般若波羅蜜不。

Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。 nhữ kiến hữu Pháp hành Bát-nhã Ba-la-mật bất 。
Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Ông thấy có pháp hành Bát-nhã Ba-la-mật không?

不也世尊。須菩提。

bất dã Thế tôn 。 Tu-bồ-đề 。

Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề,

汝見般若波羅蜜法是菩薩行處不也世尊。須菩提。於意云何。

nhữ kiến Bát-nhã Ba-la-mật Pháp thị Bồ-tát hành xứ bất bất dã Thế tôn 。 Tu-bồ-đề 。

ư ý vân hà 。

ông thấy pháp Bát-nhã Ba-la-mật là chỗ hành của Bồ-tát sao? Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề,
ý ông thế nào?

汝所不見法頗有生不。不也世尊。須菩提。

nhữ sở bất kiến Pháp pha hữu sinh bất 。 bất dã Thế tôn 。 Tu-bồ-đề 。

Ông không thấy pháp có thể sinh sao? Không, Thế tôn. Tu-bồ-đề,

是名諸佛無生法忍。菩薩能成就如是忍者。

thị danh chư Phật vô sinh Pháp nhẫn 。 Bồ-tát năng thành tựu như thị nhẫn giả 。

đó gọi là Vô sinh pháp nhẫn của chư Phật. Bồ-tát có thể thành tựu nhẫn như thế,

當得受阿耨多羅三藐三菩提記。

đương được thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。

sẽ được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

須菩提是名諸佛無所畏道。菩薩行是道修習親近。

Tu-bồ-đề thị danh chư Phật vô sở úy đạo 。 Bồ-tát hành thị đạo tu tập thân cận 。

Tu-bồ-đề, đó gọi là đạo Vô sở úy của chư Phật. Bồ-tát hành đạo này, tu tập, gần gũi,

若當不得佛無上智大智自然智一切智如來智。

nhược đương bất được Phật vô thượng trí Đại trí tự nhiên trí nhất thiết trí Như-Lai trí

。

nếu không được Vô thượng trí, Đại trí, Tự nhiên trí, Nhất thiết trí, Như Lai trí của Phật,

無有是處。世尊。一切法無生。

vô hữu thị xử 。

thì không có chuyện này. Thế tôn, tất cả các pháp không sinh,

以是得受阿耨多羅三藐三菩提記不。不也須菩提。世尊。

dĩ thị được thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí bất 。

。

có phải vì thế mà được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác? Không, Tu-bồ-đề. Thế

tôn,

今云何名為得受阿耨多羅三藐三菩提記。

kim vân hà danh vi được thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。
nay làm thế nào gọi là được thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác?

須菩提。於意云何。

Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。

Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?

汝見有法受阿耨多羅三藐三菩提記不。不也世尊。

nhữ kiến hữu Pháp thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí bất 。 bất dã Thế tôn 。

Ông thấy có pháp thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác không? Không, Thế tôn.

我不見有法受阿耨多羅三藐三菩提記。亦不見所用法。

ngã bất kiến hữu Pháp thọ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。 diệc bất kiến sở
dụng Pháp 。

Con không thấy có pháp thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cũng không thấy pháp
được dùng,

亦不見所得法。須菩提。如是一切法不可得。

diệc bất kiến sở được Pháp 。

Tu-bồ-đề 。 như thị nhất thiết Pháp bất khả được 。

cũng không thấy pháp được đắc. Tu-bồ-đề, tất cả các pháp như thế không thể đắc.

不應作是言。是法可得。是所用法可得。

bất ứng tác thị ngôn 。

thị Pháp khả được 。

thị sở dụng Pháp khả được 。

Không nên nói rằng pháp này có thể đắc, pháp được dùng này có thể đắc.

爾時釋提桓因在大會中。白佛言。世尊。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân tại Đại hội trung 。

bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân ở trong đại hội bạch Phật: Thế tôn,

般若波羅蜜甚深難見難解。畢竟離故。

Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm nan kiến nan giải 。 tất cánh ly cố 。
Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, khó thấy, khó hiểu, vì rời bỏ hoàn toàn.

若人聞是般若波羅蜜。書寫受持讀誦。

nhược nhân văn thị Bát-nhã Ba-la-mật 。 thư tả thọ trì đọc tụng 。
Nếu người nghe Bát-nhã Ba-la-mật này, biên chép, thọ trì, đọc tụng,

當知是人福德不少。憍尸迦。於意云何。

đương tri thị nhân phúc đức bất thiếu 。 Kiêu-thi-ca 。 ư ý vân hà 。
nên biết người này phước đức không ít. Kiêu-thi-ca, ý ông thế nào?

假令閻浮提所有眾生。成就十善道。其所得福。不若是人。

giả lệnh Diêm-phù-đề sở hữu chúng sinh 。 thành tựu Thập thiện đạo 。 kỳ sở được phúc
。 bất như thị nhân 。

Giả sử khiến chúng sinh ở Diêm-phù-đề thành tựu mười Thiện đạo, thì phước họ có được
không bằng người

聞是般若波羅蜜書寫受持讀誦。百分不及一。

văn thị Bát-nhã Ba-la-mật thư tả thọ trì đọc tụng 。 bách phân bất cập nhất 。
nghe Bát-nhã Ba-la-mật này, biên chép, thọ trì, đọc tụng như thế; trăm phần không bằng
một,

百千萬億分不及一。

bách thiên vạn ức phân bất cập nhất 。
trăm ngàn vạn ức phần không bằng một,

乃至算數譬喻所不能及。時有一比丘。語釋提桓因言。憍尸迦。

nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập 。 thời hữu nhất bỉ khâu 。 ngữ thích đề hoàn
nhân ngôn 。 Kiêu-thi-ca 。

cho tới tính đếm, thí dụ cũng không thể bằng. Lúc đó có một Tỷ-khưu nói với Thích-đề-
hoàn-nhân: Kiêu-thi-ca,

如是善男子善女人。勝於仁者。釋提桓因言。

như thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 thắng ư nhân giả 。 thích đề hoàn nhân ngôn
。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân như thế hơn cả Nhân giả. Thích-đề-hoàn-nhân nói:

此人一發心頃尚勝於我。

thử nhân nhất phát tâm khoảnh thượng thắng ư ngã 。

Người này, trong một sát na phát tâm, còn hơn cả ta;

何況得聞般若波羅蜜。書寫受持讀誦如所說行。

hà huống đượ văn Bát-nhã Ba-la-mật 。

thư tả thọ trì đọc tụng như sở thuyết hành 。

huống là đượ nghe Bát-nhã Ba-la-mật, biên chép, thọ trì, đọc tụng, hành như như điều đượ nói.

是人於一切世間天人阿修羅中。最為殊勝。

thị nhân ư nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La trung 。

Người này ở trong tất cả thế gian, Trời, người, A-tu-la, là thù thắng nhất.

菩薩行般若波羅蜜。不但勝於一切世間天人阿修羅。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không chỉ hơn tất cả thế gian, Trời, người, A-tu-la,

亦勝須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢辟支佛。

diệc thắng Tu đà hoàn Tư đà hàm A na hàm A-la-hán Bích chi Phật 。

mà còn hơn cả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích Chi.

菩薩行般若波羅蜜。不但勝須陀洹乃至辟支佛。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không chỉ hơn Tu-đà-hoàn cho tới Phật Bích Chi,

亦勝菩薩離般若波羅蜜無方便行檀波羅蜜。

diệc thắng Bồ-tát ly Bát-nhã ba la mật vô phương tiện hành đàn Ba-la-mật。
mà còn hơn cả Bồ-tát, rời Bát-nhã Ba-la-mật, không có phương tiện mà hành Bồ thí Ba-la-mật;

不但勝離般若波羅蜜無方便行檀波羅蜜。

bất đãn thắng ly Bát-nhã Ba-la-mật vô phương tiện hành đàn ba la mật 。
không chỉ hơn rời Bát-nhã Ba-la-mật, không có phương tiện mà hành Bồ thí Ba-la-mật,

亦勝離般若波羅蜜無方便行尸羅波羅蜜羼提波羅蜜毘梨耶波羅蜜禪波羅蜜。

diệc thắng ly Bát-nhã Ba-la-mật vô phương tiện hành Thi-La Ba-la-mật Sạn-Đề Ba-la-mật Bì-lê-Da Ba-la-mật Thiền Ba-la-mật 。
mà còn hơn cả lìa Bát-nhã Ba-la-mật, không có phương tiện mà hành Trí giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật.

如是菩薩最為殊勝。

như thị Bồ-tát tối vi thù thắng 。
Bồ-tát như thế là thù thắng nhất.

若菩薩隨般若波羅蜜所說行者。皆勝一切世間天人阿修羅。

nhược Bồ-tát tùy Bát-nhã Ba-la-mật sở thuyết hành giả 。 giai thắng nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La 。
Nếu Bồ-tát theo Bát-nhã Ba-la-mật được nói mà hành thì đều hơn tất cả thế gian, Trời, người, A-tu-la.

一切世間天人阿修羅。皆應恭敬供養。

nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La 。 giai ứng cung kính cung dưỡng 。
Tất cả thế gian, Trời, người, A-tu-la đều nên cung kính, cúng dường.

若菩薩行隨般若波羅蜜所教行者。

nhược Bồ-tát hành tùy Bát-nhã Ba-la-mật sở giáo hành giả 。

Nếu Bồ-tát hành theo Bát-nhã Ba-la-mật được dạy mà hành,

是菩薩不斷一切種智。是菩薩近阿耨多羅三藐三菩提。

thị Bồ-tát bất đoạn nhất thiết chủng trí 。

。

Bồ-tát này không dứt Nhất thiết chủng trí, Bồ-tát này gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

是菩薩必坐道場。是菩薩拯濟沒溺生死眾生。

thị Bồ-tát tất tọa đạo trường 。

Bồ-tát này chắc chắn ngồi ở đạo tràng. Bồ-tát này cứu vớt chúng sinh chìm đắm trong sinh tử.

菩薩如是學。名為學般若波羅蜜。

Bồ-tát như thị học 。

Bồ-tát học như thế gọi là học Bát-nhã Ba-la-mật.

如是學名為不學聲聞辟支佛。

như thị học danh vi bất học thanh văn Bích chi Phật 。

Học như thế gọi là không học Thanh văn, Phật Bích Chi.

若菩薩如是學時四天王持四鉢至其所。作是言。善男子。

nhược Bồ-tát như thị học thời tứ Thiên Vương trì tứ bát chí kỳ sở 。

thiện nam tử 。

Nếu lúc Bồ-tát học như thế thì bốn Thiên vương cầm bốn bình bát đến chỗ ấy, nói rằng:

Thiện nam tử,

汝疾學得阿耨多羅三藐三菩提坐道場時。

nhữ tạt học được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tọa đạo trường thời 。
ông sớm học được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, lúc ngồi đạo tràng,

我等當奉此四鉢。世尊。我亦自往問訊。何況餘諸天子。

ngã đẳng đương phụng thủ tứ bát 。 Thế tôn 。 ngã diệc tự vãng vấn tấ 。 hà huống
dư chư Thiên tử 。

chúng tôi sẽ dâng bốn bình bát này. Thế tôn, con cũng tự đến hỏi han, huống là các Thiên
tử khác.

菩薩學般若波羅蜜者。諸佛常共護念。

Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật giả 。 chư Phật thường cộng hộ niệm 。

Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật thường được chư Phật cùng hộ niệm.

世間眾生種種苦惱。是菩薩能隨行般若波羅蜜故。

thế gian chúng sinh chủng chủng khổ não 。 thị Bồ-tát năng tùy hành Bát-nhã Ba-la-mật
cố 。

Các loại khổ não của chúng sinh trong thế gian, vì Bồ-tát này có thể hành theo Bát-nhã
Ba-la-mật,

無是諸苦。世尊。是菩薩現世功德。

vô thị chư khổ 。 Thế tôn 。 thị Bồ-tát hiện thế công đức 。

nên không có các khổ này. Thế tôn, đó là công đức đời này của Bồ-tát.

爾時阿難作是念。是釋提桓因。

nhĩ thời A-nan tác thị niệm 。 thị thích đề hoàn nhân 。

Bấy giờ, A-nan nghĩ thế này: Thích-đề-hoàn-nhân này

自以智慧力如是說耶。為是佛神力。釋提桓因知阿難心所念。

tự dĩ trí tuệ lực như thị thuyết da 。 vi thị Phật Thần lực 。 thích đề hoàn nhân tri A-
nan tâm sở niệm 。

tự dùng lực trí tuệ mà nói như thế, hay là thần lực Phật? Thích-đề-hoàn-nhân biết suy nghĩ của A-nan,

語阿難言。皆是佛神力。佛告阿難。

ngữ A-nan ngôn 。 giai thị Phật Thần lực 。 Phật cáo A-nan 。

nói với A-nan: Đều là thần lực của Phật. Phật bảo A-nan:

如是如是阿難。如釋提桓因所說。皆是佛神力。阿難。

như thị như thị A-nan 。 như thích đề hoàn nhân sở thuyết 。 giai thị Phật Thần lực 。

A-nan 。

Đúng vậy, đúng vậy, A-nan. Như lời Thích-đề-hoàn-nhân nói, đều là thần lực của Phật. A-nan,

菩薩學般若波羅蜜修習般若波羅蜜時。

Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật tu tập Bát-nhã Ba-la-mật thời 。

lúc Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật, tu tập Bát-nhã Ba-la-mật,

三千大千世界諸魔皆生疑惑。

tam Thiên Đại Thiên thế giới chư Ma giai sinh nghi hoặc 。

các Ác ma trong Tam thiên đại thiên thế giới đều sinh nghi ngờ:

是菩薩為當中道證實墮聲聞辟支佛地。

thị Bồ-tát vi đương trung đạo chứng thật tế đọa thanh văn tích chi Phật địa 。

Bồ-tát này nửa đường chứng Thực tế, rơi vào địa Thanh văn, Phật Bích Chi,

為當直至阿耨多羅三藐三菩提。

vi đương trực chí a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

hay thẳng đến Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma Ha Bát-nhã Ba-la-mật

恭敬菩薩品第二十一

cung kính Bồ-tát phẩm đệ nhị thập nhất

Phẩm 21: Cung Kính Bồ-tát

佛告阿難。若菩薩不離般若波羅蜜行。

Phật cáo A-nan 。 nhược Bồ-tát bất ly Bát-nhã Ba-la-mật hành 。

Phật bảo A-nan: Nếu Bồ-tát hành mà không rời Bát-nhã Ba-la-mật,

爾時惡魔憂惱如箭入心。放大雨雹雷電霹靂。

nhĩ thời ác Ma ưu não như tiến nhập tâm 。

thì bấy giờ Ác ma buồn bã như tên đâm vào tim, phóng ra mưa to, mưa đá, sấm chớp, sét đánh thành linh,

欲令菩薩驚怖毛豎其心退沒於阿耨多羅三

dục lệnh Bồ-tát kinh phổ mao thọ kỳ tâm thoái một ư a nậu đa-la tam

muốn làm cho Bồ-tát khiếp sợ, lông tóc dựng đứng, tâm lui đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

藐三菩提。乃至一念錯亂。阿難。

miểu tam bồ đề 。

cho tới một niệm thác loạn. A-nan,

惡魔不必普欲惱亂一切菩薩。世尊。

ác Ma bất tất phổ dục não loạn nhất thiết Bồ-tát 。

Ác ma không hẳn muốn não loạn tất cả các Bồ-tát. Thế tôn,

何等菩薩為惡魔所亂。阿難。有菩薩先世聞說深般若波羅蜜。

hà đẳng Bồ-tát vi ác Ma sở loạn 。

những Bồ-tát nào bị Ác ma làm loạn? A-nan, có Bồ-tát, ở đời trước nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa,

不能信受。如是之人惡魔惱亂而得其便。

bất năng tín thọ 。 như thị chi nhân ác Ma não loạn nhi được kỳ tiện 。
không thể tin nhận. Người như thế, Ác ma làm não loạn tức có thể làm được.

復次阿難。若菩薩聞深般若波羅蜜時心生疑惑。

phục thứ A-nan 。 nhược Bồ-tát văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật thời tâm sinh nghi hoặc
。

Lại nữa, A-nan. Nếu Bồ-tát lúc nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa mà tâm sinh nghi ngờ

有是深般若波羅蜜耶無耶。阿難。

hữu thị thâm Bát-nhã Ba-la-mật da vô da 。 A-nan 。
có hay không có Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa. A-nan,

如是菩薩亦為惡魔之所得便。復次阿難。

như thị Bồ-tát diệc vi ác Ma chi sở được tiện 。 phục thứ A-nan 。
Bồ-tát như thế cũng dễ bị Ác ma làm loạn. Lại nữa, A-nan,

有菩薩離善知識。為惡知識所得。

hữu Bồ-tát ly thiện tri thức 。 vi ác tri thức sở được 。
có Bồ-tát rời thiện tri thức, bị ác tri thức nắm được,

是人不聞深般若波羅蜜中義。以不聞故不知不見。

thị nhân bất văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật trung nghĩa 。 dĩ bất văn cố bất tri bất kiến
。

người này không nghe được nghĩa trong Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa. Vì không nghe nên
không biết không thấy

云何應行般若波羅蜜。云何應修般若波羅蜜。阿難。

vân hà ứng hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 vân hà ứng tu Bát-nhã Ba-la-mật 。 A-nan 。
nên hành Bát-nhã Ba-la-mật như thế nào, nên tu Bát-nhã Ba-la-mật như thế nào. A-nan,

是人亦為惡魔得便。復次阿難。若菩薩受持邪法。

thị nhân diệc vi ác Ma được tiện 。 phục thứ A-nan 。 nhược Bồ-tát thọ trì tà Pháp 。
người này cũng dễ bị Ác ma làm loạn. Lại nữa, A-nan. Nếu Bồ-tát thọ trì pháp tà,

是人亦為惡魔得便。惡魔作是念。

thị nhân diệc vi ác Ma được tiện 。 ác Ma tác thị niệm 。
thì người này cũng dễ bị Ác ma làm loạn. Ác ma nghĩ thế này:

是人助我亦令餘人助我。亦能滿我所願。阿難。

thị nhân trợ ngã diệc lệnh dư nhân trợ ngã 。 diệc năng mãn ngã sở nguyện 。 A-
nan 。

Người này giúp ta, cũng khiến người khác giúp ta, cũng có thể làm ta mãn nguyện. A-nan,

是人亦為惡魔得便。復次阿難。

thị nhân diệc vi ác Ma được tiện 。 phục thứ A-nan 。
người này cũng dễ bị Ác ma làm loạn. Lại nữa, A-nan.

菩薩云何為惡魔得便。若菩薩聞深般若波羅蜜。語餘菩薩言。

Bồ-tát vân hà vi ác Ma được tiện 。 nhược Bồ-tát văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 ngữ
dư Bồ-tát ngôn 。

Vì sao Bồ-tát dễ bị Ác ma làm loạn? Nếu Bồ-tát nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, nói với
Bồ-tát khác rằng

是般若波羅蜜甚深。我等猶尚不能得底。

thị Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm 。 ngã đẳng do thượng bất năng được đế 。

Bát-nhã Ba-la-mật này sâu xa. Chúng tôi còn không thể hiểu hết,

汝等何用聞為。是人亦為惡魔得便。阿難。

nhữ đấng hà dụng văn vi 。 thị nhân diệc vi ác Ma được tiện 。 A-nan 。
các ông nghe mà làm gì. Người này cũng dễ bị Ác ma làm loạn. A-nan,

若菩薩輕餘菩薩言。我是遠離行者。

nhược Bồ-tát khinh dư Bồ-tát ngôn 。 ngã thị viễn li hành giả 。
nếu Bồ-tát xem nhẹ Bồ-tát khác, nói rằng ta là người hành sự rời bỏ,

汝等無此功德。爾時惡魔。甚大歡喜踊躍。阿難。

nhữ đấng vô thử công đức 。 nhĩ thời ác Ma 。 thậm Đại hoan hỉ dũng dục 。 A-nan
。

các ông không có công đức này. Bấy giờ, Ác ma rất vui mừng, sung sướng. A-nan,

若有眾菩薩為惡魔稱其名字。得是名字故。

nhược hữu chúng Bồ-tát vi ác Ma xưng kỳ danh tự 。 được thị danh tự cố 。
nếu có chúng Bồ-tát được Ác ma khen ngợi tiếng tăm; vì được tiếng tăm này

輕餘清淨善心菩薩。

khinh dư thanh tịnh thiện tâm Bồ-tát 。

mà xem thường Bồ-tát có tâm lành, trong sạch khác.

是等無有阿毘跋致菩薩功德相貌。而假託阿毘跋致功德增長煩惱。

thị đấng vô hữu A-tì bạt trí Bồ-tát công đức tướng mạo 。 nhi giả thác A-tì bạt trí công
đức tăng trưởng phiền não 。

Những người như thế không có tướng mạo, công đức của Bồ-tát Bất thoái; nếu có nương
nhờ công đức bất thoái, cũng chỉ tăng trưởng phiền não,

自高其身而下他人。作是言。

tự cao kỳ thân nhi hạ tha nhân 。 tác thị ngôn 。

tự đề cao thân mình, hạ thấp người khác, mà nói rằng

我有所功德汝無是事。爾時惡魔即大歡喜。作是念。

ngã hữu sở công đức nhữ vô thị sự 。 nhĩ thời ác Ma tức Đại hoan hỷ 。 tác thị niệm 。
ta có công đức, ông không có chuyện này. Bây giờ, Ác ma rất vui mừng, nghĩ rằng

我之宮殿。則為不空。增益地獄餓鬼畜生。

ngã chi cung điện 。 tắc vi ất không 。 tăng ích Địa-ngục ngạ quỷ súc sinh 。
cung điện của ta tức không trống rỗng, làm đầy thêm cho địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

惡魔加其神力故。是人所語人皆信受。信受已。

ác Ma gia kỳ Thần lực cố 。 thị nhân sở ngữ nhân giai tín thọ 。 tín thọ dĩ 。
Vì nhờ Ác ma tăng thêm thần lực của nó nên lời nói của người này đều được mọi người tin
nhận; tin nhận rồi,

隨所見學隨所說行。隨所見學隨所說行已。

tùy sở kiến học tùy sở thuyết hành 。 tùy sở kiến học tùy sở thuyết hành dĩ 。
theo điều được thấy mà học, theo điều được nói mà hành. Theo điều được thấy mà học,
theo điều được nói mà hành rồi,

亦復增益煩惱。如是人等以顛倒心故。

diệc phục tăng ích phiền não 。 như thị nhân đẳng dĩ điên đảo tâm cố 。
cũng lại tăng thêm phiền não. Những người như thế, vì tâm điên đảo,

所起身口意業果報皆苦。以是因緣故。

sở khởi thân khẩu ý nghiệp quả báo giai khổ 。 dĩ thị nhân duyên cố 。
có khởi các nghiệp thân, miệng, ý thì quả báo đều khổ. Vì nhân duyên này,

增益地獄餓鬼畜生。阿難。惡魔見是利益亦大歡喜。

tăng ích Địa-ngục ngạ quỷ súc sinh 。 A-nan 。 ác Ma kiến thị lợi ích diệc Đại hoan hỷ
。

càng làm đầy thêm địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. A-nan, Ác ma thấy sự lợi ích này cũng rất
vui mừng.

阿難。若求佛道者。與聲聞人共諍。

A-nan 。 nhược cầu Phật đạo giả 。 dữ thanh văn nhân cộng tránh 。

A-nan, nếu người cầu Phật đạo cùng với người Thanh văn tranh cãi,

惡魔復作是念。是人雖遠離薩婆若。而不大遠。阿難。

ác Ma phục tác thị niệm 。 thị nhân tuy viễn li tát bà nhược 。 nhi bất Đại viễn 。 A-nan 。

Ác ma lại nghĩ thế này: Người này, tuy xa rời Nhất thiết trí, nhưng chưa xa lắm. A-nan,

若菩薩共菩薩諍。惡魔即大歡喜作是念。

nhược Bồ-tát cộng Bồ-tát tránh 。

nếu Bồ-tát cùng Bồ-tát tranh cãi, thì Ác ma rất vui mừng, nghĩ thế này:

是人兩離薩婆若遠。阿難。

thị nhân lưỡng ly tát bà nhược viễn 。

Hai người này đều rời Nhất thiết trí. A-nan,

若不得受記菩薩瞋恨受記者。而共諍競惡口罵詈。

nhược bất được thọ kí Bồ-tát sân hận thọ kí giả 。

nếu Bồ-tát không được thọ ký tức giận người được thọ ký mà tranh cãi, nói lời ác, mắng chửi;

若愛惜薩婆若。隨其起念一念却一劫。

nhược ái tích tát bà nhược 。

nếu có mến tiếc Nhất thiết trí, thì tùy theo niệm khởi của mình, cứ một niệm là một kiếp,

爾乃還得發大莊嚴。阿難白佛言。世尊。

nhĩ nãi hoàn được phát Đại trang nghiêm 。

A-nan bạch Phật: Thế tôn, mới có thể phát khởi trở lại Đại trang nghiêm. A-nan bạch Phật: Thế tôn,

如是罪者可得悔不。要當畢其隨念劫數。爾乃還得發大莊嚴。

như thị tội giả khả được hối bất 。 yếu đương tất kỳ tùy niệm kiếp số 。 nhĩ nãi hoàn được phát Đại trang nghiêm 。

người có tội như thế có thể hối cải không? Có cần phải đợi hết số kiếp tùy niệm của mình thì mới phát khởi trở lại Đại trang nghiêm?

佛言。有出我說菩薩聲聞皆有出罪法。

Phật ngôn 。 hữu xuất ngã thuyết Bồ-tát thanh văn giai hữu xuất tội Pháp 。

Phật dạy: Có ra khỏi. Ta nói Bồ-tát, Thanh văn đều có pháp ra khỏi tội,

不說無出。阿難。若菩薩共菩薩諍。

bất thuyết vô xuất 。 A-nan 。 nhược Bồ-tát cộng Bồ-tát tranh 。

mà không nói không có ra khỏi. A-nan, nếu Bồ-tát cùng Bồ-tát tranh cãi,

惡口罵詈不相悔謝結恨在心。我不說此人有出罪法。

ác khẩu mạ lị bất tương hối tạ kết hận tại tâm 。 ngã bất thuyết thử nhân hữu xuất tội Pháp 。

nói lời ác, mắng chửi, không xin lỗi nhau, kết hận trong lòng, thì Ta không nói người này có pháp ra khỏi tội.

是人若愛惜薩婆若畢其隨念劫數。

thị nhân nhược ái tích tát bà nhược tất kỳ tùy niệm kiếp số 。

Người này nếu mến tiếc Nhất thiết trí thì khi hết số kiếp tùy niệm của mình

亦復還得發大莊嚴。阿難。若菩薩共菩薩諍。

diệc phục hoàn được phát Đại trang nghiêm 。

A-nan 。 nhược Bồ-tát cộng Bồ-tát tranh 。

惡口罵詈即相悔謝後不復作。作是念。

ác khẩu mạ lị tức tương hối tạ hậu bất phục tác 。

nói lời ác, mắng chửi, liềm xin lỗi nhau, về sau không phạm lại, nghĩ thế này:

我應謙下一切眾生。我若瞋諍加報於人則為大失。

ngã ứng khiêm hạ nhất thiết chúng sinh 。 ngã nhược sân tránh gia báo ư nhân tác vi Đại thất 。

Ta nên hạ mình trước tất cả chúng sinh. Nếu ta giận dữ, tranh cãi, trả thù lại người, tức là lỗi lớn.

我應當為一切眾生而作橋梁。我尚不應輕汝他人。

ngã ứng đương vi nhất thiết chúng sinh nhi tác kiều lương 。

ngã thượng bất ứng khinh nữ tha nhân 。

Ta nên vì tất cả chúng sinh mà làm cầu cống. Ta còn không nên xem thường các ông, người khác,

何況加報。應如聾瘡。不應自壞深心。

hà huống gia báo 。

ứng như lung 瘡。bất ứng tự hoại thâm tâm 。

huống là trả thù; nên như kẻ câm điếc, không nên tự hoại thâm tâm.

我得阿耨多羅三藐三菩提時當度是等。

ngã được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời đương độ thị đẳng 。

Khi ta được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, sẽ độ thoát những người này;

云何加忿自起瞋礙。阿難。求菩薩道者。

vân hà gia phẫn tự khởi sân ngại 。

A-nan 。

cầu Bồ-tát đạo giả 。

tại sao lại căm hờn, tự khởi sân làm chướng ngại? A-nan, người cầu đạo Bồ-tát,

於聲聞人乃至不應生於瞋礙。阿難白佛言。世尊。

ư thanh văn nhân nãi chí bất ứng sinh ư sân ngại 。

A-nan bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

đối với hàng Thanh văn, cũng không nên sinh sân làm chướng ngại. A-nan bạch Phật:
Thế tôn,

菩薩與菩薩共住其法云何。佛言。

Bồ-tát dữ Bồ-tát cộng trụ kỳ Pháp vân hà 。 Phật ngôn 。

Làm thế nào Bồ-tát cùng với Bồ-tát trụ ở pháp ấy? Phật dạy:

相視當如佛想。是我大師。同載一乘共一道行。

tương thị đương như Phật tưởng 。 thị ngã Đại sư 。 đồng tải nhất thừa cộng nhất đạo hành 。

Nhìn thấy nhau như tưởng nhớ Phật. Đây là Đại sư của ta, cùng đi trên một Thừa, cùng hành trên một Đạo.

如彼所學我亦應學。彼若雜行非我所學。

như bỉ sở học ngã diệc ứng học 。 bỉ nhược tạp hành phi ngã sở học 。

Giống như điều người kia học, ta cũng nên học. Nếu người kia hành tạp loạn, thì không phải điều ta học.

若彼清淨學應薩婆若念我亦應學。菩薩若如是學。

nhược bỉ thanh tịnh học ứng tát bà nhược niệm ngã diệc ứng học 。 Bồ-tát nhược như thị học 。

Nếu người kia thanh tịnh học niệm tương ứng với Nhất thiết trí thì ta cũng nên học. Nếu Bồ-tát học như thế

是名同學。爾時須菩提白佛言。世尊。

thị danh đồng học 。 nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。 thì gọi là cùng học. Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

若菩薩為盡學則學薩婆若。為無生學為離學為滅學。

nhược Bồ-tát vi tận học tắc học tát bà nhược 。 vi vô sinh học vi ly học vi diệt học 。

nếu Bồ-tát muốn học thấu đáo, tức học Nhất thiết trí; muốn học Vô sinh, học rời bỏ, học diệt,

則學薩婆若。佛告須菩提。如汝所說。

tắc học tát bà nhược 。 Phật cáo Tu-bồ-đề 。 như nữ sở thuyết 。
tức học Nhất thiết trí. Phật bảo Tu-bồ-đề: Như điều ông nói,

菩薩為盡學則學薩婆若。

Bồ-tát vi tận học tắc học tát bà nhược 。

Bồ-tát muốn học thấu đáo, tức học Nhất thiết trí;

為無生學為離學為滅學。則學薩婆若者。須菩提。於意云何。

vi vô sinh học vi ly học vi diệt học 。 tắc học tát bà nhược giả 。 Tu-bồ-đề 。 ư ý
vân hà 。

muốn học Vô sinh, học rời bỏ, học diệt, tức học Nhất thiết trí. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?

如來以如得名如來。是如非盡非離非滅耶。

Như-Lai dĩ như được danh Như-Lai 。 thị như phi tận phi ly phi diệt da 。

Như Lai vì Như nên được gọi là Như Lai. Có phải Như này không cùng tận, không rời bỏ,
không diệt?

如是世尊。須菩提。如是學者名為學薩婆若。

như thị Thế tôn 。 Tu-bồ-đề 。 như thị học giả danh vi học tát bà nhược 。

Đúng vậy, Thế tôn. Tu-bồ-đề, học như thế gọi là học Nhất thiết trí;

學薩婆若為學般若波羅蜜。

học tát bà nhược vi học Bát-nhã Ba-la-mật 。

học Nhất thiết trí là học Bát-nhã Ba-la-mật,

學佛地十力四無所畏十八不共法。須菩提。菩薩如是學者。

học Phật địa thập lực tứ vô sở úy thập bát bất cộng Pháp 。 Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát như
thị học giả 。

học mười lực, bốn vô úy, mười tám pháp bất cộng của Phật địa. Tu-bồ-đề, Bồ-tát học như thế,

則到諸學彼岸。如是學者。魔若魔民不能降伏。

tắc đáo chư học bỉ ngạn 。 như thị học giả 。 Ma nhược Ma dân bất năng hàng phục 。

tức đến bờ kia của các việc học. Người học như thế thì Ma, hoặc dân của Ma không thể hàng phục được.

如是學者疾得阿毘跋致。如是學者疾坐道場。

như thị học giả tật được A tì bạt trí 。 như thị học giả tật tọa đạo trường 。

Người học như thế sớm được Không thoái chuyển. Người học như thế sớm ngồi đạo tràng.

如是學者學自行處。如是學者學救護法。

như thị học giả học tự hành xứ 。

Người học như thế là học chỗ hành của mình. Người học như thế là học pháp cứu hộ.

如是學者學大慈大悲。

như thị học giả học Đại từ Đại bi 。

Người học như thế là học đại từ, đại bi.

如是學者學三轉十二相法輪。如是學者學度眾生。

như thị học giả học tam chuyển thập nhị tướng Pháp luân 。

Người học như thế là học mười hai tướng của ba lần chuyển Pháp luân. Người học như thế là học độ chúng sinh.

如是學者學不斷佛種。如是學者學開甘露門。須菩提。

như thị học giả học bất đoạn Phật chủng 。

Tu-bồ-đề 。

Người học như thế là học không đứt hạt giống Phật. Người học như thế là học mở cửa Cam lộ. Tu-bồ-đề,

凡夫下劣不能如是學。

phàm phu hạ liệt bất năng như thị học 。

phàm phu thấp kém không thể học như thế.

欲調御一切眾生者能如是學。須菩提。菩薩如是學者。

dục điều ngự nhất thiết chúng sinh giả năng như thị học 。

Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát như thị học giả 。

Người muốn điều phục tất cả chúng sinh có thể học như thế. Tu-bồ-đề, Bồ-tát học như thế

不墮地獄畜生餓鬼。不生邊地。如是學者不生旃陀羅家。

bất đọa Địa-ngục súc sinh nạ quỷ 。

bất sinh biên địa 。

như thị học giả bất sinh chiêm đà la gia 。

không rơi vào địa ngục, nạ quỷ, súc sinh, không sinh vùng biên giới. Người học như thế không sinh vào nhà Chiêm-đà-la,

不生竹草作家。不生除糞人家。

bất sinh trúc thảo tác gia 。

bất sinh trừ phân nhân gia 。

không sinh vào nhà làm bằng tre, cỏ, không sinh vào nhà người hốt phân,

不生諸餘貧賤之家。須菩提。菩薩如是學者。

bất sinh chư dư bần tiện chi gia 。

Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát như thị học giả 。

không sinh vào các nhà nghèo hèn khác. Tu-bồ-đề, Bồ-tát học như thế,

不盲不瞎不瞶眼。不瘞短不聾啞。不頑鈍不形殘。

bất manh bất hạt bất lai nhãn 。

bất toạ đoản bất lung ách 。

bất ngoan độn bất hình tàn 。

không đui, không mù, không lé mắt, không mùt nhọn, không điếc, câm, không ngu đần, không tàn tật,

身根具足。須菩提。菩薩如是學者。不奪他命。

thân căn cụ túc 。 Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát như thị học giả 。 bất đoạt tha mạng 。
căn thân đầy đủ. Tu-bồ-đề, Bồ-tát học như thế, không lấy mạng người khác,

不盜他物。不邪淫。不妄語。不兩舌。不惡口。

bất đạo tha vật 。 bất tà dâm 。 bất vọng ngữ 。 bất lượng thiệt 。 bất ác khẩu 。
không trộm vật người khác, không tà dâm, không nói sai, không nói hai lưỡi, không nói ác,

不無益語。不貪嫉。不瞋惱。不邪見。不邪命活。

bất vô ích ngữ 。 bất tham tật 。 bất sân não 。 bất tà kiến 。 bất tà mạng hoạt 。
không nói lời vô ích, không tham ganh, không giận phẫn, không tà kiến, không sống bằng
nghề bất chính,

不畜邪見眷屬。不畜破戒眷屬。須菩提。

bất súc tà kiến quyến chúc 。 bất súc phá giới quyến chúc 。 Tu-bồ-đề 。
không nuôi quyến thuộc tà kiến, không nuôi quyến thuộc phá giới. Tu-bồ-đề,

菩薩如是學者。不生長壽夭。何以故。菩薩成就方便故。

Bồ-tát như thị học giả 。 bất sinh trường thọ Thiên 。 hà dĩ cố 。 Bồ-tát thành tựu phương
tiện cố 。

Bồ-tát học như thế, không sinh cõi trời Trường thọ. Vì sao? Vì Bồ-tát thành tựu phương
tiện.

何等為方便。所謂從般若波羅蜜起。

hà đẳng vi phương tiện 。 sở vị tòng Bát-nhã Ba-la-mật khởi 。

Những gì là Phương tiện? Đó là từ Bát-nhã Ba-la-mật khởi.

雖能入禪而不隨禪生。須菩提。菩薩如是學者。

tuy năng nhập Thiền nhi bất tùy Thiền sinh 。 Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát như thị học giả 。

Tuy có thể vào thiền nhưng không theo thiền mà sinh. Tu-bồ-đề, Bồ-tát học như thế,

得佛清淨力清淨無畏。世尊。

được Phật thanh tịnh lực thanh tịnh vô úy 。 Thế tôn 。
được lực thanh tịnh, vô úy thanh tịnh của Phật. Thế tôn,

若一切法本淨相者。菩薩復得何等清淨法。佛言。如是如是。

nhược nhất thiết Pháp bổn tịnh tướng giả 。 Bồ-tát phục được hà đẳng thanh tịnh Pháp
。 Phật ngôn 。 như thị như thị 。

nếu tướng của tất cả pháp vốn thanh tịnh thì Bồ-tát lại được những pháp thanh tịnh nào?
Phật dạy: Đúng thế, đúng thế.

須菩提。一切法本清淨相。

Tu-bồ-đề 。 nhất thiết Pháp bổn thanh tịnh tướng 。

Tu-bồ-đề, tướng của tất cả pháp vốn thanh tịnh.

菩薩於是本淨相法中。行般若波羅蜜。不驚不怖不沒不退。

Bồ-tát ư thị bổn tịnh tướng Pháp trung 。 hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 bất kinh bất phố
bất một bất thoái 。

Bồ-tát, ở trong pháp tướng thanh tịnh này, hành Bát-nhã Ba-la-mật, không khiếp, không
sợ, không mất, không lui;

是名清淨般若波羅蜜。須菩提。

thị danh thanh tịnh Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu-bồ-đề 。

đó gọi là Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh. Tu-bồ-đề,

凡夫不知不見一切法本清淨相。是故菩薩發勤精進。

phàm phu bất tri bất kiến nhất thiết Pháp bổn thanh tịnh tướng 。

phàm phu không biết, không thấy tướng của tất cả pháp vốn thanh tịnh. Vì thế, Bồ-tát
siêng năng phát khởi tinh tấn,

於是中學。得清淨諸力諸無畏。須菩提。

ư thị trung học 。 được thanh tịnh chư lực chư vô úy 。 Tu-bồ-đề 。

ở trong đó mà học để được các lực, các vô úy thanh tịnh. Tu-bồ-đề,

菩薩如是學者。悉能通達一切眾生心心所行。須菩提。

Bồ-tát như thị học giả 。 tất năng thông đạt nhất thiết chúng sinh tâm tâm sở hạnh 。

Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát học như thế đều có thể thông đạt sự vận hành của tâm, tâm sở của tất cả chúng sinh. Tu-bồ-đề,

譬如少所地出閻浮檀金。眾生聚中。

thí như thiếu sở địa xuất diêm-phù-đàn kim 。

ví như ít có đất cho ra vàng cỏi Diêm-phù-đề, trong các chúng sinh

亦少能如是學般若波羅蜜。

diệc thiếu năng như thị học Bát-nhã Ba-la-mật 。

cũng ít ai có thể học Bát-nhã Ba-la-mật như thế.

譬如眾生少有能起轉輪王業。多有能起諸小王業。如是須菩提。

thí như chúng sinh thiếu hữu năng khởi chuyển luân Vương nghiệp 。

Ví như chúng sinh ít ai có thể khởi nghiệp Chuyển luân vương, phần nhiều chỉ có thể khởi các nghiệp tiểu vương. Đúng thế, Tu-bồ-đề.

少有眾生能行般若波羅蜜道。

thiểu hữu chúng sinh năng hành Bát-nhã Ba-la-mật đạo 。

Ít có chúng sinh có thể hành đạo Bát-nhã Ba-la-mật;

多有發聲聞辟支佛乘。須菩提。

đa hữu phát thanh văn Bích chi Phật thừa 。

phần nhiều chỉ phát các thừa Thanh văn, Phật Bích Chi. Tu-bồ-đề,

少有眾生能學阿耨多羅三藐三菩提心者。於學阿耨多羅三藐三菩提中。

thiểu hữu chúng sinh năng học a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm giả 。 ư học a nậu
đa la tam miệu tam Bồ-Đề trung 。

ít có chúng sinh có thể học tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Trong việc học Vô
thượng Chính đẳng Chính giác,

少能如說行者。於如說行中。

thiểu năng như thuyết hành giả 。 ư như thuyết hành trung 。

ít ai có thể hành như điều được nói. Trong việc hành như điều được nói,

少能隨學般若波羅蜜者。於隨學中。少能得阿毘跋致者。

thiểu năng tùy học Bát-nhã Ba-la-mật giả 。 ư tùy học trung 。 thiểu năng được A ti bạt
trí giả 。

ít ai có thể theo học Bát-nhã Ba-la-mật. Trong việc theo học này, ít ai có thể được Không
thoái chuyển.

是故須菩提。菩薩欲在少中之少。

thị cố Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát dục tại thiểu trung chi thiểu 。

Vì thế, Tu-bồ-đề, Bồ-tát muốn ở trong số ít của số ít,

當學般若波羅蜜。修習般若波羅蜜。

đương học Bát-nhã Ba-la-mật 。 tu tập Bát-nhã Ba-la-mật 。

thì nên học Bát-nhã Ba-la-mật, tu tập Bát-nhã Ba-la-mật.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật

無慳煩惱品第二十二

vô khan phiền não phẩm đệ nhị thập nhị

Phẩm 22: Phiền Não Không Keo Kiệt Không có Phiền Não Keo kiệt

佛告須菩提。若菩薩如是學般若波羅蜜。

Phật cáo Tu-bồ-đề 。 nhược Bồ-tát như thị học Bát-nhã Ba-la-mật 。

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật như thế,

則不生煩惱心。不生慳心。不生破戒心。

tắc bất sinh phiền não tâm 。 bất sinh khan tâm 。 bất sinh phá giới tâm 。

không sinh tâm phiền não, không sinh tâm keo kiệt, không sinh tâm phá giới,

不生瞋惱心。不生懈怠心。不生散亂心。

bất sinh sân não tâm 。 bất sinh giải đãi tâm 。 bất sinh tán loạn tâm 。

không sinh tâm phiền giận, không sinh tâm biếng nhác, không sinh tâm tán loạn,

不生愚癡心。須菩提。菩薩如是學。皆攝諸波羅蜜。

bất sinh ngu si tâm 。 Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát như thị học 。 giai nhiếp chư Ba-la-mật 。

không sinh tâm ngu si. Tu-bồ-đề, Bồ-tát học như thế đều bao gồm các Ba-la-mật.

須菩提。譬如六十二見皆攝在身見中。須菩提。

Tu-bồ-đề 。 thí như lục thập nhị kiến giai nhiếp tại thân kiến trung 。

Tu-bồ-đề, ví như sáu mươi hai kiến đều thuộc về Thân kiến. Tu-bồ-đề,

菩薩學般若波羅蜜時。皆攝諸波羅蜜。

Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật thời 。

Bồ-tát, khi học Bát-nhã Ba-la-mật, đều bao gồm các Ba-la-mật.

譬如人死。命根滅故諸根皆滅。如是須菩提。

thí như nhân tử 。

Ví như người chết, vì mạng căn diệt nên các căn khác đều diệt. Đúng thế, Tu-bồ-đề.

菩薩學般若波羅蜜。皆攝諸波羅蜜。是故須菩提。

Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật đều bao gồm các Ba-la-mật. Vì thế, Tu-bồ-đề,

菩薩若欲攝諸波羅蜜。當學般若波羅蜜。

Bồ-tát nhược dục nhiếp chư Ba-la-mật 。 đương học Bát-nhã Ba-la-mật 。
nếu Bồ-tát muốn bao gồm các Ba-la-mật thì nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

須菩提。菩薩學般若波羅蜜。

Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật 。

Tu-bồ-đề, Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật

即於一切眾生中最高上首。須菩提。於意云何。

tức ư nhất thiết chúng sinh trung tối vi thượng thủ 。 Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。
là bậc cao nhất trong tất cả chúng sinh. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?

三千大千世界眾生。寧為多不。世尊。閻浮提眾生尚多。

tam Thiên Đại Thiên thế giới chúng sinh 。 ninh vi đa bất 。 Thế tôn 。 Diêm-phù-đề
chúng sinh thượng đa 。

Chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới có nhiều không? Thế tôn, chúng sinh ở
Diêm-phù-đề còn nhiều,

何況三千大千世界。須菩提。

hà huống tam Thiên Đại Thiên thế giới 。 Tu-bồ-đề 。

huống là ở Tam thiên đại thiên thế giới. Tu-bồ-đề,

是眾生皆為菩薩。

thị chúng sinh giai vi Bồ-tát 。

chúng sinh này đều là Bồ-tát.

若有一人盡形壽供養衣服飲食臥具醫藥。須菩提。於意云何。

nhược hữu nhất nhân tận hình thọ cung dưỡng y phục ẩm thực ngọa cụ y dược 。

Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。

Nếu có một người suốt đời cúng dường áo quần, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?

是人以是因緣得福多不。甚多甚多世尊。須菩提。

thị nhân dĩ thị nhân duyên được phúc đa bất 。 thậm đa thậm đa Thế tôn 。 Tu-bồ-đề 。

Người này nhờ nhân duyên này mà được nhiều phước không? Rất nhiều, rất nhiều, Thế tôn. Tu-bồ-đề,

若有菩薩如彈指頃。修習般若波羅蜜。福勝於彼。如是須菩提。

nhược hữu Bồ-tát như đạn chỉ khoảnh 。 tu tập Bát-nhã Ba-la-mật 。 phúc thắng ư bỉ 。

nếu có Bồ-tát, trong khoảng gảy móng tay, tu tập Bát-nhã Ba-la-mật thì phước nhiều hơn người kia. Đúng thế, Tu-bồ-đề.

般若波羅蜜大利益諸菩薩。

Bát-nhã Ba-la-mật Đại lợi ích chư Bồ-tát 。

Bát-nhã Ba-la-mật rất lợi ích cho các Bồ-tát,

能助阿耨多羅三藐三菩提。是故須菩提。

năng trợ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

thị cố Tu-bồ-đề 。

có thể giúp Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì thế, Tu-bồ-đề,

若菩薩欲得阿耨多羅三藐三菩提。

nhược Bồ-tát dục được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

nếu Bồ-tát muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

欲於一切眾生中為無上者。欲為一切眾生作救護。欲得具足佛法。

dục ư nhất thiết chúng sinh trung vi vô thượng giả 。

dục vi nhất thiết chúng sinh tác cứu hộ 。

muốn làm bậc cao nhất trong tất cả chúng sinh, muốn vì tất cả chúng sinh mà cứu hộ,
muốn được đầy đủ Phật pháp,

欲得佛所行處。欲得佛所遊戲。

dục được Phật sở hạnh xử 。 dục được Phật sở du hí 。
muốn được chỗ hành của Phật, muốn được sự du hí của Phật,

欲得佛師子吼。欲得三千大千世界大會講法。

dục được Phật Sư-tử hống 。 dục được tam Thiên Đại Thiên thế giới Đại hội giảng
Pháp 。

muốn được tiếng hét Sư tử của Phật, muốn được giảng pháp ở hội lớn trong Tam thiên đại
thiên thế giới,

當學般若波羅蜜。須菩提。

đương học Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu-bồ-đề 。

我不見菩薩學般若波羅蜜不得如是具足之利。世尊。

ngã bất kiến Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật bất được như thị cụ túc chi lợi 。

是菩薩亦得具足聲聞利耶。須菩提。菩薩亦學具足聲聞利。

thị Bồ-tát diệc được cụ túc thanh văn lợi da 。

Bồ-tát này cũng được đầy đủ lợi ích của Thanh văn sao? Tu-bồ-đề, Bồ-tát cũng học lợi ích
đầy đủ của Thanh văn,

但不願住聲聞法中。欲具足諸功德。

đãn bất nguyện trú thanh văn Pháp trung 。

必皆能知。但不於中住。作是念。

tất giai năng tri 。 đăn bất ư trung trụ 。 tác thị niệm 。
thầy đều có thể biết, nhưng không trú trong đó mà nghĩ rằng

我亦當說是聲聞功德教化眾生。若菩薩如是學者。

ngã diệc đương thuyết thị thanh văn công đức giáo hóa chúng sinh 。 nhược Bồ-tát
như thị học giả 。

ta cũng sẽ nói về công đức của Thanh văn này để giáo hóa chúng sinh. Nếu Bồ-tát học
như thế,

能為一切世間天人阿修羅作福田於聲聞辟支

năng vi nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La tác phúc điền ư thanh văn tích chi
có thể vì tất cả thế gian, Trời, người, A-tu-la, mà làm ruộng phước, so với ruộng phước của
Thanh văn, Phật Bích Chi

佛福田為最殊勝。

Phật phúc điền vi tối thù thắng 。

thì rất thù thắng.

菩薩如是學者得近薩婆若。不捨般若波羅蜜。不離般若波羅蜜。

Bồ-tát như thị học giả được cận tát bà nhược 。

bất xả Bát-nhã Ba-la-mật 。

bất ly
Bồ-tát học như thế được gần Nhất thiết trí, không bỏ Bát-nhã Ba-la-mật, không rời Bát-nhã
Ba-la-mật.

菩薩如是行般若波羅蜜。名為不退於薩婆若。

Bồ-tát như thị hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

danh vi bất thoái ư tát bà nhược 。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật như thế, gọi là không thối lui đối với Nhất thiết trí,

遠聲聞辟支佛地。近阿耨多羅三藐三菩提。

viễn thanh văn tích chi Phật địa 。 cận a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。
xa rời các địa Thanh văn, Phật Bích Chi, gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

是菩薩若作是念。此是般若波羅蜜。

thị Bồ-tát nhược tác thị niệm 。 thử thị Bát-nhã Ba-la-mật 。
Bồ-tát này nếu nghĩ rằng Bát-nhã Ba-la-mật này,

是某般若波羅蜜當得薩婆若。如是亦分別。

thị mỗ Bát-nhã Ba-la-mật đương đợc tát bà nhược 。 như thị diệc phân biệt 。
Bát-nhã Ba-la-mật kia sẽ đợc Nhất thiết trí, thì như thế cũng là phân biệt;

即不行般若波羅蜜。若菩薩不分別般若波羅蜜。

tức bất hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 nhược Bồ-tát bất phân biệt Bát-nhã Ba-la-mật 。
tức không hành Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ-tát không phân biệt Bát-nhã Ba-la-mật,

不見般若波羅蜜不言此是般若波羅蜜。

bất kiến Bát-nhã Ba-la-mật bất ngôn thử thị Bát-nhã Ba-la-mật 。
không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, không nói Bát-nhã Ba-la-mật này,

是某般若波羅蜜當得薩婆若。

thị mỗ Bát-nhã Ba-la-mật đương đợc tát bà nhược 。
Bát-nhã Ba-la-mật kia sẽ đợc Nhất thiết trí,

如是亦不見不聞不覺不知。即行般若波羅蜜。

như thị diệc bất kiến bất văn bất giác bất tri 。 tức hành Bát-nhã Ba-la-mật 。
cũng không thấy, không nghe, không hay, không biết như thế; tức hành Bát-nhã Ba-la-
mật.

爾時釋提桓因作是念。是菩薩行般若波羅蜜。尚勝一切眾生。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân tác thị niệm 。 thị Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 thượng
thắng nhất thiết chúng sinh 。

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân nghĩ rằng Bồ-tát này hành Bát-nhã Ba-la-mật mà còn hơn tất cả chúng sinh,

何況得阿耨多羅三藐三菩提。

hà huống được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

huống là được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

若人樂聞般若。是人為得大利。壽命中最。

nhược nhân lạc văn Bát-nhã 。

thị nhân vi được Đại lợi 。

thọ mạng trung tối 。

Nếu có người thích nghe Bát-nhã, thì người này được lợi lớn, sống lâu nhất,

何況能發阿耨多羅三藐三菩提心。

hà huống năng phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm 。

huống là có thể phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

是人則為世間之所貪慕。是人當得調御眾生。爾時釋提桓因。

thị nhân tắc vi thế gian chi sở tham mộ 。

thị nhân đương được điều ngự chúng sinh 。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân 。

Người này tức được thế gian mến mộ, người này sẽ điều phục được chúng sinh. Bấy giờ,

Thích-đề-hoàn-nhân

化作曼陀羅華。滿掬散佛上。作是言。世尊。

hóa tác Mạn-đà-la hoa 。

mãn cúc tán Phật thượng 。

tác thị ngôn 。

Thế tôn 。

hóa ra hoa mạn-đà-la, rải khắp trên Phật, nói thế này: Thế tôn,

若有人發阿耨多羅三藐三菩提心者。

nhược hữu nhân phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm giả 。

nếu có người phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

願令具足佛法。具足薩婆若。具足自然法。

nguyện lệnh cụ túc Phật Pháp 。

cụ túc tất bà nhược 。

cụ túc tự nhiên Pháp 。

nguyện cho đầy đủ Phật pháp, đầy đủ Nhất thiết trí, đầy đủ pháp tự nhiên,

具足無漏法。世尊。

cụ túc vô lậu Pháp 。 Thế tôn 。

đầy đủ pháp vô lậu. Thế tôn,

我乃至不生一念欲使發阿耨多羅三藐三菩提心者有退轉。世尊。

ngã nãi chí bất sinh nhất niệm dục sử phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm giả hữu thoái chuyển 。

Thế tôn 。

dù cho một niệm con cũng không muốn làm cho người phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác thối lui.

我見生死之中有諸苦惱。不生一念欲使菩薩有退轉者。

ngã kiến sinh tử chi trung hữu chư khổ não 。

bất sinh nhất niệm dục sử Bồ-tát hữu thoái chuyển giả 。

Con thấy trong sinh tử có các khổ não, nên dù chỉ một niệm cũng không muốn làm cho Bồ-tát thối lui.

我亦為阿耨多羅三藐三菩提。當勤行精進。

ngã diệc vi a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

đương tinh cần hành tinh tấn 。

Con cũng vì Vô thượng Chính đẳng Chính giác mà chuyên cần, cố gắng.

何以故。是人等能發如是心。

hà dĩ cố 。

thị nhân đẳng năng phát như thị tâm 。

Vì sao? Những người này có thể phát tâm thế này

則大利益一切世間。我自得度當度未度者。

tắc Đại lợi ích nhất thiết thế gian 。

ngã tự được độ đương độ vị độ giả 。

tức rất lợi ích cho tất cả thế gian: ta tự được độ, sẽ độ người chưa độ;

我自得脫當脫未脫者。我自得安當安未安者。

ngã tự được thoát đương thoát vị thoát giả 。 ngã tự được an đương an vị an giả 。
ta tự được giải thoát sẽ giải thoát người chưa giải thoát; ta tự được an ổn, sẽ làm an ổn
người chưa an ổn;

我自滅度當度未滅度者。世尊。

ngã tự diệt độ đương độ vị diệt độ giả 。 Thế tôn 。
ta tự diệt độ, sẽ độ người chưa diệt độ. Thế tôn,

若人於初發心菩薩隨喜。若於行六波羅蜜。若於阿毘跋致。

nhược nhân ư sơ phát tâm Bồ-tát tùy hỷ 。 nhược ư hành lục ba la mật 。 nhược ư A tì
bạt trí 。

nếu người tùy hỷ với Bồ-tát mới phát tâm, với hành sáu Ba-la-mật, với Không thoái
chuyển,

若於一生補處隨喜。是人為得幾所福德。憍尸迦。

nhược ư Nhất-sinh-bổ-xứ tùy hỷ 。 thị nhân vi được ki sở phúc đức 。 Kiêu-thi-ca 。

nếu tùy hỷ với vị đời sau sẽ thành Phật, thì người này được bao nhiêu phước đức? Kiêu-
thi-ca,

須彌山王尚可稱量。是人隨喜福德不可稱量。

Tu-Di sơn Vương thượng khả xưng lượng 。 thị nhân tùy hỷ phúc đức bất khả xưng
lượng 。

vua núi Tu-di còn có thể cân lường, nhưng tùy hỷ phước đức của người này thì không thể
cân lường.

憍尸迦。三千大千世界尚可稱量。

Kiêu-thi-ca 。

tam Thiên Đại Thiên thế giới thượng khả xưng lượng 。

Kiêu-thi-ca, Tam thiên đại thiên thế giới còn có thể cân lường,

是人隨喜福德不可稱量。釋提桓因白佛言。世尊。

thị nhân tùy hỷ phúc đức bất khả xưng lượng 。 thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。
Thế tôn 。

nhược nhân bất năng ư thị chư tâm tùy hỷ giả 。 tắc vi Ma chi sở trú 。

nếu người không thể tùy hỷ với các tâm này, tức có dính líu đến Ma,

若人不能於是諸心隨喜者。則為魔之所著。

nhược nhân bất năng ư thị chư tâm tùy hỷ giả 。 tắc vi Ma chi sở trú 。

nếu người không thể tùy hỷ với các tâm này, tức có dính líu đến Ma,

當知是為魔之眷屬。不能於是諸心隨喜者。

đương tri thị vi Ma chi quyến chúc 。 bất năng ư thị chư tâm tùy hỷ giả 。

nên biết đó là bà con của Ma. Người không thể tùy hỷ với các tâm này,

當知是人於魔天命終來生此間。何以故。

đương tri thị nhân ư Ma Thiên mạng chung lai sinh thử gian 。 hà dĩ cố 。

nên biết người này chết ở cõi trời của Ma, sinh đến cõi này. Vì sao?

是諸心皆能破諸魔事。是人隨喜福德。

thị chư tâm giai năng phá chư Ma sự 。

Các tâm này đều có thể phá các việc của Ma. Phước đức tùy hỷ của người này

應迴向阿耨多羅三藐三菩提。

ứng hồi hướng a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

nên hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

若人發阿耨多羅三藐三菩提心者。則為不捨佛不捨法不捨僧。

nhược nhân phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm giả 。

tắc vi bất xả Phật bất xả Pháp bất xả tăng 。

Nếu người phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, tức không bỏ Phật, không bỏ Pháp, không bỏ Tăng.

以是故。應於是諸心而生隨喜。

dĩ thị cố 。 ứng ư thị chư tâm nhi sinh tùy hỷ 。

Vì thế nên sinh tùy hỷ với các tâm này.

如是如是憍尸迦。若人於是諸心隨喜。

như thị như thị Kiêu-thi-ca 。 nhược nhân ư thị chư tâm tùy hỷ 。

Đúng thế, đúng thế, Kiêu-thi-ca. Nếu người tùy hỷ với các tâm này,

當知是人疾得值佛。是人以是隨喜福德善根故在所生處。

đương tri thị nhân tậ được trị Phật 。 thị nhân dĩ thị tùy hỷ phúc đức thiện căn cố tại sở sinh xử 。

nên biết người này sớm được gặp Phật. Người này nhờ thiện căn tùy hỷ phước đức này nên nơi sinh ra

常得供養恭敬尊重讚歎。不聞諸惡音聲。

thường được cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán 。 bất văn chư ác âm thanh 。

thường được cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, không nghe các âm thanh ác,

亦不墮於諸惡道中。常生天上。何以故。是人隨喜。

diệc bất đọa ư chư ác đạo trung 。 thường sinh Thiên thượng 。 hà dĩ cố 。 thị nhân tùy hỷ 。

cũng không rơi vào các đường ác, thường sinh lên trời. Vì sao? Người này tùy hỷ

為欲利益無量無邊眾生故。

vi dục lợi ích vô lượng vô biên chúng sinh cố 。

vì muốn làm lợi ích vô lượng vô biên chúng sinh.

是隨喜心漸漸增長。能至阿耨多羅三藐三菩提。

thị tùy hỷ tâm tiệm tiệm tăng trưởng 。 năng chí a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Tâm tùy hỷ này dần dần lớn thêm, có thể đến Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

是人得阿耨多羅三藐三菩提時。當滅度無量眾生。

thị nhân được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề thời 。 đương diệt độ vô lượng chúng sinh 。

Khi người này được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, sẽ diệt độ vô lượng chúng sinh.

憍尸迦。以是因緣當知是人。

Kiêu-thi-ca 。 dĩ thị nhân duyên đương tri thị nhân 。

Kiêu-thi-ca, nhờ nhân duyên này nên biết người này

於是諸心隨喜者。即是利益無量無邊眾生善根故隨喜。

ư thị chư tâm tùy hỷ giả 。 tức thị lợi ích vô lượng vô biên chúng sinh thiện căn cố tùy hỷ 。

tùy hỷ với các tâm này, tức là thiện căn làm lợi ích vô lượng vô biên chúng sinh cho nên tùy hỷ.

須菩提白佛言。世尊。是心如幻。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 thị tâm như huyễn 。

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn, tâm này như huyễn,

云何能得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提。於意云何。

vân hà năng được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 Tu-bồ-đề 。 ư ý vân hà 。

làm sao có thể được Vô thượng Chính đẳng Chính giác? Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?

汝見是人心如幻不。不也世尊。我不見是心如幻。

nhữ kiến thị nhân tâm như huyễn bất 。 bất dã Thế tôn 。 ngã bất kiến thị tâm như huyễn 。

Ông thấy tâm người này như huyễn không? Không, Thế tôn. Con không thấy tâm này như huyễn.

於意云何。若不見是幻。不見如幻心。

ư ý vân hà 。 nhược bất kiến thị huyễn 。 bất kiến như huyễn tâm 。

Ý ông thế nào? Nếu không thấy là huyễn, không thấy tâm như huyễn,

離幻離如幻心。

ly huyễn ly như huyễn tâm 。

xa rời huyễn, xa rời tâm như huyễn,

更見有法可得阿耨多羅三藐三菩提不。不也世尊。離幻離如幻心。

canh kiến hữu Pháp khả được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề bất 。

bất dã Thế tôn 。

ly huyễn ly như huyễn tâm 。

lại thấy có pháp có thể được Vô thượng Chính đẳng Chính giác sao? Không, Thế tôn. Xa rời huyễn, xa rời tâm như huyễn,

更不見法得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。若我不見異法。

canh bất kiến Pháp được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Thế tôn 。

nhược ngã bất kiến dị Pháp 。

cũng không thấy pháp được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thế tôn, nếu con không thấy pháp khác,

當說何法若有若無。世尊。若法畢竟離。

đương thuyết hà Pháp nhược hữu nhược vô 。

Thế tôn 。

nhược Pháp tất cánh ly 。

thì sẽ nói pháp nào là có, pháp nào là không? Thế tôn, nếu pháp rốt cùng là xa rời,

即不在有無。若法畢竟離。

tức bất tại hữu vô 。

nhược Pháp tất cánh ly 。

tức không ở có hoặc không. Nếu pháp rốt cùng là xa rời,

是法不得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。

thị Pháp bất được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Thế tôn 。

pháp này không được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thế tôn,

無所有法亦不能得阿耨多羅三藐三菩提。是故般若波羅蜜畢竟離。

vô sở hữu Pháp diệc bất năng được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 thị cố Bát-nhã Ba-la-mật tất cánh ly 。

không có pháp cũng không thể được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì thế, Bát-nhã Ba-la-mật rốt cùng là xa rời.

若法畢竟離。則不可修習如是法者。

nhược Pháp tất cánh ly 。

tắc bất khả tu tập như thị Pháp giả 。

Nếu pháp rốt cùng là xa rời, tức không thể tu tập. Pháp như thế

不能生餘法。般若波羅蜜畢竟離故。世尊。

bất năng sinh dư Pháp 。

Bát-nhã Ba-la-mật tất cánh ly cố 。

Thế tôn 。

không thể sinh pháp khác, vì Bát-nhã Ba-la-mật rốt cùng là xa rời. Thế tôn,

般若波羅蜜畢竟離。云何能得阿耨多羅三藐三菩提。

Bát-nhã Ba-la-mật tất cánh ly 。

vân hà năng được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Bát-nhã Ba-la-mật rốt cùng là xa rời, làm sao có thể được Vô thượng Chính đẳng Chính giác?

阿耨多羅三藐三菩提亦畢竟離。

a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề diệc tất cánh ly 。

Vô thượng Chính đẳng Chính giác rốt cùng cũng xa rời,

云何以離得離。佛言。善哉善哉。須菩提。

vân hà dĩ ly được ly 。

Phật ngôn 。

Thiện tai Thiện tai 。

Tu-bồ-đề 。

làm sao lấy xa rời để được cái xa rời? Phật dạy: Lành thay! Lành thay! Tu-bồ-đề.

般若波羅蜜畢竟離。阿耨多羅三藐三菩提亦畢竟離。

Bát-nhã Ba-la-mật tất cánh ly 。

a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề diệc tất cánh ly 。

Bát-nhã Ba-la-mật rốt cùng là xa rời, Vô thượng Chính đẳng Chính giác rốt cùng cũng xa rời.

以是因緣故。能得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提。

dĩ thị nhân duyên cố 。 năng được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 Tu-bồ-đề 。
Vì nhân duyên này nên có thể được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề,

若般若波羅蜜非畢竟離者。

nhược Bát-nhã Ba-la-mật phi tất cánh ly giả 。
nếu Bát-nhã Ba-la-mật rốt cùng không phải là xa rời,

則非般若波羅蜜。如是須菩提。亦不離般若波羅蜜。

tắc phi Bát-nhã Ba-la-mật 。 như thị Tu-bồ-đề 。 diệc bất ly Bát-nhã Ba-la-mật 。
tức không phải là Bát-nhã Ba-la-mật. Đúng thế, Tu-bồ-đề. Cũng không xa rời Bát-nhã Ba-
la-mật

得阿耨多羅三藐三菩提。亦不以離得離。

được a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 diệc bất dĩ ly được ly 。
mà được Vô thượng Chính đẳng Chính giác; cũng không lấy xa rời để được cái xa rời.

小品般若波羅蜜經

tiểu phẩm Bát-nhã Ba-la-mật Kinh

Kinh Tiểu Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật

卷第九

quyển đệ cửu

Quyển IX

稱揚菩薩品第二十三

xưng dương Bồ-tát phẩm đệ nhị thập tam

Phẩm 23: Xưng Dương Bồ-tát

爾時須菩提白佛言。世尊。

nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

菩薩行般若波羅蜜。即是行甚深義。如是如是。須菩提。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 tức thị hành thậm thâm nghĩa 。 như thị như thị 。 Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật tức là hành nghĩa sâu xa. Đúng thế, đúng thế, Tu-bồ-đề.

菩薩行般若波羅蜜。即是行甚深義須菩提。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 tức thị hành thậm thâm nghĩa Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật tức là hành nghĩa sâu xa. Tu-bồ-đề,

菩薩所為甚難。行甚深義而不證是義。

Bồ-tát sở vi thậm nan 。 hành thậm thâm nghĩa nhi bất chứng thị nghĩa 。
việc làm của Bồ-tát rất khó. Hành nghĩa sâu xa nhưng không chứng nghĩa này;

所謂若聲聞地若辟支佛地。世尊。如我解佛所說義。

sở vi nhược thanh văn địa nhược tích chi Phật địa 。 Thế tôn 。 như ngã giải Phật sở
thuyết nghĩa 。

đó là, địa Thanh văn hoặc địa Phật Bích Chi. Thế tôn, theo con hiểu nghĩa được Phật nói,

菩薩所行不難。何以故。取證者不可得。

Bồ-tát sở hạnh bất nan 。 hà dĩ cố 。 thủ chứng giả bất khả đắc 。

hành của Bồ-tát không khó. Vì sao? Người thủ chứng không thể có,

所用取證法亦不可得。所證法亦不可得。

sở dụng thủ chứng Pháp diệc bất khả đắc 。

sở chứng Pháp diệc bất khả đắc 。

若菩薩聞如是說。不驚不怖不沒不退。

nhược Bồ-tát văn như thị thuyết 。

Nếu Bồ-tát nghe nói như thế mà không kinh, không sợ, không mất, không lui,

當知是菩薩行般若波羅蜜。亦不見我行般若波羅蜜。

đương tri thị Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 diệc bất kiến ngã hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

thì nên biết Bồ-tát này hành Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không thấy mình hành Bát-nhã Ba-la-mật.

如是亦不分別。

như thị diệc bất phân biệt 。

Như thế cũng không phân biệt,

當知是菩薩近阿耨多羅三藐三菩提。遠離聲聞辟支佛地。世尊。譬如虛空。

đương tri thị Bồ-tát cận a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 viễn li thanh văn tích chi Phật địa 。 Thế tôn 。 thí như hư không 。

nên biết Bồ-tát này gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác, xa rời các địa Thanh văn, Phật Bích Chi. Thế tôn, ví như hư không

不作是念是遠是近。何以故。虛空無分別故。世尊。

bất tác thị niệm thị viễn thị cận 。 hà dĩ cố 。 hư không vô phân biệt cố 。

Thế tôn 。

không nghĩ là xa hay gần. Vì sao? Vì hư không không có phân biệt. Thế tôn,

般若波羅蜜亦如是。不作是念。

Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。

bất tác thị niệm 。

Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế, không nghĩ rằng

聲聞辟支佛地去我遠。阿耨多羅三藐三菩提去我近。

thanh văn tích chi Phật địa khứ ngã viễn 。

a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề khứ ngã cận 。

các địa Thanh văn, Phật Bích Chi cách xa ta, Vô thượng Chính đẳng Chính giác gần ta.

何以故。般若波羅蜜無分別故。世尊。

hà dĩ cố 。 Bát-nhã Ba-la-mật vô phân biệt cố 。 Thế tôn 。
Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật không phân biệt. Thế tôn,

譬如幻所化人。不作是念。幻師去我近觀者去我遠。

thí như huyễn sở hóa nhân 。 bất tác thị niệm 。 huyễn sư khứ ngã cận quán giả khứ
ngã viễn 。

ví như người được huyễn hóa không nghĩ rằng thầy huyễn gần ta, người xem cách xa ta.

何以故。世尊。幻所化人無分別故。世尊。

hà dĩ cố 。 Thế tôn 。 huyễn sở hóa nhân vô phân biệt cố 。 Thế tôn 。

Vì sao? Thế tôn, vì người được huyễn hóa không có phân biệt. Thế tôn,

般若波羅蜜亦如是不作是念。

Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị bất tác thị niệm 。

Bát-nhã Ba-la-mật cũng thế, không nghĩ rằng

聲聞辟支佛地去我遠。阿耨多羅三藐三菩提去我近。

thanh văn tích chi Phật địa khứ ngã viễn 。

a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề khứ ngã cận 。

何以故。般若波羅蜜無分別故。世尊。譬如影。

hà dĩ cố 。 Bát-nhã Ba-la-mật vô phân biệt cố 。 Thế tôn 。

Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật không có phân biệt. Thế tôn, ví như bóng

不作是念。所因去我近餘事去我遠。何以故。

bất tác thị niệm 。

không nghĩ rằng hình ở gần ta, còn các vật khác cách xa ta. Vì sao?

影無分別故。世尊。般若波羅蜜亦如是。

ảnh vô phân biệt cố 。

Vì bóng không có phân biệt. Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế,

不作是念。聲聞辟支佛地去我遠。

bất tác thị niệm 。 thanh văn tích chi Phật địa khứ ngã viễn 。

không nghĩ rằng các địa Thanh văn, Phật Bích Chi cách xa ta,

阿耨多羅三藐三菩提去我近。何以故。般若波羅蜜無分別故。

a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề khứ ngã cận 。

hà dĩ cố 。

Bát-nhã Ba-la-mật vô phân biệt cố 。

Vô thượng Chính đẳng Chính giác gần ta. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật không có phân biệt.

世尊。如如來無憎無愛。

Thế tôn 。

như Như-Lai vô tăng vô ái 。

Thế tôn, giống như Như lai không ghét, không thương,

般若波羅蜜亦如是無憎無愛。世尊。如如來無諸分別。

Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị vô tăng vô ái 。

Thế tôn 。

như Như-Lai vô chư phân biệt 。

Bát-nhã Ba-la-mật cũng thế, không ghét, không thương. Thế tôn, giống như Như lai không có các phân biệt,

般若波羅蜜亦如是無諸分別。世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị vô chư phân biệt 。

Thế tôn 。

Bát-nhã Ba-la-mật cũng thế, không có các phân biệt. Thế tôn,

如如來所化人。不作是念。聲聞辟支佛地去我遠。

như Như-Lai sở hóa nhân 。

bất tác thị niệm 。

thanh văn tích chi Phật địa khứ ngã viễn 。

giống như người được Như lai biến hóa ra không nghĩ rằng các địa Thanh văn, Phật Bích Chi cách xa ta,

阿耨多羅三藐三菩提去我近。何以故。

a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề khứ ngã cận 。 hà dĩ cố 。

Vô thượng Chính đẳng Chính giác gần ta. Vì sao?

如來所化人無分別故。世尊。般若波羅蜜亦如是。

Như-Lai sở hóa nhân vô phân biệt cố 。 Thế tôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。

Vì người được Như lai biến hóa ra không có phân biệt. Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật cũng thế,

不作是念。聲聞辟支佛地去我遠。

bất tác thị niệm 。 thanh văn tích chi Phật địa khứ ngã viễn 。

không nghĩ rằng các địa Thanh văn, Phật Bích Chi cách xa ta,

阿耨多羅三藐三菩提去我近。何以故。

a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề khứ ngã cận 。 hà dĩ cố 。

Vô thượng Chính đẳng Chính giác gần ta. Vì sao?

般若波羅蜜無分別故。世尊。如如來所化人。隨事能作而無分別。

Bát-nhã Ba-la-mật vô phân biệt cố 。 Thế tôn 。 như Như-Lai sở hóa nhân 。 tùy sự năng tác nhi vô phân biệt 。

Vì Bát-nhã Ba-la-mật không có phân biệt. Thế tôn, giống như người được Như lai biến hóa ra, tùy việc mà làm chứ không có phân biệt.

世尊。般若波羅蜜亦如是。

Thế tôn 。 Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。

Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật cũng thế,

隨所修習皆能成辦而無所分別。世尊。

tùy sở tu tập giai năng thành辦 nhi vô sở phân biệt 。

tùy sự tu tập mà đều có thể hoàn thành chứ không có cái được phân biệt. Thế tôn,

譬如工匠於機關木人若男若女隨所為事皆能成辦而無分別。

thí như công tượng ư ky quan mộc nhân nhược nam nhược nữ tùy sở vi sự giai năng thành bần nhi vô phân biệt 。

ví như người thợ đối với người máy gỗ, dù nam dù nữ, tùy theo việc mà đều có thể hoàn thành chứ không có phân biệt.

世尊。般若波羅蜜亦如是。

Thế tôn 。

Thế tôn, Bát-nhã Ba-la-mật cũng thế,

隨所修習皆能成辦而無分別。須菩提白佛言。世尊。

tùy sở tu tập giai năng thành bần nhi vô phân biệt 。

tùy sự tu tập đều có thể thành tựu mà không có phân biệt. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

菩薩行般若波羅蜜。即是行堅固義。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, tức là hành nghĩa kiên cố.

佛告須菩提菩薩行般若波羅蜜。即是行堅固義。

Phật cáo Tu-bồ-đề Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, tức là hành nghĩa kiên cố.

爾時欲界諸天子作是念。

nhĩ thời dục giới chư Thiên tử tác thị niệm 。

Bấy giờ, các Thiên tử Dục giới nghĩ rằng

若人發阿耨多羅三藐三菩提心。能行如是深般若波羅蜜。

nhược nhân phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề tâm 。

nếu người phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có thể hành Bát-nhã Ba-la-mật
sâu xa như thế,

而不證實際墮聲聞地若辟支佛地。

nhi bất chứng thật tế đọa thanh văn địa nhược tích chi Phật địa 。
nhưng không chứng Thật tế, rơi vào địa Thanh văn hoặc địa Phật Bích Chi,

當知是菩薩所為甚難。一切世間所應敬禮。須菩提語諸天子。

đương tri thị Bồ-tát sở vi thậm nan 。 nhất thiết thế gian sở ứng kính lễ 。 Tu-bồ-đề
ngữ chư Thiên tử 。

thì nên biết việc làm của Bồ-tát này rất khó; tất cả thế gian đều nên cung kính. Tu-bồ-đề
nói với các Thiên tử:

菩薩行深般若波羅蜜。而不取證不足為難。

Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。 nhi bất thủ chứng bất túc vi nan 。
Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa mà không thủ chứng, thì không quá khó.

若菩薩為無量無邊眾生故發大莊嚴。

nhược Bồ-tát vi vô lượng không ngần mé chúng sinh cố phát Đại trang nghiêm 。
Nếu Bồ-tát, vì vô lượng không ngần mé chúng sinh, phát đại trang nghiêm,

而眾生畢竟不可得。所可度者不可得。

nhi chúng sinh tất cánh bất khả đắc 。 sở khả độ giả bất khả đắc 。
mà chúng sinh rốt ráo không thể đắc, người có thể được độ không thể đắc,

而能發心我當度之。爾乃為難。

nhi năng phát tâm ngã đương độ chi 。 nhĩ nãi vi nan 。
nhưng vẫn có thể phát tâm mình sẽ độ, thì đó mới là khó.

諸天子是人欲度眾生為欲度虛空。何以故。虛空離故眾生亦離。

chư Thiên tử thị nhân dục độ chúng sinh vi dục độ hư không 。 hà dĩ cố 。 hư không ly cố chúng sinh diệc ly 。

Các Thiên tử, người này muốn độ chúng sinh là muốn độ hư không. Vì sao? Vì hư không tách rời nên chúng sinh cũng tách rời.

是故當知是菩薩所為甚難。

thị cố đương tri thị Bồ-tát sở vi thậm nan 。

Vì thế, nên biết việc làm của Bồ-tát này rất khó.

無眾生而為眾生發大莊嚴。如人與虛空共鬪。佛說眾生不可得。

vô chúng sinh nhi vi chúng sinh phát Đại trang nghiêm 。

như nhân dữ hư không cộng đấu 。

Phật thuyết chúng sinh bất khả đắc 。

Không có chúng sinh nhưng vì chúng sinh mà phát đại trang nghiêm; giống như người đánh nhau với hư không. Phật nói chúng sinh không thể đắc.

眾生離故。可度者亦離。眾生離故色亦離。

chúng sinh ly cố 。

khả độ giả diệc ly 。

chúng sinh ly cố sắc diệc ly 。

Vì chúng sinh tách rời, nên người độ cũng tách rời; vì chúng sinh tách rời nên sắc cũng tách rời.

眾生離故受想行識亦離。

chúng sinh ly cố thọ tưởng hành thức diệc ly 。

Vì chúng sinh tách rời nên thọ, tưởng, hành, thức cũng tách rời.

眾生離故一切法亦離。若菩薩聞如是說不驚不怖不沒不退。

chúng sinh ly cố nhất thiết Pháp diệc ly 。

nhược Bồ-tát văn như thị thuyết bất kinh bất phố bất một bất thoái 。

Vì chúng sinh tách rời nên tất cả các pháp cũng tách rời. Nếu Bồ-tát nghe nói như thế mà không kinh, không sợ, không mất, không lui,

當知是為行般若波羅蜜。佛問須菩提。

đương tri thị vi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 Phật vấn Tu-bồ-đề 。
nên biết đó là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Phật hỏi Tu-bồ-đề:

菩薩何因緣故。不驚不怖不沒不退。世尊。

Bồ-tát hà nhân duyên cố 。 bất kinh bất phố bất một bất thoái 。 Thế tôn 。
Bồ-tát vì nhân duyên gì mà không kinh, không sợ, không mất, không lui? Thế tôn,

空故不沒。無所有故不沒。何以故。沒者不可得。

không cố bất một 。 vô sở hữu cố bất một 。 hà dĩ cố 。 một giả bất khả đắc 。
Vi Không nên không mất; không có nên không mất. Vì sao? Người mất không thể có,
沒法亦不可得。沒處亦不可得。

một Pháp diệt bất khả đắc 。 một xử diệt bất khả đắc 。
pháp bị mất cũng không thể có, chỗ mất cũng không thể có.

若菩薩聞如是說不驚不怖不沒不退。

nhược Bồ-tát văn như thị thuyết bất kinh bất phố bất một bất thoái 。
Nếu Bồ-tát nghe nói như thế mà không kinh, không sợ, không mất, không lui,

當知是為行般若波羅蜜。須菩提。菩薩如是行般若波羅蜜。

đương tri thị vi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát như thị hành Bát-nhã Ba-
la-mật 。

nên biết là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật như thế,

釋提桓因與梵天王眾主。

thích đề hoàn nhân dữ Phạm Thiên Vương chúng sinh chủ 。

Thích-đề-hoàn-nhân cùng Phạm Thiên vương, Chủ chúng sinh,

自在天王及諸天子皆共敬禮。須菩提。

Tự Tại Thiên vương cập chư Thiên tử giai cộng kính lễ 。

Tự tại Thiên vương và các Thiên tử đều cùng kính lễ. Tu-bồ-đề,

不但釋提桓因梵天王眾生主自在天王及諸天子敬禮是行般若波羅蜜菩薩。

bất đăn thích đề hoàn nhân Phạm Thiên Vương chúng sinh chủ Tự Tại Thiên vương
cập chư Thiên tử kính lễ thị hành Bát-nhã Ba-la-mật Bồ Tát
không chỉ Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương, Chủ chúng sinh, Tự tại Thiên vương
và các Thiên tử kính lễ Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật này,

梵世諸天梵輔天梵眾天大梵天光天少光天無量光天光音天淨天少淨天無量

phạm thế chư Thiên phạm phụ Thiên phạm chúng Thiên Đại Phạm Thiên quang Thiên
thiếu quang Thiên Vô lượng quang Thiên Quang âm Thiên tịnh Thiên thiếu tịnh
Thiên vô lượng

mà chư Thiên ở các cõi trời Phạm thế, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm, trời
Quang, trời Thiếu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm, trời Tịnh, trời Thiếu tịnh, trời
Vô lượng tịnh,

淨天遍淨天無陰天福生天廣果天無廣

tịnh Thiên Biến tịnh Thiên vô uẩn Thiên phúc sinh Thiên quảng quả Thiên vô quảng
trời Biến tịnh, trời Vô ấm, trời Phước sinh, trời Quảng quả, trời Vô quảng,

天無熱天妙見天善見天無小天上諸天。

Thiên vô nhiệt Thiên diệu kiến Thiên thiện kiến Thiên vô tiểu Thiên thượng chư
Thiên 。

trời Vô nhiệt, trời Diệu kiến, trời Thiện kiến, trời Vô tiểu,

皆敬禮是行般若波羅蜜菩薩。須菩提。

giai kính lễ thị hành Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát 。

Tu-bồ-đề 。

đều kính lễ Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật này. Tu-bồ-đề,

今現在無量阿僧祇世界諸佛。

kim hiện tại vô lượng a tăng kì thế giới chư Phật 。

nay chư Phật hiện ở vô lượng a-tăng-kỳ thế giới

皆念是行般若波羅蜜菩薩。須菩提若菩薩行般若波羅蜜時。

giai niệm thị hành Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát 。 Tu-bồ-đề nhược Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật thời 。

đều nghĩ đến Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật này. Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát lúc hành Bát-nhã Ba-la-mật

為諸佛所念。當知是菩薩即是阿毘跋致。

vi chư Phật sở niệm 。

được chư Phật nghĩ đến, nên biết Bồ-tát này chính là Không thoái chuyển.

須菩提。假令如恒河沙等世界眾生皆作惡魔。

Tu-bồ-đề 。

Tu-bồ-đề, giả sử chúng sinh ở hằng hà sa thế giới đều làm ra Ác ma;

一一化作爾所惡魔。

nhất nhất hóa tác nhĩ sở ác Ma 。

mỗi một chúng sinh biến hóa ra Ác ma như thế,

是諸惡魔皆不能壞是行般若波羅蜜菩薩。須菩提。菩薩成就二法。

thị chư ác Ma giai bất năng hoại thị hành Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát 。

thì các Ác ma này đều không thể phá hoại Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật này. Tu-bồ-đề, Bồ-tát thành tựu hai pháp

惡魔不能壞。何等二。一者觀一切法空。

ác Ma bất năng hoại 。

mà Ác ma không thể phá hoại. Hai pháp đó là gì? Một là quán tất cả pháp Không;

二者不捨一切眾生。菩薩成就是二法。

nhị giả bất xả nhất thiết chúng sinh 。

hai là không bỏ tất cả chúng sinh. Bồ-tát thành tựu hai pháp này,

惡魔不能壞。須菩提。復有二法。惡魔不能壞。何等二。

ác Ma bất năng hoại 。 Tu-bồ-đề 。 phục hữu nhị Pháp 。 ác Ma bất năng hoại 。 hà đẳng nhị 。

Ác ma không thể phá hoại. Tu-bồ-đề, lại có hai pháp Ác ma không thể phá hoại. Hai pháp đó là gì?

一者隨說能行。二者諸佛所念。

nhất giả tùy thuyết năng hành 。 nhị giả chư Phật sở niệm 。

Một là thường hành theo điều được thuyết; hai là được chư Phật nghĩ đến.

菩薩成就是二法。諸天皆來供養恭敬請問安慰。善男子。

Bồ-tát thành tựu thị nhị Pháp 。 chư Thiên giai lai cung dưỡng cung kính thỉnh vấn an úy 。 thiện nam tử 。

Bồ-tát thành tựu hai pháp này, chư Thiên đều đến cúng dường, cung kính, thăm hỏi, an ủi: Thiện nam tử,

汝行是行。當疾得佛道。汝行是行。

nhữ hành thị hành 。 đương tật đắc Phật đạo 。 nhữ hành thị hành 。

ông hành hạnh này sẽ sớm được Phật đạo; ông hành hạnh này

無救眾生當為作救。無舍眾生當為作舍。

vô cứu chúng sinh đương vi tác cứu 。 vô xá chúng sinh đương vi tác xá 。 sẽ cứu chúng sinh không được cứu, sẽ làm nhà cho chúng sinh không có nhà,

無依眾生當為作依。無洲眾生當為作洲。

vô y chúng sinh đương vi tác y 。 vô châu chúng sinh đương vi tác châu 。

sẽ làm chỗ tựa cho chúng sinh không có chỗ tựa, sẽ làm đất liền cho chúng sinh không có đất liền,

無究竟道眾生當為作究竟道。無歸眾生當為作歸。

vô cứu cánh đạo chúng sinh đương vi tác cứu cánh đạo 。 vô quy chúng sinh đương vi tác quy 。

sẽ làm đạo rất ráo cho chúng sinh không có đạo rất ráo, sẽ làm chỗ quay về cho chúng sinh không có chỗ quay về,

無明眾生為作光明。無趣眾生當為作趣。何以故。

vô minh chúng sinh vi tác quang-minh 。 vô thú chúng sinh đương vi tác thú 。 hà dĩ cố 。

sẽ làm ánh sáng cho chúng sinh không có ánh sáng, sẽ làm chỗ hướng đến cho chúng sinh không có chỗ hướng đến. Vì sao?

是菩薩行般若波羅蜜行。成就是四功德。

thị Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật hành 。 thành tựu thị tứ công đức 。

Bồ-tát này hành hạnh Bát-nhã Ba-la-mật, thành tựu bốn công đức này,

現在十方無量無邊阿僧祇世界諸佛。

hiện tại thập phương vô lượng không ngần mé a tăng kì thế giới chư Phật 。

khi chư Phật và chúng Tỷ-khưu hiện ở vô lượng không ngần mé a-tăng-kỳ thế giới trong

與比丘僧圍繞說法時。悉皆稱揚讚歎說其名字。

dữ bỉ khâu tăng vi nhiều thuyết Pháp thời 。 tất giai xưng dương tán thán thuyết kỳ danh tự 。

mười phương đi quanh nói pháp, thấy đều xưng dương, tán thán, nói tên của Bồ-tát này.

須菩提。

Tu-bồ-đề 。

Tu-bồ-đề,

譬如我今稱揚讚歎實相菩薩說其名字。及餘菩薩於阿閼佛所。

thí như ngã kim xưng dương tán thán thật tướng Bồ-tát thuyết kỳ danh tự 。

cập dư Bồ-tát ư A súc Phật sở 。

ví như nay Ta xưng dương, tán thán Bồ-tát thật tướng, nói tên của họ và các Bồ-tát khác ở cõi Phật A-súc,

修行梵行不離是般若波羅蜜行者。如是須菩提。

tu hành phạm hành bất ly thị Bát-nhã Ba-la-mật hành giả 。 như thị Tu-bồ-đề 。
tu hành phạm hạnh, không rời hạnh Bát-nhã Ba-la-mật này. Như thế, Tu-bồ-đề,

今現在十方諸佛。亦皆稱揚讚歎。

kim hiện tại thập phương chư Phật 。 diệc giai xưng dương tán thán 。
nay chư Phật hiện ở mười phương cũng đều xưng dương, tán thán,

說我國中諸菩薩名修行梵行不離般若波羅蜜行者。須菩提白佛言。

thuyết ngã quốc trung chư Bồ-tát danh tu hành phạm hành bất ly Bát-nhã Ba-la-mật
hành giả 。 Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn。

nói đến tên các Bồ-tát trong nước của Ta, tu hành phạm hạnh, không rời hạnh Bát-nhã
Ba-la-mật. Tu-bồ-đề bạch Phật:

世尊。一切諸佛說法時。

Thế tôn 。 nhất thiết chư Phật thuyết Pháp thời 。

Thế tôn, khi tất cả chư Phật nói pháp,

普皆稱揚讚歎諸菩薩不。不也須菩提。

phổ giai xưng dương tán thán chư Bồ-tát bất 。 bất dã Tu-bồ-đề 。

có thầy đều xưng dương, tán thán các Bồ-tát không? Không, Tu-bồ-đề.

諸佛說法時有稱讚者有不稱讚者。須菩提。

chư Phật thuyết Pháp thời hữu xưng tán giả hữu bất xưng tán giả 。

Khi chư Phật nói pháp, có vị xưng tán, có vị không xưng tán. Tu-bồ-đề,

諸佛說法時稱揚讚歎諸阿毘跋致菩薩。世尊。未得阿毘跋致者。

chư Phật thuyết Pháp thời xưng dương tán thán chư A tì bạt trí Bồ-tát 。 Thế tôn 。 vị đắc A tì bạt trí giả 。

khi chư Phật nói Pháp, xưng dương tán thán các Bồ-tát Không thoái chuyển. Thế tôn, những vị chưa được Không thoái chuyển,

諸佛說法時亦皆稱揚讚歎不。須菩提。

chư Phật thuyết Pháp thời diệc giai xưng dương tán thán bất 。 Tu-bồ-đề 。

khi chư Phật nói pháp, cũng đều được xưng dương, tán thán sao? Tu-bồ-đề,

未得阿毘跋致者。諸佛亦有稱揚讚歎者。

vị đắc A tì bạt trí giả 。

chư Phật diệc hữu xưng dương tán thán giả 。

người chưa được Không thoái chuyển, chư Phật cũng có xưng dương, tán thán.

何者是能隨學阿閼佛為菩薩時所行道者。

hà giả thị năng tùy học A súc Phật vi Bồ-tát thời sở hạnh đạo giả 。

Những ai có thể theo học Phật A-súc, khi là Bồ-tát, có hành đạo,

如是菩薩雖未得阿毘跋致。亦為諸佛稱揚讚歎。

như thị Bồ-tát tuy vị đắc A tì bạt trí 。

diệc vi chư Phật xưng dương tán thán 。

Bồ-tát như thế, tuy chưa được Không thoái chuyển nhưng cũng được chư Phật xưng dương, tán thán.

須菩提。有能隨學實相菩薩所行道者。

Tu-bồ-đề 。

hữu năng tùy học thật tướng Bồ-tát sở hạnh đạo giả 。

Tu-bồ-đề, người có thể theo học sự hành đạo của Bồ-tát thật tướng,

如是菩薩雖未得阿毘跋致。亦為諸佛。稱揚讚歎。

như thị Bồ-tát tuy vị đắc A tì bạt trí 。

diệc vi chư Phật 。

xưng dương tán thán 。

Bồ-tát như thế, tuy chưa được Không thoái chuyển, cũng được chư Phật xưng dương, tán thán.

復次須菩提。有菩薩行般若波羅蜜。

phục thứ Tu-bồ-đề 。 hữu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Có Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật,

信解一切法無生。而未得無生法忍。信解一切法空。

tín giải nhất thiết Pháp vô sinh 。 nhi vị đắc vô sinh Pháp nhẫn 。

tín giải nhất thiết Pháp không 。

tin hiểu tất cả pháp không sinh nhưng chưa được vô sinh pháp nhẫn, tin hiểu tất cả pháp Không,

而於阿毘跋致地中未得自在。

nhi ư A-tì-bạt-trí-địa trung vị đắc tự-tại 。

nhưng ở địa Không thoái chuyển chưa được tự tại,

能行一切法寂滅相。而未入阿毘跋致地。須菩提。

năng hành nhất thiết Pháp tịch diệt tướng 。 nhi vị nhập A-tì-bạt-trí-địa 。

Tu-bồ-đề 。

có thể hành tướng tịch diệt của tất cả pháp nhưng chưa vào địa Không thoái chuyển. Tu-bồ-đề,

菩薩如是行者。諸佛說法時亦皆稱揚讚歎。

Bồ-tát như thị hành giả 。

chư Phật thuyết Pháp thời diệc giai xưng dương tán thán 。

Bồ-tát hành như thế, khi chư Phật nói pháp, cũng đều xưng dương, tán thán;

未得阿毘跋致。而為諸佛說法時稱揚讚歎者。

vị đắc A-tì-bạt-trí 。

nhi vi chư Phật thuyết Pháp thời xưng dương tán thán giả 。

chưa được Không thoái chuyển, nhưng khi chư Phật nói pháp lại xưng dương, tán thán,

則離聲聞辟支佛地。近於佛地。

tắc ly thanh văn tích chi Phật địa 。

cận ư Phật địa 。

tức rời các địa Thanh văn, Phật Bích Chi, mà gần địa của Phật,

必得阿耨多羅三藐三菩提記。須菩提。若菩薩行般若波羅蜜。

tất đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề kí 。 Tu-bồ-đề 。 nhược Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

hẳn đợc thọ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật,

諸佛說法時稱揚讚歎者。

chư Phật thuyết Pháp thời xưng dương tán thán giả 。

khi chư Phật nói pháp lại xưng dương, tán thán,

當知是菩薩必至阿毘跋致。

đương tri thị Bồ-tát tất chí A tì bạt trí 。

nên biết Bồ-tát này chắc hẳn đến đợc Không thoái chuyển.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma Ha Bát-nhã Ba-la-mật

囑累品第二十四

chúc lụy phẩm đệ nhị thập tứ

Phẩm 24: Chúc Lụy

佛告須菩提。若菩薩聞是甚深般若波羅蜜。

Phật cáo Tu-bồ-đề 。 nhược Bồ-tát văn thị thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật 。

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa này,

信解不疑不悔不難。

tín giải bất nghi bất hối bất nan 。

tin hiểu, không nghi, không hối, không thối mắc,

是菩薩當於阿閼佛及諸菩薩所。聞深般若波羅蜜亦復信解。

thị Bồ-tát đương ư A súc Phật cập chư Bồ-tát sở 。 văn thâm Bát-nhã Ba-la-mật diệc phục tín giải 。

thị Bồ-tát này, ở cõi Phật A-súc và các Bồ-tát, nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa cũng sẽ lại tin hiểu.

須菩提。菩薩若能信解如佛所說般若波羅蜜。

Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát nhược năng tín giải như Phật sở thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát có thể tin hiểu Bát-nhã Ba-la-mật như được Phật nói,

是人必至阿毘跋致。須菩提。

thị nhân tất chí A-tì-bạt-trí 。

người này chắc hẳn đến được Không thoái chuyển. Tu-bồ-đề,

若人但聞般若波羅蜜。尚得饒益。何況信解如所說行。

nhược nhân đản văn Bát-nhã Ba-la-mật 。

thượng đắc nhiều ích 。

hà hưởng tín giải như sở thuyết hành 。

nếu người chỉ nghe Bát-nhã Ba-la-mật mà còn được lợi ích, hưởng là tin hiểu, hành như được nói,

當住薩婆若。須菩提白佛言。世尊。

đương trụ tát-bà nhược 。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

若離如更無法可得。誰當住薩婆若。

nhược ly như canh vô Pháp khả đắc 。

thùy đương trụ tát-bà nhược 。

nếu rời Như mà không có pháp có thể được, thì ai sẽ trụ Nhất thiết trí?

誰當得阿耨多羅三藐三菩提。誰當說法。佛告須菩提。汝所問。

thùy đương đắc a-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-Đề 。

thùy đương thuyết Pháp 。

Phật cáo Tu-bồ-đề 。

nhữ sở vấn 。

Ai sẽ được Vô thượng Chính đẳng Chính giác? Ai sẽ nói pháp? Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông hỏi rằng

離如更無法可得。誰當住薩婆若。

ly như canh vô Pháp khả đắc 。 thùi đương trụ tát bà nhược 。
rời Như mà không có pháp có thể được thì ai sẽ trụ Nhất thiết trí,

誰當得阿耨多羅三藐三菩提。誰當說法者。如是如是。

thùy đương đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 thùi đương thuyết Pháp giả 。 như
thị như thị 。

ai sẽ được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, ai sẽ là người nói pháp. Đúng thế, đúng thế,

須菩提。離如更無法住如中。如尚不可得。

Tu-bồ-đề 。 ly như canh vô Pháp trụ như trung 。 như thượng bất khả đắc 。
Tu-bồ-đề. Rời Như lại không có pháp nào trụ ở trong Như. Như còn không thể đắc,

何況住如者。如不能得阿耨多羅三藐三菩提。

hà huống trụ như giả 。 như bất năng đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。
huống là trụ ở Như. Như không thể được Vô thượng Chính đẳng Chính giác;

離如亦不能得阿耨多羅三藐三菩提。

ly như diệc bất năng đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。
rời Như cũng không thể được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

如無說法者。離如亦無說法者。

như vô thuyết Pháp giả 。 ly như diệc vô thuyết Pháp giả 。
Như không có người nói pháp; rời Như cũng không có người nói pháp.

爾時釋提桓因白佛言。世尊。無住如者。

nĩ thời thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 vô trụ như giả 。

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Thế tôn, không có người trụ trong Như,

無得阿耨多羅三藐三菩提者。無說法者。而菩薩聞是深法。

vô đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề giả 。 vô thuyết Pháp giả 。 nhi Bồ-tát văn thị thâm Pháp 。

không có người được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không có người nói pháp, nhưng Bồ-tát nghe pháp sâu xa này

不疑不悔不難。而欲得阿耨多羅三藐三菩提。

bất nghi bất hối bất nan 。 nhi dục đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

không nghi, không hối, không thắc mắc, lại muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

是為甚難。須菩提語釋提桓因。憍尸迦。

thị vi thậm nan 。 Tu-bồ-đề ngữ thích đề hoàn nhân 。 Kiêu-thi-ca 。

thì rất khó. Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn-nhân: Kiêu-thi-ca,

如所說菩薩聞是深法。不疑不悔不難。

như sở thuyết Bồ-tát văn thị thâm Pháp 。

bất nghi bất hối bất nan giống như đã nói, Bồ-tát nghe pháp sâu xa này không nghi, không hối, không thắc mắc,

欲得阿耨多羅三藐三菩提。是為甚難者。憍尸迦。一切法空。

dục đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

thị vi thậm nan giả 。

此中誰當疑悔難者。釋提桓因語須菩提。

thử trung thùý đương nghi hối nan giả 。

thích đề hoàn nhân ngữ Tu-bồ-đề 。

trong đó ai là người sẽ nghi, hối, thắc mắc? Thích-đề-hoàn-nhân nói với Tu-bồ-đề:
如所說者。皆因於空而無所礙。

như sở thuyết giả 。 giai nhân ư không nhi vô sở ngại 。
Giống như điều đã nói, đều do ở Không mà không bị ngăn ngại.

譬如仰射虛空箭去無礙。須菩提。所說無礙亦如是。

thí như ngưỡng xạ hư không tiến khứ vô ngại 。 Tu-bồ-đề 。 sở thuyết vô ngại diệt như thị 。

Ví như bắn lên hư không, mũi tên đi mà không bị ngăn ngại. Tu-bồ-đề, sự không ngăn ngại được nói đó cũng như thế.

爾時釋提桓因白佛言。世尊。我如是說如是答。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 ngã như thị thuyết như thị đáp 。

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Thế tôn, con nói như thế, trả lời như thế

為隨如來說隨法答不。憍尸迦。汝如是說如是答。

vi tùy Như-Lai thuyết tùy Pháp đáp bất 。 Kiêu-thi-ca 。 nử như thị thuyết như thị đáp 。

thì nói có thuận với Như lai, trả lời có thuận với pháp không? Kiêu-thi-ca, ông nói như thế, trả lời như thế

為隨如來說。為隨法答。皆為正答。憍尸迦。

vi tùy Như-Lai thuyết 。 vi tùy Pháp đáp 。 giai vi chính đáp 。 Kiêu-thi-ca 。

là nói thuận với Như lai, trả lời thuận với pháp, đều là trả lời đúng. Kiêu-thi-ca,

須菩提所說皆因於空。

Tu-bồ-đề sở thuyết giai nhân ư không 。

điều Tu-bồ-đề nói đều do ở Không.

須菩提尚不能得般若波羅蜜。何況行般若波羅蜜者。

Tu-bồ-đề thượng bất năng đắc Bát-nhã Ba-la-mật 。

hà huống hành Bát-nhã Ba-la-mật giả 。

Tu-bồ-đề còn không thể được Bát-nhã Ba-la-mật, huống là người hành Bát-nhã Ba-la-mật;

尚不得阿耨多羅三藐三菩提。

thượng bất đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

còn không được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

何況得阿耨多羅三藐三菩提者。尚不得薩婆若。何況得薩婆若者。

hà huống đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề giả 。

hà huống đắc tát bà nhược giả 。

huống là người được Vô thượng Chính đẳng Chính giác; còn không được Nhất thiết trí,

huống là người được Nhất thiết trí;

尚不得如何況得如者。

thượng bất đắc như hà huống đắc như giả 。

còn không được Như, huống là người được Như;

尚不得無生何況得無生者。尚不得諸力。何況得諸力者。

thượng bất đắc vô sinh hà huống đắc vô sinh giả 。

thượng bất đắc chư lực 。

hà huống đắc chư lực giả 。

còn không được vô sinh, huống là người được vô sinh; còn không được các lực, huống là người được các lực;

尚不得無所畏。何況得無所畏者。尚不得法。何況說法者。

thượng bất đắc vô sở úy 。

hà huống đắc vô sở úy giả 。

thượng bất đắc Pháp 。

hà huống thuyết Pháp giả 。

憍尸迦。須菩提常樂遠離。樂無所得行。

Kiêu-thi-ca 。

Tu-bồ-đề thường lạc viễn li 。

lạc vô sở đắc hành 。

Kiêu-thi-ca, Tu-bồ-đề thường ưa xa rời, ưa hành không có đắc.

憍尸迦。是須菩提所行於菩薩所行。百分不及一。

Kiêu-thi-ca 。 thị Tu-bồ-đề sở hạnh ư Bồ-tát sở hạnh 。 bách phân bất cập nhất 。
Kiêu-thi-ca, hành này của Tu-bồ-đề so với hành của Bồ-tát, một trăm phần không bằng một,

百千萬億分不及一。

bách thiên vạn ức phân bất cập nhất 。
trăm ngàn vạn ức phần không bằng một,

乃至算數譬喻所不能及。憍尸迦。唯除如來所行。

nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập 。 Kiêu-thi-ca 。 duy trừ Như-Lai sở hạnh 。
cho tới dùng tính đếm, ví dụ, cũng không thể bằng. Kiêu-thi-ca, chỉ trừ hành của Như lai ra,

菩薩行般若波羅蜜。於餘行中最大最勝最上最妙。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 ư dư hành trung tối Đại tối thắng tối thượng tối diệu
。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, so với các hành khác, thì tối đại, tối thắng, tối thượng, tối diệu.

菩薩所行亦於聲聞辟支佛所行。最大最勝最上最妙。

Bồ-tát sở hạnh diệc ư thanh văn Bích chi Phật sở hạnh 。 tối Đại tối thắng tối thượng
tối diệu 。

Hành của Bồ-tát, so với hành của Thanh văn, Phật Bích Chi, cũng tối đại, tối thắng, tối
thượng, tối diệu.

是故憍尸迦。若人欲於一切眾生中最上者。

thị cố Kiêu-thi-ca 。 nhược nhân dục ư nhất thiết chúng sinh trung tối thượng giả 。

Vì thế, Kiêu-thi-ca. Nếu người muốn làm bậc tối thượng trong tất cả chúng sinh,

當行菩薩所行般若波羅蜜。

đương hành Bồ-tát sở hạnh Bát-nhã Ba-la-mật 。
nên hành Bát-nhã Ba-la-mật được hành bởi Bồ-tát.

爾時會中忉利諸天子。以天曼陀羅華散佛上。

nhĩ thời hội trung Đao-lợi chư Thiên tử 。 dĩ Thiên Mạn-đà-la hoa tán Phật thượng 。
Bấy giờ, trong chúng hội, các Thiên tử cõi trời Đao-lợi lấy hoa mạn-đà-la cõi trời rắc lên Phật;

六百比丘從座而起。偏袒右肩右膝著地。合掌向佛。

lục bách bì khâu tùng tọa nhi khởi 。 Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa 。 hợp
chưởng hướng Phật 。
sáu trăm Tỷ-khưu từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai phải, gối phải sát đất, chắp tay hướng về Phật.

佛神力故花悉滿掬。即以此華散佛上。散已作是言。

Phật Thần lực cố hoa tất mãn xúc 。 tức dĩ thử hoa tán Phật thượng 。 tán dĩ tác thị
ngôn 。

Nhờ thần lực Phật nên hoa đầy tay, liền lấy hoa này rắc lên Phật. Rắc xong, nói thế này:

世尊。我等皆當行是上行。佛即微笑。

Thế tôn 。 ngã đẳng giai đương hành thị thượng hành 。 Phật tức vi tiếu 。

Thế tôn, chúng con đều sẽ hành hạnh tối thượng này. Phật liền mỉm cười.

諸佛常法若微笑時。青黃赤白無量色光。從口而出。

chư Phật thường Pháp nhược vi tiếu thời 。 thanh hoàng xích bạch vô lượng sắc
quang 。 tông khẩu nhi xuất 。

Thường pháp của chư Phật, nếu lúc mỉm cười, thì vô lượng ánh sáng màu xanh, vàng, đỏ, trắng từ miệng phát ra.

是諸光明。遍照無量無邊世界。上至梵天。

thị chư quang-minh 。 biến chiếu vô lượng không ngần mé thể giới 。 thượng chí Phạm Thiên 。

Các ánh sáng này chiếu khắp vô lượng không ngần mé thể giới, lên đến Phạm thiên,

還遶身三匝從頂上入。阿難即從座而起。

hoàn nhiễu thân tam匝 tòng đỉnh thượng nhập 。 A-nan tức tòng tọa nhi khởi 。

vòng quanh thân ba vòng, rồi nhập vào từ trên đỉnh đầu. A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy,

偏袒右肩右膝著地。合掌向佛白佛言。世尊。

Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa 。 hợp chưởng hướng Phật bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

trần vai phải, gối phải sát đất, chắp tay hướng về Phật, bạch Phật: Thế tôn,

何因緣故微笑。諸佛不以無因緣而笑。佛告阿難。

hà nhân duyên cố vi tiếu 。 chư Phật bất dĩ vô nhân duyên nhi tiếu 。 Phật cáo A-nan 。

vì nhân duyên gì mỉm cười? Chư Phật không vì không có nhân duyên mà cười. Phật bảo A-nan:

是六百比丘當於星宿劫得成佛同號散花。

thị lục bách bỉ khâu đương ư tinh tú kiếp đắc thành Phật đồng hiệu tán hoa 。

Sáu trăm Tỷ-khưu này, vào kiếp Tinh tú sẽ được thành Phật, cùng có hiệu là Tán hoa.

阿難。是諸如來比丘僧數悉皆同等。

A-nan 。 thị chư Như-Lai bỉ khâu tăng số tất giai đồng đẳng 。

A-nan, số lượng các Như lai và Tỷ-khưu tăng này đều bằng nhau,

壽命亦等俱二萬劫。彼諸比丘從是已後。

thọ mạng diệc đẳng câu nhị vạn kiếp 。 bỉ chư bỉ khâu tòng thị dĩ hậu 。

thọ mạng cũng bằng nhau, đều hai vạn kiếp. Các Tỷ-khưu đó từ đây về sau,

在所生處常得出家。其世界常雨五色好華。是故阿難。

tại sở sinh xử thường đắc xuất gia 。 kỳ thế giới thường vũ ngũ sắc hảo hoa 。 thị cố A-nan 。

ở nơi sinh ra thường được xuất gia. Thế giới của họ thường đổ mưa hoa đẹp năm màu. Vì thế, A-nan.

若人欲行上行。當行般若波羅蜜。

nhược nhân dục hành thượng hành 。 đương hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Nếu người muốn hành hạnh tối thượng, nên hành Bát-nhã Ba-la-mật.

若菩薩欲行如來行。當行般若波羅蜜。阿難。

nhược Bồ-tát dục hành Như-Lai hành 。 đương hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Nếu Bồ-tát muốn hành hạnh của Như lai, nên hành Bát-nhã Ba-la-mật. A-nan,

若菩薩行般若波羅蜜。當知是人從人間命終。

nhược Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết người này từ cõi người mà chết,

若於兜率天上命終來生人間。何以故。

nhược ư Đâu-suất Thiên thượng mạng chung lai sinh nhân gian 。

hoặc ở trên trời Đâu-suất mà chết, rồi đến sinh ở cõi người. Vì sao?

人中兜術天上。行般若波羅蜜易故。阿難。

nhân trung đầu thuật Thiên thượng 。

Vì trong cõi người, trên trời Đâu-suất, dễ hành Bát-nhã Ba-la-mật. A-nan,

若菩薩行般若波羅蜜。信樂受持讀誦書寫。

nhược Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, tin ưa, nhận giữ, đọc tụng, biên chép;

書寫已以般若波羅蜜。示教利喜諸餘菩薩。

thư tả dĩ dĩ át nhã Ba-la-mật 。 kì giáo lợi hỉ chư dư Bồ-tát 。

biên chép xong, dùng Bát-nhã Ba-la-mật chỉ dạy, làm lợi, vui các Bồ-tát khác,

當知是人為如來所見。當知是人於諸佛所種諸善根。

đương tri thị nhân vi Như-Lai sở kiến 。

đương tri thị nhân ư chư Phật sở chủng chư
thiện căn 。

nên biết người này được Như lai nhìn thấy, nên biết người này ở chỗ chư Phật trồng các
thiện căn,

不於弟子所種善根。阿難。

bất ư đệ-tử sở chủng thiện căn 。

A-nan 。

không ở chỗ của đệ tử mà trồng thiện căn. A-nan,

若菩薩學般若波羅蜜。不驚不畏信樂受持讀誦如所說行。

nhược Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật 。

bất kinh bất úy tín lạc thọ trì độc tụng như sở
thuyết hành 。

nếu Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật, không kinh, không sợ, tin ưa, nhận giữ, đọc tụng, hành
như điều được nói,

當知是人至現在佛所。若有信般若波羅蜜。

đương tri thị nhân chí hiện tại Phật sở 。

nhược hữu tín Bát-nhã Ba-la-mật 。

nên biết người này đến chỗ Phật hiện tại, nếu có tin Bát-nhã Ba-la-mật,

不謗不逆。當知是人已供養諸佛。阿難。

bất báng bất nghịch 。

đương tri thị nhân dĩ cung dưỡng chư Phật 。

A-nan 。

không bở, không trái, nên biết người này đã cúng dường chư Phật. A-nan,

若人於佛所種善根。求阿羅漢辟支佛。是善根不虛。

nhược nhân ư Phật sở chủng thiện căn 。 cầu A-la-hán Bích chi Phật 。 thị thiện căn
bất hư 。

nếu người ở chỗ Phật trồng thiện căn, cầu A-la-hán, Phật Bích Chi, thiện căn này không
trống rỗng,

亦不離般若波羅蜜。是故阿難。

diệc bất ly Bát-nhã Ba-la-mật 。 thị cố A-nan 。

cũng không rời Bát-nhã Ba-la-mật. Vì thế, A-nan.

我今以般若波羅蜜囑累於汝。阿難。我所說法。

ngã kim dĩ át nhã Ba-la-mật chúc lũy ư nhữ 。

A-nan 。

ngã sở thuyết Pháp 。

Ta nay đem Bát-nhã Ba-la-mật giao phó cho ông. A-nan, pháp được Ta nói,

唯除般若波羅蜜。有所受持。若忘失其過尚少。

duy trừ Bát-nhã Ba-la-mật 。

hữu sở thọ trì 。

nhược vong thất kỳ quá thượng thiếu 。

chỉ trừ Bát-nhã Ba-la-mật, những gì được nhận giữ nếu quên mất thì tội ấy còn nhẹ.

汝若受持般若波羅蜜。乃至忘失一句其過甚重。

nhữ nhược thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật 。

nãi chí vong thất nhất cú kỳ quá thậm trọng 。

Ông nếu nhận giữ Bát-nhã Ba-la-mật mà quên mất dù là một câu thì tội ấy rất nặng.

是故阿難。我以般若波羅蜜囑累於汝。

thị cố A-nan 。

ngã dĩ át nhã Ba-la-mật chúc lũy ư nhữ 。

Vì thế, A-nan. Ta đem Bát-nhã Ba-la-mật giao phó cho ông.

汝所聞受持。皆應讀誦悉令通利善念在心。

nhữ sở văn thọ trì 。

giai ứng đọc tụng tất lệnh thông lợi thiện niệm tại tâm 。

Điều ông được nghe, được nhận giữ đều nên đọc tụng, khiến nhanh chóng thông suốt,

khéo nhớ ở tâm,

當令章句分明。何以故。

đương lệnh chương cú phân minh 。 hà dĩ cố 。
sẽ khiến cho chương, câu rõ ràng. Vì sao?

般若波羅蜜是過去未來現在諸佛法藏故。阿難。若人於今現在。

Bát-nhã Ba-la-mật thị quá khứ vị lai hiện tại chư Phật Pháp tạng cố 。 A-nan 。 nhược
nhân ư kim hiện tại 。

Bát-nhã Ba-la-mật là kho Pháp của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. A-nan, nếu người ở
hiện tại,

欲以慈心恭敬供養我者。

dục dĩ từ tâm cung kính cung dưỡng ngã giả 。

muốn dùng tâm từ cung kính, cúng dường Ta,

是人當以是心供養般若波羅蜜受持讀誦如所說行。

thị nhân đương dĩ thị tâm cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật thọ trì độc tụng như sở
thuyết hành 。

người này nên dùng tâm này cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, nhận giữa, đọc tụng, hành
như điều được nói,

即是供養於我。阿難。是人不但供養於我。

tức thị cung dưỡng ư ngã 。

tức là cúng dường Ta. A-nan, người này không chỉ cúng dường Ta,

亦為恭敬供養過去未來現在諸佛。阿難。

diệc vi cung kính cung dưỡng quá khứ vị lai hiện tại chư Phật 。

mà còn cung kính, cúng dường chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. A-nan,

汝若愛重不捨於我。亦應如是愛重不捨般若波羅蜜。

nhữ nhược ái trọng bất xả ư ngã 。

diệc ứng như thị ái trọng bất xả Bát-nhã Ba-la-mật 。

ông nếu mến, trọng, không bỏ Ta thì cũng nên như thế mà mến, trọng, không bỏ Bát-nhã Ba-la-mật,

乃至一句慎莫忘失。阿難。

nãi chí nhất cú thận 慎 mạc vong thất 。 A-nan 。
cho tới một câu cũng cẩn thận đừng quên mất. A-nan,

我為囑累般若波羅蜜因緣故。

ngã vi chúc lũy Bát-nhã Ba-la-mật nhân duyên cố 。
Ta vì nhân duyên giao phó Bát-nhã Ba-la-mật,

若於一劫百劫千萬億那由他劫乃至如恒河沙等劫說不可盡。阿難。今但略說。

nhược ư nhất kiếp bách kiếp thiên vạn ức na-do-tha kiếp nãi chí như hằng hà sa đấng
kiếp thuyết bất khả tận 。 A-nan 。 kim dẫn lược thuyết 。
dù ở một kiếp, trăm kiếp, ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, cho tới như hằng hà sa kiếp, nói
không thể hết. A-nan, nay chỉ nói lược.

如我今為大師。過去現在十方諸佛。

như ngã kim vi Đại sư 。 quá khứ hiện tại thập phương chư Phật 。
Giống như Ta nay là Đại sư; chư Phật quá khứ, hiện tại trong mười phương,

於一切世間天人阿修羅中。亦為大師。

ư nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La trung 。 diệc vi Đại sư 。
ở trong tất cả trời, người, A-tu-la, cũng là Đại sư.

般若波羅蜜亦於一切世間天人阿修羅中。而作大師。

Bát-nhã Ba-la-mật diệc ư nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La trung 。 nhi tác Đại sư
。

Bát-nhã Ba-la-mật ở trong tất cả trời, người, A-tu-la cũng làm Đại sư.

有如是等無量因緣故。我於一切世間天人。

hữu như thị đẳng vô lượng nhân duyên cố 。 ngã ư nhất thiết thế gian Thiên Nhơn 。
Vì có vô lượng nhân duyên như thế nên Ta ở trong tất cả trời, người,

阿修羅中。以般若波羅蜜囑累於汝。佛告阿難。

A-tu-La trung 。 dĩ át nhã Ba-la-mật chúc luỹ ư nhữ 。 Phật cáo A-nan 。

A-tu-la, đem Bát-nhã Ba-la-mật giao phó cho ông. Phật bảo A-nan:

若人愛重佛愛重法愛重僧。

nhược nhân ái trọng Phật ái trọng Pháp ái trọng Tăng 。

Nếu người mến, trọng Phật, mến, trọng Pháp, mến, trọng Tăng,

愛重過去未來現在諸佛阿耨多羅三藐三菩提。

ái trọng quá khứ vị lai hiện tại chư Phật a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

mến, trọng Vô thượng Chính đẳng Chính giác của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại,

當以是愛重愛重般若波羅蜜。此則是我所用教化。阿難。

đương dĩ thị ái trọng ái trọng Bát-nhã Ba-la-mật 。

thử tắc thị ngã sở dụng giáo hóa
。 A-nan 。

thì nên đem sự mến, trọng này mà mến, trọng Bát-nhã Ba-la-mật. Đây chính là sự giáo
hóa được Ta dùng đến. A-nan,

若有人受持讀誦般若波羅蜜。

nhược hữu nhân thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu có người nhận giữ, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật,

當知是人則為受持過去未來現在諸佛阿耨多羅三藐三菩提。

đương tri thị nhân tắc vi thọ trì quá khứ vị lai hiện tại chư Phật a nậu đa la tam miệu
tam Bồ-Đề 。

nên biết người này tức vì nhận giữ Vô thượng Chính đẳng Chính giác của chư Phật quá
khứ, vị lai, hiện tại.

阿難。般若波羅蜜欲斷絕時。若欲護助者。

A-nan 。 Bát-nhã Ba-la-mật dục đoạn tuyệt thời 。 nhược dục hộ trợ giả 。

A-nan, lúc Bát-nhã Ba-la-mật muốn đoạn tuyệt, nếu có người muốn hỗ trợ,

是人則是護助過去未來現在諸佛阿耨多羅三

菩提 是人則是護助過去未來現在諸佛阿耨多羅三

菩提 是人則是護助過去未來現在諸佛阿耨多羅三

藐三菩提。何以故。阿難。

miểu tam bồ đề 。 hà dĩ cố 。

quá khứ, vị lai và hiện tại. Vì sao? A-nan,

諸佛阿耨多羅三藐三菩提。皆從般若波羅蜜生。阿難。

chư Phật a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 giai tòng Bát-nhã Ba-la-mật sinh 。

。

Vô thượng Chính đẳng Chính giác của chư Phật đều sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật. A-nan,

若過去諸佛阿耨多羅三藐三菩提。皆從般若波羅蜜生。

nhược quá khứ chư Phật a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 giai tòng Bát-nhã Ba-la-mật sinh 。

nếu Vô thượng Chính đẳng Chính giác của chư Phật quá khứ đều sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật,

未來諸佛阿耨多羅三藐三菩提。

vị lai chư Phật a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Vô thượng Chính đẳng Chính giác của chư Phật vị lai

亦從般若波羅蜜生。

diệc tòng Bát-nhã Ba-la-mật sinh 。

cũng sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật,

現在無量阿僧祇世界諸佛阿耨多羅三藐三菩提。亦從般若波羅蜜生。

hiện tại vô lượng a tăng kỳ thế giới chư Phật a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 diệc
tòng Bát-nhã Ba-la-mật sinh 。

Vô thượng Chính đẳng Chính giác của chư Phật hiện tại trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới
cũng sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật.

是故阿難。若菩薩欲得阿耨多羅三藐三菩提。

thị cố A-nan 。 nhược Bồ-tát dục đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Vì thế, A-nan. Nếu Bồ-tát muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

當善學六波羅蜜。何以故。阿難。

đương thiện học lục ba la mật 。 hà dĩ cố 。 A-nan 。

nên khéo học sáu Ba-la-mật. Vì sao? A-nan,

諸波羅蜜是諸菩薩母能生諸佛。若菩薩學是六波羅蜜。

chư Ba-la-mật thị chư Bồ-tát mẫu năng sinh chư Phật 。 nhược Bồ-tát học thị lục ba
la mật 。

các Ba-la-mật là mẹ của các Bồ-tát, có thể sinh chư Phật. Nếu Bồ-tát học sáu Ba-la-mật
này,

當得阿耨多羅三藐三菩提。是故阿難。

đương đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

thị cố A-nan 。

我以六波羅蜜重囑累汝。何以故。

ngã dĩ lục ba la mật trọng chúc lũy nhữ 。

hà dĩ cố 。

是六波羅蜜是諸佛無盡法藏。阿難。

thị lục ba la mật thị chư Phật vô tận Pháp tạng 。

A-nan 。

汝若因小乘法為小乘人說。三千大千世界眾生。

nhữ nhược nhân Tiểu thừa Pháp vi Tiểu thừa nhân thuyết 。 tam Thiên Đại Thiên thế giới chúng sinh 。

ông nếu vì pháp Tiểu thừa mà nói cho người Tiểu thừa, thì chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới

皆以是法證阿羅漢汝為弟子功德蓋少不足言。

giai dĩ thị Pháp chứng A-la-hán nhữ vi đệ-tử công đức cái thiếu bất túc ngôn 。

đều dùng pháp này chứng A-la-hán; ông là Đệ tử, công đức còn ít, không đủ nói.

若以六波羅蜜為菩薩說。汝為弟子功德具足。

nhược dĩ lục ba la mật vi Bồ-tát thuyết 。

nhữ vi đệ-tử công đức cụ túc 。

Nếu đem sáu Ba-la-mật vi Bồ-tát mà nói, ông là đệ tử có công đức đầy đủ;

我則喜悅。阿難。若人以是小乘法。

ngã tắc hỷ duyệt 。

A-nan 。

nhược nhân dĩ thị Tiểu thừa Pháp 。

Ta liền vui mừng. A-nan, nếu người đem pháp Tiểu thừa này

教三千大千世界眾生得阿羅漢證。是諸布施持戒修善福德。

giáo tam Thiên Đại Thiên thế giới chúng sinh đắc A-la-hán chứng 。

thị chư bố thí trì giới tu thiện phúc đức 。

dạy chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới chứng được A-la-hán, thì phước đức bố thí, trì giới, tu thiện này

寧為多不。阿難言。甚多世尊。佛告阿難。

nhĩ vi đa bất 。

A-nan ngôn 。

thậm đa Thế tôn 。

Phật cáo A-nan 。

có nhiều không? A-nan nói: Rất nhiều, Thế tôn. Phật bảo A-nan:

是福雖多不如聲聞人為菩薩說般若波羅蜜乃至

thị phúc tuy đa bất như thanh văn nhân vi Bồ-tát thuyết Bát-nhã Ba-la-mật nãi chí

Phước này tuy nhiều nhưng không bằng người Thanh văn vì Bồ-tát mà nói Bát-nhã Ba-la-mật,

一日。其福甚多。阿難。置此一日。

nhất nhật 。 kỳ phúc thậm đa 。 A-nan 。 trí thử nhất nhật 。

dù chỉ một ngày; phước người này rất nhiều. A-nan, đừng nói một ngày,

若從旦至食時。置從旦至食時。乃至一漏刻頃。

nhược tòng đán chí thực thời 。 trí tòng đán chí thực thời 。 nãi chí nhất lậu khắc khoảnh 。

nếu từ sáng tới trưa; đừng nói từ sáng tới trưa, dù chỉ một khắc đồng hồ;

置是一漏刻頃。乃至須臾。為菩薩說法。

trí thị nhất lậu khắc khoảnh 。 nãi chí tu du 。 vi ồ Tát thuyết Pháp 。

đừng nói một khắc đồng hồ một khoảnh khắc, dù chỉ một sát na, mà vì Bồ-tát nói pháp,

是人於一切聲聞辟支佛善根福德不可相比。

thị nhân ư nhất thiết thanh văn Bích chi Phật thiện căn phúc đức bất khả tương bỉ 。

thì người này đối với phước đức thiện căn của Thanh văn, Phật Bích Chi không thể so sánh nhau.

若菩薩如是行如是念。於阿耨多羅三藐三菩提。

nhược Bồ-tát như thị hành như thị niệm 。

ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Nếu Bồ-tát hành như thế, nghĩ như thế, đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

退轉者無有是處。

thoái chuyển giả vô hữu thị xử 。

mà thoái chuyển thì không có điều này.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật

見阿閼佛品第二十五

kiến A súc Phật phẩm đệ nhị thập ngũ

Phẩm 25: Thấy Phật A-súc

佛說般若波羅蜜。

Phật thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

Phật thuyết Bát-nhã Ba-la-mật.

是時會中四眾比丘比丘尼優婆塞優婆夷。

thị thời hội trung Tứ Chúng bĩ khâu bĩ khâu ni Ưu bà tắc Ưu bà di 。

Bấy giờ, trong hội bốn chúng Tỷ-khưu, Tỷ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di,

天龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人非人等。

Thiên Long dạ xoa Càn thát bà A-tu-La ca lâu la khẩn na la Ma hầu la dà nhân phi nhân đẳng 。

Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, người, phi nhân, vân vân,

佛神力故。見阿閼佛在大會中恭敬圍繞而為說法。

Phật Thần lực cố 。

kiến A súc Phật tại Đại hội trung cung kính vây quanh nhi vi thuyết Pháp 。

nhờ thần lực Phật, thấy Phật A-súc ở trong hội lớn, cung kính, đi quanh, vì họ nói pháp,

如大海水不可移動。時諸比丘皆阿羅漢。

như Đại hải thủy bất khả di động 。

thời chư bĩ khâu giai A-la-hán 。

như nước trong biển lớn không thể chuyển dời. Lúc đó các Tỷ-khưu đều là A-la-hán,

諸漏已盡無復煩惱心得自在。

chư lậu dĩ tận vô phục phiền não tâm đắc tự-tại 。

các lậu đã hết, không còn phiền não, tâm được tự tại;

及諸菩薩摩訶薩其數無量。佛攝神力。

cập chư Bồ-tát Ma-Ha tát kỳ số vô lượng 。 Phật nhiếp Thần lực 。
và vô số Bồ-tát Ma-ha-tát. Phật thân thần lực;

大會四眾等皆不復見阿閼如來及聲聞菩薩國界嚴飾。佛告阿難。

Đại hội Tứ Chúng đẳng giai bất phục kiến A-súc Như-Lai cập thanh văn Bồ-tát quốc
giới nghiêm sức 。 Phật cáo A-nan 。

bốn chúng, vân vân, trong hội lớn đều không thấy lại quốc độ trang nghiêm của A-súc
Như lai, và Thanh văn, Bồ-tát. Phật bảo A-nan:

一切法亦如是。不與眼作對。

nhất thiết Pháp diệc như thị 。 bất dữ nhãn tác đối 。

Tất cả pháp cũng như thế, không đối lại với mắt;

如今阿閼佛及阿羅漢諸菩薩眾皆不復現。何以故。法不見法。

như kim A súc Phật cập A-la-hán chư Bồ-tát chúng giai bất phục hiện 。 hà dĩ cố 。

Pháp bất kiến Pháp 。

giống như nay Phật A-súc và A-la-hán, các Bồ-tát đều không hiện trở lại. Vì sao? Pháp
không thấy pháp;

法不知法。阿難。

Pháp bất tri Pháp 。

A-nan 。

pháp không biết pháp. A-nan,

一切法非知者非見者無作者無貪著不分別故。阿難。一切法不可思議。

nhất thiết Pháp phi tri giả phi kiến giả vô tác giả vô tham trú bất phân biệt cố 。

A-nan 。

nhất thiết Pháp không thể nghĩ bàn 。

tất cả pháp không phải cái biết, không phải cái thấy, không có tạo tác, không có tham
trước, vì không phân biệt. A-nan, tất cả pháp không thể nghĩ bàn,

猶如幻人。一切法無受者不堅牢故。

do như huyễn nhân 。 nhất thiết Pháp thị cố giả bất kiên lao cố 。

giống như người huyễn. Tất cả pháp không có cái thọ nhận, vì không bền chắc.

菩薩如是行者。名為行般若波羅蜜。於法亦無所著。

Bồ-tát như thị hành giả 。 danh vi hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

ư Pháp diệc vô sở trú 。

Bồ-tát hành như thế, gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật; đối với pháp cũng không dính mắc.

菩薩如是學者。名為學般若波羅蜜。阿難。

Bồ-tát như thị học giả 。

danh vi học Bát-nhã Ba-la-mật 。

A-nan 。

Bồ-tát học như thế, gọi là học Bát-nhã Ba-la-mật. A-nan,

若菩薩欲到一切法彼岸。當學般若波羅蜜。

nhược Bồ-tát dục đáo nhất thiết Pháp bỉ ngạn 。

đương học Bát-nhã Ba-la-mật 。

nếu Bồ-tát muốn đến bờ kia của tất cả pháp, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

何以故阿難學般若波羅蜜。於諸學中最为第一。

hà dĩ cố A-nan học Bát-nhã Ba-la-mật 。

ư chư học trung tối vi đệ nhất 。

Vì sao, A-nan? Học Bát-nhã Ba-la-mật đứng đầu trong các sự học,

安樂利益諸世間故。阿難。如是學者。

an lạc lợi ích chư thế gian cố 。

A-nan 。

như thị học giả 。

vì làm an lạc, lợi ích các thế gian. A-nan, người học như thế

無依止者。為作依止。如是學者。諸佛所許諸佛所讚。

vô y chỉ giả 。

vi tác y chỉ 。

như thị học giả 。

chư Phật sở hứa chư Phật sở tán 。

làm chỗ nương tựa cho người không có chỗ nương tựa. Người học như thế được chư Phật

thừa nhận, được chư Phật khen ngợi.

諸佛如是學已。能以足指震動三千大千世界。

chư Phật như thị học dĩ 。

năng dĩ túc chỉ chấn động tam Thiên Đại Thiên thế giới 。

Chư Phật đã học như thế có thể dùng ngón chân chấn động Tam thiên đại thiên thế giới.

阿難。諸佛學是般若波羅蜜。

A-nan 。 chư Phật học thị Bát-nhã Ba-la-mật 。

A-nan, chư Phật học Bát-nhã Ba-la-mật này,

於過去未來現在一切法中。得無礙知見。阿難。

ư quá khứ vị lai hiện tại nhất thiết Pháp trung 。 đắc vô ngại tri kiến 。 A-nan 。

ở trong tất cả pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, được thấy biết không ngại. A-nan,

是故般若波羅蜜最上最妙。阿難。若欲稱量般若波羅蜜。

thị cố Bát-nhã Ba-la-mật tối thượng tối diệu 。

vì thế Bát-nhã Ba-la-mật là tối thượng, tối diệu. A-nan, nếu muốn đo lường Bát-nhã Ba-la-mật

即是稱量虛空。何以故。

tức thị xưng lượng hư không 。

tức là đo lường hư không. Vì sao?

是般若波羅蜜無量故。阿難。我不說有般若波羅蜜有限有量。

thị Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng cố 。

Vì Bát-nhã Ba-la-mật không thể đo lường. A-nan, Ta không nói có Bát-nhã Ba-la-mật có giới hạn, có đo lường.

阿難。名字章句語言有量。般若波羅蜜無量。

A-nan 。 danh tự chương cú ngữ ngôn hữu lượng 。

A-nan, danh tự, chương, câu, ngôn ngữ có thể đo lường; Bát-nhã Ba-la-mật không thể đo lường.

世尊。何因緣故。般若波羅蜜無量。阿難。

Thế tôn 。 hà nhân duyên cố 。 Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng 。 A-nan 。

Thế tôn, vì nhân duyên nào Bát-nhã Ba-la-mật không thể đo lường? A-nan,

般若波羅蜜無盡故無量般若波羅蜜離故無量阿

Bát-nhã Ba-la-mật vô tận cố vô lượng Bát-nhã Ba-la-mật ly cố vô lượng a

Vì Bát-nhã Ba-la-mật không cùng tận nên không thể đo lường; vì Bát-nhã Ba-la-mật tách rời nên không thể đo lường. A-nan,

難。過去諸佛皆從般若波羅蜜出。

nan 。 quá khứ chư Phật giai tông Bát-nhã Ba-la-mật xuất 。

chư Phật quá khứ đều từ Bát-nhã Ba-la-mật mà ra,

而般若波羅蜜不盡。未來諸佛皆從般若波羅蜜出。

nhi Bát-nhã Ba-la-mật bất tận 。

vị lai chư Phật giai tông Bát-nhã Ba-la-mật xuất 。

nhưng Bát-nhã Ba-la-mật không cùng tận. Chư Phật vị lai đều từ Bát-nhã Ba-la-mật mà ra,

而般若波羅蜜不盡。現在無量世界諸佛。

nhi Bát-nhã Ba-la-mật bất tận 。

hiện tại vô lượng thế giới chư Phật 。

皆從般若波羅蜜出。而般若波羅蜜不盡。

giai tông Bát-nhã Ba-la-mật xuất 。

nhi Bát-nhã Ba-la-mật bất tận 。

是故般若波羅蜜。已不盡今不盡當不盡。阿難。

thị cố Bát-nhã Ba-la-mật 。

dĩ bất tận kim bất tận đương bất tận 。

A-nan 。

Vì thế, Bát-nhã Ba-la-mật đã không cùng tận, nay không cùng tận, sẽ không cùng tận. A-nan,

若人欲盡般若波羅蜜。為欲盡虛空。

nhược nhân dục tận Bát-nhã Ba-la-mật 。 vì dục tận hư không 。

nếu người muốn làm cho Bát-nhã Ba-la-mật cùng tận, là muốn làm cho hư không cùng tận.

爾時須菩提作是念。是事甚深我當問佛。即白佛言。世尊。

nhĩ thời Tu-bồ-đề tác thị niệm 。 thị sự thậm thâm ngã đương vấn Phật 。 tức bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Bấy giờ, Tu-bồ-đề nghĩ: Điều này sâu xa, ta nên hỏi Phật. Liên bạch Phật: Thế tôn,

般若波羅蜜無盡耶。須菩提。

Bát-nhã Ba-la-mật vô tận da 。

Tu-bồ-đề 。

Có phải Bát-nhã Ba-la-mật không cùng tận? Tu-bồ-đề,

般若波羅蜜無盡。虛空無盡故。般若波羅蜜無盡。世尊。

Bát-nhã Ba-la-mật vô tận 。

hư không vô tận cố 。

Bát-nhã Ba-la-mật vô tận 。

Thế tôn 。

應云何出生般若波羅蜜。須菩提。

ứng vân hà xuất sinh Bát-nhã Ba-la-mật 。

Tu-bồ-đề 。

nên làm thế nào để sinh ra Bát-nhã Ba-la-mật? Tu-bồ-đề,

色無盡故是生般若波羅蜜。

sắc vô tận cố thị sinh Bát-nhã Ba-la-mật 。

Vì sắc không cùng tận nên sinh Bát-nhã Ba-la-mật;

受想行識無盡故是生般若波羅蜜。須菩提。菩薩坐道場時。如是觀十二因緣。

thọ tưởng hành thức vô tận cố thị sinh Bát-nhã Ba-la-mật 。

Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát tọa đạo trường thời 。

như thị quán thập nhị nhân duyên 。

vì thọ, tưởng, hành, thức không cùng tận nên sinh Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát ngồi đạo tràng, quán mười hai nhân duyên như thế,

離於二邊。是為菩薩不共之法。

ly ư nhị biên 。 thị vi Bồ-tát bất-cộng chi Pháp 。
rời hai bên; đó là pháp bất cộng của Bồ-tát.

若菩薩如是觀因緣法。不墮聲聞辟支佛地。

nhược Bồ-tát như thị quán nhân duyên Pháp 。 bất đọa thanh văn tích chi Phật địa 。
Nếu Bồ-tát quán pháp nhân duyên như thế, không rơi vào các địa Thanh văn, Phật Bích Chi,

疾近薩婆若必得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提。

tật cận tát bà nhược tất đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。 Tu-bồ-đề 。
sớm gần Nhất thiết trí, chắc chắn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề,

若諸菩薩有退轉者。不得如是念。

nhược chư Bồ-tát hữu thoái chuyển giả 。 bất đắc như thị niệm 。
nếu các Bồ-tát có thoái chuyển, không được suy nghĩ như thế,

不知菩薩行般若波羅蜜。云何以無盡法觀十二因緣。須菩提。

bất tri Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 vân hà dĩ vô tận Pháp quán thập nhị nhân
duyên 。 Tu-bồ-đề 。
không biết Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật làm thế nào dùng pháp không cùng tận để
quán mười hai nhân duyên. Tu-bồ-đề,

若諸菩薩有退轉者。不得如是方便之力。

nhược chư Bồ-tát hữu thoái chuyển giả 。 bất đắc như thị phương tiện chi lực 。
nếu các Bồ-tát có thoái chuyển, không được lực phương tiện như thế.

須菩提。若諸菩薩不退轉者。

Tu-bồ-đề 。 nhược chư Bồ-tát bất thoái chuyển giả 。
Tu-bồ-đề, nếu các Bồ-tát không thoái chuyển,

皆得如是方便之力。所謂菩薩行般若波羅蜜。

giai đắc như thị phương tiện chi lực 。 sở vị Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。
đều đợc lực phương tiện như thế. Đó là, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật,

以如是無盡法觀十二因緣。若菩薩如是觀時。

dĩ như thị vô tận Pháp quán thập nhị nhân duyên 。 nhược Bồ-tát như thị quán thời 。
dùng pháp không cùng tận như thế để quán mười hai nhân duyên. Nếu lúc Bồ-tát quán
như thế,

不見諸法無因緣生。亦不見諸法常。不見諸法作者受者。

bất kiến chư Pháp vô nhân duyên sinh 。 diệc bất kiến chư Pháp thường 。 bất kiến
chư Pháp tác giả thọ giả 。

không thấy các pháp không có nhân duyên mà sinh, cũng không thấy các pháp là thường,
không thấy các pháp là có làm, có nhận.

須菩提。

Tu-bồ-đề 。

Tu-bồ-đề,

是名菩薩行般若波羅蜜時觀十二因緣法。須菩提。若菩薩行般若波羅蜜時。

thị danh Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật thời quán thập nhị nhân duyên Pháp 。

Tu-bồ-đề 。

nhược Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật thời 。

đó gọi là lúc Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, quán pháp mười hai nhân duyên. Tu-bồ-đề,
nếu lúc Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật,

不見色。不見受想行識。不見此佛世界。

bất kiến sắc 。

bất kiến thọ tưởng hành thức 。

bất kiến thử Phật thế giới 。

không thấy sắc, không thấy thọ, tưởng, hành, thức, không thấy thế giới của Phật này,

不見彼佛世界。亦不見有法見此佛世界彼佛世界。

bất kiến bỉ Phật thế giới 。 diệc bất kiến hữu Pháp kiến thử Phật thế giới bỉ Phật thế giới
。

không thấy thế giới của Phật kia, cũng không thấy có pháp thấy thế giới Phật này, thế giới Phật kia.

須菩提。若有菩薩能如是行般若波羅蜜。

Tu-bồ-đề 。 nhược hữu Bồ-tát năng như thị hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Tu-bồ-đề, nếu có Bồ-tát có thể hành Bát-nhã Ba-la-mật như thế,

是時惡魔憂愁如箭入心。

thị thời ác Ma ưu sầu như tiễn nhập tâm 。

lúc đó Ác ma buồn rầu như mũi tên đâm vào tim,

譬如新喪父母甚大憂毒。菩薩亦如是行般若波羅蜜。

thí như tân tang phụ mẫu thậm Đại ưu độc 。 Bồ-tát diệc như thị hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

ví như người mới mất cha mẹ rất ưu sầu, thương tổn. Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật như thế,

惡魔甚大憂毒。世尊。但一惡魔愁毒。

ác Ma thậm Đại ưu độc 。 Thế tôn 。 đăn nhất ác Ma sầu độc 。

Ác ma cũng rất ưu sầu, thương tổn. Thế tôn, chỉ một Ác ma sầu tổn;

三千世界惡魔皆悉愁毒耶。須菩提。是諸惡魔皆悉憂毒。

tam thiên thế giới ác Ma giai tất sầu độc da 。

Tu-bồ-đề 。

thị chư ác Ma giai tất ưu độc 。

Ác ma trong Tam thiên thế giới có sầu tổn không? Tu-bồ-đề, các Ác ma này đều sầu tổn;

各於坐處不能自安。須菩提。

các ư tọa xử bất năng tự an 。 Tu-bồ-đề 。
chúng không thể tự an ổn ở nơi chỗ ngồi của mình. Tu-bồ-đề,

菩薩如是行般若波羅蜜。一切世間天人阿修羅無能得便。

Bồ-tát như thị hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La vô năng đắc tiện 。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật như thế, tất cả thế gian, Trời, người, A-tu-la không thể tùy tiện làm gì được họ;

不見有法可退者。是故須菩提。

bất kiến hữu Pháp khả thoái giả 。 thị cố Tu-bồ-đề 。

không thấy có pháp có thể thoái chuyển. Vì thế, Tu-bồ-đề,

菩薩欲得阿耨多羅三藐三菩提。當如是行般若波羅蜜。

Bồ-tát dục đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

Bồ-tát muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên hành Bát-nhã Ba-la-mật như thế.

菩薩如是行般若波羅蜜時。

Bồ-tát như thị hành Bát-nhã Ba-la-mật thời 。

Lúc Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật như thế,

則具足檀波羅蜜尸羅波羅蜜羼提波羅蜜毘梨耶波羅蜜。

tắc cụ túc đàn ba la mật Thi-La Ba-la-mật Sạn-Đề Ba-la-mật Bi-lê-Da Ba-la-mật 。

tức đầy đủ Bố thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật,

禪波羅蜜。菩薩行般若波羅蜜時。

Thiền Ba-la-mật 。

Thiền định Ba-la-mật. Lúc Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật

則具足諸波羅蜜。亦能具足方便力。

tắc cụ túc chư Ba-la-mật 。 diệc năng cụ túc phương tiện lực 。
tức đầy đủ các Ba-la-mật, cũng có thể đầy đủ lực phương tiện.

是菩薩行般若波羅蜜。諸有所作生便能知。是故須菩提。

thị Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư hữu sở tác sinh tiện năng tri 。 thị cố Tu-bồ-
đề 。

Bồ-tát này hành Bát-nhã Ba-la-mật, các việc làm nếu khởi liền có thể biết. Vì thế, Tu-bồ-
đề.

菩薩欲得方便力者。當學般若波羅蜜。

Bồ-tát dục đắc phương tiện lực giả 。 đương học Bát-nhã Ba-la-mật 。

Bồ-tát muốn được lực phương tiện, nên học Bát-nhã Ba-la-mật,

當修般若波羅蜜須菩提。若菩薩行般若波羅蜜。

đương tu Bát-nhã Ba-la-mật Tu-bồ-đề 。 nhưc Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

nên tu Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật,

生般若波羅蜜時。應念現在無量無邊世界諸佛。

sinh Bát-nhã Ba-la-mật thời 。 ứng niệm hiện tại vô lượng không ngần mé thế giới chư
Phật 。

lúc sinh Bát-nhã Ba-la-mật, nên nghĩ đến chư Phật hiện tại ở vô lượng không ngần mé thế
giới,

諸佛薩婆若智。皆從般若波羅蜜生。

chư Phật tát bà nhưc trí 。 giai tông Bát-nhã Ba-la-mật sinh 。

Nhất thiết trí của chư Phật đều sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật.

菩薩如是念時。應如是思惟。如十方諸佛所得諸法相。

Bồ-tát như thị niệm thời 。 ứng như thị tư duy 。 như thập phương chư Phật sở đắc chư
Pháp tướng 。

Lúc Bồ-tát nghĩ như thế, nên suy nghĩ thế này: Như chư Phật mười phương được các pháp tướng,

我亦當得。須菩提。

Ngã diệc đương đắc, Tu-bồ-đề

ta cũng nên được. Tu-bồ-đề,

菩薩行般若波羅蜜應生如是念。須菩提。若菩薩能生如是念。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật ứng sinh như thị niệm 。 Tu-bồ-đề 。 nhược Bồ-tát năng sinh như thị niệm 。

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên sinh sự nhớ nghĩ như thế. Tu-bồ-đề, Bồ-tát có thể sinh sự nhớ nghĩ như thế,

乃至彈指頃。勝於如恒河沙劫布施福德。

nãi chí đạn chỉ khoảnh 。 thắng ư như hằng hà sa kiếp bố thí phúc đức 。

dù trong một khảy móng tay, thì hơn phước đức bố thí trong hằng hà sa kiếp;

何況一日半日。當知是菩薩必至阿毘跋致。

hà huống nhất nhật bán nhật 。 đương tri thị Bồ-tát tất chí A ti bạt trí 。

huống là một ngày, nửa ngày. Nên biết Bồ-tát này chắc chắn đến được Nhất thiết trí,

當知是菩薩為諸佛所念。須菩提。菩薩為諸佛所念者。

đương tri thị Bồ-tát vi chư Phật sở niệm 。

Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát vi chư Phật sở niệm giả 。

nên biết Bồ-tát này được chư Phật nhớ đến. Tu-bồ-đề, Bồ-tát được chư Phật nhớ đến,

不生餘處。必當立於阿耨多羅三藐三菩提。

bất sinh dư xứ 。

tất đương lập ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-Đề 。

không sinh chỗ khác, chắc chắn sẽ trụ ở Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

是菩薩終不墮三惡道。常生好處不離諸佛。

thị Bồ-tát chung bắt đọa tam ác đạo 。 thường sinh hảo xử bất ly chư Phật 。
Bồ-tát này trọn đời không rơi vào ba đường ác, thường sinh chỗ tốt, không rời chư Phật.

須菩提。菩薩行般若波羅蜜。生般若波羅蜜。

Tu-bồ-đề 。 Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 sinh Bát-nhã Ba-la-mật 。

Tu-bồ-đề, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, sinh Bát-nhã Ba-la-mật,

乃至彈指頃得如是功德。

nãi chí đạn chỉ khoảnh khắc như thị công đức 。

dù trong một khảy móng tay, còn được công đức như thế,

何況一日若過一日。如香象菩薩。今在阿閼佛所行菩薩道。

hà hưởng nhất nhật nhược quá nhất nhật 。 như hương tượng Bồ-tát 。 kim tại A súc
Phật sở hạnh Bồ-tát đạo 。

hưởng là một ngày, hoặc hơn một ngày; giống như Bồ-tát Hương tượng đang hành đạo
Bồ-tát ở cõi Phật A-súc,

常不離般若波羅蜜行。

thường bất ly Bát-nhã Ba-la-mật hành 。

thường không rời hành Bát-nhã Ba-la-mật.

說是法時諸比丘眾一切大會天人阿修羅。皆大歡喜。

thuyết thị Pháp thời chư bỉ khâu chúng nhất thiết Đại hội Thiên Nhơn A-tu-La 。 giai
Đại hoan hỉ 。

Lúc nói pháp này, các chúng Tỷ-khưu, tất cả hội lớn, trời, người, A-tu-la đều hoan hỷ.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật

隨知品第二十六

tùy tri phẩm đệ nhị thập lục

Phẩm 26: Tùy Biết

佛告須菩提。一切法無分別。

Phật cáo Tu-bồ-đề 。 nhất thiết Pháp vô phân biệt 。

Phật bảo Tu-bồ-đề: Tất cả pháp không phân biệt,

當知般若波羅蜜亦如是。一切法無壞。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。

nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tất cả pháp không hoại,

當知般若波羅蜜亦如是。一切法但假名字。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。

nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tất cả pháp chỉ là giả danh,

當知般若波羅蜜亦如是。一切法以言說故有。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。

nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tất cả pháp vì dùng lời nói nên có,

當知般若波羅蜜亦如是。又此言說。無所有無處所。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。

hựu thử ngôn thuyết 。

vô sở hữu vô xử sở 。

nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Lại nữa, lời nói này là không có, không nơi chốn,

當知般若波羅蜜亦如是。一切法虛假為用。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。

nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tất cả pháp tác dụng hư giả,

當知般若波羅蜜亦如是一切法無量當知般若波羅蜜亦如是

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị nhất thiết Pháp vô lượng đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tất cả pháp không đo lường được, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế.

色無量。當知般若波羅蜜亦如是。

sắc vô lượng 。 đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。
Sắc không đo lường được, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế.

受想行識無量。當知般若波羅蜜亦如是。一切法無相。

thọ tưởng hành thức vô lượng 。 đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 nhất thiết Pháp vô tướng 。

Thọ, tưởng, hành, thức không đo lường được, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế.
Tất cả pháp không tướng,

當知般若波羅蜜亦如是。一切法通達相。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 nhất thiết Pháp thông đạt tướng 。

nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tất cả pháp là tướng thông đạt,

當知般若波羅蜜亦如是。一切法本來清淨。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 nhất thiết Pháp bản lai thanh tịnh 。

nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tất cả pháp xưa nay trong sạch,

當知般若波羅蜜亦如是。一切法無言說。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 nhất thiết Pháp vô ngôn thuyết 。

nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tất cả pháp không có lời nói,

當知般若波羅蜜亦如是。一切法同於滅。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 nhất thiết Pháp đồng ư diệt 。

nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tất cả pháp giống với diệt,

當知般若波羅蜜亦如是。一切法如涅槃。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 nhất thiết Pháp như Niết-Bàn 。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tất cả pháp như Niết-bàn,

當知般若波羅蜜亦如是。一切法不來不去無所生。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 nhất thiết Pháp Bất-lai bất khứ vô sở sinh
。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tất cả pháp không đến, không đi, không được
sinh,

當知般若波羅蜜亦如是。一切法無彼我。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 nhất thiết Pháp vô bỉ ngã 。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tất cả pháp không có ta, người,

當知般若波羅蜜亦如是。賢聖畢竟清淨。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 hiền Thánh tất cánh thanh tịnh 。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Hiền thánh rốt ráo đều trong sạch,

當知般若波羅蜜亦如是。捨一切擔。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 xả nhất thiết diêm 。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Vứt bỏ tất cả gánh nặng,

當知般若波羅蜜亦如是。何以故。色無形無處。自性無故。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 hà dĩ cố 。 sắc vô hình vô xử 。 tự tính vô cố
。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Vì sao? Sắc không hình, không chốn, vì tự tính
không có.

受想行識無形無處。自性無故。一切法無熱。

thọ tưởng hành thức vô hình vô xử 。 tự tính vô cố 。 nhất thiết Pháp vô nhiệt 。

Thọ, tưởng, hành, thức không hình, không chốn, vì tự tính không có. Tất cả pháp không nóng,

當知般若波羅蜜亦如是。一切法無染無離。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 nhất thiết Pháp vô nhiễm vô ly 。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tất cả pháp không nhiễm, không rời,

當知般若波羅蜜亦如是。何以故。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 hà dĩ cố 。
nên Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Vì sao?

色無所有故無染無離。受想行識無所有故無染無離。

sắc vô sở hữu cố vô nhiễm vô ly 。 thọ tưởng hành thức vô sở hữu cố vô nhiễm vô ly
。
vì sắc không có nên không nhiễm, không rời; thọ, tưởng, hành, thức không có nên không nhiễm, không rời.

一切法性清淨。當知般若波羅蜜亦如是。

nhất thiết Pháp tính thanh tịnh 。 đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。
Tất cả pháp tính trong sạch, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế.

一切法無繫著。當知般若波羅蜜亦如是。

nhất thiết Pháp vô hệ trứ 。 đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。
Tất cả pháp không trói buộc, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế.

一切法是菩提覺以佛慧。當知般若波羅蜜亦如是。

nhất thiết Pháp thị bồ đề giác dĩ Phật tuệ 。 đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị
。
Tất cả pháp là Bồ-đề, giác lấy Phật tuệ, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế.

一切法空無相無作。當知般若波羅蜜亦如是。

nhất thiết Pháp không vô tướng vô tác 。 đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。
Tất cả pháp Không, không có tướng, không tạo tác, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế.

一切法是藥慈心為首。當知般若波羅蜜亦如是。

nhất thiết Pháp thị dược từ tâm vi thủ 。 đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。
Tất cả pháp là thuốc, tâm Từ làm đầu, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế.

一切法梵相慈相無過無恚。

nhất thiết Pháp phạm tướng từ tướng vô quá vô khuể 。
Tất cả pháp là tướng Phạm, tướng Từ, không sai, không giận,

當知般若波羅蜜亦如是。大海無邊。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 Đại hải không ngần mé 。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Biển lớn không ngần mé,

當知般若波羅蜜亦如是。虛空無邊。當知般若波羅蜜亦如是。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 hư không không ngần mé 。 đương tri Bát-
nhã Ba-la-mật diệc như thị 。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Hư không không ngần mé, nên biết Bát-nhã Ba-
la-mật cũng như thế.

日照無邊。當知般若波羅蜜亦如是。色離。

nhật chiếu không ngần mé 。 đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 sắc ly 。
Mặt trời chiếu không ngần mé, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Sắc là rời,

當知般若波羅蜜亦如是。受想行識離。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 thọ tưởng hành thức ly 。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế; thọ, tưởng, hành, thức là rời,

當知般若波羅蜜亦如是。一切音聲無邊。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 nhất thiết âm thanh không ngăn mé 。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tất cả âm thanh không ngăn mé,

當知般若波羅蜜亦如是。諸性無邊。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 chư tính không ngăn mé 。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Các tính không ngăn mé,

當知般若波羅蜜亦如是。集無量善法。當知般若波羅蜜亦如是。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 tập vô lượng thiện Pháp 。 đương tri Bát-
nhã Ba-la-mật diệc như thị 。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tập hợp vô lượng Pháp thiện, nên biết Bát-nhã
Ba-la-mật cũng như thế.

一切法三昧無邊。當知般若波羅蜜亦如是。

nhất thiết Pháp tam muội không ngăn mé 。 đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。
Tất cả pháp tam-muội không ngăn mé, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế.

佛法無邊。當知般若波羅蜜亦如是。法無邊。

Phật Pháp không ngăn mé 。 đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 Pháp không
ngăn mé 。

Phật pháp không ngăn mé, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Pháp không ngăn
mé,

當知般若波羅蜜亦如是。空無邊。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 không không ngăn mé 。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Không không ngăn mé,

當知般若波羅蜜亦如是。心心數法無邊。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 tâm tâm số Pháp không ngăn mé 。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Tâm, tâm số pháp không ngăn mé,

當知般若波羅蜜亦如是。諸心所行無邊。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 chư tâm sở hạnh không ngần mé 。
nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Hành của các tâm không ngần mé,

當知般若波羅蜜亦如是。善法無量。當知般若波羅蜜亦如是。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 thiện Pháp vô lượng 。 đương tri Bát-nhã Ba-
la-mật diệc như thị 。

nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Pháp thiện không đo lường được, nên biết Bát-
nhã Ba-la-mật cũng như thế.

不善法無量。當知般若波羅蜜亦如是。

bất Pháp thiện vô lượng 。 đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。

Pháp bất thiện không đo lường được, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế.

如師子吼。當知般若波羅蜜亦如是。何以故。

như Sư-tử hống 。 đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。 hà dĩ cố 。

Như tiếng hống của Sư tử, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như thế. Vì sao?

色如大海受想行識如大海。

sắc như Đại hải thọ tưởng hành thức như Đại hải 。

Vì sắc như biển lớn; thọ, tưởng, hành, thức như biển lớn.

色如虛空受想行識如虛空。色如須彌山莊嚴。

sắc như hư không thọ tưởng hành thức như hư không 。 sắc như Tu-Di sơn trang
nghiêm 。

Sắc như hư không; thọ, tưởng, hành, thức như hư không. Sắc như núi Tu-di trang nghiêm;

受想行識如須彌山莊嚴。色如日光。受想行識如日光。

thọ tưởng hành thức như Tu-Di sơn trang nghiêm 。 sắc như nhật quang 。 thọ tưởng
hành thức như nhật quang 。

thọ, tưởng, hành, thức như núi Tu-di trang nghiêm. Sắc như ánh sáng mặt trời; thọ, tưởng, hành, thức như ánh sáng mặt trời.

色如聲無邊。受想行識如聲無邊。色如眾生性無邊。

sắc như thanh không ngần mé 。 thọ tưởng hành thức như thanh không ngần mé 。

sắc như chúng sinh tính không ngần mé 。

Sắc như âm thanh không ngần mé; thọ, tưởng, hành, thức như âm thanh không ngần mé.

Sắc như tính chúng sinh không ngần mé;

受想行識如眾生性無邊。

thọ tưởng hành thức như chúng sinh tính không ngần mé 。

thọ, tưởng, hành, thức như tính chúng sinh không ngần mé.

色如地受想行識如地。色如水受想行識如水。

sắc như địa thọ tưởng hành thức như địa 。 sắc như thủy thọ tưởng hành thức như thủy 。

Sắc như đất; thọ, tưởng, hành, thức như đất. Sắc như nước; thọ, tưởng, hành, thức như nước.

色如火受想行識如火。色如風受想行識如風。色如空種。

sắc như hỏa thọ tưởng hành thức như hỏa 。 sắc như phong thọ tưởng hành thức như phong 。

Sắc như lửa; thọ, tưởng, hành, thức như lửa. Sắc như gió; thọ, tưởng, hành, thức như gió.

Sắc như đại chủng Không;

受想行識如空種。色離集善相。

thọ tưởng hành thức như không chủng 。

thọ, tưởng, hành, thức như đại chủng Không. Sắc rời tập thiện tướng;

受想行識離集善相。色離和合法。受想行識離和合法。

thọ tướng hành thức ly tập thiện tướng 。 sắc ly hòa hợp Pháp 。 thọ tướng hành thức ly hòa hợp Pháp 。

thọ, tướng, hành, thức rời tập thiện tướng. Sắc rời pháp hòa hiệp; thọ, tướng, hành, thức rời pháp hòa hiệp.

色三昧故無邊。受想行識三昧故無邊。

sắc tam muội cố không ngần mé 。 thọ tướng hành thức tam muội cố không ngần mé 。

Sắc tam-muội nên không ngần mé; thọ, tướng, hành, thức tam-muội nên không ngần mé.

色色離色性色如是佛法。

sắc sắc ly sắc tính sắc như thị Phật Pháp 。

Sắc, sắc rời tính sắc, Như của sắc là Phật pháp;

受想行識識離識性識如是佛法。色相無邊。受想行識相無邊。色空無邊。

thọ tướng hành thức thức ly thức tính thức như thị Phật Pháp 。 sắc tướng không ngần mé 。

thức của thọ, tướng, hành, thức rời tính của thức, Như của thức là Phật pháp. Tướng sắc không ngần mé; tướng thọ, tướng, hành, thức không ngần mé. Không của sắc không ngần mé;

受想行識空無邊。色心所行故無邊。

thọ tướng hành thức không không ngần mé 。

受想行識心所行故無邊。色中善不善不可得。

thọ tướng hành thức tâm sở hạnh cố không ngần mé 。

vì thọ, tướng, hành, thức là hành của tâm nên không ngần mé. Trong sắc không thể có thiện, bất thiện;

受想行識中善不善不可得。色不可壞。

thọ tưởng hành thức trung thiện bất thiện bất khả đắc 。 sắc bất khả hoại 。
trong thọ, tưởng, hành, thức không thể có thiện, bất thiện. Sắc không thể hoại;

受想行識不可壞。色是師子吼。受想行識是師子吼。

thọ tưởng hành thức bất khả hoại 。 sắc thị Sư-tử hống 。 thọ tưởng hành thức thị
Sư-tử hống 。

thọ, tưởng, hành, thức không thể hoại. Sắc là tiếng hống Sư tử; thọ, tưởng, hành, thức là
tiếng hống Sư tử.

當知般若波羅蜜亦如是。

đương tri Bát-nhã Ba-la-mật diệc như thị 。

Nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

小品般若波羅蜜經

tiểu phẩm Bát-nhã Ba-la-mật Kinh

Kinh Tiểu Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật

卷第十

quyển đệ thập

Quyển X

薩陀波崙品第二十七

Tát-đà-ba-lôn phẩm đệ nhị thập thất

Phẩm 27: Tát-đà-ba-lôn

佛告須菩提。若菩薩欲求般若波羅蜜。

Phật cáo Tu-bồ-đề 。 nhược Bồ-tát dục cầu Bát-nhã Ba-la-mật 。

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát muốn cầu Bát-nhã Ba-la-mật,

當如薩陀波崙菩薩今在雷音威王佛所行菩薩道

đương như Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát kim tại lô âm uy Vương Phật sở hạnh Bồ-tát đạo
nên như Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn đang hành đạo Bồ-tát ở cõi Phật Lô Âm Oai vương.

須菩提白佛言。世尊。

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế tôn,

薩陀波崙菩薩云何求般若波羅蜜。佛告須菩提。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát vân hà cầu Bát-nhã Ba-la-mật 。

Phật cáo Tu-bồ-đề 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn làm thế nào cầu Bát-nhã Ba-la-mật? Phật bảo Tu-bồ-đề:

薩陀波崙菩薩本求般若波羅蜜時。不依世事。不惜身命。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát bản cầu Bát-nhã Ba-la-mật thời 。

bất y thế sự 。

bất tích thân mạng 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn, khi còn cầu Bát-nhã Ba-la-mật, không nương việc đời, không tiếc mạng sống,

不貪利養。於空林中聞空中聲音。善男子。

bất tham lợi dưỡng 。

ư không lâm trung văn không trung thanh ngôn 。

thiện nam tử 。

không ham lợi dưỡng, ở trong rừng hoang, nghe giữa hư không có tiếng nói: Thiện nam tử,

汝從是東行當得聞般若波羅蜜。行時莫念疲倦。

nhữ tòng thị Đông hành đương đắc văn Bát-nhã Ba-la-mật 。

hành thời mạc niệm bì quyện 。

từ đây ông đi về phía Đông, sẽ được nghe Bát-nhã Ba-la-mật. Lúc đi đừng nghĩ mệt mỏi,

莫念睡眠。莫念飲食。莫念晝夜。莫念寒熱。

mạc niệm thụy miên 。

mạc niệm ẩm thực 。

mạc niệm trú dạ 。

mạc niệm hàn nhiệt 。

đừng nghĩ ngủ nghĩ, đừng nghĩ ăn uống, đừng nghĩ ngày đêm, đừng nghĩ lạnh nóng.

如是諸事。莫念莫觀亦莫思惟。離諂曲心。

như thị chư sự 。 mạc niệm mạc quán diệc mạc tư duy 。 ly siểm khúc tâm 。
Những điều như thế, đừng nghĩ đừng quán, cũng đừng suy nghĩ, rời tâm nịnh hót, cong queo,

莫自高身卑下他人。當離一切眾生之相。

mạc tự cao thân ti hạ tha nhân 。 đương ly nhất thiết chúng sinh chi tướng 。
đừng tự đề cao, xem thường người khác. Nên rời tướng của tất cả chúng sinh;

當離一切利養名譽。當離五蓋當離慳嫉。

đương ly nhất thiết lợi dưỡng danh dự 。 đương ly ngũ cái đương ly khan tật 。
nên rời tất cả lợi dưỡng, danh dự; nên rời năm phiền não; nên rời sự keo kiệt, ganh tỵ;

亦莫分別內法外法。行時莫得左右顧視。莫念前莫念後。

diệc mạc phân biệt nội Pháp ngoại Pháp 。 hành thời mạc đắc tả hữu cố thị 。 mạc niệm tiền mạc niệm hậu 。
cũng đừng phân biệt pháp trong, pháp ngoài. Lúc đi không được nhìn sang trái phải; đừng nghĩ phía trước, đừng nghĩ phía sau;

莫念上莫念下。莫念四維。莫動色受想行識。

mạc niệm thượng mạc niệm hạ 。 mạc niệm tứ duy 。 mạc động sắc thọ tưởng hành thức 。
đừng nghĩ phía trên; đừng nghĩ phía dưới; đừng nhìn bốn phía; đừng động sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

何以故。若動色受想行識。則不行佛法。

hà dĩ cố 。 nhược động sắc thọ tưởng hành thức 。 tắc bất hành Phật Pháp 。
Vì sao? Nếu động sắc, thọ, tưởng, hành, thức tức không hành Phật pháp,

行於生死。如是之人。不能得般若波羅蜜。

hành ư sinh tử 。 như thị chi nhân 。 bất năng đắc Bát-nhã Ba-la-mật 。
mà hành ở sinh tử; người như thế không thể được Bát-nhã Ba-la-mật.

薩陀波崙報空中聲言。當如教行。何以故。

Tát-đà-ba-lôn báo không trung thanh ngôn 。 đương như giáo hành 。 hà dĩ cố 。
Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn đáp lại tiếng giữa hư không: Sẽ hành như lời dạy. Vì sao?

我為一切眾生作光明故。集諸佛法。空中聲言。

ngã vi nhất thiết chúng sinh tác quang-minh cố 。 tập chư Phật Pháp 。 không trung
thanh ngôn 。

Ta vì tất cả chúng sinh mà làm ánh sáng, tập hợp các Phật pháp. Tiếng giữa hư không
nói:

善哉善哉。善男子。汝應信解空無相無作法。

Thiện tai Thiện tai 。 thiện nam tử 。 nễ ứng tín giải không vô tướng vô tác Pháp 。
Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử. Ông nên tin hiểu pháp Không, Vô tướng, Vô tác;

應離諸相離於有見離眾生見人見我見。

ứng ly chư tướng ly ư hữu kiến ly chúng sinh kiến nhân kiến ngã kiến 。

nên rời các tướng, rời Hữu kiến, rời Chúng sinh kiến, Nhân kiến, Ngã kiến,

求般若波羅蜜。善男子。應離惡知識親近善知識。

cầu Bát-nhã Ba-la-mật 。 thiện nam tử 。 ứng ly ác tri thức thân cận thiện tri thức 。

mà cầu Bát-nhã Ba-la-mật. Thiện nam tử, nên rời ác tri thức, gần thiện tri thức.

善知識者。能說空無相無作無生無滅法。

thiện tri thức giả 。 năng thuyết không vô tướng vô tác vô sinh vô diệt Pháp 。

Bậc thiện tri thức có thể nói pháp Không, Vô tướng, Vô tác, Vô sinh, Vô diệt.

善男子。汝能如是。不久得聞般若波羅蜜。

thiện nam tử 。 nữ năng như thị 。 bất cứu đắc văn Bát-nhã Ba-la-mật 。

Thiện nam tử, nếu có thể như vậy, không lâu ông sẽ được nghe Bát-nhã Ba-la-mật,

若從經卷聞。若從法師聞。善男子。

nhược tòng Kinh quyển văn 。 nhược tòng Pháp sư văn 。 thiện nam tử 。

hoặc nghe từ kinh, hoặc nghe từ Pháp sư. Thiện nam tử,

汝所從聞般若波羅蜜。當於是人生大師想。當知報恩。

nhữ sở tòng văn Bát-nhã Ba-la-mật 。

đương ư thị nhân sinh Đại sư tưởng 。

đương tri báo ân 。

từ nơi ông được nghe Bát-nhã Ba-la-mật, đối với người này nên xem như thầy lớn, nên biết trả ơn,

應作是念。我所從聞般若波羅蜜。則是我善知識。

ứng tác thị niệm 。

ngã sở tòng văn Bát-nhã Ba-la-mật 。

tắc thị ngã thiện tri thức 。

nên nghĩ thế này: Từ nơi ta nghe được Bát-nhã Ba-la-mật tức là thiện tri thức của ta;

我得聞般若波羅蜜。

ngã đắc văn Bát-nhã Ba-la-mật 。

ta được nghe Bát-nhã Ba-la-mật,

當不退於阿耨多羅三藐三菩提。不離諸佛。不生無佛世界。得離諸難。

đương bất thối ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。

bất ly chư Phật 。

bất sinh vô Phật thế giới 。

đắc ly chư nan 。

sẽ không thối lui đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không rời chư Phật, không sinh ở thế giới không có Phật, được rời các nạn.

思惟如是功德利故。於法師所生大師想。

tư duy như thị công đức lợi cố 。

ư Pháp sư sở sinh Đại sư tưởng 。

Vì suy nghĩ lợi ích công đức như thế nên đối với Pháp sư xem như thầy lớn.

善男子。莫以世俗財利心故隨逐法師。

thiện nam tử 。 mạc dĩ thế tục tài lợi tâm cố tùy trục Pháp sư 。

Thiện nam tử, đừng lấy tâm tài lợi thế tục mà đi theo Pháp sư,

當以愛重恭敬法故隨逐法師。又善男子。應覺魔事。

đương dĩ ái trọng cung kính Pháp cố tùy trục Pháp sư 。

hựu thiện nam tử 。

ứng giác Ma sự 。

nên vì quý trọng, cung kính pháp mà đi theo Pháp sư. Lại nữa, Thiện nam tử. Nên biết việc Ma.

惡魔或時為說法者作諸因緣。

ác Ma hoặc thời vi thuyết Pháp giả tác chư nhân duyên 。

Ác ma, có khi vì người thuyết pháp, tạo các nhân duyên,

令受好妙色聲香味觸。說法者以方便力故受是五欲。

lệnh thọ hảo diệu sắc thanh hương vị xúc 。

thuyết Pháp giả dĩ phương tiện lực cố thọ thị ngũ dục 。

khiến nhận sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt đẹp. Người thuyết pháp vì dùng lực phương tiện nên nhận năm dục này.

汝於此中莫生不淨之心。應作念言。

nhữ ư thử trung mạc sinh bất tịnh chi tâm 。

ứng tác niệm ngôn 。

Ở trong việc này ông đừng sinh tâm không trong sạch, nên nghĩ rằng

我不知方便之力。法師或為利益眾生令種善根故。

ngã bất tri phương tiện chi lực 。

Pháp sư hoặc vi lợi ích chúng sinh lệnh chủng thiện căn cố 。

mình không biết lực phương tiện. Pháp sư, hoặc vì lợi ích chúng sinh khiến trồng thiện căn,

受用是法。諸菩薩者無所障礙。善男子。

thọ dụng thị Pháp 。 chư Bồ-tát giả vô sở chướng ngại 。 thiện nam tử 。
mà thọ dụng pháp này. Các bậc Bồ-tát không bị chướng ngại. Thiện nam tử,

汝於爾時應觀諸法實相。何等是諸法實相。

nhữ ư nhĩ thời ứng quán chư Pháp thật tướng 。 hà đẳng thị chư Pháp thật tướng 。
lúc ấy ông nên quán thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp là gì?

佛說一切法無垢。何以故。一切。法性空。

Phật thuyết nhất thiết Pháp vô cấu 。 hà dĩ cố 。 nhất thiết 。 Pháp tính không 。
Phật nói tất cả pháp không bẩn. Vì sao? Vì tất cả pháp tính Không,

一切法無我無眾生。一切法如幻如夢如響如影如炎。

nhất thiết Pháp vô ngã vô chúng sinh 。 nhất thiết Pháp như huyễn như mộng như
hưởng như ảnh như viêm 。

tất cả pháp không có ngã, không có chúng sinh, tất cả pháp như huyễn, như mộng, như
tiếng vang, như bóng, như hơi nóng.

善男子。汝若如是觀諸法實相隨逐法師。

thiện nam tử 。 nhữ nhược như thị quán chư Pháp thật tướng tùy trục Pháp sư 。

Thiện nam tử, nếu ông quán thật tướng các pháp như thế mà theo Pháp sư,

不久當善知般若波羅蜜。又善男子。

bất cửu đương thiện tri Bát-nhã Ba-la-mật 。

không lâu sẽ khéo biết Bát-nhã Ba-la-mật. Lại nữa, Thiện nam tử.

復應覺知魔事。若法師於求般若波羅蜜者。

phục ứng giác tri Ma sự 。

Nên hay biết việc Ma. Nếu Pháp sư, đối với người cầu Bát-nhã Ba-la-mật,

心有嫌恨而不顧錄。汝於此中不應憂惱。

tâm hữu hiềm hận nhi bất cố lục 。

tâm có hiềm hận mà không nhìn lại. Ở trong việc này ông không nên buồn bực,

但以愛重恭敬法心。隨逐法師勿生厭離。須菩提。

đã dĩ ái trọng cung kính Pháp tâm 。 tùy trục Pháp sư vật sinh yếm ly 。 Tu-bồ-đề 。
chỉ lấy tâm quý trọng, cung kính pháp mà theo Pháp sư, đừng sinh ghét bỏ. Tu-bồ-đề,

薩陀波崙菩薩受虛空中如是教已即便東行。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát thọ hư không trung như thị giáo dĩ tức tiện Đông hành 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn nhận lời dạy như thế từ hư không xong, liền đi về phía Đông.

東行不久復作是念。

Đông hành bất cửu phục tác thị niệm 。

Đi về phía Đông không lâu, nghĩ thế này:

我向者云何不問空中聲東行遠近。當從誰聞般若波羅蜜。

ngã hướng giả vân hà bất vấn không trung thanh Đông hành viễn cận 。

đương tòng
thùy văn Bát-nhã Ba-la-mật 。

Ta đi, tại sao không hỏi tiếng giữa hư không là đi về phía Đông xa hay gần, sẽ nghe Bát-nhã Ba-la-mật từ ai.

即住不行憂愁啼哭。作是念言。我住於此。

tức trụ bất hành ưu sầu đề khóc 。

tác thị niệm ngôn 。

ngã trụ ư thử 。

Liền dừng lại không đi, ưu sầu, kêu khóc, nghĩ thế này: Ta dừng ở đây,

若一日二日乃至七日。

nhược nhất nhật nhị nhật nãi chí thất nhật 。

dù một ngày, hai ngày, cho tới bảy ngày,

不念疲極不念睡眠不念飲食不念晝夜不念寒熱。

bất niệm bì cực bất niệm thụy miên bất niệm ẩm thực bất niệm trú dạ bất niệm hàn
nhiệt 。

không nghĩ mệt mỏi, không nghĩ ngủ nghỉ, không nghĩ ăn uống, không nghĩ ngày đêm, không nghĩ lạnh nóng,

要當得知我從誰聞般若波羅蜜。須菩提。譬如有人。

yếu đương đắc tri ngã tông thùy văn Bát-nhã Ba-la-mật 。 Tu-bồ-đề 。 thí như hữu nhân 。

chỉ cần được biết ta nghe Bát-nhã Ba-la-mật từ ai. Tu-bồ-đề, ví như có người

唯有一子愛之甚重。一旦命終甚大憂惱。

duy hữu nhất tử ái chi thậm trọng 。 nhất đán mạng chung thậm Đại ưu não 。

chỉ có một đứa con, rất mực thương yêu, một sớm qua đời, buồn khổ vô cùng,

唯懷憂惱無有餘念。須菩提。薩陀波崙亦如是。無有餘念。

duy hoài ưu não vô hữu dư niệm 。

chỉ ôm buồn khổ, không nghĩ gì khác. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn cũng như thế, không nghĩ gì khác,

但念我當何時得聞般若波羅蜜。須菩提。

đãn niệm ngã đương hà thời đắc văn Bát-nhã Ba-la-mật 。

chỉ nghĩ khi nào mình sẽ được nghe Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề,

薩陀波崙菩薩如是憂愁啼哭。時佛像在前立。讚言。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát như thị ưu sầu đề khóc 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn buồn rầu, kêu khóc như thế. Lúc đó, tượng Phật đứng ở trước, khen rằng:

善哉善哉。善男子。過去諸佛本行菩薩道時。

Thiện tai Thiện tai 。

Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử. Chư Phật quá khứ khi còn hành đạo Bồ-tát,

求般若波羅蜜。亦如汝今。是故善男子。

cầu Bát-nhã Ba-la-mật 。 diệc như nhữ kim 。 thị cố thiện nam tử 。
cầu Bát-nhã Ba-la-mật, cũng giống như ông hôm nay. Vì thế, Thiện nam tử.

汝以是勤行精進愛樂法故從是東行。

nhữ dĩ thị tinh cần hành tinh tấn ái lạc Pháp cố tòng thị Đông hành 。
Vì ông dùng sự cần hành, tinh tấn, yêu thích pháp này nên từ đây mà đi về phía Đông.

去此五百由旬有城名眾香。七寶合成。

khứ thử ngũ bách do-tuần hữu thành danh chúng hương 。 thất bảo hợp thành 。
Cách đây năm trăm do-tuần có thành gọi là Chúng Hương, bảy báu hợp thành.

其城七重縱廣十二由旬。皆以七寶多羅之樹。周遍圍遶。

kỳ thành thất trọng túng quảng thập nhị do-tuần 。 giai dĩ thất bảo đa-la chi thụ 。 châu
biến vi nhiều 。

Thành này bảy lớp, cao rộng mười hai do-tuần, đều dùng cây đa-la bảy báu bao bọc xung
quanh,

豐樂安靜人民熾盛。街巷相當端嚴如畫。

phong lạc an tĩnh nhân dân sí thịnh 。 nhai hạng tướng đương đoan nghiêm như họa
。

đầy đủ, sung sướng, yên tĩnh, nhân dân đông đúc. Đường sá cũng thế, đàng hoàng như
tranh.

橋津如地寬博清淨。

kiều tân như địa khoan bác thanh tịnh 。

Cầu, bến như đất liền, rộng rãi, sạch sẽ.

七重城上皆以閻浮檀金而為樓閣。一一樓閣七寶行樹種種寶果。

thất trọng thành thượng giai dĩ diêm-phù-đàn kim nhi vi lâu các 。 nhất nhất lâu các
thất bảo hành thụ chủng chủng bảo quả 。

Trên bảy lớp thành đều dùng vàng Diêm-phù-đàn để làm lầu gác. Mỗi lầu gác có hàng
cây bảy báu, đủ loại trái quý.

其諸樓閣次第皆以寶繩連綿。寶鈴羅網以覆城上。

kỳ chư lâu các thứ đệ giai dĩ bảo thành liên miên 。 bảo linh la võng dĩ phúc
thành thượng 。

Các lầu gác này, lần lượt, đều dùng dây báu nối nhau; chuông, lưới báu che phủ trên
thành.

風吹鈴聲其音和雅。如作五樂甚可愛樂。

phong xuy linh thanh kỳ âm hòa nhã 。 như tác ngũ lạc thậm khả ái lạc 。

Gió thổi chuông kêu, âm thanh hòa nhã, như tấu năm điệu nhạc, vô cùng thích thú;

以是音聲娛樂眾生。

dĩ thị âm thanh ngu lạc chúng sinh 。

dùng âm thanh này làm vui chúng sinh.

其城四邊流池清淨冷煖調適。中有諸船七寶嚴飾。

kỳ thành tứ biên lưu trì thanh tịnh lãnh noãn điều thích 。 trung hữu chư thuyền thất
bảo nghiêm sức 。

Bốn phía thành này, ao chảy trong sạch, mát ấm vừa phải; trong có các thuyền, trang
hoàng bảy báu.

是諸眾生宿業所致。娛樂遊戲諸池水中種種蓮華。

thị chư chúng sinh tú nghiệp sở trí 。 ngu lạc du hí chư trì thủy trung chủng chủng
liên hoa 。

Những chúng sinh này, nhờ nghiệp đời trước, vui vẻ rong chơi. Trong nước các ao, đủ loại
hoa sen;

青黃赤白眾雜好華。香色具足遍滿其上。

thanh hoàng xích bạch chúng tạp hảo hoa 。 hương sắc cụ túc biến mãn kỳ thượng 。
xanh, vàng, đỏ, trắng, đủ loại hoa đẹp, hương màu đầy đủ, mọc khắp trên ao;

三千大千世界所有好華悉皆具有。

tam Thiên Đại Thiên thế giới sở hữu hảo hoa tất giai cụ hữu 。
hoa đẹp trong Tam thiên đại thiên thế giới thủy đều có đủ.

其城四邊有五百園觀。七寶莊嚴甚可愛樂。

kỳ thành tứ biên hữu ngũ bách viên quán 。 thất bảo trang nghiêm thậm khả ái lạc 。
Bốn phía thành có năm trăm vườn cảnh, bảy báu trang nghiêm, rất đáng ưa thích.

一一園中有五百池水。池水各各縱廣十里。

nhất nhất viên trung hữu ngũ bách trì thủy 。 trì thủy các các túng quảng thập lý 。
Trong mỗi khu vườn có năm trăm ao nước; nước mỗi ao cao rộng mười dặm,

皆以七寶雜色莊嚴。諸池水中皆有青黃赤白蓮花。

giai dĩ thất bảo tạp sắc trang nghiêm 。 chư trì thủy trung giai hữu thanh hoàng xích
bạch liên hoa 。
đều có bảy báu đủ màu trang nghiêm. Trong nước các ao đều có hoa sen xanh, vàng, đỏ,
trắng,

大如車輪彌覆水上。青色青光。黃色黃光。赤色赤光。

Đại như xa luân di phúc thủy thượng 。 thanh sắc thanh quang 。 hoàng sắc hoàng
quang 。 xích sắc xích quang 。

lớn như bánh xe, phủ khắp mặt nước; màu xanh, ánh sáng xanh; màu vàng, ánh sáng
vàng; màu đỏ, ánh sáng đỏ,

白色白光。

bạch sắc bạch quang 。

màu trắng, ánh sáng trắng.

諸池水中皆有鳧鴈鴛鴦異類眾鳥。是諸園觀池沼適無所屬。

chư trì thủy trung giai hữu phù nhạn uyên ương dị loại chúng điểu 。 thị chư viên quán trì chiểu thích vô sở chúc 。

Trong nước các ao đều có vịt, ngỗng, uyên ương, các loại chim khác. Các vườn cảnh, ao hồ không có hệ thuộc,

皆是眾生宿業果報。長夜信樂深法行般若波羅蜜。

giai thị chúng sinh tú nghiệp quả báo 。 trường dạ tín lạc thâm Pháp hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

đều là quả báo nghiệp đời trước của chúng sinh, do phước đức tin vui pháp sâu xa, hành Bát-nhã Ba-la-mật

福德所致。善男子。眾香城中有大高臺。

phúc đức sở trí 。 thiện nam tử 。 chúng hương thành trung hữu Đại cao đài 。

trong dòng sinh tử. Thiện nam tử, trong thành Chúng Hương có đài to cao;

曇無竭菩薩宮舍在上。其宮縱廣各五十里。

Đàm-vô-kiệt Bồ-tát cung xá tại thượng 。 kỳ cung túng quảng các ngũ thập lý 。

ở trên có cung điện của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Cung này cao, rộng năm mươi dặm,

皆以七寶校成雜色莊嚴其牆七重皆亦七寶。

giai dĩ thất bảo giáoc thành tạp sắc trang nghiêm kỳ tường thất trọng giai diệc thất bảo 。

đều dùng bảy báu hòa thành nhiều màu để trang nghiêm, bảy lớp tường thành cũng bằng bảy báu.

七寶行樹周匝圍遶。

thất bảo hành thụ châu tạp vi nhiều 。

Hàng cây bảy báu bao bọc xung quanh.

其宮舍中有四圍觀常所娛樂。一名常喜。二名無憂。三名華飾。

kỳ cung xá trung hữu tứ vi quán thường sở ngu lạc 。 nhất danh thường hỉ 。 nhị danh Vô ưu 。 tam danh hoa sức 。

Trong cung điện có bốn vườn cảnh, thường rất vui thích. Một là Thường hỷ; hai là Vô ưu; ba là Hoa sức;

四名香飾。一一園中有八池水。一名為賢。二名賢上。

tứ danh hương sức 。 nhất nhất viên trung hữu bát trì thủy 。

ba là Hương sức. Trong mỗi vườn có tám ao nước: Một tên là Hiền; hai là Hiền thượng;

三名歡喜。四名喜上五名安隱。六名多安隱。

tam danh hoan hỉ 。

ba là Hoan hỷ; bốn là Hỷ thượng; năm là An ổn; sáu là Đa an ổn;

七名必定。八名阿毘跋致。

thất danh tất định 。

bảy là Tất định; tám là A-tỳ-bạt trí.

諸池水邊面各一寶。黃金白銀琉璃頗梨玫瑰為底。

chư trì thủy biên diện các nhất bảo 。

Bờ nước các ao, mỗi phía đều có một loại báu; vàng, bạc, lưu-ly, pha-lê, mai khô làm đáy;

金沙布上。一一池側有八梯階。

kim sa bố thượng 。

cát vàng rải ở trên; bên mỗi ao có tám bậc thang;

種種寶物以為梯橙諸階陞間有閻浮檀金芭蕉之樹。諸池水中。

chủng chủng bảo vật dĩ vi thê chanh chư giai bệ gian hữu diêm-phù-đàn kim ba tiêu chi thụ 。

đủ loại vật báu dùng làm ghế cao; giữa các bậc thềm có cây ba tiêu bằng vàng diêm-phù-đàn. Trong các ao nước

皆有青黃赤白蓮花。遍覆其上。

giai hữu thanh hoàng xích bạch liên hoa 。 biến phúc kỳ thượng
đều có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, phủ khắp ở trên.

鳧鴈鴛鴦孔雀眾鳥。鳴聲相和甚可愛樂。

Phù nhạn uyên ương Khổng-tước chúng diều 。 minh thanh tương hòa thậm khả ái
lạc 。

Các loài vịt, ngỗng, uyên ương, khổng tước, tiếng hát hòa nhau, nghe rất vui thích.

諸池水邊皆生花樹香樹。風吹香華墮池水中。

chư trì thủy biên giai sinh hoa thụ hương thụ 。 phong xuy hương hoa đọa trì thủy
trung 。

Bờ nước các ao đều có cây hoa, cây thơm; gió thổi hương, hoa vào trong nước ao.

其池成就八功德水。香若栴檀色味具足。

kỳ trì thành tựu bát công đức thủy 。 hương nhược chiên-đàn sắc vị cụ túc 。

Các ao đó có nước tám công đức, mùi thơm như chiên-đàn, màu, vị đầy đủ.

曇無竭菩薩與六萬八千婁女。五欲具足共相娛樂。

Đàm-vô-kiệt Bồ-tát dữ lục vạn bát thiên 婁 nữ 。 ngũ dục cụ túc cộng tương ngu lạc 。

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt với sáu vạn tám ngàn cung nữ, năm dục đầy đủ, cùng nhau vui thú;

及城中男女俱入常喜等園賢等池中。共相娛樂。

cập thành trung nam nữ câu nhập thường hỷ đẳng viên hiền đẳng trì trung 。 cộng
tướng ngu lạc 。

và cùng nam nữ trong thành đi vào các vườn Thường hỷ, vân vân, các ao Hiền, vân vân,
cùng nhau vui thú.

善男子。曇無竭菩薩與諸婬女遊戲娛樂已。

thiện nam tử 。 Đàm-vô-kiệt Bồ-tát dữ chư 婬 nữ du hí ngu lạc dĩ 。

Thiện nam tử, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt cùng các cung nữ rong chơi, vui thú xong,

日日三時說般若波羅蜜。眾香城中男女大小。

nhật nhật tam thời thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

chúng hương thành trung nam nữ Đại
tiểu 。

mỗi ngày ba lần nói Bát-nhã Ba-la-mật. Nam nữ lớn nhỏ trong thành Chúng Hương,

為曇無竭菩薩於其城內多聚人處。

vi Đàm-vô-kiệt Bồ-tát ư kỳ thành nội đa tụ nhân xử 。

vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, nơi có đông người ở trong thành đó,

敷大法座。其座四足。或以黃金或以白銀。

phu Đại Pháp tọa 。

kỳ tọa tứ túc 。

hoặc dĩ hoàng kim hoặc dĩ bạch ngân 。

bày pháp tòa lớn. Bốn chân pháp tòa hoặc dùng vàng, hoặc dùng bạc,

或以琉璃或以頗梨。敷以綉縵雜色茵蓐。

hoặc dĩ lưu-ly hoặc dĩ pha-lê 。

phu dĩ uyển 綉 diên 縵 tạp sắc nhân nhục 。

hoặc dùng lưu-ly, hoặc dùng pha-lê; mặt trải sợi lưới tẩm nệm nhiều màu,

以迦尸白[疊*毛]而覆其上。座高五里施諸幃帳。

dĩ ca thi bạch [điệp *mao]nhì phúc kỳ thượng 。

tọa cao ngũ lý thí chư vi trướng

。

dùng vải bông ca-thi để phủ lên trên; tòa cao năm dặm, treo các màn trướng;

其地四邊散五色華燒眾名香。供養法故。

kỳ địa tứ biên tán ngũ sắc hoa thiêu chúng danh hương 。

cung dưỡng Pháp cố 。

mặt đất bốn phía rải hoa năm màu, đốt các hương quý, vì cúng dường Pháp.

曇無竭菩薩於此座上說般若波羅蜜。善男子。

Đàm-vô-kiệt Bồ-tát ư thử tọa thượng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。 thiện nam tử 。
Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ở trên tòa này nói Bát-nhã Ba-la-mật. Thiện nam tử,

彼諸人眾如是供養恭敬曇無竭菩薩。為聞般若波羅蜜故。

bỉ chư nhân chúng như thị cung dưỡng cung kính Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。 vi văn Bát-
nhã Ba-la-mật cố 。

các nhóm người đó cúng dường, cung kính Bồ-tát Đàm-vô-kiệt như thế vì để nghe Bát-
nhã Ba-la-mật.

於是大會百千萬眾諸天世人。一處集會。

ư thị Đại hội bách thiên vạn chúng chư Thiên thế nhân 。 nhất xử tập hội 。

Ở hội lớn này, trăm ngàn vạn chúng, chư thiên, người đời, tụ hội một chỗ.

中有聽者中有受者中有持者。

trung hữu thính giả trung hữu thọ giả trung hữu trì giả 。

Trong đó có người nghe, trong đó có người nhận, trong đó có người giữ,

中有誦者中有書者。中有正觀者中有如說行者。

trung hữu tụng giả trung hữu thư giả 。

trung hữu chính quán giả trung hữu như thuyết
hành giả 。

trong đó có người đọc, trong đó có người chép, trong đó có người thấy đúng, trong đó có
người hành như được nói.

是諸眾生已度惡道。皆不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

thị chư chúng sinh dĩ độ ác đạo 。

Các chúng sinh này đã vượt đường ác, đều không thối chuyển đối với Vô thượng Chính
đẳng Chính giác.

善男子。汝從是去。

thiện nam tử 。

Thiện nam tử, ông theo pháp này

當於曇無竭菩薩所聞般若波羅蜜。曇無竭菩薩世世是汝善知識。

đương ư Đàm-vô-kiệt Bồ-tát sở văn Bát-nhã Ba-la-mật 。 Đàm-vô-kiệt Bồ-tát thế thế thị
nhữ thiện tri thức 。

sẽ được nghe Bát-nhã Ba-la-mật ở nơi Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, đời đời là
thiện tri thức của ông,

示教利喜汝阿耨多羅三藐三菩提。善男子。

kì giáo lợi hỷ nhữ a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。

chỉ dạy, làm ích vui Vô thượng Chính đẳng Chính giác cho ông. Thiện nam tử,

曇無竭菩薩本行菩薩道時。求般若波羅蜜。

Đàm-vô-kiệt Bồ-tát bản hành Bồ-tát đạo thời 。

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt khi còn hành đạo Bồ-tát, cầu Bát-nhã Ba-la-mật,

亦如汝今。今汝東行莫計畫夜。

diệc như nhữ kim 。

cũng giống như ông bây giờ. Nay ông đi về phía Đông, đừng kể ngày đêm,

不久當得聞般若波羅蜜。薩陀波崙菩薩心大歡喜。

bất cửu đương đắc văn Bát-nhã Ba-la-mật 。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát tâm Đại hoan hỷ 。

譬如有人為毒箭所中。

thí như hữu nhân vi độc tiễn sở trung 。

ví như có người bị trúng tên độc,

更無餘念唯念何時當得良醫拔出毒箭除我此苦。

canh vô dư niệm duy niệm hà thời đương đắc lương y bạt xuất độc tiễn trừ ngã thử
khổ 。

không nghĩ gì khác, chỉ nghĩ lúc nào sẽ được thầy thuốc giỏi nhổ tên độc ra, chấm dứt nỗi khổ này của mình.

如是薩陀波崙菩薩無有餘念。

như thị Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát vô hữu dư niệm 。

Như thế, Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn không nghĩ gì khác,

但念何時得見曇無竭菩薩為我說般若波羅蜜。

đãn niệm hà thời đắc kiến Đàm-vô-kiệt Bồ-tát vi ngã thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

chỉ nghĩ lúc nào được thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt vì mình nói Bát-nhã Ba-la-mật,

我聞般若波羅蜜斷諸有見。爾時薩陀波崙即於住處一切法中。

ngã văn Bát-nhã Ba-la-mật đoạn chư hữu kiến 。

nhĩ thời Tát-đà-ba-lôn tức ư trụ xứ nhất thiết Pháp trung 。

mình nghe Bát-nhã Ba-la-mật, trừ các hữu kiến. Bấy giờ, Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn liền ở chỗ đó, trong tất cả pháp,

生無決定想。入諸三昧門。

sinh vô quyết định tưởng 。

nhập chư tam muội môn 。

khởi tưởng không quyết định, nhập các cửa tam-muội.

所謂諸法性觀三昧。諸法不可得三昧。破諸法無明三昧。

sở vị chư Pháp tính quán tam muội 。

chư Pháp bất khả đắc tam muội 。

phá chư Pháp vô minh tam muội 。

Đó là, tam-muội Chư pháp tính quán, tam-muội Chư pháp bất khả đắc, tam-muội Pháp chư pháp vô minh,

諸法不異三昧。諸法不壞三昧。諸法照明三昧。

chư Pháp bất dị tam muội 。

chư Pháp bất hoại tam muội 。

chư Pháp chiếu minh tam muội 。

tam-muội Chư pháp bất dị, tam-muội Chư pháp bất hoại, tam-muội Chư pháp chiếu minh,

諸法離闇三昧。諸法不相續三昧。

chư Pháp ly ám tam muội 。 chư Pháp bất tương tục tam muội 。
tam-muội Chư pháp ly ám, tam-muội Chư pháp bất tương tục,

諸法性不可得三昧。散華三昧。不受諸身三昧。離幻三昧。

chư Pháp tính bất khả đắc tam muội 。 tán hoa tam muội 。 bất thọ chư thân tam muội
。 ly huyễn tam muội 。
tam-muội Chư pháp tính bất khả đắc, tam-muội Tán hoa, tam-muội Bất thọ chư thân, tam-
muội Ly huyễn,

如鏡像三昧。一切眾生語言三昧。

như kính tượng tam muội 。 nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn tam muội 。
tam-muội Như kính tượng, tam-muội Nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn,

一切眾生歡喜三昧。隨一切善三昧。

nhất thiết chúng sinh hoan hỷ tam muội 。 tùy nhất thiết thiện tam muội 。
tam-muội Nhất thiết chúng sinh hoan hỷ, tam-muội Tùy nhất thiết thiện,

種種語言字句莊嚴三昧。無畏三昧。性常默然三昧。

chủng chủng ngữ ngôn tự cú trang nghiêm tam muội 。 vô úy tam muội 。 tính thường
mặc nhiên tam muội 。
tam-muội Chủng chủng ngữ ngôn tự cú trang nghiêm, tam-muội Vô úy, tam-muội Tánh
thường mặc nhiên,

無礙解脫三昧。離塵垢三昧。名字語言莊嚴三昧。

vô ngại giải thoát tam muội 。 ly trần cấu tam muội 。 danh tự ngữ ngôn trang nghiêm
tam muội 。
tam-muội Vô ngại giải thoát, tam-muội Ly trần cấu, tam-muội Danh tự ngữ ngôn trang
nghiêm,

一切見三昧。一切無礙際三昧。如虛空三昧。

nhất thiết kiến tam muội 。 nhất thiết vô ngại tế tam muội 。 như hư không tam muội 。
tam-muội Nhất thiết kiến, tam-muội Nhất thiết ngại tế, tam-muội Như hư không,

如金剛三昧無負三昧。得勝三昧。轉眼三昧。

như Kim cương tam muội vô phụ tam muội 。 đắc thắng tam muội 。 chuyển nhãn tam
muội 。

tam-muội Như kim cương, tam-muội Vô phụ, tam-muội Đắc thắng, tam-muội Chuyển nhãn,

畢法性三昧。得安隱三昧。師子吼三昧。

tất Pháp tính tam muội 。 đắc an ổn tam muội 。 Sư tử hống tam muội 。

tam-muội Tất pháp tính, tam-muội Đắc an ổn, tam-muội Sư tử hống,

勝一切眾生三昧。離垢三昧。無垢淨三昧。華莊嚴三昧。

thắng nhất thiết chúng sinh tam muội 。 ly cấu tam muội 。 vô cấu tịnh tam muội 。 hoa
trang nghiêm tam muội 。

tam-muội Thắng nhất thiết chúng sinh, tam-muội Ly cấu, tam-muội Vô cấu tịnh, tam-muội
Hoa trang nghiêm,

隨堅實三昧。出諸法得力無畏三昧。

tùy kiên thật tam muội 。 xuất chư Pháp đắc lực vô úy tam muội 。

tam-muội Tùy kiên thật, tam-muội Xuất chư pháp đắc lực vô úy,

通達諸法三昧。壞一切法印三昧。無差別見三昧。

thông đạt chư Pháp tam muội 。 hoại nhất thiết Pháp ấn tam muội 。 vô sai biệt kiến
tam muội 。

tam-muội Thông đạt chư pháp, tam-muội Hoại nhất thiết pháp ấn, tam-muội Vô sai biệt
kiến,

離一切見三昧。離一切聞三昧。離一切相三昧。

ly nhất thiết kiến tam muội 。 ly nhất thiết ám tam muội 。 ly nhất thiết tướng tam muội
。

tam-muội Ly nhất thiết kiến, tam-muội Ly nhất thiết ám, tam-muội Ly nhất thiết tướng,

離一切著三昧。離一切懈怠三昧。

ly nhất thiết trú tam muội 。 ly nhất thiết giải đãi tam muội 。

tam-muội Ly nhất thiết trước, tam-muội Ly nhất thiết giải đãi,

深法照明三昧。善高三昧。不可奪三昧。破魔三昧。

thâm Pháp chiếu minh tam muội 。 thiện cao tam muội 。 bất khả đoạt tam muội 。 phá
Ma tam muội 。

tam-muội Thâm pháp chiếu minh, tam-muội Thiện cao, tam-muội Bất khả đoạt, tam-muội
Phá Ma,

生光明三昧。見諸佛三昧。

sinh quang-minh tam muội 。 kiến chư Phật tam muội 。

tam-muội Sinh quang minh, tam-muội Kiến chư Phật.

薩陀波崙菩薩住是諸三昧中。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát trụ thị chư tam muội trung 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn trú trong các tam-muội này,

即見十方諸佛為諸菩薩說般若波羅蜜。諸佛各各安慰讚言。善哉善哉。

tức kiến thập phương chư Phật vì chư Bồ-tát thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

chư Phật các
các an úy tán ngôn 。

Thiện tai Thiện tai 。

liền thấy chư Phật mười phương vì các Bồ-tát nói Bát-nhã Ba-la-mật. Mỗi đức Phật đều an
ủi, khen rằng: Lành thay! Lành thay!

善男子。我等本行菩薩道時求般若波羅蜜。

thiện nam tử 。

ngã đẳng bản hành Bồ-tát đạo thời cầu Bát-nhã Ba-la-mật 。

Thiện nam tử. Chúng ta khi còn hành đạo Bồ-tát, cầu Bát-nhã Ba-la-mật,

亦如汝今。得是諸三昧。亦如汝今。

diệc như nữ kim 。 đắc thị chư tam muội 。 diệc như nữ kim 。

cũng giống như ông hôm nay; được các tam-muội này cũng giống như ông hôm nay;

得是諸三昧已了達般若波羅蜜。住阿毘跋致地。

đắc thị chư tam muội dĩ liễu đạt Bát-nhã Ba-la-mật 。

được các tam-muội này xong, hiểu rõ Bát-nhã Ba-la-mật, ở vào địa Không thoái chuyển.

我等得是諸三昧故。得阿耨多羅三藐三菩提。

ngã đẳng đắc thị chư tam muội cố 。

Chúng ta nhờ được các tam-muội này nên được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

善男子。是為般若波羅蜜。所謂於諸法無所念。

thiện nam tử 。

Thiện nam tử, đó là Bát-nhã Ba-la-mật; nghĩa là, đối với các pháp không có nhớ nghĩ.

我等住於無念法中。

ngã đẳng trụ ư vô niệm Pháp trung 。

Chúng ta trú trong pháp vô niệm,

得如是金色之身三十二相大光明不可思議智慧諸佛無上三昧無上

đắc như thị kim sắc chi thân tam thập nhị tướng đại quang-minh không thể nghĩ bàn trí

tuệ chư Phật vô thượng tam muội vô thượng

được thân sắc vàng, ba mươi hai tướng, trí tuệ đại quang minh không thể nghĩ bàn, tam-muội vô thượng, trí tuệ vô thượng của chư Phật như thế,

智慧。盡諸功德邊。

trí tuệ 。

cùng tận ngần mé các công đức.

如是功德諸佛說之猶不能盡。況聲聞辟支佛。是故善男子。

như thị công đức chư Phật thuyết chi do bất năng tận 。 hưởng thanh văn Bích chi Phật
。 thị cố thiện nam tử 。

Công đức như thế chư Phật nói còn không thể hết, hưởng là Thanh văn, Phật Bích Chi. Vì thế, Thiện nam tử.

汝於是法倍應恭敬愛重生清淨心。

nhữ ư thị Pháp bội ứng cung kính ái trọng sinh thanh tịnh tâm 。

Đối với pháp này, ông càng nên cung kính, quý trọng, sinh tâm thanh tịnh,

得阿耨多羅三藐三菩提。不足為難。汝於善知識。

đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。

được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không phải là khó. Đối với thiện tri thức,

應深恭敬愛重信樂。善男子。

ứng thâm cung kính ái trọng tín lạc 。

ông nên hết lòng cung kính, quý trọng, tin vui. Thiện nam tử,

若菩薩為善知識所護念者。疾得阿耨多羅三藐三菩提。

nhược Bồ-tát vi thiện tri thức sở hộ niệm giả 。

nếu Bồ-tát được thiện tri thức hộ niệm thì sớm được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

薩陀波崙菩薩白諸佛言。何等是我善知識。諸佛答言。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát bạch chư Phật ngôn 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn bạch Phật: Những ai là thiện tri thức của con? Chư Phật nói:

善男子。

thiện nam tử 。

Thiện nam tử,

曇無竭菩薩世世教誨成就汝於阿耨多羅三藐三菩提。

Đàm-vô-kiệt Bồ-tát thế thế giáo hối thành tựu nữ ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề
。

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đời đời dạy bảo giúp ông thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

令汝得學般若波羅蜜方便之力。曇無竭菩薩是汝善知識。汝應報恩。

lệnh nữ đắc học Bát-nhã Ba-la-mật phương tiện chi lực 。 Đàm-vô-kiệt Bồ-tát thị
nữ thiện tri thức 。 nữ ứng báo ân 。

khiến ông được học lực phương tiện của Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt là thiện tri
thức của ông. Ông nên trả ơn.

善男子。汝若於一劫若二劫三劫。

thiện nam tử 。 nữ nhược ư nhất kiếp nhược nhị kiếp tam kiếp 。

Thiện nam tử, nếu ông trong một kiếp, hoặc hai kiếp, ba kiếp,

乃至百劫若過百劫頂戴恭敬以一切樂具而供養之。

nãi chí bách kiếp nhược quá bách kiếp đảnh đái cung kính dĩ nhất thiết lạc cụ nhi
cung dưỡng chi 。

cho tới trăm kiếp, hoặc quá trăm kiếp, kính lễ, cung kính, đem tất cả nhạc cụ mà cúng
dường;

若以三千大千世界妙好色聲香味觸。

nhược dĩ tam Thiên Đại Thiên thế giới diệu hảo sắc thanh hương vị xúc 。

hoặc lấy hết sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt đẹp trong Tam thiên đại thiên thế giới

盡以供養。亦未能報須臾之恩。何以故。

tận dĩ cung dưỡng 。 diệc vị năng báo tu du chi ân 。 hà dĩ cố 。

mà cúng dường thì cũng chưa thể trả ơn dù chỉ một chút. Vì sao?

以曇無竭菩薩因緣力故。令汝得如是諸深三昧。

dĩ Đàm-vô-kiệt Bồ-tát nhân duyên lực cố 。 lệnh nữ đắ như thị chư thâm tam muội
。

Vì nhờ lực nhân duyên của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt khiến ông được các tam-muội sâu xa,

及聞般若波羅蜜方便。諸佛如是。

cập văn Bát-nhã Ba-la-mật phương tiện 。 chư Phật như thị 。
và nghe được phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật như thế. Chư Phật

教授安慰薩陀波崙菩薩已。忽然不現。

giáo thọ an úy Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát dĩ 。 hốt nhiên không hiện 。
truyền dạy, an ủi Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn như thế xong, bỗng nhiên biến mất.

薩陀波崙菩薩從三昧起不見諸佛。作是念。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát tòng tam muội khởi bất kiến chư Phật 。 tác thị niệm 。
Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn ra khỏi tam-muội, không thấy chư Phật, nghĩ thế này:

是諸佛向從何來今至何所。不見佛故即大憂愁。作是念。

thị chư Phật hướng tòng hà lai kim chí hà sở 。 bất kiến Phật cố tức Đại ưu sầu 。
tác thị niệm 。

Chư Phật này từ phương nào tới, nay đến chỗ nào? Vì không thấy Phật nên rất lo buồn,
nghĩ thế này:

曇無竭菩薩已得陀羅尼諸神通力。

Đàm-vô-kiệt Bồ-tát dĩ đắ Đà-La-Ni chư Thần thông lực 。

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đã được các lực thần thông Đà-la-ni,

已曾供養過去諸佛。世世為我善知識。常利益我。

dĩ tăng cung dưỡng quá khứ chư Phật 。 thế thế vi ngã thiện tri thức 。 thường lợi ích
ngã 。

đã từng cúng dường chư Phật quá khứ, đời đời là thiện tri thức của ta, thường làm cho ta
lợi ích.

我至曇無竭菩薩所。

ngã chí Đàm-vô-kiệt Bồ-tát sở 。

Ta đến chỗ của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt,

當問諸佛從何所來去至何所。爾時薩陀波崙菩薩於曇無竭菩薩。

đương vấn chư Phật tòng hà sở lai khứ chí hà sở 。

nhĩ thời Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát ư
Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。

sẽ hỏi chư Phật từ phương nào tới, đi đến chỗ nào. Bấy giờ, Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn đối với
Bồ-tát Đàm-vô-kiệt

益加愛重恭敬信樂。作如是念。我今貧窮。

ích gia ái trọng cung kính tín lạc 。

tác như thị niệm 。

ngã kim bần cùng 。

càng thêm quý trọng, cung kính, tin vui, nghĩ thế này: Ta nay bần cùng,

無有華香瓔珞燒香塗香衣服幡蓋金銀真珠

vô hữu hoa hương chuỗi ngọc thiêu hương đồ hương y phục phiên cái kim ngân châu
châu

không có hoa, hương, chuỗi ngọc, hương đốt, hương thoa, áo quần, phướn lọng, vàng
bạc, châu châu,

頗梨珊瑚。

pha-lê san hô 。

pha-lê, san hô.

無有如是諸物可以供養曇無竭菩薩。我今不應空往曇無竭菩薩所。

vô hữu như thị chư vật khả dĩ cung dưỡng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。

ngã kim bất ứng
không vắng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát sở 。

Không có các vật như thế để có thể cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Nay ta không nên
đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà không có vật gì.

我若空往心則不安。當自賣身以求財物。

ngã nhược không vãng tâm tắc bất an 。 đương tự mại thân dĩ cầu tài vật 。
Nếu ta đến mà không mang vật gì thì tâm không yên, nên bán thân mình để đổi lấy tiền của,

為般若波羅蜜故。供養曇無竭菩薩。何以故。

vi át nhã Ba-la-mật cố 。 cung dưỡng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。 hà dĩ cố 。
vì Bát-nhã Ba-la-mật mà cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Vì sao?

我世世已來喪身無數。於無始生死中。為欲因緣故。

ngã thế thế dĩ lai tang thân vô số 。 ư vô thủy sinh tử trung 。 vi dục nhân duyên cố
。

Ta nhiều đời đến nay mất thân vô số, trong sinh tử từ vô thủy, vì nhân duyên ham muốn,

在於地獄受無量苦。未曾為是清淨之法。

tại ư Địa-ngục thọ vô lượng khổ 。 vị tăng vi thị thanh tịnh chi Pháp 。
ở trong địa ngục chịu vô lượng khổ, chưa từng vì pháp thanh tịnh này.

是時薩陀波崙菩薩中道入一大城至市肆上。

thị thời Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát trung đạo nhập nhất Đại thành chí thị tứ thượng 。
Lúc đó, Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn trên đường đi ghé vào thành lớn, tới chợ quán,

高聲唱言。誰欲須人誰欲須人。

cao thanh xưng ngôn 。 thùỵ dục tu nhân thùỵ dục tu nhân 。
lớn tiếng rao rằng: Ai muốn cần người, ai muốn cần người?

爾時惡魔作是念。

nhĩ thời ác Ma tác thị niệm 。
Bấy giờ, Ác ma nghĩ rằng:

薩陀波崙菩薩為愛法故欲自賣身以供養曇無竭菩薩。為聞般若波羅蜜方便。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát vi ái Pháp cố dục tự mại thân dĩ cung dưỡng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。 vi văn Bát-nhã Ba-la-mật phương tiện 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn vì mến pháp mà muốn bán thân mình để cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, để nghe phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật.

云何菩薩行般若波羅蜜。

vân hà Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật 。

Vì sao Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật

疾得阿耨多羅三藐三菩提。亦得多聞如大海水。不為諸魔所壞。

tật đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。

diệc đắc đa văn như Đại hải thủy 。

bất vi chư Ma sở hoại 。

thì sớm được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, lại được nghe nhiều như nước của biển lớn, không bị các ma phá hoại,

能盡一切諸功德邊。於此利益無量眾生。

năng tận nhất thiết chư công đức biên 。

ư thử lợi ích vô lượng chúng sinh 。

có thể đầy đủ tất cả công đức, nhờ thế làm lợi ích vô lượng chúng sinh?

是諸眾生出我境界。得阿耨多羅三藐三菩提。

thị chư chúng sinh xuất ngã cảnh giới 。

đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。

Các chúng sinh này ra khỏi cảnh giới của ta, được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

我今當往壞其道意。即時惡魔隱蔽諸人。

ngã kim đương vãng hoại kỳ đạo ý 。

tức thời ác Ma ẩn tế chư nhân 。

Ta nay nên đến phá ý tưởng cầu đạo của chúng. Lập tức Ác ma che lấp mọi người,

乃至不令一人得聞唱聲。唯一長者女魔不能蔽。

nãi chí bất lệnh nhất nhân đắc văn xướng thanh 。

duy nhất Trưởng-Giả nữ Ma bất năng tế 。

không để một người nào nghe được tiếng rao. Chỉ có người con gái của một trưởng giả là Ma không thể che lấp.

薩陀波崙菩薩賣身不售。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát mại thân bất thụ 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn bán thân không được,

在一處立流淚而言。我為大罪故。

tại nhất xử lập lưu lệ nhi ngôn 。

ngã vi Đại tội cố 。

đứng ở một chỗ, rơi nước mắt mà nói rằng: Vì ta có tội lớn,

欲自賣身供養曇無竭菩薩為聞般若波羅蜜。而無買者。

dục tự mại thân cung dưỡng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát vi văn Bát-nhã Ba-la-mật 。

nhi vô mại giả 。

muốn bán thân mình cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để nghe Bát-nhã Ba-la-mật, nhưng không có người mua.

爾時釋提桓因作是念。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân tác thị niệm 。

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân nghĩ thế này:

我今當試是善男子實以深心為愛法故捨是身不。即化作婆羅門。

ngã kim đương thí thị thiện nam tử thật dĩ thâm tâm vi ái Pháp cố xả thị thân bất 。

tức hóa tác Bà-la-môn 。

Nay ta sẽ thử Thiện nam tử này có phải thật tâm vì mến Pháp mà bỏ thân này. Liền hóa làm Bà-la-môn,

在薩陀波崙菩薩邊行。問言善男子。

tại Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát biên hành 。

vấn ngôn thiện nam tử 。

đi bên cạnh Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn, hỏi rằng: Thiện nam tử,

汝今何故憂愁啼哭薩陀波崙言。我以貧窮無有財寶。

nhữ kim hà cố ưu sầu đê khốc Tát-đà-ba-lôn ngôn 。 ngã dĩ bần cùng vô hữu tài bảo 。

ông nay vì sao lo buồn, kêu khóc? Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn nói: Vì ta nghèo nàn, không có của báu,

欲自賣身供養曇無竭菩薩為聞般若波羅蜜。

dục tự mại thân cung dưỡng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát vi văn Bát-nhã Ba-la-mật 。

muốn bán thân mình cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để nghe Bát-nhã Ba-la-mật

而無買者。婆羅門言。善男子。我不須人。

nhì vô mại giả 。 Bà-la-môn ngôn 。 thiện nam tử 。

ngã bất tu nhân 。

mà không có người mua. Bà-la-môn nói: Thiện nam tử, ta không cần người;

今欲大祠當須人心人血人髓。能與我不。

kim dục Đại từ đương tu nhân tâm nhân huyết nhân tủy 。

năng dĩ ngã bất 。

ngay muốn cúng lớn, cần đến tim người, máu người, tủy người, có thể bán cho ta không?

薩陀波崙自念。我得大利。定當得聞般若波羅蜜方便。

Tát-đà-ba-lôn tự niệm 。

ngã đắc Đại lợi 。

định đương đắc văn Bát-nhã Ba-la-mật phương tiện 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn tự nghĩ: Ta được lợi lớn, chắc chắn sẽ được nghe phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật,

以婆羅門欲買心血髓故。即大歡喜語婆羅門。

dĩ à-la-môn dục mại tâm huyết tủy cố 。

tức Đại hoan hỉ ngữ Bà-la-môn 。

vì Bà-la-môn muốn mua tim, máu và tủy. Liền rất vui vẻ nói với Bà-la-môn:

汝所須者盡當相與。婆羅門言。汝須何價。

nhữ sở tu giả tận đương tương dĩ 。

Bà-la-môn ngôn 。

nhữ tu hà giá 。

Những thứ ông cần, ta sẽ đưa hết. Bà-la-môn nói: Ông cần giá nào?

答言。隨汝所與。

đáp ngôn 。 tùy nhữ sở dĩ 。

Đáp rằng: Tùy ông cho.

薩陀波崙菩薩即執利刀刺右臂出血。復割右髀欲破骨出髓。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát tức chấp lợi đao thứ hữu tý xuất huyết 。 phục cát hữu bễ dục phá cốt xuất tủy 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn liền cầm dao bén chặt cánh tay phải chảy máu, lại cắt đùi bên phải muốn phá xương lấy tủy.

時一長者女在閣上遙見薩陀波崙菩薩刺臂出血割

thời nhất Trưởng-Giả nữ tại các thượng đao kiến Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát thứ tý xuất huyết cát

Lúc đó, người con gái trưởng giả ở trên gác thấy Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn chặt cánh tay chảy máu, cắt

其右髀復欲破骨出髓。作是念。

kỳ hữu bễ phục dục phá cốt xuất tủy 。 tác thị niệm 。

đùi bên phải của mình, muốn phá xương lấy tủy, nên nghĩ thế này:

此善男子何因緣故困苦其身。我當往問。

thử thiện nam tử hà nhân duyên cố khổ khổ kỳ thân 。 ngã đương vãng vấn 。

Thiện nam tử này, vì nhân duyên gì, làm khổ thân mình? Ta sẽ đến hỏi.

時長者女即便下閣到薩陀波崙菩薩所。問言善男子。

thời Trưởng-Giả nữ tức tiện hạ các đáo Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát sở 。 vấn ngôn thiện nam tử 。

Lúc đó, người con gái vị trưởng giả liền xuống gác, đến chỗ Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn, hỏi rằng: Thiện nam tử,

何因緣故困苦其身。用是血髓為。薩陀波崙言。

hà nhân duyên cố khổ khổ kỳ thân 。 dụng thị huyết tủy vi 。 Tát-đà-ba-lôn ngôn 。
vì nhân duyên gì làm khổ thân mình, dùng máu, tủy này để làm gì? Tát-đà-ba-lôn nói:

賣與婆羅門。供養般若波羅蜜及曇無竭菩薩。

mại dĩ Bà-la-môn 。 cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật cập Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。
Bán cho Bà-la-môn để cúng dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

長者女言。善男子。

Trưởng-Giả nữ ngôn 。 thiện nam tử 。

Con gái vị trưởng giả nói: Thiện nam tử,

汝賣血髓供養是人得何等利。薩陀波崙言。

nhữ mại huyết tủy cung dưỡng thị nhân đắc hà đẳng lợi 。 Tát-đà-ba-lôn ngôn 。
ông bán máu tủy để cúng dưỡng người này thì được lợi gì? Tát-đà-ba-lôn nói:

是人當為我說般若波羅蜜方便力。

thị nhân đương vi ngã thuyết Bát-nhã Ba-la-mật phương tiện lực 。

Người này sẽ nói cho ta lực phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật.

我隨中學當得阿耨多羅三藐三菩提。金色之身三十二相。常光無量光。

ngã tùy trung học đương đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。 kim sắc chi thân tam
thập nhị tướng 。 thường quang Vô lượng quang 。

Ta theo đó học sẽ được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thân sắc vàng, ba mươi hai
tướng, ánh sáng thường hằng, ánh sáng vô lượng,

大慈大悲大喜大捨。

Đại từ Đại bi Đại hỷ Đại xả 。

đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả,

十力四無所畏四無礙智十八不共法。

thập lực tứ vô sở úy tứ vô ngại trí thập bát bất cộng Pháp 。
mười lực, bốn vô sở úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng,

六神通不可思議清淨戒品定品智慧品解脫品解脫知見品。

lục Thần thông không thể nghĩ bàn thanh tịnh giới phẩm định phẩm trí tuệ phẩm giải
thoát phẩm giải thoát tri kiến phẩm 。

sáu thần thông, phẩm giới, phẩm định, phẩm trí tuệ, phẩm giải thoát, phẩm giải thoát tri
kiến thanh tịnh không thể nghĩ bàn,

得佛無上智慧無上法寶。分布施與一切眾生。

đắc Phật vô thượng trí tuệ vô thượng Pháp bảo 。

phân bố thí dữ nhất thiết chúng sinh
。

được trí tuệ vô thượng, pháp bảo vô thượng của Phật, phân bố cho tất cả chúng sinh.

時長者女語薩陀波崙。汝所說者。甚為希有微妙第一。

thời Trưởng-Giả nữ ngữ Tát-đà-ba-lôn 。

nhữ sở thuyết giả 。

thậm vi hi hữu vi diệu đệ
nhất 。

Lúc đó, con gái của trưởng giả nói với Tát-đà-ba-lôn: Điều ông nói thật là hiếm có, vi diệu
bậc nhất;

為一一法。乃可應捨恒河沙身。善男子。

vi nhất nhất Pháp 。

nãi khả ứng xả hằng hà sa thân 。

thiện nam tử 。

vì tất cả pháp mà có thể bỏ vô số thân. Thiện nam tử,

汝今所須金銀真珠琉璃頗梨琥珀珊瑚諸

nhữ kim sở tu kim ngân chân châu lưu-ly pha-lê hổ phách san hô chư
nay ông cần vàng bạc, chân châu, lưu-ly, pha-lê, hổ phách, san hô,

好珍寶。及華香瓔珞幡蓋衣服。

hảo trân bảo 。

cập hoa hương chuỗi ngọc phiên cái y phục 。

trân báu tốt, cho tới hương hoa, chuỗi ngọc, phướn lọng, áo quần,

盡當相與供養曇無竭菩薩。莫自困苦。

tận dương tướng dữ cung dưỡng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。 mạc tự khốn khổ 。
đều đem cúng dường tất cả cho Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, thì đừng tự làm khổ mình.

我今亦欲隨汝至曇無竭菩薩所種諸善根。

ngã kim diệc dục tùy nhữ chí Đàm-vô-kiệt Bồ-tát sở chủng chư thiện căn 。
Ta nay cũng muốn theo ông đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, gieo các thiện căn,

為得如是清淨法故。爾時釋提桓因即復其身。

vi đắc như thị thanh tịnh Pháp cố 。 nhĩ thời thích đề hoàn nhân tức phục kỳ thân 。
để được pháp thanh tịnh như thế. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân liền trở lại thân cũ,

在薩陀波崙菩薩前立。作是言。善哉善哉。

tại Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát tiền lập 。 tác thị ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。
đứng trước Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn, nói thế này: Lành thay! Lành thay!

善男子汝心堅固愛法如是。過去諸佛行菩薩道時。亦如汝今。

thiện nam tử nhữ tâm kiên cố ái Pháp như thị 。 quá khứ chư Phật hành Bồ-tát đạo
thời 。 diệc như nhữ kim 。

Thiện nam tử, tâm ông kiên cố, yêu Pháp như thế, chư Phật quá khứ khi hành đạo Bồ-tát
cũng giống như ông đang

求聞般若波羅蜜方便。

cầu văn Bát-nhã Ba-la-mật phương tiện 。

cầu nghe phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật,

得阿耨多羅三藐三菩提。善男子。我實不須人心血髓。故來相試。

đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。 thiện nam tử 。

ngã thật bất tu nhân tâm
huyết tủy 。

cố lai tướng thí 。

được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thiện nam tử, ta thực sự không cần tim, máu, tủy người, nên đến để thử.

汝願何等當以相與。薩陀波崙言。

nhữ nguyện hà đẳng đương dĩ tướng dữ 。 Tát-đà-ba-lôn ngôn 。

Ông nguyện gì, ta sẽ cho. Tát-đà-ba-lôn nói:

與我阿耨多羅三藐三菩提。釋提桓因言。我無此也。

dữ ngã a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。 thích đề hoàn nhân ngôn 。 ngã vô thử dã 。

Cho tôi Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thích-đề-hoàn-nhân nói: Ta không có cái này.

諸佛世尊乃能辦之。更求餘願當以相與。

chư Phật Thế tôn nãi năng辦 chi 。 canh cầu dư nguyện đương dĩ tướng dữ 。

Chư Phật Thế tôn mới có thể cho. Hãy nguyện cái khác, ta sẽ cho.

薩陀波崙言。汝於此中若無力者。

Tát-đà-ba-lôn ngôn 。 nhữ ư thử trung nhược vô lực giả 。

Tát-đà-ba-lôn nói: Đối với việc này, nếu ông không có sức,

還使我身平復如故。薩陀波崙身即平復無有瘡[病-丙+槃]。

hoàn sử ngã thân bình phục như cố 。 Tát-đà-ba-lôn thân tức bình phục vô hữu sang [bệnh -bính +bàn]。

thì hãy làm cho thân tôi bình phục như cũ. Thân của Tát-đà-ba-lôn liền bình phục, không có thương tổn.

於是釋提桓因忽然不現。

ư thị thích đề hoàn nhân hốt nhiên không hiện 。

Ngay lúc đó Thích-đề-hoàn-nhân bỗng nhiên biến mất.

時長者女語薩陀波崙菩薩言。可至我舍。

thời Trưởng-Giả nữ ngữ Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát ngôn 。 khả chí ngã xá 。
Bấy giờ, con gái của trưởng giả nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn: Hãy đến nhà tôi,

當白父母求索財寶。為聞法故。供養曇無竭菩薩。

đương bạch phụ mẫu cầu tác tài bảo 。 vi văn Pháp cố 。 cung dưỡng Đàm-vô-kiệt
Bồ-tát 。

tôi sẽ thưa cha mẹ lấy tài bảo, vì để nghe pháp mà cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

薩陀波崙菩薩與長者女俱到其舍。長者女入白父母言。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát dữ Trưởng-Giả nữ câu đáo kỳ xá 。 Trưởng-Giả nữ nhập bạch phụ
mẫu ngôn 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn và con gái trưởng giả cùng đến nhà cô ta. Con gái trưởng giả vào
thưa cha mẹ rằng:

與我華香瓔珞種種衣服及諸寶物。

dữ ngã hoa hương chuỗi ngọc chủng chủng y phục cập chư bảo vật 。

Cho con hương hoa, chuỗi ngọc, các loại áo quần và các vật báu;

願聽我身并先所給五百侍女與薩陀波崙菩薩共

nguyện thính ngã thân tinh tiên sở cấp ngũ bách thị nữ dữ Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát cộng
xin cho chính con và năm trăm người hầu gái được cấp trước đây cùng Bồ-tát Tát-đà-ba-
lôn

往供養曇無竭菩薩。

vãng cung dưỡng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。

đến cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

曇無竭菩薩當為我說法。以是法故。我等當得諸佛之法。

Đàm-vô-kiệt Bồ-tát đương vi ngã thuyết Pháp 。 dĩ thị Pháp cố 。 ngã đẳng đương đắc
chư Phật chi Pháp 。

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ vì con mà nói pháp. Nhờ được pháp này chúng con sẽ được các pháp của chư Phật.

父母語女。薩陀波崙菩薩。今在何處。女言。

phụ mẫu ngữ nữ 。 Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát 。 kim tại hà xử 。 nữ ngôn 。

Cha mẹ nói với cô con gái: Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn nay ở chỗ nào? Cô con gái nói:

今在門外。是人發心求阿耨多羅三藐三菩提。

kim tại môn ngoại 。 thị nhân phát tâm cầu a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。

Nay ở ngoài cửa. Người này phát tâm cầu Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

欲度一切眾生生死苦惱。

dục độ nhất thiết chúng sinh sinh tử khổ não 。

muốn đưa tất cả chúng sinh khỏi khổ não sinh tử.

為愛法故欲自賣身而無買者。憂愁啼哭立在一處。作是言。

vi ái Pháp cố dục tự mại thân nhi vô mại giả 。 ưu sầu đề khốc lập tại nhất xử 。

tác thị ngôn 。

Vì mến pháp mà muốn bán thân mình nhưng không có người mua, ưu sầu, gào khóc, đứng yên một chỗ, nói rằng:

我欲賣身而無買者。時一婆羅門。作是言。汝今何故。

ngã dục mại thân nhi vô mại giả 。 thời nhất Bà-la-môn 。 tác thị ngôn 。 nhữ kim hà cố 。

Ta muốn bán thân nhưng không ai mua. Lúc đó, một Bà-la-môn nói rằng: Ông nay vì sao

欲自賣身。答言。我愛法故。

dục tự mại thân 。 đáp ngôn 。 ngã ái Pháp cố 。

muốn bán thân mình? Đáp rằng: Vì ta mến pháp,

欲供養曇無竭菩薩。我當從彼得諸佛法。婆羅門言。我不須人。

dục cung dưỡng Đam-vô-kiệt Bồ-tát 。 ngã đương tòng bỉ đắc chư Phật Pháp 。 Bà-la-môn ngôn 。 ngã bất tu nhân 。

muốn cúng dưỡng Bồ-tát Đam-vô-kiệt. Ta sẽ từ Người mà được các Phật pháp. Bà-la-môn nói: Ta không cần người.

今欲大祠。當須人心人血人髓。

kim dục Đại từ 。 đương tu nhân tâm nhân huyết nhân tủy 。

Nay muốn cúng lớn nên cần tim người, máu người, tủy người.

即時是人心大歡喜。手執利刀刺臂出血復割右髀。

tức thời thị nhân tâm Đại hoan hỷ 。 thủ chấp lợi đao thứ tý xuất huyết phục cát hữu bễ 。

Tức thời người này lòng rất vui sướng, tay cầm dao bén chặt cánh tay chảy máu, lại cắt đùi bên phải

欲破骨出髓。我在閣上遙見此事。心自念言。

dục phá cốt xuất tủy 。 ngã tại các thượng đao kiến thử sự 。 tâm tự niệm ngôn 。

muốn phá xương lấy tủy. Con ở trên gác nhìn thấy việc này, tâm tự nghĩ:

是人何故困苦其身。當往問之。我即往問。

thị nhân hà cố khổn khổ kỳ thân 。 đương vãng vấn chi 。 ngã tức vãng vấn 。

Người này vì sao làm khổ thân mình? Nên đến hỏi. Con liền đến hỏi.

答我言。我以貧窮無有財寶。

đáp ngã ngôn 。 ngã dĩ bần cùng vô hữu tài bảo 。

Người kia trả lời con: Ta vì nghèo nàn, không có của báu,

欲賣心血髓與婆羅門。我時問言。善男子。

dục mại tâm huyết tủy dĩ Bà-la-môn 。 ngã thời vấn ngôn 。 thiện nam tử 。

muốn bán tim, máu, tủy cho Bà-la-môn. Lúc đó con hỏi: Thiện nam tử,

持是財物欲作何等。答我言。為愛法故供養曇無竭菩薩。

trì thị tài vật dục tác hà đẳng 。 đáp ngã ngôn 。 vì ái Pháp cố cung dưỡng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。

cầm tiền của này muốn làm điều gì? Người kia trả lời con: Vì mến Pháp mà cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

我復問言。善男子。汝於是中得何等利。

ngã phục vấn ngôn 。 thiện nam tử 。 nhữ ư thị trung đắc hà đẳng lợi 。

Con lại hỏi: Thiện nam tử, trong việc này ông được lợi gì?

答我言。我於是中當得無量不可思議功德之利。

đáp ngã ngôn 。 ngã ư thị trung đương đắc vô lượng không thể nghĩ bàn công đức chi lợi 。

Người kia trả lời con: Trong việc này ta sẽ được lợi của vô lượng công đức không thể nghĩ bàn.

我聞是無量不可思議諸佛功德。

ngã văn thị vô lượng không thể nghĩ bàn chư Phật công đức 。

Con nghe vô lượng công đức vô lượng không thể nghĩ bàn của chư Phật,

心大歡喜作是念。是善男子。甚為希有。

tâm Đại hoan hỉ tác thị niệm 。 thị thiện nam tử 。 thậm vi hi hữu 。

lòng rất vui vẻ, nghĩ rằng: Thiện nam tử này rất hiếm có,

乃能自受如是苦惱。為愛法故尚能捨身。

nãi năng tự thọ như thị khổ não 。 vì ái Pháp cố thượng năng xả thân 。

mới có thể tự chịu khổ não như thế. Vì mến Pháp mà còn có thể bỏ thân,

我當云何不供養法。我今多有財物。於是事中當發大願。

ngã đương vân hà bất cung dưỡng Pháp 。 ngã kim đa hữu tài vật 。 ư thị sự trung đương phát Đại nguyện 。

tại sao ta không cúng dường Pháp? Nay ta có nhiều tiền của. Trong việc này nên phát nguyện lớn.

我時語言。善男子。汝莫如是困苦其身。

ngã thời ngữ ngôn 。 thiện nam tử 。 nhữ mạc như thị khốn khổ kỳ thân 。

Lúc đó con nói: Thiện nam tử, ông đừng làm khổ thân mình như thế.

我當多與財物供養曇無竭菩薩。

ngã đương đa dĩ tài vật cung dưỡng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。

Ta sẽ cho ông nhiều tiền của cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

我亦隨汝至曇無竭菩薩所欲自供養。我亦欲得無上佛法。

ngã diệc tùy nhữ chí Đàm-vô-kiệt Bồ-tát sở dục tự cung dưỡng 。

ngã diệc dục đắc vô thượng Phật Pháp 。

Ta cũng theo ông đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, muốn tự cúng dường. Ta cũng muốn được pháp Phật vô thượng.

如上所說。

như thượng sở thuyết 。

Như đã nói trên,

父母今當聽我隨是善男子及給財物供養曇無竭菩薩。父母報言。

phụ mẫu kim đương thính ngã tùy thị thiện nam tử cập cấp tài vật cung dưỡng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。

phụ mẫu báo ngôn 。

cha mẹ nay nên cho con theo Thiện nam tử này và cho tiền của cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Cha mẹ cô gái nói lại rằng:

汝所讚者希有難及。是人一心念法。

nhữ sở tán giả hi hữu nan cập 。

thị nhân nhất tâm niệm Pháp 。

Người được con khen thật ít có, khó bì. Người này một lòng nhớ Pháp,

一切世界勝最第一。必能安樂一切眾生。是人能求難事。

nhất thiết thế giới thắng tối đệ nhất 。 tất năng an lạc nhất thiết chúng sinh 。 thị nhân năng cầu nan sự 。

thù thắng bậc nhất trong tất cả thế giới, chắc chắn có thể làm an lạc tất cả chúng sinh; người này có thể cầu việc khó khăn.

我今聽汝隨去。我等亦欲見曇無竭菩薩。

ngã kim thính nhữ tùy khứ 。 ngã đẳng diệc dục kiến Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。

Nay ta cho con đi theo. Chúng ta cũng muốn thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

是女為供養曇無竭菩薩故。白父母言。

thị nữ vi cung dưỡng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát cố 。 bạch phụ mẫu ngôn 。

Người con gái này vì cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nên thưa cha mẹ rằng:

我不敢斷人功德。是女即時莊嚴五百乘車。

ngã bất cảm đoạn nhân công đức 。 thị nữ tức thời trang nghiêm ngũ bách thừa xa 。

Con không dám làm mất công đức người khác. Người con gái này liền sửa soạn năm trăm cỗ xe,

敕五百侍女亦皆莊嚴。

sắc ngũ bách thị nữ diệc giai trang nghiêm 。

sai năm trăm người hầu gái cùng sửa soạn,

持種種色華種種色衣種種雜香末香塗香金銀寶華種種雜色妙好瓔珞諸

trì chủng chủng sắc hoa chủng chủng sắc y chủng chủng tạp hương mặt hương đồ

hương kim ngân bảo hoa chủng chủng tạp sắc diệp hảo chuỗi ngọc chư

cầm hoa đủ màu, áo quần đủ màu, đủ loại hương tạp, hương bột, hương thoa, vàng bạc,

hoa báu, đủ loại chuỗi ngọc nhiều màu đẹp đẽ, các

美飲食。與薩陀波崙菩薩各載一車。

mỹ ẩm thực 。 dữ Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát các tải nhất xa 。

thức ăn uống ngon lành, cùng Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn, mỗi người đi một xe;

五百侍女恭敬圍繞漸漸東行。遙見眾香城。

ngũ bách thị nữ cung kính vây quanh tiệm tiệm Đông hành 。 dao kiến chúng hương thành 。

năm trăm người hầu gái cung kính vây quanh, từ từ đi về phía Đông. Xa thấy thành Chúng Hương.

其城七重七寶莊嚴甚可愛樂。

kỳ thành thất trọng thất bảo trang nghiêm thậm khả ái lạc 。

Thành này bảy lớp, bảy báu trang nghiêm, rất đáng ưa thích.

有七重塹七重行樹。其城縱廣十二由旬。

hữu thất trọng tiệm thất trọng hành thụ 。

kỳ thành túng quảng thập nhị do-tuần 。

có bảy lớp hào, bảy lớp hàng cây. Thành cao rộng mười hai do-tuần,

豐樂安靜人民熾盛。五百街巷端嚴如畫。橋津如地寬博清淨。

phong lạc an tĩnh nhân dân sí thịnh 。

ngũ bách nhai hạng đoan nghiêm như họa 。

kiều tân như địa khoan bác thanh tịnh 。

đầy đủ, sung sướng, yên tĩnh, nhân dân đông đúc. Năm trăm con đường, đàng hoàng như vẽ. Cầu, bến như đất liền, rộng rãi, sạch sẽ.

見曇無竭菩薩。於城中央法座上坐。

kiến Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。

ư thành trung ương Pháp tọa thượng tọa 。

Thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi trên tòa Pháp ở ngay giữa thành,

無量百千萬眾圍繞說法。心即歡喜。

vô lượng bách thiên vạn chúng vây quanh thuyết Pháp 。

tâm tức hoan hỷ 。

nói pháp cho vô lượng trăm ngàn vạn chúng xung quanh, tâm liền hoan hỷ,

譬如比丘得第三禪。見已作是念。

thí như bĩ khâu đắc đệ tam Thiên 。 kiến dĩ tác thị niệ̃m 。
ví như Tỷ-khuu được Đệ tam thiên. Thấy rồi, nghĩ rằng:

我等不應載車趣曇無竭菩薩。即皆下車步進。

ngã đắng bất ứ̃ng tái xa thú Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。 tức giai hạ xa bộ tiến 。
Chúng ta không nên đi xe đến Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Liền đều xuống xe đi bộ đến.

薩陀波崙與五百侍女恭敬圍繞。各持種種莊嚴諸物。

Tát-đà-ba-lôn dĩ ngũ bách thị nữ cung kính vây quanh 。 các trì chủng chủng trang
nghiêm chư vật 。

Tát-đà-ba-lôn cùng năm trăm người hầu gái cung kính vây quanh, mỗi người cầm đủ loại
vật trang nghiêm,

俱詣曇無竭菩薩所。

câu nghê Đàm-vô-kiệt Bồ-tát sở 。

cùng đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

曇無竭菩薩所有七寶臺牛頭栴檀而以校飾。真珠羅網寶鈴間錯。

Đàm-vô-kiệt Bồ-tát sở hữu thất bảo đài ngưu đầu chiên-đàn nhi dĩ giáo sức 。

Chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt có đài báu trang sức bằng chiên-đàn ngưu đầu; lưới chân châu,
chuông báu xen giữa;

四角各懸明珠以為光明。有四白銀香爐。燒黑沈水。

tứ giác các huyền minh châu dĩ vi quang-minh 。

bốn góc đều treo minh châu để phát ánh sáng. Có bốn lò hương bằng bạc trắng, đốt
hương trầm thủy đen,

供養般若波羅蜜。其寶臺中有七寶大床。

cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật 。

cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật. Trong đài báu này có giường lớn bảy báu.

床上有四寶函。以真金鑠書般若波羅蜜。

sàng thượng hữu tứ bảo hàm 。 dĩ chân kim diệp thư Bát-nhã Ba-la-mật 。
Trên giường có bốn hộp báu, dùng lá vàng ròng chép Bát-nhã Ba-la-mật.

置是函中。其臺四邊垂諸寶幡。

trí thị hàm trung 。 kỳ đài tứ biên thùy chư bảo phiên 。
Ngoài hộp này ra, bốn phía đài có treo các phướn báu.

爾時薩陀波崙菩薩與五百侍女。

nhĩ thời Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát dữ ngũ bách thị nữ 。
Bấy giờ, Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn cùng năm trăm người hầu gái

遙見妙臺種種珍寶以為校飾。

dao kiến diệu đài chủng chủng trân bảo dĩ vi 校 sức 。
từ xa nhìn thấy đài đẹp, đủ loại trân bảo trang sức;

又見釋提桓因與無量百千諸天以天曼陀羅華天金銀華天栴檀華以散臺上。

hựu kiến thích đề hoàn nhân dữ vô lượng bách thiên chư Thiên dĩ Thiên Mạn-đà-la
hoa Thiên kim ngân hoa Thiên chiêm-đàn hoa dĩ tán đài thượng 。
lại thấy Thích-đề-hoàn-nhân cùng vô lượng trăm ngàn chư Thiên đem hoa Mạn-đà-la cõi
trời, hoa vàng bạc cõi trời, hoa chiêm-đàn cõi trời, rải trên đài;

天於空中作諸伎樂。即問釋提桓因憍尸迦。

Thiên ư không trung tác chư kỹ nhạc 。 tức vấn thích đề hoàn nhân Kiêu-thi-ca 。
chư Thiên giữa hư không trời các kỹ nhạc. Liên hỏi Thích-đề-hoàn-nhân: Kiêu-thi-ca,

汝以何故與諸天眾。

nhữ dĩ hà cố dữ chư Thiên chúng 。
vì sao ông cùng các chúng trời

以天曼陀羅華天金銀華天栴檀華散此臺上。於虛空中作諸伎樂。

dĩ Thiên Mạn-đà-la hoa Thiên kim ngân hoa Thiên chiên-đàn hoa tán thử đài thượng
。 ư hư không trung tác chư kĩ nhạc 。

đem hoa Mạn-đà-la cõi trời, hoa vàng bạc cõi trời, hoa chiên-đàn cõi trời, rải lên đài này, ở
giữa hư không trời các kỹ nhạc?

釋提桓因言。善男子。汝不知耶。

thích đề hoàn nhân ngôn 。 thiện nam tử 。 nhữ bất tri da 。

Thích-đề-hoàn-nhân nói: Thiện nam tử, ông không biết sao?

有法名摩訶般若波羅蜜。是諸菩薩母。菩薩於是中學。

hữu Pháp danh Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật 。 thị chư Bồ-tát mẫu 。 Bồ-tát ư thị trung
học 。

Có pháp gọi là Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, là mẹ của các Bồ-tát. Bồ-tát học trong đó

當得盡諸功德一切佛法疾得薩婆若。

đương đắc tận chư công đức nhất thiết Phật Pháp tật đắc tát bà nhược 。

sẽ được toàn bộ các công đức, tất cả Phật pháp, sớm được Nhất thiết trí.

薩陀波崙言。憍尸迦。摩訶般若波羅蜜是諸菩薩母。

Tát-đà-ba-lôn ngôn 。 Kiêu-thi-ca 。 Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật thị chư Bồ-tát mẫu 。

Tát-đà-ba-lôn nói: Kiêu-thi-ca, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ của các Bồ-tát,

為在何處。我今欲見。善男子。

vi tại hà xứ 。 ngã kim dục kiến 。 thiện nam tử 。

ở tại chỗ nào? Ta nay muốn thấy. Thiện nam tử,

在此七寶篋中黃金鑠上。曇無竭菩薩七處印之。

tại thử thất bảo khiếp trung hoàng kim diệp thượng 。 Đàm-vô-kiệt Bồ-tát thất xứ ấn
chi 。

ở trên lá hoàng kim trong hộp bảy báu này.

我不得示汝。爾時薩陀波崙菩薩與五百女人。

ngã bất đắc kì nhữ 。 nhĩ thời Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát dữ ngũ bách nữ nhân 。

Ta không được cho ông xem. Bấy giờ, Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn cùng năm trăm người nữ,

各持種種華香瓔珞幡蓋衣服金銀珍寶。

các trì chủng chủng hoa hương chuỗi ngọc phiên cái y phục kim ngân trân bảo 。

đều cầm đủ loại hương, hoa, chuỗi ngọc, phướn lọng, áo quần, vàng, bạc, trân châu,

以半供養般若波羅蜜。以半供養曇無竭菩薩。

dĩ bán cung dưỡng Bát-nhã Ba-la-mật 。

một nửa cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, một nửa cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt。

薩陀波崙菩薩以種種花香瓔珞幡蓋衣服金銀

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát dĩ chủng chủng hoa hương chuỗi ngọc phiên cái y phục kim ngân

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn đem đủ loại hoa, hương, chuỗi ngọc, phướn, lọng, áo quần, vàng,

bạc,

寶花。作諸伎樂。供養般若波羅蜜已。

bảo hoa 。

hoa báu, thổi các kỹ nhạc, cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật xong,

向曇無竭菩薩所。

hướng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát sở 。

hướng đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt。

復以種種華香瓔珞碎末栴檀金銀寶華。供養法故散曇無竭菩薩上。

phục dĩ chủng chủng hoa hương chuỗi ngọc toái mật chiêm-đàn kim ngân bảo hoa 。

cung dưỡng Pháp cố tán Đàm-vô-kiệt Bồ-tát thượng 。

Lại đem đủ loại hoa, hương, chuỗi ngọc, chiêm-đàn nghiền bột, vàng, bạc, hoa báu, vì cúng dường Pháp, rải lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

即住虛空合成寶蓋。其蓋四邊垂諸寶幡。

tức trụ hư không hợp thành lọng lụa 。 kỳ cái tứ biên thùy chư bảo phiên 。
Các thứ ấy trụ giữa hư không, hợp thành lọng báu. Bốn phía lọng này treo các phướn báu.

薩陀波崙菩薩及五百女人。見此神力心大歡喜。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát cập ngũ bách nữ nhân 。 kiến thử Thần lực tâm Đại hoan hỷ 。
Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn và năm trăm người nữ thấy thần lực này, lòng rất vui sướng,

作是念。未曾有也。曇無竭大師神力乃爾。

tác thị niệm 。 vị tăng hữu dã 。 Đàm-vô-kiệt Đại sư Thần lực nãi nhĩ 。
nghĩ thế này: Thật chưa từng có. Thần lực của đại sư Đàm-vô-kiệt đến thế!

未成佛道。神通之力尚能如是。

vị thành Phật đạo 。 Thần thông chi lực thượng năng như thị 。
Chưa thành Phật đạo mà lực thần thông còn có thể như thế,

況得阿耨多羅三藐三菩提。時五百女人敬重曇無竭菩薩。

huống đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。 thời ngũ bách nữ nhân kính trọng Đàm-
vô-kiệt Bồ-tát 。

huống là được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Lúc đó, năm trăm người nữ kính trọng
Bồ-tát Đàm-vô-kiệt,

故皆發阿耨多羅三藐三菩提心。

cố giai phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề tâm 。

nên đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác:

我等以是善根因緣。於未來世當得作佛。

ngã đẳng dĩ thị thiện căn nhân duyên 。

Chúng con nhờ nhân duyên thiện căn này, ở đời vị lai sẽ được làm Phật,

行菩薩道時亦得如是功德。如今曇無竭菩薩。

hành Bồ-tát đạo thời diệc đắc như thị công đức 。 như kim Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。
khi hành đạo Bồ-tát cũng được công đức như thế, như Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngày nay;

供養恭敬尊重般若波羅蜜。為人演說。成就方便力。

cung dưỡng cung kính tôn trọng Bát-nhã Ba-la-mật 。 vì nhân diễn thuyết 。 thành tựu
phương tiện lực 。

cúng dường, cung kính, tôn trọng Bát-nhã Ba-la-mật, vì người mà diễn nói, thành tựu lực
phương tiện,

亦如曇無竭菩薩。

diệc như Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。

cũng như Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

薩陀波崙及五百女人頭面禮曇無竭菩薩足。合掌恭敬却住一面。

Tát-đà-ba-lôn cập ngũ bách nữ nhân đầu diện lễ Đàm-vô-kiệt Bồ-tát túc 。

hợp chưởng cung kính khước trụ nhất diện 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn và năm trăm người nữ đầu mặt lễ sát chân Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, chấp
tay, cung kính, lui đứng một bên.

薩陀波崙白曇無竭菩薩言。我本求般若波羅蜜時。

Tát-đà-ba-lôn bạch Đàm-vô-kiệt Bồ-tát ngôn 。

ngã bản cầu Bát-nhã Ba-la-mật thời 。

Tát-đà-ba-lôn thưa Bồ-tát Đàm-vô-kiệt rằng: Lúc con đang cầu Bát-nhã Ba-la-mật

於空林中聞空中聲言。善男子。從是東行。

ư không lâm trung văn không trung thanh ngôn 。

thiện nam tử 。

tòng thị Đông hành
。 ở trong rừng hoang, nghe tiếng giữa hư không nói rằng: Thiện nam tử, từ đây đi về Đông,

當得聞般若波羅蜜。我即東行。

đương đắc văn Bát-nhã Ba-la-mật 。 ngã tức Đông hành 。
sẽ được nghe Bát-nhã Ba-la-mật, con liền đi về phía Đông.

東行不久便作是念。我云何不問空中聲。

Đông hành bất cửu tiện tác thị niệm 。 ngã vân hà bất vấn không trung thanh 。
Đi về phía Đông không lâu liền nghĩ rằng: Tại sao mình không hỏi tiếng giữa hư không

去當遠近從誰得聞般若波羅蜜。憂愁懊惱即住七日。

khứ đương viễn cận tòng thùy đắc văn Bát-nhã Ba-la-mật 。 ưu sầu áo não tức trụ
thất nhật 。

là cách xa hay gần, được nghe Bát-nhã Ba-la-mật từ ai. Ưu sầu, áo não, đứng đó bảy
ngày,

不念飲食及世俗事。但念般若波羅蜜。

bất niệm ẩm thực cập thế tục sự 。 đăn niệm Bát-nhã Ba-la-mật 。

không nghĩ ăn uống và việc thế tục; chỉ nghĩ đến Bát-nhã Ba-la-mật.

我云何不問空中聲。去當近遠從誰得聞。

ngã vân hà bất vấn không trung thanh 。 khứ đương cận viễn tòng thùy đắc văn 。

Tại sao mình không hỏi tiếng giữa hư không là cách gần hay xa, được nghe từ ai.

即時佛像現在我前。作是言。善男子。從是東行五百由旬。

tức thời Phật tượng hiện tại ngã tiền 。 tác thị ngôn 。 thiện nam tử 。

Ngay lúc đó, tượng Phật hiện trước mặt con, nói rằng: Thiện nam tử, từ đây đi về phía
Đông năm trăm do-tuần

有城名眾香城。中有菩薩名曇無竭。

hữu thành danh chúng hương thành 。

trung hữu Bồ-tát danh Đàm-vô-kiệt 。

có thành gọi là thành Chúng hương. Trong đó có Bồ-tát tên Đàm-vô-kiệt,

為諸大眾說般若波羅蜜。汝於是中。

vi chư Đại chúng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。 nhữ ư thị trung 。
vì các đại chúng mà nói Bát-nhã Ba-la-mật. Ông ở trong đó

當得聞般若波羅蜜。我於是處一切法中。生無依止想。

đương đắc văn Bát-nhã Ba-la-mật 。 ngã ư thị xử nhất thiết Pháp trung 。 sinh vô y chỉ
tưởng 。

sẽ được nghe Bát-nhã Ba-la-mật. Con ở chỗ này, trong tất cả các pháp, sinh tưởng không
nương tựa,

亦得無量諸三昧門。我住是諸三昧。

diệc đắc vô lượng chư tam muội môn 。 ngã trụ thị chư tam muội 。

còn được vô lượng các môn tam-muội. Con trụ các tam-muội này,

即見十方諸佛為諸大眾說般若波羅蜜。諸佛讚我言。

tức kiến thập phương chư Phật vi chư Đại chúng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。 chư Phật
tán ngã ngôn 。

liền thấy chư Phật mười phương vì các đại chúng mà nói Bát-nhã Ba-la-mật. Chư Phật
khen con rằng:

善哉善哉。善男子。

Thiện tai Thiện tai 。 thiện nam tử 。

Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử.

我等本行菩薩道時亦得是諸三昧。住是諸三昧中。

ngã đẳng bản hành Bồ-tát đạo thời diệc đắc thị chư tam muội 。

Chúng ta khi còn hành đạo Bồ-tát cũng được các tam-muội này, trụ trong các tam-muội
này,

能成就諸佛法。諸佛安慰示教我已。皆不復現。

năng thành tựu chư Phật Pháp 。 chư Phật an ủi kì giáo ngã dĩ 。 giai bất phục hiện 。
có thể thành tựu các Phật pháp. Chư Phật an ủi, chỉ dạy con xong, đều không xuất hiện
nữa.

我從諸三昧覺已作是念。諸佛從何所來去至何所。

ngã tòng chư tam muội giác dĩ tác thị niệm 。 chư Phật tòng hà sở lai khứ chí hà sở
。

Sau khi ra khỏi các tam-muội, con nghĩ thế này: Chư Phật từ nơi nào đến, đi về nơi nào?

不知諸佛來去因緣故。即作是念。

bất tri chư Phật lai khứ nhân duyên cố 。 tức tác thị niệm 。

Vì không biết nhân duyên đến đi của chư Phật, liền nghĩ rằng:

曇無竭菩薩已曾供養過去諸佛。深種善根善學方便。

Đàm-vô-kiệt Bồ-tát dĩ tăng cung dưỡng quá khứ chư Phật 。 thâm chủng thiện căn
thiện học phương tiện 。

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đã từng cúng dường chư Phật quá khứ, trồng sâu thiện căn, khéo học
phương tiện,

必能為我說諸佛從何所來去至何所。

tất năng vi ngã thuyết chư Phật tòng hà sở lai khứ chí hà sở 。

chắc chắn có thể vì mình mà nói chư Phật từ đâu đến, đi về đâu.

惟願大師。今當為我說諸佛從何所來去至何所。

duy nguyện Đại sư 。 kim đương vi ngã thuyết chư Phật tòng hà sở lai khứ chí hà sở
。

。

Cầu mong Đại sư nay vì con mà nói chư Phật từ nơi nào đến và đi về đâu,

令我常得不離見佛。

lệnh ngã thường đắc bất ly kiến Phật 。

khiến con thường được thấy Phật, không rời.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật

曇無竭品第二十八

Đàm-vô-kiệt phẩm đệ nhị thập bát

Phẩm 28: Đàm-vô-kiệt

爾時曇無竭菩薩語薩陀波崙菩薩言。

nhĩ thời Đàm-vô-kiệt Bồ-tát ngữ Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát ngôn 。

Bấy giờ, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn:

善男子。諸佛無所從來去無所至。何以故。

thiện nam tử 。

Thiện nam tử, chư Phật không từ nơi nào đến, không đi về đâu. Vì sao?

諸法如不動故諸法如即是如來。善男子。

chư Pháp như bất động cố chư Pháp như tức thị Như-Lai 。

Vì Như của các pháp không động nên Như của các pháp chính là Như lai. Thiện nam tử,

無生無來無去無生即是如來。實際無來無去。

vô sinh vô lai vô khứ vô sinh tức thị Như-Lai 。

thật tế vô lai vô khứ 。

không sinh, không đến, không đi; không sinh chính là Như lai. Thực tế không đến, không đi;

實際即是如來。空無來無去。空即是如來。

thật tế tức thị Như-Lai 。

không vô lai vô khứ 。

không tức thị Như-Lai 。

thực tế chính là Như lai. Không không đến không đi; Không chính là Như lai.

斷無來無去。斷即是如來。離無來無去。離即是如來。

đoạn vô lai vô khứ 。 đoạn tức thị Như-Lai 。 ly vô lai vô khứ 。 ly tức thị Như-Lai 。

Đoạn không đến không đi; đoạn chính là Như lai. Ly không đến không đi; ly chính là Như lai.

滅無來無去。滅即是如來。虛空性無來無去。

diệt vô lai vô khứ 。 diệt tức thị Như-Lai 。 hư không tính vô lai vô khứ 。

Diệt không đến không đi; diệt chính là Như lai. Tính của hư không không đến không đi;

虛空性即是如來。善男子。離是諸法無有如來。

hư không tính tức thị Như-Lai 。 thiện nam tử 。 ly thị chư Pháp vô hữu Như-Lai 。

tính của hư không chính là Như lai. Thiện nam tử, rời các pháp này không có Như lai.

是諸法如諸如來如。皆是一如無二無別。

thị chư Pháp như chư Như-Lai như 。 giai thị nhất như vô nhị vô biệt 。

Như của các pháp này, Như của các Như lai, đều là một Như, không hai, không khác.

善男子。是如唯一無二無三。離諸數無所有。

thiện nam tử 。 thị như duy nhất vô nhị vô tam 。 ly chư số vô sở hữu 。

Thiện nam tử, Như này chỉ có một, không hai, không ba; lìa các số, không có gì.

善男子。譬如春末後月日中熱時見野馬動。

thiện nam tử 。 thí như xuân mạt hậu nguyệt nhật trung nhiệt thời kiến dã mã động

。

Thiện nam tử, ví như vào ngày tháng cuối xuân, lúc trời nóng, thấy ngựa hoang chạy,

愚夫逐之謂當得水。善男子。於意云何。

ngu phu trục chi vị đương đắc thủy 。 thiện nam tử 。 ư ý vân hà 。

người ngu bám theo, cho rằng sẽ có nước. Thiện nam tử, ý ông thế nào?

是水從何所來。為從東海來。南西北海來。

thị thủy tòng hà sở lai 。 vi tòng Đông hải lai 。 Nam Tây Bắc hải lai 。
Nước này từ đâu chảy đến? Có phải từ biển Đông đến, từ biển Nam, Tây, Bắc đến?

薩陀波崙白大師言。焰中尚無有水。

Tát-đà-ba-lôn bạch Đại sư ngôn 。 diệm trung thượng vô hữu thủy 。

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt bạch Đại Sư: Trong ngọn lửa còn không có nước,

況有來處去處。但是愚人無有智故。於無水中而生水想。

huống hữu lai xử khứ xử 。 đăn thị ngu nhân vô hữu trí cố 。

ư vô thủy trung nhi sinh
thủy tưởng 。

huống là có chỗ đến, chỗ đi. Chỉ vì người ngu, không có trí, trong chỗ không có nước lại
sinh tưởng về nước;

實無有水。善男子。

thật vô hữu thủy 。

thiện nam tử 。

sự thật là không có nước. Thiện nam tử,

若有人以如來身色音聲而生貪著。如是人等分別諸佛有去來相。

nhược hữu nhân dĩ Như-Lai thân sắc âm thanh nhi sinh tham trước 。

như thị nhân
đẳng phân biệt chư Phật hữu khứ lai tướng 。

nếu có người dựa vào sắc thân, tiếng nói của Như lai mà sinh tham dính; những người
như thế phân biệt chư Phật có tướng đi, đến.

當知是等愚癡無智。如無水中而生水想。

đương tri thị đẳng ngu si vô trí 。

như vô thủy trung nhi sinh thủy tưởng 。

Nên biết những người này ngu si, không có trí; giống như ở chỗ không có nước lại sinh
tưởng về nước.

何以故。諸佛如來不應以色身見。

hà dĩ cố 。

chư Phật như lai bất ứng dĩ sắc thân kiến 。

Vì sao? Không nên dùng sắc thân mà thấy chư Phật Như lai,

諸佛如來皆是法身故。善男子。諸法實相無來無去。

chư Phật như lai giai thị Pháp thân cố 。 thiện nam tử 。 chư Pháp thật tướng vô lai vô khứ 。

vì chư Phật Như lai đều là Pháp thân. Thiện nam tử, tướng thật của các pháp không đến, không đi.

諸佛如來亦復如是。善男子。

chư Phật như lai diệc phục như thị 。 thiện nam tử 。

Chư Phật Như lai cũng lại như thế. Thiện nam tử,

譬如幻師幻作象兵馬兵車兵步兵無來無去。

thí như huyễn sư huyễn tác tượng binh mã binh xa binh bộ binh vô lai vô khứ 。

ví như vị thầy ảo thuật biến ra lính voi, lính ngựa, lính xe, lính bộ không đến, không đi;

當知諸佛無來無去亦復如是。善男子。如人夢中見有如來。

đương tri chư Phật vô lai vô khứ diệc phục như thị 。 thiện nam tử 。

như nhân mộng trung kiến hữu Như-Lai 。

nên biết chư Phật không đến không đi lại cũng như thế. Thiện nam tử, như người nằm mộng thấy có Như lai,

若一若二若十若二十。

nhược nhất nhược nhị nhược thập nhược nhị thập 。

số lượng hoặc một, hoặc hai, hoặc mười, hoặc hai mươi,

若五十若百若過百數覺已乃至不見有一如來。善男子。

nhược ngũ thập nhược bách nhược quá bách số giác dĩ nãi chí bất kiến hữu nhất như lai 。

thiện nam tử 。

hoặc năm mươi, hoặc một trăm, hoặc hơn một trăm. Sau khi tỉnh dậy không thấy có một Như lai nào. Thiện nam tử,

於意云何。是諸如來從何所來去。至何所。

ư ý vân hà 。 thị chư Như-Lai tòng hà sở lai khứ 。 chí hà sở 。

ý ông thế nào? Các Như lai này từ nơi nào đến, đi về chỗ nào?

薩陀波崙白大師言。夢無定法皆是虛妄。善男子。

Tát-đà-ba-lôn bạch Đại sư ngôn 。 mộng vô định Pháp giai thị hư vọng 。 thiện nam tử 。

Tát-đà-ba-lôn bạch Đại Sư: Trong mộng không có pháp thật, đều là hư vọng. Thiện nam tử,

如來說一切法虛妄如夢。

Như-Lai thuyết nhất thiết Pháp hư vọng như mộng 。

Như lai nói tất cả pháp hư vọng, như mộng.

若人不知諸法虛妄如夢。以色身名字語言章句而生貪著。

nhược nhân bất tri chư Pháp hư vọng như mộng 。

ĩ sắc thân danh tự ngữ ngôn
chương cú nhi sinh tham trước 。

Nếu người không biết các pháp là hư vọng, như mộng, mà dựa vào sắc thân, tên gọi, lời nói, chương câu để sinh tham dính;

如是人等分別諸佛而有來去。不知諸法相故。

như thị nhân đẳng phân biệt chư Phật nhi hữu lai khứ 。

bất tri chư Pháp tướng cố 。

những người như thế phân biệt chư Phật có đến có đi, vì không biết tướng của các Pháp.

若人於佛分別來去。當知是人凡夫無智。

nhược nhân ư Phật phân biệt lai khứ 。

đương tri thị nhân phàm phu vô trí 。

Nếu có người đối với Phật mà phân biệt đến, đi; nên biết đó là phàm phu, không có trí,

數受生死往來六道。

số thọ sinh tử vãng lai lục đạo 。

thường chịu sinh tử, lui tới sáu đường,

離般若波羅蜜離於佛法。善男子。

ly Bát-nhã Ba-la-mật ly ư Phật Pháp 。 thiện nam tử 。
rời Bát-nhã Ba-la-mật, rời Phật pháp. Thiện nam tử,

若能如實知佛所說一切諸法虛妄如夢。

nhược năng như thật tri Phật sở thuyết nhất thiết chư Pháp hư vọng như mộng 。
nếu có thể như thực biết chư Phật có nói tất cả các pháp là hư vọng, như mộng,

是人於法則不分別若來若去若生若滅。若不分別。

thị nhân ư Pháp tắc bất phân biệt nhược lai nhược khứ nhược sinh nhược diệt 。
nhược bất phân biệt 。

thì người này đối với Pháp chắc chắn không phân biệt có đến, có đi, có sinh, có diệt. Nếu
không phân biệt,

是人則以諸法實相而觀如來。若以法相知如來者。

thị nhân tắc dĩ chư Pháp thật tướng nhi quán Như-Lai 。 nhược dĩ Pháp tướng tri
Như-Lai giả 。

người này liền lấy tướng thật của các Pháp mà quán Như lai. Nếu người lấy Pháp tướng
để biết Như lai,

是人則不分別如來若來若去。若能如是知諸法相。

thị nhân tắc bất phân biệt Như-Lai nhược lai nhược khứ 。 nhược năng như thị tri chư
Pháp tướng 。

thì người này tức không phân biệt Như lai có đến, có đi. Nếu có thể biết các Pháp tướng
như thế,

是人則行般若波羅蜜。近阿耨多羅三藐三菩提。

thị nhân tắc hành Bát-nhã Ba-la-mật 。 cận a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。

người này tức hành Bát-nhã Ba-la-mật, gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

是名真佛弟子。不虛受人信施。

thị danh chân Phật đệ-tử 。 bất hư thọ nhân tín thí 。

Đó gọi là đệ tử đích thực của Phật, không nhận của tín thí một cách uổng phí,

是為世界福田。善男子。譬如海中種種珍寶。

thị vi thế giới phúc điền 。 thiện nam tử 。 thí như hải trung chủng chủng trân bảo 。

là ruộng phước cho thế gian. Thiện nam tử, ví như trong biển có đủ loại trân báu,

不從東方來。南西北方四維上下來。

bất tòng Đông phương lai 。

Nam Tây Bắc phương tứ duy thượng hạ lai 。

không đến từ phương Đông, không đến từ phương Nam, Tây, Bắc, từ bốn hướng, từ trên, dưới;

眾生福業因緣海生此寶。非無因而有。

chúng sinh phúc nghiệp nhân duyên hải sinh thử bảo 。

phi vô nhân nhi hữu 。

mà do nhân duyên phước nghiệp của chúng sinh nên trong biển sinh ra trân báu này;

không phải không có nhân mà có.

諸寶滅時亦不至十方。以眾緣合則有。眾緣滅則無。

chư bảo diệt thời diệt bất chí thập phương 。

đĩ chúng duyên hợp tắc hữu 。

chúng duyên diệt tắc vô 。

Lúc các báu diệt cũng không về với mười phương; vì các duyên hợp thì có, các duyên diệt thì không.

善男子。諸如來身亦復如是。

thiện nam tử 。

chư Như-Lai thân diệt phục như thị 。

Thiện nam tử, thân của các Như lai lại cũng như thế.

無有定法不從十方來。亦不無因而有。以本行報生。

vô hữu định Pháp bất tòng thập phương lai 。

diệt bất vô nhân nhi hữu 。

đĩ bổn hành báo sinh 。

Không có pháp nhất định, không từ mười phương đến, cũng không phải không có nhân mà có. Vì bốn hạnh mà sinh thành;

眾緣合則有。眾緣滅則無。善男子。譬如箜篌音聲。

chúng duyên hợp tắc hữu 。 chúng duyên diệt tắc vô 。 thiện nam tử 。 thí như không hầu âm thanh 。

các duyên hợp thì có, các duyên diệt thì không. Thiện nam tử, ví như tiếng của cây đàn sắt,

無所從來去無所至。屬眾因緣。有絃有槽有棍。

vô sở tòng lai khứ vô sở chí 。 chúc chúng nhân duyên 。 hữu huyền hữu tào hữu côn 。

không từ đâu đến, không đi về đâu, tùy các nhân duyên. Có dây đàn, có thùng đàn, có cần đàn,

有人以手鼓之。眾緣合則有聲。

hữu nhân dĩ thủ cổ chi 。 chúng duyên hợp tắc hữu thanh 。

có người dùng tay khảy đàn; các duyên hợp thì có tiếng.

是聲不從絃出槽出棍出手出。眾緣合則有聲。

thị thanh bất tòng huyền xuất tào xuất côn xuất thủ xuất 。

Tiếng này không phát ra từ dây đàn, thùng đàn, cần đàn, tay khảy đàn. Các duyên hợp thì có tiếng,

而無所從來。眾緣散則滅而無所至。善男子。

nhi vô sở tòng lai 。

chúng duyên tán tắc diệt nhi vô sở chí 。

thiện nam tử 。

諸如來身亦復如是。屬眾因緣。

chư Như-Lai thân diệt phục như thị 。

thân của các Như lai lại cũng như thế, tùy các nhân duyên.

無量福德之所成就不從一因緣一福德而生。

vô lượng phúc đức chi sở thành tựu bất tòng nhất nhân duyên nhất phúc đức nhi sinh
。

Vô lượng phước đức được thành tựu không từ một nhân duyên, một phước đức mà sinh;

亦不無因無緣而有。以眾緣合則有。而無所從來。

diệc bất vô nhân vô duyên nhi hữu 。 dĩ chúng duyên hợp tắc hữu 。 nhi vô sở tòng lai
。

cũng không phải không có nhân, không có duyên mà có. Vì các duyên hợp thì có, mà không từ đâu đến;

眾緣散則滅。而去無所至。善男子。

chúng duyên tán tắc diệt 。 nhi khứ vô sở chí 。 thiện nam tử 。

các duyên tan thì diệt, mà không đi về đâu. Thiện nam tử,

應當如是觀諸如來來去之相。亦應如是觀諸法相。善男子。

ứng đương như thị quán chư Như-Lai lai khứ chi tướng 。 diệc ứng như thị quán chư
Pháp tướng 。 thiện nam tử 。

nên quán tướng đến, đi của các Như lai như thế; cũng nên quán tướng của các Pháp như
thế. Thiện nam tử,

汝若如是觀諸如來及一切法。無來無去。

nhữ nhược như thị quán chư Như-Lai cập nhất thiết Pháp 。 vô lai vô khứ 。

nếu ông quán các Như lai và tất cả Pháp như thế, không đến, không đi,

無生無滅。必至阿耨多羅三藐三菩提。

vô sinh vô diệt 。 tất chí a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。

không sinh, không diệt, chắc chắn đến được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

亦得了達般若波羅蜜方便。

diệc đắc liễu đạt Bát-nhã Ba-la-mật phương tiện 。

cũng liễu đạt được phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật.

說是如來無來無去法時。三千大千世界地大震動。

thuyết thị Như-Lai vô lai vô khứ Pháp thời 。

tam Thiên Đại Thiên thế giới địa Đại chấn động 。

Lúc nói Pháp không đến, không đi này của Như lai, thì địa đại trong Tam thiên đại thiên thế giới chấn động,

諸天宮殿亦皆震動。諸魔宮殿皆不復現。

chư Thiên cung điện diệc giai chấn động 。

chư Ma cung điện giai bất phục hiện 。

cung điện chư Thiên cũng đều chấn động, cung điện các Ma đều không hiện lại,

三千大千世界草木華樹。悉皆傾向曇無竭菩薩。

tam Thiên Đại Thiên thế giới thảo mộc hoa thụ 。

tất giai khuynh hướng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。

cỏ cây, cây hoa trong Tam thiên đại thiên thế giới thủy đều hướng đến Bồ-tát Đàm-vô-kiệt,

諸樹皆出非時妙華。釋提桓因及四天王。

chư thụ giai xuất phi thời diệu hoa 。

thích đề hoàn nhân cập tứ Thiên Vương 。

các cây đều nở hoa đẹp ngoài kỳ. Thích-đề-hoàn-nhân và bốn Thiên vương,

於虛空中雨天名華天末栴檀。散曇無竭菩薩上。

ư hư không trung vũ Thiên danh hoa Thiên mật chiêm-đàn 。

tán Đàm-vô-kiệt Bồ-tát thượng 。

ở giữa hư không, mưa xuống hoa đẹp cõi trời, chiêm-đàn bột cõi trời, rắc lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt,

語薩陀波崙菩薩言。因仁者故。我等今日聞第一義。

ngũ Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát ngôn 。 nhân nhân giả cố 。 ngã đấng kim nhật văn đệ nhất nghĩa 。

nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn: Nhờ Nhân giả, hôm nay chúng tôi nghe được Đệ nhất nghĩa,

一切世界所難值遇。貪身見者所不能及。

nhất thiết thế giới sở nan trị ngộ 。 tham thân kiến giả sở bất năng cập 。

vốn khó gặp đối với tất cả thế giới, vốn không thể tới đối với người tham thân kiến.

爾時薩陀波崙菩薩白曇無竭菩薩。

nhĩ thời Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát bạch Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。

Bấy giờ, Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn bạch Bồ-tát Đàm-vô-kiệt:

何因緣故地大震動。曇無竭言。

hà nhân duyên cố địa Đại chấn động 。

Vì nhân duyên gì địa đại chấn động? Đàm-vô-kiệt nói:

以汝向問是諸如來無來無去。我答汝時。有八千人得無生法忍。

dĩ nhữ hướng vấn thị chư Như-Lai vô lai vô khứ 。

Do ông hỏi việc không đến không đi này của các Như lai. Lúc ta trả lời ông, có tám ngàn người được Vô sinh pháp nhẫn,

八十那由他眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。

bát thập na-do-tha chúng sinh phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề tâm 。

tám mươi na-do-tha chúng sinh phát tâm Vô thượng Chính đấng Chính giác,

八萬四千眾生遠塵離垢。

bát vạn tứ thiên chúng sinh viễn trần ly cấu 。

tám vạn bốn ngàn chúng sinh xa lìa trần cấu,

於諸法中得法眼淨。薩陀波崙菩薩心即歡喜作是念。

ư chư Pháp trung đắc Pháp nhãn tịnh 。 Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát tâm tức hoan hỷ tác thị niệm 。

đối với các Pháp được mắt Pháp trong sạch. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, lòng tức hoan hỷ, nghĩ rằng:

我今則為大得善利。聞般若波羅蜜中無來無去。

ngã kim tắc vi Đại đắc thiện lợi 。

Ta nay tức được điều lành, lợi lớn. Nghe trong Bát-nhã Ba-la-mật không có đến, đi,

利益如是無量眾生。我之善根已為具足。

lợi ích như thị vô lượng chúng sinh 。

làm lợi ích vô lượng chúng sinh như thế. Thiện căn của ta đã đầy đủ;

於阿耨多羅三藐三菩提。心無疑悔。必當作佛。

ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。

tâm vô nghi hối 。

tất đương tác Phật 。

薩陀波崙聞法生歡喜因緣。

Tát-đà-ba-lôn 。

sinh hoan hỷ nhân duyên 。

即昇虛空高七多羅樹。作是念。

tức thăng hư không cao thất đa-la thụ 。

tác thị niệm 。

我今當以何物供養曇無竭菩薩。釋提桓因知薩陀波崙心所念。

ngã kim đương dĩ hà vật cung dưỡng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。

thích đề hoàn nhân tri Tát-đà-ba-lôn tâm sở niệm 。

Nay ta sẽ lấy vật gì cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt? Thích-đề-hoàn-nhân biết ý nghĩ

trong lòng Tát-đà-ba-lôn,

即以天曼陀羅華與薩陀波崙。作是言。

tức dĩ Thiên Mạn-đà-la hoa dĩ Tát-đà-ba-lôn 。 tác thị ngôn 。
liền lấy hoa mạn-đà-la cõi trời đưa cho Tát-đà-ba-lôn, nói rằng:

汝以是花供養曇無竭菩薩。善男子。我等應助成汝。

nhữ dĩ thị hoa cung dưỡng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。 thiện nam tử 。 ngã đẳng ứng trợ
thành nhữ 。

Ông đem hoa này cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Thiện nam tử, chúng tôi nên giúp ông
thành tựu.

以汝因緣故利益無量眾生。善男子。

dĩ nhữ nhân duyên cố lợi ích vô lượng chúng sinh 。 thiện nam tử 。

Nhờ nhân duyên của ông mà làm lợi ích vô lượng chúng sinh. Thiện nam tử,

如是之人甚難得值。能為一切眾生故。

như thị chi nhân thậm nan đắc trị 。 năng vi nhất thiết chúng sinh cố 。

người như thế rất khó được gặp, vì có thể vì tất cả chúng sinh

於無量阿僧祇劫往來生死。

ư vô lượng a-tăng-kì kiếp vãng lai sinh tử 。

mà tới lui sinh tử trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp.

爾時薩陀波崙菩薩受釋提桓因曼陀羅華。散曇無竭菩薩上。

nhĩ thời Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát thọ thích đề hoàn nhân Mạn-đà-la hoa 。 tán Đàm-vô-kiệt
Bồ-tát thượng 。

Bấy giờ, Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn nhận hoa mạn-đà-la của Thích-đề-hoàn-nhân, rắc lên Bồ-tát
Đàm-vô-kiệt,

從虛空下頭面作禮。白大師言。

tòng hư không hạ đầu diện tác lễ 。

từ trên hư không cúi đầu mặt làm lễ, bạch Đại sư rằng:

我從今日以身供給奉上大師。作是語已。合掌一面立。

ngã tòng kim nhật dĩ thân cung cấp phụng thượng Đại sư 。 tác thị ngữ dĩ 。 hợp
chưởng nhất diện lập 。

Kể từ hôm nay con đem thân cung cấp, phụng thờ Đại Sư. Nói lời ấy xong, chắp tay đứng
một bên.

爾時長者女及五百侍女。白薩陀波崙菩薩言。

nhĩ thời Trưởng-Giả nữ cập ngũ bách thị nữ 。 bạch Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát ngôn 。

Bấy giờ, con gái vị trưởng giả và năm trăm người hầu gái bạch Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn rằng:

我等今者以身奉上。持是善根因緣。當得如是善法。

ngã đẳng kim giả dĩ thân phụng thượng 。 trì thị thiện căn nhân duyên 。 đương đắc như
thị thiện Pháp 。

Chúng con nay đem thân phụng thờ, gìn giữ nhân duyên thiện căn này, sẽ được Pháp
lành như thế,

世世常共供養諸佛常相親近。

thế thế thường cộng cung dưỡng chư Phật thường tương thân cận 。

đời đời thường cùng cúng dường chư Phật, thường cùng thân cận.

薩陀波崙菩薩報諸女言。汝若以身與我誠心隨我行。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát báo chư nữ ngôn 。 nhữ nhược dĩ thân dĩ ngã thành tâm tùy
ngã hành giả 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn trả lời các người nữ: Các người nếu đem thân cúng dường ta, thành
tâm theo ta hành,

我當受汝。諸女白言。

ngã đương thọ nhữ 。 chư nữ bạch ngôn 。

ta sẽ nhận các người. Các người nữ thưa:

我等誠心以身奉上當隨所行。

ngã đấng thành tâm dĩ thân phụng thượng đương tùy sở hạnh 。

Chúng con thành tâm đem thân phụng thờ, sẽ theo hành.

爾時薩陀波崙菩薩與五百女人并諸寶物莊嚴之具及五百乘車。奉上曇無竭菩薩。

nhĩ thời Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát dĩ ngũ bách nữ nhân tinh chư bảo vật trang nghiêm chi cụ cấp ngũ bách thừa xa 。

Bấy giờ, Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn và năm trăm người hầu gái, cùng đầy đủ các vật báu trang nghiêm và năm trăm cỗ xe, phụng thờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt,

白言大師。以是五百女人奉給大師。

bạch ngôn Đại sư 。

thưa rằng: Đại sư, chúng con đem năm trăm người hầu gái này phụng cấp Đại Sư,

五百乘車隨意所用。

ngũ bách thừa xa tùy ý sở dụng 。

năm trăm cỗ xe tùy ý sử dụng.

爾時釋提桓因讚薩陀波崙菩薩言。善哉善哉。

nhĩ thời Thích-đề-hoàn-nhân tán Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát ngôn 。

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân khen Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn: Lành thay! Lành thay!

菩薩摩訶薩應如是學一切捨法。菩薩有是一切捨者。

Bồ-tát Ma-Ha tát ứng như thị học nhất thiết xả Pháp 。

。

Bồ-tát Ma-ha-tát nên học pháp xả bỏ tất cả như thế. Bồ-tát có sự xả bỏ tất cả này

則能疾得阿耨多羅三藐三菩提。

tắc năng tật đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。

tức có thể sớm được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

諸菩薩為聞般若波羅蜜及方便故。應如汝今供養於師。

chư Bồ-tát vì văn Bát-nhã Ba-la-mật cập phương tiện cố 。 ứng như nhữ kim cung dưỡng ư sư 。

Các Bồ-tát, vì để nghe Bát-nhã Ba-la-mật và phương tiện, nên như ông nay đang cúng dường Đại sư.

過去諸佛本行菩薩道時。亦皆如汝住是捨中。

quá khứ chư Phật bản hành Bồ-tát đạo thời 。 diệc giai như nhữ trụ thị xá trung 。

Chư Phật quá khứ khi còn hành đạo Bồ-tát cũng đều trụ trong sự xả bỏ này như ông,

為般若波羅蜜供養於師。為聞般若波羅蜜及方便故。

vì bát nhã Ba-la-mật cung dưỡng ư sư 。

vì văn Bát-nhã Ba-la-mật cập phương tiện cố 。

得阿耨多羅三藐三菩提。

đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。

mà được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

爾時曇無竭菩薩欲令薩陀波崙菩薩善根具足故。

nhĩ thời Đàm-vô-kiệt Bồ-tát dục lệnh Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát thiện căn cụ túc cố 。

Bấy giờ, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt vì muốn khiến Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn có đủ thiện căn,

受五百女人及五百乘車。受已還與薩陀波崙。

thọ ngũ bách nữ nhân cập ngũ bách thừa xa 。

thọ dĩ hoàn dĩ Tát-đà-ba-lôn 。

nên nhận năm trăm người hầu gái và năm trăm cỗ xe. Nhận xong, đưa lại cho Tát-đà-ba-lôn,

從坐而起還入宮中。是時日沒。

tòng tọa nhi khởi hoàn nhập cung trung 。

thị thời nhật một 。

từ chỗ ngồi đứng dậy, vào lại trong cung. Lúc đó mặt trời đã lặn.

薩陀波崙菩薩作是念。我為法來不應坐臥。當以二事。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát tác thị niệm 。 ngã vi Pháp lai bất ứng tọa ngoại 。 đương dĩ nhĩ sự 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn nghĩ thế này: Ta vì Pháp mà đến, không nên nằm ngồi, nên lấy hai việc:

若行若立以待法師出宮說法。

nhược hành nhược lập dĩ đãi Pháp sư xuất cung thuyết Pháp 。

hoặc đi, hoặc đứng mà đợi Pháp sư ra khỏi cung nói pháp.

爾時曇無竭菩薩七歲常入菩薩無量三昧無量般若波羅蜜

nhĩ thời Đàm-vô-kiệt Bồ-tát thất tuế thường nhập Bồ-tát vô lượng tam muội vô lượng

Bát-nhã Ba-la-mật

Bảy giờ, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, trong bảy năm, thường nhập vô lượng tam-muội, vô lượng

Bát-nhã Ba-la-mật

及方便觀薩陀波崙菩薩。

cập phương tiện quán Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát 。

và phương tiện quán của Bồ tát. Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn,

滿七歲中若行若立離於睡眠。不念於欲不念美味。

mãn thất tuế trung nhược hành nhược lập ly ư thụy miên 。 bất niệm ư dục bất niệm mỹ vị 。

trong bảy năm ròn, hoặc đi hoặc đứng, xa rời ngủ nghỉ, không nghĩ đến dục, không nghĩ vị ngon,

但念曇無竭菩薩何時當從禪起。我當為敷法座。

đãn niệm Đàm-vô-kiệt Bồ-tát hà thời đương tòng Thiền khởi 。

ngã đương vi phu Pháp tọa 。

chỉ nghĩ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt lúc nào sẽ ra khỏi Định, mình sẽ trải tòa Pháp

曇無竭菩薩當坐說法。

Đàm-vô-kiệt Bồ-tát đương tọa thuyết Pháp 。
cho Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi nói pháp;

我當掃灑令地清淨布種種華。

ngã đương tảo sái lệnh địa thanh tịnh bố chủng chủng hoa 。
mình sẽ quét dọn để đất thanh tịnh, bày các loại hoa.

曇無竭菩薩當說般若波羅蜜及方便時。

Đàm-vô-kiệt Bồ-tát đương thuyết Bát-nhã Ba-la-mật cập phương tiện thời 。
Khi Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói Bát-nhã Ba-la-mật và phương tiện,

長者女及五百女人亦皆七歲隨薩陀波崙菩薩所行之事。

Trường-Giả nữ cập ngũ bách nữ nhân diệc giai thất tuế tùy Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát sở
hạnh chi sự 。

con gái vị trưởng giả và năm trăm người hầu gái, trong bảy năm, cũng đều đi theo việc
làm của Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn.

爾時薩陀波崙菩薩聞空中聲言。善男子。

nhĩ thời Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát văn không trung thanh ngôn 。 thiện nam tử 。

Bấy giờ, Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: Thiện nam tử,

曇無竭菩薩却後七日從三昧起。當於城中法座上說法。

Đàm-vô-kiệt Bồ-tát khước hậu thất nhật tòng tam muội khởi 。 đương ư thành trung
Pháp tọa thượng thuyết Pháp 。

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, bảy ngày sau, lại ra khỏi tam-muội, sẽ ở trên pháp tòa trong thành nói
Pháp.

薩陀波崙菩薩聞空中聲心大歡喜。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát văn không trung thanh tâm Đại hoan hỉ 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn nghe tiếng giữa hư không, lòng rất hoan hỷ,

與五百女人欲為曇無竭菩薩敷大法座。是時諸女各脫上衣。

dữ ngũ bách nữ nhân dục vi Đàm-vô-kiệt Bồ-tát phu Đại Pháp tọa 。 thị thời chư nữ các thoát thượng y 。

cùng năm trăm người hầu gái, muốn vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà trải pháp tòa lớn. Lúc đó, các người nữ đều bỏ áo ngoài ra

以為法座作是念。

dĩ vi Pháp tọa tác thị niệm 。

để làm pháp tòa, nghĩ thế này:

曇無竭菩薩當坐此座說般若波羅蜜及方便。

Đàm-vô-kiệt Bồ-tát đương tọa thử tọa thuyết Bát-nhã Ba-la-mật cập phương tiện 。

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ ngồi tòa pháp này mà nói Bát-nhã Ba-la-mật và phương tiện.

薩陀波崙菩薩欲灑法座處地。求水不得。惡魔隱蔽令水不現。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát dục sai Pháp tọa xử địa 。

cầu thủy bất đắc 。

ác Ma ẩn tế lệnh thủy không hiện 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn muốn rửa sạch chỗ đất tòa Pháp nhưng tìm nước không có. Ác ma che dấu khiến nước không hiện bày,

作是念。薩陀波崙求水不得。

tác thị niệm 。

Tát-đà-ba-lôn cầu thủy bất đắc 。

nghĩ thế này: Tát-đà-ba-lôn tìm nước không có,

或當憂悔心動變異。善根不增智慧不照。薩陀波崙求水不得。

hoặc đương ưu hối tâm động biến dị 。

thiện căn bất tăng trí tuệ bất chiếu 。

Tát-đà-ba-lôn cầu thủy bất đắc 。

hoặc sẽ buồn rầu, hối tiếc khiến tâm biến động, thiện căn không tăng, trí tuệ không chiếu.

Tát-đà-ba-lôn tìm nước không có

即作是念。我當刺身出血以用灑地。何以故。

tức tác thị niệm 。 ngã đương thứ thân xuất huyết dĩ dụng sái địa 。 hà dĩ cố 。
liền nghĩ rằng: Ta nên xẻ thân lấy máu mà rửa đất. Vì sao?

此中塵土全於大師。我今何用此身。

thử trung trần độ bộn ư Đại sư 。 ngã kim hà dụng thử thân 。
Ở đây bụi đất sẽ dính vào Đại sư. Ta nay dùng thân này mà làm gì?

此身不久必當壞敗。

thử thân bất cửu tất đương hoại bại 。
Thân này không lâu cũng sẽ hư hoại.

我寧為法以滅於身終不空死。又我常以五欲因緣。

ngã ninh vi Pháp dĩ diệt ư thân chung bất không tử 。 hựu ngã thường dĩ ngũ dục
nhân duyên 。

Ta thà vì Pháp, hy sinh thân này, cuối cùng không chết một cách vô nghĩa. Lại nữa, ta
thường vì nhân duyên năm dục

喪無數身往來生死未曾得為如是法也。

tang vô số thân vãng lai sinh tử vị tăng đắc vi như thị Pháp dã 。

mà mất thân vô số, qua lại sinh tử, chưa từng được vì Pháp như thế.

薩陀波崙即以利刀周遍刺身以血灑地。

Tát-đà-ba-lôn tức dĩ lợi đao châu biến thứ thân dĩ huyết sái địa 。

Tát-đà-ba-lôn liền dùng dao bén đâm cùng thân, lấy máu rửa đất.

五百女人亦効薩陀波崙菩薩。各各刺身以血灑地。

ngũ bách nữ nhân diệc hiệu Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát 。

。

Năm trăm người hầu gái, cũng làm theo Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn, đều xẻ thân lấy máu rửa đất.

薩陀波崙菩薩及五百女人。乃至一念無有異心。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát cập ngũ bách nữ nhân 。 nãi chí nhất niệm vô hữu dị tâm 。
Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn và năm trăm người hầu gái, dù cho một niệm, tâm không đổi khác.

魔不能壞障其善根。爾時釋提桓因作是念。

Ma bất năng hoại chướng kỳ thiện căn 。 nhĩ thời thích đề hoàn nhân tác thị niệm 。
Ma không thể phá hoại, ngăn cản thiện căn của họ. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân nghĩ rằng:

未曾有也。薩陀波崙菩薩愛法堅固。

vị tăng hữu dã 。 Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát ái Pháp kiên cố 。
Thật chưa từng có. Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn mến Pháp kiên quyết,

發大莊嚴不惜身命。深心趣於阿耨多羅三藐三菩提。

phát Đại trang nghiêm bất tích thân mạng 。 thâm tâm thú ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。

phát Đại trang nghiêm, không tiếc thân mạng, thâm tâm hướng đến Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

當得阿耨多羅三藐三菩提。

đương đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。

sẽ được Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

度脫無量眾生生死苦惱。

độ thoát vô lượng chúng sinh sinh tử khổ não 。

độ thoát vô lượng chúng sinh khỏi khổ não sinh tử.

即時釋提桓因變灑地血為天赤栴檀水。法座四邊面百由旬。

tức thời thích đề hoàn nhân biến sai địa huyết vi Thiên xích chiên-đàn thủy 。 Pháp
tọa tứ biên diện bách do-tuần 。

Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân biến máu rưới lên đất thành nước chiên-đàn đỏ cõi trời.
Trong khoảng một trăm do-tuần ở bốn phía tòa Pháp,

天栴檀氣流布遍滿。釋提桓因讚言。善哉善哉。善男子。

Thiên chiên-đàn khí lưu bố biến mãn 。 thích đề hoàn nhân tán ngôn 。 Thiện tai Thiện
tai 。 thiện nam tử 。

mùi chiên-đàn cõi trời lan tỏa cùng khắp. Thích-đề-hoàn-nhân khen rằng: Lành thay! Lành
thay! Thiện nam tử.

汝精進力不可思議。愛法求法最為無上。善男子。

nhữ tinh tấn lực không thể nghĩ bàn 。 ái Pháp cầu Pháp tối vi vô thượng 。 thiện nam
tử 。

Lực tinh tấn của ông không thể nghĩ bàn; sự mến Pháp, cầu Pháp là vô thượng bậc nhất.
Thiện nam tử,

過去諸佛亦皆如是。深心精進愛法求法。

quá khứ chư Phật diệc giai như thị 。 thâm tâm tinh tấn ái Pháp cầu Pháp 。

chư Phật quá khứ cũng đều như thế; một lòng tinh tấn, mến Pháp, cầu Pháp;

以此修集阿耨多羅三藐三菩提。

dĩ thử tu tập a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề 。

như thế mà tu tập Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

爾時薩陀波崙作是念。我為曇無竭菩薩。

nhĩ thời Tát-đà-ba-lôn tác thị niệm 。 ngã vi Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。

Bấy giờ, Tát-đà-ba-lôn nghĩ rằng: Ta vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt,

已敷法座掃灑清淨。當於何所得好名華莊嚴此地。

dĩ phu Pháp tọa tảo sái thanh tịnh 。 đương ư hà sở đắc hảo danh hoa trang nghiêm
thử địa 。

đã bày tòa Pháp xong, đã quét rửa sạch sẽ; sẽ lấy hoa đẹp ở đâu để trang nghiêm chỗ
đất này,

曇無竭菩薩在座說法當以供養。

Đàm-vô-kiệt Bồ-tát tại tọa thuyết Pháp đương dĩ cung dưỡng 。

để cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt trên tòa nói pháp?

釋提桓因知薩陀波崙心所念。即以三千石天曼陀羅華。

thích đề hoàn nhân tri Tát-đà-ba-lôn tâm sở niệm 。

tức dĩ tam thiên thạch Thiên
Mạn-đà-la hoa 。

Thích-đề-hoàn-nhân biết ý nghĩ của Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn, liền đem ba ngàn thạch hoa
Mạn-đà-la cõi trời

與薩陀波崙菩薩作是言。善男子。

dữ Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát tác thị ngôn 。

thiện nam tử 。

đưa cho Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn, nói rằng: Thiện nam tử,

取是曼陀羅華莊嚴此地。供養曇無竭菩薩。

thủ thị Mạn-đà-la hoa trang nghiêm thử địa 。

cung dưỡng Đàm-vô-kiệt Bồ-tát 。

lấy hoa Mạn-đà-la này để trang nghiêm chỗ đất này, cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

薩陀波崙菩薩受此華已。以半散地以半供養曇無竭菩薩。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát thọ thử hoa dĩ 。

dĩ bán tán địa dĩ bán cung dưỡng Đàm-vô-kiệt
Bồ-tát 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn nhận hoa này xong, đem một nửa rải lên đất, một nửa cúng dường
Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

爾時曇無竭菩薩過七日已從三昧起。

nhĩ thời Đàm-vô-kiệt Bồ-tát quá thất nhật dĩ tòng tam muội khởi 。

Bấy giờ, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt qua hết bảy ngày, ra khỏi tam-muội,

與無量百千萬眾恭敬圍繞趣法座所。

dữ vô lượng bách thiên vạn chúng cung kính vây quanh thú Pháp tọa sở 。

cùng với vô lượng trăm ngàn vạn chúng cung kính đi quanh, hướng đến chỗ tòa Pháp,

坐法座上說般若波羅蜜。

tọa Pháp tọa thượng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

ngồi trên tòa Pháp nói Bát-nhã Ba-la-mật.

薩陀波崙見曇無竭菩薩心大喜樂。譬如比丘入第三禪。

Tát-đà-ba-lôn kiến Đàm-vô-kiệt Bồ-tát tâm Đại hỷ lạc 。

thí như bì khâu nhập đệ tam Thiền 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn nhìn thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, lòng rất vui mừng, ví như Tỷ-khưu nhập Thiền thứ ba.

爾時薩陀波崙及五百女人散華供養。頭面禮足却坐一面。

nhĩ thời Tát-đà-ba-lôn cập ngũ bách nữ nhân tán hoa cung dưỡng 。

đầu diện lễ túc khước tọa nhất diện 。

Lúc đó, Tát-đà-ba-lôn và năm trăm người hầu gái rải hoa cúng dường, đầu mặt lễ chân, rồi ngồi một bên.

曇無竭菩薩因薩陀波崙。為大眾說言。

Đàm-vô-kiệt Bồ-tát nhân Tát-đà-ba-lôn 。

vi Đại chúng thuyết ngôn 。

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt vì Tát-đà-ba-lôn mà nói với đại chúng:

諸法等故般若波羅蜜亦等。

chư Pháp đẳng cố Bát-nhã Ba-la-mật diệc đẳng 。

Vì các pháp bình đẳng, Bát-nhã Ba-la-mật cũng bình đẳng.

諸法離故般若波羅蜜亦離。諸法不動故般若波羅蜜亦不動。

chư Pháp ly cố Bát-nhã Ba-la-mật diệc ly 。 chư Pháp bất động cố Bát-nhã Ba-la-mật diệc bất động 。

Vì rời các pháp, Bát-nhã Ba-la-mật cũng rời. Vì các pháp không động, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không động.

諸法無念故般若波羅蜜亦無念。

chư Pháp vô niệm cố Bát-nhã Ba-la-mật diệc vô niệm 。

Vì các pháp không niệm, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không niệm.

諸法無畏故般若波羅蜜亦無畏。

chư Pháp vô úy cố Bát-nhã Ba-la-mật diệc vô úy 。

Vì các pháp không sợ hãi, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không sợ hãi.

諸法一味故般若波羅蜜亦一味。諸法無邊故般若波羅蜜亦無邊。

chư Pháp nhất vị cố Bát-nhã Ba-la-mật diệc nhất vị 。

chư Pháp vô biên cố Bát-nhã Ba-la-mật diệc vô biên 。

Vì các pháp là một vị, Bát-nhã Ba-la-mật cũng một vị. Vì các pháp là không giới hạn, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không giới hạn.

諸法無生故般若波羅蜜亦無生。

chư Pháp vô sinh cố Bát-nhã Ba-la-mật diệc vô sinh 。

Vì các pháp không sinh, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không sinh.

諸法無滅故般若波羅蜜亦無滅。

chư Pháp vô diệt cố Bát-nhã Ba-la-mật diệc vô diệt 。

Vì các pháp không diệt, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không diệt.

如虛空無邊般若波羅蜜亦無邊。

như hư không vô biên Bát-nhã Ba-la-mật diệc vô biên 。

Như hư không không giới hạn, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không giới hạn.

如大海無邊般若波羅蜜亦無邊。如須彌山莊嚴般若波羅蜜亦莊嚴。

như Đại hải vô biên Bát-nhã Ba-la-mật diệc vô biên 。 như Tu-Di sơn trang nghiêm Bát-nhã Ba-la-mật diệc trang nghiêm 。

Như biển lớn không giới hạn, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không giới hạn. Như núi Tu-di trang nghiêm, Bát-nhã Ba-la-mật cũng trang nghiêm.

如虛空無分別般若波羅蜜亦無分別。

như hư không vô phân biệt Bát-nhã Ba-la-mật diệc vô phân biệt 。

Như hư không không phân biệt, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không phân biệt.

色無邊故般若波羅蜜亦無邊。

sắc vô biên cố Bát-nhã Ba-la-mật diệc vô biên 。

Vì sắc không giới hạn, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không giới hạn.

受想行識無邊故般若波羅蜜無邊。地種無邊故般若波羅蜜無邊。

thọ tưởng hành thức vô biên cố Bát-nhã Ba-la-mật vô biên 。

Vì thọ, tưởng, hành, thức không giới hạn, Bát-nhã Ba-la-mật không giới hạn. Vì Địa chủng không giới hạn, Bát-nhã Ba-la-mật không giới hạn.

水種火種風種空種無邊故般若波羅蜜無

thủy chủng hỏa chủng phong chủng không chủng vô biên cố Bát-nhã Ba-la-mật vô

Vì Thủy chủng, Hỏa chủng, Phong chủng, Không chủng không giới hạn, Bát-nhã Ba-la-mật không

邊。如金剛等故般若波羅蜜亦等。

biên 。

như Kim cương đẳng cố Bát-nhã Ba-la-mật diệc đẳng 。

諸法無壞故般若波羅蜜無壞。

chư Pháp vô hoại cố Bát-nhã Ba-la-mật vô hoại 。

Vì các pháp không hoại, Bát-nhã Ba-la-mật không hoại.

諸法性不可得故般若波羅蜜性不可得。

chư Pháp tính bất khả đắc cố Bát-nhã Ba-la-mật tính bất khả đắc 。

Vì tính các pháp không thể đắc, tính của Bát-nhã Ba-la-mật không thể đắc.

諸法無等故般若波羅蜜無等。諸法無所作故般若波羅蜜無所作。

chư Pháp vô đẳng cố Bát-nhã Ba-la-mật vô đẳng 。

chư Pháp vô sở tác cố Bát-nhã Ba-la-mật vô sở tác 。

Vì các pháp không bình đẳng, Bát-nhã Ba-la-mật không bình đẳng. Vì các pháp không có tạo tác, Bát-nhã Ba-la-mật không có tạo tác.

諸法不可思議故般若波羅蜜不可思議。

chư Pháp không thể nghĩ bàn cố Bát-nhã Ba-la-mật không thể nghĩ bàn 。

Vì các pháp không thể nghĩ bàn, Bát-nhã Ba-la-mật không thể nghĩ bàn.

是時薩陀波崙菩薩即於坐所。得諸法等三昧。

thị thời Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát tức ư tọa sở 。

đắc chư Pháp đẳng tam muội 。

Lúc đó, Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn đang ở chỗ ngồi, được Tam-muội Chư pháp đẳng,

諸法離三昧。諸法不動三昧。諸法無念三昧。

chư Pháp ly tam muội 。

chư Pháp bất động tam muội 。

chư Pháp vô niệm tam muội 。

Tam-muội Chư pháp ly, Tam-muội Chư pháp bất động, Tam-muội Chư pháp vô niệm,

諸法無畏三昧。諸法一味三昧。諸法無邊三昧。

chư Pháp vô úy tam muội 。

chư Pháp nhất vị tam muội 。

chư Pháp vô biên tam muội 。

Tam-muội Chư pháp vô úy, Tam-muội Chư pháp nhất vị, Tam-muội Chư pháp vô biên,

諸法無生三昧。諸法無滅三昧。

chư Pháp vô sinh tam muội 。 chư Pháp vô diệt tam muội 。
Tam-muội Chư pháp vô sinh, Tam-muội Chư pháp vô diệt,

虛空無邊三昧。大海無邊三昧。須彌山莊嚴三昧。

hư không vô biên tam muội 。 Đại hải vô biên tam muội 。 Tu-Di sơn trang nghiêm tam
muội 。

Tam-muội Hư không vô biên, Tam-muội Đại hải vô biên, Tam-muội Tu-di sơn trang
nghiêm,

如虛空無分別三昧。色無邊三昧。

như hư không vô phân biệt tam muội 。 sắc vô biên tam muội 。

Tam-muội Như hư không vô phân biệt, Tam-muội Sắc vô biên,

受想行識無邊三昧。地種無邊三昧。

thọ tưởng hành thức vô biên tam muội 。 địa chủng vô biên tam muội 。

Tam-muội Thọ, tưởng, hành, thức vô biên, Tam-muội Địa chủng vô biên,

水種火種風種空種無邊三昧。如金剛等三昧。諸法不壞三昧。

thủy chủng hỏa chủng phong chủng không chủng vô biên tam muội 。 như Kim cương
đẳng tam muội 。 chư Pháp bất hoại tam muội 。

Tam-muội Thủy chủng, Hỏa chủng, Phong chủng, Không chủng vô biên, Tam-muội Như
kim cương đẳng, Tam-muội Chư pháp bất hoại,

諸法性不可得三昧。諸法無等三昧。

chư Pháp tính bất khả đắc tam muội 。 chư Pháp vô đẳng tam muội 。

Tam-muội Chư pháp tính bất khả đắc, Tam-muội Chư pháp vô đẳng,

諸法無所作三昧。諸法不可思議三昧。

chư Pháp vô sở tác tam muội 。 chư Pháp không thể nghĩ bàn tam muội 。

Tam-muội Chư pháp vô sở tác, Tam-muội Chư pháp không thể nghĩ bàn;

得如是等六百萬三昧。

đắc như thị đẳng lục bách vạn tam muội 。

được sáu trăm vạn Tam-muội như thế.

摩訶般若波羅蜜

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật

囑累品第二十九

chúc lụy phẩm đệ nhị thập cửu

Phẩm 29: Chúc Lụy

爾時佛告須菩提。

nhĩ thời Phật cáo Tu-bồ-đề 。

Bấy giờ, Phật bảo Tu-bồ-đề:

薩陀波崙菩薩得六百萬三昧門已。

Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát đắc lục bách vạn tam muội môn dĩ 。

Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn được sáu trăm vạn cửa Tam-muội rồi,

即見十方如恒河沙等世界諸佛。與大比丘眾恭敬圍繞。

tức kiến thập phương như hằng hà sa đẳng thế giới chư Phật 。

dữ Đại bỉ khâu chúng
cung kính vây quanh 。

liền thấy chư Phật ở mười phương vô số thế giới, cùng chúng đại Tỷ-khưu cung kính đi
quanh,

皆以是文字章句相貌說般若波羅蜜。

giai dĩ thị văn tự chương cú tướng mạo thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

đều dùng văn tự, chương cú, tướng mạo này để nói Bát-nhã Ba-la-mật.

如我今於此三千大千世界。與諸大眾恭敬圍繞。

như ngã kim ư thử tam Thiên Đại Thiên thế giới 。 dữ chư Đại chúng cung kính vây quanh 。

Giống như Ta hôm nay ở trong Tam thiên đại thiên thế giới này, cùng các Đại chúng đi quanh,

以是文字章句相貌說般若波羅蜜。薩陀波崙從是已後。

dĩ thị văn tự chương cú tướng mạo thuyết Bát-nhã Ba-la-mật 。

Tát-đà-ba-lôn tòng thị dĩ hậu 。

dùng văn tự, chương cú, tướng mạo này để nói Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát Tát-đà-ba-lôn, từ đây về sau,

多聞智慧不可思議。如大海水。

đa văn trí tuệ không thể nghĩ bàn 。

như Đại hải thủy 。

nghe nhiều, trí tuệ không thể nghĩ bàn, như nước trong biển lớn,

世世所生不離諸佛。現在諸佛常生其所。一切眾難皆悉得斷。

thế thế sở sinh bất ly chư Phật 。

hiện tại chư Phật thường sinh kỳ sở 。

nhất thiết chúng nan giai tất đắc đoạn 。

đời đời sinh ra không rời chư Phật, chư Phật hiện tại thường sinh ở chỗ mình, tất cả chướng nạn đều đoạn trừ được.

須菩提。當知是般若波羅蜜因緣。

Tu-bồ-đề 。

đương tri thị Bát-nhã Ba-la-mật nhân duyên 。

Tu-bồ-đề, nên biết nhân duyên Bát-nhã Ba-la-mật này

能具足菩薩道。是故諸菩薩若欲得一切智慧。

năng cụ túc Bồ-tát đạo 。

thị cố chư Bồ-tát nhược dụng đắc nhất thiết trí tuệ 。

có thể làm tròn đủ Bồ-tát. Vì thế, các Bồ-tát nếu muốn được Nhất thiết trí tuệ,

應當信受般若波羅蜜讀誦正憶念。

ứng đương tín thọ Bát-nhã Ba-la-mật độc tụng chính ức niệm 。

nên tin nhận Bát-nhã Ba-la-mật, đọc, tụng, ghi nhớ rõ ràng,

如說修行廣為人說。

như thuyết tu hành quảng vi nhân thuyết 。

như thuyết mà tu hành, vì người mà rộng nói;

亦當了了書寫經卷供養恭敬尊重讚歎華香瓔珞末香塗香幡蓋伎樂等。

diệc đương liễu liễu thư tả Kinh quyển cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán hoa

hương chuỗi ngọc mặt hương đồ hương phiên cái kĩ nhạc đẳng 。

cũng nên hiểu rõ, biên chép kinh, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, hương, hoa, chuỗi ngọc, hương bột, hương xoa, phướn, lọng, kĩ nhạc, các thứ;

則是我教。

tắc thị ngã giáo 。

tức là lời dạy của Ta.

爾時佛告阿難。於意云何。佛是汝大師不。

nhĩ thời Phật cáo A-nan 。

Bấy giờ, Phật bảo A-nan: Ý ông thế nào? Phật có phải Đại sư của ông không?

世尊。佛是我大師。如來是我大師。佛告阿難。

Thế tôn 。

Thế tôn, Phật là Đại sư của con. Như lai là Đại sư của con. Phật bảo A-nan:

我是汝大師。汝是我弟子。汝以身口意業。

ngã thị nhữ Đại sư 。

Ta là Đại sư của ông; ông là đệ tử của Ta. Ông đem nghiệp thân, miệng, ý,

於今現在供養恭敬尊重於我。

ư kim hiện tại cung dưỡng cung kính tôn trọng ư ngã 。

ở trong hiện tại, cúng dường, cung kính, tôn trọng Ta.

我滅度後汝當以是供養恭敬尊重般若波羅蜜第二第三亦如

ngã diệt độ hậu nhữ đương dĩ thị cung dưỡng cung kính tôn trọng Bát-nhã Ba-la-mật
đệ nhị đệ tam diệc như

Sau khi Ta diệt độ, ông nên dùng sự cúng dường, cung kính, tôn trọng Bát-nhã Ba-la-mật
này, ở lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói

是說。我以般若波羅蜜囑累於汝。慎莫忘失。

thị thuyết 。 ngã dĩ át nhã Ba-la-mật chúc lũy ư nhữ 。 慎 mạc vong thất 。

như thế. Ta đem Bát-nhã Ba-la-mật giao phó cho ông, cần trọng đừng để quên, mất;

莫作最後斷種人也。阿難。

mạc tác tối hậu đoạn chủng nhân dã 。 A-nan 。

đừng làm người tiệt giống cuối cùng. A-nan,

隨爾所時般若波羅蜜在世。當知爾所時有佛在世說法。阿難。

tùy nhĩ sở thời Bát-nhã Ba-la-mật tại thế 。

khi nào còn Bát-nhã Ba-la-mật trên đời, nên biết khi đó có Phật tại thế nói Pháp. A-nan,

若有書寫般若波羅蜜受持讀誦正憶念。

nhược hữu thư tả Bát-nhã Ba-la-mật thọ trì độc tụng chính ức niệm 。

nếu có người biên chép Bát-nhã Ba-la-mật, nhận giữ, đọc tụng, nhớ nghĩ rõ ràng,

如所說行廣為人說。

như sở thuyết hành quảng vi nhân thuyết 。

hành đúng như được nói, vì người mà rộng nói,

供養恭敬尊重讚歎華香乃至伎樂。

cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán hoa hương nãi chí kỹ nhạc 。

cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, hương, hoa cho tới kỹ nhạc;

當知是人 不離見佛 不離聞法 常親近佛。佛說般若波羅蜜已。

đương tri thị nhân bất ly kiến Phật bất ly văn Pháp thường thân cận Phật 。 Phật thuyết Bát-nhã Ba-la-mật dĩ 。

nên biết người này luôn thấy Phật, luôn nghe Pháp, thường gần gũi Phật. Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật xong,

彌勒等諸菩薩摩訶薩。

Di Lạc đẳng chư Bồ-tát Ma-Ha tát 。

các Bồ-tát Ma-ha-tát Di-lặc, vân vân,

舍利弗須菩提目犍連摩訶迦葉等諸聲聞眾。一切。世間天人阿修羅等。

Xá-lợi-phất Tu-bồ-đề mục kiên liên Ma ha Ca-diếp đẳng chư thanh văn chúng 。

nhất thiết 。

thế gian Thiên Nhơn A-tu-la đẳng 。

các chúng Thanh văn Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề, Mục-kiên-liên, Ma-ha Ca-diếp, tất cả trời, người, A-tu-la, vân vân,

聞佛所說。歡喜信受。

văn Phật sở thuyết 。

hoan hỉ tín thọ 。

nghe Phật nói xong, vui vẻ, tin nhận.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiển Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiển Huyền

Phiên Âm và Lược Dịch Sun Apr 30 19:18:40 2006

Bản dịch tiếng Việt của Chùa Châu Lâm (2007)

=====